

NGỘ KHÔNG  
PHÍ NGỌC HÙNG  
SƯU TẬP

# CHỮ NGHĨA LÀNG VẤN

TẬP BỐN

Tủ Sách T. Văn & Bạn Hữu  
2023

## CHỮ NGHĨA LÀNG VĂN

### TẬP BÓN



Ngô Không  
Phi Ngọc Hùng

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được góp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tụy thư bất như vô thư.

Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chi cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì theo thiên quán, cái sai hiện tại có thể là... cái đúng ở một thời điểm nào khác.

**Ngộ Không Phí Ngọc Hùng**

(Sưu Tập)

**Chữ Nghĩa  
Làng Văn**

**Tập Bốn**

Ấn Bản Điện Tử  
do  
Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu  
Thực hiện 2023

Trình Bày: T.Vấn



©Tủ sách T.Vấn & Bạn Hữu 2023

©Ngô Không Phí Ngọc Hùng 2023



## **Mục lục**

**Dẫn Nhập   002**

**Chương I   004**

Tiếng Việt cổ - Chữ là nghĩa – Thiên thoại  
Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

**Chương II   259**

Thơ - Câu đối - Ca dao - Câu đố  
Thành ngữ  
Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

**Chương III   508**

Địa dư chí – Những mảnh vụn chữ nghĩa  
Tác giả văn học sử - Văn hoá âm thực  
Giai thoại làng văn xóm chữ

### Dẫn nhập

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được gộp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tín thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì theo thiên quán, cái sai hiện tại có thể là...cái đúng ở một thời điểm nào khác.

Những mọt sách ăn giấy khởi đi từ năm 2000 và ngừng lại vào năm 2025. Cùng ngày trời tháng bụi, khi trưa phơi sách khi chiều rưới cây, người gộp nhặt chia những tiết mục thành 5 tập, mỗi tập kéo dài 5 năm và dày gần 500 trang. Với khoảng 2500 trang “Chữ nghĩa làng văn” mà câu đong chữ thừa năng nhặt chặt bị từ chục trang của những tác giả khác. Mặc dù đã cắt bớt những dư thừa gộp nhặt cả mấy trăm trang, nhưng vì chẻ câu chặt chữ, trên một khúc dưới một đoạn đưa vào “Chữ nghĩa làng văn” nên không tránh khỏi một số tiết mục thừa thãi và vô tình bị lặp lại.

**Tác Giả**  
**(Người Góp Nhặt)**

# **Chữ nghĩa làng văn**

## **Tập IV**



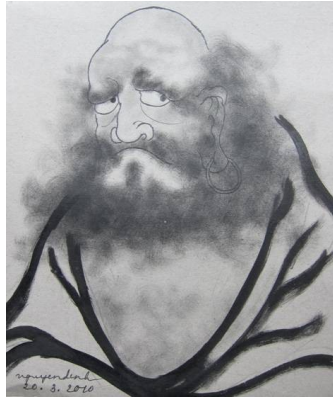
*(tranh Nguyễn Đức Hiến)*

**Ngộ Không Phí Ngọc Hùng**  
**Thạch trúc gia trang**  
**(2015 - 2020)**

## Chương I

Tiếng Việt cô  
Chữ là nghĩa  
Thiên thoại  
Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

## Bồ đề đạt ma thiên sư



*(Nguồn: Trần Vàng Sao)*

Trên 2500 năm về trước, Đức Thích ca đã sáng lập ra Phật giáo, là vị giáo chủ đầu tiên. Sau khi nhập diệt, đệ tử của ngài là Ca Diếp lên nối ngôi vị. Sau đó dòng truyền thừa của Phật giáo lần lượt qua tay các tổ A-Nan, Thương Na Hòa Tu, Ưu-Ba-Cấp-Đa, Đề Đa-Ca, Di-Gia-Ca... khi truyền tới tổ Bát Nhã Đa La là đời thứ 27 và Bồ Đề Đạt Ma là vị tổ thứ 28.

Đạt Ma thiên sư (? - 536), nguyên quán Thiên Trúc, Ấn Độ, là con thứ ba của Hương Chí Quốc Vương (Bà La Môn), thuộc dòng họ Xát Đế Lợi. Tuy con nhà quyền quý, cao sang, nhưng người không hề ham muốn lối sống phù phiếm xa hoa, nên bỏ nhà đi tu, theo một vị cao tăng bên Phật giáo là Bát Nhã Đa La tôn giả.

Trên 2500 năm về trước, Đức Thích ca đã sáng lập ra Phật Giáo, và Người là vị giáo chủ đầu tiên. Sau khi nhập diệt, đệ tử của ngài là Ca Diếp lên nối ngôi vị. Sau đó dòng truyền thừa của Phật giáo lần lượt qua tay các tổ A-Nan, Thương Na Hòa Tu, Ưu-Ba-Cấp-Đa, Đề Đa-Ca, Di-Gia-Ca... khi truyền tới tổ Bát Nhã Đa La là đời thứ 27 và Bồ Đề Đạt Ma là vị tổ thứ 28.

Phật giáo Ấn Độ ở thời kỳ Bát Nhã Đa La tôn giả làm chủ trì, không mấy phát triển, nên Bát Nhã Đa La tôn giả đã phái Đạt Ma qua Đông thổ để truyền pháp. Vì Phật Giáo bên đó đi sai phương hướng, hơn nữa Ngài cũng nhận định rằng căn tánh người Trung Hoa lúc ấy đã tới độ chín mùi. Sau này Đạt Ma chuyển qua đất Trung Hoa để hoằng dương đạo Phật, cho nên Đạt Ma đã trở thành vị thủy tổ của Phật Giáo Trung Hoa nói riêng và cho cả vùng Đông Nam Á nói chung. Người ta còn tôn Đạt Ma là "Thiên tông đệ nhất tổ". Vào thời kỳ Nam Bắc triều phân tranh, ý thức và tư tưởng của Lão Trang tử phát triển rộng khắp. Vào hồi Nam triều đời vua Lương Võ đế niên hiệu Phổ đạo, Đạt Ma đã ngồi thuyền tới Trung Hoa và cập bến Quảng Châu, nên thành Quảng Châu còn được gọi là "Tây lai sơ địa" để đánh dấu việc đặt chân lên bờ của Đạt Ma tổ sư khi ngài mới từ bên Tây Vực qua.

Dân Quảng Đông lúc hồi đó thấy Đạt Ma người đen như củ sừng, lại râu tóc bờm xờm nên đã gọi ngài là "Ma la sát" và ngày nay người Quảng vẫn dùng câu đó để chỉ người Ấn Độ.

### **Chữ Việt cổ**

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Nói chùng: nói vụng

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### **Ngộ chữ với Thiên Hạ hoa**

đêm nghe mưa nhỏ  
động mái lều thơ  
dung nhớ người xưa  
áo vàng thướ nọ

người tình nhỏ nhỏ  
nhỏ mãi trong ta  
như chùm hạ hoa

buồn ơi, đốt thuốc  
lần trang sách nhòa  
này những đóa hoa  
ép từ hạ cũ

tưởng em tóc rũ  
trong dòng mưa sa

(Phạm Thiên Thu)

## Chữ là nghĩa

### Tiếng Việt lý thú

Nếu chúng ta chịu khó quan sát, tìm hiểu, chúng ta sẽ phát hiện những chữ tuy rất quen thuộc chúng ta sử dụng hàng ngày lại ẩn giấu những quy luật bí ẩn lạ lùng nhưng không kém phần thú vị.

1) Nghĩa của hai chữ "vợ chồng":

- "Chồng" là chồng lên nhau, nằm lên nhau (*trích Ngôn Ngữ và Thân Xác của GS. Nguyễn Văn Trung*).

- "Vợ" nguyên gốc là chữ "bợ": từ dưới nâng lên, ("Chồng": từ trên úp xuống).

Danh từ "bợ chồng" diễn tả tư thế thân mật giữa hai người nam nữ khi ăn ở với nhau.

2) Những từ có vần UT thường diễn tả *"sự chuyển động từ không gian này đến không gian khác"*. Thí dụ: Đút, Rút, Hút, Mút, Sút, Trút, Tụt, Vút, Cút, v,v...

3) Những từ có vần UN lại ám chỉ việc *"dồn ứ lại thành cục trong một không gian nhất định"*. Thí dụ: Ùn, Chùn, Đùn, Thun, Chun, Cùn, Hùn, Vun, Lùn, Lùn v,v....

4) Các từ kết thúc bằng âm EN thường chỉ *"các động tác đi qua một chỗ hẹp, một cách khó khăn"*. Thí dụ: Chen, Chẹn, Chèn, Len, Men, Nghẽn, Nghẹn, Nén, v,v...

5) Hiện tượng biến âm: phụ âm B biến thành V như  
Bợ --> Vợ rất phổ biến trong tiếng Việt như:  
Bái --> Vái, Bản --> Vốn, Bích --> Vách, Biên -->  
Viền, Bó --> Vái, Bút --> Viết, Băm --> Vằm, Be --  
> Ve, Béo --> Véo, Bú --> Vú v.v

(Tiếng Việt dễ mà khó - Nguyễn Hưng Quốc)

## Bồ đề đạt ma thiên sư



Sau khi vượt sông Trường Giang trên con thuyền là cộng lau, Đạt Ma đã đi lên miền núi Tung Sơn, thuộc tỉnh Hà Nam, ở nơi ấy có ngôi chùa Thiếu Lâm. Sau đó đã vào "diện bích" trong động Thiếu Thất ở ngọn Ngũ Nhũ Phong liền trong 9 năm. Trong những năm tháng xoay mặt vào vách đá ngồi thiền định, loài chim đã bay đến làm ổ trên mình mà ngài không hề hay biết. Ngày nay bên Trung Hoa có pháp môn thiền rất nổi tiếng gọi là "Đạt Ma diện bích công" được đông đảo người ưa thích và hâm mộ. Đạt Ma đã từng thâu tóm pháp này trong mấy câu như sau:

Ngoại chỉ chư duyên,  
Nội tâm vô suyễn,  
Tâm như tường bích,  
Khả dĩ nhập đạo.

## Chữ là nghĩa

### Tiếng Việt lý thú

Nếu chúng ta chịu khó quan sát, tìm hiểu, chúng ta sẽ phát hiện những chữ tuy rất quen thuộc chúng ta sử dụng hàng ngày lại ẩn giấu những quy luật bí ẩn lạ lùng nhưng không kém phần thú vị.

3) Những từ có vần UN lại ám chỉ việc "*dồn ứ lại thành cục trong một không gian nhất định*". Thí dụ: Ủn, Chùn, Đùn, Thun, Chun, Cùn, Hùn, Vun, Lùn, Lùn v,v....

(Tiếng Việt dễ mà khó - Nguyễn Hưng Quốc)

### Bồ đề đạt ma thiên sư

Lại có một truyền thuyết nói rằng, sau khi đã thị tịch 3 năm, có người vẫn thấy Đạt Ma đang ung dung đi trên đường. Lúc ấy Người bước đi chân không, một bên tay cầm cây thiền trượng, còn bên tay kia đang cầm lơ lửng một chiếc giày. Hỏi rằng: -Người đi đâu đó? - thì trả lời rằng đi về Tây Thiên. Chuyện Đạt Ma còn sống làm mọi người kinh ngạc và không tin, họ đã cùng nhau khai quật mộ Đạt Ma và duy chỉ tìm thấy có một chiếc giày mà thôi! Đó là chuyện Đạt Ma mang chiếc giày trở về Tây Thiên.

Vậy thiên trượng và chiếc giày mà Đạt Ma cầm có ý nghĩa biểu trưng gì?. Theo tôi, thiên trượng là biểu trưng của sự giác ngộ còn chiếc giày là biểu trưng của cõi đời đen - đi. Tại sao đức Đạt Ma chỉ mang theo một chiếc giày? Là vì con người trong cuộc đời cát bụi, chết đi nhưng vẫn còn lại những dấu tích trên dương thế. Dấu tích đó lại tùy duyên mà hiện hữu hay tịch diệt. Có nhiều hình ảnh về chiếc giày Đạt Ma, nhưng điểm chung giữa những hình ảnh đó là chiếc giày luôn được treo trên cây thiên trượng. Điều đó phải chăng cũng nằm trong cái ý siêu thoát - giác ngộ.

### **Thơ thiền**

Một bài thơ thiền có tên *Tranh thủy mặc*

Một nhà sư  
Bị ném phân vào người  
Đã qua đời vì ngạt mũi

Một nhà sư khác  
Bị lấy mất dép  
Chỉ còn một chiếc  
Treo tòng teng đầu gậy

## Triết lý củ khoai

Tôi (Tràm Cà Mau) cứ yên chí là hạnh phúc không có thật trên đời này, và không tội gì uống công tìm kiếm. Dù sách vở, thơ văn, có nói nhiều đến hạnh phúc, tôi e rằng đó là chuyện mơ mộng hảo huyền, chuyện bánh vẽ của những người chuyên làm thơ văn. Nhưng khi lớn lên, được đọc kinh Phật, kinh Thánh, và nhiều sách triết lý Âu Á như Khổng, Lão, Chu... và luôn cả kinh Koran và kinh đạo Bahai nữa, thì tôi tìm cho tôi được một triết lý đơn sơ, mộc mạc, là cái món hủ lớn vắt ra từ tinh túy của các triết lý khác.

Tôi tạm gọi là “*Triết lý củ khoai*”. Vì nó đơn sơ như củ khoai, rẻ tiền, mộc mạc, và dễ tìm thấy như củ khoai trong đời này. Triết lý đó được đơm gợn lại trong một câu ngắn ngủi :

“Nếu chỉ có một củ khoai thôi, thì hãy nướng nó cho thật thơm mà đớp”. Ý nghĩa của câu đó cũ mềm, hình như ai cũng biết, và có nhiều câu nói tương tự . Cái triết lý đơn giản này giúp tôi thấy được rằng, hạnh phúc là cái rất cụ thể, rất gần gũi, bất cứ ai, và bất cứ lúc nào, cũng có thể tìm được hạnh phúc rất dễ dàng. Ai cho rằng hạnh phúc là cái xa vời, thì vì họ chưa nắm hết phần tinh túy của các triết lý khác, hoặc chưa từng nghe một phần của triết lý củ khoai. Nhiều sách vở khác cũng có nói đến, nhưng người

đọc vô tình hoặc cố ý làm ngơ, hoặc biết rất rõ nhưng chẳng bao giờ thực hành.

(Tràm Cà Mau)

### **Thơ thiên**

Trần Nhân Tông (1279-1284) là tổ sư thiên phái Trúc Lâm. Ngoài thắng quân Nguyên, ngài thắng cả tự chính mình qua bài *Cư trần lạc đạo* dưới đây

Bụt ở trong nhà, chẳng cần tìm xa  
Vì quên mất gốc, nên ta tìm Bụt  
Nay mới hay: Bụt chính là ta

### **Thành Tây**

Dân đất Bắc,  
Đắp thành Tây.  
Đông thật là đông,  
Sầu Nam vời vợi.

Câu này gồm đủ đông, tây, nam, bắc! Dân đất Bắc phải chăng những người dân miền Bắc bị đưa vào Nam làm dân phu, đắp thành cho người Tây? Số dân phu ắt nhiều lắm, Đông thật là đông. Sự đông đúc này quả là một mối sầu vời vợi cho nước Nam, cho dân Nam! Nước mất nhà tan, thân làm nô lệ, phải đi đắp thành cực khổ cho Tây để chúng dựa vào thành

trì đô hộ đồng bào mình. Người miền Bắc bị đi dân  
phu hằng than thở:  
Nhà tan nước mất ai ơi,  
Cái thân nô lệ sống đời cu ly!

(Sơ lược nguồn gốc một số địa danh miền Nam - Hồ  
Đình Vũ)

### **Chữ là nghĩa**

Một triết lý của Phật giáo Thiền tông: *Khi chưa học  
Thiền ta nhìn núi là núi, ta nhìn sông là sông. Khi  
đang học Thiền ta thấy núi không còn là núi, sông  
không là sông. Nhưng sau khi đã chứng ngộ Thiền,  
ta lại nhìn ra giản dị: Núi là Núi, Sông là Sông.*

### **Chữ là nghĩa**

Từ triết lý của Phật giáo Thiền tông: *Khi chưa học  
Thiền ta nhìn núi là núi, ta nhìn sông là sông. Khi  
đang học Thiền ta thấy núi không còn là núi, sông  
không là sông. Nhưng sau khi đã chứng ngộ Thiền,  
ta lại nhìn ra giản dị: Núi là Núi, Sông là Sông.*

Thiên hạ sự có câu:

“Coi zdậy, mà hông phải zdậy, mà đúng là zdậy...”.

### Trương liên

Khi Khải Định băng hà (1925), có trương liên phúng điếu của Duy Tân (lúc đó đang bị đi đày ở đảo Réunion):

Ông vội bỏ đi đâu, bỏ bạc, bỏ tiền, bỏ con, bỏ *hát bội*, bỏ hết trần duyên trong một lúc

Tôi nay còn lại đó, còn trời, còn đất, còn non, còn anh hùng, còn nhiều vận hội giữa năm châu.

### Chữ và nghĩa

Hồ Biểu Chánh (1885-1958) đã khởi đầu sự nghiệp văn chương bằng tập thơ *U Tình Lục*. Trong câu thơ: “*Vội vàng đội níp để huề thẳng xông*”: *Níp* hay *niếp* là cái rương nhỏ dùng để đựng sách vở và quần áo của người học trò xưa. Người ta có thể đội trên đầu hay quấy trên vai mà đi đường xa. Ông Hồ Biểu Chánh nói đội níp, nhiều tác phẩm Nôm thế kỷ 19 về trước nói quấy níp cũng đều là cách di chuyển của học trò nghèo. Thơ xưa có câu: Chí thà níp đội bầu mang.

(U tình lục – Hồ Biểu Chánh)

### Nhận xét tản mạn về Tchekov

Nghệ thuật viết, nói cho đúng ra, không phải ở chỗ viết như thế nào, mà là nghệ thuật vớt bớt đi những gì dỏ, kém như thế nào. Theo tôi (Tchekov), viết

truyện ngắn, cốt nhất phải *tô đậm cái mở đầu và kết luận*. Với cách viết văn xuôi chúng ta, lời thoại nhất là vấn đề thời gian.

(Sổ tay truyện ngắn – Vương Trí Nhàn)

## **Mè**

Mè: vùng  
(mặt rỗ hoa mẹ kẹo mè)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## **Nhận xét tản mạn về Tchekov**

Truyện của anh quá nhiều chi tiết, tới mức cái nọ chồng chất lên cái kia. Truyện ngắn của anh hay, chỉ hiềm nó dài quá, trong đó có quá nhiều chi tiết vô bổ. Truyện bị phá vỡ bởi đoạn nhân vật chính cãi nhau với vợ, một cuộc cãi nhau không cần thiết. Tôi (Tchekov) hình dung giống như bức tranh vẽ cảnh biển cả êm đềm bỗng có ngọn sóng quá cao, nó làm cho kích thước bị xô đẩy, ấn tượng bị vụn ra, mất đi sự nhất quán đáng lẽ phải có.

(Sổ tay truyện ngắn – Vương Trí Nhàn)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Trừ Bùi Giáng, khi nói về Tuệ Sỹ thì có lẽ không ai đủ tư cách, bằng Phạm Công Thiện: “Có sống bên cạnh Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát từ ngày này qua ngày khác, trong những hoàn cảnh khác nhau thì mới may ra cảm nhận đôi chút tác phong thiên sư kín đáo toát ra một cách tự nhiên, một cách vô công dụng hạnh từ đời sống thường nhật và tinh thần điệu nhập của hai vị. Tôi xin gọi hai vị này là thiên sư với tất cả đấng đo thận trọng, với tất cả ý nghĩa cao đẹp và như thực của một danh xưng xưng thiên chí.”

(Tuệ sĩ trên ngõ về im lặng – Tâm Nhiên)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Thế nào là nhà văn?

Nhà văn là là người cho nhân vật của mình sống là sống ở chương đầu, và chết ở chương cuối

### **Nhận xét tản mạn về Tchekov**

Anh có biết không, muốn đánh giá một nhà văn mới vào nghề, hãy xem ngôn ngữ của anh ta. Nếu văn anh ta không có cái giọng riêng, anh ta khó lòng có thể trở thành một nhà văn thực thụ. Còn khi đã có giọng riêng, có tiếng nói của mình, với tư cách một nhà văn, anh ta đáng để ta hy vọng.

Khi ấy ta có thể xem xét mặt khác những gì anh ta viết.

(Sổ tay truyện ngắn – Vương Trí Nhàn)

### **Chữ là nghĩa**

Hồ Biểu Chánh (1885-1958) đã khởi đầu sự nghiệp văn chương bằng tập thơ *U Tình Lục*. Trong đó có chú thích khác rất thú vị về tên của Sài Gòn xưa:

“Buồm cao lèo thẳng nhắm miền *Ngưu Giang*”.

Nhắm miền Ngưu Giang: *Trực chỉ lên Sài Gòn*. Ngưu Giang hay Ngưu Chử, Ngưu Tân, tức Bến Nghé, tức Sài Gòn.

(U tình lục – Hồ Biểu Chánh)

### **Nhận xét tản mạn về Tchekov**

Không việc gì phải lo tìm bằng được những cốt truyện cho thật lắt léo. Những truyện ngắn mà anh gửi cho tôi toát ra một vé giả dối ghê gớm. Cốt truyện không thể có được.

Đừng cố viết khi óc lười nghĩ. Hãy chỉ viết không quá hai truyện ngắn trong một tuần rồi tìm cách thu bớt nó lại. Đừng viết về những đau khổ mà anh chưa từng trải qua, đừng vẽ nên những khung cảnh mà anh chưa nhìn thấy, vì trong truyện sự giả dối hiện ra còn tẻ nhạt hơn nhiều, so với khi trò chuyện.

(Sổ tay truyện ngắn – Vương Trí Nhàn)

### **Chữ và nghĩa**

Ở miền Bắc có một loài cá giống và to bằng cá chép, nhưng có đặc điểm là tươi rất lâu tên là cá rói. Dù bị bắt ra khỏi nước từ sáng đến trưa cá vẫn còn tươi nên có thành ngữ tươi như cá rói, về sau tỉnh lược thành tươi rói.

(Vài hiện tượng thú vị trong tiếng Việt – Lê Trung Hà)

### **Chữ là nghĩa**

Chúng ta chỉ có thể giải đáp câu trên dựa vào cuốn Đại Nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Của, xuất bản cách đây trên 110 năm. Trong sách này, tác giả ghi bánh vú bò và giải thích vì bánh đổ vào chén, trông giống như cái vú con bò. Về sau rút gọn thành bánh bò. Đây là hiện tượng tỉnh lược trong ngôn ngữ.

(Vài hiện tượng thú vị trong tiếng Việt – Lê Trung Hà)

### **Mén**

Mén: vật mới sinh

(đế mén, nhái mén)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Điều đáng sợ nhất của văn chương ta là căn bệnh nhạt. Đó là căn bệnh trầm kha, nguy hiểm vì rất khó chữa. Nó không phải là cái xấu để người ta có thể dễ nhận biết và loại bỏ. Nó chỉ nhạt nhèo, không có sắc thái và cá tính. Nó yếu đuối, không có sinh khí, nhưng lại có sức mạnh trong việc làm băng hoại mọi sự sáng tạo.

Thêm nữa, bấy lâu nay, không ít người cứ dị ứng với loại truyện người tốt việc tốt. Thậm chí có người còn cực đoan cho đó không phải là văn chương thứ thiệt.

(Nguyễn Ngọc – Trần Đăng Khoa)

### **Về Tchekov**

Tchekov nổi tiếng về truyện ngắn hóm hỉnh viết rất ngắn. Nhưng nói chung so với truyện ngắn thì Tchekov vẫn cứ là người còn dài dòng về truyện ngắn. Truyện ngắn cô đọng nhưng vẫn đủ chỗ để đi vào tâm lý, vào cái cõi của nhân vật.

Như trong truyện số 60 đó chẳng hạn chỉ vền vện có 18 dòng mà phần lớn lại là đối thoại. Khuôn khổ

truyện ngắn số 60 ấy (tức là truyện một cái giấm, đầu tiên không thối, rồi cuối cùng mới thật là thối hoắc) đã chật hẹp như vậy, mà vẫn chứa nổi ba nhân vật, mỗi nhân vật đều có tâm lý, có chuyển cảnh....

Bản về truyện ngắn thì thành công về kỹ thuật, về nghệ thuật dựng truyện ngắn, rất kiệm lời và ý ở ngoài lời thì rất nhiều.

(Nguồn: Nguyễn Tuân)

### **Chữ Việt cổ**

dối em: ru em

(Phạm Xuân Độ)

### **Khóc chồng (\*)**

Thiếp từ thưở lá thắm xe duyên, khi vận tía lúc com đen, điều đại điều khôn nhờ bó đỏ;

Chàng ở dưới suối vàng nghĩ lại, vợ má hồng, con răng trắng, tím gan tím ruột với trời xanh (1)

(\*) Tương truyền cụ Nguyễn Khuyến làm hộ cho vợ một người thợ nhuộm khóc chồng

(1) trong hai vế đối này, nhà thơ đã dùng những tiếng: “ *thắm, tía, đen, điều, đỏ, vàng, hồng, trắng, tím, xanh ...*” hầu hết màu sắc để tả nghề thợ nhuộm

## Meo

Meo: xanh xám, bụng rỗng  
(*mốc meo, meo cau: phần xanh nổi ở thân cây cau  
đói meo, đứng lên ngồi xuống lại nằm meo*)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Lạy anh em đi lấy chồng

Hỡi anh, chồng cũ tôi ơi anh có khôn thiêng thì xin  
anh trở dậy mà ăn xôi nghe kèn !!!

Giàu thì thịt cá cơm canh khó thì cơm rau đĩa muối  
lạy anh em đi lấy chồng

Hỡi anh chồng cũ tôi ơi ! anh có khôn thiêng thì xin  
anh trở dậy mà ăn xôi nghe kèn

Miệng em khăn chùi tay em bái, đầu em cúi cái môi  
em nói trước cái khung hình anh

Thịt xôi chuối chùi nhang hương khói rồi đàn đờ  
phách cái chân khua rối khiến trái tim em bồi hồi.

Ngoài mồ cỏ đã lên xanh đã tròn 3 năm tang chế lạy  
anh em đi lấy chồng.

Hỡi anh, chồng cũ tôi ơi! anh có khôn thiêng thì xin  
anh đừng giận để em đi lấy chồng

## Chữ là nghĩa

Tại sao có từ bồ bịch, nghĩa là nhân tình? Nguyên

trước đây có một từ ghép bò bịch, chỉ hai nông cụ. Bò là dụng cụ đựng lúa, có đáy; còn bịch cũng là nông cụ đựng lúa nhưng là tấm ví khoanh tròn, không đáy vì lấy nền nhà làm đáy. Do đó, ca dao VN có câu:

Bởi anh chăm việc canh nông  
Cho nên mới có bò trong bịch ngoài.

Chúng tôi gọi đây là hiện tượng mượn âm.

(Vài hiện tượng thú vị trong tiếng Việt – Lê Trung Hà)

### **Chử nghĩa làng văn** (...trích lục lại)

Truyện ngắn đầu tiên không xuất hiện ở Tây phương mà là ở Trung Đông. Lịch sử truyện ngắn bắt đầu bằng *Tales of the Magicians* của Ai Cập, tiếp đến là *Một nghìn một đêm lẻ* của Ba Tư. Ở Tây phương, truyện ngắn chỉ xuất hiện khoảng 200 năm.

Tại Việt Nam, truyện ngắn có từ thế kỷ 13 với *Báo cục truyện* thời nhà Trần. Thế kỷ 16 với *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ (\*).

Năm 1866, truyện cổ tích bằng chữ quốc ngữ do Trương Vĩnh Ký thu thập, sao chép lại và xuất bản tại Sài Gòn.



(Phụ chú: Theo Trần Văn Tích trong “Sự muôn năm cũ” báo Làng Văn thì tác giả “Truyện kỳ mạn lục” đúng ra là Nguyễn Dữ chứ không là Nguyễn Dữ (\*) như mọi người vẫn lầm tưởng)

(Trần Bích San – Văn Khảo)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Truyện ngắn giả hiệu ấy xuất hiện trên mặt báo là bạn đọc có cảm tình với nó ngay, và tôi được người trong làng văn đem xia tới ngay. Nhưng cái may mắn đó, thật ra không làm cho tôi sáng mắt đâu. Tôi tự sáng mắt ra sau khi nghiên cứu cái truyện của tôi: bạn hữu của tôi đã sai lầm to. Truyện ngắn không hề là bài tập vỡ lòng trong văn nghiệp của một người nào đó.

Truyện ngắn là một loại văn riêng biệt, có kỹ thuật riêng, có nghệ thuật riêng, chớ không là một đoạn văn ngắn nào đâu, cũng không phải là truyện dài rút

cho ngắn gọn, và nhất là không phải là cái bậc thang dùng để leo lên địa vị tiểu thuyết dài.

(Vài ý nghĩ về truyện ngắn – Bình Nguyên Lộc)

### **Tình cà (1)**

Cà khịa hoài anh chưa thể kiếm chác  
Nên cà khùng chửi em giống cà na  
Chộp cà mên em giộng anh dập cà  
Tình cà đong cà đưa xa từ đó

### **Chữ nghĩa làng văn**

Cái truyện đầu tay trong đời viết văn của tôi là một truyện dài. Tôi đưa cho bạn hữu xem; xem xong, các anh ấy nói: "Mày dại quá, sao lại bắt đầu bằng tiểu thuyết dài? Phải viết truyện ngắn trước đã mà tập viết cho xong cái đã rồi hẵng hay".

Tôi chẳng biết ắt, giáp gì hết về vụ đó, nên lời bạn. Nhưng rồi bạn tôi bèn lấy chương đầu của tiểu thuyết đó, cho đăng báo, và nhà báo ban cho nó một cái danh hiệu là *truyện ngắn*.

(Vài ý nghĩ về truyện ngắn – Bình Nguyên Lộc)

### **Mom**

Mom: chỗ đất nhô ra sông  
Quanh năm buôn bán ở mom sông

Nuôi đủ năm con với một chồng  
*Trần Tế Xương*

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Vậy truyện ngắn là cái gì? Câu trả lời để đáp câu hỏi này, tưởng phải nằm ở nơi khác, chớ không phải ở đây. Người viết những dòng này, chỉ trình ra vài nhận xét về truyện ngắn, chớ không dám có tham vọng dạy ai viết văn cả, nên không định nghĩa gì hết.

Người Anh, người Mỹ gọi loại văn đó là *Short Story*, thì cũng chẳng hơn gì Việt Nam chút xíu nào cả. Đâu cần có story nào trong đó. Có cũng không sao, và thường không cần. Xưa ta gọi văn thể ấy là "*Đoản-thiên-tiểu-thuyết*", là bắt chước theo sai lầm của Tàu. Tự lực văn đoàn xuất hiện, thì gọi nó là *Truyện ngắn*.

(Vài ý nghĩ về truyện ngắn – Bình Nguyên Lộc)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Người Pháp cũng đã bí lắm, chẳng biết gọi văn thể ấy là gì, mới bày ra danh từ *Nouvelle*, nó hoàn toàn vô nghĩa. Nếu là hình dung từ thì *Nouvelle* có nghĩa là *Mới*, còn như là danh từ, thì thật chẳng biết nó là

cái gì. Thế nên nhóm nói trên mới phải dùng từ *Truyện* để ghép vào *Tân truyện*: truyện mới. Nhưng mới cái quái gì mới được kia chứ.

Vậy là bắt chước Anh, Mỹ, vì hai từ *Truyện* và *Ngắn* là dịch thẳng từng chữ, ở danh từ *Short Story* mà ra.

(Vài ý nghĩ về truyện ngắn – Bình Nguyên Lộc)

### **Chinh phụ ngâm**

Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn có nhiều bản dịch của các dịch giả khác nhau như Phan Huy Ích, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Khánh, Bạch Liên Am,...v...v.

### **Chữ nghĩa làng văn**

Vài năm trước biến cố 1945, ở Sài Gòn có một nhóm người viết lách, cầm đầu là Nguyễn Đình Thân, và gồm có Nguyễn Đình Thân, Huy Cận, Xuân Diệu, Nghiêm Xuân Việt, Nguyễn Hoàng Tu và Bình Nguyên Lộc, đưa ra danh từ *tân truyện*, dùng được mấy năm trong làng báo Sài Gòn rồi thì danh từ ấy cũng chết. Tại sao nó chết? Vì *tân truyện* cũng chẳng ổn gì hơn truyện ngắn, mà cũng lại là bắt chước ngoại quốc, chứ không phải là tìm được một danh từ nào mới lạ hơn, *Tân truyện* là dịch thẳng ở danh từ Pháp ra, danh từ *Nouvelle*.

Khi *Tân truyện* châu Diêm chúa rồi thì nhà viết lách Đông Hồ, cũng cứ ở Sài Gòn là đất ba hoa, lộn xôn, bèn ra báo. Đó là báo *Sống*. Và tiên sinh cổ vũ cho một cái tên khác nữa là *Truyện vừa*. Kẻ viết bài này, mặc dầu là hậu sinh, vẫn dám bật cười trước mặt nhà thơ danh tiếng đó: "Ông nội ơi, ông nội cũng chỉ bắt chước Tàu, bằng cách dịch danh từ *trung thiên tiểu thuyết* ra đó thôi, chớ ông nội đâu có phát minh cái gì mà cổ võ dữ vậy."

(Vài ý nghĩ về truyện ngắn – Bình Nguyên Lộc)

### **Chữ và nghĩa**

Trái sầu riêng có nguồn gốc từ Malaysia là đu-riêng. Ban đầu (thế kỷ 19) người Việt dùng cả hai từ, sau loại hẳn từ đu-riêng.

(Vài hiện tượng thú vị trong tiếng Việt – Lê Trung Hà)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Nhưng ngắn đến thế nào, chữ này thiệt là tương đối. Giáo sư X.J. Kennedy, trong quyển *Literature thường dùng ở năm đầu của văn chương Anh Mỹ ở đại học Mỹ* nhắc đến một truyện ngắn của Thomas Bailey Aldrich chỉ dài độc có ba dòng:

*'Một thiếu phụ đang ngồi trong căn nhà cũ kỹ, đóng kín, biết rằng chỉ có mình mình trợ trợ trên thế giới này. Tất cả đều đã bị tiêu hủy. Chuông cửa reo'.*

Từ đây nảy sinh ra truyện chớp (hay truyện vùa)

(Vài suy nghĩ về truyện ngắn – Nguyễn Văn Sâm)

### **Chữ và nghĩa**

Đèo ở phía bắc thành phố Nha Trang do kỹ sư người Pháp tên *Rury* điều khiển sửa sang nên Pháp dùng tên người này đặt cho đèo. Người Việt đã gọi là đèo Rù Rì.

(Vài hiện tượng thú vị trong tiếng Việt – Lê Trung Hà)

### **Chữ nghĩa làng văn**

(...trích lục lại)

Gần đây một số nhà văn hiện đại dùng lối kết *bổ lửng* như *Địa ngục môn* của Nhật với mở ra nhiều hướng để người đọc suy nghĩ khác nhau như Gregorio Fuentes (*Mẽ Tây Cơ*) hay Nguyễn Huy Thiệp với *Kiểm sắc*, *Vàng lửa*, *Phẩm tiết*.

(Trần Bích San – Văn Khảo)

## **Chữ Việt cổ**

Vì chung: bởi vì

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

## **Chữ nghĩa làng văn**

Các truyện dài khoảng ba, bốn trang được kể là truyện ngắn Chẳng hạn: “Bức Thư Gửi Cho Thượng Đế” (A Letter To God) của nhà văn Mỹ Tây Cơ Gregorio Lopez Y Fuentes đăng trong 'Great Short Story of The World' - 1974.

Truyện kể về anh nông dân Lencho, quá nghèo, năm nọ bị nạn hạn hán, gia đình sắp chết đói, viết thư gửi lên Thượng Đế xin được cứu giúp. Một nhân viên bưu điện thấy thơ, xúc động bàn với các đồng sự cứu giúp bằng cách cùng nhau góp tiền. Ấc thay họ chỉ góp được có bảy chục pesos thay vì một trăm như Lencho xin. Nhận được tiền, Lencho tức giận viết thêm một bức thư nữa: 'Thưa Thượng Đế, về chuyện tiền con xin Ngài giúp đỡ, con chỉ nhận được có bảy chục pesos. Xin Ngài gửi đến con số còn lại, con rất cần. Xin Ngài chớ gửi qua đường bưu điện vì nhân viên bưu điện là một bọn ăn chặn.

Truyện chấm dứt ở đó. Tác giả bỏ lửng làm cho truyện mở ra nhiều chiều hướng... mà ta vẫn không hiểu được chính ý của tác giả. Vậy thì viết ngắn, bỏ

lửng, không nói hết cũng có cái lợi của nó! Cái lợi ở chỗ gọi lên những gì tác giả khỏi mất công đi sâu.

(Vài suy nghĩ về truyện ngắn – Nguyễn Văn Sâm)

### **Chữ và nghĩa**

Bông trong từ bé bông có nghĩa là “nhỏ”. Trong tập thơ cổ Thiên Nam ngữ lục có câu thơ sử dụng từ bông với nghĩa này:

Trẻ thơ bông dại thiếu người lo toan

Hai từ bé và bông đồng nghĩa hay gần nghĩa kết hợp với nhau. Đó là hiện tượng láy nghĩa.

Nhiều từ trong tiếng Việt bị chi phối bởi hiện tượng láy nghĩa này: tìm kiếm, chờ đợi, yêu thương.

(Vài hiện tượng thú vị trong tiếng Việt – Lê Trung Hà)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Ở Việt Nam truyện ngắn viết bằng quốc ngữ tuy chỉ mới xuất hiện hồi đầu thế kỷ nhưng đã đi hia bảy dặm. Các truyện ngắn khoảng bốn mươi năm trở lại đây có giá trị nghệ thuật không thua gì các truyện lừng danh ở những xứ đã có truyền thống truyện ngắn lâu đời. Một trong những truyện ngắn rất gợi cảm “Câu Chuyện Một Tối Tân Hôn” của Phạm Duy Tồn, rõ ràng trong điều cần được trình bày; kỹ thuật dựng truyện và cách sắp xếp điều cần thiết của

một truyện ngắn theo cách thể của các truyện ngắn Pháp chứ không bắt nguồn từ truyện ngắn Việt Nam (viết bằng chữ Nôm hay chữ Hán trước đó) như 'Truyện Kỳ Mạn Lục Giải Âm' , chữ Nôm thế kỷ XVII, hay 'Lĩnh Nam Chích Quái' của Trần Thế Pháp hoặc 'Việt Điện U Linh' của Lý Tế Xuyên, chữ Hán, thế kỷ XIV.

(Vài suy nghĩ về truyện ngắn – Nguyễn Văn Sâm)

### **Chữ và nghĩa**

Người Nam thường bảo trẻ con đi chỗ khác chơi, không được lảng cháng trước mặt. Nhưng trong từ điển của Huỳnh Tịnh Của đã nói ở trên ghi *loán choán*. Như vậy từ gốc là choán, yếu tố lấy là loán và nghĩa gốc của lảng cháng là “choán chỗ”.

Đây là hiện tượng biến âm.

(Vài hiện tượng thú vị trong tiếng Việt – Lê Trung Hà)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Cho đến ngày nay quan niệm truyện ngắn đã khác với lúc nó mới phát sinh. Nhiều người đồng ý như cái tên của nó, đó là một sáng tác phẩm ngắn *kể lại một câu chuyện, một mảnh vụn đặc biệt của đời sống*, hoặc -- như quan niệm mới gần đây -- chỉ là

một tâm trạng *không cần thành truyện, không cần đầu đuôi, không nhất thiết phải theo thứ tự thời gian.*

(Vài suy nghĩ về truyện ngắn – Nguyễn Văn Sâm)

### **Móng**

Móng: dai  
(khôn sống móng chết)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Trong tiếng Việt, có những từ ngữ hoặc địa danh nếu có người hỏi nguồn gốc của những từ ngữ ấy từ đâu thì chúng ta đành bó tay; chẳng hạn trong một bài ca dao:

Nước không chum sao kêu nước đứng?  
Cá không giò sao gọi cá leo?  
Ghe không tay sao kêu ghe vạch?  
Bánh không căng sao gọi bánh bò?...

(Lê Trung Hoa - Hiện tượng tình lược trong ngôn ngữ)

## **Chữ nghĩa làng văn**

Vào năm 1898, H. Frey, một đại tá người Pháp, từng công tác ở Tây Phi sau đó có mặt ở Việt Nam, đã xuất bản cuốn *Tiếng Annam: Tiếng Annam, xuất xứ của các ngôn ngữ: Cộng đồng các chủng tộc Xentơ, Xémit, Xuđăng và Đông Dương*. Bằng kinh nghiệm ở Châu lục đen, nhà ngữ học chân thực này cho rằng *tiếng Việt gần gũi với tiếng các sắc dân châu Phi*.

Không chỉ vậy, vào năm 1937-1938, nhà ngữ học người Ba Lan Prilusky với Maspéro. Từ khảo cứu của họ, Prilusky và Maspéro cùng quan điểm với H. Frey.

Tuy nhiên, viện Viễn Đông Bác Cổ không chấp nhận lập luận này.

## **Tung từng và từng**

Tung từng và từng khác nhau thế nào?

Tung từng thì gọn, chứ không phải gọn lỏn, và do đó tương đối ít khi gây bất ngờ.

Tung từng là nét điển hình trong phong cách dân dã miền Nam. Người viết văn khai thác nó để tác phẩm mình có một thứ duyên không thấy trong tác phẩm ở miền Bắc hay miền Trung.

Còn tung là tung tung "đậm", có tính ngoại lệ, chỉ thấy ở một số rất ít người Nam. Các tác giả truyện kịch Nam khai thác tung để tác phẩm mình có nhân vật độc đáo hay để gây tác dụng hài.

(Về nội dung của tung tung hay tung, còn một nghi vấn: liệu trong đó có cái thái độ coi nhẹ, xem thường, như từ điển định nghĩa hay không? Nếu có, tưởng cũng không đáng ngạc nhiên lắm, vì điều kiện sống tương đối rất dễ dàng ở miền Nam có thể đã làm cho con người ta trở nên ít nhiều bất cần...)

(Tung tung và tung – Thu Tứ)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Chỉ với truyện ngắn , người ta mới biết tận dụng từng chữ , lo săn sóc từng câu . Nhà văn mình thường yếu không tạo được phong cách riêng . Truyện ngắn là nơi ta có thể thử tìm phong cách cho mình. Truyện ngắn đòi hỏi hoàn thiện. Ở đây, ta được rèn luyện đến việc dùng từng dấu phẩy, dấu chấm.

(Nguồn: Một thể văn tập... Tô Hoài)

### **Cái hay cái dở ăn ở thơ Bùi Giáng (1)**

Tôi (Đỗ Quyên) không đồng ý với Trần Hữu Thục rằng:

"Nói cho rõ ràng ra, thơ của Bùi Giáng dở. Trừ một số câu thơ hay nhưng chưa hẳn là rất hay, còn lại hầu hết thơ ông đều dở".

(Đỗ Quyên)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Viết lách khi đã trở thành một nhà văn nói chung không khó lắm. Tất nhiên bạn phải biết chút đỉnh về cách chấm câu. Giỏi chính tả càng tốt, còn không thì cũng chẳng sao. Có thể bạn biên tập nơi nhận đăng bài sẽ chữa giùm, hoặc độc giả sẽ dễ dãi bỏ qua.

(Nhà văn – Phùng Nguyễn)

### **Cái hay cái dở ẩn ở thơ Bùi Giáng (2)**

Cũng như ít san sẻ được với Thụy Khuê: "Bùi Giáng để lại hàng ngàn bài, có những câu thơ tuyệt hay, nhưng chính sự lập lại những khám phá ngôn ngữ buổi đầu khiến thơ ông trở thành khuôn sáo về mặt từ ngữ cũng như tư tưởng".

(Đỗ Quyên)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Đã có nhiều cách định nghĩa về truyện ngắn, nhưng nếu nói nôm na, đưa ra một định nghĩa để làm việc

thì truyện ngắn chính là cách *cưa lấy một khúc* đời sống. Ở đây, có thể nói ngắn gọn, nói trực tiếp. Cái ngắn thích hợp với cuộc sống nhanh bây giờ.

(Nguồn: Một thể văn tập... Tô Hoài)

### **Bồ bịch**

Đây là hiện tượng mượn âm trong ngôn ngữ bị hiện tượng tinh lược chi phối. Tại sao có từ bồ bịch, nghĩa là nhân tình? Nguyên trước đây có một từ ghép bồ bịch, chỉ hai nông cụ. Bồ là dụng cụ đựng lúa, có đáy; còn bịch cũng là nông cụ đựng lúa nhưng là tấm ví khoanh tròn, không đáy vì lấy nền nhà làm đáy.

Do đó, ca dao VN có câu:

Bởi anh chăm việc canh nông

Cho nên mới có *bồ* trong *bịch* ngoài.

(Lê Trung Hoa - Hiện tượng tinh lược trong ngôn ngữ)

### **Cái hay cái dở ăn ở thơ Bùi Giáng (3)**

Trong một dịp ngồi chuyện phiếm với Phạm Duy, tôi (Đỗ Quyên) nhắc đến thơ họ Bùi với ý ca, họ Phạm gật gù vẻ cho qua, rồi không dừng được ông hơi nhăn mặt: "Nhưng lắm câu nhảm! Lặp lại quá, cậu ạ!". Cái nhảm ở câu tứ, nhịp điệu, ngôn từ trong thơ Bùi Giáng, nhiều người nhận ra như thế.

Nguyễn Hưng Quốc đã bình giá thơ Bùi Giáng mà tôi nghĩ có thể như một lý giải khả ái về vụ nhảm lập:

"Tôi cho đây là đặc điểm nổi bật nhất trong phong cách thơ Bùi Giáng: thơ Bùi Giáng chính là sự xoá nhòa của mọi đường biên quen thuộc vốn được mọi người chấp nhận như là một quy ước, một luật lệ trong văn học từ xưa đến nay".

(Đỗ Quyên)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Nếu muốn viết một truyện ngắn hay anh phải vô tư với chính anh và *đừng chiều theo đám đông độc giả* kia. Anh phải tạo dựng cho độc giả cái mà họ phải đọc *chứ không phải chỉ mang đến cho họ cái mà họ muốn đọc*. Đó là hai công việc hoàn toàn khác nhau.

### **Cái hay cái dở ăn ở thơ Bùi Giáng (4)**

Khi Bùi Giáng tếu táo về Nguyễn Trãi: – Sáo tai, nhảm mắt: "Nghĩ tới Nguyễn Trãi, không còn can đảm đâu viết nên một lời gì cả" (trang 64, cuốn Một).

(Đỗ Quyên)

## Môt

Môt: ngày kia  
(*mai mô*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Chữ Việt cổ

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

dôi em: ru em

(Phạm Xuân Độ)

## Cái hay cái dở ăn ở thơ Bùi Giáng (5)



Lúc Bùi Giáng đại ngôn với Nguyễn Du:  
- "Đọc ông Nguyễn Du mãi cũng chán. (...) Thơ Nguyễn Công Trứ là một con zéro. Thơ Cao Bá Quát là một con zéro rưỡi (...) Hàng vạn bài na ná giọng điệu giống nhau. Chỉ còn mấy bài của Ngân Giang nữ sĩ và Vân Đài nữ sĩ là có linh hồn" (trang 30, cuốn Hai); "Người Việt Nam có thể không đọc Nguyễn Du, nhưng không thể nào không đọc bài thơ kia (bài Rằm Tháng Giêng – ĐQ) của Hồ Dzếnh" (trang 36, cuốn Hai);

(Đỗ Quyên)

### Phú

Phú là một loại thể văn có hai vế thuận nhau hay đối nghịch nhau, số âm tiết trong mỗi câu và số câu trong bài phú không hạn định.

### **Cái hay cái dở ăn ở thơ Bùi Giáng (6)**

Bùi Giáng với những nhà văn nữ:  
– Không thuyết phục: "Thơ Nguyễn Thị Hoàng trang nhã như thơ bà Huyện Thanh Quan, mà lại cũng cay đắng như thơ Hồ Xuân Hương, nhiều lúc nghe thống thiết như thơ bà Đoàn Thị Điểm" (trang 124, cuốn Một).

(Đỗ Quyên)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Cái được viết hay cái được kể, dưới hình thức một cảm xúc mới thuộc về lãnh vực văn học, gắn liền với người cầm bút cần thật nhiều bản lĩnh cũng như tài năng. Không để ý đến điều đó, vì vậy có nhiều người cầm quên đi một việc quan trọng là:  
- Rèn luyện kỹ thuật viết.

(Viết – Nguyễn Hưng Quốc)

### **Mon**

Mon: vuốt ve, lấy lòng  
(*cười mon, nói mon* – mon tới: men tới)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Ngày xưa, nhà văn lớn là một tài năng lớn; ngày nay, một nhà văn lớn không những là một tài năng lớn mà nhất thiết còn phải là một nhà thông thái và một nhà tư tưởng. Thời của những thiên tài vô học đã qua rồi. Có điều sự học hỏi của nhà văn khác với sự học hỏi của một người thợ: người thợ học chủ yếu để bắt chước; người cầm bút học chủ yếu để né tránh. Ở đây, chúng ta lại thấy người cầm bút ở một tình thế oái oăm: hẳn phải biết thật nhiều để không được sử dụng lại những gì hẳn đã biết.

(Viết – Nguyễn Hưng Quốc)

### **Ố túy cương tửu**

Ố: ghét. Túy say sưa.

Ghét say sưa nhưng lại thích uống rượu. Thành ngữ Hán Việt này ám chỉ những người nói một đằng làm một nẻo.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### Tình cà

Anh cà nhổng không đi làm gì cả  
Thân cà tàng chỉ có khẩu cà nông  
Em cà rồn le luối giống cà rông  
Nên tình mãi cà bông hạch cà đụi

### Tửng là gọn lỏn và bất ngờ

Trong truyện ngắn *Con cá chết dại* của Sơn Nam, Hai Ty mê Hồng mà chưa có dịp làm quen, bữa đó đứng trên bờ rạch thấy Hồng bơi xuồng ngang qua, Hai chưa kịp chào hỏi đã hăm nhảy xuống rạch để níu xuồng Hồng lại! Hai Ty như vậy, các bạn nghe kể đều bảo là "tửng".

Trong truyện Lý con sáo sang sông của Nguyễn Ngọc Tư, Út Thà sắp lấy chồng mà không phải lấy người thương là Phi. Mặc nhà gái lu bu sửa soạn nhóm họ, cô dâu tỉnh bơ một xuồng một mái chèo qua thăm Phi. Út ngồi nhậu mấm lóc với Phi hồi lâu rồi chợt nói: "Sao tự nhiên em qua đây lãng xẹt vậy không biết?".

Út như vậy, các bạn cho là "tửng". Tửng chắc chắn là "gọn lỏn".

Nhưng Hai Ty hăm nhảy rạch là do "mét" Hồng, Út Thà chèo xuồng qua thăm Phi là vì yêu Phi, chứ Hai với Út đâu có cà rồn. Tửng hình như không hàm ý đùa.

Bất ngờ là một nét khác của từng. Từng là gọn lỏn và bất ngờ.

(Tung từng và từng – Thu Tứ)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Một số trường hợp tương tự với hiện tượng mượn âm. Trái sầu riêng có nguồn gốc từ Malaysia là đu-riêng. Ban đầu (giữa thế kỷ 19) người Việt dùng cả hai từ, sau loại hẳn từ đu-riêng. Huyện Kế Sách ở tỉnh Sóc Trăng gốc Khmer là Ksach, nghĩa là “cát”. Vì gần âm với từ kế sách (phương kế, sách lược) nên Kế Sách đã thay thế Ksach.

Đèo ở phía bắc thành phố Nha Trang do kỹ sư người Pháp Rury điều khiển sửa sang nên Pháp dùng tên người này đặt cho đèo. Người Việt đã gọi là đèo...Rù Rì.

(Lê Trung Hoa - Hiện tượng tỉnh lược trong ngôn ngữ)

### **Tam Thiên Tự**

So sánh sách vở lòng chữ Hán thông dụng *Tam Thiên Tự*:  
Thiên trời, địa đất  
Cử cát, tồn còn

Tử con, tôn cháu

Lục sáu, tam ba

Thì phải công nhận sách của Tự Đức công phu hơn và cũng có phương pháp hơn. *Tam Thiên Tự* tuy có vần, nhưng liệt kê ngữ vựng một cách tùy tiện. Ngược lại tác phẩm *Tự Đức Thánh Chế Tự Học Giải Nghĩa Ca* được hệ thống hóa bằng cách phân loại và đặc biệt sử dụng thơ Lục Bát là thể thơ quen thuộc với người Việt-Nam nên dễ đọc dễ nhớ:

Thiên trời, địa đất, vị ngôi

Phú che, tái chở, lưu trôi, mẫn đầy

Cao cao, bác rộng, hậu dày

Thần mai, mộ tối, chuyển xây, di dời

### **Chử nghĩa làng văn**

Thỉnh thoảng trong bài viết đâu đó có những câu: “chuyện nở như gạo rang, chuyện dai như giẻ rách, chuyện đồ bốn chân giường, chuyện long ba bức vách”. Những câu ấy. nguyên bản nằm trong bài thơ chúc tết, mừng xuân của Trần Tế Xương:

Ngày xuân mừng quý khách

Khi vui lọ đàn phách

Chuyện nở như gạo rang,

Chuyện gai như chấu rách,

Gậy cả bốn chân giường,

Xiêu cả mấy bức vách

(Mừng Tết con Ngựa – Trà Lũ)

## **Tung tung là tự nhiên, giản dị**

Trở lại với Nguyễn Ngọc Tư cho biết để văn có giọng tung tung người viết cần dùng những lời "dân dã, không quan cách".

Thế nào là lời quan cách?

Đại khái, nói cách quan thì lời không để lộ lộ ý, lời trịnh trọng, câu kỳ bao bọc ý lại như áo mũ cân đai hia hốt bao bọc da thịt tóc tai quan! Lời quan dài, lắm chữ, nghe rồi phải... lật phẩm phục mới hiểu được ý.

Còn thế nào là lời "dân cách"?

Hình như quan cách ba miền không khác nhau: hễ đã làm quan thì đều nói năng một lối. Nhưng dân cách mỗi miền mỗi khác. Người dân trong Nam quen lối sống hồn nhiên, nên nghĩ sao là nói thẳng ra vậy chứ không vòng vo, úp mở, rào trước đón sau. Lời nói dân dã Nam bộ tự nhiên, giản dị.

Vậy tung tung là tự nhiên, giản dị.

(Tung tung và tung – Thu Tứ)

## Chữ nghĩa làng văn

Tác giả "Đợi chờ" là Ha Jin quan niệm, *viết văn tức là kể một câu chuyện*. Nhưng người kể chuyện không nên hướng dẫn cho độc giả mà cần tôn trọng sự thông minh và khả năng thẩm thấu tác phẩm theo cách riêng của họ.

(Nhà văn không nên giảng giải cho độc giả - Ha Jin)

## Từ Hồ Biểu Chánh đến Khái Hưng

Khi Nguyễn Văn Trung công bố văn bản *Thầy Lazaro Phiên* năm 1987, tác phẩm của Nguyễn Trọng Quản nghiệm nhiên trở thành tiểu thuyết quốc ngữ sớm nhất viết theo lối Tây phương, xuất hiện một trăm năm trước (1887) ở Nam Kỳ. Những lập luận vẫn coi *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách (viết 1922, in 1925) là tiểu thuyết quốc ngữ đầu tiên không còn đứng vững.

Công trình nghiên cứu *Lục châu học* của Nguyễn Văn Trung dẫn đến việc nhìn lại chức năng khai phá của vùng Lục Tỉnh trong nền văn học quốc ngữ, và định vị lại vai trò của Nguyễn Trọng Quản như nhà văn quốc ngữ đầu tiên, và Hồ Biểu Chánh như nhà văn tiên phong xây dựng nền tiểu thuyết hiện đại Việt Nam (với tác phẩm *Ai làm được*, viết ở Cà Mau năm 1912, in năm 1922 ở Sài Gòn). Từ những mốc mới này, sự phân chia các thời kỳ tiểu thuyết Việt Nam, có lẽ nên sắp xếp như sau:

1887-1912: Từ Nguyễn Trọng Quán *Thầy Lazaro Phiền* đến Hồ Biểu Chánh *Ai làm được*: thời kỳ phôi thai tiểu thuyết quốc ngữ.

1912-1932: Từ Hồ Biểu Chánh *Ai làm được* đến Khái Hưng *Hồn Bướm Mơ Tiên*: Thời kỳ hình thành tiểu thuyết hiện đại.

1932-1946: Từ Khái Hưng *Hồn Bướm Mơ Tiên* đến *Chùa đàn* của Nguyễn Tuân: thời kỳ toàn thịnh của tiểu thuyết hiện đại.

(Khái Hưng 1896/1947 – Thụy Khuê)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Nhà văn giỏi là người biết quan sát và kể chuyện, *hé lộ những điểm thắt nút, nhưng chi tiết tinh tế, gợi mở cho những gì sắp xảy ra*. Người kể chuyện không nên có giọng điệu giảng giải. Anh ta phải biết tôn trọng sự thông minh của độc giả. Họ luôn biết lý giải câu chuyện theo cách riêng của mình.

(Nhà văn không nên giảng giải cho độc giả - Ha Jin)

### **Chữ Việt cổ**

Lưng chừng: chưa xuôi bề nào

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

## Nguồn gốc chữ Quốc ngữ

Đầu thế kỷ thứ 17 các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha đến Việt Nam. Dòng Tên chính thức được thành lập ở Đàng Trong năm 1615. Đàng Ngoài năm 1627.

Trong giới giáo sĩ dòng Tên người Bồ có một nhân vật đóng một vai trò lịch sử trong nền văn hóa Việt Nam, đó là Francisco de Pina. Pina sinh năm 1585, đến Macau năm 1613, đặc biệt rất giỏi tiếng Nhật. Năm 1617 ông đến Đàng Trong truyền giáo và bắt đầu dịch một số văn bản của Ki Tô giáo ra tiếng Nôm, một thứ chữ Hán được bản địa hóa..

Nhưng Pina nhận thấy các nhà truyền giáo khác họ không sao học được chữ Nôm. Pina thấy chữ Nôm không thể là phương tiện giao tiếp với người bản xứ, ông nghĩ ra một cách đơn giản. Ông thử lắng nghe người Việt phát âm ra sao rồi dùng mẫu tự la tinh để diễn tả âm tiết theo cách mà tiếng Bồ Đào Nha thường làm. Đó là thời điểm khai sinh của chữ quốc ngữ chúng ta ngày nay.

Từ năm 1622, ông đã tạo một hệ thống chuyển mẫu tự la tinh cho hợp với thanh điệu và lối phát âm của tiếng Việt. Pina cũng soạn cả một tập văn phạm thô sơ cho loại chữ viết mới mẻ này.

### **Chữ nghĩa làng văn**

Với tôi, một nhà văn quan niệm viết văn tức là kể một câu chuyện. Nhà văn giỏi là người biết quan sát và kể chuyện, hé lộ những điểm thắt nút, nhưng chi tiết tinh tế, gợi mở cho những gì sắp xảy ra. Người kể chuyện không nên có giọng điệu giảng giải. Anh ta phải biết tôn trọng sự thông minh của độc giả: Họ luôn biết lý giải câu chuyện theo cách riêng của mình.

(Nhà văn không nên giảng giải cho độc giả - Ha Jin)

### **Mún**

Mún: miếng nhỏ  
(chặt măm, chặt mún  
băm mún, *manh mún*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Ở đâu nhà văn và nhà giáo cũng có quan hệ khá chặt chẽ với nhau. Cả hai loại người này đều sinh hoạt trong thế giới sách vở.

Hậu quả là phần lớn các nhà văn đều có khuynh hướng viết văn như một nhà giáo. Một biểu hiện khác của việc viết văn như một nhà giáo là khuynh

hướng dẫn giải. Cứ thế, nhà giáo phải giảng đi giảng lại những điều cực kỳ căn bản. Rất tiếc, không ít người đem cả thói quen diễn giảng ấy vào văn chương.

Trong bài viết của họ, *mỗi câu văn phải công trên lưng nó năm bảy câu giải thích*. Chuyện mới, giải thích đã đành. Ngay cả những chuyện xưa như trái đất cũng vẫn giải thích. Lặp lại những kiến thức sơ đẳng và cũ rích, cách viết như thế là một sự xúc phạm đến sự hiểu biết của người đọc. Giọng văn làm nhàm và làm nhảm, cách viết như thế là một sự xúc phạm đến tính chất thẩm mỹ của văn chương.

(Nhà văn...không là ai - Nguyễn Hưng Quốc)

## **Muối**

Muối: quả chín  
(chín muối)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## **Chữ nghĩa làng văn xóm chữ**

Cách đây mấy ngàn năm, ngoài tiếng Tàu ra, ông bà ta còn dùng và xài không biết bao nhiêu là tiếng nước ngoài ở Đông nam Á châu mà ta cứ tưởng đâu là tiếng Việt, không ngờ đó là tiếng nói của biết bao

ngôn ngữ láng giềng, mà lại không phải là tiếng Tàu.

Như cụ Nguyễn Trãi cách đây gần 600 năm nói:

Tuy rằng bốn bề cũng *anh tam*,

“anh tam” là tiếng Mã lai hiện nay, có nghĩa là *thằng em trai*

(Nguyễn Hy Vọng - sưu tầm & tản mạn)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Yêu nhiều thì ôm, ôm nhiều thì yếu.

### **Chữ nghĩa làng văn**

Nhiều nhà văn miền Nam cho là *truyện ngắn* có trước truyện dài.

Dương Nghiễm Mậu: “Phải trải qua truyện ngắn trước truyện dài”.

Nguyễn Thụy Long: “Truyện ngắn là bước khởi đầu của nhà văn”.

Mai Thảo: “Truyện ngắn là những bước chân đi vào văn chương”.

(Văn Khảo - Trần Bích San)

### **Chữ Việt cổ**

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ

cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Cổ lý: xứ sở mình sanh đẻ

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### **Chữ nghĩa làng văn** (...trích lục lại)

Nền tảng của văn phong là nếu có lời văn hoa mỹ, chải chuốt là điều hay. Nhưng điều quan trọng hơn vẫn là rõ ràng và dễ hiểu.

Triết gia Aristotle của Hy Lạp từ thế kỷ thứ tư trước Tây lịch đã nói: “Viết giỏi là có tư tưởng như người thông thái, nhưng phát biểu như người thường”.

Mark Twain cho rằng chữ ngắn, câu ngắn, đó cách viết hay nhất. Ông bảo: “Văn của tôi là nước lã. Văn của các đại văn hào là rượu nho. Mọi người đều uống...nước lã”.

(Vũ Thụy Hoàng – Múa bút)

### **Múa**

Múa: còn dư, còn lại

(bỏ múa, *thừa* múa)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### Chữ nghĩa làng văn

Tuy nhiên cái tinh thần coi trọng truyện dài từ thế kỷ 18 của Tây phương khi truyện ngắn chưa định hình được lập đi lập lại bởi chính những người cầm bút: “Nhà văn chưa phải là nhà văn nếu chưa viết được truyện dài”.

Đã đến lúc phải xét lại với quan niệm sai lầm và lỗi thời.

(Văn Khảo - Trần Bích San)

### Chữ Nho



*Chiết tự chữ Nho*

Người dạy chữ Nho gọi là “cụ đồ Nho”, sách viết theo chữ Nho gọi là “sách Nho”. Thực ra, chữ Nho chính là chữ Hán của Trung Hoa. Thế thì tại sao

người Việt lại gọi chữ Hán là chữ Nho? “Nho” ở đây chính là “Nho” trong “Nho giáo”, “Nho học”, “Nho sinh”, “Nho gia” của tiếng Hán. Cái nghĩa gốc xa xưa chữ “nho” trong tiếng Hán vốn chỉ những người học hành, những người có học thức.

Sách “Pháp ngôn” có câu: “Thông thiên địa nhân viết nho” (người thông tỏ mọi lẽ của trời, đất, người gọi là nho). Về sau, “nho” thường được dùng để chỉ các Nho gia. Từ thời Bắc thuộc ngàn năm, Nho giáo đã được truyền bá vào nước ta và dần dần trở thành quốc giáo. Lẽ dĩ nhiên, Nho giáo muốn truyền vào được phải kèm theo các sách thánh hiền. Nhưng người Việt không gọi các chữ trong đó là chữ Hán như tên vốn có của nó mà lại gọi là chữ Nho, có lẽ hàm ý là chữ Nho học.

### **Hồn Bướm Mơ Tiên**

*Hồn bướm mơ tiên* trích từ hai câu thơ cổ trong *Bích Câu Kỳ Ngộ*:

*Gió thông đưa kệ tan niềm tục*

*Hồn bướm mơ tiên lẩn sự đời*

Tương truyền là của vua Lê Thánh Tông làm để xướng họa với một *nàng tiên ni cô* ở chùa Ngọc Hồ. Sự lựa chọn của Khái Hưng hàm ý thần tiên, thơ mộng, nảy ra từ một kỳ tích Việt. Âm vang *hồn bướm mơ tiên* gợi không khí Tú Uyên, nhắc đến phường Bích Câu, đến kỳ ngộ trong lịch sử và văn hóa Việt.

Cách mở màn trực tiếp và bát ngát của *Hồn Bướm Mơ Tiên* dẫn thẳng vào không gian Bắc Ninh, vào chùa Long Giáng, vào ca dao, vào đời sống dân quê miền Bắc; mà sau này lời khai khúc ấy xuất hiện trong trường ca *Con Đường Cái Quan*. Phạm Duy chịu ảnh hưởng Khái Hưng chăng? Chưa chắc. Có thể chỉ là ngẫu nhiên bởi những nghệ sĩ đắm mình trong linh hồn dân tộc thường gặp nhau trong ca dao, huyền sử:

*Hỡi anh đi đường cái quan*

*Dừng chân đứng lại em than đôi lời*

(Khái Hưng 1896/1947 – Thụy Khuê)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Tùy bút - tùy hứng là phóng bút - là một thể rất tự do, gặp gì chép nấy, nghĩ sao nói vậy: *Một cơn mưa, một giọng hát, một hớp trà, một trang sách, một tà áo phất phơ dưới gió, một tiếng ve rí rả trong rừng...* bất kỳ một cảnh vật nào, một sự việc nào, hễ gọi hứng cho ta cũng có thể là đề tài một thiên tùy bút. Nó tựa như nhật ký mà không phải là nhật ký, vì nó là "bút" chứ không phải là "ký"; nó tựa như nghị luận mà không phải là nghị luận, vì nó là tùy hứng suy đoán chứ không phải dụng ý biện luận.

Nó phóng túng như vậy nên ta tưởng là dễ, nhưng có viết thử mới thấy khó. Trước hết nó phải thanh thoát, nhẹ nhàng như ngồi bên giàn hoa hay một âm

trà. Nó không dài, trung bình mười trang trở lại, nhưng lời phải tự nhiên, có duyên, nội dung phải có ý vị.

Quan trọng nhất vẫn là nghệ thuật.

*Tiểu thuyết mà dở thì người ta vẫn gọi là tiểu thuyết; thơ mà dở thì cũng vẫn là thơ - thơ con cóc. Còn tùy bút mà thiếu nghệ thuật thì không có tên để gọi vì lẽ không ai thèm biết tới.*

Cho nên lựa thể tùy bút là làm một công việc chỉ có thành công hay thất bại, không thể nhùng nhằng được.

(Nguồn: Nguyễn Hiến Lê)

## Nả

Nả: từ nghi vấn đặt cuối câu  
(được mấy nả, có việc gì nả, nói gì nả)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Chữ nghĩa làng văn

Dường như ai cũng đã biết là mình sẽ viết như thế nào. Vấn đề còn lại chỉ là cảm hứng. Có cảm hứng là có tất cả. Những người lâu lắm không viết được gì hoặc viết không hay là bởi vì cảm hứng của họ đã cạn hoặc không còn nồng. Điều này lại dẫn đến

những bằng chứng cho thấy *sự khủng hoảng của thể truyện*, là các quan điểm có tính chất lý thuyết về *thể truyện* tại Việt Nam phát triển rất chậm, cực kỳ chậm, chậm đến đáng kinh ngạc: nghe những lời phát biểu về tiểu thuyết, đầu đó, trên báo chí, có khi từ những cây bút thành danh từ lâu, người ta không khỏi có cảm tưởng như đang sống ở thế kỷ... 19, thậm chí, đầu thế kỷ 19.

(Một số vấn đề mỹ học – Nguyễn Hưng Quốc)

### **Chữ nghĩa làng văn xóm chữ**

Cách đây mấy ngàn năm, ngoài tiếng Tàu ra, ông bà ta còn dùng và xài không biết bao nhiêu là tiếng nước láng giềng mà ta cứ tưởng đâu là tiếng Việt của ta, không ngờ đó là tiếng nói của biết bao ngôn ngữ láng giềng, mà lại không phải là tiếng Tàu.

Hai tiếng *Nôm na* mà ai cũng cho là “Nôm” là *Nam* , vậy thì “na” là gì? mọi người đều lờ đi !

Thật ra, “Nôm và na” đều có nghĩa gốc là *xưa, cũ, lâu đời... đã có từ lâu*.

[Các tiếng Lào Thái Khmer đều có ghi hai tiếng "nôm na" và đều giải thích như vậy]

Tiếng Nôm là tiếng nói xưa của người nước ta, đã nói như vậy từ lâu, trước khi ông bà ta gặp người Tàu.

(Nguyễn Hy Vọng - sưu tầm & tản mạn)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Với khái niệm căn bản của thể truyện, như chữ "truyện", chẳng hạn. Chính chữ "truyện" ấy là điều rất đáng nói. Trong tiếng Anh cũng có chữ truyện tương tự: story. Tuy nhiên, trong tiếng Anh, như là một thuật ngữ văn học, chữ story rất ít được dùng, phần lớn chỉ xuất hiện trong khái niệm truyện ngắn: *short story*.

Còn với tiểu thuyết thì đã có chữ fiction hoặc chữ *novel*. Nên lưu ý là cả hai từ đều có nghĩa định tính và định giá hơn là chỉ thuần mô tả. Novel, ngoài nghĩa là tiểu thuyết, còn có nghĩa là mới: viết tiểu thuyết là viết một cái gì mới mẻ, chưa ai kể bao giờ. Chữ fiction cũng vậy, vừa có nghĩa là tiểu thuyết *vừa có nghĩa là hư cấu và văn học tưởng tượng* nói chung: Viết là đi vào một thế giới tưởng tượng. Trong tiếng Việt, ngược lại. Viết tiểu thuyết là viết truyện.

Mà *viết truyện là kể một câu chuyện*.

(Một số vấn đề mỹ học – Nguyễn Hưng Quốc)

### **Có phải tiếng mới không?**

Có điều này lạ.



Một mặt, *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của (1895), *Việt Nam tự điển* của Hội Khai Trí Tiến Đức (1931), *Việt ngữ chánh tả tự vị* của Lê Ngọc Trụ (1960), *Việt Nam tự điển* của Lê Văn Đức (do Lê Ngọc Trụ hiệu đính) (1970) tất cả đều không có tung tửng hay tửng.

Bấy nhiêu học giả lẽ nào để sót? Đây là tiếng mới lọt lòng vài thập kỷ nay chăng?

Mặt khác, cái phong cách rất đặc thù Nam bộ này chắc đã thành hình từ trước thời Sơn Nam bắt đầu ngữi "*Hương rừng Cà Mau*"...

Phong cách thì cũ, từ chỉ phong cách thì mới, lẽ nào?!

(Tung tửng có họ hàng bà con gì với tửng tửng, cà tửng, cà tửng, hay không?)

(Tung tửng và tửng – Thu Tứ)

## Chữ nghĩa làng văn

*Mà viết truyện là kể một câu chuyện.*

Xem chuyện là yếu tính của truyện, âm ảnh lớn nhất thường là câu chuyện. *Người ta ngỡ như có được một câu chuyện hay thì sẽ có ngay được một truyện dài hay truyện ngắn hay.*

Nhưng khi câu chuyện nổi lên thì của phong cách, của cách kể câu chuyện ấy tự nhiên rớt xuống hàng thứ yếu. Không phải ngẫu nhiên mà ở Việt Nam, yếu tố gọi là vốn sống hay sự từng trải bao giờ cũng được đề cao hơn là học thức và kỹ thuật. Thậm chí, ở không ít người, *học thức và kỹ thuật* còn gây nên dị ứng.

(Một số vấn đề mỹ học – Nguyễn Hưng Quốc)

## Chữ Việt cổ

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Kì cô: kì dị, lạ đời

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### **Chân nam đá chân xiêu**

Nhờ vào từ "đá" đứng giữa hai vế mà người ta hiểu nghĩa đen của thành ngữ này là "chân nọ đá vào chân kia", và do từ "chân xiêu" một cách đơn thuần là "xiêu xẹo" nên người ta hiểu nghĩa bóng của thành ngữ là "đi đứng không vững vàng". Nhưng tại sao "chân nam" lại là chân này và "chân xiêu" lại là chân kia ?

Thực ra, "nam" là do "đăm", còn "xiêu" là do "chiêu" đọc chệch mà thành. "Đăm" và "chiêu" là hai từ cổ thuần Việt có nghĩa "bên phải" và "bên trái". Từ điển "Đại Nam Quốc Âm Tự Vị" của Huỳnh Tịnh Của (1895) còn ghi: "đăm" là "tay mặt, tay hữu"; "chiêu" là "tay trái, tay tả". "Đăm" và "chiêu" còn thấy ở nhiều câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ như:

"Tay chiêu đập niêu không vỡ" hoặc "Gà kia mày gáy chiêu đăm - Để chúa tao nằm, tao nghỉ chút nao".

"Đăm", "chiêu" trong "gà gáy chiêu đăm" hoặc suy nghĩ "đăm chiêu" với nghĩa đen là "phải trái" để mang nghĩa bóng là "lo nghĩ vất vả, lo nghĩ trước sau". (Từ điển của hội Khai Trí Tiến Đức 1932). Như vậy thành ngữ "chân nam đá chân xiêu" đúng phải là "chân đăm đá chân chiêu" tức chân phải đá

chân trái để chỉ "trạng thái đi đứng không vững vàng".

"Ông cụ Bèo đi bán củi ở chợ Nghệ về, làm mấy chén rượu, chân đấm đá chân chiêu về đến nhà". (Quang Dũng - "Nhà đời").

Sau nữa, nếu say sưa cũng "chân nam đá chân xiêu" thì đây là nghĩa thứ hai của thành ngữ:

"Nhà Chín cũng nghèo thay! Nhờ được bà hay lam hay làm, thắt lưng bó que, xắn váy quai cồng, tất tả chân nam đá chân chiêu, vì tở đờ đàn trong mọi việc". (Nguyễn Khuyến).

### **Chữ nghĩa làng văn**

Một trong những yếu tố gây khốn khổ cho nhà văn là cốt truyện.

Bạn sẽ cần phải dựng cốt truyện. *Tác phẩm cần cốt truyện như là cơ thể cần một bộ xương vậy.*

Phần lớn các nhà văn cho rằng, cốt truyện là chuỗi sự kiện, là *cách thức tác giả chuyển tải chúng đến người đọc.*

(Cửa ải gian khó của nhà văn – Andrew Taylor)

### **Nạ**

Nạ: đàn bà đến tuổi làm mẹ

(nạ dòng vợ được trai tơ,

Gái tơ mây chốc xảy ra nạ dòng)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Vấn đề phân biệt hai cách viết văn xuôi : “kể lại nội dung” và “viết nội dung”, nhà văn Xôlôukhin có đưa ra một nhận xét thú vị:

*90 phần trăm các nhà văn Liên xô kể lại nội dung, chỉ có 10 phần trăm viết nội dung.*

(“Kể lại nội dung” và “Viết nội dung” – Hoàng Ngọc Hiến)

### **Chữ nghĩa làng văn xóm chữ**

*Đây thôn Vĩ Dạ*, bài thơ được in trong tập *Thơ điên* có những câu:

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?  
Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên  
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc  
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

Gần đây có nhiều người cho rằng “*mặt chữ điền*” chẳng phải để tả người mà chỉ là tiếp nối các câu tả cảnh ở đầu bài thơ: sau khi tả nắng hàng cau, tả vườn cây xanh lá.

Và câu thứ tư tả nét kiến trúc đẹp: *lá trúc che ngang ...tám chữ điền (chấn môn)* trước cửa nhà. Vì kiến trúc xưa thường xây bức *chấn môn* chắn trước cửa ra vào. Tám chấn này có khi được trang trí hoa lá, hồ phù, có khi đắp nổi nguyên hình một con hổ. Đơn giản hơn, có khi chỉ đắp nổi một hình chữ thập ở giữa khiến nó giống hệt “chữ điền” Ở vùng Thừa Thiên, Quảng Ngãi, Bình Định, vào cho đến các tỉnh nam Trung phần xưa vẫn gọi tám chấn trước cửa ấy là “*mặt chữ điền*”. Hai bên *chấn môn* lại thường có trồng thêm hai bụi trúc, phía sau có hòn non bộ...

(Nguyễn Cẩm Xuyên - Lá trúc che ngang mặt chữ điền)

### **Chử và nghĩa**

Tục lệ miền Nam ngày Tết không bày cam và chuối. Vì kiêng cử với cam là cam chịu. Chuối đọc theo giọng miền Nam chuối là chúí chúí mũi, làm ăn bết bát không góc đầu lên nổi.

### **Chử nghĩa làng văn**

Rất nhiều truyện đầu tay có cốt truyện vô cùng phức tạp, bởi các tác giả chưa có kinh nghiệm tưởng có thể thu hút độc giả bằng cách đó. Nhưng một cốt truyện hay không nhất thiết phải phức tạp. Có lẽ, một cốt truyện thành công là *cốt truyện mang đến*

*cho độc giả cảm giác rằng khi gấp sách lại, câu chuyện vẫn tiếp diễn.*

Anton Chekhov từng nói, khi viết, bạn cần phải tìm cách vượt qua đoạn mở đầu và kết thúc, vì đó là những nơi “nhà văn mất nhiều thời gian chân chừ nhất”.

Những cốt truyện thành công thường hàm chứa những yếu tố bất ngờ và độc đáo. Một khi đã đọc tiểu thuyết *The Third Policeman* bạn sẽ không thể quên con đường đi đến kết thúc của nó. Độc giả thích những cuốn sách mang đến cho họ những chi tiết không đoán trước được.

John le Carré từng nói: “Con mèo ngồi trên tấm thảm không phải là câu chuyện. Nhưng con mèo ngồi trên tấm thảm của một con mèo khác thì chính là chuyện”.

(Cửa ải gian khó của nhà văn – Andrew Taylor)

## **Từ “Ngô”**

Năm 196, nước Trung Hoa tan rã thành nhiều sứ quân khởi đầu cho cho thời Tam Quốc trong lịch sử Trung Hoa: Phía bắc Tào Tháo lập nhà Ngụy. Lưu Bị tại Tứ Xuyên lập ra nhà Thục (Thục Hán). Ngô Tôn Quyền ở Nam Kinh lập ra nhà Ngô (Đông Ngô).

Quận Giao Chỉ lúc đó nằm trong tay Thái thú Sĩ Nhiếp.

Năm 248, quân Ngô xâm lấn nước ta cử Lục Dật làm Thứ sử lãnh chử An Nam hiệu úy. Danh từ An Nam lần đầu tiên xuất hiện từ thời nhà Ngô (Tam Quốc Chí - Ngô thư – Sĩ Nhiếp truyện) & (Bà Triệu đánh đuổi quân Ngô thời kỳ này).

Trong *Dư Địa Chí* của Nguyễn Trãi, năm 1368, chương XLVIII, từ đời Trần, vua Trần Dụ Tông nói về cấm người nước ta không được học theo các tiếng nói và phục sức của nước Ngô (tức nhà Minh - vì trước đó vào thời Trần, nhà Nguyên đô hộ nhà Minh với ăn mặc của rợ Hồ) để làm loạn phong tục ở trong nước.

(Sử gia Lê Mạnh Hùng – Nhìn lại sử Việt)

## **Chử nghĩa làng văn**

### **Nhân vật**

Việc xây dựng nhân vật có thể tóm gọn ở hai việc: quan sát cách xử sự của nhân vật và kể lại cho độc giả những gì bạn nhìn thấy. Công việc của bạn là đặt chiếc camera vào nhân vật đó.

Nếu bạn mang được những hình ảnh trung thực này vào truyện của bạn, nó có thể không giúp bạn để

dàng tạo được những nhân vật thật xuất sắc, nó sẽ ngăn chặn bạn để ra những nhân vật rõ ngớ ngẩn nhan nhản trong các truyện bình dân.

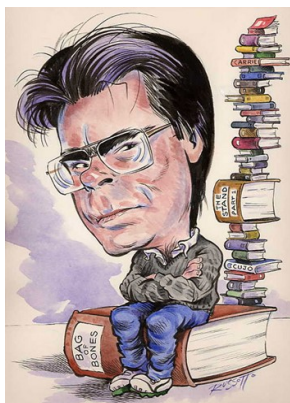
(“Đổi thoại” và “Nhân vật” – Stephen King)

## Nàn

Nàn: kêu ca  
(*phàn nàn, nghèo nàn*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Chữ nghĩa làng văn



Stephen Edwin King, sinh năm 1947, là nhà văn chuyên viết truyện trinh thám, kinh dị nổi tiếng của nước Mỹ. Ông được biết đến nhiều nhất với những tác phẩm đã được chuyển thể thành phim như :

*Stand by Me, The Shawshank Redemption* và *The Mist*

## Nang

Nang: cau  
(*mo nang*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Chữ nghĩa làng văn

### Chữ

Văn chương là nghệ thuật ngôn ngữ. Căn bản của ngôn ngữ là từ vựng. Nhà văn nào cũng cần có vốn từ vựng dồi dào và cần có khả năng chọn được những từ ngữ thích hợp, chính xác và độc đáo nhất để diễn tả những gì mình muốn nói. Chuyện đó hầu như ai cũng biết. Dù không phải ai cũng có thể làm được.

Nếu chữ là yếu tố căn bản của ngôn ngữ thì câu mới là yếu tố căn bản của văn chương. Chữ, trong văn chương, bao giờ cũng nằm trong một ngữ cảnh nhất định. Bởi vậy, không có chữ hay hay chữ dở, chữ thanh hay chữ tục, chữ cũ hay chữ mới: Chỉ có những chữ dùng đắc thể hay không mà thôi và sẽ không còn là những cái xác nằm bẹp dí trên trang sách, như chúng vốn nằm vậy, trong các cuốn từ điển, mà chúng trở thành những sinh vật biết ngó ngàng hay biết nhảy múa, và nhờ sự hô ứng của

những chữ trước và sau đó, khiến người đọc nếu không ngạc nhiên một cách thích thú thì ít nhất cũng chú ý, từ đó, ghi nhớ.

(Kinh nghiệm viết văn – Nguyễn Hưng Quốc)

### **Đổi thoại**

Đổi thoại mang giọng nói cho nhân vật của bạn, nó cũng là nhân tố biểu hiện tính cách nhân vật. Nhưng chỉ những gì nhân vật làm mới cho ta hiểu rõ về nhân vật. Lời nói chỉ tiết lộ phần nào đó.

Đổi thoại hay sẽ chỉ ra nhân vật của bạn sắc sảo hay ngớ ngẩn, trung thực hay giả dối...

Đổi thoại dở sẽ giết chết tác phẩm.

(“Đổi thoại” và “Nhân vật” – Stephen King)

### **Chữ nghĩa làng văn**

#### **Câu**

Tài năng chính của một nhà văn, có thể nói, được thử thách, trước hết, ở khả năng kiến tạo câu văn. Người lười chỉ viết được những câu văn tuy đúng ngữ pháp nhưng câu nào cũng giống câu nào, tất cả đều đầy đặn và bằng phẳng, hàng nối hàng suông đuột, cứ trôi tuột qua mắt người đọc, không để lại một ấn tượng gì cả. Người chịu khó, ngược lại,

không ngừng thay đổi cấu trúc câu để mỗi câu có một cái dáng và một cái thế riêng, như dáng và thế trong cây cảnh; hoặc nếu không, cũng có một cái vẻ riêng, tuy nằm cạnh nhưng lại không lẫn với những câu khác, khiến người đọc, dù không cố tâm, vẫn phải chú ý.

(Kinh nghiệm viết văn – Nguyễn Hưng Quốc)

### **Chữ Việt cổ**

Cóc rác: không có chi hết

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### **Chữ nghĩa làng văn**

#### **Văn bài**

Nhưng một bài văn hay không phải chỉ hay ở câu. Hay, phải hay toàn bài. Bài hay có thể cứu được những câu dở, nhưng câu hay lại không cứu nổi bài dở. Bởi vậy cách tạo câu, tuy quan trọng, nhưng không quan trọng bằng cách lập ý, tức cấu trúc chung của cả văn bài. Lập ý giống như bày trận. Mỗi câu, mỗi ý và mỗi chi tiết được phải được sắp xếp làm sao để chúng có thể hỗ trợ cho nhau, hô ứng với nhau, tăng cường sức mạnh cho nhau, cuối cùng, đạt được mục tiêu tối hậu: để lại một ấn tượng thật sâu trong lòng người đọc.

Trận đánh kết thúc ở câu/đoạn/ý cuối cùng. Theo tôi, người không biết kết thúc một bài văn cũng giống như một người chơi cờ mà không biết cách chiếu tướng.

(Kinh nghiệm viết văn – Nguyễn Hưng Quốc)

### **Nải**

Nải: góp nhiều lại  
(nải chuối, nải cau)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Chữ chỉ là một ký hiệu, giống như mũi tên thì chỉ đường đi, đèn đỏ thì xe ngừng lại ... Mỗi một chữ tự nó không có nghĩa gì hết. Nó ám chỉ một cái gì khác hơn chính nó. Nhưng khi chúng kết hợp với nhau thì tính cách ký hiệu của chúng dường như thay đổi. Hành vi đọc, không còn là đọc những ký hiệu, mà là đắm mình vào trong một thế giới khác cái thế giới mà ta đang hiện diện. Đọc thì cũng là nhìn, nhưng dường như ta chẳng hề thấy chữ “a”, chữ “b”, chữ “u”, chữ “o”, hay câu ngắn câu dài, hay chữ đẹp, chữ xấu, mà thấy từng chuỗi chữ kết nối nhau. Mà dường như ta không hề *thấy*. Ngược lại, ta nghe, ta

cảm, ta ngủi. Y như những con chữ có thể bốc lên, tỏa ra. Nghe có hơi. Tôi gọi là hơi văn.

Nói chung là hơi chữ.

(Hơi chữ – Trần Doãn Nho)

### **Tuổi hạc**

Bạn có bao giờ ngắm kỹ một con hạc trắng chưa? Nó trông thật mảnh mai, chân dài, người mỏng, trong một bộ lông trắng muốt. Trông nó thanh cao như một người luống tuổi mà vẫn giữ được phong cách ung dung... Con hạc được coi là một con vật sống lâu cho nên người ta gọi tuổi của các cụ là tuổi hạc.

### **Chữ nghĩa làng văn**

Đọc mà như lênh đênh bơi trên bờ ảo. Ảo của vật, ảo của ý. Ảo của ảo. Tất cả đều loáng thoáng, mơ hồ, chợt có chợt không. Gọi nên cái *mỏng tang* của không gian, của thời gian, và của cả...Hơi chữ nghe có vẻ chắc. Nhưng xem ra đây nghi hoặc!

Những mảng mênh mông, người viết tiếc không thể đưa thêm nhiều hơn nữa! Cũng là những con chữ đó – những ký hiệu – ai cũng có thể viết, có thể sắp xuôi, sắp ngược theo ý, ấy thế mà, mỗi cách hành văn lại có một lối sắp xếp khác nhau, đưa đến những

cấu trúc khác nhau và toát ra hơi chữ khác nhau. Nhiều bất ngờ khiến cho khi đọc tưởng mình lạc vào một vùng đất nguyên sinh như chưa từng biết đến bao giờ.

Chữ, lạ thật!

(Hơi chữ – Trần Doãn Nho)

### **Nhà văn (1)**

Có một lần, một anh bạn mắng xoi xoi vào mặt tôi (Nguyễn Đức Thiện): “ anh là cái gì, là nhà “ *dãng* “ hả? Nhà “ *dãng*” là cái quái gì?” Tôi không dám cãi một câu. Thì bởi: nhà văn thì cũng bình thường thôi, như bao nhiêu người bình thường khác.

Có người bảo: văn chương giống như cái chợ. Ai thích thì vào không thích thì thôi. Vào không mua, không bán, thì dạo chơi. Thích thì dạo lâu, không thích thì thoáng qua rồi đi. Không thiếu gì người đã hăm hở bước vào nghề văn chương với nhiệt huyết cao. Nhưng chỉ một thời gian, có khi vì hoàn cảnh, và cũng có khi lực bất tòng tâm, họ chia tay với văn chương mà không lời từ biệt. Nhưng cũng có người, ngày này sang tháng khác, năm này qua năm khác, lầm lũi một mình viết và cho ra đời những tác phẩm của mình. Cho nên, ai từng những ai đã từng ghé *chợ văn chương*, từng cầm bút viết thành tác phẩm đều có thể gọi họ là nhà văn, thậm chí, chính

họ cũng có quyền xưng danh là nhà văn, nhà thơ nữa mà chẳng ai có quyền bắt bẻ...

Cho đến bây giờ, những nhà văn, nhà thơ hội viên dưới tuổi bảy mươi may lắm ba bốn năm mới được tài trợ sáng tác một lần. Nhà văn nào sung mãn sáng tác thì vài năm một lần được tham gia trại viết để hoàn thành tác phẩm. Cái mà họ được thưởng xuyên nhất là một số ấn phẩm do Hội nhà văn chủ trì in ấn.

(Nguyễn Đức Thiện – Danh xưng “Nhà văn”)

### **Chữ nghĩa làng văn** (...trích lục lại)

Theo người Tây phương báo chí một thời không được coi là văn chương. Vì văn chương theo định nghĩa ở thế kỷ 19 chỉ gồm có:  
Thơ, kịch, tiểu thuyết và truyện ngắn.

Thi sĩ người Anh Mathew Arnold (1822-1888) phát biểu:

- Báo chí là văn chương...viết vội vàng.

(Vũ Thụy Hoàng – Múa bút)

## Chữ nghĩa làng văn xóm chữ (2)

Nhạc sĩ Phạm Duy, bạn thân của Hoàng Cầm, đã phổ bài thơ *Lá diêu bông* thành ca khúc, từng viết *Hoàng Cầm trong tôi* tại California, Hoa Kỳ, vào năm 1984 nêu cách giải thích:

“...Trước hết chúng ta cần biết lá diêu bông là lá gì? Lá diêu bông (lá bông diêu thì đúng hơn) là thứ lá đặc biệt ở làng Đình Bảng, Bắc Ninh, phụ nữ thời xưa thường vắt ra nước rồi bôi lên mặt cho da dễ được hồng hào tươi đẹp.

(Lại Nguyên Ân - Trích Hoàng Cầm tác phẩm – Thơ)

## Chữ nghĩa làng văn

Cái khó đầu tiên là chọn cách diễn đạt cái thực thể đó: cách hành văn, bố cục, đối thoại, tả cảnh, tả tình, xây dựng nhân vật, xây dựng sự biến đổi hay ngay cả dùng chữ nghĩa để làm "rối tung" mọi sự lên. Thông thường thì mỗi nhà văn đều chọn cho mình một cách diễn đạt riêng từ trước. Họ chỉ lặp lại cách đó (có khi suốt cả sự nghiệp của họ). Ta gọi là văn phong.

*Văn phong thể hiện cá tính nhà văn trong tác phẩm.*

Hiếm nhà văn nào thay đổi văn phong một cách dễ dàng. Tuy văn phong không thay đổi, nhưng tác giả thường thay đổi cách diễn đạt ở một mức độ nào đó

cho phù hợp với cái chất, cái đặc tính, hay không khí và chủ đề của tác phẩm.

(Viết: Săn lùng ngôn ngữ - Trần Hữu Thục)

### **Nhà văn (2)**

Có một nhà văn đồng viên một người viết vào Hội. Người kia hỏi: “ Vào hội để làm gì?” . Anh nhà văn kia cười: “ Vào để khỏi phải viết nữa”. Anh ấy hài hước như vậy vì thực tế có những người vào hội rồi, vỗ ngực xưng danh “ *ta là nhà văn*”, rồi bằng bất có khi vài ba năm sau mới viết được một truyện ngắn, để nhắc với mọi người rằng “ *ta là nhà văn*”. Thế nên, điều lệ mới đây của hội nhà văn đã phải nhắc đến thời hạn không sáng tác của nhà văn để giới hạn độ “*lỳ*” của những nhà văn chỉ cần có cái danh xưng.

(Nguyễn Đức Thiện – Danh xưng “Nhà văn”)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Viết là tìm cách diễn dịch bằng con chữ làm sao cho chúng phù hợp. Bởi thế, nhà văn làm *một cuộc săn lùng ngôn ngữ, thiết kế ngôn ngữ và cấu trúc chúng thành một tổng thể* làm sao để chúng có thể truyền đạt được hết những gì muốn truyền đạt. Vì để làm được điều đó, nhà văn phải vượt qua nhiều khoảng

cách bất định: hiện thực. Các khoảng cách luôn luôn trắc trở, không thể lấp đầy.

Chính vì thế, trong nỗ lực (tuyệt vọng) để cho các con chữ thể hiện trung thành cái mình muốn thể hiện (vốn cũng bất định), nhà văn dùng đủ thứ xảo thuật: ẩn dụ, hoán dụ, chuyển ngữ, đảo ngữ, chấm phết hoặc không chấm phết, nhân vật, cốt truyện, đối thoại, độc thoại...Người ta vẫn tưởng rằng khi xây dựng một nhân vật hay một cốt truyện thì người ta muốn tạo nên một nhân vật hay cốt truyện. Thực ra, đó cũng là một loại cấu trúc ngôn ngữ để diễn tả ý niệm hay một hình ảnh về cái sự vật mà tâm thức tiếp nhận.

(Viết: Săn lùng ngôn ngữ - Trần Hữu Thục)

### **Chữ nghĩa làng văn xóm chữ (3)**

Với bài thơ này (xem kỳ trước), Hoàng Cầm đưa ra câu chuyện một chị đàn bà xấu xí, muốn có bộ mặt đẹp nên dỗ dành đàn em đi tìm hộ chị thứ lá thần dược này. A! Chị muốn có chiếc lá thần dược để làm cho mặt chị đẹp? Chỉ vài ngày sau đã có người tìm ra chiếc lá. Đó là chiếc lá dân tộc, giản dị là như vậy!...”

(Lại Nguyên Ân - Trích Hoàng Cầm tác phẩm – Thơ)

## Chữ nghĩa làng văn

Tùy bút - tùy hứng là phóng bút, gặp gì chép nấy, nghĩ sao nói vậy: *Một cơn mưa, một giọng hát, một hóp trà, một trang sách, một tiếng ve rí rả trong rừng...* bất kỳ một sự việc nào, hễ gợi hứng cho ta cũng có thể là đề tài một thiên tùy bút. Nó phóng túng như vậy nên ta tưởng là dễ, nhưng có viết thử mới thấy khó. Trước hết nó phải thanh thoát, nhẹ nhàng như ngồi bên giàn hoa hay một ấm trà. Nó không dài, trung bình mười trang trở lại, nhưng lời phải tự nhiên, có duyên, nội dung phải có ý vị.

Quan trọng nhất vẫn là nghệ thuật. *Tiểu thuyết mà dở thì người ta vẫn gọi là tiểu thuyết; thơ mà dở thì cũng vẫn là thơ - thơ con cóc.* Còn tùy bút mà thiếu nghệ thuật thì không có tên để gọi vì lẽ không ai thèm biết tới. Cho nên lựa thể tùy bút là làm một công việc chỉ có thành công hay thất bại, không thể nhùng nhằng được.

(Nguồn: Nguyễn Hiến Lê)

## Chữ Việt cổ

Cử mục: người làm lớn

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

## Chữ nghĩa làng văn

Ngôn ngữ là phương tiện của viết lách.

Hơn sáu mươi năm trước thường hay đọc lang thang, một hôm tôi gặp bài "Đợi thơ" của Hồ Dzếnh. Lời lời hoa mỹ, xa xôi, mơ hồ, mộng ảo; tôi mê toi, "ngâm" đi "ngâm" lại:

(...) Biển chiều vang tiếng nhân ngư

Non xanh thao thiết trời thu rượi sầu

Nhớ thương bạc nửa mái đầu

Lòng vương quán khách nghe màu tà huân (...)

Lời không hiểu mấy, ý không rõ mấy, nhưng mặc kệ: tôi thích, mê toi. Tôi có chú ý đến mấy tiếng "non xanh thao thiết".

"Thao thiết" ám ảnh tôi. Xanh thao thiết là xanh cách nào? Không biết đích xác, nhưng tôi cho đó là một chữ tài tình, đúng với màu núi "nọ"(?) Rồi cách dăm ba năm, bảy tám năm, tình cờ gặp một tác giả nào đó cũng "xanh thao thiết". Nhưng tôi chưa bắt gặp "thao thiết" trong một cuốn tự điển Việt ngữ nào.

(Viết lách – Võ Phiến)

## Viễn phố

"Tự điển từ và ngữ Hán Việt" giải thích rằng viễn: xa; phố: chỗ bán hàng, nhà trạm; và viễn phố: nơi ở xa. Rồi ông trích dẫn câu thơ *Gác mái, ngư ông về*

*viễn phố...* của Bà huyện Thanh Quan. Ông (Nguyễn Lân) không hiểu rằng ở đây, phố nghĩa là bên sông chứ không phải phố là cửa hàng. Viễn phố nghĩa là bên sông ở xa. Bà huyện Thanh Quan ở thế giới bên kia hẳn phải vô cùng đau lòng cho đất nước nếu bà biết rằng có một nhà biên soạn từ điển tiếng Việt ở cuối thế kỷ XX đã giảng giải thơ của bà như thế.

(Hai quyển từ điển có hại cho tiếng Việt - Lê Mạnh Chiến)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Khác với các loại hình nghệ thuật khác, hầu như người biết chữ nào cũng có thể viết văn được, hoặc ít nhất, cũng tưởng mình viết văn được. Nhưng chỉ có một số ít thực sự được xem là nhà văn.

Trong số những người được xem là nhà văn, chỉ có một số ít, cực ít, những người thực sự nổi lên như một giọng điệu riêng, với một bản sắc riêng, trụ lại được với thời gian và lưu lại được một dấu ấn nào đó trong ký ức người đọc. Bí quyết nào làm cho những người ấy đạt được những thành tựu như thế?

(Cần có hình tượng mạnh – Nguyễn Hưng Quốc)

## **Ngo**

Ngo: thuyền độc mộc  
(ghe ngo)

(Tự điền tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## **Chữ nghĩa làng văn**

Bí quyết nào để đạt được những thành tựu như thế? Chắc chắn không phải là chữ. Cũng không phải là chuyện. Cũng không phải là kiến thức. Không phải là tư tưởng. Tư tưởng, ngay cả khi được hệ thống hoá và có tầm khái quát cực cao, chỉ tạo nên những triết gia. Chứ không phải là nhà văn.

Văn chương không phải là những gì được viết ra. Văn chương là những gì còn lại. Chỉ có bài viết hay những câu văn nổi bật lên giữa vô số những bài viết hay những câu văn khác, có khả năng đánh động được vào tâm thức của người đọc và trở thành một ám ảnh trong một thời gian dài mới thực sự là văn chương.

Bởi vậy, nghệ thuật viết văn thực chất, hay, nếu không, trước hết, là nghệ thuật gây ấn tượng. Người ta có thể gây ấn tượng bằng cách chính: dùng từ, đặt câu và *hình tượng*.

(Cần có hình tượng mạnh – Nguyễn Hưng Quốc)

### **Ăn cơm trước keng (1)**

Chữ nghĩa cũng có một đời sống. Tức là có sinh: Sinh ngữ và có tử: Tử ngữ. Ngày nay không ai nói Bọ mà thay vào đó, nói vợ như vợ chồng. Bọ là tử ngữ diễn tả sự bọ đờ ở phía dưới để cho một vật thể chồng chất lên trên, hiện chẳng còn thông dụng.

Ăn cơm trước keng là sinh ngữ mới mẻ. Thuở trước người ta chưa phát sinh cách nói vậy, mà gọi là chữa hoang, chữa buộm!

Chữa buộm chỉ là kết quả của ăn cơm trước keng. Ăn cơm trước keng mô tả hiện tượng quan hệ nam nữ như vợ chồng trước khi thực sự trở thành vợ chồng.

(Nguồn: Nguyễn Phú Long)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Tôi hình dung, hình tượng mỗi câu văn như một cú đấm. *Cú đấm nào cũng là đấm thật. Nhanh, gọn, dứt khoát. Và mạnh.* Nếu câu văn tạo ra tiếng kêu thì đó phải là những tiếng kêu chan chát chứ không phải là tiếng ầu ơ ví dẫu quen thuộc và xưa cũ. Chúng không phải chỉ làm cho bài văn đẹp hơn mà còn mở rộng tầm liên tưởng của người đọc, qua đó, làm cho bài viết trở thành đa nghĩa và đa tầng hơn. Mỗi bài chỉ cần vài ba hình tượng chính.

Ít. Nhưng cần sắc. Và *thật ấn tượng*.

(Cần có hình tượng mạnh – Nguyễn Hưng Quốc)

### **Ăn cơm trước keng (2)**

Ăn cơm trước keng, chẳng là vì từ lâu người ta đã dùng cái dùi, cái dùi thường là chiếc đũa cả đảo cơm, hoặc một thanh sắt, hoặc bất cứ vật gì tương tự gài gụi cho tiện, gõ vào cái chảo, cái chung, cái vạc hay cái đỉnh bằng gang để nấu nướng cho phát ra âm thanh gọi là tiếng keng gõ hầu báo hiệu giờ ăn cơm.

Ngày xưa một số nhà đông con cháu mà sống với nhau dưới một mái nhà đến ba bốn đời (tam tứ đại đồng đường) có thể tới bốn hoặc năm chục nhân khẩu, hàng ngày đàn ông thì đánh cờ, đọc sách, ngâm thơ. Đàn bà thì nấu nướng may vá thêu thùa, tầm tang dệt cửi; Trẻ con thì đánh bi đánh đáo bắt dế bắt chim. Nên tới giờ ăn phải dùng keng làm hiệu lệnh để báo hiệu.

(Nguồn: Nguyễn Phú Long)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Một số lần hình như tôi đạt được điều đó. Tôi hài lòng nhất là hình ảnh cuộc hành lạc đầu đón của

những người bị bắt lực ở cuối bài viết “Sống và viết như những người lưu vong: “Viết văn, ngày xưa, là một danh phận; sau này, vừa là một danh phận vừa là một nghề nghiệp. Ở hải ngoại, viết văn không thể là một nghề nghiệp mà trên thực tế, cũng không còn là một danh phận. *Viết văn trở thành một cách hành lạc đau đớn của những người bị bắt lực.*”

(Cần có hình tượng mạnh – Nguyễn Hưng Quốc)

### **Ngoi**

Ngoi: nghi ngoi

(thổ ngoi: thích hợp do chữ “nghi” đọc chệch)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Văn học là nghệ thuật ngôn ngữ, là nơi ngôn ngữ biến thành một nghệ thuật chứ không phải chỉ là một phương tiện truyền thông. Nếu viết là một sự tỏ tình, như một số người đã nói, thì sự tỏ tình ấy, trước hết, phải là sự tỏ tình đối với ngôn ngữ.

Tôi tin là không có một cây bút tài hoa và nghiêm túc nào đến với văn học mà không khởi đầu viết lách với ngôn ngữ. Tôi cũng tin là tất cả những sự thành bại của một người cầm bút đều tùy thuộc, trước hết,

vào sự thành bại của hấn với tư cách là người sử dụng ngôn ngữ. Cảm xúc dồi dào đến đâu thì cũng mặc, tư tưởng thâm trầm đến đâu thì cũng mặc, kinh nghiệm sống có phong phú đến đâu thì cũng mặc, điều người cầm bút cần trước hết vẫn là sự tài hoa trong cách diễn đạt ngôn ngữ. Có nó, những cảm xúc, tư tưởng và kinh nghiệm kia hiện hữu; không có nó, tất cả đều có nguy cơ bị tan vào hư không.

(Ngôn ngữ và văn hóa – Nguyễn Hưng Quốc)

## **Ngon**

“Đồ ăn ngon, chỗ ngồi ăn không ngon, người ngồi ăn không ngon. Không ngon!

“Đồ ăn ngon, chỗ ngồi ăn ngon, người ngồi ăn không ngon. Không ngon!

“Đồ ăn ngon, người ngồi ăn ngon, chỗ ngồi ăn không ngon. Không ngon!

## **Chữ nghĩa làng văn**

Một lần khác Nguyên Hồng khuyên chúng tôi phải tự biết mình . Ông nói : Các cụ ta xưa có câu “liệu com gấp mắ” nghĩa thùng thạp nhà anh chỉ vét được có hai lẻ gạo nếu anh bỏ vào cái nồi tèo hương (niêu đất nung loại nhỏ xíu) mà nấu may còn thành com được. Chứ hai lẻ gạo mà anh bỏ vào cái nồi 12 mà nấu thì chắc chắn com chẳng thành com , cháo

chẳng thành cháo mà hồ cũng chẳng thành hồ được đâu.

Ý Nguyên Hồng muốn nhủ chúng tôi muốn viết văn thì hãy lượng xem cái vốn sống của anh nó dày mỏng, có ngân nào. Vốn sống còn nghèo mà tài lại hẻo mọn thì vội ham bốc giờ là không ổn.

(“Liệu cơm gắp mắm” – Nguyên Hồng)

### **Nhem**

Nhem: không rõ  
(*lem* nhem, *nhá* nhem)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Nói về nghệ thuật viết truyện , nhà văn Nguyên Hồng nói đại ý rằng : “Viết truyện nó cũng giống giống cái người đan rổ. Anh biết đẵn tre, biết ra nan, chuốt nan, biết gậy, biết đan, biết lát. Nhưng anh lại không biết đánh cạp , không biết “lên” khuôn hình thù cái rổ thì nó vẫn chỉ là cái mê chứ sao có thể gọi là cái rổ được.

Viết văn cần phải có năng khiếu . Nhưng không phải anh có năng khiếu rồi là làm chơi ăn thật được đâu ,

mà phải lao tâm khổ trí cật lực nữa mà y ra mới gặt hái được cái gì, không đùa được.

(“Liệu cơm gắp mắm” – Nguyên Hồng)

### **Chữ Việt cổ**

Viết dẫn: viết kỹ

Chữ dẫn: chữ viết kỹ

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### **Chữ và nghĩa (1)**

Mừng ông dâng rượu ngon một *bát*

Thế cũng là đàn hát lộ chi

(Nguyễn Khuyến)

*Bát* có rất sớm. Tàu và ta đều có *bát*. Tên *bát* có nguồn gốc từ tiếng Phạn *bát đā la* nghĩa là *cái bát ăn* của nhà sư (Thiền Chử).

*Bát* cơm xơ nhờ ơn xã tắc

Gian lều có đội đức Đường Ngu

(Nguyễn Trãi)

Một bầu, một *bát*, vũng sơn tăng,

Thế sự ngoài tai, biếng nói năng

(Nguyễn Bình Khiêm)

Ta dùng *bát* để ăn cơm. *Bát* lớn dùng đựng canh.

(Nâng chén, cụng ly, chạm cốc và đụng lon – Nguyễn Dư)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Một lần Nguyễn Hồng đọc một truyện vừa của một tác giả có thâm niên, trước đó tác giả nói với nhà văn rằng anh sẽ viết tác phẩm đó khoảng 70 trang. Nhưng khi Nguyễn Hồng đọc truyện của tác giả kia đã hơn 40 trang mà vẫn chưa thấy hình hài nhân vật đâu cả thì ông than và bảo tác giả rằng : “Cứ đà này có lẽ anh sẽ viết đến 700 trang mất thôi”.

Rồi ông ngừng nói , nhìn tác giả truyện vừa và bọn viết trẻ chúng tôi giọng nhẹ nhàng: “Các anh đọc cái truyện “Đôi móng giò” của ông Nam Cao rồi phải không? Mà đầu tiên truyện đó ông ấy chỉ viết có mấy dòng mà cái nhân dạng, tính cách của cái thằng Trạch Văn Đoàn nó đã rõ hiện mồn một ra rồi” .

Nghĩa là khi các anh viết thì hãy *đừng có dông dài vòng vo mà truyện nó tãi ra, nhạt lắm.*

(“Liệu com gấp măm” – Nguyễn Hồng)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Theo tôi, đề văn chương hàm súc và ý vị, nhà văn phải viết trong giả thiết là *người đọc của mình là*

*những người cực kỳ thông minh và uyên bác: hẳn không cần phải viết những gì, thứ nhất, độc giả có thể đã biết rồi; thứ hai, độc giả có thể chưa biết nhưng có thể tìm hiểu ở những nguồn tài liệu khác.*

(Nhà văn...không là ai – Nguyễn Hưng Quốc)

### **Khâm Thiên**

Ở Hà Nội còn một đường phố mang tên Khâm Thiên, sau có một thời là nơi chốn hát ả đào, cô đầu mà Tản Đà, Trần Tế Xương, v...v... thường lui tới để vào văn học sử.

Thế nhưng dưới thời Hậu Lê, đó là địa điểm để cơ quan Khâm Thiên Giám làm việc, tức đài thiên văn để các quan văn xem...thiên văn cho nhà nông cấy cấy.

(Tiền tình văn hóa Việt Nam – Nguyễn Khắc Thuần)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Với những người đọc thông minh và uyên bác ấy, hẳn phải viết những *điều thông minh và uyên bác tương xứng*, nghĩa là, *ít nhất phải thông minh và uyên bác hơn chính bản thân hẳn.*

Lâu nay, trong những cách nghĩ thông thường, chúng ta có khuynh hướng xem tác phẩm chỉ là một

phần của tác giả: Nếu tác phẩm ấy có điều gì thông minh và uyên bác thì đó chỉ là một phần trong sự thông minh và uyên bác của tác giả.

(Nhà văn...không là ai – Nguyễn Hưng Quốc)

### **Chữ và nghĩa (2)**

Kiều dân, kiêu bào – Chữ kiêu có nghĩa là đi ở xứ khác, nơi không phải nước mình. Kiêu dân là dân nước này đang ở nước khác. Kiêu bào cũng có nghĩa tương tự, nhưng người Việt Nam thì gọi các người Việt khác là kiêu bào vì là đồng bào, cùng một bọc với nhau; còn khi gọi các người Pháp, người Hoa cũng ở nhờ thì gọi họ là kiêu dân, không dùng chữ bào nữa.

Các từ này được dùng từ khi chúng ta không phân biệt chủng tộc và quốc tịch. Ngày nay, có sự phân biệt vì mỗi quốc gia có thể gồm nhiều chủng tộc khác nhau. Cho nên, nên gọi những người quốc tịch nước này sang ở nước khác là kiêu dân, khi họ nhập tịch rồi thì không nên gọi bằng tên đó mà dùng chữ “người Mỹ gốc ...” Tuy nhiên theo lối thông thường tất cả mọi người cùng gốc từ một quốc gia mà sống ở nước khác có thể gọi chung là kiêu bào.

Cho nên chữ Việt kiêu có thể dùng để chỉ chung tất cả mọi người Việt Nam sống ngoài nước Việt Nam, dù họ đã đổi sang quốc tịch mới hay chưa. Chữ Hoa kiêu chỉ chung tất cả những người Trung Hoa ở

nước ngoài. Ngày nay các chữ “Người Việt hải ngoại” hay “Hoa kiều hải ngoại” thông dụng hơn.

(Nguồn: Ngô Nhân Dụng)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Sự thật ngược lại. Những tác phẩm thành công nhất của một tác giả bao giờ cũng *thông minh hơn, uyên bác hơn*, do đó, *giàu có hơn và cũng cao hơn hẳn tác giả* ấy. Những tác phẩm ấy trở thành một thách thức đối với chính cái kẻ đã tạo ra chúng.

Đối diện với thách thức ấy, nhiều người đã đầu hàng:  
Họ buông bút, không viết nữa.

(Nhà văn...không là ai – Nguyễn Hưng Quốc)

### **Bốn ngàn năm văn hiến (I)**

Vấn đề dân tộc Việt Nam có “bốn ngàn năm văn hiến” như các nhà văn hóa hiện nay đã tuyên bố khiến cho trong giới thanh niên trí thức thắc mắc và nghi ngờ, không biết hai chữ “văn hiến” có ý nghĩa gì, và căn cứ vào đâu để nói với cả một tin tưởng.

Nguyễn Trãi, khi giúp Lê Thái Tổ đánh đuổi quân Minh, xây dựng nền độc lập, tự trị của nước nhà cũng chỉ tuyên cáo với quốc dân:

“Dụng ngã Việt chí quốc,  
Thực vi văn hiến chi bang.  
Sơn xuyên chi phong vực ký thù,  
Nam Bắc chi phong tục diệc dị.  
Việt, Triệu, Đinh, Lý, Trần chi triệu tạo ngã quốc  
Dữ Hán, Đường, Tống, Nguyên nhi các đế nhất  
phương.”

Nghĩa là:

“Thử xét nước nhà Đại Việt.  
Vốn thật một nước văn hiến.  
Núi sông khu vực đã khác biệt,  
Phong tục phương Bắc, phương Nam không giống.  
Từ Triệu, Đinh, Lý Trần dựng nên nước ta,  
Vớ Hán, Đường, Tống, Nguyên ai nấy làm chúa  
một phương.”  
(Bình Ngô Đại Cáo)

Đây là Nguyễn Trãi, muốn cổ võ cho tinh thần quốc gia dân tộc mà cũng chỉ dám kể từ nhà Triệu, tự xưng là Nam Việt vương đóng đô ở Phiên ngung ngày nay là Quảng châu tỉnh Quảng đông vào năm 237 trước T.C.

Tính đến ngày nay 1973 thì mới được 1980 năm.

Như vậy thì lấy đâu ra 4.000 năm văn hiến? Nói đến Văn hiến là ngụ ý có văn chương bút ký và người hiền tài, có công trình xây dựng cho nước. Nói “Bốn

ngàn năm văn hiến” của Việt nam chẳng hoá ra ngoa ngôn cường tín hay sao?

(Nguyễn Đăng Thục – Bốn ngàn năm văn hiến)

### **Chữ nghĩa làng văn**

*Tri túc tiện túc, đãi túc hà thời túc?  
Tri nhàn tiện nhàn, đãi nhàn hà thời nhàn?  
(Nguyễn Công Trứ)*

Nghĩa là:

*Biết đủ tự cho là đủ, chờ đủ biết bao giờ mới đủ?  
Biết nhàn tự cho là nhàn, đợi nhàn biết bao giờ mới nhàn?*

Phải chăng hai câu trên của Nguyễn Trãi

*Biết đủ dù không chi cũng đủ,  
Nên lui đã có dịp thời lui.  
(Ứng Trình Nguyễn Trãi)*

(Mùa xuân với những quả dưa dân tộc – Thái Văn Kiểm)

### **4000 năm văn hiến (II)**

Câu văn “*Duy ngã Đại Việt chi quốc thực vi văn hiến chi bang*” mà Trần Trọng Kim, trong *Việt Nam Sử Lược* dịch là: “*Như nước Việt ta từ trước vốn*

*xung văn hiến đã lâu.* Câu này nằm ngay trong phần đầu của bài *Bình Ngô Đại Cáo* của Nguyễn Trãi. Các sách cổ của người Việt được soạn thảo trước đó như *Việt Điện U Linh Tập*, *Lĩnh Nam Chích Quái*, *Nam Chí Lược*, *Việt Sử Lược*... để xem hai chữ văn hiến có được dùng để chỉ dân tộc ta và đất nước ta hay không? Câu trả lời có thể nói là không.

Nhưng sách do chính Nguyễn Trãi biên soạn đã giúp chúng ta tìm được câu trả lời. Cuốn được dùng ở đây là *Dư Địa Chí* nói về việc từ đời Trần cấm người nước ta không được học theo các tiếng nói và phục sức của các nước Ngô để làm loạn phong tục ở trong nước. Đại khái là từ sau khi quân Nguyên vào chiếm Trung Quốc, thiên hạ biến theo cách nói năng, ăn mặc của rợ Hồ, chỉ riêng có Đại Việt là không thay đổi mà thôi. Tới khi vua Thái Tổ nhà Minh lên ngôi, Dịch Tế Dân được phái sang thông hiếu với nước ta, vua , vua Trần Dụ Tông nhà Trần sai Doãn Thuần Thuần (1) sang sứ nhà Minh đáp lễ. Vua nhà Minh trong khi ủy lạo sứ thần nước ta đã khen phong tục, y phục của dân ta vẫn giữ nguyên văn minh Trung Hoa từ thời nhà Chu và nhà Tống, nhân đó ngự ban cho mấy câu thơ như sau:

An Nam tế hữu Trần  
Phong tục bất Nguyên nhân  
Y quan Chu chế độ  
Lễ nhạc Tống quần thân

(An Nam có họ Trần  
phong tục không theo Nguyên  
áo mũ vẫn theo chế độ nhà Chu  
lễ nhạc vẫn hết như vua tôi nhà Tống)

Sau đó vua nhà Minh còn tặng bốn chữ *Văn hiến chi bang* và thăng địa vị cho sứ thần Đại Việt lên trên sứ thần Triều Tiên ba cấp. Đồng thời khi sứ thần (1) ta ra về, vua nhà Minh lại sai Ngưu Lượng mang sắc và ấn vàng sang phong thưởng cho vua ta.

Những dữ kiện kể trên cho ta thấy rõ nguồn gốc của hai 4 chữ “Văn hiến chi bang” (2) (3) mà Nguyễn Trãi đã dùng trong *Bình Ngô Đại Cáo*. Nó không phải là tự người Việt đặt ra cho mình để tự tôn xưng mình mà là do vua nhà Minh tặng.

(1) Theo dương lịch, năm trao đổi sứ thần Doãn Thuần Thuần kể trên là năm 1368, trùng hợp với những gì được ghi trong *Minh sử* và trong *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*.

(2) Văn hiến hiểu theo nghĩa là văn minh, văn hóa, phong tục, tập quán nói riêng và dân tộc tính nói chung từ đời Trần, đời vua Trần Dụ Tông.

(3) Nguyễn Trãi chỉ nói Văn hiến chi bang mà không xác định con số “4000 năm” là cách tính theo Ngô Sĩ Liên (1479) ngược về thời gian của tổ tiên những người để trứng ra con

(nguồn Tạ Chí Đại Trường)

(Sử gia Phạm Cao Dương – Ai gọi Việt Nam là nước văn hiến?)

## Nhiều

Nhiều: người được miễn tạp dịch, sưu thuế  
(lão nhiều, anh nhiều)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Nặng



Đành rằng ngôn ngữ cũng là một thứ sử liệu nhưng ta không thể có tham vọng biết lịch sử với độc một nguồn ngôn ngữ.

Thí dụ, ở bài trước, chúng tôi có nói người Trung Hoa không có tiếng "Nặng" theo cái nghĩa Nặng của ta. Họ nói *Phoi*. Nhưng rồi sau đó, họ vẫn có tiếng *Thử*. Nhưng đó là sáng tạo về sau mà họ đã quen miệng với tiếng *Phoi*, tiếng *Thử* chỉ để viết chứ không nói.

Như vậy, kết luận rằng từ thuở sơ khai, trên lãnh thổ Trung Hoa chánh gốc (Thiểm Tây, Hà Nam) trời không có nặng là sai. Thuở ban đầu, họ

không có tiếng *Nắng*, không hiểu vì lẽ gì, còn phải tìm ở các nguồn khác nữa, chớ ngôn ngôn ngữ không phải là một chứng tích đủ sức nặng một cách tuyệt đối.

Nhưng nếu chứng tích ngôn ngữ được đối chiếu với một vài chứng tích khác thì có hy vọng tìm ra phần nào sự thật trong cõi u minh của thời gian, những chứng tích khác ấy, riêng lấy nó cũng không đủ để chứng minh một cách đích xác sự kiện nào thì ngôn ngữ, trong trường hợp đó, là một sử liệu tốt để bổ túc vậy.

(Bình Nguyên lộc - Dân Lạc Việt qua ngôn ngữ Việt Nam)

### **Chữ là nghĩa**

Kỷ nguyên, thời đại, thời kỳ, giai đoạn...

Nên dùng chữ kỷ nguyên cho một thời gian dài trong lịch sử nhân loại, đánh dấu bằng các biến cố quan trọng có ảnh hưởng lâu dài; thí dụ kỷ nguyên công nghiệp, kỷ nguyên tin học.

Thời đại nên dành cho các thời gian lịch sử lâu dài hơn, thí dụ thời đại đồ đá, thời đại đồ sắt, thời đại phong kiến.

Khi viết về lịch sử một dân tộc nên dùng những chữ thời kỳ, chẳng hạn thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh.

Những khoảng thời gian ngắn hơn dùng những từ như giai đoạn, hoặc thời, đủ rồi. Chẳng hạn thời Việt Nam Cộng Hòa, thời chiến tranh Nam Bắc.

(Nguồn: Ngô Nhân Dụng)

### **Chữ Việt cổ**

Dều dào: nhiều lắm

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### **Chữ và nghĩa**

Đêm qua để cửa chờ chồng,  
Đêm nay để cửa chờ ông láng giềng.

### **Xin miễn phúng điếu (1)**

Tới nhà quản thăm người chết thấy ghi hàng chữ: Xin miễn phúng điếu. Ghi như vậy là không gọn nghĩa lắm vì trong nghĩa chữ “điếu” còn có ý nghĩa thăm viếng người chết. Không lẽ lại đi yêu cầu đừng đến thăm viếng người chết.

Trong khi chữ “phúng” là giúp cho tang gia lo việc ma chay.

## Nhơn

Nhơn: hơi hơi  
(trời nhờn nhờn lạnh)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Linh sàng (2)

Linh là thiêng liêng, là liên quan đến người chết; sàng là cái giường. Các từ tổ này đã được soạn giả giải nghĩa đúng.

Nhưng nhiều người cho rằng linh sàng là giường thờ người mới chết chưa đem chôn. Nếu như vậy thì phải chăng Nguyễn Du đã dùng sai từ này ở hai câu thơ trong Truyện Kiều:

*Sang nhà cha, tới trung đường,  
Linh sàng bài vị thờ nàng ở trên.*

Thật ra, từ linh sàng có hai nghĩa:

1) Giường đặt thi thể người chết khi đám tang.

2) Cái bàn nhỏ đặt trước bàn thờ, làm “chỗ nghỉ” cho linh hồn người chết khi chưa hết tang. Đó chính là cái “giường thờ”, rồi từ đó, dân ta cũng gọi cái bàn thờ là “giường thờ” khiến nhiều người, kể cả những người biên soạn từ điển tiếng Việt đã định

nghĩa: “giường thờ” là bàn thờ tổ tiên, cao và rộng!  
(Hoàng Phê).

Trong hai câu thơ trên đây, linh sàng mang nghĩa thứ hai.

(Hai quyền tự điển có hại cho tiếng Việt - Lê Mạnh Chiến)

### **Chữ là nghĩa**

Cái *chén* chữ Hán là *trản*. Chữ Hán phân biệt 2 loại *trản* :

- Trản (bộ Mãnh) là chén nhỏ bằng sành, sứ hay đất nung.

- Trản (bộ Ngọc) là chén bằng ngọc.

Thông thường thì *chén* nhỏ hơn *bát*. *Chén* dùng để uống trà, uống rượu. Nhưng cũng có nơi quen gọi cái *bát* ăn cơm là cái *chén*. Có người dùng *bát* uống rượu thay *chén*.

Cái *chén* được văn thơ dùng rất nhiều. Thơ nôm của Nguyễn Trãi có 9 bài có *chén rượu*. Thơ Nguyễn Bình Khiêm cũng có 9 bài có cái *chén*. Truyện Kiều của Nguyễn Du đếm được 24 cái *chén*. Đủ loại chén dùng theo nghĩa đen, nghĩa văn chương bóng bẩy (1).

Cái *bát*, cái *chén* do chữ Phạn, chữ Hán mà ra, người Việt quen dùng từ lâu đời. Sang thế kỉ XX, cái *chén* còn chiếm địa vị quan trọng trong văn học.

Vũ Đình Long sáng tác vở kịch *Chén thuốc độc* (1921). Nguyễn Tuân viết *Chén trà trong swong sớm* (1940) v.v. Nhưng cái chén bắt đầu bị cái ly, cái cốc cạnh tranh.

(Nâng chén, cụng ly, chạm cốc và đụng lon – Nguyễn Dư)

### **Xe thổ mộ**

Tên xe có ngựa kéo, có hai nguồn nhưng không chính xác lắm:

Một là người Hoa đọc là “thụ mã”, ta đọc trại đi là “thổ mộ”.

Hai là có nguồn cho rằng vì mui xe ngựa được đóng khum khum như cái gò mối đất, bèn gọi là thổ mộ.

(Nghề “xà ích” ngày xưa – K’sim)

### **Chữ là nghĩa**

Lang bạt kỳ hồ – Đây là một thành ngữ cổ, có nghĩa là con lang (loài chó sói) đi lập chập vấp vấp (bạt) trông như con cáo (hồ). Từ này bây giờ có nghĩa là đi lang thang vô định, có thể tốt hoặc xấu, ta biết nghĩa gốc của nó thì đỡ dùng nhầm.

(Nguồn: Ngô Nhân Dụng)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ (1)

Hồi tôi lấy chồng, một anh bạn nhà văn chân thành chúc mừng rằng: “Hoài may mà có thằng Tây khuôn đi, chứ ở nhà thì ế.” Tôi chưa bao giờ lọt vào dù chỉ vòng ngoài cùng của tấm bia sắc đẹp mà đàn ông mê bấn. Đi cạnh chồng ở Hà Nội, tôi đã quen nghe bình luận ngay trước mũi rằng bọn Tây có cái gu kì cục, thiếu gì gái Việt đẹp mà chọn toàn những cô không ra gì. Nên khi nghe anh bạn nói thế tôi chỉ lo cho anh, lỡ lời rồi phải nói tiếp đúng điều mình nghĩ thì thật bất tiện. Nhưng lời giải thích sau đó không đến nỗi khó nuốt. Anh bảo, đàn bà thông minh như tôi thì bố thằng nào dám sờ đến.

(Đông Tây nam nữ - Phạm Thị Hoài)

### Chữ và nghĩa

Câu thơ sau đây quả đã nói được một cách khá trọn vẹn tâm trạng của Nguyễn Du:

*Cổ mạch hàn phong cộng nhất nhân,*

*Hắc dạ hà kỳ mê thất hiếu.*

*(Dạ hành)*

(Trên lối cũ, gió lạnh dồn cả vào một người,  
Đêm tối mờ mịt không biết bây giờ là bao giờ,  
mãi chẳng thấy sáng)

### Nhược

Nhược: nếu  
(nhược bằng)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### **Chữ là nghĩa**

Thoáng hiện em về trong đáy *cốc*  
Nói cười như chuyện một đêm mơ  
(Quang Dũng, *Đôi bờ*)

Miền Nam không dùng *cốc*, gốc gác của *cốc* lại là...  
miền Nam.

*Tự vị Huỳnh Tịnh Của* có *cốc* rượu (*chén* rượu).  
Nhưng *Từ điển Génibrel* (1898) không có cái *cốc*.  
Điều này cho thấy cuối thế kỷ XIX, *cốc* chưa được  
dùng rộng rãi trong dân chúng.

*Việt Nam tự điển* (1931) của *Hội Khai Trí Tiến*  
*Đức* định nghĩa:

*Cốc*: đồ dùng để uống rượu, thường làm bằng *thủy*  
*tinh*.

Tên *cốc* từ đâu ra ? Xin tạm đưa ra hai cách giải  
thích.

*Tự vị Huỳnh Tịnh Của* có cái *cúp* (tiếng mới), nghĩa  
là cái *chén* có cán. Có thể cái *cúp* (coupe) của Pháp  
bị nói trại thành cái *cốc*.

(Nâng chén, cụng ly, chạm *cốc* và đụng lon –  
Nguyễn Du)

## Chữ Việt cổ

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

dối em: ru em

(Phạm Xuân Độ)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ (2)

Gần đây có phong trào chị em so sánh trai Việt với trai ngoại quốc, đặc biệt là trai Tây. Tôi cũng biết vài phụ nữ Việt lấy chồng Đức ở đây, người tự hào thằng Tây nhà tao hiền lắm, người khoe Tây nhà em cực chăm chỉ, Tây nhà mình dễ nuôi, Tây nhà tớ trung thành, nghe tuy hơi giống người ta khen một con ngựa, thêm kích thước, độ khỏe nữa thì thành quảng cáo cái máy xúc, nhưng trong đó có một sự thật nho nhỏ là khá nhiều đàn ông Tây hiện đại đang được trang bị những đức tính mà khá nhiều đàn ông Việt hiện đại không phải là không sở hữu mà không thêm sở hữu. Hiền lành, chăm chỉ, chí thú gia đình, chung tình..., những phẩm chất đàn bà chán ngắt. Dù nói chung không biết mình là ai, đứng ở vị trí

nào, đàn ông Việt luôn biết chắc một điều: mình là thằng đàn ông, đứng cao hơn đàn bà ít nhất dăm bảy bậc.

(Đông Tây nam nữ - Phạm Thị Hoài)

### **Chữ là nghĩa**

Lờ đờ, lừ đừ – Lờ đờ nói đến vẻ thiếu tinh khôn, dáng điệu không nhanh nhẹn. Còn lừ đừ có thêm nghĩa là dáng nặng nề chậm chạp, nhưng vẫn có thể còn tinh khôn.

Trong một truyện ngắn trên Thế Kỷ 21, tác-giả viết: “Bên tay phải, cầu Trà khúc nhận nhịp xe cộ, dưới cầu dòng nước cạn chảy lừ đừ.” Có lẽ “lờ đờ” chính xác hơn chẳng: lờ đờ là chậm chạp, uể oải. Thí dụ: nước chảy lờ đờ, cặp mắt lờ đờ, con sông lờ đờ trôi. Lờ-đờ như gà ban hôm. Lừ đừ cũng có nghĩa là uể oải, mệt mỏi, nhưng hay dùng để tả dáng điệu một người. Thí dụ: Người lừ đừ muốn bệnh; lừ đừ còn có nghĩa không linh hoạt: bộ lừ đừ dễ bị ăn hiếp. Lừ đừ như Ông Từ vào đền.

Lừ đừ có khi dùng như lừ khừ hay lừ thừ.

(Nguồn: Ngô Nhân Dụng)

### **Nữ**

Nữ: bộ phận sinh dục của phái nữ

(cái nỡ *nường*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

**Nọ**

Nọ: chẳng  
(nọ là)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

**Viết hoa (1)**

Nguyên tắc đơn giản nhất mà mọi người đều biết là đầu câu phải viết hoa, danh từ riêng phải viết hoa. Đến đây, thế nào cũng có người thắc mắc, định nghĩa thế nào là danh từ riêng và danh từ chung. Hai khái niệm “riêng“ và “chung“ đã cắt nghĩa phần nào cho sự phân biệt này.

Danh từ riêng là những khái niệm chỉ “chính xác“ và “duy nhất“ một người, một vật, một địa điểm, một hướng, một khái niệm đã được nhận định, xác định...., trong khi danh từ chung là những khái niệm tổng quát, tổng thể, không phân biệt riêng lẻ.

Thí dụ như:

Chữ “tiến sĩ“: sử dụng như một danh từ chung, không viết hoa, chỉ một địa vị, một trình độ học vấn, một văn bằng tổng quát cho nhiều người đạt được

học vị này (*Các tiến sĩ thời xa xưa... Ông ấy đậu tiến sĩ ở bên Pháp.*)

Nhưng khi học vị “tiến sĩ” đi kèm với tên một người, chỉ chính xác một nhân vật có học vị tiến sĩ, thì chữ “tiến sĩ” phải được viết hoa. Thêm vào đó, chỉ có âm tiết “Tiến” được viết hoa mà thôi. Thí dụ: *Tiến sĩ Nguyễn Văn Tốt*

(Viết hoa hay không viết hoa? - Mathilde Tuyết Trần)

### **Tao khang**

Truyện Kiều có câu “Mặn tình cát lữ nhạt tình *tao khang*”.

*Tao*: bã rượu. *Khang*: cám gạo, ý nói những thức ăn hèn mọn chỉ người vợ lấy từ buổi nghèo túng nên cần thủy chung qua câu “phu thê là nghĩa tao khang” hay “tao khang chi kê bất hạ đường”.

Tao khang chứ không là “*tào khang*”.

### **Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh**

Trăm hoa đua nở, Trăm nhà đua tiếng là dịch nôm câu chữ Hán: Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh, trong cổ văn.

Đây là một câu mà các học giả đời Hán đặt ra để vừa ca tụng vừa tỏ ý luyện tiêc nền văn học cổ điển

của Trung Quốc, sáng ngời trong mấy thế kỷ trước, về thời Đông Chu.

Văn học Trung Hoa về thời Đông Chu quả thật xứng đáng cho các thế hệ sau ca ngợi, vì trong vòng ba thế kỷ (từ thế kỷ thứ 6 đến thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch kỷ nguyên), các học giả thời Đông Chu đã đưa nền văn học Trung Quốc từ chỗ thấp nhất đến chỗ cao nhất mà hai nghìn năm sau, không tài nào vươn tới.

Gần như cùng một lúc, Lão học, Khổng học và Mặc học đua nhau ra đời, tiếp theo là những học thuyết uyên thâm của Mạnh Tử, Tuân Tử và Dương Chu. Có thể nói được rằng hầu hết các lý thuyết hiện nay còn đương tranh giành ảnh hưởng trong nhân loại, như chủ nghĩa dân chủ, lãng mạn, vô chính phủ, duy vật, xã hội, quân chủ chuyên chế, quân chủ lập hiến, phát xít, v.v... đều đã có đại diện từ thời bấy giờ. Tính theo thời gian thì nền văn học Trung Quốc đã bỏ xa nền văn học Âu châu vào khoảng 20 thế kỷ.

Vì vậy nên ngày nay, những học giả nghiên cứu về lịch sử văn hoá Á đông đều phải thắc mắc về một điểm: Tại sao một nền văn hoá đương phát triển một cách tốt đẹp như vậy lại bỗng nhiên đứng dừng lại, khiến trong suốt hai nghìn năm về sau, Trung Quốc chỉ có lùi mà không có tiến về phương diện tư tưởng?

Ông Tibor Mende, một nhà học giả Tây phương, chuyên nghiên cứu về các vấn đề Á đông, đã ví nền văn hoá Trung Quốc và Ấn Độ như hai con sông

lớn, đã mang sinh lực tưới khắp miền Đông Nam Á, bỗng dung bị cạn hết nước. Nguyên nhân gì đã làm tụt ngòi? Ông nêu ra câu hỏi mà không trả lời.

(Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc – Hoàng Văn Chí)

### **Báo cáo văn học**

Lúc làm viện trưởng Viện văn học, Hoài Thanh phân công cho một nhà văn làm báo cáo về văn học của năm vừa qua. Sau khi đọc báo cáo cả mấy chục trang của nhà văn ấy nộp.

Nhà phê bình văn học Hoài Thanh...phê bình:

- Bài viết của anh có nhiều điểm đúng và nhiều điều mới.

Nhưng...những điểm đúng thì nhiều người đã nói rồi.

Còn những điều mới thì lại...sai.

(Xuân Tùng – Giai thoại làng văn VN)

### **Viết hoa (2)**

Ngay trong khái niệm danh từ riêng như tên của một người, cũng có hai trường phái đối nghịch: Cách thứ nhất: Phải viết hoa tất cả chữ trong tên người: Nguyễn Văn Tốt hay Lê Thị Mùi  
Cách thứ hai: Chỉ viết hoa họ và tên, vì hai chữ đệm trong tên “văn“ và “thị“ dùng để xác định giới tính

nam hay nữ của người mang tên ấy, không thuộc về “họ” mà cũng không thuộc về “tên”, cho nên không cần phải viết hoa: *Trần thị Toét* hay *Lê văn Bường*.

Lý luận thứ hai này, riêng tôi thấy đúng hơn, vì tôi hay phải cãi lại với các cơ quan hành chính nước ngoài rằng chữ “thị” không phải tên tôi (prénom, Vorname) mà cũng không phải là họ của tôi (nom de famille, Familienname). Cách đặt tên có “văn” và “thị” là cách đặt tên theo lối dân già, thông thường. Gia đình có văn hóa cao hơn thì đặt tên con hoành tráng hơn.

Thí dụ “Hoàng Mạnh Hùng Dũng, v...v...”.

(Viết hoa hay không viết hoa? - Mathilde Tuyết Trần)

## Tử

Thời xưa với Nho học, với Khổng Tử, học trò xưng thầy mình là “tử”, khi ghi chép lời thầy mình dạy gọi là “tử viết (thầy nói).

(Bút Chì – Hiểu đúng thành ngữ, tục ngữ, điển tích)

## Chữ nghĩa làng văn

Hai câu thơ câu tứ rất hay, rất sáng tạo vào đầu thế kỷ 15 qua bài *Văn xuân* trong *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*:

Cướp thiên niên đi, thương đến tuổi  
Ớc dương hòa lại, ngõ dừng chân

Ớc: tiếng Việt cổ, nghĩa là gọi.  
Ngõ: tiếng Việt cổ, nghĩa là để.

Nghĩa hai câu thơ trên là thời gian đến rất nhanh, nó cướp tuổi trẻ của ta, nghĩ mà thương mình. Ta muốn gọi tuổi xuân trở lại để dừng chân trên dòng thời gian.

(Trần Lê Văn – Xưa nay)

### **Chữ Việt cổ**

Đẳng đãi: đợi chờ

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### **Viết hoa (3)**

Cũng như thế, mọi khái niệm về học vị, nghề nghiệp, đẳng cấp trong quân đội, cơ quan hành chính, chính trị, xã hội, địa lý, thiên nhiên, lịch sử, tôn giáo, nghệ thuật, năm tháng... khi được sử dụng là danh từ chung thì không viết hoa.

Thí dụ như: giáo sư, kỹ sư, đại tướng, giám đốc, chủ tịch, tổng thống, văn sĩ, họa sĩ, nhạc sĩ, linh mục, hòa thượng, đại học, tu viện, bộ, bộ trưởng, quốc

hội, thượng nghị viện, hạ nghị viện, chính phủ, sông, núi, thác, đồng bằng, cao nguyên, đại chiến, chiến tranh, mặt trời, mặt trăng, quả địa cầu, trái đất, thánh thần, thiên đàng, địa ngục, phương, hướng, phía, miền, kịch, hội họa, điêu khắc, điện ảnh, trường trung học, công ty cổ phần...

## Nội

Nội: cánh đồng, khoảng đất trống  
(hạc nội mây ngàn)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Thanh mai trúc mã

“Mai” đây là “quả mơ” chứ không phải là cây mai. “Thanh mai” là trái mơ xanh. “Trúc mã” là con ngựa đồ chơi làm bằng tre.

Câu này lấy từ điển cổ trong bài thơ “Trường ca hành” của Lý Bạch. Tả mối tình thơ ngây của đôi trai gái, cậu bé cưỡi ngựa tre giả, chạy quanh giòng đũa với cô bé. Mối tình “Thanh mai trúc mã” là mối tình của đôi trai gái quen nhau, yêu nhau từ thưở bé.

(Duy Lý – báo Tự Do)

## **Chữ Quốc ngữ**

Người có công rất lớn trong việc truyền bá và phát triển chữ quốc ngữ phải kể đến Nguyễn Văn Vĩnh. Ông không sáng tác nhiều nhưng các tác phẩm dịch và những hoạt động ý nghĩa của ông đã góp phần vào quá trình tạo nên ngôn ngữ thuần Việt, chính là chữ quốc ngữ chúng ta sử dụng bây giờ. Tuy nhiên, ông là người không thích được ca ngợi nên những việc ông đã làm ít ai được biết đến, công nhận.

Như trong hồi ký của mình, nhà văn Vũ Bằng đã viết:

*“Nguyễn Văn Vĩnh từng nói rằng, nếu cuộc đời này có một cái nhà kính để sống, để quan sát thì tôi sẽ đứng trong nhà kính đó”.*

(Thu Thảo - Chữ Nôm hay chữ Quốc ngữ mới là thuần Việt)

## **Chữ nghĩa làng văn**

Các từ kết thúc bằng âm “en” thường chỉ *“các động tác đi qua một chỗ hẹp, một cách khó khăn”*. Thí dụ: chen, chẹn, chèn, len, men, nghẽn, ghen, nén, v,v...

Nếu chúng ta chịu khó quan sát, tìm hiểu, chúng ta sẽ phát hiện những chữ tuy rất quen thuộc chúng ta

sử dụng hàng ngày lại ả n gi ấ u n h ữ n g q u y l u ậ t b í ả n l ậ l ữ n g n h u n g k h o n g k ẻ m p h ầ n t h ứ v ị .

(Nguyễn Hưng Quốc - Tiếng Việt dễ mà khó)

### **Chi hồ giả dã**

Chi hồ giả dã: Tiếng Hán cổ đại (văn ngôn) khó nhất là cách dùng *hư từ*. “Chi, hồ, giả, dã, yên, tai..” là những hư từ của tiếng Hán cổ. Nắm vững cách dùng mấy chữ này thì phần văn pháp coi như đã thông, không cần học cú pháp, văn phạm gì cả. Các cụ đồ nho ta xưa học chữ Hán cổ đọc chữ Nho, không có biết “văn phạm” là gì mà viết vẫn hay. Ấy là nhờ nắm vững hư từ “chi, hồ, giả, dã...”.

Ở Tàu cũng vậy, trước năm 1990, chẳng có sách nào về văn phạm: chủ từ, túc từ, tĩnh từ, động từ, câu đơn, câu kép. Về sau này bắt chước tây phương, họ vẫn viết đúng quy luật, là nhờ chú trọng cách dùng hư từ. Họ chỉ có sách giảng cách dùng hư từ, ta có thể tạm coi đó là các sách về văn phạm. Vì thế các nhà nho Trung Quốc khi dạy học cách viết văn cho đúng, thường đọc câu “Chi, hồ, giả, dã, yên, tai..” để khuyến học trò.

(Hoàng Long Hải - Phạm Thế Định)

## Núc

Núc: ba ông đầu rau bằng đất  
(bếp núc)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Hương quan

Trong Kiều có câu “Giác *hương quan* luống lẫn mơ  
canh dài”.

Hương quan – Hương: làng. Quan: cổng.

Ngày xưa mỗi làng làm một cái cổng trước cổng  
làng để canh trộm, cướp. Hương quan dùng để chỉ  
quan hoài quê nhà.

## Chữ và nghĩa

"Khôn sống *bóng* chết" thì *bóng* đây là vụng (vụng  
về).

Theo ngôn ngữ học, xưa kia hai mẫu tự “b” và “v”  
thường hay thay thế cho nhau như “vua” nói là  
“bua”.

## Nút

Nút: nút  
(nút lười)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### Viết hoa (4)

Nhưng nếu các khái niệm này được sử dụng để chỉ:

1. Một nhân vật chính xác và duy nhất, gắn liền với tên người, thì âm tiết đầu phải được viết hoa. Thí dụ: Giáo sư Nguyễn Nhiều Ý, Họa sĩ Phan Trừu Tượng, Hòa thượng Thích Luân Hồi,

2. Một tên kép, ghép bởi chức vị, địa vị, học vị, đẳng cấp... với tên người, thì cả tên kép đều phải viết hoa, vì nó chỉ chính xác và duy nhất một nhân vật, thí dụ như: Đề Kiêu (Đề đốc Kiêu), Lý Mão (Lý trưởng Nguyễn văn Mão), Tú Xương...

3. Một tên kép, ghép bởi tên và cá tính nhân vật thì mọi âm tiết đều phải viết hoa, vì nó cũng chỉ chính xác và duy nhất một nhân vật, thí dụ như: Út Thôi, Cả Móm, Xuân Tóc Đỏ...

Một cấu trúc đặc biệt, ngoại lệ, thí dụ như tên của dòng hoàng tộc, tên ghép... gây ra một số phân vân, viết hoa hay không, và viết hoa như thế nào?! Thí dụ:

- Công tằng tôn nữ thị Mỹ Đường ?
- Công tằng Tôn nữ thị Mỹ Đường ?
- Công Tằng Tôn Nữ Thị Mỹ Đường ?

Theo ý tôi thì cách viết thứ hai là có lý hơn cả, vì khái niệm “Công tằng” chỉ định thế hệ của người mang tên, không nhất thiết phải viết hoa cả hai chữ,

khái niệm “Tôn nữ” chỉ định giới tính của người mang tên là con gái trong họ nhà vua (Mỹ Đường có thể là tên của phái nam cũng như phái nữ, thí dụ như Nguyễn Phúc Mỹ Đường là tên con trai của Hoàng tử Nguyễn Phúc Cảnh) cho nên cũng không nhất thiết phải viết hoa cả hai chữ, trong khi Mỹ Đường là tên chính xác và duy nhất của một người nên phải viết hoa cả hai chữ.

(Viết hoa hay không viết hoa? - Mathilde Tuyết Trần)

### **Sai hay đúng?**

Trong câu “da chết bọc thân coi cái chết tựa như lông hồng”.

Có sách cho là lông hồng đây là...lông ngựa!

Hồng là ngỗng trời. Xưa, có thể dùng để thông tin tức phương xa, nên nói đến chuyện gửi thư từ thì gọi là hồng tiện, tin hồng.

Nên lông hồng đây là...lông ngỗng.

(Tôn Thất Lương – Xuân mộng)

### **Chữ nghĩa làng văn**

- Truyện ngắn của chị có nhiều chữ lạ như *ngõi, ngẩn ngẩn, to hó, nhào, nhuôm nhuôm, chửi chu.*

Như thế, có cần một chú thích cho các độc giả miền Nam và hải ngoại?

- Không có từ nào thật lạ, thật sáng tạo của riêng tôi trong số những từ chị vừa dẫn. Những *ngôi, nháo, nhuôm nhuôm*, tôi học từ các bà các chị ở quê tôi. To hớ, từ này tôi mượn của ông Tô Hoài từ trước năm 45. *Ngẩn ngẩn* tôi học được từ mấy anh chị đi từ miền Nam. *Chín chu* thì có trong tự điển. Và nói chung, nhiều chữ tôi dùng hiện vẫn được sử dụng hàng ngày ở VN, chỉ không thông dụng ở hải ngoại. *Vậy thì đâu có cần chú thích*. Chúng ta phải tự làm giàu có vốn từ cho mình bằng cách đọc và học.

(Lê Quỳnh - Phỏng vấn nhà văn Lê Minh Hà)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Tại sao có bà phù thủy mà không có ông phù thủy?

Câu trả lời: Không có người đàn ông nào độc ác hơn đàn bà!

### **Chữ nghĩa làng văn**

Lỗ Ban, còn gọi là “cung ban” là thợ mộc danh tiếng người nước Lỗ thời Xuân Thu, sau được tôn làm tổ nghề mộc.

Tương truyền khi làm nhà cho ai, Lỗ Ban thường dán bùa trừ tà cho gia chủ hay ngược lại, ếm nhà gia chủ cho điên đảo sau này.

Bùa ấy gọi là bùa Lỗ Ban.

(Bút Chì – Hiểu đúng thành ngữ, tục ngữ, điển tích)

## **Om**

Om: tôi, thăm

(tôi om, xanh om)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## **Chữ Việt cổ**

Thỏ đằm: tiếng nói riêng ở một xứ

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

## **Viết hoa (5)**

Những tựa đề của các tác phẩm nghệ thuật, văn hóa, văn học được xem là ngoại lệ và phải được viết hoa tất cả các âm tiết, trong mục đích gây chú ý nơi người đọc. Ví dụ như: tên sách: Việt Nam Sử Lược, Gánh Hàng Hoa..., tạp chí Nghiên Cứu, Giai Phẩm Xuân Canh Dần...

(Viết hoa hay không viết hoa? - Mathilde Tuyết Trần)

### **Cây hương, cây nhang**

Cây hương hay cây nhang là một cái nóc con hay bệ xây dưới mái nhà, hoặc ở trước sân nhà, hay trong vườn để thờ thần sao của chủ nhà.

(Văn hóa đình làng – Nguyễn Đăng Thục)

### **Văn chỉ, từ chỉ**

Văn miếu là một ngôi đền thờ Khổng Tử với chư hiền đệ tử của Ngài, xây dựng ở các tỉnh lỵ. Đây là đền Văn học. Ở phủ huyện thì gọi là Văn chỉ. Ở tổng, xã thì gọi là Từ chỉ.

(Văn hóa đình làng – Nguyễn Đăng Thục)

### **Om thòm**

Om thòm: âm ỹ  
(gì mà om thòm vậy)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đình Văn Thiện)

## Bình vôi

Ở Bắc Việt có tục sùng bái cây. Dưới gốc cây người ta hay đặt những bình vôi mẻ sứt là thứ đồ gia dụng của gia đình Việt Nam có tục cổ truyền ăn trầu. Bình vôi chứa đựng vôi tô lá thứ đồ dùng được trọng đãi cho nên khi nào bể vỡ, người ta không vứt đi mà phải tàng trữ lại ở gốc cây. Vứt đi là một điều tối kỵ.

(Văn hóa đình làng – Nguyễn Đăng Thục)

## Về một cái tên

Trong những truyện viết thời tiền chiến, tên người gọi...“Đỏ” xuất hiện rất nhiều như trong *Anh Đỏ Phụ*, *Sáng trắng sông* của Hồ Dzếnh, *Năm vạ*, *Ma đầu* của Bùi Hiến.

Lý do ở nhà quê ta, khi sinh con thấy con đỏ hồng hồng là mừng, là vui. Nên vì vậy các cụ ta xưa đặt tên con là Đỏ chẳng?

## Viết hoa (7)

Sau cùng, có ý kiến cho rằng sau các dấu ngắt câu như dấu hai chấm (:), dấu chấm phẩy (;), dấu chấm lửng (...), trong ngoặc đơn () hay trong ngoặc kép (“...”“) đều phải viết hoa, nhưng tôi đề nghị không nên viết hoa một cách nguyên tắc tự động sau các

dấu ngắt câu trên, mà chỉ viết hoa trong các trường hợp đã nêu trên.

(Viết hoa hay không viết hoa? - Mathilde Tuyết Trần)

### Tiếng nói xưa và nay

- *Sư ni*: Đây là từ gốc Ấn Độ. Ở Ấn Độ, nam giới đi tu gọi là *bít-sư*, nữ giới đi tu gọi là *bít-sư-ni*. Khi các từ này nhập vào nước ta, chỉ còn giữ các âm tiết cuối: *sư, ni* (và sau đó nhân dân ta thêm cách gọi khác: *sư ông, ni cô* (Giải thích của cụ Trần Văn Giáp).

- *Súng ống*: tiếng Thái, *ống* cũng là *súng*.

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### Nón đội

Khi ta lên tám chín tuổi, thấy các ông già đội nón *ngoan xác*, tục gọi là nón "mền giải" hay là nón "tam giang"; con nhà quan và học trò các học hiệu thì đội nón *phương đầu đại*, tục gọi là "nón lá"; họ hàng nhà quan và các ông già thì đội nón *cổ châu*, tục gọi là "nón dâu"; người lớn và trẻ con đội nón *liên diệp*, tục gọi là "nón lá sen"; con trai con gái, đàn ông đàn bà ở chỗ kinh kỳ đội nón *cổ châu*,

trẻ con đội nón *tiểu liên diệp*, tục gọi là "nón nhớ khuôn"; đàn ông đàn bà thôn quê, đội nón *xuân lô tiểu lap*, tục gọi là "nón sọ nhỏ"; lính tráng đội nón *trạo lap*, tục gọi là "nón chèo vành"; người hầu hạ và vợ con lính tráng đội nón *viên đầu*, tục gọi là "nón khua"; nhà sư và thầy tu đội nón *cầu diện*, tục gọi là "nón mặt lờ"; người có tang đội nón *xuân lô đại*, tục gọi là "nón cạp"; người có chữa một năm trở xuống đội nón *cổ châu*, quai mây, nhà quan và nhà quyền thế có tang đội nón *cầu diện* để phân biệt, người trong Thanh, Nghệ đội nón *viên cơ*, tục gọi là "nón Nghệ".



Đến khoảng năm Nhâm Dần (1782) quân Tam phủ biến loạn, cậy công làm càn, nhiều người đội nón *viên cơ*, để lẫn với quân lính. Đến năm Bính Ngọ (1786) trong nước có biến, lại bỏ nón *viên cơ*, đội nón *cầu diện*, người có tang một năm trở xuống, buộc quai sợi trắng để phân biệt. Ở thôn quê, theo dáng nón ngoan xác mà làm thấp đi, gọi là nón *toan bì*, tục gọi là "nón vỏ búa", thỉnh thoảng lại có người

đội nón *xuân lôi tiếu*; còn những thứ nón *tam giang*, *ngoan xác*, *phương đầu*, *viên đầu*, *cổ châu*, *liên điệp* và *trạo lạp* thì không thấy nữa.

(Phạm Đình Hồ - Vũ trung tùy bút)

### **Chữ nghĩa làng văn xóm chữ**

Theo các nhà ngữ học thì tiếng Việt là thứ tiếng đứng thứ 12 trên thế giới về số đông người nói là 83 triệu. Tiếng Việt vay mượn rất nhiều từ ngữ 58 thứ tiếng lớn nhỏ ở nam Á châu, từ tiếng Thái Lào, Khmer, Miến, Malay, Indonesia cho đến những tiếng nói thiểu số với vài ba trăm ngàn người, tiếng Mường, tiếng Nùng, tiếng Hmong, tiếng Chăm. Như:

- ta nói *rộn rịp* mà không hiểu “rịp” là gì, “rịp” là bện việc, gốc tiếng Lào Thái.

(Nguyễn Hy Vọng - sưu tầm & tản mạn)

### **Cũ và mới**

Cuộc đụng độ bắt đầu khai mào vào khoảng từ 1931 trở đi. Phan Khôi, từ khoảng 1931 trở đi, đã lái Phụ Nữ tân văn, đi vào con đường canh tân. Nhiều cây bút, mà đặc biệt là cây bút Phan Khôi, bắt đầu tấn công nền cựu học, tấn công Nho giáo, kết án chế độ đại gia đình, công kích kịch liệt chế độ Tam Cương. An Nam tạp chí của Tản Đà nhảy vào chiến trường.

Hai nhà nho, nhà nho Nguyễn Khắc Hiếu và nhà nho Phan Khôi, giao tranh ác liệt trong một thời gian khá lâu.

(Phê bình văn học thế hệ 1932 – Thanh Lãng)

## **Phá**

Phá: vũng biển  
(phá Tam giang)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## **Chữ và nghĩa**

Hoành tráng - Với nghĩa là "có quy mô đồ sộ (nhằm thể hiện những đề tài lớn)". Từ này bị lạm dụng rất nặng. Bất cứ một điều gì cũng có thể được gán ghép với thuộc tính này. "Sân khấu" cũng "hoành tráng", mà vòng một hay vòng ba của một "nữ nhân" cũng có thể "hoành tráng". Trong một số văn cảnh, đôi khi, "hoành tráng" cũng có thể được dùng theo nghĩa "đẹp nức nở" hoặc "rực rỡ, tráng lệ", như: "Bức chân dung của em trông 'hoành tráng' quá". Nó cũng có thể là "căng đầy", "mập mạp", như, "Cái ví của anh hôm nay, sau khi lãnh lương, trông thật 'hoành tráng'", hay "Thân hình 'hoành tráng' của bà chủ, sau khi nạp vào bữa điểm tâm cũng 'hoành tráng' không kém, uồn ẻo đi ra khỏi cửa".

Và, còn gì ‘hoành tráng’ nữa trong cuộc sống hôm nay?!!

(Bùi Vĩnh Phúc - Trên đường bay của chữ)

### **Chữ Việt cổ**

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Quá đọa: dở dang

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### **Báo chí**

Chưa bao giờ báo chí Việt Nam bút chiến với nhau dữ dội như ta thấy, các cuộc bút chiến này, trọng tâm có lẽ là sự cạnh tranh nghề nghiệp, tranh dành độc giả, nhưng cũng gián tiếp đặt ra được nhiều vấn đề, làm sáng tỏ nhiều lập trường văn nghệ, sửa chữa được nhiều lộn xộn trong nghề viết văn. Các báo chia thành hẳn bốn khối: khối A của các nhà mệnh danh là Cự học với các tờ báo ra đời từ 1932 hay trước năm 1932 mà còn hoạt động cho tới năm

1934; khối B của nhóm Tự Lực Văn Đoàn với Phong Hoá và Ngày Nay; khối C của các báo ra đời từ 1934 trở đi, đối lập, phản kháng lại Tự Lực Văn Đoàn; khối D của nhóm mác-xít với các ông Hải Triều, Hồ Xanh, Bùi Công Trùng...

(Phê bình văn học thế hệ 1932 – Thanh Lãng)

### **Chữ và nghĩa**

Chúng ta chỉ có thể giải đáp câu trên dựa vào cuốn Đại Nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Của, xuất bản cách đây trên 110 năm. Trong sách này, tác giả ghi bánh vú bò và giải thích vì bánh đổ vào chén, trông giống như cái vú con bò. Về sau rút gọn thành bánh bò. Đây là hiện tượng tỉnh lược trong ngôn ngữ.

(Vài hiện tượng thú vị trong tiếng Việt – Lê Trung Hà)

### **Pha**

Pha: xuyên qua  
(xông pha - pha phôi khóm lác chùm lan)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Chữ nghĩa làng văn

Trong văn chương hiện đại, ta cũng thỉnh thoảng gặp những từ ngữ mới được sáng tạo khá tài tình. Trong thơ ít nhiều đã có những đóng góp trong lĩnh vực này, mở rộng đất đai sử dụng cho một số từ ngữ và như thế cũng có thể gọi là sáng tạo ngôn từ. Trong truyện ngắn *Con gái thủy thần* của Nguyễn Huy Thiệp, đoạn kết có một dòng nghe thật da diết: "*Trước mặt tôi, dòng sông đang thao thiết chảy*".

Một từ đặt vào văn cảnh này thật tuyệt vời. Hình như nó được biến báo từ "thao thiết", nhưng chỉ thay đi một chút thôi mà nội hàm bỗng bao trùm hơn rất nhiều, sức biểu cảm cũng mạnh, mạnh mẽ hơn hẳn, nhờ vào sự mù mờ, không rõ ràng như chính tâm trạng con người vào những giây phút ấy. Sức cuốn hút của những dòng sông trong văn Nguyễn Huy Thiệp với những từ ngữ đầy chất thơ và giàu sáng tạo như thế. Phải chăng sức huyền hoặc ấy đã lôi cuốn được cả một dòng sông "thao thiết" mà ta vừa nói tới.

(Anh Ngọc – Tản mạn về từ mới)

## Tên Nôm tên Tự

Địa danh, tên sông, núi, hồ, hay các công trình tôn giáo đền, chùa, miếu, mạo đều có tên và hễ có tên thì tất phải có nguồn gốc, có lý do mà nó hình thành.

Ngoài ra sự tồn tại một cách phổ biến nhiều hơn một tên gọi ví dụ Kẽ Chợ từng là tên gọi dân gian của kinh đô Thăng Long, Đông Kinh, hay Nhất Trụ Tự còn được gọi là Chùa Một cột thì có thể khẳng định rằng sự tồn tại cặp tên song hành là một quy luật. Ta gọi là cặp tên Nôm- tên Tự.

Tên Nôm là tên được đồng bào quen dùng còn gọi là tên tục, hay tục danh, hay tục hiệu hay tên dân gian. Tên Tự còn được gọi là tên Chữ với một số quy luật của cặp tên Nôm-tên Tự..

(David Phùng – Sự hình thành tên Nôm một số kiến trúc tôn giáo)

### **Tiếng Tàu tiếng Việt**

Thủy ngư đâu phải là trâu nước mà là con trâu cày của ta.

Vì theo người Tàu ngư là con bò, ngư nãi là sữa bò chứ nào phải sữa trâu? Vì bên Tàu không có trâu.

### **Đầu**

Về cơ-thể-học, ta chỉ biết có *xương*, *máu* và *ruột* mà thôi, còn *tim*, *gan*, *phổi* đều mượn của Tàu. Điều đó không có gì lạ. Vương Mãng đã có chiếu cho phép các y sĩ Trung-Hoa giải-phẫu xác chết để học tức y-học của họ đã tiến bộ rồi phần nào (*theo bác-sĩ Huard*), còn ta thì chưa tiến được như vậy, nên chỉ

biết những gì ta tự nhiên mà thấy: máu chảy khi bị thương, lòi ruột khi bị đâm, và xương cốt người chết. Phổi, gan, và tim chỉ thấy được nhờ các cuộc mổ xẻ, chứ tự nhiên không thể thấy ba món đó.

Nhưng có một điểm này lạ lắm là ở bề ngoài, ta có đủ tiếng cả, không phải vay mượn của Tàu, từ ngón tay, ngón chân đến da thịt, nhưng tiếng *đầu*, ta lại mượn của Tàu. Quan-thoại nói *Thủ*, Quảng-đông nói *Thầu*, Hán Việt nói *Thủ*, ta nói *Đầu*. Đầu của ta, chắc chắn là vay mượn. Nhưng tại sao có sự vay mượn ấy? Trường hợp *Đầu* giống hết trường hợp *Bến* đã nói ở bài trước tức đó là những vay mượn khó hiểu vì không lẽ ta lại không có những danh từ sơ đẳng như vậy, tay, chơn, cổ, ngực, bụng thì có tiếng, còn đầu lại phải mượn của Tàu.

Người bạn học tiếng Tàu với chúng tôi nhất định tin rằng *Đầu* hơi giống *Thủ* và *Thầu* vì ngẫu nhiên trùng hợp chứ không phải vay mượn. Có lẽ đó là vấn đề còn cần phải học lại mới xong.

(Bình Nguyên lộc - Dân Lạc Việt qua ngôn ngữ Việt Nam)

### **Chuyện Ta chuyện Tàu**

Người Tàu ở nước ta, gọi là các chú nói trạch ra từ khách trú, có khi gọi là chệt từ Tàu, theo An Chi là người thông kim bác cổ giải thích: thời Hán trước

Thiên chúa, thời kỳ đô hộ, những người quan chức sang cai trị nước ta đều gọi là Tàu, Tàu có nghĩa là ông quan. Dần dà trở thành tên một dân tộc.

(Chuyện Ta chuyện Tàu – Trần Khánh)

## **Phần**

Phần: mồ ma  
(đoái trông muôn vạn *tử* phần)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## **Huyền thiên**

Huyền thiên - Huyền: tiếng nói ồn ào. Thiên: trời. Ý nói âm ỹ vang lên tận trời. Người Tàu có câu *huyền thiên nào địa*.

Người Việt thì nói...*huyền thuyên*.

## **Văn tế trận vong tướng sĩ**

Bài *Văn Tế Trận Vong Tướng Sĩ* mà mọi người cứ tưởng là của Nguyễn Văn Thành.

Nhưng không phải Nguyễn Văn Thành viết. Mà do Nguyễn Huy Lãng (tức Nguyễn Huy Lượng) tác giả Tụng Tây Hồ phú viết hộ.

(nguồn Hoàng Xuân Hãn)

### Phay

Phay: xé từng miếng nhỏ  
(thịt gà xé phay – dao phay)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Cách đây mấy ngàn năm, ngoài tiếng Tàu ra, ông bà ta còn dùng và xài không biết bao nhiêu là tiếng nước láng giềng mà ta cứ tưởng đâu là tiếng Việt của ta, không ngờ đó là tiếng nói của biết bao ngôn ngữ láng giềng, mà lại không phải là tiếng Tàu.

Hai tiếng *Nôm na* mà ai cũng cho là “Nôm” là *Nam*, vậy thì “na” là gì? mọi người đều lờ đi !

Thật ra, “Nôm và na” đều có nghĩa gốc là *xưa, cũ, lâu đời... đã có từ lâu*.

[Các tiếng Lào Thái Khmer đều có ghi hai tiếng “nôm na” và đều giải thích như vậy]

Tiếng Nôm là tiếng nói xưa của người nước ta, đã nói như vậy từ lâu, trước khi ông bà ta gặp người Tàu.

(Nguyễn Hy Vọng - sưu tầm & tản mạn)

## Không có chữ Việt cổ

Ít lâu nay có nhiều nhà biên khảo cho rằng chữ Việt cổ (chữ nòng nọc (\*)) có từ thời lập quốc. Qua tích thần thoại vua Hùng Vương mang quân đến núi Khả Lao, Thanh Hóa được thần báo mộng cho trống đồng thúc quân mà thắng trận. Sau khi thắng, vua ban sắc phong là *Đồng cổ đại vương* và lập đền thờ *Đồng cổ thần từ*.

Theo Lê Văn Siêu qua *Việt Nam văn minh sử cương* dẫn đoạn truyện cổ tích trên rồi chú thích:

“Xin lưu ý hồi này chữ Hán chưa truyền vào Giao Chỉ làm sao vua Hùng Vương có chữ để phong cho thần là *Đồng cổ đại vương* hay *Áp Lăng chân nhân* hoặc *Đồng cổ thần từ* ...

Việc mang quân đi đánh phương Nam theo truyền thuyết có thể là có thật. Nhưng đặt duệ hiệu theo những tiếng Nôm nào đó, còn sự phong tặng chỉ là thêm thắt của người đời sau”.

Như thế theo tác giả Lê Văn Siêu đã gián tiếp khẳng định nước ta chưa có chữ viết vào thời Hùng vương.

(Trần Bích San – Văn Khảo)

## Chữ Việt cổ

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của

Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Gái goá: gái son, gái chưa chồng

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

## Chữ nghĩa làng văn

Câu đối là những câu văn đi đôi với nhau thế nào cho ý, chữ và luật bằng trắc cân xứng với nhau. Một đôi câu đối thì mỗi câu là một vế: vế trên, vế dưới; nếu do một người nghĩ ra và một người đáp lại thì gọi là: vế ra (xuất), vế đối.

- Đối chữ:

*Về thanh:* bằng đối trắc, trắc đối bằng:

.....

Rượu cúc nhẩn đem, hàng biếng quảy;

Trà sen mượng hỏi, giá còn kiêu.

*Tết (Trần Tế Xương)*

(Khuyết danh – Tiếng Việt lý thú)

## **Chữ nghĩa văn hóa ẩm thực**

Chả giò vắt vả, nhọc sức theo bước chân của những người di dân ngược Bắc xuôi Nam. Món ăn này khởi thủy từ Sài Gòn. Ngày xưa còn ngăn sông cách trở, vượt đèo lội suối ra tới Hà Nội được người Bắc gọi là...”*nem Sài Gòn*”. Theo những người viết đi trước ngày ấy ở Hồ Gươm có nhiều bảng thật to, quảng cáo cho nhiều quán trước ga tàu điện cho món Nam kỳ này. Nem Saigon nổi tiếng thời đó có hiệu ăn Tế Mỹ, cuốn nem nhân cua biển, hơi bẹt một tí rán phồng vừa đủ vàng chám nước mắm pha dấm ớt, kèm vài lõi bắp cải chỉ nhỏ bằng đầu ngón tay út có vị chua chua, nếu dùng để đưa cay với ly rượu Mơ, ngon thật không còn gì bằng.

Theo cuộc di cư 54, không gọi là nem Sài Gòn nữa mà mang cái tên mới là “*chả giò*”, vẫn là món ăn của người miền Nam do...người Bắc làm.

## **Phe**

Phe: khe khẽ lay đi lay lại  
(cầm quạt phe *phẩy*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Tiếng Việt dễ và...dễ thương

Hỏi: Có ai biết *cái đu đi* là cái gì không?

Vì mình thường nghe người ta nói cái đu đi, chẳng hạn khi mình hỏi thằng bạn "mày làm cái gì đó?" nó trả lời "*làm cái đu đi*" mà tui không biết cái đu đi là cái gì.

- Chắc là đ... đi vá.... hông biết có đúng hôn....
- Trau dồi Việt Ngữ kiêu này chắc tiêu quá.

Đáp: Hồi nhỏ , cái hồi già còn nằm xuống để bà ngoại già xoa lưng dỗ giấc ngủ , già đã được nghe bà ngoại già nói (cái đu đi ông sư) rồi , vì hồi đó già thường thắc mắc , hỏi han lung tung ví dụ như: ai đẻ ra con? ai đẻ ra mẹ? ai đẻ ra bà? ai đẻ ra cố... Rồi.... cứ thế mà hỏi tới ông trời luôn, nhưng khi già hỏi đến ai đẻ ra ông trời thì già mới biết là:

- Cái đu đi ông sư đẻ ra ông trời.

Vậy đó: *Cái đu đi* hay *đu đi ông sư* chỉ là câu nói để lấp liếm cái mà người ta chưa biết hay chưa rõ về một cái gì hay chuyện gì!.

(Nguồn ĐatViet.com)

## Chữ là nghĩa

Kỷ nguyên, thời đại, thời kỳ, giai đoạn...

Nên dùng chữ kỹ nguyên cho một thời gian dài trong lịch sử nhân loại, đánh dấu bằng các biến cố quan trọng có ảnh hưởng lâu dài; thí dụ kỹ nguyên công nghiệp, kỹ nguyên tin học.

Thời đại nên dành cho các thời gian lịch sử lâu dài hơn, thí dụ thời đại đồ đá, thời đại đồ sắt, thời đại phong kiến.

Khi viết về lịch sử một dân tộc nên dùng những chữ thời kỳ, chẳng hạn thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh.

Những khoảng thời gian ngắn hơn dùng những từ như giai đoạn, hoặc thời, đủ rồi. Chẳng hạn thời Việt Nam Cộng Hòa, thời chiến tranh Nam Bắc.

(Nguồn: Ngô Nhân Dụng)

### **Đôi đũa**

Chiếc đũa tre là vật dùng hàng ngày trong mâm cơm của người Việt, nó gắn bó cuộc sống con người từ lúc sống cho đến lúc xuôi tay trở về cát bụi. Có thể nói đôi đũa để và cơm và gắp thức ăn có phong vị văn hoá Việt và còn tạo ra cả những ứng xử mang tính nhân văn.

Như người Bắc thường dùng đôi đũa cả thay cho nêm, hoặc thìa để xới cơm. Xới cơm, không được xới cao hơn mặt bát, vì như thế sẽ bị ngăm chê trách là ăn tham. Xới cơm, không được để cơm vương vãi

khắp nơi, vì như thế là mất thẩm mỹ, phí phạm. Tóm lại, chỉ mỗi việc dùng đôi đũa cả để xới cơm, cũng đã lộ ra rất nhiều nhiều khê.

Khi ăn cơm, người Bắc thường có thói quen so đũa đều, rồi chia từng đôi đũa cho người khác. Nếu ai vô tình nhận được đôi đũa lệch thường có cảm nghĩ như mình bị người khác xem thường. Một số người thường trở đũa để gấp thức ăn, đầu đũa để và cơm, và có thói quen dùng đôi đũa đập đập vào bát ngậm báo hiệu cho chủ nhà là muốn gì đó. Hoặc giả có thói quen khi ăn xong thường chập hai cây đũa lại làm một, và quẹt ngang miệng như một kiểu lau mồm.

(Nguyễn Thanh Hải - Văn hóa đũa trong mâm cơm người Việt)

## **Phún**

Phún: mới mọc, mới đâm ra  
(cỏ mọc lún phún, *mưa lún phún*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## **Chữ nghĩa làng văn xóm chữ**

Trong giới Hán học Trung Quốc và Việt Nam khá phổ biến ý kiến khẳng định rằng ngay từ cuối đời

Tần (cuối thế kỷ thứ III TCN) chữ Hán đã bắt đầu được truyền vào Bắc bộ Việt Nam. Căn cứ duy nhất của họ là đoạn ghi trong *Sử ký Tư Mã Thiên*: "Năm 33 (tức 214 TCN - V.T.K.) Tần Thủy Hoàng đưa những người thường trốn tránh, những người ở rể và những người đi buôn đánh lấy đất Lục Lương, lập thành các quận Quế Lâm, Tượng Quận, Nam Hải; cho những người đi đày đến đày canh giữ".

Cũng dựa vào đoạn ghi chép đó, có người cho rằng những người bị đi đày này "... nghiêm nhiên trở thành những sứ giả chở chữ Hán và tiếng Hán tới phương Nam".

(Chữ Hán truyền vào VN bằng cách nào? – Vũ Thế Khôi)

### **Chữ và nghĩa**

Biện pháp tu từ hay tu từ pháp. Từ dùng trong nước, ra ngoài nước. Trong Nam, xưa, được gọi "mỹ từ pháp". Nhưng "tu từ" là một từ có trong tự điển được xuất bản tại miền Nam trước 1975.

Cả hai từ đều hay. Dù sao, xét về mặt cấu tạo từ pháp, từ "tu từ pháp", với nghĩa là "phương pháp làm đẹp từ ngữ", có vẻ hợp lý hơn là cấu tạo "mỹ từ pháp". "Mỹ" là một tính từ; "mỹ từ" là "từ đẹp". Vậy, "phương pháp từ đẹp" là gì? Có phải nó là hiệu ngâm của "phương pháp (làm cho) từ (ngữ) đẹp hơn/lên", hoặc "phương pháp làm đẹp từ ngữ". Nếu

thế, ta lại sẽ trở về với ý nghĩa của "tu từ pháp", trong đó, "tu" là một động từ, có nghĩa là "sửa lại", "sửa sang cho tốt đẹp hơn", như "tu kỹ" là "sửa mình".

Hán-Việt Tự -Điển của Nguyễn Văn Khôn định nghĩa "tu từ" là "sửa sang, trau chuốt văn chương cho trôi chảy, gọn gàng và sáng sủa"; còn Hán-Việt Từ-Điển của Đào Duy Anh thì định nghĩa "tu từ" là "sửa sang văn từ cho hay". Cả hai quyển sách này, dù không có từ "tu từ pháp" nhưng đều lại có từ "tu từ học". Quyển đầu định nghĩa "tu từ học" là "môn học nghiên cứu cách viết văn cho trôi chảy, gọn gàng và sáng sủa"; quyển sau định nghĩa là "môn học nghiên cứu các phép tắc để trau dồi từ cú cho hay ". Cả hai sách này không có những mục từ "mỹ từ" và "mỹ từ pháp".

(Bùi Vĩnh Phúc - Trên đường bay của chữ)

### **Cả vú lấp miệng em**

Bà mẹ, khi nghe trẻ khóc, không cần dỗ dành, vỗ về, gì cả mà lập tức dùng bầu vú sữa để lấp miệng đứa bé. Nhờ được bú tí mẹ, đứa trẻ không còn khóc nữa. Cái hiện tượng bình thường mà chúng ta vẫn gặp, vẫn thấy hàng ngày được dân gian biến thành câu cả vú lấp miệng em để chỉ thế mạnh của mình để chèn ép, lấn át kẻ khác.

Ở trong thành ngữ này, riêng từ “*cả*” hơi khó hiểu.

Nhiều người đã hiểu *cả* trong *cả vú lấp miệng em* chỉ gộp, chỉ tổng thể với nghĩa là “tất cả, toàn bộ”, như trong cả nhà, cả con gà... Nhưng cách hiểu này là không chính xác. Thực ra, cả trong thành ngữ này có ý nghĩa là “to, lớn”, như nghĩa của *cả* trong *đũa cả, cả lưng rộng háng, cả hơi lớn tiếng*...

### **Chữ là nghĩa**

Trong tiếng Việt, có những từ ngữ hoặc địa danh nếu có người hỏi nguồn gốc của những từ ngữ ấy từ đâu thì chúng ta đành bó tay; chẳng hạn trong một bài ca dao:

Nước không chum sao kêu nước đứng?  
Cá không giò sao gọi cá leo?  
Ghe không tay sao kêu ghe vạch?  
Bánh không căng sao gọi bánh bò?...

(Lê Trung Hoa - Hiện tượng tỉnh lược trong ngôn ngữ)

### **Chữ Việt cổ**

Héo don: khô đun lại, héo quá

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

## Đêm năm canh ngày sáu khắc

Thời gian, thì giờ là một đề tài xưa như trái đất và to như cái đình.

Bàn về thời gian thì có thể bàn...hết năm này sang năm khác, bàn cho đến khi " Trai trẻ bao lâu mà đầu bạc "...cũng chưa chắc đã đi tới đâu. Nhưng vẫn thích bàn. Triết gia, nhà khoa học, văn nghệ sĩ ngày ngày thi nhau bàn.

Thời gian là cái gì mà làm cho người ta say mê bàn như vậy?

Chả là cái gì cả ! Chưa ai thấy mặt mũi thời gian ngang dọc ra sao. Nhưng phải nhắm mắt thừa nhận rằng thời gian rất hấp dẫn, rất quan trọng. Chả thế mà khắp đông tây nam bắc, từ thời thượng cổ đến tận bây giờ, người ta thi nhau sáng chế máy này máy nọ để đo thời gian. Người ta rủ nhau đi đo cái vô hình vô ảnh. Đo cái mà mắt trần không thấy được. Các thứ máy đo thời gian, thô sơ hay tinh xảo, to hay nhỏ, ta đều gọi chung là *đồng hồ*.

Theo truyền thuyết thì người Trung Quốc đã biết dùng *đồng hồ nước* từ đời Hoàng Đế (khoảng 2500 năm trước tây lịch). Một nghìn năm sau (1500 năm trước tây lịch), người Ai Cập mới sáng chế *đồng hồ cát* (clepsydre). Phải chờ thêm hơn 2000 năm nữa, vào khoảng năm 1300 tây lịch, người Âu mới có *đồng hồ có bánh xe*. Năm 1904 xuất hiện *đồng hồ*

*đeo tay, và mới từ vài chục năm nay lại có thêm đồng hồ quartz, đồng hồ điện tử, v..v...*

Vậy xin hỏi nước ta biết dùng đồng hồ từ bao giờ ?  
Dạ, không biết! Rốt cuộc, bàn về thời gian chỉ...mất thì giờ!

(Nguyễn Dư – Chimviet.free.fr)

### **Quái**

Quái: quay trở lại  
(nắng quái chiều hôm)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### **Chữ nghĩa làng văn**

- \* Theo ông, nơi nào đáng được xem là phố cổ của Sài Gòn?

- *Đó là Gò Vấp. Xét ở nhiều khía cạnh như kiến trúc, tôn giáo, ẩm thực..., Gò Vấp xứng đáng là phố cổ Sài Gòn, cần được đầu tư để là phố cổ Sài Gòn. Gò Vấp có nhiều kiến trúc cổ như các đình, chùa, miếu... Gò Vấp tập trung nhiều tu sĩ và đạo tỳ, có đủ các món ăn ngon của đất phương nam. Dân Gò Vấp làm từ thiện nhiều, nổi tiếng là bà Lê Phát ở chùa Châu An. Thích làm từ thiện là một đặc điểm của*

*dân khản hoang. Gò Vấp cũng có chùa Nghệ Sĩ, một hiện tượng độc đáo chỉ có ở Việt Nam...*

(Cả đời viết về cuộc khản hoang Nam bộ - Miêng)

### **Chữ là nghĩa**

Trong ngôn ngữ, nước này vay mượn nước kia là chuyện bình thường. Có thể các từ xuất xứ ở nước này sau chuyển sang nước khác. Cũng có thể có sự ngẫu nhiên giống nhau. Các học giả thông thái đôi khi cũng chủ quan và lầm lẫn.

Như một học giả Pháp bảo rằng tiếng Việt là mẹ của các ngôn ngữ trên thế giới. Ông bảo tiếng Pháp “convoi” là do chữ “con voi” của Việt Nam.

Một học giả khác lầm lẫn giữa “dâu”, “râu” mà viết rằng “con dâu là phụ nữ có râu”.

Nhiều từ ngữ mình tưởng là tiếng Việt hóa ra là tiếng Hán Việt như: sượng, khoái, thích.

(Sơn Trung – Lịch sử Phở)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

#### **Lá húng di dân (1)**

Từ xưa dân đất Bắc chuộng nhất là húng Láng trong số rau thơm. Có người suy ra đây chính là rau húng quế vì lá nó láng. Rau húng có viền răng cưa với

màu xanh nhạt hơn, được trồng vô số từ làng Láng lân cận thành phố Hà-Nội.

Thật ra "húng" vốn là đầu ngữ chỉ chung các loại rau gia vị như húng nhũi (lũi, hay bạc hà), húng chanh (tần dày lá), húng quế, v.v... nhưng về sau húng Láng vẫn thường được người ta gọi gọn lỏn là "húng" cho đỡ mỗi mồm.

Húng quế đi qua miền Trung, bị đọc đi là "huế" (trại từ âm *gué*).

Vào đến miền Nam thì "húng" thành danh "húng cây", chuyên đi kèm rau mùi (ngò rí, nhí) trong đĩa gỏi thu đủ bò khô, gan cháy.

(Bá ngộ nhà mày: B-G)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Từ ngữ: "vênh váo như bố vợ phải *đám*".

Nếu là *phải đám* thì vô nghĩa,...có gì mà vênh váo?

Thật ra, phát âm câu ấy là: vênh váo như bố vợ phải *đám*" có nghĩa là "*kiếm được, gặp được một đám, một mối lương duyên cho con gái mình !*

(Những câu chuyện Việt ngữ - Nguyễn Hy Vọng)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã Lá húng di dân (2)

Vì thô nhường hay thế nào chả rõ mà húng cây tại Sài-Gòn không thấy bày ê hề ngoài chợ như "húng quế", thứ rau thơm rẻ tiền hơn; thế là quế bèn rơi tõm vào bát phở truyền thống. Chưa kể thêm, những xe bò khô và bò bía (giọng Tàu lơ lớ thành *pò pía*) cũng khai thác triệt để loại rau thơm phổ thông này trên đồng vốn còm. Thét rồi húng cây thất sủng, người ta đã lôi bég hương vị húng quế theo mọi nẻo tha hương.

Theo cuộc di dân, rau húng ấy chuyên trị phở Bắc; lấy thơm lấy tho từ thiên nhiên quyện vào hương bò chín sốt sồn sột làm nức vòm hầu khách ăn. Kể từ ngày ông vải nhà ta hơn hở lấy đây làm gia vị thứ tư không thể thiếu sau đồng riềng, tí mẻ, và mắm tôm. Thực khách trân trọng vật từng lá một mà soi kèm thịt con cày hương (chôn).

Miệng lưỡi sành sỏi xưa kia thường đoan chắc rằng nem công chả phượng trên thế gian này quả hữu danh vô thực so với món thịt cày nhất hạng kỳ mục, đáng độ tiến dâng thượng đế. Phải cái giống chôn hoang lấu linh nhanh thoăn thoắt, chẳng đại ngòi ì ra để người trói gô về cạo lông. Ngó quanh ngó quẩn mãi các cụ mình mới ngộ ra miếng ăn từ cái con... vụ vật trời cho, không những hội đủ thiên tính ngon soi của nhà cày lại vừa dễ bắt, dễ nuôi, và dễ khỏe.

Mấy ông Bắc kỳ buột miệng gọi thứ rau quế này là "húng chó".

(Bá ngọc nhà mày: B-G)

### Tam Thiên Tự (Ba nghìn chữ)



“Thiên trời Địa đất. Cử cát Tồn còn. Tử con Tôn cháu. Lục sáu Tam ba. Gia nhà Quốc nước. Tiên trước Hậu sau. Ngưu trâu Mã ngựa. Cự cựa Nha răng. Vô chằng Hữu có. Khuyển chó Dương dê. Quy về Tẩu chạy. Bái lậy Quý quý. Khứ đi Lai lại Nữ gái Nam trai. Đái đái Quan mũ. Túc đủ Đa nhiều. Ái yêu Tăng ghét. Thức biết Tri hay. Mộc cây Căn rễ. Dị dễ Nan khôn. Chỉ ngon Cam ngọt. Trụ cột Lương rường. Sàng giường Tịch chiếu. Khiếm thiếu Du thừa,  
v...v...”

(Viên Linh – Những ông thầy thời niên thiếu)

## Quặm

Quặm: cong về phía dưới  
(mặt nó quặm xuống – lông quặm)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Tam Tự Kinh

“Nhân chi sơ Tính bản thiện. Tính tương cận Tập tương viễn. Cầu bất giáo Tính nãi thiên. Giáo chỉ đạo Quý dĩ chuyên. Tích Mạnh mẫu Trạch lân xứ. Tử bất học Đoạn cơ chữ, v.....”

(Người lúc đầu Tính vốn lành Tính giống [thì] gần Thói khác [thì] xa Nếu không dạy Tính thay đổi Chuyên cần [là] quý Chuyện mẹ thầy Mạnh Chọn xóm giềng Con không học Chặt khung cửi...)

(Viên Linh – Những ông thầy thời niên thiếu)

## Chữ nghĩa làng văn

"ăn cháo đá bát" /miền Trung và Nam là *vô ơn bạc nghĩa*.

Trường hợp này thì miền Bắc nói "ăn cháo đá bát". Nhưng thử hỏi có ai dám ăn tô cháo người ta cho ăn mà ngay sau đó dám ngang nhiên vén, mở, hay tụt quần /váy mà đá vào đó không?

Hỏi tức là trả lời !

(Những câu chuyện Việt ngữ - Nguyễn Hy Vọng)

### Chữ nhẫn

Từ những kinh nghiệm của thực tế cuộc sống mà người Hán đã sáng tạo ra cách viết chữ “*nhẫn*”. Chữ nhẫn là chữ đao (con dao) ở trên và chữ tâm (con tim) ở dưới.



Lưỡi đao ấy ở ngay trên tâm, và nếu như gặp chuyện mà không biết nhẫn nhịn thì tránh sao khỏi đau đớn, có nhẫn nhịn mới chuyển nguy thành yên, bại thành thắng, dữ thành lành...

Đúng vậy, chẳng phải ngẫu nhiên mà chữ nhẫn lại có bộ đao phía trên như biểu hiện của những nỗi thống khổ sâu sắc như dao nhọn, chúng có thể khứa vào trong tâm trí, trong con tim ta, làm cho ta đau đớn, tủ nhục và khó chịu.

Nhẫn, chính là thể hiện bản chất của con người. Khổng Tử xưa đã nói: “Tiểu bất nhẫn, tắc loạn đại mưu” (việc nhỏ mà không nhẫn được, thì việc lớn ắt

sẽ

hồng).

Vì thế mà người ta đã tốn rất nhiều giấy mực để viết về nó để treo trên tường trong nhà.

### **Chữ nghĩa làng văn**

Theo gương Lý Bạch tuổi trẻ đi chu du khắp Trung Quốc, ba năm Nguyễn Du đã đi giang hồ: “Giang Bắc, Giang Nam cái túi không”; thành nhà sư Chí Hiên, đội mũ vàng, lưng đeo trường kiếm như các nhà sư Thiếu Lâm, trong túi vải nâu một quyển Kinh Kim Cương chú giải của Lê Quý Đôn. Tụng kinh làm công quả kiếm ăn bữa rau đậu, cư ngụ từ chùa này sang chùa khác, ngày viếng danh lam thắng cảnh, đêm tụng kinh Kim Cương trong suốt ba năm (1787-1790) từ Vân Nam, lên Trường An, lại xuống Hàng Châu, lên Bắc Kinh rồi lại về Thăng Long.

Vô tự kinh: Nguyễn Du kể chuyện khi ông đi sứ, có viếng một thạch đài trên đó thái tử Chiêu Minh con Lương Vũ Đế, khắc chữ phân chia kinh Phật. Ông làm bài thơ nói là cốt tủy của Phật giáo là không, kinh kệ Pháp Hoa hay Kim Cương chỉ là ngôn ngữ.

Bốn câu thơ chót nói ông đã đọc ngàn lần kinh Kim Cương mà chẳng thu thập gì nhiều, nay viếng cảnh chữ khắc trên thạch đài đã bị thời gian xóa mờ chẳng còn thấy chữ nào mới thấy vô tự mới đúng là chân kinh:

Ngã đọc Kim Cương thiên biến linh

Kỷ trung áo chỉ đa bất minh  
Cập đáo phân kinh thạch đài hạ  
Chung tri *vô tị thị chân kinh*.

Với chữ: “Vô” đây, Lạt ma Mathieu giải nghĩa là theo Phật Giáo, những chuyện xảy ra ngoài đời chỉ là những hiện tượng theo nguyên lý nhân quả. Những điều đó không phải là chân lý tuyệt đối vì đã bị ảnh hưởng qua nhiều điều kiện. Chúng chỉ là "tục đế". Còn thực tại tối hậu (chân đế) thì chỉ qua cảm xúc, giác quan, thiên kiến...mà thôi.

Lạt ma Mathieu nói "không" có nghĩa là "emptiness" nhiều hơn (trống vắng, không có một hiện tượng nào xảy ra), chứ không có nghĩa là "nothingness" (hư vô).

(Nguồn: Hoàng Dung)

## **Quạnh**

Quạnh: vắng vẻ, cô đơn  
(đồng không mông quạnh, quạnh hơi thu lau lất đìu hiu)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### **Thiếu văn hóa**

Trong quan hệ hàng ngày với tập thể cán bộ, sinh viên, Hoàng Ngọc Hiến rất hồn nhiên, chân thật, dễ tính, nên được anh em mến. Nhưng hình như anh có máu phiến loạn, thích gây sự với lãnh đạo. Hồi những năm 60 của thế kỷ trước, tôi nhớ Phạm Văn Đồng có viết một bài về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Bài ấy, người khác có thể coi là thường, không hay hoặc chưa đúng chỗ này chỗ khác. Nhưng Hoàng Ngọc Hiến nói:  
*“Phạm Văn Đồng viết bài ấy là thiếu văn hoá”.*

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

### **Ranh**

Ranh: trẻ em dưới 18 tuổi  
(trẻ ranh)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### **Hôn nhân**

Hai nhà kết tình thông gia được gọi là hôn nhân. Việc con trai lấy vợ được gọi là “thú” theo thuật ngữ Hán Việt. Thú nghĩa là: lấy vợ. Con gái đến tuổi trưởng thành đi lấy chồng gọi là “giả”. Cheo làng

cưới họ, giấy giá thú là văn bản pháp quy, quy định được gọi là khế ước kết hôn..

Cha vợ là hôn, cha chồng là nhân. Nhân là nhà rể, hôn là nhà gái. Nhà trai, nhà gái gọi nhau là nhân.

(Nhàn đàm về “dâm trường” và “hôn trường” – Lê Quang Thái)

### **Chữ Việt cổ**

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Hom lầy: giữ lầy, ràng lầy

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### **Chữ nghĩa làng văn**

*Giã giò* con cò biết bay  
Xương xông, lá lốt làm chay cho cò.

Câu ca dao mới nghe thấy ngộ nghĩnh, thậm chí tưởng là có mâu thuẫn. Giã giò để làm chay cho cò. Dùng đồ mặn để cúng chay?

Chữ *chay* (Việt) là do chữ *trai* (Hán) mà ra. *Trai* nghĩa là ăn chay. *Trai tãng* là thầy tu ăn chay.

Chữ *trai* còn có thêm một nghĩa khác. *Trai tiếu* là sự làm đàn cầu cúng (*Hán Việt từ điển* Đào Duy Anh). (*Hán Việt tự điển* Thiều Chửu chép là *chai, chai tiếu*).

Làm chay của câu ca dao được hiểu theo nghĩa là làm đàn cầu cúng. Nôm na là làm cỗ cúng. Cỗ cúng của dân gian có thể là cỗ mặn, không bắt buộc phải là cỗ chay.

(Cái chày cái cối – Nguyễn Du)

**Dê...**

Bà Hồ Xuân Hương có câu “Dê con buồn sừng húc dậu thưa”.

Tàu có câu “Dê dương húc phiên” nghĩa “dê đực húc giậu”.

### **Chữ nghĩa làng văn**

Cái bệnh của những học giả, nói theo Nietzsche, là không viết được gì nếu không dựa trên trích dẫn của người khác. Chứ không sáng tạo gì. Sáng tạo của viết lách là sự nấu nướng những gì có sẵn thành món ăn mới. Còn viết văn? Là bày biện món ăn với nhiều

gia vị. Một phong hóa văn chương, dàn dựng nhân sinh vào mâm cỗ ngôn ngữ.

### **Khôn,..dại...**

*Khôn nghề cò bạc là không dại  
Dại chôn văn chương ấy dại khôn*  
Hai câu thơ bị ai đó ở miền Bắc lật ngược thơ của Nguyễn Bình Khiêm mà nguyên văn như dưới đây:  
Khôn mà hiểm độc là khôn dại  
Dại vốn hiền lành ấy dại khôn

Đồng thời người trong Nam cũng vay mượn thơ của Nguyễn Bình Khiêm để làm nhạc. Ấy là câu:  
“*Không thấy hoa nở chẳng biết xuân về hay chưa*”.  
Lời nhạc trên nằm trong bài Thú Tiêu Dao:  
*Thấy nguyệt tròn thì kể tháng  
Nhìn hoa nở mới hay xuân*

(nguồn Talawas.org)

### **Chữ quốc ngữ**

Chức ngự sử trong lịch triều vốn dùng để chỉ các vị quan có nhiệm vụ can gián vua. Muốn giữ trọn chức vụ “ngự sử” cần học rộng tài cao, sáng suốt, can đảm và cương trực như ngự sử Phan Đình Phùng (1847-1896) thời Tự Đức.

(Phan Khôi, Ngự sử văn đàn - Hoàng Yên Lưu)

## Ru

Ru: chǎng (từ đê cuối câu)  
(vô sự chǎng hơn có sự ru)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh

Trăm hoa đua nở, Trăm nhà đua tiếng là dịch nôm câu chữ Hán: Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh, trong cổ văn.

Đây là một câu mà các học giả đời Hán đặt ra để vừa ca tụng vừa tỏ ý luyện tiếc nền văn học cổ điển của Trung Quốc, sáng ngời trong mấy thế kỷ trước, về thời Đông Chu.

Văn học Trung Hoa về thời Đông Chu quả thật xứng đáng cho các thế hệ sau ca ngợi, vì trong vòng ba thế kỷ (từ thế kỷ thứ 6 đến thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch kỷ nguyên), các học giả thời Đông Chu đã đưa nền văn học Trung Quốc từ chỗ thấp nhất đến chỗ cao nhất mà hai nghìn năm sau, không tài nào vươn tới.

Gần như cùng một lúc, Lão học, Khổng học và Mặc học đua nhau ra đời, tiếp theo là những học thuyết uyên thâm của Mạnh Tử, Tuân Tử và Dương Chu. Có thể nói được rằng hầu hết các lý thuyết hiện nay

còn đương tranh giành ảnh hưởng trong nhân loại, như chủ nghĩa dân chủ, lãng mạn, vô chính phủ, duy vật, xã hội, quân chủ chuyên chế, quân chủ lập hiến, phát xít, v.v... đều đã có đại diện từ thời bấy giờ. Tính theo thời gian thì nền văn học Trung Quốc đã bỏ xa nền văn học Âu châu vào khoảng 20 thế kỷ.

Vì vậy nên ngày nay, những học giả nghiên cứu về lịch sử văn hoá Á đông đều phải thắc mắc về một điểm: Tại sao một nền văn hoá đương phát triển một cách tốt đẹp như vậy lại bỗng nhiên đứng dừng lại, khiến trong suốt hai nghìn năm về sau, Trung Quốc chỉ có lùi mà không có tiến về phương diện tư tưởng?

Ông Tibor Mende, một nhà học giả Tây phương, chuyên nghiên cứu về các vấn đề Á đông, đã ví nền văn hoá Trung Quốc và Ấn Độ như hai con sông lớn, đã mang sinh lực tưới khắp miền Đông Nam Á, bỗng dung bị cạn hết nước. Nguyên nhân gì đã làm tịt nòi? Ông nêu ra câu hỏi mà không trả lời.

(Trăm Hoa Đưa Nở Trên Đất Bắc – Hoàng Văn Chí)

## **Ri**

Ri: rừng  
(gà ri, heo ri)

### **Ăn cơm vua**

Một ông thợ xẻ, gặp dịp làm nên giàu có, mua được chút phẩm hàm, mở tiệc ăn khao. Trong những câu đối và hoành phi gửi đến mừng, người ta chú ý nhất đến một bức trướng trên đề ba chữ: Ăn cơm vua

Ai đọc cũng phải tìm tòi, nhớ lại câu hát: "kéo cưa, lừa xẻ, ông thợ nào khỏe thì ăn cơm vua, ông thợ nào thua thì về bú tí ... "

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

### **Chữ là nghĩa**

Câu "Văn là người" của Baffon cách đây ba thế kỷ.

### **Chân nam đá chân xiêu**

Nhờ vào từ "đá" đứng giữa hai vế mà người ta hiểu nghĩa đen của thành ngữ này là "chân nọ đá vào chân kia", và do từ "chân xiêu" một cách đơn thuần là "xiêu xẹo" nên người ta hiểu nghĩa bóng của thành ngữ là "đi đứng không vững vàng". Nhưng tại sao "chân nam" lại là chân này và "chân xiêu" lại là chân kia ?

Thực ra, "nam" là do "dăm", còn "xiêu" là do "chiêu" đọc chệch mà thành. "Đăm" và "chiêu" là

hai từ cổ thuần Việt có nghĩa "bên phải" và "bên trái". Từ điển "Đại Nam Quốc Âm Tự Vị" của Huỳnh Tịnh Của (1895) còn ghi : "đăm" là "tay mặt, tay hữu"; "chiêu" là "tay trái, tay tả". "Đăm" và "chiêu" còn thấy ở nhiều câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ như :

"Tay chiêu đập niêu không vỡ" hoặc "Gà kia mày gáy chiêu đăm - Để chúa tao nằm, tao nghỉ chút nao".

"Đăm", "chiêu" trong "gà gáy chiêu đăm" hoặc suy nghĩ "đăm chiêu" với nghĩa đen là "phải trái" để mang nghĩa bóng là "lo nghĩ vất vả, lo nghĩ trước sau". (Từ điển của hội Khai Trí Tiến Đức 1932). Như vậy thành ngữ "chân nam đá chân xiêu" đúng phải là "chân đăm đá chân chiêu" tức chân phải đá chân trái để chỉ "trạng thái đi đứng không vững vàng".

"Ông cụ Bèò đi bán củi ở chợ Nghệ về, đã làm mấy chén rượu ở chợ, chân đăm đá chân chiêu về đến nhà". (Quang Dũng - "Nhà đò").

Sau nữa, nếu say sưa cũng "chân nam đá chân xiêu" thì đây là nghĩa thứ hai của thành ngữ:

"Nhà Chín cũng nghèo thay! Nhờ được bà hay lam hay làm, thất lưng bó que, xắn váy quai cồng, tát tả chân nam đá chân chiêu, vì tở đờ đần trong mọi việc". (Nguyễn Khuyên).

## Chữ nghĩa làng văn

Đời sau, không biết từ bao giờ, tín ngưỡng phồn thực *chày cối bị nỡn nường* thay thế. *Nỡn* (sinh thực khí nam) *nường* (sinh thực khí nữ) rất trần tục, trần trụi.

Một vài làng xã miền Bắc " quá khích ", cứ 18 cặp trai gái rước *ba mươi sáu cái nỡn nường*. Đám rước được một cụ giàu kinh nghiệm bản thân dẫn đầu. Cụ biểu diễn cảnh *nỡn nường* quán quýt nhau. Đâm vào, rút ra. Trai gái theo sau múa theo cụ. Dân làng ai cũng thích xem rước *nỡn nường*.



Đón dâu ngoài cổng

Có người chế diễu : *36 cái nỡn nường, cái để đầu giường là 37.*

*Tranh dân gian Oger (1908) có tấm Đón dâu ngoài cổng* cho thấy tục *giã cối* còn có mặt cả trong lễ cưới và tục này còn tồn tại ở một số làng đến tận đầu thế kỉ 20.

Hôm làm lễ rước dâu, nhà trai cho đặt sẵn một bộ chày cối trước cổng. Chờ lúc họ nhà gái đến gần thì sai người *giã cối* đón mừng cô dâu. *Giã cối* tạo tiếng vang rộn rã, đồng thời chúc cô dâu sớm có " con bông con bé" cho vui cửa vui nhà.

Tấm tranh Oger kín đáo, dí dỏm cho biết nhà trai mong muốn cô dâu chú rể hạnh phúc đến độ... chày hăng say đâm vỡ cả cối, chảy cả nước !

## Chữ quốc ngữ

Từ điển khác với Tự điển. Tự điển mỗi điều chỉ có một chữ, mà từ điển mỗi điều phải từ hai chữ sắp lên đến sáu bảy chữ. Ấy là vì chữ “Tự” (辭) khác với chữ “Tự” (字). “Tự” nghĩa là lời, “Tự” nghĩa là chữ, hiệp nhiều chữ lại mới thành lời.

(Phan Khôi, Ngự sử văn đàn - Hoàng Yên Lư)

## Chữ nghĩa làng văn

Có thể dựa vào câu *Thuốc Bách tính, đóm diêm (bao diêm), điều óng...* để đoán.

*Diêm* là tiếng Bắc (trong Nam gọi là *quet*). Ngoài Bắc có *diêm* từ bao giờ?

Có từ ngày :

Em là con gái *nhà Diêm*

Đến tháng lĩnh tiền được bốn đồng hai

Một đồng em để cho giai

Hai đồng cho mẹ, đồng hai ăn quà.

(*Ca dao ngạn ngữ Hà Nội*)

*Nhà Diêm* là nhà máy làm diêm (*Manufacture d'allumettes*) của Pháp tại Hà Nội, nằm tại địa điểm nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo sau này. *Diêm* và *bao diêm* chỉ có sau khi Pháp đặt nền bảo hộ Bắc kỳ (1884).

(Cái chày cái cối – Nguyễn Du)

### **Ai là ai?**

Ai ơi! Còn nhớ ai không?  
Trời mưa, một mảnh áo bông che đầu.  
Vì ai, ai có biết đâu!  
Áo bông ai ướt? Khăn đầu ai khô?  
Người đi Tam Đảo, Ngũ Hồ,  
Kẻ về khóc trúc Thương Ngô một mình.  
Non non nước nước tình tình,  
Vì ai ngơ ngẩn cho mình ngẩn ngơ

Ai đây là một tiểu thư đất Nam Định, tục danh Cồn, con gái út của tiến sĩ Vũ Công Độ<sup>(1)</sup>. Nhóm thực hiện sách *Tú Xương - tác phẩm, giai thoại* bao gồm Nguyễn Văn Huyền (chủ biên), Đỗ Huy Vinh, Mai Anh Tuấn căn cứ vào lời thuật của một số bà lão ở Vị Xuyên mà ghi chép: "Khi còn trẻ, hai người đã yêu thương nhau, nhưng gia đình ông Nghè không thuận. Cô Cồn phải lấy chồng ở xã Mai Xá (nay thuộc ngoại thành Nam Định), tên là Hai Đích. Năm 23 tuổi, chồng chết, cô trở về Nam Định, ở vậy, nuôi con.

Ông Tú cũng đã lấy vợ, trái tim vẫn lưu luyến mỗi tình xưa, nhưng không vượt quá khuôn khổ. Bài thơ này làm nhằm một đêm nhà thơ si tình, lượn qua nhà

người tình cũ, gặp mưa, phải lấy vạt áo bông che đầu, càng thốn thức khôn nguôi".

Xin nêu thêm một số chi tiết thú vị. Mặc dù goá bụa lúc còn quá trẻ, lại xinh xắn khéo giỏi, nàng Cồn được nhiều người ve vãn, song quả phụ cương quyết giữ lòng trung trinh thờ chồng và nuôi con, bởi thế khi nàng 50 tuổi đã được vua Khải Định ban tặng 4 chữ *Tiết hạnh khả phong*. Quả phụ Hai Đích, tức nàng Cồn, chỉ có một mụn con gái mang họ tên Hoàng Thị Sính. Sính lớn lên, kết hôn với quan huyện Vũ Thiện Thuật, sinh hạ nhà thơ Vũ Hoàng Chương (1916 - 1976).

(1) Vũ Công Độ (1805 - ?): Người làng Vị Hoàng, tổng Đông Mặc, huyện Mỹ Lộc, phủ Thiên Trường, tỉnh Nam Định; nay là phường Vị Hoàng, TP.Nam Định, tỉnh Nam Định. Vốn là giám sinh trường Quốc Tử Giám. 28 tuổi, đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Nhâm Thìn, niên hiệu Minh Mạng XIII, tức năm 1832. Bia đá còn lưu danh tại di tích Văn Thánh / Văn Miếu ở Huế. Làm quan đến chức Thái bộc tự khanh quyền Bộ chánh Thái Nguyên.

(Phanxipăng - Giải ảo tình khúc áo bông)

**Sá**

Sá: tính đến, quản đến  
(sá gì chuyện ấy)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Đào và kếp

Sử thi có ghi đời Lý có cô ca sĩ là Đào Thị hát rất hay thường được vua ban thưởng. Hát ở đào cũng do đây mà ra. Sau này bất cứ cô nào hát hay, người ta gọi là đào nương hay đào hát.

Còn đàn ông gọi là kếp hát. Chữ “kếp” từ chữ “giáp” mà ra.

Giáp là quản giáp, là nam diễn viên có tài, được giữ chức quản lý đoàn hát. Về sau dân gian gọi “kếp cải lương” là vậy.

(Kỷ niệm sân khấu – Nguyễn Ngọc Ngạn)

### **Chữ quốc ngữ**

Trương Vĩnh Ký (1837-1898), Huỳnh Tịnh Của (1834-1907) đẩy lên phong trào sáng tác bằng chữ quốc ngữ ở trong Nam. Phạm Quỳnh (1892-1945), Nguyễn văn Vĩnh (1882-1936), Trần Trọng Kim (1883-1963).. thúc đẩy việc dùng quốc ngữ để xây dựng nền văn học mới ở miền Bắc. Tuy nhiên, trong tình trạng khi trào lưu báo chí, sáng tác, biên khảo.. rộ nở trong những năm đầu thế kỷ XX, sử dụng thứ

văn tự mới được chính thức dùng trên văn đàn, trên luận đàn khó tránh khỏi có nhiều sơ sót về cách viết, về chính tả, về từ ngữ và về cách đặt câu.

Độc giả tân học khi ấy có thể không thấu hiểu hết các từ gốc chữ Hán, độc giả cổ học chưa quen với những từ ngữ mới về khoa học, kinh tế. Muốn hoàn thiện chữ quốc ngữ cần tự điển nhưng tự điển của Huỳnh Tịnh Của (Đại nam quốc âm tự vị), Trương Vĩnh Ký (Grand Dictionnaire Annamite-Français - Đại tự điển An Nam-Pháp) mức phổ biến rất hạn chế và sau này Việt Nam Tự Điển của Hội Khai trí tiến đức (1931) cũng không ở trong tầm tay của người học chữ quốc ngữ vì số in có hạn , giá lại cao.

Giới trí thức buổi đầu có những cuộc tranh luận về cách viết chữ quốc ngữ, nào chính tả, nào cách sử dụng từ ngữ sao cho chính xác và dễ phổ cập. Chẳng hạn cuộc bút chiến giữa Phạm Quỳnh và Nguyễn Háo Vĩnh, v...v,,,

(Phan Khôi, Ngự sử văn đàn - Hoàng Yên Lưu)

### **Chữ và nghĩa**

Rất nhiều từ ngữ mà chúng ta cho là của người trong nước sau 75, thực ra là của Việt Nam trước đó. Vậy tiếng nào là tiếng của người Việt trước hay sau 75?

Xác tín là tin chắc , “chính xác” là đúng y, hai chữ không liên quan gì tới nhau, và được dùng đề huề ở

cả hai miền (thậm chí có thể Miền Nam dùng “xác tén” nhiều hơn Miền Bắc)

(Tâm Thanh – Chiêu hồi ngôn ngữ)

### **Thôi, xao**

“Thôi” là “đầy”. “Xao” là “gõ”.

Giả Đảo là một nhà sư giỏi thơ đời Đường. Một hôm trăng sáng, sư cưỡi lừa đến thăm người bạn tên Hàn Dũ. Cảnh thanh vắng, chim đậu trên cây bên bến nước, bóng người chiếu xuống mặt đầm, sư tức cảnh làm thơ :

Điều túc tri biên thọ

Tăng thôi (xao) nguyệt hạ môn

Tạm dịch là “Chim đỗ cây bên nước – Sư đầy (gõ) cửa dưới trăng”. Giả Đảo ngâm đi ngâm lại thấy chữ “thôi” không ổn đổi lại “xao”. Nhưng cũng không vừa ý. ông đọc “thôi” rồi “xao”. Hết “xao” lại “thôi”. Ông tức quá, đứng trước cửa nhà bạn đưa tay đẩy (thôi) rồi gõ (xao) cửa nhà bạn năm, bảy lần như người điên mà vẫn không nghĩ ra. Vừa lúc Hàn Dũ bước ra biết chuyện nên nói: “Nên dùng chữ “xao” (gõ) thì hay hơn”.

“*Thôi xao*” trong thơ phú ngày nay chỉ... “*chọn chữ làm thơ*”.

(Nguyễn Tử Quang – Điền hay tích lạ)

### **Chữ nghĩa làng văn**

"Tai vách, mạch rừng", tôi thích thành ngữ này vì nó đối chọi chan chát / *cái vách cũng nghe được, khu rừng cũng có mạch nước nhỏ chảy ra .../* Ý nói con người nên cẩn thận, có thể bị tiết lộ.

Nhưng có người lại cho là : "tai vách, mạch *dừ*ng". Vì "dừng" là cái nan tre của một tấm phên giữa hai lớp đất sét trát hai bên, Họ giải thích như thế... Nhưng nếu vậy thì "mạch" của cái "dừng" là cái gì vậy ta.

(Những câu chuyện Việt ngữ - Nguyễn Hy Vọng)

### **Cái nghiên mực**

Các cụ kể rằng ngày nay, ai mà có được một cái nghiên mực Tàu làm bằng ngói của Cung Vị Ương đời nhà Hán, thì quý lắm. Các cụ giải thích thêm rằng dưới đời nhà Hán, văn hóa Tàu lên cao tới đỉnh. Bất kỳ cái gì, cũng hay, cũng khéo, kể cả công nghệ nhỏ là công nghệ làm ngói cũng vượt bậc. Tôi nghi ngờ vì tôi được xem sách khảo cổ những ngói mỏng, y hệt như ngói ngày nay của Tàu hay của ta. Có thể nào mà biến chế loại ngói mỏng ấy ra thành nghiên mực được chăng ? Nếu mài ngói để tạo ra

vững chứa mực, chứa bông hút mực, và sau vài tiếng đồng hồ thì mực sẽ thấm lậu qua ngói.



Nghiên “Tức MẶc HẬu”  
của vua TỰ ĐỨC

Tôi mới đi hỏi người Tàu. Người mà tôi hỏi là ông Lý Văn Hùng, người Quảng Đông ở Chợ Lớn. Ông này chỉ là thầy giáo Tàu thôi, nhưng ông ta đã viết được vài quyển sách về lịch sử cận đại của miền Nam bằng chữ Tàu, và nhứt là ông ta đã được chánh phủ của chế độ cũ của ta mời dạy Quan Thoại và văn hóa Trung Quốc ở Văn khoa Đại học ta, nên tôi nghĩ rằng chắc ông ta cũng không dở lắm. Nghe tôi kể chuyện nghiên mực, họ Lý cười rồi đáp ngay: “Chuyện này thì người Hoa chúng tôi cũng có kể, và quả có loại nghiên mực đó thật sự, và rất được người Tàu quý. Nhưng người Việt Nam đã hiểu lầm về chữ nghĩa được chép ra ở các sách kể câu chuyện này. Chữ *ngõa* không phải chỉ có một nghĩa là ngói thôi đâu. Xưa, *ngõa* chỉ *đất nung*, tức gạch cũng được gọi là *ngõa*, chớ không gọi là *chuyên* như ngày nay. Vậy là nghiên mực đó được làm bằng...gạch của

cung Vị Ương chớ không phải là bằng...ngói của  
cung Vị Ương đâu.

(Học lại chữ Tàu – Bình Nguyên Lộc)

### **Săng**

Săng: cây, gỗ  
(săng, quan tài bằng gỗ)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh  
Văn Thiện)

### **Chữ Việt cổ**

Hộp quá: vôi quá

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### **Sảy**

Sảy: chợt, bỗng  
(sảy thấy)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh  
Văn Thiện)

## Mai Hạc



Theo Vương Hồng Sển, qua bộ âm trà “Mai Hạc” của Trịnh Sâm. Nguyễn Du viết hai câu lục bát nôm trên bộ âm của nhà chúa để sứ thần đặt làm bên Tàu trên đường đi sứ:

Nghê ngao vui thú yên hà  
Mai là bạn cũ, hạc là người quen



Thế nhưng hai câu thơ trên đúng ra là của...Nguyễn Bình Khiêm

## **Cái đôn**

Người mà tôi hỏi là ông Lý Văn Hùng, người Quảng Đông ở Chợ Lớn. Ông này chỉ là thầy giáo Tàu thôi, nhưng ông đã viết vài quyển sách về lịch sử cận đại của miền Nam bằng chữ Tàu, và ông ta dạy Quan Thoại và văn hóa Trung Quốc ở Văn khoa Đại học ta, nên tôi nghĩ rằng chắc ông ta cũng không dở lắm.

Ông Lý Văn Hùng hỏi tôi:

- Tiên sinh có biết danh từ “cái đôn” của Việt Nam, nguồn gốc nó là gì hay không ?
- Không, đó là tiếng Việt Nam cổ, khó biết nguồn gốc lắm. Thí dụ, cái nhà thì là cái nhà, chớ còn làm sao mà biết nguồn gốc của danh từ nhà được !

Họ Lý lại cười mà rằng:

- Đôn là tiếng Tàu đó, chớ không phải là tiếng Việt đâu. Các nhà nho Việt Nam đọc sai tiếng tàu, nhưng dân chúng Việt Nam thì lại đọc đúng là đôn, nên chẳng còn ai biết đôn do đâu mà ra nữa. Đôn là tiếng Tàu *ngõa cổ đặng* mà ra.
- *Ngõa cổ đặng* là gì ?
- Xem chữ viết đây thì hiểu ngay.

Ông Hùng nói rồi, lấy bút máy ra viết ngay ba chữ *ngõa cổ đặng*. Cổ là cái trống. Đặng là gì thì tôi không biết, chỉ thấy chữ ấy được viết bằng chữ đặng với bộ Thổ (?) thì tôi đọc là đặng vậy thôi. Tôi hỏi:

- Đặng là cái gì ?

- Là cái ghé ngói. Hồi đời xưa, nước tôi chưa biết chế tạo ghé gỗ thì chế tạo bằng đất nung, tức bằng ngõa vậy, chứ đâu phải là bằng ngói. Ngói quá mỏng, ngói lên đó, ghé sẽ gãy còn gì. Cái chữ này, Quan Thoại đọc là tôn, dân chúng Việt Nam nói là đôn là chỉ nói sai có một chút xíu thôi. Chính các nhà nho Việt Nam mới là đọc sai quá nhiều là đặng. Đó, tiên sinh đã thấy hay chưa là ngõa đâu có phải mang có một nghĩa là ngói. Ngõa là đất nung ấy chứ, tức gạch cũng là ngõa.

(Học lại chữ Tàu – Bình Nguyên Lộc)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Đọc mà như lênh đênh bơi trên bờ ảo. Ảo của vật, ảo của ý. Ảo của ảo. Tất cả đều loáng thoáng, mơ hồ, chợt có chợt không. Gọi nên cái *mỏng tang* của không gian, của thời gian, và của cả...Hơi chữ nghe có vẻ chắc. Nhưng xem ra đầy nghi hoặc!

Những mảng mênh mông, người viết tiếc không thể đưa thêm nhiều hơn nữa! Cũng là những con chữ đó – những ký hiệu – ai cũng có thể viết, có thể sắp xuôi, sắp ngược theo ý, ấy thế mà, mỗi cách hành văn lại có một lối sắp xếp khác nhau, đưa đến những cấu trúc khác nhau và toát ra hơi chữ khác nhau. Nhiều bất ngờ khiến cho khi đọc tưởng mình lạc vào một vùng đất nguyên sinh như chưa từng biết đến bao giờ.

Chữ, lạ thật!

(Hơi chữ – Trần Doãn Nho)

**Sậy**

Sậy: lờ, lia đàn  
(sậy đàn tan ghé)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

**Chữ nghĩa làng văn**

Kỳ trước Nguyễn Tuân được nêu ra, xin đề cập với Xuân Diệu có những câu thơ thế này:

Một ít nắng, *vài ba sương mỏng thắm*  
Mấy cành xanh, *năm bảy sắc yêu yêu*  
Thế là xuân. Tôi không hỏi chi nhiều.  
(‘Xuân không mùa’)

“Vài ba sương mỏng thắm” là thế nào? Rồi lại còn “năm bảy sắc yêu yêu”, sắc yêu yêu là cái sắc ra làm sao? là cái sắc quái quỷ gì vậy? Đó là một từ ngữ, một lối nói riêng của vùng Hà Tĩnh hay Bình Định chăng? Chắc không phải thế đâu. Đang ngon trớn, đang nói dồn nói dập, thi sĩ cứ phóng bừa tới vậy thôi. Thành thử nhiều lúc chữ xô đẩy chữ, lờn chen

lấn lòi. Bất kể từ ngữ ông dùng có chính xác hay không chính xác.

Một phong cách, nó quan trọng là thế.

(Võ Phiên – Văn phong, nhân cách)

**Giờ** **tí** **1**

Nửa đêm *giờ tí* canh ba  
Vợ tôi con gái, đàn bà, nữ nhi  
(ca dao)

Ban đêm chia ra làm 5 canh:  
Canh một từ 8 đến 10 giờ (giờ tuất)  
Canh hai từ 10 đến 12 giờ đêm (giờ hợi)  
Canh ba từ 12 đến 2 giờ sáng (*giờ tí*)  
Canh tư từ 2 đến 4 giờ (giờ sửu)  
Canh năm từ 4 đến 6 giờ (giờ dần)

(Việt Nam anh hoa – Thái Văn Kiềm)

## Bình vôi



Miền bắc Việt, cũng như miền trung có tục thờ cây cối. Dưới gốc cây to, cỏ thụ người ta thường đặt những bình vôi sứ mẽ đã dùng chứa vôi ăn trầu. Đây là một đồ dùng để ăn trầu khi nào bẻ vỡ người ta không vứt đi mà người ta phải đặt vào một gốc cây. Đặt bình vôi vào dưới gốc cây không phải để cúng cây, Bình vôi là cái gì chứa một quyền năng thần bí có quan hệ mật thiết đến vận mệnh của gia đình, cho nên người ta thường gọi là “Ông” bình vôi. Nếu vôi bám vào nơi miệng bình thành bờ thì gia đình làm ăn thịnh vượng, còn trái lại là điềm gỡ, xấu. Bởi thế nên khi có bình vôi sứ mẽ, người ta đặt dưới gốc cây vì gốc cỏ thụ là nơi đặc biệt tụ khí (mana), tức là khí thiêng. Do đây mà về sau có tục thờ cây.

(Tục thờ cây ở Việt Nam – Nguyễn Đăng Thục)

## Chữ nghĩa làng văn

Cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, thơ Nôm để chuyển sang văn học quốc ngữ đã xuất hiện hai gương mặt thơ tiêu biểu là Nguyễn Khuyến và Tú Xương. Họ cùng thời và đồng hương nhưng thế giới các cảnh quan và tâm trạng trong thơ họ rất khác nhau.

Nguyễn Khuyến, đó là sự tĩnh lặng làng quê; còn Tú Xương trong huyên náo kẻ chợ. Kể cũng hơi lạ. Bình Lục của Nguyễn Khuyến chỉ cách Nam Định nơi có phố hàng Nâu của Tú Xương vài mươi cây số, thế mà thế giới thơ của ông sao hiu hắt thế. Tú Xương chưa phải làm câu đối khóc vợ như Nguyễn Khuyến:

*Bà đi đâu vội mấy, để cho lão vất vợ vất vương, búi tóc củ hành, buông quần lá toạ, gật gù tay đũa tay chén, cùng ai kể lẽ chuyện trăm năm.*

(Hai bà vợ trong thơ Nôm - Phong Lê)

## Ghé và bàn

Tôi ghé lại một tiệm nước Tàu ở Chợ Lớn để giải khát, loại tiệm mà họ đề bảng hiệu là “Trà Gia”. Tôi gọi một bình trà. Thế là ông chủ hiệu hô to lên cho hầu xáng bung bình trà ra cho tôi. Ông ta nói bằng tiếng Quảng Đông: “Một bình trà cho *kỷ xạ* hương đông”.

Sao lại là ghé trà hờ trời ? Không lẽ họ dám vô lễ đặt bình trà cho khách trên một chiếc ghé ? Còn cái bàn, trước mặt tôi thì để làm gì kia chứ ? Lúc anh hầu xáng bung bình trà lại, để lên bàn, tôi hỏi anh ta:

- Kỹ xà là gì ?
- Là bàn dùng để bình trà. Cái bàn trước mặt thầy đó !
- Vậy kỹ là bàn, chứ không phải là ghé ?
- Dạ, kỹ là bàn.
- Sao người Việt Nam chúng tôi gọi cái ghé dài là trường kỹ ?

Anh hầu xáng cười rồi đáp:

- Ai biết đâu. Chừng nào chính tôi gọi như vậy thì mới là kỳ đó, mới là đáng hỏi. Các ông khác nước, khác tiếng với chúng tôi, các ông dùng tiếng Tàu cách nào, chúng tôi đâu có biết được.

(Học lại chữ Tàu – Bình Nguyên Lộc)

**Sè sè**

Sè sè: rất thấp  
(sè sè nắm đất bên đường)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

**Khắc**

2

Đêm thu *khắc lậu* canh tàn  
Gió cây trúc lá, trăng ngàn ngậm sương  
(Kiều)

Xưa người ta dùng *thủy lậu* hay *khắc lậu*. Thủy lậu là nước giọt, khắc lậu là giọt thành khắc. Nước giọt từ cái vòi xuống bể nước, nước dâng từ mức này đến mức kia, từ khắc này đến khắc nọ, để phân chia thời gian một cách rõ ràng

(Việt Nam anh hoa – Thái Văn Kiểm)

**Kê là gà**

Giáo sư Lê Ngọc cho rằng gà là tiếng Tàu do kê biến âm ra, mà kê thì Tàu đọc là cấp.

Tôi kiểm soát lại thì toàn thể nước Tàu chỉ có tỉnh Quảng Đông gọi con gà là cấp thôi, các tỉnh Hoa Nam khác gọi nó là “cô”, riêng Hoa Bắc thì lại đọc cái chữ Tàu đó là “chĩa”. Chĩa và cô có thể biến thành kê, gà được chăng ?

Sự thật thì cấp của Quảng Đông, kê là tiếng Việt cổ và gà là tiếng...Mã Lai.

(Học lại chữ Tàu – Bình Nguyên Lộc)

## Văn hoá ngộ

Gia đình tôi tất cả đều sinh ra tại Hải Phòng. Khi lớn lên, bố tôi vượt lũy tre xanh, rời xa khỏi địa bàn Hải Phòng, đi lính quốc gia... Sau này bố tôi không còn ngộ một tí ti ông cụ nào. Năm 1948, bố tôi 24 tuổi từ Sài Gòn trở về Bắc làm cảnh sát Hải Phòng; và lập gia đình với mẹ tôi. Mẹ tôi cũng là dân sinh quán Hải Phòng; và chính mẹ tôi cũng nói ngộ “l,n” khá nặng. Tôi và 3 đứa em lớn được sinh ra tại Hải Phòng. Năm 1954 gia đình tôi di cư vào Nam. Đến hôm nay, gia đình tôi có cả thầy 8 anh em không có một ai nói ngộ “l,n. Năm 2005 tôi có dịp về thăm quê quán Hải Phòng mới thấy là họ hàng bên nội bên ngoại của tôi đều ngộ “l,n” hết ráo. Qua kinh nghiệm của gia đình tôi thì sự phát âm sai (ngộ) phần lớn là vì ảnh hưởng của môi trường phát âm sai (Hải Phòng. Nếu có dịp đi ra khỏi môi trường ngộ này, như bố tôi chẳng hạn, như vậy, “ngộ” là một bệnh nan y thật nhưng không phải là hoàn toàn hết thuốc chữa...Điều đáng chú ý là ngoại trừ loại ngộ “phản cảm” “l,n”, hầu hết các loại ngộ hay phát âm khác như ở miền Trung, miền nam đều được dễ dãi xí xóa thông cảm. Ngộ “l,n” ở miền Bắc đặc biệt bị phân loại là “bất bình thường”, đôi khi còn bị hiểu lầm như “nhà quê,” “ít học,” “kém văn hóa...” Trời đất! Quê tôi!

(Văn hoá ngộ – Trần Văn Giang)

### Những hình dạng mới của chữ nghĩa

Một giáo sư ngữ học dạy khoa Văn tại Đại học tổng hợp ở Hà Nội cho biết nhiều nhà văn, nhà thơ thành danh đã phạm những lỗi ngữ pháp về tư duy lôgích. Ngoài lỗi trùng ngôn, trùng ngữ ra còn có một lỗi khác nữa do không hiểu cái thái độ khiêm tốn có hữu của người Á Đông tôn vinh người đối thoại với mình. Trong khi bản thân mình thì tự hạ thấp bằng những từ xấu nghĩa, cho nên dần dần chuyển thành một nghĩa khác.

Chẳng hạn chữ "quý" trong quý phương, quý nữ hay chữ "nhã" trong nhã ý, chữ "cao" trong cao kiến đã trở thành một đại từ sở hữu chỉ ngôi thứ hai (có nghĩa là "của ngài") chữ "tệ" trong tệ xá hay chữ "hàn" trong hàn gia, chữ "ngu" trong ngu ý đã trở thành một đại từ sở hữu dùng cho ngôi thứ nhất ("của tôi").

Vì không hiểu những ý nghĩa phái sinh này, có khá nhiều người nói những câu như "Tôi có nhã ý mời anh chị đến dùng cơm" hay "Theo thiên ý của bố tôi thì họ rất tốt" đều không ổn, vì "nhã ý" chỉ có thể dùng cho ngôi thứ hai ("cái ý nhã nhận của ngài"), còn "thiên ý" chỉ có thể dùng cho ngôi thứ nhất (vì tôi không có quyền "khiêm tốn giùm" cho bất kỳ ai khác).

## Sẽ

Sẽ: nhẹ nhàng, khè  
(rượu đến cội cây ta sẽ uống – giờ cao đánh sẽ)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Đồng hồ 3

Hai chữ đồng hồ do: đồng, một loại kim khí. hồ, cái bể nước.

Vì dụng cụ đo thời gian là một quả cầu tròn bằng đồng có xoi lỗ

Được thả nổi trong bể nước. Nước tràn từ từ vào cái lỗ, quả cầu chìm xuống nước gây tiếng động.

Nghe tiếng động, người ta vớt quả cầu lên, dốc nước và thả lại như cũ. Mỗi lần như vậy gọi là một thời (hay thì).

Mỗi ngày mỗi đêm có 12 thời.

Mỗi thời có 8 khắc.

(mỗi khắc bằng 14 phút 40)

(Việt Nam anh hoa – Thái Văn Kiêm)

## Chữ Việt cổ

Ma: người chết

Đơm ma: cơm cúng cho vong hồn người chết

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### **Tên họ**

Những họ như Trần, Lý, Phạm, Trương, Vũ, v.v... và cả họ Nguyễn là những họ tại Việt Nam, đồng thời người Hoa cũng có những họ ấy. Vào thời xa xưa, những bộ lạc người Việt, Mường, Mán v.v... thường không có họ, vì theo mẫu hệ, chỉ có tên cho dễ gọi. Khi tiếp xúc với Tàu, lại bị đô hộ hơn 1000 năm, ta chịu ảnh hưởng và bắt chước sinh hoạt của Tàu trên nhiều lãnh vực, trong đó có việc đặt thành họ tộc theo phụ hệ. Hoặc bị người Tàu cai trị bắt buộc người Việt lấy họ của Tàu.

Lẽ dĩ nhiên cũng có người Tàu họ Trần, Ngô, vân vân, qua sinh sống tại Việt Nam lâu ngày thành người bản xứ, nhưng số ấy rất ít, không đáng kể. Đừng nói đâu xa, những người Cam Bốt ở vùng châu thổ sông Cửu Long vào thời các chúa Nguyễn không có họ. Về sau các vua Gia Long, Minh Mạng, để tiện việc làm hộ tịch, yêu cầu họ lấy họ Việt Nam, hoặc đặt ra một số họ mới như Thạch, Sơn, v.v.

(Ngự Thuyết - Dòng dõi người Việt gốc Hoa?)

## Phát âm Việt ba miền

Người Trung (Bắc-Trung) phát giọng hỏi và nặng giông nhau! Thí dụ như : *Ăn ba chái thù đụ mà vẫn chưa đụ thì chình nào mới đụ ? Thôi đừng nói nữa ... đụ zôi đụ zôi.* Đây là cách viết các dấu, phân biệt được người viết là người miền nào ngay lập tức !

(Từ điển nguồn gốc tiếng Việt – Nguyễn Hy Vọng)

## Văn hoá ngộ

Ngộ thường xuất phát từ (địa) phương ngữ, thô ngữ có nghĩa là chỉ chỉ phối, chỉ có ảnh hưởng giới hạn trong một miền, vùng, địa phương nào đó. Điểm đặc biệt đáng lưu ý là “phát âm khác biệt theo vùng” và “ngộ,” xét cho kỹ, là hai vấn đề khác nhau. Nói ngộ là đặc thù của địa phương, là chuyện bình thường. Không phải bất cứ ai sống trong một vùng có người nói ngộ thì họ cũng đương nhiên phải nói ngộ. Những ghi chép sau đây chỉ có tính cách tượng trưng điển hình, không phải là tuyền đối.

Vùng Hải Hậu, Nam Định thì lại ngộ “tr, t” một cách khác:

"Con trâu tắng nằm cạnh gốc te tụi giữ tưa hè."  
("Con trâu trắng nằm cạnh gốc tre tụi giữ tưa hè.")

(Văn hoá ngộ – Trần Văn Giang)

## **Chữ hàn lâm**

Ngôn ngữ của tôi là thứ ngôn ngữ hơn năm chục năm về trước. Tôi nói : "Tôi đi nhà thương mổ mắt" nhưng bây giờ "người trong nước" nói : "Tôi đi bệnh viện làm phẫu thuật mắt", nghe vẫn vẻ hơn khiến tôi có mặc cảm mình "quê một cục" !

Một cháu bé sáu tuổi về nói với mẹ : "Mẹ ơi, con có ảo ảnh, con biết chỉ có một cái cốc mà con nhìn thấy có hai cái". Bây giờ ai ai cũng dùng những từ ngữ Hán Việt một cách rất chuẩn và rất tự nhiên như tiếng mẹ đẻ, xưa kia những từ ấy chỉ thấy trên sách báo của các nhà trí thức. "Hàn Lâm Viện" đã xuống đường !

(Nguyễn Thị Chân Quỳnh – Câu chuyện “hội nhập”)

## **Sụ sụ**

Sụ sụ: to, choán nhiều chỗ  
(to sụ sụ - áo to sụ sụ khách ngồi câu)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Văn hoá ngộ

Ngộ thường xuất phát từ (địa) phương ngữ, thổ ngữ có nghĩa là chỉ chi phối, chỉ có ảnh hưởng giới hạn trong một miền, vùng, địa phương nào đó. Điểm đặc biệt đáng lưu ý là “phát âm khác biệt theo vùng” và “ngộ,” xét cho kỹ, là hai vấn đề khác nhau. Nói ngộ là đặc thù của địa phương, là chuyện bình thường. Không phải bất cứ ai sống trong một vùng có người nói ngộ thì họ cũng đương nhiên phải nói ngộ. Những ghi chép sau đây chỉ có tính cách tượng trưng điển hình, không phải là tuyệt đối.

Như một số dân ở địa phương Thái Bình thì lại ngộ chữ “r, d” một cách khác nghe rất lạ tai. Như bà hàng xóm của tôi (gốc Thái lợ) là dân di cư 1954 ở Sài Gòn cứ gọi con ơi ới:

“Ruong ơi Ruong! Ra đây mẹ cho miếng rưa.”  
(Dương ơi Dương! Ra đây mẹ cho miếng dưa)

(Văn hoá ngộ – Trần Văn Giang)

## Con Nghê là con gì?



Trong đời sống của người dân Việt, hai con thú được coi như những người bạn thân thiết, gần gũi và quan trọng nhất là con trâu và con chó. Trâu để cày ruộng, giúp sản xuất lúa gạo, chó để giữ nhà, phòng

kẻ gian, phòng thú dữ. Đòi sống thực tế có chó giữ nhà, còn đòi sống tinh thần thì sao? Ông cha ta cũng cần một linh vật để chống lại các tà ma ác quỷ nữa chứ. Chó đá được dựng lên vì thế. Ở làng quê miền Bắc Việt Nam, trước cổng làng bao giờ cũng có một con chó đá để bảo vệ cả làng, trước cổng đình bao giờ cũng có chó đá, và trước cổng nhà hay ở ngoài đầu hồi, ngoài cửa nhà cũng thường có chó đá ngồi trước canh giữ cho gia chủ. Những con chó đá này hình dạng thay đổi, cao khoảng từ nửa thước tới một thước, thường là những tảng đá được khắc đẽo rõ ràng oai vệ, nhưng có khi chỉ là một khối đá đặt nghiêng theo dáng một con chó đang ở thế ngồi canh giữ. (Truyện cổ cũng thường nhắc đến chó đá, như chuyện “Cậu học trò và con chó đá”, chuyện “Hai anh em và con chó đá” - Xin đọc: Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, Truyện cổ nước Nam) Vì linh thiêng như thế, nên được gọi là con Nghê.

Con Nghê còn được dùng để trang trí trong các ngôi đình cổ ở Việt Nam. Nghê được chạm trên cột (xà ngang từ cột ra để đỡ xà dọc ở mái ngoài), hay được đặt trên đầu đao (sống mái chạy từ đỉnh nóc nhà xuống, cong lên như hình cây đại đao (mã tấu) nên gọi là đầu đao), như trên cột đình làng An Hoà (Hà Nam), Phát Lộc (Thái Bình), cột đình làng Hội Thống (Hà Tĩnh) đầu đao đình làng Phù Lão (Bắc Giang), làng Trung Càn (Nghệ An), làng Tây Đằng (Sơn Tây).. chẳng hạn.

Con nghê là linh vật đặc biệt của văn hóa Việt Nam, con lân thuộc văn hóa Trung Hoa. Về hình dạng, con lân trông giống sư tử, mà có sừng, chân như chân trâu, thân hình tròn mập, có vẩy như vẩy rồng. Con nghê có kỳ mà không có sừng, mình thon nhỏ, chân như chân chó, dáng thanh, trông rõ ràng đáng chó chứ không tròn mập như dáng như sư tử, đuôi nghê dài, vắt ngược lên lưng, đuôi lân ngắn, xòe như cánh chim hay cuộn tròn như đuôi thỏ.

(Bùi Ngọc Tuấn - Con nghê, vật linh thuần Việt)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Ngọng thường xuất phát từ (địa) phương ngữ, thổ ngữ có nghĩa là chỉ chi phối, chỉ có ảnh hưởng giới hạn trong một miền, vùng, địa phương nào đó. Điểm đặc biệt đáng lưu ý là “phát âm khác biệt theo vùng” và “ngọng,” xét cho kỹ, là hai vấn đề khác nhau. Nói ngọng là đặc thù của địa phương, là chuyện bình thường. Không phải bất cứ ai sống trong một vùng có người nói ngọng thì họ cũng đương nhiên phải nói ngọng. Những ghi chép sau đây chỉ có tính cách tượng trưng điển hình, không phải là tuyệt đối.

Người Huế thêm dấu “nặng” vào hầu hết các các chữ, đồng thời đổi phụ âm “t” thành “c” ở cuối chữ: “Anh muốn cắt dài hay cắt ngắn?”

(Văn hoá ngọng – Trần Văn Giang)

### **Cải tạo**

Từ điển Hán Việt của Đào Duy Anh giải nghĩa rất đơn giản:

*Cải tạo*: Đem cái cũ đổi lại làm mới.

Đại từ điển tiếng Việt của Nguyễn Như Ý dài dòng hơn:

*Cải tạo*: Làm cho thay đổi một cách căn bản, cho tốt hẳn lên Ví dụ: Cải tạo cơ sở vật chất. Cải tạo nền sản xuất.

Tự điển Tiếng Việt tái bản có nhiều chữ mới:

*Cải tạo*: Biến đổi Ngụy quân, Ngụy quyền từ thành phần ăn bám xã hội, có nợ máu nhân dân trở thành con người mới, công dân tốt, hữu ích cho Xã hội chủ nghĩa.

(Trần Thanh Ty – báo Sài Gòn Nhỏ)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Tùy bút - tùy hứng là phóng bút, gặp gì chép nấy, nghĩ sao nói vậy: *Một cơn mưa, một giọng hát, một hộp trà, một trang sách, một tiếng ve rí rả trong rừng...* bất kỳ một sự việc nào, hễ gợi hứng cho ta cũng có thể là đề tài một thiên tùy bút. Nó phóng túng như vậy nên ta tưởng là dễ, nhưng có viết thử mới thấy khó. Trước hết nó phải thanh

thoát, nhẹ nhàng như ngòi bên giàn hoa hay một ấm trà. Nó không dài, trung bình mười trang trở lại, nhưng lời phải tự nhiên, có duyên, nội dung phải có ý vị.

Quan trọng nhất vẫn là nghệ thuật. *Tiểu thuyết mà dở thì người ta vẫn gọi là tiểu thuyết; thơ mà dở thì cũng vẫn là thơ - thơ con cóc. Còn tùy bút mà thiếu nghệ thuật thì không có tên để gọi vì lẽ không ai thèm biết tới.*

Cho nên lựa thể tùy bút là làm một công việc chỉ có thành công hay thất bại, không thể nhùng nhằng được.

(Nguồn: Nguyễn Hiến Lê)

## **Chữ Việt cổ**

Mán: xóm Mọi ở

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

## **Chữ Nôm**

Chữ Nôm không giản dị như nhiều người lầm tưởng. Cách diễn đạt nôm na thì đơn giản. Thay vì nói “*nhất nhân hành*” ta nói “*một người đi*”. Nhưng cách viết chữ Nôm rất rắc rối vì nó đòi hỏi người học phải biết chữ Hán. Thế kỷ 8 dân chúng tôn

Phùng Hưng là *Bố Cái Đại Vương*. Vào thế kỷ 10 Đinh Tiên Hoàng đặt quốc hiệu là *Đại Cồ Việt*. Danh hiệu *Bố Cái Đại Vương* hay quốc hiệu *Đại Cồ Việt* đánh dấu sự kết hợp của chữ Nôm và chữ Hán ngay từ thế kỷ 8 và 10.

Vào thế kỷ 13 Nguyễn Thuyên, thượng thư bộ hình dưới triều vua Trần Nhân Tông (1225–1258), là người đầu tiên làm thơ bằng chữ Nôm. Ông được vua nhà Trần cho đổi sang họ Hán sau khi làm một bài văn tế khiến cho con sấu trên sông Phú Lương bỏ đi.

(Tiếng Việt – Phạm Đình Lân)

## Sui

Sui: bố mẹ vợ hay chồng

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Chữ quốc ngữ

Năm Nhâm Tuất 1862 Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ gồm 3 tỉnh Gia Định, Định Tường và Biên Hòa. Năm Đinh Mão 1867 Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ là Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Hòa ước năm Giáp Tuất 1874 công nhận chủ quyền của Pháp trên toàn thể lãnh thổ Nam Kỳ.

Nam Kỳ trở thành thuộc địa (colonie) của Pháp. Hai hòa ước năm Quý Mùi 1883 và Patenôtre năm Giáp Thân 1884 công nhận quyền bảo hộ của Pháp ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Bắc Kỳ và Trung Kỳ trở thành đất bảo hộ (protectorat) của Pháp. Ở miền Bắc, trên danh nghĩa, triều đình Huế còn quyền hành nhưng trên thực tế mọi việc do người Pháp điều khiển. Trung Kỳ do triều đình Huế cai trị nhưng được đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ của Pháp (1).

Khi đô hộ Việt Nam, nhu cầu cấp bách của người Pháp là phải hủy diệt nền Nho học và thay thế bằng một hệ thống giáo dục phục vụ cho guồng máy cai trị. Do đó, chiếm được Nam Kỳ xong là người Pháp lập tức khai tử nền giáo dục Nho học. Năm 1864 là kỳ thi Hương cuối cùng ở Nam Kỳ (tổ chức ở ba tỉnh miền Tây trước khi bị Pháp chiếm). Từ 1878 chữ Hán trong giấy tờ công văn các cơ quan hành chính được thay thế bằng chữ Pháp và chữ quốc ngữ.

Ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, dưới quy chế bảo hộ, sự thay đổi về giáo dục chậm hơn. Kỳ thi Hương cuối cùng ở Bắc là năm Ất Mão 1915, và ở Huế năm Mậu Ngọ 1918. Chế độ giáo dục và khoa cử Nho học thực sự cáo chung với khoa thi Hội chót năm Kỷ Mùi 1919 ở Huế. Tuy vậy mãi đến năm 1932 bộ máy quan lại của triều đình mới bỏ việc dùng chữ Hán và thay thế bằng chữ Pháp hay chữ quốc ngữ.

(Nền giáo dục VN dưới thời Pháp thuộc – Trần Bích San)

### Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Tôi xin mượn bài viết ngăn ngắt này nhắc lại một vài tiếng nói quen thuộc miền Nam. Tiếng mình nói khi còn thơ ấu đến lúc trưởng thành, nó tiềm tàng trong cốt não, khi có dịp dở lại trang sách cũ hay vào trang mạng ngày nay, tiếng nói đó nó gọi lại đời sống kỷ niệm năm nào, khơi dậy cái đạo lý, tập tục dính liền với lời nói hàng ngày đó. Qua nhiều năm sống trên đất lạ quê người mấy ai mà đôi khi không cảm thấy mình lạc loài, bơ vơ hơn Hạ Tri Chương trong “Hồi Hương Ngẫu Thư”: “cười rằng ông đó mình ên. Quê ông đâu hả? lênh đênh xứ này!”:

Xa nhà từ lúc thanh sơ  
Già đầu râu tóc lơ thơ mới về.  
Nói cười không đổi giọng quê  
Trẻ con nhìn ngó không hề biết quen  
Cười rằng ông đó mình ên,  
Quê ông đâu hả, lênh đênh xứ này?  
Lìa quê đã lắm thu chầy,  
Gần đây làng bạn hao gầy xác xơ  
Hồ Gương trước cửa còn trơ,  
Gió xuân nào có đổi đời sóng xưa  
(Nam Mai Trinh Quốc Thuận diễn thơ)

(Tiếng nói miền Nam văn hoá Lục tỉnh - Trịnh Quốc Thuận)

## Tiếng Việt tương đối thuần nhất

Dù cách diễn tả có phần khác nhau nhưng dân chúng ở ba miền vẫn có thể hiểu nhau. Ở miền Bắc người ta nói: “Nhặt hộ tôi quả bóng.” Ở miền Nam, cũng ý nghĩa của câu này, người ta nói: “Lượm giùm tôi trái banh.” Đối với người miền Bắc và miền Trung sầm uất là nơi ồn ào náo nhiệt. Ở miền Nam sầm uất là nơi vắng vẻ, âm u, có nhiều bụi bậm hay đầy dẫy bình vôi. Ở miền Trung “không có răng” có nghĩa là “không có sao”.

(Tiếng Việt – Phạm Đình Lân)

## Chữ nghĩa làng văn

Trừ Bùi Giáng, khi nói về Tuệ Sỹ thì có lẽ không ai đủ tư cách, bằng Phạm Công Thiện: “Có sống bên cạnh Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát từ ngày này qua ngày khác, trong những hoàn cảnh khác nhau thì mới may ra cảm nhận đôi chút tác phong thiên sư kín đáo toát ra một cách tự nhiên, một cách vô công dụng hạnh từ đời sống thường nhật và tinh thần diệu nhập của hai vị. Tôi xin gọi hai vị này là thiên sư với tất cả dẫn đo thận trọng, với tất cả ý nghĩa cao đẹp và như thực của một danh xưng xưng thiên chí.”

(Tuệ sĩ trên ngõ về im lặng – Tâm Nhiên)

## **Chữ và nghĩa**

Rất nhiều từ ngữ mà chúng ta cho là của người trong nước sau 75, thực ra là của Việt Nam trước đó. Vậy tiếng nào là tiếng của người Việt trước hay sau 75?

Cách ly - “cách ly” và “cô lập” đều được dùng ở cả hai miền ngôn ngữ. Việt Pháp Từ điển Đào Đăng Vỹ: “cách ly, cách biệt”

“Cách ly” và “cô lập” không đồng nghĩa hoàn toàn với nhau.

Thí dụ trong câu sau, còn nghịch nhau là đằng khác: “Cần cách ly bệnh nhân này, nhưng đừng cô lập họ.

(Tâm Thanh – Chiêu hồi ngôn ngữ)

## **Tá**

Tá: đằng cuối câu hỏi  
(đí gì tá?: cái gì đó?)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

**Văn hoá chữ**  
**Chữ...toán học)**  
(trích lục lại)

Hôm nay bàn đến văn hoá chữ theo kiểu *toán học*:  
"Tiên sư đũa nào bắt mất con gà nhà bà, gà ở nhà bà con công con phượng, gà về nhà mà thành con cáo con điều hầu.

Bà ... bà...bà... U cho con xin chén trà để con chữ tiếp..... bà chữ theo kiểu toán học cho mà nghe nhá...bố mày là A, mẹ mày là B, bà cho vào ngoặc bà khai căn cả họ nhà mày... Bà rửa mày ăn miếng rau mày ói ra miếng thịt, mày tắm trong ao mày chết chìm trong chậu...Bà khai căn cả họ nhà mày, xong rồi bà *tích phân n bậc*, bà bắt cả hang, cả hốc, ông cụ ông nội, cả tổ tiên nhà mày ra mà *đạo hàm n* lần.

Ái chà chà.... Mày tưởng nuốt được con gà nhà bà là mày có thể yên ổn mà chơi trò "*cộng trừ âm dương*" trên giường với nhau à.....Bà là trị cho tuyệt đôi hết cả họ 9 đời nhà mày, cho chúng mày biết thế nào là *vô nghiệm*, cho chúng mày không sinh, không đẻ, không duy trì được nòi giống nữa thì thôi...Bà sẽ nguyên rửa cho chúng mày đời đời chìm đắm trong *âm vô cùng*, sẽ gặp tai ương đến *dương vô cùng*, cho chúng mày chết rục trong địa ngục, cho chúng mày trượt đến *maximum của sự vô hạn* tối tăm... ờ nhỉ, thôi, hôm nay thứ 7, bà nghỉ, ngày mai bà chữ tiếp.

À, mày chơi toán học với bà à...U cho con xin thêm chén nước ạ ..Thằng khốn ấy nó là tiến sĩ toán lý, không chữ bằng toán học thì không xong với nó u a.....Vâng vâng, u rót cho con đầy đầy vào, nữa

đi...để con lấy hơi chửi tiếp, con sẽ chửi từ *số học* lên *tích phân*, xuống *đại số* rồi sang *hình học* cho u xem...

Tiên sư nhà mày, mày tưởng ngày nào mày cũng rình mò *tiệm cận* hàng rào nhà bà là bà không biết đây phỏng ? Bà là bà giả thiết mày ăn cắp hơn hai chục con gà nhà bà,...mày về mày vỗ béo để nhồi đường cong cho con vợ mày, à à, mày vẽ nữa đi, mày tô nữa đi. Mày tô, mày vẽ, mày nhồi cho đến khi *đường cong* con vợ mày nó nứt toát, nó gãy khúc ra, chọc xiên chọc xẹo đi, rồi đi lên đi xuống nữa vào, rồi có ngày con vợ mày sẽ hạ vuông góc một mạch thẳng xuống nóc tủ....thôi con ạ .....ái chà chà...mày tưởng mày dùng cả *Topo học* mày vẽ thòng lọng mày bắt gà nhà bà mà được à ?

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

### Hình dung từ 1

Hình dung từ trong tiếng Việt rất phong phú và gọi hình. Con mèo đen được gọi là *mèo mun*. Con chó đen thì gọi là *chó mực*. Con gà đen thì gọi là *con gà ô* hay *con gà quạ*. Con ngựa đen thì gọi là *ngựa ô*. Con ngựa trắng thì gọi là *con ngựa kim* hay *ngựa bạch* (Bạch mã). Con chuột trắng thì gọi là *chuột bạch*.

Về giống ta có: *đực*, *cái*, *trống* và *mái*. Hình dung từ *đực* và *cái* dành cho các loài có vú và thú vật to lớn như chó đực, chó cái, bò đực, bò cái. Hình dung từ *trống* và *mái* dành cho loài thú nhỏ và loài cầm vĩ như cá trống, cá mái, gà trống, gà mái, chim trống, chim mái v.v...

(Tiếng Việt – Phạm Đình Lân)

### **Chữ Việt cổ**

Mộ: chiều tối

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Với loại viết bằng chữ Nôm thì câu văn khó hiểu, kết cấu truyện lộn xộn và còn đang ở trong hình thức truyện kể. Với loại viết bằng chữ Hán thì người đọc không thấy được tính chất thời đại cũng như đặc tính của ngôn ngữ Việt trong đó vì khi thực hiện các tập này, tác giả chỉ thuần nhằm phần thâm nhập các truyện cổ truyền trong dân gian.

Một vài nhà văn Việt thời chữ Nôm có sáng tác loại truyện kể nặng tính chất truyền kỳ - một hình thức truyện ngắn tương đối gần với dạng phôi thai của truyện ngắn ngày nay - như Đoàn Thị Điểm, với sáu

truyện trong tập '*Truyện Kỳ Tân Phả*', như Cao Bá Quát với mười truyện trong văn cả của ông.

Các truyện này cho tới ngày nay vẫn chưa có điều kiện để được lưu hành rộng rãi cho nên không có ảnh hưởng trong văn chương. Nhìn chung các mặt ngôn ngữ, không khí cũng như hình thức các truyện ngắn cũ đều khác xa với truyện ngắn gần đây.

(Nguyễn Văn Sâm - Vài suy nghĩ về truyện ngắn)

## Tam

Tam: em

(bếp lạnh *anh* tam biếng hỏi han

Tuy rằng bốn biển cũng là *anh* tam)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Hình dung từ 2

Hình dung từ *dốt* trong tiếng Việt vừa khôi hài vừa gợi hình. Dốt là trạng thái không sống cũng không chín. Mẹ dốt không phải là mẹ chín cũng không phải là mẹ sống. Bánh trắng dốt không hoàn toàn ướt nhưng chưa khô. Người dốt không phải là người mù chữ nhưng sự hiểu biết còn nhiều thiếu sót.

(Tiếng Việt – Phạm Đình Lân)

## Tiếng Việt không có qui luật văn phạm

Động từ ‘To Be’ hay ‘Etre’ mà ta dịch ‘Thì’ hay ‘Là’ thường vắng mặt trong các câu nói hay câu văn. Trong tiếng Việt không có chia động từ và không có thì trong động từ. Trần Trọng Kim soạn quyển Văn Phạm Việt Nam sau khi ông tiếp xúc với văn hóa Pháp. *Article* thì dịch ra là *quán từ*; *Le, la, un, une, les, des* thì tương đương với bên Việt ngữ *cái, con, các, những*. Quán từ *cái* dùng chỉ vật bất động như *cái chén, cái khăn*. Quán từ *con* dùng để chỉ thú vật hay vật có thể di động như *con gà, con cọp, con đường, con sông*. Nhưng người Việt Nam không nói *cái cam, cái bưởi, cái núi* mà *trái cam, trái bưởi, trái núi*. Đây là một phần của sự phức tạp của tiếng Việt.

(Tiếng Việt – Phạm Đình Lân)

## Tiếng Anh, tiếng Hán

Hệ thống giáo dục của nước Pháp đã được người Pháp ở Việt Nam điều chỉnh cho thích hợp với thực tế ở Việt Nam. Đây là hệ thống Giáo Dục Pháp Cho Người Bản Xứ" (Enseignement Franco-Indigène), thường được gọi là Giáo Dục Pháp-Việt. Trong nền giáo dục này tiếng Pháp là chuyên ngữ tức tiếng Pháp được dùng để trao đổi trong lớp học (giảng bài, làm bài, sách giáo khoa viết bằng tiếng Pháp). Riêng ba lớp tiêu học đầu là được dùng tiếng Việt

làm chuyển ngữ, sau đó tiếng Việt được học như một ngoại ngữ.

Ngoại ngữ thứ hai thường là tiếng Anh ở bậc Tú Tài. Chữ Hán được học theo tự nguyện, một tuần một giờ ở lớp trên của tiểu học nếu có thầy dạy.

(Nền giáo dục VN dưới thời Pháp thuộc – Trần Bích San)

### **Chữ nghĩa làng văn xóm chữ**

Nhắc lại lời nói năm xưa, voi nổi nhớ, hương tình dĩ vãng. Mãi đến thập niên 1950 ở Saigon vùng Bào Sen, Chợ Quán vẫn chưa có nước máy dẫn tới nhà. Người ta xài nước giếng để tắm gội, giặt rửa hàng ngày. Còn cơm nước thì dùng nước mưa chứa trong lu, khạp, hay thùng phi để xài quanh năm. Những năm mùa khô kéo dài, mưa trê, giếng nước trong xóm cạn vệt thì dân gánh nước phong tên ở đường Trần Bình Trọng, trước nhà thờ Chợ Quán, mang về xài. Lúc đó nước phong-tên (fontaine) nhiều phèn phải khuấy với phèn chua để lắng trong mới xài được. Khi nấu sôi, chầm trà, nước pha trà mà có màu đen thì nước phèn dù có lắng trong cũng không dùng trong cơm nước được. Bà con trong xóm hàng tuần mang thùng 20 lít ra đầu xóm, sắp hàng chờ xe nước ngọt đến để đòi nước. Một đôi nước, 2 thùng 20 lít, thì đổi lấy hai đồng. Có lần mùa hè, khi chơi đầu xóm, tôi thấy xe nước quẹo từ đường Nguyễn Trãi vô ngõ, tôi hốt hải chạy về nhà “Má ơi xe nước

tới rồi, lấy thùng đi mua nước..ma...”. Má tui cười khi “Con ơi mình đi đổi nước ngọt mà uống chớ không ai bán nước đâu con...”. Trong Nam người ta ý tứ không nói, mua nước, bán nước mà chỉ nói lấy tiền đổi nước. Sau này lớn lên tôi mới biết người miền Nam kiêng cử lời nói không lành như .. bán nước.

(Tiếng nói miền Nam văn hoá Lục tỉnh - Trịnh Quốc Thuận)

### **Từ nguyên học dân gian**

Bộ môn này có mục đích tìm hiểu, giải thích những ý nghĩa có tính chất cội nguồn của từ. Nó là đối tượng nghiên cứu bằng cách nhìn lại sử học, dân tộc học, văn hoá...tHí dụ: Miền Trung có con sông gọi là "sông Mã". Trong dân gian, người ta giải thích rằng gọi nó là "sông Mã" vì nó chảy xiết, nhanh và mạnh như ngựa phi, và sông Mã nghĩa là "sông Ngựa".

Cách giải thích cảm tính, chủ quan, không chứng cứ như vậy, gọi là từ nguyên học dân gian.

Từ nguyên học khoa học phải tìm những chứng cứ khoa học để giải thích. Thật ra, "sông Mã" là lối nói "trại" đi của cái tên đích thực: sông Mạ, được ghi bằng một chữ Hán, đọc là "mã" (ngựa). "Mạ" trong tiếng Việt xưa (nay còn lưu lại trong phương ngữ miền Trung) vốn có nghĩa là "Mẹ".

Những con sông lớn ở vùng Đông Nam Á thường được gọi bằng cái tên có nghĩa Mẹ (với ngụ ý là lớn, lớn nhất) như vậy. Chẳng hạn:

Tiếng Việt có sông Cái = sông mẹ

Tiếng Thái Lan có Menam = sông mẹ

Tiếng Môn cổ có Meklong = sông mẹ

Vậy vậy tên gọi sông Mã hiểu là *sông Mẹ* hay là sông Cái, nghĩa là "sông mẹ, sông lớn" chứ không phải là...sông Ngựa. Nghiên cứu từ nguyên là công việc đầy khó nhọc, nhưng hết sức thú vị.

(Khái niệm từ vựng học – Khuyết danh)

## Đếch

*Từ điển Alexandre de Rhodes* có hầu hết các từ *chữ thể* tục tĩu của ngày nay. Như:

*Đếch*: cơ quan sinh dục.

Vì vậy tạm cho là từ “đếch” là tiếng Việt cổ. Có thể khẳng định rằng trong cuộc sống hàng ngày, các cụ ngày xưa có *chữ thể*. Tuy nhiên, thơ nôm của Nguyễn Trãi (1380-1442) và Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585) không có *chữ thể*. Vào khoảng cuối thời vua Lê chúa Trịnh (cuối thế kỉ 18) *chữ thể* mới bắt đầu xuất hiện trong thơ văn nôm.

Nguyễn Du lúc còn trẻ, " lang bang " đi chọc ghẹo gái, cũng đã từng văng tục :

- Phụt ngọn đèn trước mặt, *đếch* sự đời!

(Chửi thề, văng tục ! - Nguyễn Du)

### **Đế và vua**

Xưa nay chúng ta vẫn thường gọi “hoàng đế” là “vua”, từ vua trong tiếng Việt vừa chỉ quốc vương, vừa chỉ hoàng đế.

Thực ra cách gọi này không chính xác vì hai từ này có thứ bậc khác nhau vì hoàng đế có quyền phong cho người khác làm quốc vương nhưng ngược lại, quốc vương thì không.

Người đầu tiên xưng đế đầu tiên ở nước ta là Lý Bí và người cuối cùng là Bảo Đại.

(Tiền tình văn hóa Việt Nam – Nguyễn Khắc Thuần)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Ngộ thường xuất phát từ (địa) phương ngữ, thổ ngữ có nghĩa là chỉ chi phối, chỉ có ảnh hưởng giới hạn trong một miền, vùng, địa phương nào đó. Điểm đặc biệt đáng lưu ý là “phát âm khác biệt theo vùng” và “ngộ,” xét cho kỹ, là hai vấn đề khác nhau. Nói ngộ là đặc thù của địa phương, là chuyện bình thường. Không phải bất cứ ai sống trong một vùng có người nói ngộ thì họ cũng đương nhiên phải nói ngộ. Những ghi chép sau đây chỉ có tính cách tượng trưng điển hình, không phải là tuyệt đối.

Vùng Bình Định Qui Nhơn phát âm nguyên âm “a, ã, e, ê, iê:”

“Nem boa bữa không tэм một bữa”

(đọc số phone là 537-0817)

(Văn hoá ngọng – Trần Văn Giang)

## Đếch

*Từ điển Alexandre de Rhodes* có hầu hết các từ *chữ thể* tục tĩu của ngày nay. Như:

*Đếch* : cơ quan sinh dục.

Vì vậy tạm cho là từ “đếch” là tiếng Việt cổ. Có thể khẳng định rằng trong cuộc sống hàng ngày, các cụ ngày xưa có *chữ thể*. Tuy nhiên, thơ nôm của Nguyễn Trãi (1380-1442) và Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585) không có *chữ thể*. Vào khoảng cuối thời vua Lê chúa Trịnh (cuối thế kỉ 18) *chữ thể* mới bắt đầu xuất hiện trong thơ văn nôm.

Nguyễn Công Trứ buông lời *Đùa su*, *chữ rửa Thế tình bạc bẽo* :

- Thuộc ba mươi sáu đường kinh, chẳng thần thánh  
phật tiên song khác tục

Hay tám vạn tư mặc kệ, không quân thần phụ  
tử, *đếch* ra người.

(Chữ thể, văng tục ! - Nguyễn Du)

## Chữ và nghĩa

Rất nhiều từ ngữ mà chúng ta cho là của người trong nước sau 75, thực ra là của Việt Nam trước đó. Vậy tiếng nào là tiếng của người Việt trước hay sau 75?

Cảnh báo - “cảnh báo” và “báo động” được dùng ở cả hai miền. Thí dụ Miền Nam: Việt-Pháp Từ điển Đào Đăng Vỹ viết: “Cảnh báo” : signaler, avertir. Tân Đại Tự điển Việt Anh Nguyễn Văn Tạo: “Cảnh báo: alarm.” Chính xác hơn, cảnh báo là báo trước nguy cơ có thể tới để đề phòng; báo động là báo khi nguy cơ bắt đầu xảy ra để tránh thoát, (Tâm Thanh – Chiêu hồi ngôn ngữ)

## Tàu

Tàu: chuồng nuôi súc vật

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Đếch

Cuối thế kỉ 19, đầu thế kỉ 20, nước ta có sách, báo viết bằng chữ quốc ngữ. Ít lâu sau có thêm thơ mới, tiểu thuyết.

Vũ Trọng Phụng đã đưa nhiều "phương ngữ Bắc kì" vào *Số đỏ* (1936): *cần đếch gì, mẹ kiếp, có xấu cái đếch ông đây này.*

(Chữ thề, vãng tục ! - Nguyễn Du)

### **Chữ Việt cổ**

Móc: sa mù, mưa bay

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### **Tẻ**

Tẻ: buồn  
(hátẻ, nóiẻ)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### **Chữ nghĩa làng văn xóm chữ**

Nhà cầu, cầu tiêu, đi cầu.

Khi xưa ở thôn quê miền Nam, người ta cất nhà cầu dọc mé sông, dẫn tới nhà cầu là cây cầu nhỏ, thường là cầu khỉ hay cầu ván. Vì vậy người ta gọi chỗ ỉa đái, cái chòi nho nhỏ đó là nhà cầu. Đi ỉa đi đái nói là đi cầu. Ở đồng ruộng thì người ta nói đi đồng.

Tới khoảng những năm 1950 tôi còn thấy dọc theo mé sông cầu Rạch Ông, cầu Nhị Thiên Đường và cầu Ba Li Cao trong Chợ Lớn còn có nhà cầu công

cộng cất đưa ra sông. Ai có nhà cất sát mé sông thì có nhà cầu riêng. Ở Bào Sen, Chợ Quán lúc tôi còn nhỏ, hai xóm sau nhà ba má tui có cái bào. Ở đó cũng có một nhà cầu công cộng. Lúc đó vài gia đình có nhà cất dọc theo cái bào đó, còn nghèo không có cầu tiêu.

(Tiếng nói miền Nam văn hoá Lục tỉnh - Trịnh Quốc Thuận)

### **Văn hoá ngộ**

Ngộ thường xuất phát từ (địa) phương ngữ, thổ ngữ có nghĩa là chỉ chỉ phối, chỉ có ảnh hưởng giới hạn trong một miền, vùng, địa phương nào đó. Điểm đặc biệt đáng lưu ý là “phát âm khác biệt theo vùng” và “ngộ,” xét cho kỹ, là hai vấn đề khác nhau. Nói ngộ là đặc thù của địa phương, là chuyện bình thường. Không phải bất cứ ai sống trong một vùng có người nói ngộ thì họ cũng đương nhiên phải nói ngộ. Những ghi chép sau đây chỉ có tính cách tượng trưng điển hình, không phải là tuyệt đối.

Bà mẹ vợ tôi, người gốc Long Xuyên, khi nói đã tự ý đổi “y” thành “i” ở cuối chữ; đôi khi nghe cũng dễ bị hiểu lầm lẫn (?):

“Tìem chúng tôi có bán đủ các loại đồng hồ đeo tai.”

“Tiệm chúng tôi có bán đủ các loại đồng hồ đeo tay.”

(Văn hoá ngọng – Trần Văn Giang)

### **Chữ Việt, chữ Hán**

Chữ yếm của người Việt, của cái giải yếm che ngực có thể do từ “yếm” của chữ Hán là che đậy?

### **Văn hoá ngọng**

Ngọng thường xuất phát từ (địa) phương ngữ, thô ngữ có nghĩa là chỉ chi phối, chỉ có ảnh hưởng giới hạn trong một miền, vùng, địa phương nào đó. Điểm đặc biệt đáng lưu ý là “phát âm khác biệt theo vùng” và “ngọng,” xét cho kỹ, là hai vấn đề khác nhau. Nói ngọng là đặc thù của địa phương, là chuyện bình thường. Không phải bất cứ ai sống trong một vùng có người nói ngọng thì họ cũng đương nhiên phải nói ngọng. Những ghi chép sau đây chỉ có tính cách tượng trưng điển hình, không phải là tuyệt đối.

Riêng dân vùng đồng bằng sông Cửu Long: Cần Thơ, Bạc Liêu, Sóc Trăng còn ngầu hơn, miệt này phát âm chữ “r” thành ra “g” nghe thoáng như lưỡi bị ngăn (?) hoặc giống tiếng Miên (?): “Bắt con cá gô bỏ gô, nó gục gịch gục gịch gót dzào gô gâu găm.”

(Bắt cá rô bỏ rô, nó rục rịch rục rịch rớt vào rô rau răm)

(Văn hoá ngọng – Trần Văn Giang)

## Điều thuốc lá

*Điều thuốc lá* là một trong những truyện ngắn hay nhất của Khái Hưng, cho thấy nét đa dạng trong ngòi bút của ông và tính chất mập mờ của con người. Thằng nhỏ mười tuổi muốn thử xem ông thầy bói mù có thật sự đoán biết tất cả những gì xảy ra chung quanh mình hay không, nó bèn thử giấu điều thuốc lá đang hút dở của ông thầy bói. Đầu đuôi chỉ có vậy. Nhưng Khái Hưng đã tạo ra một kiệt tác.

Sự bí mật mà thằng bé muốn khám phá, là đôi mắt mù, chúng ta biết rõ từ đầu, y hệt như chuyện chú tiểu Lan là con gái: bí mật Columbo. Nhưng truyện vẫn lôi cuốn không thể cưỡng lại được, bởi các sự kiện kinh hoàng nối tiếp nhau, từ lớn đến nhỏ: việc ông thầy bói trúng khiến quan Tổng đốc thoát khỏi nạn “làm ma không đầu” đến khi ông nhót trúng quân cờ, càng làm tăng ma lực hấp dẫn của ông. Chân dung người thầy bói, được trình bày qua cái nhìn ghé góc của *đôi mắt mù*, với các động tác chớp nhoáng và trúng đích của một người không nhìn thấy. Cuộc đấu trí giữa đứa trẻ lên mười và người thầy bói kỳ tài đầy kinh nghiệm. Sự bí mật trong ý nghĩ và thành tích của ông Cửu Thầy.

Tất cả đều từ bình thường biến sang kỳ lạ, khiến cho người đọc có cảm tưởng chính mình là kẻ bị bịt mắt dẫn vào một không gian rừng rợn của núi Văn Dú

hay một hang động bí mật nào mà sáng tối đối chất và cộng tác để tạo nên một sức ép, một sự căng thẳng chưa từng có.

(Khái Hưng 1896/1947 – Thụy Khuê)

## **Tây**

Tây: riêng  
(phép công là trọng niềm tây xá nào)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## **Chữ nghĩa làng văn xóm chữ**

Cái ý tứ trong tiếng nói miền Nam còn thấy thể hiện qua xưng gọi người làm, người giúp việc trong nhà. Người miền Nam tránh gọi người giúp việc trong nhà là người làm, hay đưa ở đợ, con đầy tớ mà gọi là “bạn”.

Người ăn, người ở, hay bày trẻ (thời Xuân Thu Chiến Quốc bên Tàu, có Bình Nguyên Quân (nước Triệu), Mạnh Thường Quân (nước Tề) trong nhà bao giờ cũng có mấy ngàn thực khách, đó là người ăn, người ở).

(Tiếng nói miền Nạm văn hoá Lục tỉnh - Trịnh Quốc Thuận)

## **Chữ và nghĩa**

Nông cổ mìn đàm nghĩa là "uống trà bàn chuyện làm ruộng và đi buôn" là tờ báo tiếng Việt do Paul Canavaggio - một chủ đồn điền và thương gia người đảo Corse, hội viên Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ làm chủ nhiệm, chủ bút lần lượt là các ký giả Dũ Thúc Lương Khắc Ninh, Gilbert Trần Chánh Chiêu, Nguyễn Chánh Sắt.

Nông cổ mìn đàm bàn về nông nghiệp và thương nghiệp, phát hành thứ năm hằng tuần tại Sài Gòn bằng chữ Quốc ngữ. Số 1 ra ngày 1 tháng 8 năm 1901. Một thời gian sau báo được xuất bản một tuần 3 kì. Sau khi phát hành số ra ngày 4 tháng 11 năm 1921 thì báo bị đình bản. Đây được coi là tờ báo kinh tế đầu tiên bằng chữ quốc ngữ.

## **Chữ nghĩa làng văn xóm chữ**

### **Nói chữ**

Dần dần trên mâm rượu, thẳng nào ngà ngà đến độ say, thì người ta nói nó “lên chữ”, “đủ chữ” rồi, mấy câu như “chưa vô mấy hóp lên chữ” hay “thôi nghen, vậy là đủ chữ rồi đó, tui dè (về) a ”.

Nói chữ, xô Nho, người miền Nam có trọng tuổi ỡ hải ngoại ngày nay chắc không quên mấy tiếng đó. Nói chữ, xô nho khi người ta nói đến đạo lý, cái khôn ở đời, hay xử thế, xử sự mà dùng tiếng Hán

Việt như “Kiến ngãi bất vi vô đồng dã”, “Tào khang chi thê bất khả hạn đường”, “chuyện Qua Lý phải tường” vân...vân... Người bình dân rất trọng người có học, ai mà nói chữ nói nghĩa thì được người đời gán cho “một bụng chữ nghĩa” hay ông đó mở miệng ra là “câu văn tự”. Anh nông dân xô nho thì có lúc trắng trợn rõ ràng như “ Ngồi vô trường án, vồ ván cái rằm...”, có khi thì cao siêu mơ hồ như “U minh Rạch Giá thị quá sơn trường, dưới sông cá lội, trên rừng cọp tha”. Nhưng ngày nay nếu ai đó có xô Nho mà chêm câu “Phu thê như y phục, huynh đệ như thủ túc”. Câu nói này có lẽ không có trong sách vở đạo Nho. Vốn nó từ Tam Quốc Chí mà 7 ra. Trương Phi vì mê uống rượu, ghét Lã Bố mà đánh vạ Tào Báo, ba vợ Bố. Báo oán hận mở cửa thành Từ Châu cho quân Bố vào. Mất thành, Trương Phi chạy gặp Lưu Bị khóc lóc đòi tự tử vì làm mất thành Từ Châu, không bảo vệ hai chị dâu. Lưu Bị mới nói “Phu thê như y phục, huynh đệ như thủ túc”. Câu nói này thiếu đạo lý, chỉ là đầu môi của bọn gian hùng tranh bá đồ vương như Lưu Bị. Thì tui xin thưa rằng đó là sai mà phải đổi lại “Huynh đệ như thủ túc, phu thê như tâm phúc”... hay câu “Bần cư náo thị vô nhơn vấn, phú tại thâm sơn hữu khách tầm” thì tui xin chỉnh một chút “Bần cư cận xứ vô nhơn đáo, phú tại viễn phương hữu khách cầu”. Nó thích hợp với đời sống, xả hội thời đại hơn.

Đó cũng là nho chùm mỹ tửu như ai...

(Tiếng nói miền Nam văn hoá Lục tỉnh - Trịnh Quốc Thuận)

### **Tiếng Việt trong sáng**

"Máu", thay cho "hăng máu", "hăng tiết" (vịt hay không vịt, tính sau). "Máu", bề ngoài nhìn như một danh từ, nhưng thật ra lại là một tính từ thay cho "cực kỳ", "rất", "thậm", như trong, "Thằng đó máu cực!", hay "Thằng đó cực máu!", (có nghĩa là "thằng đó rất 'hăng máu', chơi 'tối bên' luôn, không cần nói).

(Bùi Vĩnh Phú – Trên những đường bay của chữ)

### **Chữ Việt cổ**

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Ngủ móm: ngủ vùi, ngủ ngon

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

## Chữ Việt gốc Tàu

Chữ Việt gốc Tàu là một đặc thù của văn hóa Đông Nai – Cửu Long, là những chữ, mà ta dùng thẳng từ của người Tàu và dùng âm của mẫu tự quốc ngữ viết lại.

Như:

Thồi là bàn tiệc. Người Bắc hay dùng từ “thời”. Người Nam thường dùng chữ bàn.

Phổ ky là người hầu bàn. Tiếng Hán Việt là “*hóa ký*”, liên quan đến bếp núc.

Phàn là com. Hán Việt là “*phạn*” để có phạn điểm.

Từ phàn qua phạn tôi *phay* là những miếng thịt thái mỏng. Như...gà xé phay.

Hộp là...cái hộp đựng đồ ăn dư mang về. Nguyên chữ là *lượng cơ hộp*, là hộp đựng đồ ăn.

(Lê Ngọc Trụ – Tâm nguyên tự điền Việt Nam)

## Chữ nghĩa làng văn

Không rõ từ “*em*” xuất hiện từ thời nào trong văn chương Việt. Trong các truyện cổ (Trầu cau, Thiếu phụ Nam Xương, Trương Chi Mỵ Nương...) và một số áng văn nôm (Nhị độ mai, Bích câu kỳ ngộ, Phạm Công Cúc Hoa...) ngay cả một số thơ nôm (Lê Thánh Tôn, Nguyễn Bình Khiêm, Tự Đức, Nguyễn Khuyến) từ “*em*” cũng không được dùng. Ngay cả trong thơ bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương...

Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du dùng từ ấy, nhưng em đây là chỉ tình chị em giữa Thúy Kiều, Thúy Vân. Chứ không với Kim Trọng hay Từ Hải, với những “*anh*” này thì Kiều xưng là...*thiếp*.

Tôi chỉ tìm thấy từ này trong bài thơ Mất ô của Trần Tế Xương nói về ả cô đầu:

Hỏi ô, ô mất bao giờ

Hỏi *em*, *em* những âm ờ không thừa

(Nguyễn Thùy – Nghĩ về một số từ tiếng Việt)

## **Tép**

Tép: nhỏ bé

(tép *riu* – con tép: con tôm nhỏ)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## **Chữ nghĩa làng văn xóm chữ**

Thành ngữ miền Nam ăn ở cho có đức có nhón, nói lên đời sống đạo lý miền Nam, tránh lời nói việc làm tổn đức. Gãy gánh, chấp nôi. Miền Nam khi xưa vợ chồng là trăm năm, vì vậy ai mà chết vợ, chết chồng, thì người ta nói gãy gánh giữa đường, đường đời vợ chồng chưa đi chung hết mà đã gãy gánh. Đòn gánh một khi đã gãy thì làm sao mà gánh đi hết cuộc đời. Vì vậy có từ chấp nôi.

Người vá chồng kẻ vá vợ tìm nhau, chấp nối cái gánh mình đã gãy để đi hết cuộc đời còn lại. Nhắc đến đàn bà vá tôi nhớ câu chuyện đời má tui có kể là hồi xưa có ông đồ về già ông mới cưới vợ, ông cưới con gái (ý nói là vợ ông còn con gái khi cưới, khác với đàn bà đã biết mùi đàn ông). Bạn bè các cố hỏi tại sao ông không kiếm đàn bà vá, xòn xòn, để người ta lo cho ông miếng cơm, chén thuốc lúc tuổi già, lo việc chợ búa, trước sau trong nhà...? Ông nghiêm nghị trả lời gọn hơ là ông không làm chuyện ngược đạo lý đó được, phải để cho người ta thủ tiết. Kể xong má tui cười khì, “mấy ông già xưa, cay hơn gừng già, lời nói chơn giả, thiệt hư mấy phần có trời mà biết”.

(Tiếng nói miền Nam văn hoá Lục tỉnh - Trịnh Quốc Thuận)

### Chữ thề

*Từ điển Alexandre de Rhodes* có hầu hết các từ *chữ thề* tục tĩu của ngày nay. Như:

- *Đéo*: giao cấu. *Đéo mẹ thằng cha*.
- *Địt*: đánh rắm
- *Đụ*: nghĩa giống *đéo*.
- *Đéch*: cơ quan sinh dục.
- *Bòì* (buôi), *cạc* (cặc).

## **Chữ nghĩa làng văn xóm chữ**

Nói chữ

Nhân vật truyện Tàu được người dân miền Nam ví von như:

Nóng (nảy) như Trương Phi, gian (hùng) như Táo Tháo, giỏi như Khổng Minh, Tài như Lã Vọng, Quảng Trọng, thần thông như ông Tề, đen như Uất Trì Cung, lùn như Yên Anh, đa nghi như Tào Tháo, phước tướng như Triệu Vân, xấu như Chung Vô Diệm, đẹp tựa Tây Thi, ác như Đắc kỷ, độc như Lã Hậu, phản phúc như Lã Bố, đê tiện như Cao Cầu, giết người như Bạch Khởi, tham lam như Tần Cối, ngu (trung) như Tống Giang, mạnh như Võ Tòng, ngay thẳng như Lỗ Trí Thâm.

Mấy câu quen thuộc như: gắp chùa thì tu, gắp giặc thì đánh, cái gan Tỷ Can, cái mặt Khương Duy, cái lưỡi Tô Tần, cái miệng Trương Nghi, uốn ba tấc lưỡi, thẳng ba búa (giỏi lắm như Trình Giảo Kim chỉ đánh được ba búa), một (nhà) Mạnh Thường Quân, vòng vo Tam Quốc, quân sư quạt mo, nói chuyện ông Tề, nói chuyên Phong Thần, y thuật (cao minh) như Hoa Đà, nhân mưu thiên định, xa xoi như Sở Tề, (buồn như) tiếng sáo Trương Lương, Hàn Tín còn lòn chôn giữa chợ (ý nói lúc nhịn phải nhịn).

(Tiếng nói miền Nạm văn hoá Lục tỉnh - Trịnh Quốc Thuận)

## Đéo



Tranh Oger (1910) có tấm vẽ một cửa hàng buôn bán tại Hà Nội.

Trên tường *Nhà hàng đông* có cái cửa quý của quý bà kèm theo câu *chữ thề* viết bằng chữ Nôm:

"*Đéo mẹ* đưa nào ở trong cái nhà này".

(*Chữ thề*, văng tục ! - Nguyễn Dư)

## Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Nghề nghiệp. Người miền Nam thường không định nghĩa chữ “nghiệp” trong nghề nghiệp như chữ “nghiệp” trong chức nghiệp. Mà định nghĩa chữ nghiệp trong nghề nghiệp như chữ nghiệp trong nghiệp chương, nghiệp căn, nghiệp báo. Nghề đi liền với nghiệp. Anh làm nghề đồ tể thì anh tạo cái nghiệp ác. Anh làm nghề thuốc, nghề y thì anh gieo cái nghiệp thiện. Hành nghề y nhưng anh coi trọng đồng tiền hơn sanh mạng, sức khoẻ con người, thì anh tự tạo cái ác nghiệp cho mình sau này. Làm quan nhưng không thanh liêm, không công chánh, tham ô, bóc lột, hà hiếp dân, không làm đúng chức trách, không làm tròn chức nghiệp của mình, thì anh

tự tạo cho mình cái nghiệp ác vậy. Tư tưởng đó có là do người miền Nam chuộng đạo lý, thờ trời phật, tin luật trả vay, luân hồi, “tích thiện phùng thiện, tích ác phùng ác”, “thiện ác đáo đàu chung hữu báo”.

(Tiếng nói miền Nam văn hoá Lục tỉnh - Trịnh Quốc Thuận)

### **Đù, đéo**

Trong văn học , nhiều trong văn chương nổi đóa  
văng tục

Thôi về tiên Phật cho xong kiếp

*Đù* ỏ trần gian sống mãi chi

(Phạm Thái)

Ngòi bút có bản lĩnh không kiêng sợ từ ngữ thô tục  
bất nhã:

Ba hồi chuông giục, *đù* cha kiếp

Một nhát gươm đưa, *đéo* mẹ đời

(Cao Bá Quát)

Thô tục đúng chỗ có sức mạnh riêng, bất nhã mà đặc  
địa có tính đa năng của nó:

*Đéo* mẹ nhân tình đã biết rồi

Nhạt như nước ốc, bạc như vôi

(Nguyễn Công Trứ)

(Trần Văn Tích – báo Sài Gòn Nhỏ)

## Thó

Thó: đáng, vẻ  
(*nhỏ* thó)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Thời của Quán Văn

Khu khám lớn cũ thời Pháp dựng lên là một khu đất bốn góc bao bọc bởi những con đường Nguyễn Trung Trực/Gia Long/Công Lý/Lê Thánh Tôn. Đến thời Đệ Nhất Cộng Hòa, khu đất này được sử dụng làm nơi triển lãm các sản phẩm công nghệ gì đó. Không biết do cơ duyên nào, khu vực tứ giác này về sau trở thành bản doanh đóng đô bởi: Đại Học Văn Khoa (trường cũ) – CPS – Quán văn – Ca Đoàn Nguồn Sống – Hội Họa Sĩ Trẻ v.v.

Khu đất này đã sản sinh ra một đội ngũ văn nghệ đông đảo, thành danh, tiêu biểu cho một thời kỳ sinh hoạt thanh niên sinh viên âm rộ của thập niên sáu mươi. Có thể kể về ca nhạc có Phạm Duy, Trịnh Công Sơn, Từ Công Phụng, Nguyễn Đức Quang, Hoàng Xuân Giang, Ngô Mạnh Thu, Giang Châu; Khánh Ly, Thanh Lan, Hồng Vân, Diễm Chi, Phương Oanh, Ban Tam Ca Đông Phương, Ban Trầm Ca, Ca Đoàn Nguồn Sống, Phong Trào Du Ca v.v

(chưa kể những khuôn mặt văn nghệ nổi tiếng sinh hoạt ở những tụ điểm ngoại vi nhưng có liên quan đến Quán Văn như *Lê Uyên Phương ở Thăng Bờm*, Vũ Thành An/Thế Dung, Phạm Trọng Cầu ở Hội Quán Cây Tre ).

Về văn thơ, báo chí có Đỗ Quý Toàn, Hoàng Ngọc Tuấn, Trần Tuấn Kiệt, Nguyễn Thụy Long, Nguyễn Nghiệp Nhượng, Phạm Quốc Bảo, Phạm Xuân Đài, Đào Trường Phúc, Trần Công Sung, Nguyễn Đạt, Cao Huy Khanh, Đặng Phùng Quân, Cung Vĩnh Viễn, Bùi Bảo Trúc, Lê Thiệp, Đỗ Ngọc Yến, Y Dịch Lê Đình Điểu, Ngô Vương Toại, Nguyễn Huỳnh, Cao Sơn v.v.

Về hội họa có Nguyễn Trung, Đinh Cường, Trịnh Cung, Hồ Thành Đức & Bé Ký, Nghiêu Đề, Mai Chững, Lê Thành Nhơn v.v.

(Hoàng Xuân Sơn - Cái huông của thời quán Văn)

### **Chữ Việt cổ**

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của

Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Một: chết, mất

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### **Chơi chữ**

Chơi chữ là các hiện tượng đồng âm, đa nghĩa,... trong ngôn ngữ nhằm gây một tác dụng bóng gió, châm biếm trong lời nói, trong đó ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cách,.. nhằm đem lại những liên tưởng bất ngờ, ly thú.

Như từ kinh điển cổ, một bức trướng mừng thọ nợ ghi bốn chữ: "tử tôn thằng thằng" (con đàn cháu đống, ý khen là người có phúc). Nhưng người được chúc thọ vốn là một kếp hề trên sân khấu, và nguyên văn lời Hán có chứa "tử tôn thằng thằng" là "chung tử vũ, hoǎng hoǎng hề, nghi nhĩ tử tôn thằng thằng hề" (đại ý là: loài cào cào gấn bó nhau, con cháu đông đúc).

Lời ấy không lấy gì làm tử tế (khi chuyển từ chuyện một loài sâu bọ có hại mà lắm con sang chuyện người lắm tử tôn) đã đành, lại thêm chuyện cùng âm với "thằng hề" thuần Việt, mà không ai có quen biết với chủ nhân (người được chúc thọ) lại không biết.

Nhưng đây là lời trong *Kinh thi*, và nó hoàn toàn không mang ý như bức trướng nợ đã xuyên tạc. Khi đặt lời *Kinh thi* kia ra khỏi bức trướng, thì bốn chữ

"từ tôn thằng thằng" rất trọn nghĩa; có điều, dữ liệu văn học, văn hóa được mặc nhiên thừa nhận trong sinh hoạt văn học, văn hóa nghệ thuật, nên cái nghĩa trái ngược của lời *Kinh thi ấy* vẫn luôn xuất hiện sóng kèm (theo đúng ý đồ của người viết nên bức trướng). Ở đây, hiện tượng chơi chữ đã xảy ra.

(Chơi chữ là gì? – Triều Nguyễn)

### **Đường quan**

Căn cứ vào vết tích của những đoạn đường cũ, kết hợp với ký ức của dân bản địa, có thể xác định con đường thiên lý xưa. Từ đền Dâu, cách thị xã Ninh Bình 18 km, cách Hà Nội 111 km, đường thiên lý vòng về Quốc lộ 1. Di tích của đường thiên lý còn khá rõ với gờ đường khá rộng khoảng 4 m.

Dân bản địa gọi là “đường quan” (hay “đường triều chính” nay gọi là đường cái quan.

(Tìm về cội nguồn – Phạm Huy Lê)

### **Văn hóa chữ (1)**

Cha năm đời mười đời bố cụ nhà mày nhá, mày lấy thuổng mày đào, mày lấy dao mày cạo, mày bỏ thỏm vào nồi, mày đun sôi sùng sục, mày múc ra mâm, mày ăn ngấm ngấm, mày khen khoai nhà bà ngọt nhá.

(Vùng sáng ký ức – Khuyết danh)

### Chữ nghĩa làng văn

Có thể dựa vào câu *Thuốc Bách tính, đóm diêm (bao diêm), điếu ống...* để đoán. *Diêm* là tiếng Bắc (trong Nam gọi là *quẹt*). Ngoài Bắc có *diêm* từ bao giờ?

Có từ ngày :

Em là con gái nhà *Diêm*

Đến tháng lĩnh tiền được bốn đồng hai

Một đồng em để cho giai

Hai đồng cho mẹ, đồng hai ăn quà.

(*Ca dao ngạn ngữ Hà Nội*)

*Nhà Diêm* là nhà máy làm diêm (*Manufacture d'allumettes*) của Pháp tại Hà Nội, nằm tại địa điểm nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo sau này. *Diêm* và *bao diêm* chỉ có sau khi Pháp đặt nền bảo hộ Bắc kì (1884).

(Cái chày cái cối – Nguyễn Dur)

### Thóc

Thóc: im ắng

(im như thóc)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## **Chữ quốc ngữ**

Từ điển khác với Tự điển. Tự điển mỗi điều chỉ có một chữ, mà từ điển mỗi điều phải từ hai chữ sắp lên đến sáu bảy chữ. ấy là vì chữ “Từ” (辭) khác với chữ “Tự” (字). “Từ” nghĩa là lời, “Tự” nghĩa là chữ, hiệp nhiều chữ lại mới thành lời.

(Phan Khôi, Ngự sử văn đàn - Hoàng Yên Lưu)

## **Chữ nghĩa làng văn xóm chữ**

Ngôn ngữ (tiếng nói), chữ viết là kho tàng của văn hóa. Tiếc thay văn học miền Nam đã không được đánh giá đúng mức. Đóng góp của văn học miền Nam đã không được trân trọng. Trong học trình trung học phổ thông đến khi tôi đậu xong tú tài hai, đã không có giảng dạy, đề cập đến các tác phẩm của nhà văn tiền phong ở miền Nam như Hồ Biểu Chánh. Học trình trung học đệ nhị cấp ở miền Nam có giảng dạy tác phẩm trong Tự Lực Văn Đoàn như Đoạn Tuyệt, Anh Phải Sống, Nửa Chừng Xuân...và mấy bài viết của Phan Kế Bính, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh (Nam Phong Tạp Chí). Nhưng không hề giới thiệu các tác phẩm đậm đà tình nghĩa con người và xã hội, phong tục, đạo lý đặc sệt miền Nam như “Ngọn Cỏ Gió Đùa”, “Số Phận Linh Đình”, “Con Nhà Nghèo” “Cay Đắng Mùi Đời”

v..v.. của nhà văn tiền phong miền Nam Hồ Biểu Chánh. Văn hóa, đời sống, phong tục miền Nam gói ghém trong giọng văn mộc mạc, nhưng chính xác, và bác học của Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịch Của, Trương Minh Ký, Hồ Biểu Chánh và bao nhiêu nhà văn , nhà báo khác đã không được giảng dạy cho học trò miền Nam ở bậc trung học.

(Tiếng nói miền Nam văn hoá Lục tỉnh - Trịnh Quốc Thuận)

### **Chữ Việt cổ**

Muội: tối tăm

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### **Chơi chữ**

Chơi chữ là các hiện tượng đồng âm, đa nghĩa,... trong ngôn ngữ nhằm gây một tác dụng bóng gió, châm biếm trong lời nói, trong đó ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cách,.. nhằm đem lại những liên tưởng bất ngờ, ly thú.

Có một ông vốn thợ cưa, sau gặp thời trở nên giàu có, mua được phẩm hàm, bèn mở tiệc ăn khao. Trong số những câu đối, hoành phi đưa đến mừng, có bức trướng đề ba chữ "ăn cơm vua". Nghĩa bức trướng phù hợp với phẩm tước vua ban.

Nhưng nhiều người đọc lại tủm tủm cười vì một ý khác. Ý này gọi lên cái nghề cò چرا thuở khó nghèo của ông ta, do lời đồng dao "Kéo چرا lừa xẻ; Ông thợ nào khỏe; Thì *ăn cơm vua*; Ông thợ nào thua; Thì về bú tí!..." mà có.

(Chơi chữ là gì? – Triều Nguyễn)

### **Thôi**

Thôi: một khoảng thời gian  
(một thôi một hồi)

(Tự điền tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### **Văn hóa chữ (1)**

Hôm nay ngồi buồn tôi mở máy vi tính, thử mở Từ điển Lạc Việt, tra hú họa chữ Chữ xem sao. Đây là Chữ máng, Chữ bới, Chữ đổng, Chữ nhau, Chữ rửa, Chữ thâm, Chữ thê, Chữ tục!

Lại còn Chữ băng quơ, Chữ vu vợ, Chữ thậm tệ! Chữ thương, Chữ yêu.

Chưa hết, có cả Chữ bóng Chữ gió, Chữ chó máng mèò, Chữ như tát nước, Chữ như vật thịt, Chữ vuốt mặt không kịp nữa!

Và chẳng thể thiếu vắng Chửi như mất gà!

(Văn hoá chửi – Hà Sĩ Phu)

### **Chơi chữ**

Chơi chữ là các hiện tượng đồng âm, đa nghĩa,... trong ngôn ngữ nhằm gây một tác dụng bóng gió, châm biếm trong lời nói, trong đó ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cách,.. nhằm đem lại những liên tưởng bất ngờ, ly thú.

Như chuyện có mấy cậu học trò đến chọc ghẹo một cô gái. Cô này ra một vế đối: "Yêu nhau như bầu, như dót, như hót vào thúng, như búng con quay, như xoay thợ tiện, như bện hàng to".

Mấy cậu chịu bí, chẳng những không dám đến nhà cô nọ mà đi ngang đầu ngõ cũng sợ, phải tìm lối khác mà đi, có khi phải chui rào, lội nước để tới trường. Thầy dạy họ là ông nghề Nguyễn Quý Tân biết chuyện, mới bày cho cách đối lại rằng: "Lấy đây có bầu, có bạn có ván cơm xôi, có nồi cơm nếp, có dẹp bánh chưng, có lưng hũ rượu".

Vế đối lại rất tương xứng với vế ra. Mặt khác, nó còn mở ra trước mắt người đọc (nghe) một cảnh tượng nô đùa vui vẻ của trẻ thơ, do lời đồng dao "Ông giảng ông giảng; Xuống chơi với tôi,... " mà tạo nên.

(Chơi chữ là gì? – Triều Nguyễn)

### **Chữ nghĩa làng văn xóm chữ**

Cái nôi của chữ Quốc Ngữ\*\* là ở miền Nam. Chữ quốc ngữ, báo chí, tiểu thuyết, dịch thuật khởi đầu, trưởng thành, và phát triển ở miền Nam rồi mới bành trướng ra Bắc. Một vài thí dụ như : Chuyện Đời Xưa (1886), Chuyện Khôi Hài (1882) của Petrus Trương Vĩnh Ký, Chuyện Giải Buồn, của Paulus Huỳnh Tịnh Của (1896). Truyện Thầy Lazaro Phiền của Nguyễn Trọng Quản (1887), Tiết Phụ Gian Truân (1910) của Trương Duy Toàn, Ai Làm Được(1912) của Hồ Biểu Chánh... Gia Định báo, tờ báo quốc ngữ đầu tiên của Việt Nam (1865) Dịch thuật bắt đầu ở miền Nam. Một ít thí dụ như dịch từ sách Tàu thì có Trung dung (1875), Đại học (1877) v..v.. Dịch từ chữ Nôm ra quốc ngữ, (người miền Nam còn nói là chép lại quốc ngữ, chữ Nôm, “đồ” của mình, chớ không phải của Tàu, của Tây, nên chép lại), thì có “ Lục Vân Tiên” (1889), Kim Vân Kiều (1878), Phan Trần (1889), v ..v.. Trươnh Vĩnh Ký dịch. Dịch từ truyện Tàu thì có Tây Hôn Chí, Tam Quốc Chí (1901)... được quần chúng miền Nam hưởng ứng nồng nhiệt, phát triển lên thành phong trào dịch (trên 50 bộ truyện), đọc và kể truyện Tàu.

Nguyễn Chánh Sắt, Trần Phong Sắc, Nguyễn An Khương... là dịch giả tiền phong trong phong trào dịch truyện Tàu. Từ đó phong trào dịch thuật rồi

mới phát triển ra Bắc (Phan Kế Bính dịch Tam Quốc Chí năm 1921). Trong cuốn sách “Văn hóa đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam”, nxb.

(Tiếng nói miền Nam văn hoá Lục tỉnh - Trịnh Quốc Thuận)

### **Văn hóa chữ (1)**

Dân gian thường *chửi đổng* để tránh tai vạ. Tiêu biểu cho *chửi đổng* là lời "chửi mát gà" của mấy bà miền Bắc:

- Chém cha đũa bắt gà nhà bà ! Chiều hôm qua, bà cho nó ăn hầy còn, sáng hôm nay, con bà gọi nó hầy còn, mà bây giờ mày đã bắt mát. Mày muốn sống mà ở với chồng với con mày, thì mày buông tha thả bỏ nó ra, cho nó về nhà bà. Nhược bằng mày chấp chiếm, thì bà đào thằng tam đại tứ đại nhà mày lên, bà khai quật bật sãng thằng ngũ đại lục đại nhà mày lên. Nó ở nhà bà, nó là con gà, nó về nhà mày, nó biến thành cú thành cáo, thành thần nanh đở mổ, nó mổ chồng mổ con, mổ cái nhà mày cho mà xem. Ở cái thằng chết đâm, cái con chết xĩa kia ! Mày mà giết gà nhà bà, thì một người ăn chết một, hai người ăn chết hai, ba người ăn chết ba, mày xuống âm phủ, mày bị quỷ sứ thần linh rút ruột ra, ó cái thằng chết đâm, cái con chết xĩa kia ạ!

(Bước đường cùng - Nguyễn Công Hoan)

## **Tĩn**

Tĩn: đồ đựng bằng sành, bụng phình ra, miệng thắt lại

(tĩn nước mắm)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## **Chơi chữ**

Chơi chữ là các hiện tượng đồng âm, đa nghĩa,... trong ngôn ngữ nhằm gây một tác dụng bóng gió, châm biếm trong lời nói, trong đó ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cách,.. nhằm đem lại những liên tưởng bất ngờ, ly thú.

Nguyễn Công Trứ trong bài *Hàn nho phong vị phú*, có câu "Ngày ba bữa vỗ bụng rau bịch bịch, người quân tử ăn chẳng cầu no; đêm năm canh an giấc ngáy kho kho, đời thái bình công thường bỏ ngõ".

Người đọc dễ liên tưởng đến hai câu chữ Hán "quân tử thực vô cầu bão" (người quân tử chăm lo việc đạo lí, không lấy chuyện ăn ngon mặc đẹp làm điều) và "thái bình chi thế, ngoại hộ bất bệ" (đời ấm no, cửa ngoài không cần đóng do không có trộm cướp gì), mà cho rằng chàng nho sĩ họ Nguyễn đang ở trạng thái an bần lạc đạo (chịu nghèo khổ mà vui với lẽ

đạo).

(Chơi chữ là gì? – Triều Nguyễn)

### **To vo**

To vo: chơ vợ, không nơi nương tựa  
(gặp thời bặt đấng *to vo một mình*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### **Văn học cổ (1)**

Các nhà nghiên cứu văn học xếp văn học cổ Việt Nam thành ba loại: văn chương bác học, văn chương vừa bác học vừa bình dân và văn chương bình dân.

Văn chương bác học là loại văn chương viết bằng chữ Hán, dành cho những người có học. Văn chương vừa bác học vừa bình dân là loại văn chương viết bằng chữ nôm, một thứ chữ dùng chữ Hán ghép lại nhưng phát âm tiếng Việt nên khi đọc lên người bình dân cũng có thể hiểu được sơ sơ. Văn chương bình dân là loại văn chương phát xuất từ giới bình dân ít học, đó là những câu ca dao, tục ngữ và truyện cổ.

Văn chương bác học do những nhà khoa bảng sáng tác dành cho những người giỏi Hán văn, ít ra cũng phải qua “thập niên đặng hỏa” hoặc những người đã đỗ đạt. Chẳng hạn như Kiến Văn Tiểu Lục của Lê

Quý Đôn, Vũ Trung Tỳ Bút của Phạm Đình Hổ, Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn...và những bài thơ chữ Hán của các nhà Nho. Ngay cả những bài văn nổi tiếng như Hịch Tướng Sĩ của Trần Hưng Đạo, Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi, Văn Tế Trận Vong Tướng Sĩ của Nguyễn Văn Thành là những bài văn cần được phổ biến trong dân gian cũng viết bằng chữ Hán.

Văn chương vừa bác học vừa bình dân là loại văn chương viết bằng chữ nôm, một thứ chữ còn khó hơn chữ Hán, vì muốn đọc được, phải thông thạo Hán văn trước đã. Vì thế, loại văn chương này cũng do các nhà Nho khoa bảng sáng tác. Người ta thấy nhiều tác phẩm nổi tiếng, như: Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du, Hoa Tiên của Nguyễn Huy Tự, Nhị Độ Mai (hiện chưa tìm ra tác giả nên vẫn tạm ghi là Khuyết danh hay Vô danh), Bích Câu Kỳ Ngộ của Vũ Quốc Trân, Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu...và nhiều thơ, phú. Loại văn chương này người bình dân cũng không đọc được, nhưng nghe thì hiểu đại khái. Hiểu đại khái vì lời văn có nhiều điển cố phải có người giảng thì mới hiểu hết được.

Văn chương bình dân là loại văn chương truyền miệng của giới bình dân, ít học, như ca dao, tục ngữ, truyện cổ (mà chúng ta thường gọi là truyện cổ tích). Sau này văn chương bình dân mới được ghi chép lên giấy tờ, sách vở. Văn chương bình dân là loại văn chương không chịu ảnh hưởng của Hán học nên

không có nhiều dấu vết vay mượn như hai loại văn chương bác học và vừa bác học vừa bình dân.

(Văn học cổ VN – Tạ Quang Khôi)

### **Chữ Việt cổ**

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Ngoa: ta, tôi

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### **Vũ phu**

"Vũ phu" tiếng Hán là đá *giống như ngọc*.  
Tiếng Việt là người chồng...đánh đập vợ.

### **Chữ Việt cổ**

Khuyên phê: chó sủa

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

**Ghép chữ Nôm (1)**

Tiếng Việt có nhiều cách ghép chữ như:  
Ghép chữ Nho: Phần lớn các chữ ghép của ta do hai chữ Nho ghép lại thường được gọi là tiếng Hán-Việt và ta dùng quen thành Tiếng Việt thông-dụng như: độc-lập, tự-do, dân-chủ, hòa-bình, trí-thức, bô-lão, thi-văn, thế-lực...

Tài tình nhất là những chữ kép hoàn-toàn ghép bằng hai tiếng Nôm (tiếng Việt thuần-túy). Lối này có nhiều cách như:  
Ghép hai chữ mà đứng riêng ra thì không có nghĩa: bâng-khuâng, sỗ-sàng, sặc-sụa, sững-sờ, tâm-tã, thỉnh-thoảng, xập-xệ...

Ghép một chữ có nghĩa vào một chữ phụ để làm mạnh ý: bực tức, cực khổ, cứng rắn, ồn-ào, tan-tác, thương yêu, xấu hổ, yếu hèn...

Ghép một chữ vào một chữ khác để làm nhẹ bớt ý: còm còm, cong cong, đo đo, khen khét, mẫn mẫn, nhẹ nhẹ, trắng trắng...

**Tó**

Tó: lấy ra, móc ra

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Văn học cổ (2)

Sự vay mượn qua văn chương tàu thuộc vay mượn hình thức, nhờ văn tự của người để sáng tác, để bày tỏ quan điểm hoặc tâm sự. Các nhà Nho Việt Nam không ngừng lại ở hình thức mà vay mượn luôn cả nội dung. Đoạn Trường Tân Thanh mà người ta quen gọi Truyện Kiều là truyện mà tác giả đã mượn nội dung của một truyện Tàu. Các truyện Nhị Độ Mai và Hoa Tiên... cũng là những truyện Tàu được viết lại bằng chữ Nôm.

Truyện Nhị Độ Mai và truyện Hoa Tiên cũng là những truyện viết lại từ truyện Tàu, gần như nguyên văn. Nhị Độ Mai dựa theo truyện Trung Hiếu Tiết Nghĩa Nhị Độ Mai, kể lại cuộc đấu tranh chống bọn gian thần Lư Kỳ và Hoàng Tung đời Đường. Truyện Hoa Tiên dựa theo Đệ Bát Tài Tử Hoa Tiên Ký, kể lại mối tình trắc trở giữa nàng Dương Dao Tiên và Lương Sinh. Cuối cùng Lương Sinh có hai vợ chính thức là Dao Tiên và Lưu Ngọc Khanh và hai người thiếp là Vân Hương và Bích Nguyệt (hai người này vốn là hai thị tì của Dao Tiên, có công liên lạc giữa cô chủ và chàng họ Lương). Các truyện này đều có kết cục tốt đẹp. Người phải xa nhau được sum họp trở lại (Kiều và Kim Trọng được tái hôn trong Đoạn Trường Tân Thanh), kẻ bị vu oan được phục hồi danh dự và trả được thù nhà (Mai Lương Ngọc trong Nhị Độ Mai), những người yêu nhau gặp trắc trở lấy được nhau và sống cuộc đời hạnh phúc (Lương Sinh

và nàng Dao Tiên trong Hoa Tiên). Có lẽ ít ai được hưởng nhiều hạnh phúc bằng chàng Lương Phụng Châu vì một lúc cưới những bốn vợ.

Ngoài sự lệ thuộc vào văn tự và nội dung, các nhà nho của ta còn lệ thuộc cả về điển cố. Chính vì những điển cố này mà người bình dân ít học không hiểu thấu đáo được truyện, dù viết bằng văn nôm. Mỗi câu là một điển cố, có khi một câu có tới hai ba điển cố. Nhưng điển cố cũng có một ưu điểm là nói ít mà hiểu nhiều, vì thế lời văn trở nên súc tích. Có lẽ Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn nặng phần điển cố nhất.

(Văn học cổ VN – Tạ Quang Khôi)

### **Ghép chữ Nôm (2)**

Đặc-biệt nữa là một chữ mà đem ghép với nhiều chữ khác để hàm ý-nghĩa thật mạnh như chữ “trắng”: trắng bạch, trắng bệch, trắng bóng, trắng dã, trắng hếu, trắng mồn, trắng muốt, trắng muốt, trắng nõn, trắng ngà, trắng ngần, trắng phau, trắng tinh, trắng toát, trắng-treo, trắng xóa..., còn Đỏ thì có: đỏ au, đỏ chét, đỏ choét, đỏ chói, đỏ gay, đỏ lòm, đỏ rực, đỏ tươi, đỏ thắm,...và Vắng thì ta có: vắng bật, vắng lạnh, vắng ngắt, vắng tanh...

(Tiếng Việt hồn Việt – Lê Thương)

### Văn hoá chữ (1)

Cuốn từ điển còn thiếu một khái niệm tối quan trọng: Chữ như mất gà! Rất may, tìm mãi mới thấy cụm từ chữ này có trong *Từ điển Việt Hoa của Khổng Đức*.

Nhưng rút cuộc thì từ điển gì, chữ nghĩa gì cũng thua bà cô tôi hết, một người dân quê không biết một chữ quốc ngữ bẻ làm đôi.

Hôm ấy bà đi chợ về muộn. Chuẩn bị nấu com chiều, vét niêu com cháy, vừa ngô, vừa khoai được một bát đầy hủ hụ, bà cất tiếng “chích chích chích chích”, “pập dập dập dập” gọi mấy con gà mà bà đã chăm chút cả năm để chuẩn bị ăn Tết. Lũ gà quen tín hiệu đã tề tựu ngay tấp lự. Chờ mãi vẫn không thấy con gà mái nâu, đang ghe, béo nhất đàn. Bà bỏ đi tìm quanh, “điều tra” khắp vườn, khắp xóm. Không thấy. Về mặt bà hằm hằm, mắt bà chộp chộp, tôi biết cơn giận trong bà đã chất chứa đến nhường nào.

Nhưng bà lẳng lặng đi nấu com. Bà ăn com xong đầu đầy...

(Nguồn: Khuyết danh)

### Chữ là nghĩa

Có những từ Hán - Việt lại mang màu sắc trái ngược so với từ gốc Hán. Như:

*Thủ đoạn* chỉ có nghĩa "phương pháp, kỹ pháp", ta chỉ "mưu mẹo, mách khéo" theo nghĩa xấu.

*Dã tâm* trong tiếng Hán chỉ mang nghĩa "tham vọng", Việt thì có nghĩa "lòng dạ hiểm độc".

(Võ Ngân Vương - Tạp chí Tài hoa trẻ)

## Văn hoá chữ (2)

Mọi nhà đã lên đèn. Tôi nằm chơi trên cái chõng tre giữa sân. Đúng lúc làng xóm đang yên tĩnh, ổn định, thì bài trường ca bắt đầu. Tôi nghe một lần là nhớ suốt đời như thế này:

“... Nếu mày có trót dại bắt con gà của bà, nghe bà chửi mà không khôn hồn thả nó ra, mà cả nhà cả ổ mày cứ húc đầu vào ăn cho đầy miệng, thì bà cứ cho chúng mày ăn cái máu l..., rớt l... của bà đây này (lúc này bà khẽ rướn người lên, hai đầu ngón tay khẽ nhúm chiếc váy đụp nâng lên phía trước, tụy đứng một mình mà bà làm như đang diễn thuyết trước đám đông người). Mày tưởng mày có quyền có thế, có người làm ông nọ bà kia mà ăn hiếp gái già này à? Cứ ra mặt với bà xem! Bà thì cứ... dứt cái lông l... thứ tám, bà chẻ tạm làm tư, bà trói cổ cái ông tô năm đời mười đời nhà mày lại, bà vẫn còn thừa cái nút hậu!...”. (Cái sinh lực nữ tính mới đầy uy lực làm sao!)

Lạ chưa? Cái lông thứ tám? Vậy là trong cái đám lông xôm ít được thấy ánh sáng văn minh ấy cũng

phải có ngôi thứ hẳn hoi! Không biết cái ngôi thứ này là do chúng cọ xát với nhau mà phân định hay do bà có tôi phải đánh số để tiện việc...chửi?

(Nguồn: Khuyết danh)

### **Chữ Việt cổ**

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Ri: rừng

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### **Văn hoá chữ (3)**

Tôi cứ bị ám ảnh mãi: Tại sao khi thấy Trần Dần vắng tục “Năm, năm cái con cặc”, tôi lại thấy rất.. đã. Đã, không phải vì nó tục mà vì... nó hiên ngang, nó hùng dũng, nó... đầy khí thế. Tại sao?

Đụng đến bộ phận sinh dục là đụng đến văn hoá, thậm chí, đụng đến một trong những phần sâu thẳm nhất của văn hoá. Cả Sigmund Freud lẫn Jacques Lacan đều xem những khoái cảm sinh lý là nguyên

nhân chính dẫn đến việc hình thành nhân cách, đều xây dựng lý thuyết về dục vọng, dục tính và chủ thể tính của họ trên hình ảnh của dương vật (hoặc sự thiếu vắng của dương vật), và đều hình dung lịch sử văn minh của nhân loại như là một tiến trình đè nén và thăng hoa của bản năng sinh lý vốn chủ yếu gắn liền với các bộ phận sinh dục.

Người ta đối diện với nó không phải chỉ với tư cách một cá nhân mà còn với tư cách của một tập thể và một lịch sử. Cảm giác thích thú hay khó chịu của người đọc khi đọc bài viết này là một thứ phản ứng có điều kiện, được hình thành dần dần qua thời gian, với vô số những tác động từ bên ngoài, chứ tuyệt đối không phải là một cái gì tự nhiên nhi nhiên. Bất chước cách nói đã thành sáo ngữ, tôi có thể nói thế này: Bạn hãy cho tôi biết bạn có cảm giác như thế nào khi đọc chữ “con cặc” trong bài viết này, tôi sẽ cho bạn biết bạn là ai.

(Nguồn: Nguyễn Hưng Quốc)

### **Chữ Việt cổ**

Tăn măn: nhỏ nhít

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### Văn hoá chữ (4)

Hãy thử để ý đến các câu chữ tục hay văng tục của người Việt Nam. Nói chung, cách chữ tục và văng tục của người Việt Nam có mấy đặc điểm chính: thứ nhất, hay nhắc đến các bộ phận sinh dục;\_thứ hai, phái nào nhắc đến bộ phận sinh dục của phái ấy. Chính ở điểm thứ hai này, chúng ta có cơ hội nhìn thấy những khác biệt trong cách nhìn của hai phái nam và nữ về bộ phận sinh dục của chính họ.

Cứ lấy ngay những câu chữ tục làm ví dụ. Điều cần ghi nhận đầu tiên là, trong tiếng Việt, ở phía nữ giới, hoàn toàn không có từ nào có thể được xem là tương đương với từ “trở cặc” hay “văng cặc” ở nam giới. Rõ ràng là phụ nữ không “văng” và cũng không “trở”. Chữ nhau, họ dùng các động từ khác: bú, liếm, chui, nhét, v.v... Trong khi đó, nam giới thì khác. Đã đành là có một số trường hợp, người ta cũng đòi “nhét” của quý của mình vào miệng đối thủ, nhưng những cách diễn tả như vậy khá hiếm hoi. Phổ biến hơn, người ta chỉ nói một cách ngắn gọn: “Cặc!” hay “Cặc tao đây nè!” Vậy thôi.

(Nguồn: Nguyễn Hưng Quốc)

### Ghép chữ Nôm (3)

Tài hơn nữa, ta đem một chữ rất thường dùng ghép với một chữ khác để cấu-tạo thành không biết bao nhiêu chữ kép với những nghĩa đầy lý thú:

Như một chữ “ăn” đem ghép thành: ăn ảnh, ăn bám, ăn bận, ăn bản, ăn bòn, ăn bóc, ăn bót, ăn cấp, ăn có, ăn cỗ, ăn com, ăn cưới, ăn cướp, ăn cháo, ăn chay, ăn chạy, ăn chắc, ăn chận, ăn chệt, ăn chịu, ăn chơi, ăn chùa, ăn chực, ăn dè, ăn đêm, ăn đòn, ăn đút, ăn đút, ăn gian, ăn giỗ, ăn hại, ăn hàng, ăn hiếp, ăn kiêng, ăn khao, ăn khem, ăn khín, ăn khóp, ăn lái, ăn lạt, ăn lặn, ăn lòi, ăn lương, ăn lường, ăn mày, ăn mặc, ăn mặn, ăn mót, ăn mừng, ăn nằm, ăn nói, ăn ngủ, ăn nhậu, ăn nhín, ăn nhíp, ăn nhờ, ăn ở, ăn quít, ăn rơ, ăn srong, ăn tạp, ăn Tết, ăn tiệc, ăn tiền, ăn thê, ăn thua, ăn trộm, ăn trót, ăn uống, ăn vạ, ăn vã, ăn vặt, ăn vận, ăn vụng, ăn xài, ăn xén, ăn xin, ăn xôi, ăn ý...

(Tiếng Việt hồn Việt – Lê Thương)

**Cũ xưa**

Tờ báo chữ quốc ngữ đầu tiên



*Gia Định báo* có khổ giấy  
25x32cm, giá 0,97 đồng/tờ,  
phát hành vào thứ 3 hàng tuần.

Lịch sử báo chí Việt Nam bắt đầu với sự ra đời của *Gia Định báo* vào ngày 15/4/1865 tại Sài Gòn. *Gia Định báo* phát hành trong phạm vi vùng chiếm đóng của thực dân Pháp lúc đó là 3 tỉnh miền Đông Nam Bộ.

Ban đầu, *Gia Định báo* có mục đích chủ yếu là công cụ thông tin của người Pháp ở Đông Dương với tư cách là một tờ công báo chuyên đăng các công văn, nghị định, thông tư của chính quyền thực dân. Sau này, khi Trương Vĩnh Ký chính thức làm giám đốc, tờ báo mới được phát triển mục biên khảo, thơ văn, lịch sử...

*Gia Định báo* góp phần cổ động việc học chữ Quốc ngữ và lối học mới, mở đường cho các thể loại văn xuôi Việt Nam in bằng chữ quốc ngữ, đặt nền móng cho sự hình thành báo chí Việt Nam.



Đường D'Adran (Hồ Tùng Mậu ngày nay),  
một trong những địa chỉ từng in tờ *Gia Định báo*

(SNG Paris – Một tài liệu hiếm)

### **Tiếng Việt không đơn giản**

Hỏi: "*Sắc không, không sắc...*"

Hôm qua đi chùa, một vị sư giảng có câu : "*Sắc không không sắc sắc thị không*", nghĩa là gì vậy? Xưa nay chỉ nghe câu "*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*", phải chăng nghĩa là phàm vật chỉ có sắc tướng đều là vật tạm, phải có một ngày hư nát? Chỉ đoán mò vậy thôi, không biết có đúng không?

Đáp: Không hiểu!

Hỏi: hai chữ "*Sắc Không, Không Sắc*" người tu thường lẫn lộn nói rằng "*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*". Vậy thì điểm khác biệt giữa 2 câu này là gì?

Đáp: Không thông!

(Nguồn ĐatViet.com)

### **Tó táy**

Tó táy: luôn tay tìm tòi, cựa quậy

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Cũ xưa

Tờ báo bằng chữ Quốc Ngữ đầu tiên



Tờ “Gia Định Báo” là tờ báo chữ Quốc ngữ đầu tiên ở nước ta ra đời tháng 4/1865. Tờ báo đăng những thông tin nghị định của nhà nước và những tin kinh tế xã hội, lời bàn về thời cuộc, luân lý, lịch sử. Báo ra hằng tháng. Sau 4 năm phát hành, chính quyền thuộc địa cho phép báo phát hành hàng tuần bằng quyết định số 51 ngày 18/3/1869.

## Chữ Việt cổ

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ

cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Tế quán: Vợ, tiếng xưng vợ nhà  
Ngãi tế/hiền tế: rể

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### **Ba ông đầu rau**

Ba ông đầu rau gồm có:  
Thần đất  
Thần bếp  
Thần chợ

(Trần Ngọc Thêm – Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam)

### **Văn học cổ (3)**

Truyện của Việt Nam ngày xưa được viết theo thể lục bát. Khúc ngâm viết theo thể song thất lục bát. Hai thể này không có trong văn chương Tàu. Đó cũng là một hình thức độc lập của ta. Về ngâm, trong văn học cổ Việt Nam, chúng ta có nhiều khúc ngâm nhưng nổi tiếng và phổ biến nhất là Chinh Phụ Ngâm khúc và Cung Oán Ngâm khúc.

Thật ra, thể ngâm có thể coi tương đương với thể tùy bút ngày nay. Thể này không lệ thuộc vào thời gian câu chuyện xảy ra. Và lại, trong Chinh Phụ Ngâm, người ta không nói tới một nàng chinh phụ duy nhất nào mà nói chung tâm sự của tất cả những người đàn bà có chồng đi chinh chiến. Vậy, có người có con nhỏ còn “măng sữa” thì cũng có người có con đã lớn để phải “Rèn con đèn sách, thiếp làm phụ thân”. Và lại, việc nghi ngờ lòng chung thủy của người chinh phụ không những là oan uổng mà còn quá đáng. Người ta chưa thể quên tục ngữ Việt Nam đã có câu “Ba năm bú mớm” để nói tới cái công trời bể của người mẹ trong việc dưỡng dục con cái.

Khúc Chinh Phụ Ngâm bằng chữ nôm là bản diễn nôm Chinh Phụ Ngâm chữ Hán của Đặng Trần Côn. Hiện nay, người ta chưa biết chắc ai là dịch giả, bà Đoàn Thị Điểm hay ông Phan Huy Ích. Bản chữ Hán của Đặng Trần Côn là một tác phẩm đặc biệt, rất công phu. Ông đã mượn một số ý và hình ảnh trong thơ cổ, có khi mượn cả những câu thơ của người xưa (như thơ Lý Bạch đời Đường) để tạo nên khúc ngâm này (dài 483 câu).

Khi nói đến tính cách vay mượn trong văn học cổ Việt Nam, chúng ta không thể không nhắc tới những tác phẩm “hoàn toàn độc lập” của các nhà Nho xưa. Ngoài những truyện cổ được xếp vào loại bình dân chưa tìm ra tác giả, như: Trinh Thử, Trê Cóc, Lục súc tranh công... chúng ta cũng phải kể đến các truyện thuộc loại vừa bác học vừa bình dân, như:

Bích Câu Kỳ Ngộ của Vũ Quốc Trân, Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu. Đó là những tác phẩm không dựa vào truyện Tàu, do sự sáng tạo của chính các tác giả.

(Văn học cổ VN – Tạ Quang Khôi)

### **Chữ Việt cổ**

Thạp/ khạp: đồ đựng bằng đất nung

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### **Tong**

Tong: *gậy* và *cao*  
(*óm tong*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### **Chữ Việt cổ**

Thộ: *thùng, gỗ* (tiếng Triều Châu)

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

## Cũ & xưa

Cuốn từ điển tiếng Việt đầu tiên “Đại Nam Quốc Âm Tự Vị” là cuốn từ điển tiếng Việt quốc ngữ Latinh của Huỳnh Tịnh Của gồm hai tập: Tập I xuất bản năm 1895, tập II xuất bản 1896 tại Sài Gòn.

Bộ từ điển chứa nhiều từ ngữ xưa, thành ngữ, tục ngữ, từ ngữ về thảo mộc, cảm thú của Việt Nam và của miền Nam. Bộ từ điển này trở thành Từ điển Bách khoa toàn thư đầu tiên về Nam Bộ.

## Ghép chữ Nôm (4)

Lại cũng với chữ ”ăn” mà đem ghép làm bốn chữ thành rất nhiều thành-ngữ để mô- tả mọi hoàn-cảnh sinh-hoạt rất phong-phú như: ăn cám trả vàng, ăn cháo đá bát, ăn chay nằm mộng, ăn chực nằm chờ, ăn dơ ở dáy, ăn dung ngồi rồi, ăn đấu trả bò, ăn đói mặc rách, ăn gian nói dối, ăn gỏi nằm nhờ, ăn kiêng nằm cũ, ăn miếng trả miếng, ăn ngay nói thẳng, ăn nhờ ở đậu, ăn sung mặc sướng, ăn tục nói phét, ăn thiệt làm dối, ăn trên ngồi trước, ăn trắng mặc trơn, ăn trước trả sau, ăn vóc học quen...

(Tiếng Việt hồn Việt – Lê Thương)

## Chữ Việt cổ

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của

Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại...

Bàn thối: bàn tọa

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### **Cũ xưa**

Nhà báo Việt Nam đầu tiên

Nhà bác học Trương Vĩnh Ký (1837 - 1898), được coi là “ông tổ nghề báo Việt Nam”. Tên thường gọi của ông là Pétrus Ký, quê ở Vĩnh Thanh, Tân Minh, Vĩnh Long (nay thuộc Bến Tre).



Trương Vĩnh Ký được người đương thời xếp vào danh sách 18 nhà bác học hàng đầu thế giới. Ông thiết tha với nền văn học quốc ngữ và được coi là người đặt nền móng cho báo chí quốc ngữ Việt Nam.

Ông sáng lập, là tổng biên tập tờ báo quốc ngữ đầu tiên (*Gia Định báo*), cũng là cây bút chủ chốt của rất nhiều báo khác.

(SNG Paris – Một tài liệu hiếm)

#### **Văn học cổ (4)**

Về chuyện “vay mượn”, mới đây có người cho biết bài thơ “Đánh cờ tướng” rất nổi tiếng của nữ sĩ Hồ Xuân Hương cũng mượn ý bài dân ca vùng Tô Châu bên Tàu. Chúng tôi xin chép lại nguyên văn để chúng ta cùng biết và nghiên cứu thêm: “Cờ tướng tương truyền do Chu Vũ Vương phát minh lúc đánh vua Trụ, loại cờ tướng này mô phỏng việc đánh nhau trên chiến trường, cũng là loại cờ mà phụ nữ thời cổ lúc nhàn rỗi rất thích chơi. Phùng Mộng Long cuối thời Minh có chép lại một bài dân ca Tô Châu nói về việc trai gái chơi cờ tướng như sau: Thu liễu vi kỳ trước tượng kỳ. Thạch pháo đương đầu tu phòng lương hiệp xa, Ngã chỉ đạo nhĩ song mã ẩm tuyên xoa khởi liễu cá dương giác sĩ, Dạng đạo nhĩ nhất tốt chiếm tâm giáo ngã nan động di” (Xếp bàn cờ vây bày bàn cờ tướng, Thấy pháo đầu phải đề phòng xe thọc hai bên, Em chỉ nghĩ anh

cho hai ngựa uống nước nên cho sĩ vĩnh sùng dê, Ngờ đầu một con tốt của anh vào cung khiến em không động đây gì được), câu nào cũng một lời hai ý.”

\*\*\*

Sau đây là một đoạn trong bài “Đánh Cờ” của Hồ Xuân Hương:

*Thoạt mới vào, chàng liền nhảy ngựa,  
Thiếp vội vàng vén phừa tịnh lên.  
Hai xe hà, chàng gác hai bên,  
Thiếp sợ bí, thiếp liền ghênh sĩ.  
Chàng lừa thiếp đương khi bất ý,  
Dem tốt đầu dụ dí vô cung.  
Thiếp đang mắc nước xe lồng,  
Nước pháo đã nổ ùng ra chiếu...*

Chúng ta đều biết Hồ Xuân Hương sống vào cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19 mà triều nhà Minh bên Tàu chấm dứt vào cuối thế kỷ 16. Thực ra, đã từ lâu cũng đã có người nghi ngờ bài “Đánh Cờ” không chắc có phải do nữ sĩ sáng tác. Đây là một nghi vấn trong văn học Việt Nam cần được các bậc thức giả trong cũng như ngoài nước nghiên cứu thêm.

(Văn học cổ VN – Tạ Quang Khôi)

## Cũ xưa

Gần 4 năm sau khi thành lập, báo *Trung Bắc Tân Văn* ở miền Bắc tăng tần số phát hành và trở thành tờ nhật báo đầu tiên của Việt Nam, tính từ tháng 1/1919. *Trung Bắc Tân Văn* do Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút..Tờ báo tồn tại đến tháng 4/1941 mới đình bản, ra tổng cộng 7.265 số.



*Trung Bắc Tân Văn* là tờ báo ra hàng ngày duy nhất phát hành rộng ở Bắc và Trung Kỳ

(SNg Paris – Một tài liệu hiếm)

## Hồ Biểu Chánh

Tôi (Dương Nghiễm Mậu) viết lại những ghi chép, những ý nghĩ tôi có, những nhận xét tôi thấy trong khi đọc một số tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh. Cũng vì thế, bài viết như đề một nhớ ơn, nhớ ơn những người để lại cho chúng ta một di sản lớn.

Vì bước khởi hành của nền văn chương quốc ngữ có thể nói là ở miền Nam, những viên gạch đầu tiên do Trương Vĩnh ký, Huỳnh Tịnh Của đặt đề và sau đó phải kể tới Hồ Biểu Chánh.

Tờ báo đầu tiên, cuốn sách đầu tiên được sắp bằng chữ quốc ngữ, tn ra ở miền Nam. Rồi từ đó tiến dần ra miền Bắc....

(Từ đó đến nay – Dương Nghiễm Mậu)

### **Chữ Việt cổ**

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Thù: con nhện

Thử: chuột

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### **Chữ Nho**

Chữ “*Nho*” do chữ “*nhân*” (người) ghép với chữ “*nhu*” (cần dùng) có nghĩa là *loại người cần dùng cho xã hội*.

Chữ nhu còn có nghĩa là chờ đợi (người giỏi chờ lúc ra giúp đời)

(Trần Bích San – Văn Khảo)

### Cũ xưa

Tờ báo đầu tiên phát hành ở miền Trung

Những năm 20 thế kỷ trước, báo chí miền Bắc và miền Trung bắt đầu có sự vươn lên mạnh mẽ. Sự kiện tờ *Tiếng Dân* của Huỳnh Thúc Kháng ra đời năm 1927 tại Đà Nẵng đánh dấu việc báo chí đã lan tỏa đến Trung Kỳ.



Tờ *Tiếng Dân*, khuynh hướng chính trị của Huỳnh Thúc Kháng. Bản chất là một tờ báo yêu nước, bắt cập với tình hình và thời đại.

(SNg Paris – Một tài liệu hiếm)

## **Chương II**

Thơ - Câu đối

Ca dao - Câu đố

Thành ngữ

Chữ nghĩa lơ mơ lẫn lẫn

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Bướm rùng sờ cái là bay  
Bướm nhà sờ cái lẩn quay ra giường

## Không đề

Hôm nay dưới bến xuôi đò  
Thương nhau qua cửa tò vò nhìn nhau.  
Anh đi đấy, anh về đâu?  
Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm...

Thơ Nguyễn Bính. Tựa “Không đề”. Chỉ có bốn câu. Theo tôi, đây là một trong những bài thơ hay nhất, hoàn chỉnh nhất của Nguyễn Bính. Bài thơ có hai nhân vật, một người con trai và một người con gái. Người con trai ở dưới bến chờ xuôi đò. Người con gái ở trong nhà, qua khung cửa sổ, thẩn thờ ngó ra. Nguyễn Bính nói họ “thương nhau”. Chắc chỉ là thương thầm. Nên không có tiền đưa. Nên người con gái mới băn khoăn tự hỏi “Anh đi đấy, anh về đâu?” Sáu chữ mà bời bời hai tâm sự ngổn ngang. “Anh đi đấy” là câu hỏi thẳng thốt. Đau nhói. “Anh về đâu?” là câu hỏi ngậm ngùi. Buồn tênh. Người con gái ngạc nhiên, rồi bàng hoàng, rồi ngẩn ngơ. Chiếc thuyền rời bến, từ từ đi xa. Hình ảnh người con trai hút. Chỉ còn chiếc thuyền. Rồi chiếc thuyền cũng khuất. Chỉ còn cánh buồm

vươn cao, vươn cao, chơi với, chập chờn, lung linh, xa xăm:

Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm...

Người con gái vẫn còn đứng đó, bên thành cửa sổ, vời vợi nhìn theo. Câu thơ ngắt thành ba nhịp (Cánh buồm nâu / cánh buồm nâu / cánh buồm...), tưởng như mỗi nhịp ngắt là một làn sóng đột nhiên trào lên, che khuất cánh buồm. Bao nhiêu lần khuất rồi hiện. Lần cuối cùng, đã xa lơ xa lắc, người con gái chỉ còn nhìn thấy, mờ thật mờ, hình ảnh cánh buồm thấp thoáng, nhòa đi trong khói song bập bênh. Không còn thấy màu sắc nữa: chữ “nâu” ở nhịp cuối biến mất.

(Nguồn: Thu Tứ)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Chim rừng có cánh, nhiều lông  
Chim nhà không cánh nhưng lông vẫn nhiều

### **Khôn văn tế, dại văn bia**

Văn tế là văn đọc cúng tế người chết, hay hoặc dở sau khi đọc xong thì đốt bỏ đi ngay. Còn văn bia là bản văn ngắn gọn, ít lời nhiều ý, để khắc vào bia đá. Bản văn bia nếu không hay sẽ còn lưu truyền mãi mãi.

Vì vậy người ta chỉ nhận viết văn tế chứ không viết văn bia.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Hồ Trường**

Ông bảng Mỗ còn lầy nhiều vắn kỳ thú, tiếc rằng chúng tôi chỉ chép được vài câu. Có lần ông đi dự tiệc do một người bạn cũ mời, bạn này mới đến trọng nhậm chức tổng đốc tỉnh Thanh nên tổ chức một bữa rượu mừng. Bạn vốn chân cử nhân, lúc thiếu thời có gia nhập một đảng cách mạng. Đi phiêu lưu bên Tàu một dạo, ông từng làm ra bài "Hồ Trường" lâm ly khảng khái, mà mỗi khi có tử húng, nghệ sĩ Trương Đình Thi lại lấy dao bào nhà ả đào làm gươm, vừa múa vừa hét, bi tráng như kẻ sĩ nước Yên nước Triệu khi xưa:

#### *Hồ Trường*

*Trượng phu đã không hay xé gan bẻ cột (1) phù  
cương thường,  
Sao lại tiêu dao bốn bể, luân lạc tha hương?  
Trời Nam nghìn dặm thẳm;  
Mây nước một màu sương.  
Học không thành, công chẳng lập,  
Trai trẻ bao lăm mà đầu bạc; trăm năm thân thế  
bóng tà dương.  
Vỗ gươm mà hát, nghiêng bầu mà hỏi:*

*Trời đất mang mang, ai là tri kỷ?  
Lại đây cùng ta cạn một hồ trường.  
Hồ Trường! Hồ Trường! ta biết biết rót về đâu?  
Rót về Đông Phương, nước bể Đông chảy xiết, sinh  
cuồng lạn.  
Rót về Tây Phương, mưa Tây Sơn từng trận chứa  
chan;  
Rót về Bắc Phương, ngọn bắc phong vi vút, đá chạy  
cát dương;  
Rót về Nam Phương, trời Nam mù mịt, có người quá  
chén như điên như cuồng.  
Nào ai tỉnh, nào ai say?  
Chỉ ta ta biết lòng ta hay.  
Nam nhi sự nghiệp ở hồ thi, hà tất cùng sầu đối cỏ  
cây!*

Sau ít năm giang hồ ông về đầu thú, phản thày là cụ Sào Nam, tô giác bạn trong số đó có Đặng Văn Phương tức Đặng Đình Thanh, người Cần Thơ từng du học ở Đông Kinh, tại Đồng Văn thư viện (ông này sau bị đày Côn Đảo mang số tù 193) do đó ông cử nhân cách mạng được bổ làm quan, chẳng bao lâu lên chức tổng đốc.

Tiệc rượu họp toàn bạn cũ, thơ phú tất nhiên là nhiều, song khi về, ai cũng chỉ còn nhớ có mấy câu Kiều mà ông Bằng đã lấy:

Kẻ từ lạc bước bước ra đi  
Một là đặc hiếu, hai là đặc trung

Giang hồ quen thú vầy vùng  
Rày xem phỏng đã cam lòng ấy chưa?

Mấy câu "gọn thon lỏn" này đã làm cho mặt chủ  
nhân bỗng thành xám ngắt!

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

### **Câu đối Tết**

Tiệc là vui, ăn là vui, vui trước vui sau, vui láo nháo

Trên cũng chó, dưới cũng chó, chó to chó nhỏ, chó  
lông loan

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

#### 50. trữ tình 抒情

Soạn giả không hề biết “mặt chữ” mà chỉ biết phỏng đoán theo cảm tính nên đã giảng giải rằng, trữ là chứa chất, tình là tình cảm; trữ tình là chứa chất tình cảm. Thật là sai lầm nghiêm trọng. Nên nhớ rằng, ở đây, trữ 抒 nghĩa là biểu đạt, là bày tỏ. Trữ

tình nghĩa là biểu đạt tình cảm. Cần phân biệt chữ "trữ" 杼 này với chữ trữ 貯 trong từ tích trữ.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

## **Chữ nghĩa làng...nhật: Rượu Tây**

### **Cognac**

Người Pháp gọi là Cognac, người Mỹ kêu là Brandy chỉ là một loại rượu mạnh, giống như Whisky, Vodka, Tequilla.

Whisky, Vodka làm bằng ngũ cốc, còn Cognac tức Brandy làm bằng nho. Nho làm thành vang trắng trước, rồi cất lần nữa thành rượu mạnh.

Rượu mạnh ở vùng Cognac được gọi là Cognac. (nho ở Cognac hầu hết là nho trắng)

(Nguồn: Lê Văn – Nhật Vy)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lổ mổ**

(...của hai ông bà già)

Tôi kể bà nghe...

Lũ trẻ bây giờ yêu nhau lạ lắm thay

Thời chúng mình, cái nắm tay cũng làm cả làng dị nghị,

Chúng nó nhận lời hôm trước, hôm sau đưa nhau

vào nhà nghỉ,  
Làm cái chuyện động trời!

### **Ca dao**

Đề cập đến văn chương, chúng ta không thể nào bỏ qua nền thi ca bình dân mà ca dao là một trong những thể loại quen thuộc này. Từ lâu, ca dao đã đi vào lòng dân tộc về những nét bông đùa, hóm hình, dí dỏm trong kho tàng văn chương bình dân tiếng Việt. Như trong tình trường, có người tán gái hơi ngộ nghĩnh:

Ngó lên mây trắng trời xanh,  
Thương ai cũng vậy, thương anh cho rồi.

Đối với những anh chàng đại gái, ca dao trào phúng châm biếm:

Tiếc công khổ cực nuôi cu,  
Cu ăn, cu lớn, cu gù, cu đi,

(Lê Thương - Ca dao trào phúng)

### **Anh em cột chèo (*cọc chèo*)**

Ở trên đời này, các mối dây cột buộc là phải buộc cho chắc thì mới có tác dụng. Duy chỉ có dây buộc nơi cái cọc chèo thì phải buộc lỏng lẻo thì mới có tác dụng. Mái chèo buộc lắc qua lắc lại, ngoáy chèo, khua chèo quây nước và muốn lấy ra hay lắp vào cũng rất dễ dàng.

Ý chỉ: Anh em rẻ, là anh em, nhưng ràng buộc ấy lỏng lẻo.

### **Kiến nghĩa bất vi**

Kiến: trông thấy – Vi: làm.

Nguyên câu thành ngữ Hán Việt là: “Kiến nghĩa bất vi dũng giả”,

là thấy việc nghĩa không làm là người không dũng khí.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Chữ nghĩa với ca dao**

Mù u ba lá mù u

Vợ chồng cãi lộn, con cu giảng hòa

### **Bốn nhân tình**

Tao ở nhà tao, tao nhớ my,

Nhớ my nên phải bước chân đi.

Không đi my nói rằng không đến,

Đến thì my nói đến làm chi.

Làm chi tao đã làm chi được,

Làm được chớ tao đã làm chi.

(Bốn tình nhân - Nguyễn công Trứ)

### **Khôn sống mông chết**

Mông: đại đột, ngu si (từ Việt cổ)

Ở đời có người khôn kẻ đại và sống đây có nghĩa là sống sung sướng. Chết ở đây hiểu là sống khổ cực, nhục nhã.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Lạc đạo vong bản**

Lạc: là vui – Vong: là mất. Ở hành ngữ này có nghĩa là quên.

Có nhiều người trong cảnh nghèo mà họ vẫn vui vì tìm được niềm vui với đạo lý. Khi có niềm vui, họ tạm quên khuấy đi... nỗi buồn.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Martell**



Những hãng rượu Cognac xếp theo thứ tự thời gian sáng lập:

Hãng rượu lâu đời nhất của Pháp do ông Jean Martell sáng lập năm 1715.

Chuyến tàu đầu tiên qua Anh năm 1831 là chai rượu có nhãn hiệu “Very Special Old

Pale (VSOP) – Chai Medaillon mang nhãn hiệu vua Louis XIV “Sun King”.

Martell được nhiều người Việt biết đến vì là hãng rượu đầu tiên chuyên chở qua phương Đông: Tàu (1861), Việt Nam (1867), Nhật (1868), tiếp đến là Mã Lai, Nam Dương, v...v... TỰ ĐỨC THỨ 20, Pháp chiếm 3 tỉnh miền tây Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Từ đó (năm 1867) Nam kỳ thành thuộc địa của Pháp. Cũng như trước đó, năm 1860, Tàu phải ký hòa ước Thiên Tân với Pháp và Anh nên sau đấy hãng Martell mới có cơ hội để có mặt ở xứ này.

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Ghe không tay sao kêu ghe vạch?

### **Chữ nghĩa với ca dao**

Của tôi tôi để đầu hè,  
Bỗng dung anh đến anh đề tôi ra,  
Kêu lên, xấu mẹ hồ cha,  
Nín thinh, ướm của tôi ra thế này...

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Bánh không căng sao gọi bánh bò?...

### Lão bất tử thành tặc

Tặc: giặc, tặc .

Câu thành ngữ Hán Việt này cho thấy người già đôi tánh, đôi nét

không nhiều thì ít, con cháu liều liệu mà chiều chuộng.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

#### 53. từ vị 辭彙

Trước đây, ở nước ta, từ điển thường được gọi là tự vị (sai, xin xem các mục “tự vị” ở ngay dưới đây và mục II. 15) hoặc cũng có người gọi là từ vị. Soạn giả cũng cho rằng, từ vị nghĩa là từ điển. Điều đáng phàn nàn là, ông chỉ căn cứ theo âm để đoán nghĩa nên đã cho rằng, vị nghĩa là nói 謂. Hoàn toàn sai. Tất cả mọi từ điển chữ Hán của Trung Quốc và của các soạn giả Việt Nam đều không có quyển nào dùng chữ vị 謂 ấy, mà viết là 彙. Chữ vị 彙 này vốn có âm là hội. Ở Trung Quốc nó chỉ có một âm là hui

(đọc là huây, tương ứng với âm “hội” của ta) còn ở Việt Nam lại có thêm hai âm nữa là vị và vụng, nhưng nghĩa vẫn không thay đổi. Theo từ điển Từ nguyên, chữ này có ba nghĩa: đồng loại; phồn thịnh; con nhím. Phải chăng, vì con nhím có tên là “vị” 蝟 nên cha ông chúng ta cũng đọc chữ hội, 彙 này là vị. Ngoài ra, có lẽ vì chữ “hội” hoặc “vị” 彙 này xem qua thì hơi giống chữ “vụng” 暈 nghĩa là “vàng” nên có người đã đọc nhầm rồi trở thành thói quen, tương tự như trong trường hợp người ta đã đọc nhầm chữ thung với chữ xuân 椿. Hiện nay, hầu như không ai dùng từ từ vị 辭彙 với nghĩa như từ điển nữa.

Giới ngôn ngữ học hiện nay dùng từ “từ vị” 辭位 (trong đó, vị 位 nghĩa là vị trí, là đơn vị) với nghĩa là “đơn vị cơ bản có nghĩa, và là yếu tố cấu trúc của ngôn ngữ, thường tương đương với từ”.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### **Lươn ngắn lại chệ chạch dài Thồn bơn méo miệng chệ trai lệch mồm**

Chạch: cá chạch, giống cá trê, mình nhọn nhót.  
Thồn bơn: cá lưỡi trâu, miệng nhỏ và méo.  
(Ý là mình xấu tệ còn hay chệ người khác).

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

## Một trong triệu chứng nhận ra mình đã...”già”

Toàn kể chuyện ngày xưa.

### Rémy Martin



Rémy Martin được thành lập năm 1724 do Rémy Martin (nay có thêm hãng Cointreaux). Hãng này chỉ dùng nho ở 2 vùng Grande Champagne và Petit Champagne nên dùng chữ Fine-Champagne in ở chai rượu của họ. (Hãng không sản xuất rượu tương đương 3 Stars (V.S.) mà chỉ có các loại rượu V.S.O.P. (5 tuổi trở lên).

Cũng như Martell, rượu Rémy Martin được nhiều người Việt biết đến vì được chuyên chở qua Tàu, Việt Nam, Nhật (đặc biệt chỉ rượu Napoléon mà thôi), Đài Loan, Tân Gia Ba, v...v... Tổng cộng trên toàn thế giới khoảng 165 quốc gia.

(Nguồn: Nhật Vy)

### Chử nghĩa với ca dao

Cô kia cắt cỏ bên sông,  
Cái váy thì cộc, cái lông thì dài.

Thuyền chài nó trả quan hai,  
Cô không chịu bán để dài quét sân...

### **Lung chữ cụ, vú chữ tâm**

Lung chữ cụ: nôm na như “lưng cánh phản”.  
Vú chữ tâm: vú tròn trĩnh, gọn gàng và cân đối

Câu thành ngữ Hán Việt hiểu là: con gái “lưng chữ cụ vú chữ tâm” thì... mắn đẻ và khéo nuôi con .

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Courvoisier**



Đặc biệt hãng rượu này không có ruộng nho riêng của mình. Họ nổi tiếng nhờ mua trữ những hầm rượu mới “đất tiền”, và “rẻ tiền” mang về pha chế loại rượu này gia trị gần hạng “A”, trên hạng “B” với giá trung bình.

Theo nhiều nguồn khác nhau hãng của ông Felix Courvoisier thành lập năm 1743, 1834, 1843, và 1890. Tuy nhiên dựa vào giai thoại và lịch sử thì Năm 1811, Trung úy pháo binh Napoléon thăm hãng rượu Courvoisier ở Berey. Và tiếp đến, khi Napoléon bị đày ra đảo St Hélène năm 1828. Nên hãng Courvoisier phải được thành lập

trước năm 1834 (?). Vì không có con trai nên sau khi mất bán cho Anh (1909).

**Mặt mũi méo mó thì có đồng tiền  
Mặt vuông chữ điền thì tiền không có**

Đàn ông mặt chữ điền thường là người thông minh, cương nghị, người như vậy không thể nghèo được. Tuy nhiên đôi khi có người cũng nghèo xác xơ, ngược lại có người mặt hăm tài lại rủng rỉnh tiền bạc. Vì vậy giàu sang là ở số mạng.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

**Chữ nghĩa với ca dao  
Cô gái hái chè**

Hôm qua em đi hái chè  
Gặp thằng phải gió nó đè em ra  
Em lạy mà nó chẳng tha  
Nó đem đút cái mả cha nó vào  
Bây giờ em biết làm sao?  
Nếu em cànng giã nó vào thêm sâu  
Cái gì như thể củ nâu  
Cái gì như cái cần câu vật vờ

**Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Chim rừng bóp cái chết ngay  
Chim nhà mà bóp càng ngày càng to

### **Một trong triệu chứng nhận ra mình đã... “già”**

Đến nhà bạn chơi, ngủ gật.

### **Một gáo hai chĩnh**

Chĩnh: Cái hũ đựng nước hay rượu.

Câu thành ngữ này chỉ đàn ông hai, ba vợ.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Lên núi hái chè**

Hôm qua lên núi hái chè,  
Gặp thằng phải gió nó đè em ra,  
Em lậy nó cũng chẳng tha...  
Em càng nhúc nhích nó càng vào sâu,  
Váy em nó tốc ngang đầu,  
Vú em nó bóp bầu dậu nó chơi...

(Bầu dậu: thời xưa những người đi bán hàng rong hay đựng dậu trong những cái bao da mềm)

### **Muốc sang thì bắc cầu kiều**

### **Muốn con hay chữ phải yêu lấy thầy**

Sang: sang đây không phải là sang sông mà là sang trọng.

Cầu kiều: cầu nổi bắc qua sông.

Cầu nổi bắc qua sông vừa *sang* vừa tốn kém, không dễ thực hiện. Con học giỏi là nhờ thầy, vì “không thầy đổ mầy làm nên”, nên cha mẹ phải biết ơn thầy.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Một trong triệu chứng nhận ra mình đã... “già”**

Ngung nhỏ tóc bạc.

### **Gà mở cửa mả**

Theo phong tục xưa khi chôn ai được ba ngày thì rước thầy cúng

*Lễ mở cửa mả.* Lễ vật ngoài hương đèn, hoa quả còn bộ tam sên:

- Trứng, con cua luộc và miếng thịt ba rọi

- Và một con gà mái còn sống.

Con gà này được buộc giây vào một chân rồi dắt đi quanh mả.

Sau đó thả gà cho đi đâu thì đi. Gà phải đơ/i làm lễ, vừa bơ vơ,

vừa mệt nên ngơ ngơ không biết đi đâu nữa.

Ngụ ý câu thành ngữ trên chỉ những người lúc nào cũng ngơ

ngơ, ngác ngác như...gà mở cửa mả.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

## **Mỗ giáp**

Mỗ giáp : chúng tôi – ngôi thứ nhất  
(ây vậy nay *mỗ giáp* kính lễ)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## **Một trong triệu chứng nhận ra mình đã...”già”**

Thích người khác để ý và săn sóc mình nhiều hơn xưa..

## **Chữ nghĩa với ca dao**

Hỏi cô yếm thắm bùa đeo  
Bác mẹ có bán anh mua nửa người  
Anh mua từ rón đến đùi  
Từ bụng đến mặt, mặc trời với em

Vú em chum chúm chũm cau  
Cho anh rờ thử có đau anh đèn  
Vú em chỉ đáng một tiền  
Cho anh rờ thử anh đèn năm quan

## **Nhất kiến như cựa thức**

Kiến: thấy – Cựa: xưa – Thức: biết  
Thành ngữ Hán Việt đây hiểu là cơ may lần đầu gặp người

như “Bá Nha Tử Kỳ”, làm như đã biết nhau từ lâu lắm rồi.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

## Hennessy



Hãng có nhãn hiệu: “Cánh tay vung búa rìu” (Coast-of-arms: an arm and broadax), Bras Arm (cánh tay bạc) tương đương với VSOP và Bras d’Or (cánh tay vàng) tương đương với VS.

Hennessy ra đời trễ nhất nhưng lại có 4 ruộng nho lớn nhất vùng

Cognac.

Hãng do Sir Corkman Richard Hennessy thành lập năm 1865. (trong hãng Hennessy có 2 hãng hạng trung nhập vào là Moët và Chandon)

Hennessy là chai rượu được Thomas Jefferson khui trong ngày ký Bản tuyên ngôn độc lập.

(Nguồn: Nhật Vy)

**Một trong triệu chứng nhận ra mình đã...”già”**

Vẫn mê ăn phở, nhưng thích bánh phở thật là mềm.

### **Chữ nghĩa với ca dao**

Một ngày ba bận trèo đèo,  
Vì ai vú xẹp, lưng teo hỡi chàng?

Ai đòi chồng thấp, vợ cao,  
Ờ vú không tới lấy sào mà quơ.

### **Rượu...“ngoại”**

Ngoài 4 hãng trên còn những hãng nhỏ và mới thành lập là:

Camus, Otis, Delamain, Baluuet, Hin, Otard, Comandon, Napoléon, v...v...

Ngoài ra đề...“khuyến mại”, có một số hãng rượu nhỏ tạo những đặc thù riêng như Croizet Inconnu, Frapin Chateau de Frontpoint chỉ giới hạn 2000 chai mà thôi, không bán nguyên thùng, không bán ở Paris, muốn mua phải tới tận nơi.

Phụ đính: Trước kia trong “gia phả” Rémy Martin...”cấm” không được xuất cảng rượu của mình sang Anh và Mỹ.

Rémy Martin có một loại rượu chỉ sản xuất 12000 chai một năm. Trong khi Courvoisier cũng có loại rượu 7000 chai một năm.

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Chim khôn chim ngẳng cao đầu  
Bướm khôn bướm đậu trên đầu con chim

### **Một trong triệu chứng nhận ra mình đã...”già”**

Rất thích câu: "đạo này trông bác trẻ và ốm hơn năm trước".

### **Nón không quai như thuyền không lái**

Nghĩa bóng câu thành ngữ này là có âm có dương, đàn bà phải có chồng, đàn ông phải có vợ.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Dạy dĩ vên xống, dạy ông cống vào tràng, dạy bà lang bốc thuốc

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao, thành ngữ)

### **Một trong triệu chứng nhận ra mình đã...”già”**

Hay hỏi thăm tin tức các cụ cùng tuổi xem "còn khoẻ hay không".

## Nồi bả quăng ra, nồi ba quăng vào

Các cụ ta xưa dùng nồi đồng để nấu cơm. Nồi nhỏ nhất là nồi một, nồi hai, nồi ba..rồi đến nồi mười (hay nồi bung).

Nghĩa bóng câu thành ngữ trên chỉ nhà đông miệng ăn, nấu bao nhiêu cơm cũng không đủ.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

## Cách làm rượu Cognac (1)



Trước hết lấy rượu vang trắng đổ vào nồi lớn đun sôi cho bốc hơi. Hơi rượu chạy qua một hệ thống ống xoắn nằm trong một thùng nước lạnh. Hơi rượu nóng gặp lạnh đọng lại thành giọt và chảy vào thùng khác thành rượu khoảng 40 độ.

(nhưng phải “chưng” hay “cất” 2 lần để được 80 độ Proof)

(Nguồn: Lê Văn)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Bướm chim là chuyện đời thường  
Chim bay, bướm lượn vẫn vương suốt đời

### **Nợ như tổ đĩa**

Tổ đĩa: không phải tổ con đĩa mà là một loại cây mọc cạnh bờ ao, lá xơ xác. Người ta ví câu này với người nghèo nên mang nợ.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Bướm rùng như chiếc lá đa  
Bướm nhà như chiếc bàn là Liên Xô

### **Nốt ruồi ở cổ, có lỗ tiền chôn**

Tùy theo nốt ruồi ở đâu ảnh hưởng đến số mạng, như nốt ruồi “vượng phu ích tử” hay sát phu, sát thê. Riêng nốt ruồi ở cổ, theo các cụ ta xưa là người có tướng giàu sang.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Đấu tranh tức là đánh trâu , nhưng đánh trâu rui

bị trâu đánh thì biết tránh đầu.

### **Nước mưa cửa trời**

Mưa nhỏ gọt như mưa lâu ngày cũng hư hại nhà cửa, mùa màng. Ngụ ý câu thành ngữ “nước mưa cửa trời” khuyên người ta đừng nên coi thường những việc nhỏ nhặt, qua thời gian, lập đi lập lại để “cái sậy nảy cái ung”.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Một trong triệu chứng nhận ra mình đã... “già”**

Ngại lên xuống thang lầu vì sợ té

### **Cách làm rượu Cognac (2)**



Khi cất rượu xong đổ vào thùng gỗ sồi, sau vài năm rượu sẽ dần dần chuyển qua màu vàng vì được thấm nhựa gỗ sồi mọc ở rừng Limousin. Nhựa gỗ sồi của Pháp loại Limousin thơm hơn Mỹ (Oak), ngoài ra

thứ gỗ có chất “tannin” là chất đắng của cây. Chính chất này tạo lên mùi vị Cognac không nơi nào có được. Đồng thời sau mười năm chất alcohol dịu bớt đi (VSOP) không gắt như ban đầu (VS).

(Nguồn: Lê Văn & Nhật Vy)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

#### 54. tự vị 字彙

Soạn giả vẫn giảng giải sai rằng, vị nghĩa là nói, tuy ông cũng biết rằng, tự vị cũng là tự điển. Ở Trung Quốc, ít khi người ta gọi tự điển là tự vị. “Tự vị” 字彙 (phải đọc là tự hội mới đúng) vốn là tên bộ tự điển của Mai Ứng Tộ thời Minh, thu thập 33 179 chữ. Đó là bộ tự điển chữ Hán lớn nhất trước khi có bộ Tự điển Khang Hy (ấn hành năm Khang Hy thứ 55, tức là năm 1717, thu thập 47 035 chữ).

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### **Một trong triệu chứng nhận ra mình đã... “già”**

Đi đứng năm ngời chậm lại

## **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Người sáng chói là...người sỏi trán.

## **Tình cà**

Anh cà từng nên quen em cà chớn  
Anh cà phê, cà pháo, em cà chua  
Tình cà giựt cà rem phơi nắng trưa  
Em cà khịa đòi anh mua cà rá

## **Một trong triệu chứng nhận ra mình đã... “già”**

Cứ hai, ba giờ là đứng dậy đi tiêu.

## **Nguồn gốc rượu Cognac (1)**

Nếu không nhờ người lái buôn rượu Hoà Lan tên Den Helkenwijk thì không có rượu Cognac:



Ông lái rượu này mua rượu nho trắng của Pháp chở bằng thuyền về Hoà Lan để bán.

Ngày kia ông tính toán thấy lỗ vốn vình thùng toneaux công kên, ông nghĩ mình làm cách nào ít nước để dễ chuyên chở, khi về...nước pha thêm...nước. Thế là ông nhờ lò rượu “chung cách thủy” lại dùm ông. Tiếng Hoà Lan gọi là Brandewijin, nghĩa là “burnd-wine” tức “đốt rượu”.

Từ đó dân uống rượu có từ....“Brandy”.

(Nguồn: Nhật Vy)

### **Chử nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Bắt nguồn một từ Việt gốc Hán “*chiêm*”, nghĩa là nói liên thoáng hoặc nói sáng trong khi bệnh.

Ta có...chiêm bao.

(Phan Trọng Hoa – Thành ngữ, tục ngữ khó hiểu)

### **Ốc chưa mang nổi thân ốc Mà còn đòi làm cọc cho râu**

Ý nói những người có tính đa mang: Thân mình còn lo chưa xong mà còn hòng đèo bè người khác.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Tình cà**

Anh cà rề chờ đón em mỗi tối  
Cùng sánh vai cà thọt tới cà ri  
Em cà sàng lại chỉ muốn ăn mì  
Đành cà rịch cà tang đi quán khác

### **Ở nhà biết ma đau mắt**

Xưa nay nhiều người nói chuyện về ma nhưng chưa thấy ma bao giờ. Ấy vậy mà có người “ở nhà biết ma đau mắt” ám chỉ cái tính khóac lác.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Cơm - Phở (1)**

Sáng đèo cơm đi ăn phở  
Trưa hăm hờ rước phở đi ăn cơm  
Chiều cơm về nhà cơm, phở về nhà phở  
Tối nằm với cơm, nghe thơm mùi phở

### **Quân tử ứ hự đã đau**

### **Tiểu nhân dùi đục đập đầu như không**

Ứ hự: lời phiến trách bóng gió.

Với người quân tử trong giao tiếp, nếu phạm một lỗi lầm nhỏ nào đó, cảm thấy không người ngoài. Trái

lại, tiểu nhân bị lỗi dẫu có bị đánh đau, nhưng hết đau là hết...thắc mắc.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Nguồn gốc rượu Cognac (2)**

Lái buôn rượu Den Helkenwijk nhờ chủ lò rượu đun rượu vang trắng đến nhiệt độ 78 độ C (173 độ F) thì rượu chát bốc thành ethyl – alcohol. Hơi nóng cách thủy thành một loại rượu mạnh. Chính ông lái rượu và chủ lò uống ly đầu tiên thấy quá đã. Nhưng muốn đủ độ (hay...đủ đô) để trở thành “Brandy” phải cất thêm một lần nữa. Lần này uống xong, khà một cái và...khà vào lò, lửa phụt cháy...Từ đó dân uống rượu có từ ...Cognac.

(Nguồn: Nhật Vy)

### **Một trong triệu chứng nhận ra mình đã... “già”**

Mở báo đọc hay tìm trang cáo phó đọc trước.

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Đừng mơ hão cho...hao mỗ.

**Ra đi gặp vịt thì lừa**

**Gặp duyên thì kết, gặp chùa thì tu**

Câu thành ngữ chỉ những người không định hướng, mặc cho dòng đời cuốn trôi đến đâu thì đến.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Một trong triệu chứng nhận ra mình đã... “già”**

Nhìn gương thường xuyên, để ý đến chân dung nhiều hơn.

### **Cơm - Phở (2)**

Vợ là...“cơm nguội” của ta  
Nhưng là...“phở tái” của cha láng giềng!!!

### **Rao mỗ không bằng gỗ thốt**

Nếu như làng vật trâu bò ra cồng lể, dao thốt khía chí chát, thì không cần mỗ rao người ta cũng kháo nhau ra cả sân đình. Câu thành ngữ “rao mỗ không bằng gỗ thốt” ám chỉ những người háu ăn.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Một trong triệu chứng nhận ra mình đã...”già”**

Nói chuyện hay kể chuyện bệnh và chỉ nhau thuốc trị bệnh.

### **Độ rượu Cognac**

Người Pháp dùng loại cân rượu Gaylussac, độ ghi 40 độ G.L. (Gaylussac) nghĩa là 40 độ alcohol. Người Anh họ dùng chữ “proof” nghĩa là rượu mạnh đến độ nào đó (?). Bằng cách họ pha thêm chút diêm sinh, tức thuốc súng, gốc là ‘Sulfur’. Họ tính đúng theo cân lượng rồi bật diêm cháy cái bùm. Trên vỏ chai họ ghi 100 proof British tương đương với 57% alcohol.

(Ví dụ: Pháp ghi 40 độ G.L. thì Anh ghi 70 proof British)

Qua tới Mỹ 70 proof British thì được ghi là....80 proof U.S.A.

(Nguồn: Nhật Vy)

### **Cơm - Phở (3)**

Chồng em không thích ăn quà  
Đi đâu cũng thích về nhà ăn cơm  
Con bò trộn kiếp nhai rơm  
Chồng em trộn kiếp...“nhai” cơm ở nhà

### **Độ rượu alcohol**

Vodka hay rượu đế : từ 45 đến 50 độ.

Gin: từ 34 đến 47 độ.

Cognac hay Brandy: 40 độ.

Tequila: 40 độ.

(Nguồn: Mùng Giang)

### **Tai vách mạch dừng**

Mạch dừng: mạch là kẻ hở - Dừng: tấm vách.  
Trong kinh thi có câu :“Nhĩ thuộc vu viên” có nghĩa là tai nghe qua bức vách. Vách tuy không có tai, nhưng lại có người rình nghe.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Tên và tuổi (1)**

VS, VSOP hay XO là những chữ viết tắt để định giá tuổi rượu tùy theo hãng rượu.



(Remy Martin V.S.O.P)

VS viết tắt của chữ Very Special. Tuổi “thọ” từ 3 đến 5 năm.

VSOP viết tắt của chữ Very Superior Old Pale (Pale đây là màu lợt của loại rượu hảo hạng). Tuổi “thọ” từ 7 đến 10 năm.

XO viết tắt của chữ Extra Old. Tuổi “thọ” từ 20 năm trở lên.

Rượu không định được tuổi...có tên là Age Inconnu.

(Theo quy định của hệ thống kiểm soát chất lượng vùng Cognac phải được ngâm ủ ít nhất là 3 năm trong thùng gỗ sồi mới được gọi là Cognac và chỉ mang ra thị trường loại ngâm ủ từ 5 năm trở lên mà thôi).

### **Tiếng lóng hiện thực**

Ăn chơi sợ gì mưa rơi

### **Tăn hăn tó hó như nhà khó được của**

Ý câu tục ngữ này ám chỉ người tính xốc nổi, lãng xãng quá đáng.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

56. viễn phó 遠浦

Soạn giả giải thích rằng, viễn = xa, phó = chỗ bán hàng, nhà trạm; và viễn phó = nơi ở xa. Rồi ông

trích dẫn câu thơ Gác mái, ngư ông về viễn phố... của Bà huyện Thanh Quan. Ông không hiểu rằng, ở đây, phố 浦 nghĩa là cửa biển chứ không phải phố 鋪 là cửa hàng. Viễn phố 遠浦 nghĩa là cửa biển ở xa. Chắc là Bà huyện Thanh Quan ở thế giới bên kia phải hết sức phẫn nộ và vô cùng đau lòng cho đất nước nếu bà biết rằng, có một nhà biên soạn từ điển tiếng Việt (rất có thể đó là một giáo sư từng được trọng vọng) ở đầu thế kỷ XXI đã không biết chữ Hán lại còn dám giảng giải thơ của bà như thế.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### **Tình cà**

Em thù anh đi lên đèo Cà Ná  
Anh buồn tình xuống tận xứ Cà Mau  
Cà nhỏng hoài chưa tìm được tình sau  
Thân cà tong cà teo sầu... cà chón

### **Sáng rửa cưa, trưa mài đục, tối rủ nhau về**

Thợ làm việc ăn công ngày, mà “Sáng rửa cưa, trưa mài đục, tối rủ nhau về” như vậy thì còn thì đâu làm việc.

Câu tục ngữ trên ám chỉ người làm công chỉ rề rà công việc.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Khoái ăn sang nên ... sáng ăn khoai.

### **Tâng hẳng như chó bị mất dai**

Chó bị thiếu thì hiền, nhưng gặp chó cái vẫn nhảy đực nhưng cụt hứng chạy về nhà. Am chỉ người bị mất bỗng lộc nên mặt ngờ ngẩn, bực bội.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Địch – Ta (1)**

Vợ ta là địch.  
Bồ bịch là... "ta"  
Đám cưới, đám ma  
Ta đi với địch

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Hộ khẩu là hậu khổ.

### **Tiếng lóng hiện thực**

Cực như con chó mực

### **Tinh cây đa, ma cây gạo**

Cây đa, cây gạo cả trăm năm, có tinh hay ma, mặc dù chẳng ai nhìn thấy. Tức chuyện viên vông, tin không được.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Tuổi già cảm cảnh (1)**

Chúng ta rồi cũng sẽ già  
Sẽ lên óc tử ngắm gà sexy  
Vậy nên sống thật chút đi  
Đừng nên giả dối ăn gà mất ngon.

### **Trai thương vợ nắng quái chiều hôm**

Nắng quái chiều hôm: Nắng cuối ngày, ám chỉ tuổi già, tuổi xế chiều của đời người.

Đàn ông xưa lo việc nông tang nên không có thì giờ săn sóc vợ.

Chỉ khi lúc về già, sức tàn lực kiệt các ông mới được nghỉ ngơi, mới gần gũi chăm lo cho nhau.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Tên và tuổi (2)**

Tuỳ theo hàng giữa VSOP và XO có một loại rượu đặc biệt với tuổi rượu năm giữa tức từ 10 đến 20 năm, như:

Martel: Cordon Bleu

Rémy Martin : 1738 Accord Royal

(Vì năm 1738 được vua Louis XV chọn là rượu tuyệt hảo)

Courvoisier : Le Cognac de Napoléon

Hennessy : Bras d'Or (Cánh tay vàng)

(Chai này năm 1817, vua George IV chọn là rượu tuyệt hảo)

### **Tiếng lóng hiện thực**

Ăn chơi sợ gì mưa rơi

### **Địch – Ta (2)**

Khi đi du lịch

Ta đi với... "*ta*"

Có chuyện xảy ra

Ta về với địch

### **Tiếng lóng hiện thực**

Đen như con mèo hen

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Nam màn sơ sơ, Bắc nằm nây nệ  
Bắc mắt lệ trào, Nam chảy nước mắt  
Bắc nói úi chà, Nam kêu ui da  
Bắc bước vào kia, Nam đi vô trồng

### **Tiếng lóng hiện thực**

Đơn giản như đan rỏ

### **Trần ai khoai củ**

Trần ai: côi đời.

Thành ngữ “trần ai khoai củ” chỉ sự chật vật, khôn khổ khi làm một công việc gì, khác gì củ khoai lăn óc trên mặt đất.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Tuổi già cảm cảnh (2)**

40 tuổi là trẻ con  
50 mới lớn vẫn còn bé tí  
60 là tuổi dậy thì  
65 hết tuổi thiếu nhi

### Tên và tuổi (3)

Trên XO, mỗi hãng có vài chai đặc biệt tuổi rượu từ 45 năm trở lên và rất đắt tiền với những tên thường là: Extra hay Or...

Vì mỗi hãng có vài chai thượng hảo hạng nên dưới đây chỉ là một trong những tên tượng trưng:

Martell: Extra Vieille Martell

(Rượu này chỉ giới thượng lưu quý tộc được mua mà thôi. Nhưng phải mua tại lò).

Remmy Martin: Louis XIII

Couvoisier: Extra Vieille

Hennessy: Paradis



### Chũ nghĩa lơ mơ lố mỗ

Nam kêu vạc tre, Bắc là cái chõng

Nam trả treo, Bắc lý luận ngược xuôi

Nam biểu vui ghê, Bắc nói buồn cười

Bắc chỉ thế thôi, Nam là vậy đó

### Tuổi già cảm cảnh (3)

70 là tuổi mới đi vào đời  
75 là tuổi ăn chơi  
80 là tuổi yêu người yêu hoa  
85 đêm nằm vẫn cứ mận mà yêu đương

### Địch – Ta (3)

Vợ là địch  
Bồ bịch mới là ta  
Khi chiến sự xảy ra  
Ta buộc về với địch  
Rục rịch ta nhớ ta

### Tri nhân, tri diện bất chi tâm

Câu thành ngữ Hán Việt này ám chỉ: Biết người, biết rõ mặt, nhưng phải đợi thời gian mới hay biết tâm địa người ta.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

1. anh vũ 嬰烏武烏

Theo soạn giả, anh nghĩa là tên chim, vũ nghĩa là con vẹt, và anh vũ nghĩa là con vẹt. Rồi ông nêu thêm từ cá anh vũ và cho biết rằng, đó là một giống cá nước ngọt ở ngã ba Hạc. Quả thật, anh vũ 鸚鵡 nghĩa là chim vẹt, nhưng các từ điển chữ Hán từ xưa đến nay đều không hề giải thích nghĩa của các từ tố anh 鸚 và vũ 鵡, vì nếu chúng đứng tách khỏi nhau thì không có nghĩa gì cả, và chỉ khi đi liền với nhau mới có nghĩa là con vẹt. Soạn giả đã quá mạnh dạn gán cho mỗi từ tố ấy một nghĩa. Ngoài ra, nếu trong tiếng Hán cũng có từ anh vũ để chỉ một loài cá nước ngọt thì dạng chữ Hán của hai từ tố này cũng khác hẳn với hai chữ anh vũ trên đây, và tất nhiên, trong trường hợp này, vũ không thể có nghĩa là con vẹt.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### **Tiếng lóng hiện thực**

Dốt như con rôi

### **Trơ trơ như sỏ lợn nhìn thầy**

Thầy cúng, thầy pháp bao giờ cũng đòi hỏi gia chủ cúng cái sỏ lợn. Cái sỏ lợn, (cũng như gia chủ) lỗ mắt nhìn thầy, nhìn vào cái tâm địa của thầy bày vẽ để có miếng ăn.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Theo ý riêng của tôi, sự phân biệt hai phạm trù “kể lại nội dung”, “viết nội dung” là một mặt quan trọng trong sự đánh giá tình trạng văn xuôi hiện nay. Tôi hiểu như thế này : *“kể lại nội dung” chỉ quan tâm đến việc: kể cái gì.* Còn *“viết nội dung” còn quan tâm đến mặt: kể như thế nào.* “Kể lại nội dung” dễ đưa văn xuôi trôi trượt theo văn đưa tin, loại văn này bao giờ cũng có độc giả của nó, nếu đưa tin những chuyện có ý nghĩa giáo huấn sẽ được đánh giá là cần thiết, có ích, kịp thời..., nếu đưa tin những chuyện giạt gân có khi sẽ được công chúng rộng rãi mến mộ. *Trong văn xuôi “viết nội dung”, sự kết hợp “viết cái gì” và “viết như thế nào” tạo ra sức căng cho câu văn, mạch văn, làm cho câu văn có giọng, có hồn, không bị “bẹt”, bị ỉu sù.*

(“Kể lại nội dung” và “Viết nội dung” – Hoàng Ngọc Hiến)

### **Nói lái : Ít ly**

Nói lái trong tiếng Việt có tự nghìn xưa, phong phú và đa dạng. Đang nhậu tới bên mà được hỏi thì: “ít lắm, chỉ mới lai rai *“ít ly”* thôi. *“ít ly”* thôi nên tạm hiểu là mới uống đúng *“y một lít”*. Vậy là...ít lắm!

### Địch – Ta (4)

Trong đêm tịch mịch  
Nằm ngủ ta mơ  
Bồ bịch là... "ta"  
Tỉnh ra sáng dậy

### Le Cognac de Napoléon (1)

Hãng của ông Felix Courvoisier thành lập năm 1843. Vì chủ hãng rượu Courvoisier là ông Felix Courvoisier không có con trai nên sau khi mất bán cho người Anh (1909).



Người Anh dùng nhãn hiệu Napoléon qua chuyện: Năm 1811, Trung úy pháo binh Napoléon thăm hãng rượu Courvoisier ở Berey và yêu cầu hàng cung cấp rượu cho cuộc vận động (campaign) của ông. Tiếp đến, Napoléon bị đày ra đảo St Hélène 1828, ông yêu cầu chở theo mấy thùng Courvoisier.

Các sĩ quan Anh chở rượu trên chiến hạm HMS Northumberland gọi là: “The Cognac of Napoléon” (Le Cognac de Napoléon).

### **Tuổi tác già cảm cảnh (4)**

90 ra đường gặp ả môi hồng mắt chớp chớp vẫn còn  
như xưa  
95 chưa phải là vừa...  
100 là tuổi làm nhà.  
Trên trăm là tuổi... mặn mà hồi xuân.

### **Tử như tâm phúc chi ngôn**

Người say hay nói thật.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Tiếng lóng hiện thực**

Ghét như con bọ chét

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Nam làm giỏ tre, Bắc đan cái rọ  
Nam muỗng cà phê, Bắc gọi cái thìa  
Nam muỗng canh, Bắc gọi cái cùi dĩa  
Nam đi tuốt, thì Bắc là xa mãi

### Tiếng lóng hiện thực

Đói như trái chuối

### Chữ và nghĩa

Trời nắng rồi trời lại mưa,  
Tính nào tật nấy có chừa được đâu.

### Tiếng lóng hiện thực

Im như con chim

### Địch – Ta (5)

Sáng dậy tỉnh ra  
Nằm cạnh bên ta  
Tưởng ngủ với... "ta"  
Té ra là địch.

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Nam nói dai, Bắc cho là lải nhải  
Nam kêu xe hơi, Bắc gọi ô tô  
Nam xài dù, thì Bắc lại dùng ô  
Nam đi trốn, Bắc cho là lánh mặt

### Rượu Napoléon (2)

Không biết vì lý do gì, hãng rượu Martell có chai Napoléon Special, Remmy có chai Napoléon. Cả hai đều nằm giữa VSOP và XO, tuy nhiên hai chai này ít thấy. Trừ chai The Cognac of Napoléon của Courvoisier có tuổi rượu từ 15 đến 34 năm.

Ngoài ra còn một hãng rượu nhỏ tên Napoléon. Hãng rượu Napoléon còn dưới cấp những hãng nhỏ như Camus, Otis, Delamain, Hin, Otard, v...v...



Hãng rượu tên Napoléon được nhiều người nhắc đến vì...rẻ tiền.

**Tiếng lóng hiện thực**

Già như quả cà.

### **Địch – Ta (6)**

Bồ bịch mới là ta  
Khi chiến sự xảy ra  
Ta buộc về với địch  
Rục rịch ta nhớ ta

### **Tiếng lóng hiện thực**

Lạnh lùng con thạch sùng

### **Chữ và nghĩa**

Hai tay cầm hai quả hồng,  
Quả chát phần chồng, quả ngọt phần trai.  
Đêm nằm vuốt bụng thờ dài,  
Thương chồng thì ít thương trai thì nhiều.

### **Tiếng lóng hiện thực**

Ngắt ngậy con gà tây

### **Nảy**

Nảy: sinh ra, mọc ra  
(giậu thu vừa nảy gió sương)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

### 2. bàn hoàn 盤桓

Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du đã hai lần sử dụng từ bàn hoàn 盤桓 với hai nghĩa khác nhau. Ở câu 711-712:

Nỗi riêng, riêng những bàn hoàn,  
Dầu chong trắng đĩa, lệ tràn thấm khăn.

thì bàn hoàn nghĩa là vương vấn khôn nguôi, không dứt bỏ được. Nhưng ở câu 2399-2400:

Nàng rằng: “Thiên tải nhất thì,  
Cố nhân đã dễ mấy khi bàn hoàn...”

thì bàn hoàn lại có nghĩa là quấn quýt bên nhau.  
Từ bàn hoàn 盤桓 có hai nghĩa như vậy.

Theo soạn giả, từ bàn hoàn có hai nghĩa: a) quanh quẩn không dứt ra được; b) quấn quýt với nhau. Giải thích như thế cũng tạm được. Tuy nhiên, theo chúng tôi, nên nói là “vương vấn khôn dứt ra được”, bởi vì “quanh quẩn” thì có vẻ hữu hình quá, mà từ bàn

hoàn thì chủ yếu là để diễn tả một trạng thái tâm lý, tình cảm.

Nhưng khi cắt nghĩa các từ tổ thì soạn giả đã trở tài bịa đặt cho ăn khớp với định nghĩa của ông. Theo ông, bàn là quanh co, hoàn là uốn éo. Thật liêu lĩnh và vô trách nhiệm. Bàn 盤 nghĩa là vòng vèo (nếu nói là quanh co thì cũng tạm được), nhưng soạn giả đã hoàn toàn bịa ra nghĩa cho từ tổ hoàn. Chữ hoàn 桓 này có các nghĩa như sau: a) cột gỗ dựng bên cạnh các dịch trạm (tức là trạm chuyên công văn) hoặc các công thự để quy định vị trí đứng đợi; b) tên một loài cây thuộc họ bồ hòn; c) to lớn. Như vậy, từ bàn hoàn 盤桓 có nghĩa ban đầu là đi lại quanh quẩn cái cột mốc để mong ngóng. Về sau, nó có nghĩa mở rộng là bồi hồi, vương vấn, và quán quýt.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

## Cordon Bleu



Chai Cordon Bleu được khai sinh năm 1912.

Tuổi rượu là 25 năm.

## Chữ và nghĩa

Tục lệ miền Nam ngày Tết bày mãng cầu, dừa, đu đủ và xoài.

Với năm mới, đọc theo giọng miền Nam: cầu vừa đu xài.

## Bài thơ Bên kia sông Đuống

Bài thơ *Bên kia sông Đuống* được Hoàng Cầm viết tại làng Thượng, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, vào một đêm rét nằng Bân giữa tháng 4-1948. Đêm đó, nghe tin Pháp đã chiếm các huyện bờ nam sông Đuống, Hoàng Cầm cảm nhận thế nào? Qua hồi ký *Sông Đuống bắt nguồn từ đâu?* in trong sách *Văn xuôi Hoàng Cầm* nhà thơ nhớ tâm trạng thuở nào:

“Tôi càng nghe, bụng dạ càng cồn cào xao động. Có lúc hình như tôi muốn bật khóc, có lúc ngồi nghe mà cứ run run lên vì căm giận và thương cảm, có lúc người tôi choáng váng suýt ngã”.

Quay lại toà soạn, Hoàng Cầm thắp đèn dầu sớ, phóng bút chì lên liếp giấy kê trên chiếc bàn gỗ ọp ẹp:

*Em ơi! Buồn làm chi  
Anh đưa em về sông Đuống  
Ngày xưa cát trắng phẳng lì*

Một số tài liệu cho rằng Hoàng Cầm vừa khóc vừa sáng tác *Bên kia sông Đuống*. Chi tiết nọ không đúng sự thật. Nhà thơ xú quan họ kể: “Rất xúc động lúc làm bài thơ ấy, nhưng tôi không khóc. Người khóc là độc giả đầu tiên của *Bên kia sông Đuống*: nhà văn Nguyễn Hồng”.

(Phanxipăng - Diêu bông rụng xuống lòng sông Đuống)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Nam la hơi mác, Bắc là khá dất  
Nam mần ăn, thì Bắc cũng kinh doanh  
Nam chối lòng vòng, Bắc bảo đối quanh  
Nam biểu từ từ, Bắc khuyên gươm lại

### **Chữ và nghĩa**

Sông bao nhiêu nước cũng vừa,  
Trai bao nhiêu vợ cũng chưa vừa lòng

### **Tiếng lóng hiện thực**

Ngốc như con ốc

### **Chữ và nghĩa**

Buồn tình nằm ngửa chình inh,  
Không ai nằm úp lên mình cho vui.

## **Louis XIII**



Chai Louis XIII của hãng Remy Martin với tuổi rượu 50 năm với giá trung bình trên dưới 1500 USD với vỏ chai làm bằng pha lê. Nguyên vỏ chai pha lê này giá khoảng 300 hay 400 đô la, vì họ đúc pha lê nguyên khối của nhà Baccarat.

Tuy nhiên tùy theo “mark” ở dưới đáy chai (như ấu cổ của Tàu) với những ký hiệu khác nhau, có chai Louis XIII từ 3000 đô la và có thể hơn tùy theo năm. (Louis XIII mất năm 1643)

## **Nặ**

Nặ: đậm đặc  
(*thơm nặ, nặ mùi rượu*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## **Tiếng lóng hiện thực**

Sành điệu củ kiệu

## Chữ và nghĩa

Tiệc công khổ cực nuôi cu,  
Cu ăn, cu lớn, cu gù, cu đi,

## Nậy

Nậy: to, lớn  
(heo nậy, bò nậy)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Hát ca trù (1)



Hát ca trù hay nhà trò, hát ả đào, hát cô đầu, hát nhà tơ, theo nhiều tài liệu văn bia, thư tịch cổ xuất hiện ở nước ta từ thời Lý. Năm Thuận Thiên thứ 16 (1025), vua Lý Thái Tổ đặt chức quản cho giới con hát. Tuy nhiên phải đến thời Hồng Đức (1470–1479), nghệ thuật hát ca trù mới chính thức được hoàn thiện về

cơ cấu nghệ thuật, đến không gian trình diễn thường gọi là Hát cửa đình.

Những hát nói, hát ru, hát sấm từ hát ca trù mà có.

(Nguồn: Bùi Đệp)

### **Tiếng lóng hiện thực**

Phê như con tê tê

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Tương tư chẳng ôm cũng sầu  
Con ruồi đậu mép chẳng đau cũng buồn

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao, thành ngữ)

### **Hát cô đầu (1)**

Dù có tinh thần bài Trung Hoa nặng đến đâu chăng nữa, tôi nghĩ ta cũng phải nhận rằng người Việt Nam, từ mấy ngàn năm, đã học tập rất nhiều thứ của người Trung Quốc, trong số có “nghề chơi” là một. Hát ả đào, hay hát cô đầu ở nước ta, là một biến thể của nghề ca kỹ ở Trung Quốc. Hình ảnh đậm nét nhất, gây ấn tượng nhất của những nàng ca kỹ Trung Hoa là hình ảnh và tâm sự người thiếu phụ bên Tầm Dương, do Bạch Cư Dị vẽ lên và để lại, sống mãi trong thơ văn từ hơn ngàn năm trước đến nay.

Hai ông Đỗ Bằng Đoàn, Đỗ Trọng Huề, trong quyển Việt Nam Ca Trù Biên Khảo, viết:

“Lôi hát ả đào có từ thời nhà Lý. Năm Thuận Thiên thứ 16 – 1025 – Vua Lý Thái Tổ đặt chức quản giáp cho giới con hát. Trong đời nhà Lý, có Tống Đạo sĩ là người nước Tàu sang ngụ nước ta, dạy con gái nước ta múa hát.

“Cuối đời nhà Hồ (1400-1407) có người con hát họ Đào, quê ở làng Đào Xá, Hưng Yên, lập mưu giết được giặc Minh. Khi nàng chết, dân làng nhớ ơn lập đền thờ, gọi thôn nàng là thôn Ả Đào. Từ đấy, những cô gái đi hát được gọi là Ả đào, hoặc Đào nương.”

(Hình ảnh đàn bà trong thơ xưa – Hoàng Hải Thủy)

### **Chữ nghĩa với ca dao dân gian**

Ông lão chống gậy lù khù  
Hỏi thăm bà lão “tiệm” mu nơi nào  
Bà lão mới sẽ thì thào  
Đi qua “quán” rón thì vào “tiệm” mu

### **Chữ và nghĩa**

Buồn tình chẳng muốn nói cười,  
Bởi thương vợ người không được thì thôi.

## **Đàn đáy (2)**



Đàn đáy là nhạc khí đặc trưng trước kia chỉ dùng để đệm cho một thể loại hát duy nhất với hai nhánh mà ngày nay người Việt thường gọi là Hát cửa đình và Hát ả đào (hoặc Ca trù). Chỉ nam giới mới chơi nhạc cụ này. Có lẽ đàn được sáng tạo từ thế kỷ 15.

Âm sắc trầm, đục, ấm nhưng ngắn của đàn đáy tạo nên sự tương phản làm nổi bật âm sắc của những người bạn hòa tấu với nó.

Bởi tính chất khiêm tốn, nhũn nhặn của tiếng đàn trong khi đệm cho hát, có người đã ví đàn đáy như một “triết gia ẩn dật”.

(Nguồn: Bùi Đệp)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

#### 3. bàng hoàng 彷徨

Theo cách dùng của chúng ta ngày nay, bàng hoàng nghĩa là choáng váng, không ổn định tâm thần. Soạn giả đã nêu được định nghĩa đúng cho từ bàng hoàng theo cách hiểu của người Việt Nam hiện nay. Nhưng khi giải thích nghĩa của các từ tởbàng và hoàng thì soạn giả lại suy luận một cách tùy tiện, vì không biết mặt chữ nên không hiểu nghĩa của chúng. Theo ông, bàng = ở bên, bất định; và, hoàng = nghi hoặc. Nhưng trong tiếng Hán, từ bàng hoàng được viết là 彷徨 và có nghĩa là đi tới đi lui, bồi hồi do dự. Chữ bàng 仿 trong bàng hoàng 彷徨 khác hẳn chữ bàng 旁 nghĩa là ở bên cạnh; nó chỉ có thể đi theo chữ hoàng 徨 để tạo nên từ bàng hoàng 彷徨. Cả hai từ tố này đều không có nghĩa nào giống như lời giảng của soạn giả.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

## **Chữ và nghĩa**

Ai xui ai khiến bất nhon  
Tui thấy vợ bạn tui thương hơn vợ nhà.

## **Đàn đáy (3)**

Vì ở thời Lý hay thời Lê âm nhạc của ta ảnh hưởng Tàu rất nhiều. Những ca trù hay ở chỗ lại không giống Tàu một chút nào. Một cây đàn đáy Tàu không có, một giọng hát Tàu không có, một cái phách Tàu cũng không có nốt. Mà không chỉ so với Tàu mà với cả thế giới thì ca trù cũng là một loại hình âm nhạc độc đáo.

Đó là có một ả đào vừa hát vừa đánh phách, tiết tấu thì phức tạp, có một cây đàn chỉ dành riêng cho ca trù, đó là đàn đáy. Đàn đáy có một đặc điểm là rất dài làm cho dây không căng lắm và dây lại chỉ được lắp từ nửa thân dưới trở xuống để có độ nhấn rung.

Thứ nữa là trống châu làm cho nhạc khúc triết. Trống châu biết chỗ nào ngắt câu, chỗ nào ngắt khổ; mặt khác, nó có một vai trò quan trọng khác mà các tống khác không có – đó là trống khen, chê. Khen một câu hát hay, một tiếng đàn hay, chê một giọng hát dở, một tiếng đàn dở..., khen, chê đồng nghĩa giải thích cho người nghe chỗ này hay đấy, chỗ kia dở đấy, thú vị không?!

## Chữ nghĩa với ca dao dân gian

Ông lão chống gậy lù khù  
Hỏi thăm bà lão “tiệm” mu nơi nào  
Bà lão mới sẽ thì thào  
Đi qua “quán” rón thì vào “tiệm” mu

## Whisky

Whisky cây từ lúa đại mạch đen. Sau năm 1830, trộn thêm bắp nên có mùi dịu hơn và cấm kỵ trộn với khoai tây hay trái cây.

Hiện có 4 Whisky nổi tiếng:

Whisky Scotch (Tô Cách Lan), Irish (Ái Nhĩ Lan), Hoa Kỳ và Gia Nã Đại.

Whisky Tô Cách Lan nổi tiếng với 2 loại Johnnie Walker (Ông già chống gậy) với loại nhãn đỏ 3 năm, nhãn đen 12 năm.

Whisky Gia Nã Đại có nhãn hiệu Crown Royal màu sậm.

Bourbon là “Whisky Mỹ” như Jack Daniel Bourbon.



(Nguồn: Mùng Giang)

## Tiếng lóng hiện thực

Tê tái con gà mái

## Chữ và nghĩa

Của chua ai thấy chẳng thèm  
Em cho chị mượn chồng em vài ngày  
Chồng em nào phải trâu cày  
Mà cho chị mượn cả ngày lẫn đêm

## Whisky

Whisky có nhiều tên khác nhau, trong đó một phần là tên loại ngũ cốc được dùng để sản xuất Whisky, thí dụ như:

Malt là loại Whisky được làm từ mạch nha.

Grain là tên loại Whisky được sản xuất từ lúa mạch mà thông thường là sử dụng thiết bị chưng cất cột được gọi là "kiểu Coffey".

Rye là tên gọi loại Whisky được sản xuất từ lúa mạch đen, ít nhất là 51%.

*Bourbon* là tên gọi loại Whisky (Mỹ) chủ yếu được sản xuất từ *bắp* (ít nhất là 51%).

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Tử vi xem số cho người  
Số thầy thì để cho ruồi nó bầu

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao, thành ngữ)

### Tiếng lóng hiện thực

Thô bỉ như con khi

### Ngầy

Ngầy: chề  
(ngầy ngà)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### Chữ nghĩa làng văn

Ông Sơn Nam chẳng hạn, mở cuốn *Tuổi già* của ông ra đọc, thấy: "râu ria *"bùm tum"* (trang 22), *"lật bật"* tới chợ" (trang 29), mất chỗ *"đùm đâu"* (trang 32)..., những chữ ấy đều không tìm thấy trong bộ *Việt Nam tự điển* của hội Khai Trí Tiến Đức.

Nhưng viết nhiều tiếng lạ thì nhà văn Sơn Nam không theo kịp nhà văn Nguyễn Ngọc Tư. Trong một cuốn *Tap văn* (3) chẳng hạn, bao nhiêu tiếng mới: cần nhân *cử như* (trang 50), *lượng swong* không biết nói chuyện gì (59), những bộ quần áo mới má *thất theo* chặt một từng lợn rau bó cải để sấm cho con (75), mưa bắt đầu *xập xoài* (76), đầu *chờ vờ* như con cá lóc gặp nước mặn (84), mặt trời *lượng bưng* lên từ phía chân trời (84), mình *cùm nùm cùm nư* lũ nó (tức lũ vịt con) (107), v...v...  
Ôi, phong phú không biết bao nhiêu mà kể.

(Viết lách – Võ Phiến)

### **Tiếng lóng hiện thực**

Tình vi sờ ti con lợn

### **Chữ nghĩa làng văn xóm chữ**

Với bài *Đi tìm lá diêu bông* của Hoàng Cầm nữ phê bình gia văn học Thụy Khuê luận:

“Lá Diêu Bông là lá gì? Bí mật. Phải chăng là lá hạnh phúc? Là tình người? Là tự do? Là lòng trinh, là nghĩa liệt? Là gì chẳng nữa thì diêu bông chắc chắn chỉ là ảo ảnh. Lá ảo ảnh, lá hư vô, lá tuyệt mù trong cõi sống.”

Đầu xuân Đinh Hợi 2007, tại Huế, qua bài *Đi tìm lá diêu bông*, nhà báo kiêm nhà thơ Ngô Minh nhận xét:

“Đọc trong văn cảnh, người ta nghĩ ngay đến chị đây là người có quyền muốn làm gì thì làm, tức là nhà nước. Còn em là nhà thơ, là văn nghệ sĩ, yêu chị mà chị không yêu cũng phải cam chịu. Muốn theo chị mà chị không cho, chị lắc đầu. Thế là vì *Lá diêu bông*, Hoàng Cầm đã phải ngồi tù 18 tháng. Nhưng thực tình *Lá diêu bông* không phải là bài thơ chống đối, không có ý gì chống đối ẩn trong đó cả, mà chỉ là bài thơ buồn, trách. Vì buồn, vì trách mà phải ngồi tù năm rưỡi ròng quả là quá oan nghiệt!”

(Lại Nguyên Ân - Trích Hoàng Cầm tác phẩm – Thơ)

### **Chữ và nghĩa**

Con quạ bay xa, bay qua vườn hoa kê chua chát,  
Con nhạn đậu lâu vàng nghỉ mát kê sương  
Nhạn kê tiếng nhạn đau thương,  
Đêm nằm nhớ vợ, ngày thường nhớ em.

### **Hát cô đầu**

Nghệ thuật múa hát ông cha ta học được của người Tàu đó truyền đến Thế kỷ 19 chia thành hai ngành chuyên biệt và chuyên nghiệp, nhiều người làm hai ngành này có thể sống được với nghề: trình diễn ca

múa trên sân khấu: chèo, tuồng, và hát trong phòng: hát ả đào.

Hát ả đào, hay hát cô đầu, có nhiều cách, thể, điệu: Hát nói, Hát ru, Gửi thư, Kể chuyện, Bồng mạc, Sa mạc vv... Không có ý chuyên khảo về đề tài Hát Ả Đào nên tôi chỉ viết thoáng qua phần này. Lời của các điệu hát giống nhau, thường là thơ lục bát, lời Hát Nói là một thể riêng.

Hát Nói là điệu ca phổ biến nhất trong những điệu ca ả đào. Các thi sĩ xưa của ta sáng tác khá nhiều bài Hát Nói. Như thể thơ Lục bát, Hát Nói là thể thơ hoàn toàn Việt Nam; trong Hát Nói có rất ít ảnh hưởng của thơ Đường luật.

Tản Đà, Tú Xương, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát đều sáng tác Hát Nói, nhiều bài được làm ra với dụng ý rõ ràng là để cho các cô đào hát. Một số vị quan lại thời ấy, tuy không phải là thi sĩ theo nghĩa thi sĩ chúng ta hiểu hiện nay, đã sáng tác Hát Nói, đặc biệt là sáng tác của những ông quan lại họ Dương: Dương Khuê, Dương Lâm, Dương Tự Nhu.

Nghề cô đầu ở nước ta thịnh vượng nhất cùng với thời hiển đạt của những ông Án sát, Tuần phủ, Tổng đốc nhà Nguyễn.

(Hình ảnh đàn bà trong thơ xưa – Hoàng Hải Thủy)

### Chữ nghĩa với ca dao dân gian

Đi đâu mà chẳng lấy chồng  
Người ta lấy hết chồng mông mà gào  
Gào rằng đất thấp trời cao  
Sao không thí bỏ cho tao tấm chồng  
Ông trời ngoảnh lại ông trông  
“Mày hay kén chọn ông không cho mày”

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

#### 4. bàng quang 膀胱

Cả hai từ tổ bàng và quang đều không có nghĩa là bọng đái. Chỉ khi chúng đi đôi với nhau để tạo thành từ bàng quang 膀胱 mới có nghĩa là bọng đái. Soạn giả vốn là bậc đại tài trong nghề nói mò, nên đã đoán liều rằng, bàng là bọng đái, và quang cũng là bọng đái. Quả là “điếc không sợ súng”.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### Lời quê (1)

Năm 75 quê hương như trong ca dao coi như thôi rồi. May mắn, khá nhiều "lời quê" đã được kịp thời

chép xuống. Sau đây là ít lời ngẫu nhiên nhặt ra từ một số "cảo thơm", với nhan đề tạm đặt. Khi nào có điều kiện, lại xin nhặt nữa.

*Hôm qua tát nước...  
Vừa trắng vừa tròn  
Trong đục bên nào  
Mùi thương, mùi thương  
Ai ơi chơi lấy...  
Trèo lên cây bưởi...  
Anh đi, anh đi  
Lúc đêm khuya  
Chiếu xanh trải xuống...  
Có có không không  
Rồi sẽ, biết đâu...*

(Thu Tứ - Ca dao tuyển 1)

### **Chữ và nghĩa**

Lâu nay bố nó vắng nhà  
Muốn ấy một cái la cà sang đây !

### **Tiếng lóng hiện thực**

Xinh như con tinh tinh

### **Hôm qua tát nước... (2)**

Năm 75 quê hương như trong ca dao coi như thôi rồi. May mắn, khá nhiều "lời quê" đã được kịp thời

chép xuống. Sau đây là ít lời ngẫu nhiên nhặt ra từ một số "cáo thom", với nhan đề tạm đặt. Khi nào có điều kiện, lại xin nhặt nữa.

Khi anh "bỏ quên (...) trên cành hoa sen" cho em "được", khi em cố ý "cởi (...) cho nhau" rồi "về nhà đổi mẹ qua cầu gió bay", cái áo ai bảo chỉ để mặc!

Người nông dân Việt Nam tình tứ nhất thế giới!

*Hôm qua tát nước đầu đình,  
Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen.  
Em được thì cho anh xin,  
Hay là em để làm tin trong nhà.  
Áo anh sứt chỉ đường tà,  
Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu.  
Áo anh sứt chỉ đã lâu,  
Mai mượn cô ấy vào khâu cho cùng.  
Khâu rồi, anh sẽ trả công,  
Ít nữa lấy chồng, anh lại giúp cho:  
Giúp em một thúng xôi vò,  
Một con lợn béo, một vò rượu tăm;  
Giúp em đôi chiếu em nằm,  
Đôi chăn em đắp, đôi trằm em đeo;  
Giúp em quan tám tiền cheo,  
Quan năm tiền cưới, lại đèo bông cau!*

(Thu Tứ - Ca dao tuyển 1)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Tu chùa chẳng bằng tu nhà  
Ăn ở thật thà mới thật là tu  
(thật thà là...tu bia)

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao, thành ngữ)

### Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Theo Hoàng Cầm, *Lá diêu bông* lại phản ánh mối tình đầu của nhà thơ. Lúc đó, Hoàng Cầm mới lên 8 mà yêu chị Vinh hơn mình những 8 tuổi. Không chỉ chị Vinh, “gã trai lơ Kinh Bắc” còn yêu một số phụ nữ lớn tuổi, chẳng hạn chị Nghĩa, tên thân mật là Bóng, và chị Tuyết. Bởi thế, gặp cơ hội thuận tiện, tình yêu kiểu “nhất gái hơn... 8” vẫn được tái hiện dặt dìu nhiều cung bậc trong lời ăn tiếng nói, trong văn xuôi, và trong thơ Hoàng Cầm - chẳng hạn những bài *Cây tam cúc*, *Quả vườn ổi*, *Cỏ bông thi*, *Đếm nắng*, *Đếm giờ*, *Gọi đôi*, *Đợi mùa*, *Tắm đêm*, *Chị em xanh*.

Đích thân Hoàng Cầm còn tuân thêm liên khúc *Bao giờ nói hết* gồm 5 phần, mà đây là mấy dòng đầu:

*Dẫu anh biết diêu bông không thực  
Sao diêu bông cứ thức hôn em  
Cứ sao băng mãi đường đêm  
Cứ trăng lên đậu cành mềm xuân quế  
Cứ lơ áo giữa trưa hè  
Ngực trần vỗ yếm gọi về tuổi hoa*

Một số người cho rằng nếu so với *Bên kia sông Đuống* thì *Lá diêu bông* hay bằng hoặc vượt trội.

(Lại Nguyên Ân - Trích Hoàng Cầm tác phẩm – Thơ)

### **Chữ và nghĩa**

Chẳng thà chịu lạnh năm không,  
Còn hơn có vợ lẹm cằm, răng hô.

### **Hát cô đầu**

Thời xưa ấy các ông chơi trò hát cô đầu mà không có mặc cảm tội lỗi. Thi sĩ Tú Xương công khai tuyên dương thú hát cô đầu của ông trong bốn câu:  
Có phải rằng ta chẳng học đầu,  
Mỗi năm ta học một vài câu.  
Ví dù vua mở khoa thi trống,  
Lạc nhận, xuyên tâm, đủ ngón châu.

Lời thơ vừa ngông, vừa hài hước, nhưng cũng có nhiều thực tế. Nếu như Vua mở khoa thi đánh trống cô đầu thật, biết đâu Ông Tú Xương đã chẳng đỗ ông Nghè – Nghè Trống cũng là Nghè – đường công danh của ông đã không lận đận như với khoa thi chữ. Chúng ta hãy nghe ông Tú diễn tả nhân sinh quan của ông qua bài: *Hát cô đầu*

Nhân sinh quý thích chí  
Chẳng gì hơn hú hí với cô đầu.  
Khi vui chơi năm ba ả ngồi hầu,  
Chén rượu cúc, đánh châu năm ba tiếng.  
Tửu hậu khán hoa nhàn bất yếm,  
Hoa tiền chúc tửu hứng vô nhai.  
Hỡi ai ơi..Chơi lấy kéo hoài,  
Chơi cũng thế mà không chơi cũng thế.  
Của trời đất xiết chi mà kể,  
Nợ công danh thôi thế cũng xong.  
Chơi cho thủng trống tầm bông.

Nhân sinh quý thích chí: người ta ở đời cốt thỏa thích ý mình. Uống rượu, xem hoa mãi chẳng chán, trước hoa, uống rượu thú không biết ngần nào. Trống tầm bông: trống hai mặt, thất lại ở giữa, đánh lên tiếng kêu nhẹ là tầm, tiếng kêu nặng là bông.

(Hình ảnh đàn bà trong thơ xưa – Hoàng Hải Thủy)

### Tên của Whisky

Từ Whisky được nhắc đến lần đầu tiên vào năm 1736 xuất phát từ *uisge beatha* trong tiếng Gaelic tại Scotland hay từ *uisce beatha* trong tiếng Gaelic tại Ireland và có nghĩa là "nước của cuộc sống" (*uisge/uisce*: "nước", *beatha*: "sống").

### Vừa trắng vừa tròn (3)

Năm 75 quê hương như trong ca dao coi như thôi rồi. May mắn, khá nhiều "lời quê" đã được kịp thời chép xuống. Sau đây là ít lời ngẫu nhiên nhặt ra từ một số "cảo thơm", với nhan đề tạm đặt. Khi nào có điều kiện, lại xin nhặt nữa.

Nghe "vừa trắng vừa tròn", nghĩ ngay đến "thân em" (thơ Hồ Xuân Hương)! Nhờ không phải "thân" mà "cổ tay em" không bị ai "nặn", chỉ bị "gói" thôi, gói nhiều đến nỗi "đã mòn một bên"...

Cổ tay như thế "miếng trầu", vì cùng "là đầu câu chuyện"...

Cổ tay có khi thường được nhắc đến hơn cổ thật đấy nhỉ!

*Bài 1:*

*Cổ tay em trắng lại tròn,  
Để cho ai gói, đã mòn một bên.  
Gói chẵn, gói chiếu không êm,  
Gói lụa không mềm bằng gói tay em!*

*Bài 2:*

*Cổ tay em trắng như ngà,  
Con mắt em liếc như là dao cau.  
Miệng cười như thể hoa ngâu,  
Cái khăn đội đầu, như thể hoa sen!*

*Bài 3:*

*Cổ tay em vừa trắng vừa tròn,  
Răng đen rung rúc, chồng con kém người.  
Khôn nạn thay! nạn ở với ruồi,  
Tiên ở với cú, người cười với ma!*

(Thu Tứ - Ca dao tuyển 1)

### **Tiếng lóng hiện thực**

Buồn như con chuồn chuồn

### **Mười thương, mười thương (4)**

Năm 75 quê hương như trong ca dao coi như thôi rồi. May mắn, khá nhiều "lời quê" đã được kịp thời chép xuống. Sau đây là ít lời ngẫu nhiên nhặt ra từ một số "cảo thơm", với nhan đề tạm đặt. Khi nào có điều kiện, lại xin nhặt nữa.

Có phải bài Mười Thương thứ nhất tả "em" Đàng Ngoài? Dù sao, nó cũng được hát lên theo cùng một điệu dân ca Đàng Trong.

*Bài 1:*

*Một thương tóc bỏ đuôi gà  
Hai thương ăn nói mặn mà có duyên  
Ba thương má lúm đồng tiền  
Bốn thương răng nhánh hạt huyền kém thua  
Năm thương cổ yếm đeo bùa*

Sáu thương nón thượng quai tua dịu dàng  
Bảy thương nét ở khôn ngoan  
Tám thương má phấn lại càng thêm xinh  
Chín thương em ngủ một mình  
Mười thương con mắt có tình với ai.

Bài 2:

Một thương tóc xõa ngang vai  
Hai thương đi đứng vẻ người đoan trang  
Ba thương ăn nói có duyên  
Bốn thương mơ mộng mắt huyền thêm xinh  
Năm thương dáng điệu thanh thanh  
Sáu thương nón Huế nửa vành nên thơ  
Bảy thương những phút mong chờ  
Tám thương thơ thần bên bờ Hương Giang  
Chín thương bến Ngự sang ngang  
Mười thương tà áo nhẹ nhàng gió bay.

(Thu Tứ - Ca dao tuyển 1)

### **Tiếng lóng hiện thực**

Chán như con gián

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

5. biên đình 邊庭

Biên đình là miền biên giới. Nhưng soạn giả giảng giải rằng, đình nghĩa là cách xa. Chữ đình 庭 có nghĩa là cái sân, là nơi xử án, là công thự. Ngoài ra, trong hơn một chục chữ Hán có âm là đình thì không một chữ nào có nghĩa là cách xa cả, cho nên ở đây không thể có sự nhầm lẫn mà chỉ có sự bịa đặt liều lĩnh. Các từ điển của Trung Quốc giải thích rằng, biên đình có hai nghĩa: a) cơ quan nhà nước ở biên giới; b) biên cương. Trong tiếng Việt, biên đình thường mang nghĩa thứ ba, nghĩa là biên cương.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### **Chữ và nghĩa**

Có chồng phải “ấy” ai ơi  
Cớ sao anh lại khơi khơi nằm kê?

### **Tiếng lóng hiện thực**

Bực như con mực

### **Câu đối**

Nhiều khi, gặp vé đối không đối được, phải tìm lối thoát bằng điều cợt: Nguyễn Hòe đi với bạn vào chơi một chùa, được sư cụ tiếp đãi ân cần, thì mấy ông bạn quý lại quay ra báng bô nhà chùa.

Sư cụ bực mình ra câu đối:

*Nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ*

Nguyễn Hòe cực chẳng đã phải đối bằng diều cọt để cứu vãn thể diện chung:

*Trên sư dưới vãi, ngành lưng trở lại, trên vãi dưới sư.*

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

## Johnnie Walker

Johnnie Walker có cả thảy 5 loại rượu đó là:



[www.khoruou.com](http://www.khoruou.com)

Johnnie Walker Red Label  
– tuổi rượu 5 năm.

Johnnie Walker Black Label  
– 12 năm.

Johnnie Walker Green Label  
– 15 năm.

Johnnie Walker Gold Label  
– 18 tuổi.

Johnnie Walker Blue Label - Loại thượng hạng, ông tổ của họ hàng nhà Johnnie. Trên nhãn chai không đề bao nhiêu tuổi nhưng người ta thường tin rằng chúng được ủ từ 50 đến 60 năm.

Cũng có thể hiểu thêm nó như sau: Những ký hiệu X.O, V.O, V.S.O.P chỉ sử dụng đối với các loại rượu mạnh thuộc dòng Brandy, đặc biệt là Cognac, chứ không sử dụng trong rượu mạnh thuộc dòng Whisky. Rượu Whisky tự xác định độ ủ lâu của mình bằng thương hiệu, thí dụ rượu Johnnie Walker (Ông già chống gậy) nhãn đen luôn ngon và đắt hơn cùng loại rượu nhãn đỏ, nhưng thua xa Johnnie Walker nhãn xanh, v.v...

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Nam nói đi nhờ, Bắc la đi hộ.  
Bắc gọi cái tộ, Nam nói cái tô.  
Nam nói răng hô, Bắc kêu răng vâu.  
Bắc gọi cái tầu, Nam là ống vố.

### **Tiếng lóng hiện thực**

Chuyện nhỏ như con thỏ

### **Ngộ**

Ngộ: dốt nát mê muội

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Hoàng Cầm cho biết:

“...Những bài thơ như vậy thường là không theo một ý nghĩ nào định trước. Tác giả như một cậu học trò viết chính tả, lúc đầu là có tiếng đọc rành rọt bên tai, sau là viết theo tiếng đọc âm thầm từ trong tâm can mình. Ở những trường hợp ấy, tôi không hề cấu tứ, nghĩ ngợi gì về câu, chữ, không theo một luật nào của thi pháp về thanh điệu, ngữ điệu gì hết. Tôi chỉ tuân theo nhịp rung động của toàn thân, cả tâm hồn và thể chất, khí chất.

Đặc biệt, riêng có bài thơ *Lá diêu bông*, duy nhất một bài này là những lời văng vẳng bên tai, từ đầu chí cuối, quá nửa đêm mùa rét 1959, trên giường ngủ, trong ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn ngủ 6 óát, bên cạnh người vợ đang ngủ ngon và các con những giường bên đang ngủ say (...).

Giọng nữ vẫn đọc, không vội vàng mà cũng không quá chậm, và tôi ghi lia lịa trong bóng tối mờ. Đến lúc giọng nữ im hẳn, lòng tôi nhẹ bẫng, một lát sau tôi ngủ thiếp đi. Sớm hôm sau nhìn lại thì có chỗ rõ, đọc được, nhiều chỗ dòng nọ đè lên dòng kia, chữ nọ xóa mất chữ khác. Phải mất gần nửa tiếng đồng hồ, tôi mới tách được ra theo thứ tự đúng như những lời người nữ kỳ diệu nào đó đã đọc cho tôi viết nửa đêm qua.

Bài *Lá diêu bông* ra đời như vậy, nói có người không tin, nhưng tôi nghĩ bây giờ khoa tâm thần học, vô thức luận, tâm linh học có thể lý giải được hiện tượng đó một cách rất khoa học. Vậy nên, cái *lá diêu bông* là cái lá gì, ở đâu, nào tôi có biết. Thần linh đọc *diêu bông*, tôi chép *diêu bông*, thế thôi...”.

(Lại Nguyên Ân - Trích Hoàng Cầm tác phẩm – Thơ)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Trai tơ mà lấy nạ dòng  
Còn thua mắt thói chằm lòng lợn thiú

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao, thành ngữ)

### **Hát cô đầu**

Trong một tỉnh nhỏ nào đó ở miền Bắc Việt Nam một đêm cách đêm nay một trăm ba mươi, một trăm bốn mươi năm, người lãng du Dương Vân Tri đi hát cô đầu. Cô đầu hát có chồng là kép đàn, theo đúng quy luật đã thành văn:

Cô đầu, cô đánh  
Lấy quan, quan cách,  
Lấy khách, khách về Tàu,  
Lấy nhà giàu, nhà giàu phải tội tiêu xung,

Trở về lấy chú từng tưng  
Tốt bền cố hỉ.

Những người đàn bà chơi bời thường không lấy được chồng tử tế, dù có nhiều thiện chí muốn trở về cuộc sống lương thiện, có nhiều cố gắng đến mấy đi nữa, thường họ cũng không gặp được hạnh phúc trong cuộc sống vợ chồng. Có lẽ vì họ đã quen với nếp sống ăn chơi sa đọa, chỉ quen hưởng thụ, phần vì thành kiến của xã hội không tin tưởng họ, vì chẳng có mấy người đàn ông dại dột làm cuộc thử nghiệm vợ chồng với họ. Nhưng trong đời ta cũng thấy có nhiều em chơi bời thực sự trở thành vợ hiền khi có người yêu thương họ. Và một khi đã hiền, các em hiền hơn nhiều những em con nhà lành đở đốn khi có chồng.

(Hình ảnh đàn bà trong thơ xưa – Hoàng Hải Thủy)

### **Trèo lên cây bưởi... (5)**

Năm 75 quê hương như trong ca dao coi như thôi rồi. May mắn, khá nhiều "lời quê" đã được kịp thời chép xuống. Sau đây là ít lời ngẫu nhiên nhặt ra từ một số "cáo thơm", với nhan đề tạm đặt. Khi nào có điều kiện, lại xin nhặt nữa.

Theo Nguyễn Xuân Kính, "ở đồng bằng Bắc bộ (...) chưa tìm thấy hoa tầm xuân màu xanh (...) nếu (...)

có (...) cũng không (...) phổ biến (...) hoa tầm xuân (thường) màu đào hay trắng nhạt".

Ở Thanh Hóa có tầm xuân xanh. Nhưng đó là một thứ hoa khác hẳn hoa tầm xuân ngoài Bắc. Tầm xuân Thanh ở Bắc cũng có, nhưng lại mang tên là hoa đậu biếc.

Có hai thứ hoa tầm xuân. Làm sao biết t được cái "nụ tầm xuân" trong bài ca dao nổi tiếng nó là tầm xuân Thanh hay tầm xuân Bắc?

Không rõ căn cứ vào đâu mà Nguyễn Xuân Kính bảo bài ca dao ấy "có nhiều khả năng ra đời (...) ở đồng bằng Bắc bộ". Dựa vào giả thiết đó, ông bàn về nội dung thơ: "... ở đây màu hoa "xanh biếc" hàm nghĩa là nó không có trong thực tế, là ngang trái, là trở trêu giống như cảnh ngộ chàng trai".

Sực nhớ: "Trên trời có đám mây xanh, ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng...". Mây, mây và mây thì có dính líu gì đến việc "anh lấy được nàng" với "mua gạch Bát Tràng" đâu. Ca dao vẫn có lối mở đầu bằng vài câu băng quơ. Những câu thơ "dạo" ấy, tưởng không cần phải cố buộc chúng thật chặt vào với nội dung bài thơ.

*Trèo lên cây bưởi hái hoa,*

*Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân.*

*Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,*

*Em đã có chồng, anh tiếc lắm thay!*

*- Ba đồng một mớ trâu cày,*

*Sao anh không hỏi những ngày còn không?*

*Bây giờ em đã có chồng,*

*Như chim vào lồng, như cá cắn câu.*

*Cá cắn câu, biết đâu mà gỡ;  
Chim vào lồng, biết thuở nào ra!*

(Thu Tứ - Ca dao tuyển 1)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Làm thơ, theo tôi yếu tố quan trọng nhất là cảm hứng, sau đó là kiến thức từ việc đọc và học hỏi bạn cùng mang nghiệp. Tôi nghĩ, tính thơ mộng không còn là yếu tính của thơ hôm nay, mà thơ là sự dấy loạn của ngôn ngữ, hình tượng, ý tưởng, cảm xúc...

Với tôi, cảm xúc quyết định sự thành công của bài thơ. Những yếu tố khác như: ngôn ngữ, hình tượng, cấu trúc, kỹ thuật... đều có chung việc là bồi đắp và chuyển tải cảm xúc đến người đọc.

(Nguồn: Thận Nhiên)

### **Chữ và nghĩa**

Chồng người đi ngược về xuôi  
Chồng tôi ngồi bếp để... buổi chằm gio!

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

## 6. cà sa 袈裟

Cà sa là áo của các nhà sư tu đạo Phật, may bằng nhiều mụn vải màu khác nhau. Định nghĩa như vậy thì đúng, nhưng soạn giả lại giải thích rằng, cà = áo thầy tu; và, sa = áo thầy tu. Sự thực thì hai chữ cà sa 袈裟 này được đặt ra chỉ để phiên âm chữ kasaya trong tiếng Phạn (nghĩa là áo của nhà sư). Nếu đứng tách rời nhau thì cà 袈 và sa 裟 đều không có nghĩa gì cả.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

## **Rượu ngoại...ngoại truyện (1)**

Nhân dịp sinh nhật 200 năm người Tô Cách Lan khai sinh ra Johnnie Walker. Tại Thượng Hải, chai Johnnie Walker được bán đấu giá với...giá 24000 USD.

(Nguồn: Nhật Vy)

## **Chữ nghĩa làng văn**

Trong công việc viết lách, theo tôi, yếu tố quan trọng nhất là kiến thức. Những thứ khác cũng cần nhưng không phải là hàng đầu. Nhà thơ cần kiến thức để biết những gì người đã làm và chưa làm, từ đó, tìm tòi cho mình một lối đi riêng.

Là người làm thơ thiên về thị giác, tôi xem mỗi chữ như một hình ảnh. Khi viết, tôi không quan tâm nhiều đến đề tài, cảm xúc hay tư tưởng. Tôi chỉ thích chơi với chữ. Tôi thường bắt đầu một bài thơ bằng cách trải một số chữ ra trên trang giấy rồi cố gắng nâng chữ này lên, hạ chữ kia xuống, làm sao cho chúng hài hoà với nhau như là những màu sắc trong một bức tranh. Có khi trò chơi kéo dài cả năm trời. Bài thơ càng lúc càng rõ nét dần. Đến một lúc nào đó tôi cảm thấy là nên dừng lại thì tôi ngừng bút.

(Nguồn: Lê Văn Tài)

### **Nghĩa chữ trong thơ tôi**

Ngay bản thân tôi (Hoàng Cầm) cũng không hiểu những từ ngữ chính mình viết ra mang ý nghĩa gì cụ thể. Ai hỏi tôi *lá diêu bông, cỏ bông* thì là lá gì, cỏ gì, ở đâu? Tôi chịu không giải thích được (...) *Miếu Hai Cô* (...) *cầu bà Sấm* (...) *bến cô Mưa* (...) tôi cũng chịu không có lời giải đáp

(Lại Nguyên Ân - Trích Hoàng Cầm tác phẩm – Thơ)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Nam nói nhà tiêu, Bắc là nhà xí.  
Nam nói trong ruột, Bắc gọi trong lòng.

Bắc gọi hào phóng, Nam cho rộng rãi.  
Nam kêu bông cải, Bắc gọi sù lơ

### **Chữ nghĩa làng văn**

Cái mới là cần thiết. Nhưng nhà thơ có tài năng thật sự là người có khả năng hà hơi, phù phép cho những con chữ phập phồng hít thở; mang máu me, xương xẩu của cuộc đời. Còn sự biểu diễn sắp xếp những "xác chữ" có cấu trúc lạ mắt, có âm điệu lạ tai... chỉ là những tiểu xảo trong trò chơi chữ nghĩa. Chưa phải là *Thơ*.

Cái mới và sự làm dáng, lập dị chỉ cách nhau một chút tơ sương mong manh. Nhà thơ là kẻ làm xiếc trên sợi tơ sương đó. Chính hấn, với lòng tự trọng và những rung động ‘thật’ sẽ quyết định cho ra đời, trình làng, bài thơ và cũng là món hàng ‘thật’, ít ra cũng phải có giá trị với người đọc và khe khát nhất là chính hấn.

(Tản mạn về cái mới trong thơ – Thận Nhiên)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Thấy ai đánh rắm to ở đâu là tìm đến

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao, thành ngữ)

### Lúc đêm khuya (6)

Năm 75 quê hương như trong ca dao coi như thôi rồi. May mắn, khá nhiều "lời quê" đã được kịp thời chép xuống. Sau đây là ít lời ngẫu nhiên nhặt ra từ một số "cảo thơm", với nhan đề tạm đặt. Khi nào có điều kiện, lại xin nhặt nữa.

Bài hát xẩm "dân gian" hơn, mà cũng thực là thắm thía. Tác giả nó có phải một nhà nho?

*Lúc đêm khuya, trăng lạnh, sương mờ,  
Canh tàn, rượu tỉnh, lúc bấy giờ em mới nghĩ  
thương thân!*

*Em tiếc thay em trong giá, trắng ngần,  
Nỡ gieo thân mình vào chốn bụi trần mà chơi.  
Chốn hang sâu lẩn khuất hương trời,  
Non xanh nước biếc dễ mấy ai người biết cho.  
Con chim khôn đã mắc phải dò,  
Thì còn vui chi nữa, cái kiếp giang hồ, hỡi các chị  
em ơi!*

*Tính đốt ngón tay đã quá nửa xuân rồi,  
Đầu xanh mấy lúc cũng da mồi tóc sương.  
Kiếp hồng nhan, càng nghĩ đến càng thương,  
Tài tình chi cho lắm để vắn vương cái nợ ở đời.  
Trông non sông mà lại thẹn với Trời,  
Khi vui, em vui giọng, khi cười, em cười sưng.  
Ruột con tằm, trăm mối vẫn tơ vương,  
Bên trời góc biển, em biết gửi can trường vào đâu...*

(Thu Tứ - Ca dao tuyển 1)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Nói dài nói dai thành ra nói đại

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao, thành ngữ)

### **Chữ và nghĩa**

Đêm nằm ôm gối thờ dài,  
Thương chồng thì ít, thương trai thì nhiều

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Nam nhậu thịt chó, Bắc chén cây tơ  
Bắc vờ vịt lá mơ, Nam gọi lá thúí địt!  
Nam gọi đánh địt, Bắc kêu đánh rắm!  
Nam kêu giăng mùng, Bắc lại bỏ màn.

### **Thành ngữ hôm nay**

Bia độc hơn rượu, bằng chứng trên thế giới chỉ có "mộ bia" mà không có "mộ rượu".

### **Rượu ngoại...ngoại truyện (2)**

#### **Cocktail**

Theo truyền thuyết vào thế kỷ 19, ở Mỹ một ông chủ tiệm rượu có một cô con gái cung và một con gà

trống quý tên Washington. Một anh thủy thủ muốn lấy con gái ông bèn bắt trộm con gà khiến ông chủ tiệm phải gả con gái cho anh để lấy con gà lại.

Ngày cưới ông đổ tất cả rượu trong tiệm vào thùng trộn thành một loại rượu khác lạ. Riêng ly rượu của ông cắm lông đuôi con gà hiếm và gọi đó là “Cocktail” (đuôi gà trống)

(Nguồn: Mừng Giang)

### **Lúc đêm khuya (7)**

Năm 75 quê hương như trong ca dao coi như thôi rồi. May mắn, khá nhiều "lời quê" đã được kịp thời chép xuống. Sau đây là ít lời ngẫu nhiên nhặt ra từ một số "cảo thơm", với nhan đề tạm đặt. Khi nào có điều kiện, lại xin nhặt nữa.

Bài hát xẩm sau khi bớt sữa cho thành lục bát chỉnh thể:

Đêm khuya, trăng lạnh, sương mờ,  
Canh tàn, rượu tỉnh, bấy giờ thương thân!  
Tiếc thay trong giá, trắng ngần,  
Nỡ gieo vào chôn bụi trần mà chơi.  
Hang sâu lẫn khuất hương trời,  
Non xanh nước biếc ai người biết cho.  
Chim khôn đã mắc phải dò,  
Còn vui chi nữa, giang hồ, em ơi!  
Thoắt đây quá nửa xuân rồi,

Đầu xanh mấy lúc da mồi tóc sương.  
Hồng nhan, càng nghĩ càng thương,  
Tài tình chi lắm vấn vương nợ đời.  
Trông non sông thẹn với Trời,  
Khi vui, vui gượng, khi cười, cười sưng.  
Ruột tâm, trăm mối tơ vương,  
Bên trời góc biển, can trường gửi ai...

(Thu Tứ - Ca dao tuyển 1)

### **Chữ và nghĩa**

Đêm qua để cửa chờ chồng  
Đêm nay để cửa chờ ông láng giềng.

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

### 7. diêm vương 閻王

Diêm vương là vua của địa ngục, là thần chết. Điều này thì hầu như mọi người đều biết, nhưng diêm là gì? Diêm là lối gọi tắt của từ Diêm la, mà Diêm la trong tiếng Hán là phiên âm từ Yama trong tiếng Hindu, nghĩa là vua của địa ngục. Nhưng soạn giả lại cho rằng, "yama" là hai vua, tức là hai anh em coi địa ngục. Chúng tôi đã tra cứu các từ điển lớn của

Trung Quốc, Pháp và Anh, Mỹ, đâu cũng diễn giải rằng, yama là vị thần chủ quản địa ngục trong tín ngưỡng của người Ấn Độ.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### **Chử nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Nam tròn tròn ăn vụng, Bắc len len ăn vèn  
Nam toe toét "hông chịu đèn", Bắc vắn mình "em  
chả"

Bắc giấm chua "cái ả", Nam bặm trọn "con kia"

Nam chửi "tên cà chua", Bắc rửa "đồ phải gió"

### **Rượu ngoại...ngoại truyện (3)**

#### **Toast**

Toast bắt nguồn từ phong tục cổ truyền từ thế kỷ 16. Thời ấy người Anh mỗi khi uống rượu thường bẻ một miếng bánh mì nướng (toast) bỏ vào ly rượu cho thêm hương vị.

Ngày nay "Toast" nghĩa là...dô 100%.

(Nguồn: Mừng Giang)

## **Chữ và nghĩa**

Có lòng thì tạ ơn lòng  
Anh đừng đến nữa mà chồng em ghen.

### **Ngộ nhận trong văn học (1)**

Ví như thơ Nôm truyền tụng của Hồ Xuân Hương, một Hồ Xuân Hương dân gian.. Tôi nhớ giáo sư Hoàng Xuân Hãn hoặc giáo sư Trần Thanh Mại, một trong hai ông, đã kêu to lên rằng: "mò cha không khóc đi khóc đám mồi".

"Mò cha" là Lưu Hương ký, tác phẩm do Hồ Xuân Hương thật sáng tác. "Đám mồi" là thơ truyền tụng..., sáng tác dân gian gán cho Hồ Xuân Hương. Nó vẫn nguyên giá trị nếu xét trong phạm trù văn học dân gian, chứ không phải văn chương thành văn, văn chương bác học của một tác giả có thật. Vậy mà "đám mồi" ấy, có trong tất cả các sách giáo khoa dạy sự trung thực văn hóa cho học trò ở mọi cấp học trong nước cho đến hôm nay...

(Vấn đề nói dối – Trần Nhuận Minh)

### **Rượu ngoại...ngoại truyện (4)**

Tên các lò rượu ở Pháp ký chữ “A” ở đầu.  
Chủ hàng rượu gốc gác thường là thủy thủ hay thuyền trưởng.

Tên mỗi loại rượu đều có ông vua làm...bùa hộ mạng.

### Chữ và nghĩa

Mả chồng còn đó trơ trơ,  
Đã cùng người khác đợi chờ năm canh.

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Đùa mà không thật, Bắc bảo là điêu  
Giờn hót đã nhiều, Nam kêu là xạo  
Nam thời mập bạo, Bắc bảo béo ghê  
Bắc bảo sừng phê, Nam rên đã quá!

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Bắc nấu thịt cây, Nam chê thịt chó  
Bắc vén búi tóc, Nam bôi tóc lên  
Anh Cả Bắc quên, anh Hai Nam lú  
Nam: ăn đi chú, Bắc: mời anh xơi !

### Tên của Vodka



Tên gọi Vodka ngoài ở Nga, Ba Lan và Litva, còn thường được dùng để chỉ một số loại rượu khác có những đặc điểm chung với Vodka về hình thức và cách sản xuất.

Vodka tiếng Nga là *Водка*, bắt nguồn từ *Вода* nghĩa là "nước nhỏ".

Rượu Shōchū của Nhật Bản thường được gọi không chính thức là "Vodka Nhật".

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Già thì già tóc, già tai  
Già răng già lợi, đồ chơi không già

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao, thành ngữ)

### **Nói dối trong sử học với...*phường chèo* (2)**

Rời cảnh đào Thăng Long mà vua Quang Trung gửi tặng Ngọc Hân công chúa đang ở Phú Xuân (Huế) là do *một nhà viết chèo* ...bịa ra. Sau này được sử dụng trong sách như một tư liệu chính thức về mối tình cao đẹp của vị anh hùng áo vải Nguyễn Huệ.

(Vấn đề nói dối – Trần Nhuận Minh)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Ỉa đồng một bãi bằng vạn đại quận công

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao, thành ngữ)

### Chữ nghĩa với ca dao dân gian

Người mà phình phính mặt mo,  
Chân đi chữ bát, có cho chẳng thêm

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Bắc gọi thích ghê, Nam kêu là khoái  
Bấp Nam kêu hái, Bấp bảo vật ngô

### Nói dối trong sử học với...*phường chèo* (3)

Gần đây, tôi (Trần Nhuận Minh) được biết tại nhà thờ danh nhân văn hóa Chu Văn An tại Chí Linh, Hải Dương có dòng chữ sơn son thiếp vàng lớn để thờ: "Ta chưa thấy nước nào coi thường sự học mà khá lên được".

Dưới câu đại tự đó đề Chu Văn An, như một câu danh ngôn "Hiền tài là nguyên khí quốc gia..." nguyên là của Thân Nhân Trung vậy.

Ai cũng ngạc nhiên vì chưa từng thấy Chu Văn An nói thế, viết thế bao giờ. Sau hỏi ra mới biết đó là lời đối thoại trên sân khấu của nhân vật tên...Chu An trong *một vở kịch chèo*. Vậy đó là lời của nhà viết chèo hôm nay đây chứ. Chao ôi, cái nước mình nó thế (lời nhà văn Hoàng Ngọc Hiến) các nhà sử học chân chính, các nhà văn hoá thứ thật đi đâu cả rồi...

(Vấn đề nói dối – Trần Nhuận Minh)

## Yên hà

Yên hà: mây và khói.

Nơi sơn lâm tịch lâu cho người thích ở ẩn dật. Thơ có câu “Nghêu ngao vui thú *yên hà* – Phong trần cõi bỏ, phù hoa tiếc gì”.

Yên hà có tật: Người quen thói hút thuốc phiện (đi mây về khói).

## Bảng hữu kim kỳ phú

Bài phú của Nguyễn Đôn Phục, ông đỗ cử nhân khoa quý Dậu năm thời Tự Đức là một kho ngôn ngữ dân gian gồm những tục ngữ, thành ngữ, phương ngôn của một vùng đất, hàm súc về nhân sinh, tình yêu, tình bè bạn ..v..v.. Nguyễn Đôn Phục xuất thân từ cửa Khổng sân Trình, chọn lọc từ khó tàng văn học dân gian đem sắp xếp hệ thống lại một cách công phu trong bố cục của một bài phú có vần điệu, có đối xứng theo luật bằng trắc vừa kết hợp được tính cổ điển và tính dân gian phóng khoáng từ thời Tự Đức thứ 26 (1873).

Đừng quen trục lợi, *tham vản bán thuyên*; phải nghĩ thân duyên, *liệu cơm gắp mắm*.

Lịch sự đủ điều lịch sự *để lỗ đeo hoa*; đàn bà ba thứ *đàn bà*, mặt đường nào *ngao đường ấy*.

*Tai nghe mắt thấy, chớ như ốc nọ mượn hồn; ăn ham chắc, mặc ham bền, mua học mua trâu vẽ bóng. Dầu khoe cả vú lấp miệng em, cả hèm lấp miệng hũ; song cũng làm thầy đất ta, làm ma đất người.*

*Cảm là cảm gà nuôi con vịt, nào kẻ nâng niu; thương những thương cá bỏ giỏ cua .*

*Để chẳng muốn lời kia cặn kẽ, nóng sùng – sùng phải nổ, đau gỗ - gỗ phải kêu; song chi bằng lẽ nọ êm đềm, cơm mình ăn ngon, con mình dễ khiến.*

*Rượu chẳng say, chè say quá mức, môn không ngứa, ráy ngứa nổi gì ?*

*Nói ra là sự vân vi: ấu sao tròn mà bỏ hòn sao méo ?*

*Thiệt vậy chớ phòng khi dễ, lành làm thúng mà lũng cũng làm mê. Bảy mươi chưa què, chớ khoe rằng trọn. Ba mươi đời dĩ bọm thì mắc điểm thầy.*

*Sao cho lèo lái phân minh, giỏ có quai, chài có chóp, chớ để tôm cá, lộn xộn, quân vô tướng hổ vô đầu.*

### **Chữ nghĩa với ca dao dân gian**

*Người mà con mắt lá răm,  
Chân mày lá liễu đáng trăm quan tiền.*

### **Chữ và nghĩa**

*Con tôi đi kiếm về đây,  
Có cho nó gọi bằng thầy thì cho.*

## Ông tổ của rượu

Ta: Đế vương (rượu đế)

Tàu: Lưu Linh



Tây: Napoléon không liên quan gì đến Hoàng đế Napoléon của Pháp, mà chỉ mang nghĩa là "Hoàng đế của các lò rượu".



Anh và Mỹ: Johnnie Walker (Ông già chống gậy)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Bắc ngòi bia bọt, Nam nhậu lade  
Bắc bụi bụi lạc rang, Nam thơm thơm đậu phụng

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

#### 8. do dự 猶豫

Có lẽ mọi người Việt Nam, ai cũng hiểu rằng, do dự nghĩa là ngần ngại, trù trù, không quyết tâm. Nhưng giải nghĩa từ này theo các thành tố của nó (do và dự) là một việc không dễ. Theo từ điển Từ nguyên, từ này "lấy âm làm nghĩa", tức là nghĩa của từ này vốn do âm của nó gọi nên, bởi vậy, cách viết của nó không thống nhất, ví dụ, có thể viết 猶豫, 由預 v.v., vì các cách viết này đều được đọc là do dự. Trong cách viết của chúng tôi (và cũng là cách viết chính thống), chữ do 猶 vốn là tên một loài khi có chân ngắn, và dự 豫 vốn là tên một loài voi lớn. Bởi vậy, cũng có thuyết cho rằng, từ do dự 猶豫 là chỉ hai loài thú đó, chúng có tính đa nghi nên luôn luôn rụt rè ngần ngại trước mọi hành động. Riêng soạn giả thông thái của chúng ta thì cắt nghĩa rằng, do = cũng còn, cũng như; dự = từ trước. Các nghĩa này

không ăn nhập gì với nghĩa chung của từ do dự. Đó là một sự bịa đặt tùy tiện, thô bạo.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### **Thành ngữ hôm nay**

Thà hun em một lần rồi ăn tát  
Còn hơn cả đời nhìn thằng khác hun em!

### **Các loại bia**

Bia người Đức gọi là “bier”, Pháp là “beer”, người Việt kêu là...bia, là thực uống có “gaz”, nồng độ từ 3 tới 10 được làm bằng ngũ cốc, thường là lúa mạch.

Bia chai, bia lon là bia đã lọc.

Bia chưa lọc được gọi là bia tươi, bia bock, bia Draft.

Pháp có bia 33, và bia con cọp (tiger).

(Nguồn: Mừng Giang)

### **Chữ nghĩa làng...nhậu: Bia**

#### **Nguồn gốc của bia**

Bia theo truyền thuyết phát sinh từ Ai Cập:

Khi nô lệ bị bắt tới Ai Cập xây Kim tự tháp cho các Pharaoh, họ được cấp cho một thứ cháo trái cây. Một lần họ để quên mấy ngày, nước trái cây lên men. Họ ném thử thấy có mùi nồng như Cocktail ngày nay.

Từ đó có...rượu và bia.

Phụ chú: Ngày nay người ta tìm thấy trên vách tường Kim Tự Tháp có những bức hình vẽ người ta tế lễ trời đất bằng rượu, và các vị vua Pharaoh uống rượu mặt đỏ kè.

(Nguồn: Mùng Giang & Nhật Vy)

### **Tục ngữ Tàu**

Nhân lão cân xuất, thụ lão căn xuất  
(Người già nổi gân, cây già lộ rễ)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Gần chùa gọi Bụt bằng anh  
Thấy Bụt hiền lành bé Bụt đi chơi

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao, thành ngữ)

### **Thành ngữ hôm nay**

Còn thời lên ngựa bắn cung  
Hết thời xuống ngựa lấy thun bắn ruồi.

### **Triết lý củ khoai**

Lúc bé, tưởng yêu là tất cả, là mọi thứ, lớn rồi mới biết sau yêu còn có chia tay.

### **Ca dao và lịch sử**

Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ thứ 17 đến đầu thế kỷ thứ 19, suốt 200 năm là một chuỗi biến cố đẫm máu. Hết cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn, đến cuộc tương tranh Nguyễn - Tây Sơn. Từ lúc anh em Tây Sơn khởi nghĩa, vua Quang Trung lập nên một triều đại huy hoàng với nhiều võ công oanh liệt, nhưng khá ngắn ngủi:

*Đầu cha lấy làm đuôi con  
Mười bốn năm tròn hết số thì thôi*

Tương truyền đây là một câu sấm ứng vào việc triều Tây Sơn mất nghiệp sau 14 năm. Đầu chữ Quang (- Quang Trung) lấy làm đuôi chữ Cảnh (- Cảnh Thịnh).

Một câu ca dao khác, cũng cùng ý nghĩa:

*Cha nhỏ đầu con nhỏ chân  
Đến năm Nhâm Tuất (1802) thì thân chẳng còn*

Chữ "tiêu" ở trên đầu chữ Quang, ở chân chữ Cảnh.

(Phương Nghi - Tạp chí Tài hoa trẻ)

### **Về hai câu thơ**

Hai câu thơ:

“Đập cổ kính ra tìm lấy bóng

Xếp tàn y lại để dành hơi”

Nguyên thủy là của Trần Danh Ánh thời Lê Mạt:

Phá toái lãng hoa tầm cự ảnh

Trùng phong khâm tử hộ dư hương

### **Triết lý củ khoai**

Lúc bé, tưởng thành người lớn là lớn, bây giờ có nhiều người đã lớn mà vẫn chưa thành người lớn, và đến khi thật sự thành người lớn thì người ta sẽ biết không bao giờ bé trở lại được.

### **Trống tâm bông**

Trong bài *Hát cô đầu* của Tú Xương có những câu:

Nhân sinh quý thích chí

Chẳng gì hơn hú hí với cô đầu

...

Nợ công danh thôi thế cũng xong

Chơi cho thủng *trống tâm bông*

Nhân sinh quan của ông Tú là “*Nhân sinh quý thích chi*” hiểu là người ta ở đời sống sao cho thỏa chí bình sinh thì thôi. Uống rượu xem hoa mai cũng chán, chẳng có gì hơn là...nhắm rượu và...ngắm hoa thật.

Còn trông tâm bông là trông hai mặt, giữa thất lại. Đánh lên kêu nhẹ là “*tâm*”, kêu nặng là “*bông*”.

(Hoàng Hải Thủy – Đàn bà thời xưa...)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã**

Tại sao gọi là phụ nữ mà lại không có... phụ nam?  
Câu trả lời: Tại vì con gái chỉ là phụ thôi!!!

### **Chữ nghĩa làng văn**

Trong bài *Khen vợ* của Trần Tế Xương hai câu mở đầu:

Quanh năm buôn bán ở “ven” sông  
Nuôi đủ “đàn” con với một chồng

Thực ra hai câu này là:  
Quanh năm buôn bán ở “mom” sông  
Nuôi đủ “năm” con với một chồng

Mom đây là phần đất ở bờ *nhô ra* sông.

Mom khác với “mỏm” vì mỏm vì mỏm *nhô lên* cao như mỏm núi.

(Nguồn: Nguyễn Văn Ý)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Cơm chín tới, cải ngồng ngon, gái một con, gà nhảy ổ  
(những thứ...ngon)

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao, thành ngữ)

### **Triết lý củ khoai**

Lúc bé, tưởng đống đinh thì đống đinh, không thích thì có thể nhỏ, bây giờ cảm nhận được đinh có thể nhỏ nhưng vết sâu vẫn còn.

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

#### 13. sa đà 蹉跎

Theo soạn giả, sa nghĩa là cát sỏi, đà nghĩa là lần lữa, và, sa đà nghĩa là mất thì giờ vô ích. Vì không biết chữ Hán nên ông cho rằng, sa là cát sỏi, đó là một sự bịa đặt liều lĩnh không có căn cứ.

Các từ điền đáng tin cậy đều cho biết rằng, sa 蹉 nghĩa là ngã, đà 跔 thì không có nghĩa riêng mà chỉ có thể ghép với sa 蹉 để tạo thành từ sa đà mới có nghĩa. Từ sa đà 蹉跎 trong tiếng Hán thường có 3 nghĩa: 1) lỡ bước (cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng); 2) bỏ phí thì giờ vô ích; và 3) buồn nản. Nghĩa thứ ba hầu như không có trong tiếng Việt.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Chê thảng một chai, lấy thảng hai nậm

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao, thành ngữ)

### **Nhà máy bia Sài Gòn**

Văn phòng BGI nằm trên đường Hai Bà Trưng cạnh hăng nước đá Brasseries Glacières d'Indochine. Đây là tên cúng cơm. Sau năm 1954, sau khi hết Indochine (Đông Dương), BGI bèn biến chữ “I” thành Internationales (Quốc tế). Còn nhà máy nấu La De ở Chợ Lớn, cạnh sân vận động Cộng Hòa.

BGI phát xuất từ một nhà máy nước đá do một kỹ sư Công Nghiệp (Arts et Métiers -Paris) sĩ quan hàng

hải, Victor *Larue*, giải ngũ tại Sài gòn năm 1875 thành lập.



Còn chai bia lớn gọi La De Con Cọp, hay La De lớn (vì dung tích 66 phân khối). Nói thì La De, nhưng viết LA Ve, cũng vì một anh Tây ở hãng đã viết và cho in trên cuốn lịch phát hàng năm, màu vàng với con cọp nằm ngang màu đen và viết LA VE LARUE.

Tên ông Victor Larue chủ Hãng BGI, ông đẻ ra hãng nước đá, nhưng tên ông lại đặt cho La De.

(Phan Văn Song)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

#### 14. thường xuyên 常川

Thường xuyên nghĩa là luôn luôn và đều đặn. Thường nghĩa là không lạ, là diễn ra luôn luôn.

Nhưng, xuyên nghĩa là gì? Theo soạn giả thì xuyên nghĩa là thường đến, là không ngừng. Chúng tôi không có gan suy đoán liều lĩnh và coi thường độc giả như ông, nên phải tra cứu sách vở. Theo các từ điển của Trung Quốc, trong từ thường xuyên 常川, chữ xuyên 川 nghĩa là dòng sông. Nghĩa đen của từ thường xuyên là dòng sông chảy không ngừng.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### **Viết hoa**

Những năm tháng chính xác phải được viết hoa. Thí dụ như:

năm Nhâm Thìn, năm Ất Dậu...

(Viết hoa hay không viết hoa? - Mathilde Tuyết Trần)

Gặp những trường hợp ngoại lệ, *không nên lạm dụng viết hoa quá nhiều*, vì hình thức viết hoa là phương cách nhắm vào thị giác của người đọc, *làm tăng thêm sự chú ý đến những khái niệm trong một câu, hay một cụm từ*.

Thí dụ:

Nếu viết hoa tất cả “Nhà Hát Tuồng Đào Tấn“ thì người đọc sẽ không hiểu ý chính nằm ở đâu. Nếu viết Nhà hát Tuồng Đào Tấn thì có nghĩa là, nhà hát

này chỉ trình diễn duy nhất tuồng của Đào Tấn. Nếu viết “Nhà hát tuồng Đào Tấn“ thì người đọc sẽ hiểu là nhà hát tuồng này mang tên Đào Tấn.

### **Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao**

Từ điển thuật ngữ văn học gọi chơi chữ là "lộng ngữ" và giải thích là một biện pháp tu từ có đặc điểm: người sáng tác sử dụng những chỗ giống nhau về ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cảnh để tạo ra sự bất ngờ thú vị trong cách hiểu, trong dòng liên tưởng của người, người nghe. Các hình thức của lộng ngữ rất phong phú, trong đó có: *nói lái, dùng từ đồng âm hoặc gần âm, dùng từ gần nghĩa, tách một từ thành các từ khác nhau.*

Công dụng của nét chơi chữ "thanh cao" nhưng không tránh khỏi cái bản năng bình thường của con người, dân gian chơi chữ "đồ" để mỉa mai thâm thúy trong bài ca dao sau đây, nhưng gọi lên một ý nghĩa khác "tục" mà thanh:

*Nhân lúc đồ ngồi nhàn hạ*

*Ra hồ sen xem ả hái hoa*

*Ả hớ hênh ả để đồ ra*

*Đồ trông thấy ngắm ngay tức khắc*

*Đêm năm canh đồ nằm khôn nhắp*

*Những mơ màng đồ nọ tưởng đồ kia*

"Đồ nọ" tưởng "đồ kia" là hai từ đồng âm nhưng một từ với nghĩa là thầy đồ - một hạng người trong

xã hội, và một từ "đồ" cũng là danh từ nhưng để chỉ sinh thực khí của phụ nữ!

(Trần Minh Thương - Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao Việt Nam)

### **Triết lý củ khoai**

Lúc bé, tưởng mình có thể thay đổi cả thế giới, giờ thấy được ngay cả một người còn chẳng có khả năng thay đổi. Có chăng, vẫn chỉ là tự thay đổi mình.

### **Chữ nghĩa làng văn**

Trong bài *Thương về 5 cửa ô xưa* của Tạ Tỵ có câu:  
Tôi đứng bên này vĩ tuyến  
Thương về 5 cửa ô xưa

Ô ngoài nghĩa là đen, là vật che mưa che nắng,  
v...v...

Ô còn có nghĩa là khu ngoại thành Thăng Long hồi xưa.

Như nhà ở đầu ô hay ngoại ô.

(Nguồn: Nguyễn Văn Ý)

### **Bài thơ Qua Đèo Ngang**

Trong *Contes et Légendes du Pays d'Annam* của Lê Văn Phát, viết năm 1913, có bài "Le Râle d'eau " .

Trong " Le Râle d'eau " lại có bài "Đèo Ngang", vô danh, rất chữ Nôm, văn phong rất mộc mạc, còn nội dung thì giống hết nội dung bài "Qua Đèo Ngang" của Bà Huyện Thanh Quan.

Bài " Le Râle d'eau " kể chuyện ngày xưa. Chuyện vua La Hoa (?) nước Chiêm Thành đem quân đánh Giao Chỉ. Một cận thần tên Quốc đã hết lời can gián và xin hoãn lại cuộc viễn chinh, nhưng nhà vua không nghe. Biết rằng trận chiến này thế nào cũng đem lại thất bại, Quốc xin theo, hầu quyết tâm bảo vệ an toàn cho chúa. Cuộc chiến xảy ra ở Đèo Ngang. La Hoa, quá hiếu chiến, quá chủ quan, tiến thẳng đến trận tiền, nên bị trúng tên mà chết. Quá đau đớn, Quốc liều xông ra chém giết giữa muôn tên ngàn giáo để báo thù. Nhưng đơn thương độc mã, nên Quốc đã chết dưới làn sóng của địch quân. Quá uất ức, hồn của Quốc không siêu thoát được, cứ phảng phất quanh Đèo Ngang để tìm xác chủ, nhưng vô hiệu quả. Sau đó Quốc tái sinh dưới dạng con chim Cuốc để đêm đêm rít lên những tiếng kêu bi ai của một vị trung thần khóc quốc vương tử trận: "Quốc Quốc, La Hoa ", Quốc ở đây, còn La Hoa ở đâu ?

Một văn nhân vô danh, đi qua Đèo Ngang, nhớ lại chuyện xưa, đã làm bài thơ " Đèo Ngang " (theo ông Lê Văn Phát) :

Qua ải Đèo Ngang bóng ác tà,  
Cỏ cây chen đá, lá chen ba.

Non cao rải rác tiều vài lão,  
Đất rộng lai rai xóm mấy nhà.  
Nhớ chúa đau lòng con Quốc-Quốc,  
Kêu người mới miệng tiếng Hoa-Hoa.  
Dừng chơn ngóng cổ miền non nước,  
Một tấm lòng riêng ta với ta.  
(Vô danh)

Vậy phải chăng Bà Huyện đã lấy bài đó, đã có từ lâu, và trau chuốt lại thành một bài thơ bất hủ “Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà – Cỏ cây chen đá, lá chen hoa” như ta đã biết?

(Nguyễn Vĩnh-Tráng - Chimviet.free.fr)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Truyện Kiều, câu 1160:  
“Một tay chôn biết mấy cành phù dung”

Nó cũng xuất hiện trong Chinh Phụ Ngâm:  
Vẽ phù dung một đoá khoe tươi.  
Phù dung lại đã bên sông bờ sò.

Phù dung có 2 loại:

- Mộc phù dung (mộc liên) mọc ở trên đất tức hoa *dâm bụt* (hibiscus).
- Thảo phù dung mọc ở dưới nước tức hoa *sen* (lotus).

Phù dung trong câu thơ Kiều và Chinh Phụ Ngâm kể trên không thể là hoa sen, vì sen chỉ có cuống lá, cuống hoa, không có cành. Và lại sen nở hoa trong hồ, trong đầm, chứ không trên sông.

Như vậy, *phù dung trong Truyện Kiều là một loài hoa đầm bụi.*

(Trần Văn Tích - Cỏ cây trong truyện Kiều)

### **Con cúi**

Đàn bà con gái sẵn quần lên  
Cái gì trắng trắng như con cúi  
(Chỗ lội làng Ngang – Nguyễn Khuyến)

“Cúi” hay “con cúi” là một khối lượng bông (bông để dệt vải) hình trụ, nhỏ bằng ngón tay, dài cỡ gang tay, sẵn sàng đem kéo thành sợi. Bông từ trái (quả) chín nở ra múi, hái về phơi khô, đến khi kéo thành sợi phải qua việc “cán” (tách bông khỏi hạt), “cung” (làm tơi bông cho các sợi bông li ti không bết vào nhau thành nùi mà rời xa đều nhau), rồi cuộn/cuốn thành “con cúi”, trước khi được kéo thành sợi. Bông thì bao giờ cũng trắng ngòn ngòn như tuyết.

(Nguồn: Kim Bồng)

### Câu đố (1)

Canh một thì trái chiếu ra  
Canh hai bóp vú, canh ba sờ l..  
Canh tư thì lắ xom xom  
Canh năm cuộn chiếu ẵm con mà về

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

#### 15. Xa cừ 砵磔,

Theo soạn giả: xa = ốc to; cừ = vỏ ốc dày; và, xa cừ có hai nghĩa: 1) loài trai vỏ long lanh; 2) mặt trong của trai. Ở đây, ông cũng phạm sai lầm là bịa ra nghĩa cho chữ xa và chữ cừ. Cũng giống như các trường hợp ở ngay trên đây, hai chữ này chỉ dùng để tạo nên từ xa cừ, còn nếu đứng riêng rẽ thì chúng chẳng có nghĩa gì cả. Ngoài ra, khi viết rằng, xa cừ là mặt trong của trai, có lẽ soạn giả đã quá tiết kiệm lời nên chưa làm rõ nghĩa, hơn nữa, đó chưa phải là nghĩa đúng. Theo cách hiểu thông thường của người Việt Nam thì xa cừ (thường gọi là xà cừ) là lớp chất ngọc trai, có màu sắc óng ánh, ở mặt trong của vỏ trai. Trong tiếng Anh và tiếng Pháp, chất này được gọi là nacre, còn người Trung Hoa thì gọi là trân châu chất, tức là chất ngọc trai. Phải ghi nhận rằng,

việc soạn giả nêu ra nghĩa thứ nhất (xa cừ = loài trai vỏ long lanh) tuy còn mù mờ nhưng cũng là một ưu điểm mà ta rất ít khi gặp trong quyển từ điển của ông, vì nhiều người chỉ biết xa cừ là vỏ trai óng ánh để khảm lên các đồ gỗ chứ không biết rằng, xa cừ là tên một loài trai. Nhưng, ở đây soạn giả cũng không biết loài trai ấy sống ở đâu, to lớn ra sao. Xa cừ là tên một loài trai rất to (có con nặng tới 250 kg), sống trên các đảo san hô ở Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, có tên bằng tiếng Anh là giant clam hoặc tridacna.

Không biết các trường hợp biến âm và nhớ sai âm đọc của các từ tố nên đã đoán sai nghĩa của chúng

Trong những từ tiếng Việt gốc Hán, có một số (rất ít) trường hợp, trong đó, một từ tố bị biến âm, được phát âm khác với âm Hán Việt thông thường của nó. Tiếc thay, soạn giả không hề biết điều đó, nên đã bịa đặt ra nghĩa khác cho các từ tố bị biến âm ấy. Lại có những từ tố mà soạn giả không hiểu, vì nghe người ta đọc sai nên ông đã chép sai rồi bám theo đó mà giải thích, và thế là giải thích sai. Những sai phạm như vậy chứng tỏ rằng, soạn giả chỉ hoàn toàn dựa vào trí nhớ không chính xác của mình mà không hề có khả năng và phương tiện tra cứu. Dưới đây là 13 trường hợp như thế. Ở những từ hoặc thành ngữ không có thật vì bị tác giả nhớ sai, chép sai, chúng tôi không được phép ghi chữ Hán.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

## **Câu đố (2)**

Câu đố tả...người kéo vó ban đêm

### **La De**



Hãng BGI lúc ấy chỉ có nấu hai loại  
La De :

1 - La De thường, vào chai lớn  
(dung tích 66) thường gọi La De  
Con Cọp vì chai có cái đầu con cạp  
màu vàng và để nhãn hiệu Bière  
Larue,

2 - La De 33, nấu thơm hơn, độ rượu nhiều hơn, vị  
uống đậm đà hơn, vào chai nhỏ (dung tích 33, tên  
thường gọi là bia Băm Ba, nhãn hiệu là Bière 33  
Export.

(Phan Văn Song)

## **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Ăn mặn nói ngay hơn ăn chay nói dối

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao, thành ngữ)

## Triết lý củ khoai

Lúc còn bé, tưởng yêu một người thì dễ, quên một người mới khó. Giờ thấy mình quên đi nhiều người cũng dễ dàng, nhưng để yêu, mới khó làm sao.

## Buôn tảo bán tần

Tảo, tần là tên hai loại rau mọc ở dưới nước, ven bờ.

Trong bài thơ "Thái tần" có câu:

Vu dĩ *thái tần*,  
Nam gián chi *tân*  
Vu bỉ *thái tảo*  
Vu bỉ hàng lạo

Nghĩa là: đi hái *rau tần*, bên bờ khe phía nam, đi hái *rau tảo*, bên lạch nước kia. Trong văn hóa Tàu, tảo, tần tượng trưng cho đức tính siêng năng, chịu khó, hay làm của người phụ nữ.

Thành ngữ "buôn tảo bán tần" đã có trong Kinh Thi.

Ở Việt Nam, ý biểu trưng của tảo, tần cũng được sử dụng nhiều trong văn học cổ. Chẳng hạn như "Sớm khuya chăm việc *tảo tần* - Thờ cha kính mẹ đôi lần chẳng sai". Sau này, "*buôn tảo bán tần*" chỉ đức tính đảm đang việc nhà của người phụ nữ.

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Cau phơi tái, gái đoạn tang, chim ra ràng, gà mái ghe  
(những thứ hấp dẫn)

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao, thành ngữ)

### **Triết lý củ khoai**

Lúc bé rất sợ phải chết, nhưng bây giờ khi tôi lớn lên mới biết sự lãng quên còn đáng sợ hơn cái chết rất nhiều.

### **La de Con Cọp**

Và đời lính mang lại cho tôi những buồn vui kỷ niệm, những tình bạn đồng ngũ đầy hy sinh không tính toán, và những trang trải tâm tình qua bữa nhậu la de Con Cọp mờ khói thuốc. Vâng, tôi nhậu, tôi hút thuốc ngay đêm đầu tiên của đời lính trong câu lạc bộ với mấy đứa bạn mới làm quen. Tiền trong túi ba đứa chung lại chỉ đủ mua một đĩa tôm khô củ kiệu, một đĩa đậu phộng rang, một con khô mực nướng và hai chai bia Con Cọp. Sau này thì khá hơn, nhằm lúc đầu tháng mới lãnh lương, bọn tôi cũng nhậu với bò lúc lắc, cánh gà chiên bơ, gỏi sứa tôm thịt, bê thui như ai. Chỉ nhậu đơn sơ vậy thôi mà sao thấy ngon cách gì!



La de Con Cọp hoặc 33. Chai Con Cọp 0.66 lít; chai 33 0.33 lít, vì vậy mới có tên là 33. Lĩnh nghèo làm gì dám rớ tới mấy loại Cognac của Pháp. Hơn nữa, uống bia lạnh mạnh hơn uống rượu mạnh. Ông tổ y học Hippocrates từ 2,380 năm trước đây đã công nhận bia có thể chữa được bệnh mất ngủ, bệnh viêm gan, tiểu đường, brou độc và bệnh mất trí nhớ. Trí nhớ của tôi kém lắm, không biết tại tôi uống chưa đủ “liều lượng” hay là tôi từng uống quá đà và quá đã.

(Nhậ – Phan Hạnh)

### Thơ tình

Trong *Văn học miền Nam*, Võ Phiến viết miền Nam ít thơ tình, rất ít. Theo tôi (là một người làm thơ): Trước thế kỷ thứ 19, đa số dân chúng Việt nam thường mượn ca dao – tục ngữ để quan hệ với nhau trong những buổi đồng áng như cày cấy, gặt hái và tát nước giã gạo vào ban đêm. Nên câu hò tiếng hát dân gian như hò vè, hát ví, hát đúm, hát quan họ....để trao đổi tình cảm. Văn chương bình dân giản dị dễ nghe, dễ thuộc, nên văn chương truyền khẩu dễ

phát triển văn học dân gian. Trong khi các cô thiếu nữ đang cấy lúa thấy nam nhi đi qua đường thì hát gheo như vậy:

*“Hồi anh đi đường cái quan - Dừng chân đứng lại em than đôi lời”* hoặc là trai tán gái *“Hôm qua tát nước đầu đình - Bỏ quên cái nón trên cành hoa sen”*

Sang giai đoạn 1963, chiến tranh leo thang nên tình hình chung trong đó thơ tình phát triển rất chậm. Đến năm 1972 chiến tranh tiến đến cái độ khốc liệt, thì quan hệ nam nữ lúc đó hình như vắng mặt hẳn cái anh thơ tình. Ấy là chưa kể đời sống mỗi lúc một vất vả, cuộc sống hết sức là bận rộn trong cuộc mưu sinh.

Thành ra ai ở không, thì sáng tác thi ca? Để cho chính mình đọc mà thôi? Không có người thứ hai? Cái anh không làm thơ được thì mơ ước làm thơ, còn cái anh làm thơ không ai cảm thì cũng không có ai có thì giờ mà ngồi đọc.

(Chu Vương Miện)

### **La De Trái Thơm (1)**

Sau đây là câu chuyện của La De Trái thơm.

Năm 1973, tôi (Phan Văn Song) làm chánh sở Tiếp thị (Chef du Service Marketing), coi luôn phần quảng cáo. Để hà tiện tiền làm nhãn ở Pháp, tôi nhờ anh họa văn phòng quảng cáo vẽ lại cái nhãn. Trên nhãn cái đầu con cọp vàng ở giữa hai bên có hai

tràng hoa houblons, là loại hoa dùng để thêm cái vị nhân đắng vào bia. Nấu bia ngon dở là do cái tài thêm ít hoa houblon.



Nhãn vẽ xong đại khái cũng tạm ổn, vì anh họa sĩ nhà chưa bao giờ nhìn thấy hoa houblon, nên đỉnh ninh thấy hoa houblon cho là trái thom, nên vẽ giống trái thom. Các giám đốc Tây cũng ba chớp ba nháng, kể cả anh chánh sở trách nhiệm là tui, cũng thế. Vì thiệt tình mà nói thì có ông nội nào thấy hoa houblon tươi đâu? Biết là houblon nhưng chỉ nhìn thấy hoa dưới dạng khô.

(Nguồn: Phan Văn Song)

### Nợ như tổ đĩa

Tổ đĩa: không phải tổ con đĩa mà là một loại cây mọc cạnh bờ ao, lá xơ xác. Người ta ví câu này với người nghèo nên mang nợ.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

## Triết lý củ khoai

Lúc bé tưởng tượng rất nhiều, và giờ đây khi lớn lên mới nhận ra chuyện cổ tích không bao giờ có thật.

## La De Trái Thơm (2)

Nhãn đưa qua Công ty Thủy tinh Việt Nam, (Khánh hội) dán vào chai: 100 ngàn chai mới. Khi đưa vào nhà máy Cholesterol, các lão kỹ sư cười vỡ bụng, “hoa houblon sao giống trái thơm thế này”. Văn phòng quyết định cứ trộn chai mới vào với đám chai cũ, lẫn lộn chả ai biết gì đâu, người ta uống La De có ai thèm nhìn nhãn đâu. Chẳng lẽ vất bỏ 100 ngàn chai hay sao?

Nhưng không ai lường được cái tài kinh doanh của người Hoa (các chú Chệt nhà mình ở hãng). Mấy tay cao thủ bán hàng của hãng cứ thế mà sắp cho mỗi thùng một chai, và tuyên truyền nguyên tắc của Hãng mỗi thùng một chai. Nhưng khi đi giao hàng (bán sỉ) quý vị ấy tự nhiên đề nghị với các bạn hàng biết điệu nghệ thì có thể thêm 2 hoặc 3, thậm chí cả thùng toàn a de trái thơm tùy theo chịu chơi của thân chủ. Và cứ thế giòng sông thương mại trôi theo giòng điệu nghệ, ăn nhậu. Thế là tiêng lành đồn xa tiếng dữ đồn gần, Hãng La De vừa sản xuất được một thứ La De hảo hạng, La De trái thơm, một thùng chỉ một chai, để tặng các bạn.

(Nguồn: Phan Văn Song)

### **Thành ngữ và danh ngôn**

Cha ông xưa đúc kết được kinh nghiệm sống và truyền khẩu cho đời con cháu mai sau qua ca dao và thành ngữ...Nay con cháu mai sau đời sau chế tác "lung tung, trống kèn" những thành ngữ, danh ngôn cho riêng họ :

- Bạn có thể là “anh hùng” nếu bạn tên là Hùng và bạn có 1 đứa em
- Bạn có thể là “bác” sĩ mà không cần học nếu bạn tên Sĩ và có 1 đứa cháu.

### **Triết lý củ khoai**

Lúc bé cứ mơ ước lớn lên sẽ trở thành người này người kia, giờ mới biết được trở thành chính mình mới là khó nhất!

### **Chữ và nghĩa**

Người Nam thường bảo trẻ con đi chỗ khác chơi, không được lảng cháng trước mặt. Nhưng trong từ điển của Huỳnh Tịnh Của đã nói ở trên ghi loạn choán. Như vậy từ gốc là “choán”, yếu tố lấy là loạn và nghĩa gốc của lảng cháng là “choán chỗ”.

Đây là hiện tượng biến âm.

(Vài hiện tượng thú vị trong tiếng Việt – Lê Trung Hà)

### La De Trái Thơm (3)

Chai la de lớn đặc biệt gọi là La De Trái Thơm. Theo lời đồn, trong mỗi thùng 6 chai chỉ có một chai Trái Thơm, giá đặc biệt và cũng là quà tặng đặc biệt mỗi khi có khách quý. Ai đã được uống La De Trái Thơm đều khen ngon hơn chai la de thường.



(La De Quân tiếp vụ)

Thiệt tình mà nói là La De Trái Thơm, La De thường, La De Quân tiếp vụ cũng là một thứ, Vô chai có hình trái thơm thì nó trái thơm, vô chai thường thì nó là la de thường, gắp chai Quân tiếp Vụ thì nó biến thành La De Quân tiếp Vụ. Vậy mà có người khen chê cho La De Trái thơm là ngon nhưt, xong đến La De Con Cọp và hạng chót là La De Quân tiếp Vụ vì là cho quân đội uống. Chẳng qua là cái mã ở ngoài cả vì nấu 2 loại bia (la de lớn và bia

33) đã tóe phở, học xì dầu, BGI đâu có quởn nấu ba bốn loại còn vô chai vô cộ, đôi kíp đôi người. Phức tạp lắm. Nội cách đôi vô chai cho hạp với rượu cũng đủ hao tiền.

(Phan Văn Song)

### **Triết lý củ khoai**

Lúc bé tưởng nói quên là có thể quên được, giờ mới biết có những chuyện càng muốn quên thì nó lại càng ở mãi trong lòng.

### **Chữ nghĩa lơ mơ lố mỗ**

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lâm

#### **4. đồng loã 同伙**

Có lẽ ai cũng biết rằng, từ đồng loã có hai nghĩa: 1) người trong cùng một nhóm làm ăn với nhau (danh từ), và 2) cùng tham gia một nhóm làm ăn (động từ). Cả hai nghĩa này thường mang ý xấu. Soạn giả dạy rằng, loã nghĩa là cái bọc. Nhưng đó chỉ là sự suy đoán chủ quan của ông chứ trong ngôn ngữ Trung Hoa và Việt Nam chỉ có từ đồng loã 同伙, với dạng chữ Hán như chúng tôi đã viết, trong đó, loã là âm đọc chệch từ âm hoả 伙. Hoả nghĩa là lửa, là bếp.

Theo binh chế ngày xưa, mười người thì nấu một bếp, tạo thành một hoả. Đồng hoả nghĩa là người trong cùng một hoả, mở rộng ra, có nghĩa là bạn cùng làm việc. Chữ "hoả" 火 ở đây thường được viết là 伙 (đề chỉ người), và người Việt Nam ta thường đọc là loã. Ngoài ra, đồng loã còn được dùng như một động từ, với nghĩa là câu kết, là cùng nhau kiếm lợi. Đó là nghĩa thứ hai, như trên đã nói.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Bực mình chẳng muốn nói ra  
Muốn đi ăn cỗ chẳng ma nào mời

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao, thành ngữ)

### **Triết lý củ khoai**

Lúc bé tưởng chỉ có kẹo là ngọt, giờ lớn lên còn biết có những thứ còn ngọt ngào hơn cả kẹo.

### **Chữ và nghĩa**

Mút mùa Lê Thủy  
Mút mùa có nghĩa là hết mùa, xong xuôi gặt hái.  
Mút là cái đuôi, phần cuối, phần chót, như ta thường

nói: mút đũa. Mút mùa, như ta nghe thấy trong ca dao Bình Trị Thiên:

Mút mùa rạ ngã rom khô

Bạn về quê bạn, biết nơi mô mà tìm!

Đây là lời than thở của cô gái nhà quê đã gặp chàng trong mùa gặt hái và đã có lời hẹn ước sang năm sẽ gặp lại, nhưng đối với cặp nhân tình đã thề non hẹn biển thì thời gian tâm lý quá dài như thuyền trôi qua mươi hai bên nước!

Suýt chút nữa chúng ta quên hai chữ Lệ Thủy. Đây là tên huyện “Lệ Thủy”, phía Nam Quảng Bình. Lệ là đẹp, còn thủy là nước. Lệ Thủy là nước đẹp, có gạo trắng nước trong, trai thanh gái lịch.

(Thành ngữ tiếng Việt – Bao La Cư Sĩ)

### **Bia ngoại truyện (1)**

Theo bản tin của Asia Pulse ngày 19/9/2009, Hiệp hội Bia Rượu cho biết rằng một người Việt Nam tiêu thụ trung bình 22 lít bia trong năm 2008. Vì vậy nhiều hãng bia và nước giải khát nổi tiếng thế giới đã đầu tư vào Việt Nam, trong đó có các hãng Carlsberg, Heineken, Tiger and San Miguel. Đại công ty nước giải khát Hoa Kỳ Anheuser-Busch cũng đã đưa sản phẩm bia nổi tiếng Budweiser vào thị trường Việt Nam.

Theo bảng sắp hạng, dân Sài Gòn ngày nay thích uống các loại bia sau: Heineken, Tiger, San Miguel, Budweiser, Carlsberg, Corona, 333, Saigon Xanh, Saigon Đỏ, Huế.

Độ cồn trong bia Việt Nam ở mức 4.5%, tương đối là nhẹ so với bia ngoại quốc. Carlsberg, Corona: 4.6%; Budweiser, Coors, Labatt Blue, Molson Canadian: 5%; Heineken: 5.4%.

(Trong thời gian Hoa Kỳ tham chiến ở Việt Nam, nhiều binh sĩ Mỹ cũng rất thích uống bia Con Cọp và họ đặt cho nó một cái tên thân mật dí dỏm cho vui là “Tiger’s Piss”, nước đái cọp. Chẳng lẽ họ đã ném qua nước đái cọp rồi chăng).

(Nhậ – Phan Hạnh)

### **Triết lý củ khoai**

Lúc bé, vẫn nghĩ rằng tình yêu là mãi mãi, tình yêu là thứ quan trọng nhất trong cuộc đời. Giờ thì biết yêu đến đó, rồi đi đó, như mưa bóng mây, hay dù có như chớp bể mưa nguồn thì cũng vậy, có đó rồi mất đó.

Và thật sự cũng chẳng biết thứ gì là quan trọng nhất

### **Chữ nghĩa làng văn**

Có nhiều nguồn cho rằng câu đối dưới đây của Cao Bá Quát :

Thập tải luân giao cầu cỏ kiếm  
Nhất sinh đê thủ bách mai hoa  
(Mười năm lặn lội tìm cây kiếm cỏ  
Một đời chỉ biết lạy hoa mai)

Theo các tài liệu thì đôi câu đối trên có xuất xứ như sau : Theo “Nhu Thanh Nhật ký” năm Mậu Thìn (1868) vua Tự Đức cử đoàn sứ bộ sang triều cống nhà Mãn Thanh : cầm đầu là chánh sứ Lê Tuấn (đỗ Hoàng Giáp năm 1853); phó sứ là Nguyễn Tử Giản (Hoàng Giáp năm 1884); phó sứ thứ 2 là cử nhân Hoàng Tịnh. Sứ bộ Việt Nam được viên tri phủ Hán Dương là Ngải Tuấn Mỹ đón tiếp và tặng đôi câu đối cho phó sứ Nguyễn Tử Giản :  
”Thập tải luân giao cầu cỏ kiếm - Nhất sinh đê thủ bách mai hoa “.

Sự kiện trên được chép trong “Yên thiều bút lục” của Nguyễn Tử Giản (1823-1890). Câu đối “... bách mai hoa” của Ngải Tuấn Mỹ tặng Nguyễn Tử Giản là vào năm 1868, trước đó 14 năm, Cao Bá Quát đã hy sinh trong cuộc khởi nghĩa Mỹ Lương (Giáp Dần 1854)... phải chăng người đời do quá yêu Cao Chu Thần nên cứ thích tương truyền câu “nhất sinh đê thủ bách mai hoa” là của ông như một giai thoại để đời ?

(Nguồn Nguyễn Khôi)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Theo tự điển tiếng Việt ở Hà Nội (Văn Tân Nguyễn văn Đạm):

Lai rai: là con mưa, nhỏ và ngắn

### **Tục ngữ Tàu**

Thái dương đã tây xuất  
(Mặt trời mọc đằng... tây)  
Ý nói chuyện ngược đời

(Nguyễn Lập Sơn – Du Phát Linh)

### **Triết lý củ khoai**

Lúc bé tưởng sự sống và cái chết ở cách xa nhau lắm, giờ mới biết nó chỉ cách nhau một lần chỉ mong manh.

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

8. lưu chiếu 留照

Do không biết chữ Hán mà chỉ liều lĩnh đoán mò

nên giải nghĩa sai là chuyện đương nhiên. Soạn giả giảng rằng, lưu = giữ lại; chiếu = văn bản; và, lưu chiếu là tác phẩm văn nghệ nộp cho cơ quan lưu trữ của nhà nước để làm tài sản chung. Nhưng, chẳng có chữ "chiếu" nào có nghĩa là văn bản cả. Hơn nữa, chúng ta biết rằng, chữ “chiếu” ở đây chính là biến âm của chữ chiếu 照, tức là đối chiếu, là so sánh để phát hiện thật hay giả hoặc đúng hay sai. Lưu chiếu là giữ lại bản mẫu của văn bản đã lưu hành để so sánh khi cần thiết. Mục đích chính của việc lưu chiếu là như thế chứ không phải để làm tài sản chung. Soạn giả đã không hiểu chữ chiếu và cũng không hiểu gì về từ lưu chiếu.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Theo “Tự điển tiếng Việt dành cho học sinh” ở Hà Nội (Vũ Chất):

Thơ ngây: ngây thơ

### **Trích...“Tập làm văn”**

Đề: Tả con trâu (của một học sinh thành phố)  
 Nhà em có nuôi một con trâu. Nó đáng yêu lắm. Hàng ngày, mẹ xích nó ở góc hiên. Trên cổ nó có đeo một cái nơ màu hồng thật xinh xắn. Nó ăn rất ít com. Nó có khuôn mặt trái xoan thanh tú.

## Không đề

Hôm nay dưới bến xuôi đò  
Thương nhau qua cửa tò vò nhìn nhau.  
Anh đi đây, anh về đâu?  
Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm...

Thơ Nguyễn Bính. Tựa “Không đề”. Chỉ có bốn câu. Theo tôi, đây là một trong những bài thơ hay nhất, hoàn chỉnh nhất của Nguyễn Bính. Bài thơ có hai nhân vật, một người con trai và một người con gái. Người con trai ở dưới bến chờ xuôi đò. Người con gái ở trong nhà, qua khung cửa sổ, thần thò ngó ra.

Nguyễn Bính nói họ “thương nhau”. Chắc chỉ là thương thầm. Nên không có tiền đưa. Nên người con gái mới băn khoăn tự hỏi “Anh đi đây, anh về đâu?” Sáu chữ mà bời bời hai tâm sự ngổn ngang. “Anh đi đây” là câu hỏi thảng thốt. Đau nhói. “Anh về đâu?” là câu hỏi ngậm ngùi. Buồn tênh. Người con gái ngạc nhiên, rồi bàng hoàng, rồi ngẩn ngơ. Chiếc thuyền rời bến, từ từ đi xa. Hình ảnh người con trai mất hút. Chỉ còn chiếc thuyền. Rồi chiếc thuyền cũng khuất. Chỉ còn cánh buồm vươn cao, vươn cao, chói vói, chập chờn, lung linh, xa xăm: Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm...

Người con gái vẫn còn đứng đó, bên thành cửa sổ, vời vọi nhìn theo. Câu thơ ngắt thành ba nhịp

(Cánh buồm nâu / cánh buồm nâu / cánh buồm...),  
trông như mỗi nhịp ngắt là một làn sóng đột nhiên  
trào lên, che khuất cánh buồm. Bao nhiêu lần khuất  
rồi hiện. Lần cuối cùng, đã xa lơ xa lác, người con  
gái chỉ còn nhìn thấy, mờ thật mờ, hình ảnh cánh  
buồm thấp thoáng, nhòa đi trong khói song bập  
bềnh. Không còn thấy màu sắc nữa: chữ “nâu” ở  
nhịp cuối biến mất.

(Thu Tứ - Gocgio.net)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Theo “Tự điển tiếng Việt dành cho học sinh” ở Hà  
Nội (Vũ Chất):

Cao ráo: cao và khô ráo

### **Phét**

Phét: dáng dấp bề ngoài  
(ra phét quan lớn)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh  
Văn Thiện)

### **Bìa ngoại truyện (2)**

Tên bìa:

- Heineken: “Hôn em ít nên em khóc em nhéo” hoặc có thể đọc ngược lại “Nếu em khôn em nằm im em hưởng”
- Tiger: “Tình yêu giết em rồi” và “Thấy ít ghé em râu”
- San Miguel: “Sao anh nhớ mà ít ghé uống em lo”
- Carlsberg: “Cho anh ráng lấy sức bế em ra giường”
- Corona: “Còn ồm ròm ồm nhách à”

(Nhậ – Phan Hạnh)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

#### 18. năng khiếu

Mới nhìn qua, nhiều người nghĩ rằng đây là một từ gốc Hán hoàn toàn. Hẳn là soạn giả cũng nghĩ như thế nên ông chỉ việc giải nghĩa các từ tổ rồi nêu định nghĩa của từ mà không cần nói gì thêm. Theo ông, năng là sức làm việc; khiếu là năng lực hiểu biết; năng khiếu là khả năng hiểu biết nhanh chóng một ngành nghề. Thực ra, khiếu là biệt tài gần như bẩm sinh đối với một loại hoạt động nào đó. Từ tổ khiếu này không có trong tiếng Hán. Trong số những chữ Hán có âm là khiếu, không có chữ nào

mang nghĩa như thế. Các từ điển Việt Hán đều dịch: khiêu = thiên tài, tức là tài năng “trời cho”.

Như vậy cũng phù hợp với cách hiểu mà chúng tôi vừa nêu, và cũng chứng tỏ nguồn gốc phi Hán của từ tổ khiêu. Nên định nghĩa lại như sau: năng khiêu là tổng thể những phẩm chất sẵn có ở một số người, giúp họ hoàn thành tốt một loại hoạt động nào đó ngay cả khi chưa được học tập và rèn luyện trong hoạt động ấy. Vì không biết chữ Hán nên soạn giả đã coi khiêu là một từ tổ gốc Hán và gán cho nó một nghĩa chưa thật xác đáng.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### **Trích...“Tập làm văn”**

Đề: Tả cây chuối

Nhà em có cây chuối rất to, chiều nào em cũng leo lên cây chuối ngồi hóng mát. Khi em leo lên, cành chuối rung rinh

### **Chữ và nghĩa**

Rồi mùa rạ ngã rơm khô

Bậu về quê bậu, biết nơi đâu mà tìm!

Trong câu này có chữ rồi thay chữ mút, có chữ bậu thay chữ bạn, có chữ đâu thay chữ mô. Và ta nên chú ý vần âu (bậu, đâu) thay vần ô (khô; mô) mà vẫn

giữ âm hưởng trùng vận, và đây là “nội vận” (bậu và đầu).

Ngoài ra ta cũng nên lưu ý nơi chữ bậu. Trong Nam có câu ca dao dí dỏm, mặc dầu nghe rất dữ tợn như “xin tí huyết”:

Ví dầu tình bậu muốn thôi,  
Bậu gieo tiếng dữ cho rồi bậu ra  
Bậu ra cho khỏi tay ta  
Cái xương bậu nát, cái da bậu mòn!

Hai câu trước là đưa ra sự kiện có thể xảy ra, còn hai câu nối tiếp là “dần mặt, đe dọa, hăm he xé xác, nghe mà rợn gáy, rùng mình”. Nhưng mà không can chi, người mình ưa “giơ cao đánh khẽ”, chỉ khoa trương bằng lời nói, mà rốt cuộc cũng nương tay.

Cái điều chúng ta thắc mắc là chữ bậu. Theo tôi do sự rút ngắn của hai chữ “phàng đậu” là cách đọc theo giọng Quảng Đông của hai chữ bằng hữu. Còn hai chữ mạo đậu mà ta thường nghe phía Hải Phòng, Chợ Lớn, là do hai chữ ma hữu, có nghĩa là “không có” chi cả!

(Thành ngữ tiếng Việt – Bao La Cư Sĩ)

**Trích...“Tập làm văn”**

Đề: Miêu tả về bố

Bố em có một hàm răng vàng, hàm răng vàng luôn chỉ bảo em những điều hay lẽ phải. .

### **Chữ nghĩa làng văn**

Thê thơ, bản thân nó chỉ là khuôn hình của tác phẩm văn học. Cũng giống như khuôn hình làm bánh trung thu vậy. Nhưng chất lượng của bánh trung thu không phụ thuộc vào cái khuôn đúc bánh, mà nó tùy thuộc vào phẩm chất các nguyên liệu của người làm bánh. Cố nhiên, độ dày độ mỏng, độ vuông độ tròn, tỉ lệ cân đối hay không cân đối, dáng vẻ bắt mắt hay không bắt mắt... Thê thơ lục bát cũng vậy. Nó vốn có từ trong dân gian. Nhiều người và qua nhiều đời đã dùng nó để đúc ra các bài ca, khúc hát...

Nhưng phải đến Nguyễn Du , với tài năng lỗi lạc của mình, ông mới đúc ra được một truyện Kiều tuyệt tác. Trong quá trình đúc truyện Kiều, ông đồng thời cũng căn chỉnh, uốn nắn lại cho cái khuôn hình lục bát trở thành thuần khiết và điển phạm nhất.

Nhưng vì sao khi viết truyện Kiều, Nguyễn Du lại chọn thê thơ lục bát? Thực ra thì Nguyễn Du cũng đã từng viết rất nhiều thơ chữ Hán theo thê thơ bát cú Đường luật. Ông cũng đã viết "Văn tế thập loại chúng sinh" nổi tiếng bằng thê thơ song thất lục bát. Trước ông đã có người dùng bát cú Đường luật để kể chuyện và không thành công. Nhiều người khác

cũng đã dùng thơ lục bát để diễn nôm lại các câu chuyện cổ nhưng cũng rất ít thành công về mặt nghệ thuật văn chương. Nhưng khi viết truyện Kiều, Nguyễn Du vẫn lựa chọn thể lục bát. Có lẽ là vì ông đã nhìn thấy những ưu việt hơn hẳn của thể thơ lục bát so với các thể thơ khác.

(Đỗ Đình Tuân - Những ưu việt của thơ lục bát)

### **Trích...“Tập làm văn”**

Đề: Tả con lợn nhà em

Con lợn nhà em đầu tròn như quả bóng da, người nó hình cái hộp các-tông còn cái đuôi thì giống cái chân chống xe máy!

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Theo “Tự điển tiếng Việt dành cho học sinh” ở Hà Nội (Vũ Chất):

Trai gái: trai và gái

### **Chữ và nghĩa**

Tục ngữ là sản phẩm của quá khứ. Vì vậy, khi dạy tục ngữ, tất phải đối mặt với những từ ngữ cổ hết sức xa lạ với học sinh. Giới biên soạn sách giáo khoa e dè như thế kẻ cũng phải, vì khó lòng có thể né tránh được những từ ngữ “hiếm học”, đến độ

từng gây lúng túng cho không ít các nhà học giả danh tiếng. Dễ dễ hình dung những gì vừa nêu đó, chúng tôi xin đưa ra một vài dẫn chứng *những trở ngại về từ ngữ cổ*.

Chắc vì chưa rõ *rán* là gì trong câu *Đại hàn trâu nằm “rán”, người ngồi bếp*, các soạn giả *Đại từ điển tiếng Việt* đành chép chữ ấy thành “*giàn*”, rồi diễn giải: “*Trời quá lạnh phải ngừng mọi công việc để tránh rét*”. Giá chịu khó tra cứu, chắc họ sẽ thấy *rán* là từ hiện còn thông dụng tại một số địa phương, như *Từ điển tiếng Việt* với nghĩa: “*chuông [nhốt trâu bò]*”, và chắc hẳn họ cũng sẽ tự thấy phải chia tay ngay với cách diễn giải “*nông nổi*” vừa nhắc để bằng lòng với lời diễn giải sau : “*Vào ngày đại hàn giá lạnh thì hãy để trâu nằm lại trong chuông [chứ đừng lừa nó ra đồng (vì trâu yếu chịu rét)], còn người thì hãy đưa nhau xuống bếp mà ngồi [cho ấm].*”

Vì vậy *rán* là từ cổ có nghĩa là *chuông*.

(Tập chí Ngôn ngữ – Nguyễn Đức Dương)

### Trích...“Tập làm văn”

Đề: Tả buổi chào cờ đầu tuần  
Sáng thứ hai tuần nào cũng vậy, trường em lại tổ chức chào cờ. Đầu tiên là thầy hiệu phó phụ trách lao động lên mắng mỏ một tí. Sau đó đến lượt thầy

hiệu trưởng lên mắng. Khi thầy hiệu trưởng mắng, cái cục ở cổ thầy cứ chạy đi, chạy lại.

### **Chữ nghĩa làng văn**

Câu đối là những câu văn đi đôi với nhau thế nào cho ý, chữ và luật bằng trắc cân xứng với nhau. Một đôi câu đối thì mỗi câu là một vế: vế trên, vế dưới; nếu do một người nghĩ ra và một người đáp lại thì gọi là: vế ra (xuất), vế đối.

*Về loại:* hai chữ phải cùng loại (danh từ, động từ, trạng từ, ...) mới đối nhau, ngoài ra thực tự phải đối với thực tự, hư tự đối hư tự, chữ nho đối chữ nho:

.....

Chôn chặt văn chương ba thước đất,  
Tung hô hò thi bốn phương trời.

*Khóc Ông Phủ Vĩnh Tường (Hồ Xuân Hương)*

(Khuyết danh – Tiếng Việt lý thú)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia :  
"Hữu Loan chưa xuất bản tập thơ nào".

Cũng theo datviet.com

"Trên thực tế, Hữu Loan là nhà thơ nổi tiếng duy nhất cả đời không in một tập thơ nào".

(Phanxipăng – Hữu Loan ly kỳ & độc đáo)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

#### 9. ly sở 治所

Soạn giả nêu được định nghĩa đúng: ly sở là trung tâm hành chính của một địa phương. Nhưng thật là sai lầm khi ông đoán rằng “ly” là đến nơi. (Chữ này có mặt trong từ ly nhậm 蒞任, nghĩa là đến nơi nhậm chức). Ly sở vốn là trị sở nhưng bị đọc chệch đi và đã trở thành thói quen. "Ly" ở đây chính là "trị" 治, nghĩa là cai quản, điều hành công việc, và cũng dùng để gọi tắt từ trị sở .

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### Chữ và nghĩa

Tục ngữ là sản phẩm của quá khứ. Vì vậy, khi dạy tục ngữ, tất phải đối mặt với những từ ngữ cổ hết sức xa lạ với học sinh. Giới biên soạn sách giáo khoa e dè như thế kể cũng phải, vì khó lòng có thể né tránh được những từ ngữ “hiếm học”, đến độ từng gây lúng túng cho không ít các nhà học giả danh tiếng. Đề dễ hình dung những gì vừa nêu đó,

chúng tôi xin đưa ra một vài dẫn chứng *những trở ngại về từ ngữ cổ*.

Trong câu *Thứ nhất “thả cá”, thứ nhì gá bạc* là “thả cá xuống ao đầm để nuôi”, một nhà giáo tên tuổi đã diễn giải câu này là: *“Việc thả cá có lợi là đúng và cần khuyến khích, còn gá bạc thì ngày nay là một tội phạm, vì đó là một việc làm ăn bất chính”* (Nguyễn Lân. *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*).

Thực ra, *thả cá* là từ cổ còn có một nghĩa nữa là *“thách cá”*, như nhiều từ điển đã ghi nhận.

(Tạp chí Ngôn ngữ – Nguyễn Đức Dương)

### **La De...ngoại truyện (1)**

Bia hơi được thương mại đến tận gia đình. Những thùng bia hơi với hệ thống bơm hơi đang được đưa đến tận gia đình. Không còn bắt buộc dắt nhau ra quán nhậu bia hơi, để thưởng thức các hương vị “bia tươi” với bọt mềm dịu trong miệng, đưa tay chùi đôi mép vương bọt. Ngày nay đem một thùng bia hơi và dụng cụ về nhà, rửa vài bạn bè về, tìm cái thú vui của hương vị, thưởng thức cả vị giác và cả thính giác nữa.. tiếng pxiii kéo dài khi bia xúi bọt.

Trở về la de. ngày nay với kỹ thuật mới bia hơi bán trong thùng sắt có thể giữ được 6 tháng. Còn bia chai giữ được một năm. Chả bù vào những năm

1970 ở Sài Gòn chúng tôi chỉ bán bia hơi cho những quán nào bảo đảm bán hết thùng bia trong 24 giờ. Sau đó đổi thùng mới, súc hệ thống hơi và vòi, mà phải để nhơn viên BGI làm, mới bảo đảm, vì chúng tôi, hãng BGI bảo đảm hương vị của bia. Vì thế ở Sài Gòn lúc bấy giờ rất ít quán có bia hơi.

Quý bạn chắc còn nhớ quán bán Bia Bock ở Chợ cũ đường Hàm Nghi cạnh Ty Ngân Khố không? Chiều chiều ra đây làm vài ly Bock, ăn một hai hột vịt lộn, hay bò bía hết xẩy.

(Phan Văn Song)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã Ngày xưa...ngày nay...**

Ngày xưa đường phố long nhong,  
Ngày nay ba buổi trong phòng đọc kinh.

### **Chữ và nghĩa**

Tục ngữ là sản phẩm của quá khứ. Vì vậy, khi dạy tục ngữ, tất phải đối mặt với những từ ngữ cổ hết sức xa lạ với học sinh. Giới biên soạn sách giáo khoa e dè như thế kẻ cũng phải, vì khó lòng có thể né tránh được những từ ngữ “hiếm hóc”, đến độ từng gây lúng túng cho không ít các nhà học giả danh tiếng. Để dễ hình dung những gì vừa nêu đó, chúng tôi xin đưa ra một vài dẫn chứng *những trở ngại về từ ngữ cổ*.

Xin nêu một dẫn chứng cuốn *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam* vừa dẫn đã chép lộn “tràng” trong câu áo cứ tràng; làng cứ xã thành chàng, rồi diễn giải: “Nói tính ỷ lại của người đàn bà, cũng như tính ỷ lại của người dân trong thôn xóm, không thấy được vai trò làm chủ của mình” .

Thực ra, *tràng* là một từ cổ chỉ cái vạt trước của chiếc áo dài (thời xưa). Bởi thế, đây không phải là lời chê trách thói ỷ lại, mà là lời nhắc nhở người đời sau nên dựa vào cái gì khi định cất may/bình phẩm về áo quần, cũng như nên dựa vào ai khi cần xét đoán/bình phẩm về dân tình sinh sống trong làng xã.

(Tập chí Ngôn ngữ – Nguyễn Đức Dương)

### **Trích...“Tập làm văn”**

Đề: Tả người thầy em yêu quý nhất  
Thấm thoát đã ba mùa hoa ban nở, thầy giáo phải tạm biệt chúng em để về xuôi. Cả làng cả bản đứng tiễn thầy vô cùng ngậm ngùi. Riêng em đứng nhìn theo thầy cho đến khi thầy xa dần, xa dần, đến khi nhỏ bằng con chó em mới quay lại bản.

### **Triết lý củ khoai**

Lúc bé tưởng hạnh phúc là điều gì đó xa xôi lắm, giờ mới biết hạnh phúc chỉ đơn giản là những thứ

bình dị xung quanh ta, có chăng là mình đã không nhận thấy.

### Chữ và nghĩa

Tục ngữ là sản phẩm của quá khứ. Vì vậy, khi dạy tục ngữ, tất phải đối mặt với những từ ngữ cổ hết sức xa lạ với học sinh. Giới biên soạn sách giáo khoa e dè như thế kể cũng phải, vì khó lòng có thể né tránh được những *những trở ngại về ngữ pháp* đến độ từng gây lúng túng cho không ít các nhà học giả danh tiếng. Để dễ hình dung những gì vừa nêu đó, chúng tôi xin đưa ra một vài dẫn chứng chưa đúng lắm về *cấu trúc cú pháp* của tục ngữ.

Do làm tương *rắn mai* cũng như *rắn hổ* trong câu *Rắn mai tại lỗ; rắn hổ về nhà* là “chủ ngữ”, (CN) còn *tại lỗ* cũng như *về nhà* là “vị ngữ” [VN] của câu và mối quan hệ về nghĩa giữa CN với VN là mối quan hệ giữa “Người hành động” với “Hành động”, cuốn *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam* đã diễn giải câu trên thành: “(Mai là mai gầm, hổ là hổ mang). Nhận xét cho rằng rắn mai gầm thường ở trong hang; còn rắn hổ mang thì thường ra ngoài”.

Tiếc thay, lời diễn giải ấy lại chẳng hề ăn nhập chút nào với vốn kinh nghiệm sống còn mà dân bắt rắn chuyên nghiệp đã tích lũy được: “*Hễ bị rắn mai gầm cắn thì nạn nhân có thể chết ngay tại lỗ; hễ bị rắn*

*hổ mang cắn thì nạn nhân có thể lê về tới nhà mới  
tất thờ.”*

(Tập chí Ngôn ngữ – Nguyễn Đức Dương)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Người Hà Đông chuyển âm “n” là “l” nên *nôi niếu*  
đọc là *lôi liêu*.

Người Hà Nam, Phủ Lý chuyển âm “tr” là “ch” nên  
*giá trị* đọc là *giá chi*, *tranh chấp thành chanh chấp*.

Người Kim Sơn (Thái Bình” chuyển âm “tr” là “t”,  
và “l” à “n” như:  
con *trâu trắng* thành con *tâu tắng*, làm lụng là *nàm  
nụng*.

(VN có một nền văn minh sông nước – Nguyễn  
Hưng Quốc)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

**Ngày xưa...ngày nay...**

Ngày xưa như tướng như vương ,  
Ngày nay thất thế như phường hát rong.

## Chữ và nghĩa

Tục ngữ là sản phẩm của quá khứ. Vì vậy, khi dạy tục ngữ, tất phải đối mặt với những từ ngữ cổ hết sức xa lạ với học sinh. Giới biên soạn sách giáo khoa e dè như thế kể cũng phải, vì khó lòng có thể né tránh được những *những trở ngại về ngữ pháp* đến độ từng gây lúng túng cho không ít các nhà học giả danh tiếng. Để dễ hình dung những gì vừa nêu đó, chúng tôi xin đưa ra một vài dẫn chứng chưa đúng lắm về *cấu trúc cú pháp* của tục ngữ.

Bằng chứng là nếu diễn giải câu *Chó treo; mèo đậy* ta buộc lòng phải cho rằng “*Chó đem treo* thức ăn cần cất giữ lên cao; *còn mèo thì cố đậy* kín thức ăn cần cất giữ lại”, tuy cái nghĩa đích thực của câu ấy lại là: “*Để chó* khỏi ăn vụng *thì* thức ăn cần cất giữ *nên được treo cao lên*; *để* mèo khỏi ăn vụng *thì* thức ăn cần cất giữ *nên đậy kín lại*”, vì mối quan hệ về nghĩa giữa *chó* cũng như *mèo* với *treo* cũng như *đậy* là mối quan hệ giữa hai sự thể: sự thể thứ nhất nêu “*cái đích cần được nhằm tới*” và sự thể sau nêu cái “*hành động mà chúng ta nên làm để đạt tới đích*”.

(Tập chí Ngôn ngữ – Nguyễn Đức Dương)

### **Bia 33 và nồng độ .33**

Sau tháng Tư 1975, Việt cộng từ Bắc vô Nam ban đầu mượn tạm mọi thứ thuộc về miền Nam để rồi sau đó mượn luôn. Tất cả công ty thuộc quyền sở hữu doanh nhân người Pháp cũng cùng chung số phận: M.I.C., Bastos, Melia, v.v. Hãng la de Brasseries-Glacières d'Indochine (B.G.I.) bị trưng dụng và đổi tên thành Hãng Bia Saigon SABECO sản xuất các loại bia Saigon Special, Saigon Export (bao gồm bia lon 333, bia Sài Gòn Đỏ, Sài Gòn Xanh.

Bia 33 tiếp tục được hãng Calsberg của Đan Mạch sản xuất.

Năm 1909, B.G.I. sản xuất bia hai cỡ chai: chai lớn 0.66 lít nhãn Con Cọp (trên nhãn đề dung tích chỉ có 0.61 lít) và chai nhỏ 0.33 lít nhãn 33.

Có một sự trùng hợp với bia 33 là: Mức độ hợp pháp cho người lái xe ở Mỹ và Canada là 0.08. Từ 0.33 trở lên là trọng tội.

### **Tục ngữ Tàu**

Vô tửu bất thành lễ

Một tửu một tương bất thành đạo trường  
(Không rượu không tương, không thành đạo trường)

(Nguyễn Lập Sơn – Du Phát Linh)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

#### 11. nữ sinh ngoại tộc

Nếu chúng tôi nhớ không nhầm thì câu này phải là “nữ nhân ngoại tộc” mới đúng. Câu này thường được hiểu rằng, đàn bà hoặc con gái là người của họ khác, tức là của họ nhà chồng, chứ không có vai trò và quyền lợi đáng kể trong gia tộc của bố mình. Soạn giả vốn quen dựa vào trí nhớ kém cỏi của mình mà không có khả năng tra cứu nên đã chép chữ “nhân” thành chữ “sinh” và giải thích rằng, ”sinh” nghĩa là “để ra” rồi giảng giải: câu này nói về quan niệm phong kiến cho rằng con gái để ra là thuộc bên ngoại và không có quyền lợi như con trai. Một lời giải thích thật tối nghĩa. Xin hỏi ông rằng, bên ngoại là bên nào vậy?

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### **Tục ngữ và thành ngữ**

- *Tục ngữ*: Là một câu tự nó diễn trọn vẹn một ý, một nhận xét, một kinh nghiệm, một luân lý, có khi là một sự phê phán.

- *Thành ngữ*: Là một phần câu sẵn có, nó là một bộ phận của câu, mà nhiều người đã quen dùng, nhưng tự riêng nó không diễn được một ý trọn vẹn.  
Thí dụ như: "*Cá bé, chim ngàn*" hay "*Người chữa, cửa má*"...

Có người nói tục ngữ là ngôn ngữ, là lời nói đã lưu hành từ xưa.

Chữ *ngạn* có nghĩa là lời nói của người xưa.

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Theo “Tự điển tiếng Việt dành cho học sinh” ở Hà Nội (Vũ Chất):

Ngôi: đặt đít xuống chỗ nào

### **Chữ nghĩa làng văn**

Nhạc sĩ Phạm Duy, bạn thân của Hoàng Cầm, đã phổ bài thơ *Lá diêu bông* thành ca khúc, từng viết *Hoàng Cầm trong tôi* tại California, Hoa Kỳ, vào năm 1984 nêu cách giải thích:

"Trước hết chúng ta cần biết lá diêu bông là lá gì? Lá diêu bông (lá bông diêu thì đúng hơn) là thứ lá đặc biệt ở làng Đình Bảng, Bắc Ninh, phụ nữ thời xưa thường vắt ra nước rồi bôi lên mặt cho da dễ được hồng hào tươi đẹp.

Ít lâu sau Hoàng Cầm phủ nhận những “hư cấu) của Phạm Duy.

(Phanxipăng – Diêu bông rụng xuống lòng sông Đuống)

### **Câu đố, câu đối**

Nền văn học dân gian Việt Nam có một hình thái văn chương, văn vẻ thật độc đáo, đó là: Câu đố. Nó xuất phát từ sự quan sát của con người, động vật, sự vật... hàng ngày. Những nghệ nhân vô danh thu lượm, sáng tạo rồi viết thành lời, truyền tụng trong dân gian. Người nghe thích thú, suy nghĩ sau đó.. đoán. Thi dụ:

*Hai tay nắm lấy khur khur  
Bụng thì bảo dạ, rằng, U - đút vào  
Đút vào nó sướng làm sao  
Dập lên dập xuống nó trào nước ra.  
(Ăn mía)*

Hoặc

*Mặt tròn vành vạnh, đít phồng phao.  
Mân mân, mó mó - đút ngay vào  
Thủy hỏa tương giao, sôi sùng sục  
Ấm dương hòa khí, sướng làm sao !  
(Cái điều bát)*

Hay :

*Vừa bằng bấp tay*

*Thay lay giữa háng  
Đến ngày đến tháng  
Lông lá mọc đầy.  
(Bấp ngô)*

(Lê Xuân Quang – Câu đố xưa...câu đố nay)

### **Chữ và nghĩa**

Tục ngữ là sản phẩm của quá khứ. Vì vậy, khi dạy tục ngữ, tất phải đối mặt với những từ ngữ cổ hết sức xa lạ với học sinh. Giới biên soạn sách giáo khoa e dè như thế kẻ cũng phải, vì khó lòng có thể né tránh được những *những trở ngại về ngữ pháp* đến độ từng gây lúng túng cho không ít các nhà học giả danh tiếng. Để dễ hình dung những gì vừa nêu đó, chúng tôi xin đưa ra một vài dẫn chứng chưa đúng lắm về *cấu trúc cú pháp* của tục ngữ.

Tiện thể cũng nên dẫn thêm ra vài dẫn chứng nữa để bạn đọc có thể dễ hình dung việc vận dụng mô hình cho tục ngữ thường gặt hái được những “thành quả tai hại” như thế nào.

*Ăn cơm có canh, tu hành có vãi* thường được diễn giải như là “Sự ham muốn nhục dục của kẻ trong giới tu hành là chuyện thường tình, ví như ăn cơm thì phải có canh, ở nhà chùa thì ắt có vãi”.

Trong khi nghĩa đích thực của câu này là: “*Ăn cơm thì cần có canh* cho dễ nuốt; *tu hành thì cần có vãi* để đỡ bị phân tâm vào chuyện cơm nước khi đang

phải dồn hết tâm trí cho việc tu hành”.

(Tập chí Ngôn ngữ – Nguyễn Đức Dương)

### **Dân ca tình tự dân gian**

Dưới đây là nguyên bản bài *Cô gái hái chè* ở vùng Thái Nguyên miền Bắc quê hương của bà Đặng Thị Huệ thời chúa Trịnh Sâm:

*Hôm qua em đi hái chè  
Gặp thằng phải gió nó đẽ em ra  
Em lạy mà nó chẳng tha  
Nó đem đứt cái má cha nó vào  
Bấy giờ em biết làm sao?  
Nếu em càng giẫy nó càng vào sâu  
Cái gì như thế củ nâu  
Cái gì như cái cần câu vật vờ*

### **Chữ và nghĩa**

Tục ngữ là sản phẩm của quá khứ. Vì vậy, khi dạy tục ngữ, tất phải đối mặt với những từ ngữ cổ hết sức xa lạ với học sinh. Giới biên soạn sách giáo khoa e dè như thế kể cũng phải, vì khó lòng có thể né tránh được những *những trở ngại về ngữ pháp* đến độ từng gây lúng túng cho không ít các nhà học giả danh tiếng. Để dễ hình dung những gì vừa nêu đó, chúng tôi xin đưa ra một vài dẫn chứng chưa đúng lắm về *cấu trúc cú pháp* của tục ngữ.

Bằng chứng là nếu diễn giải câu *Ăn lúc đói, nói lúc say* được diễn giải như là “Lúc đói ăn cảm thấy ngon, lúc say thường nói rất hay”. v.v. và v.v. Trong khi nghĩa đích thực của câu này là: “*Ăn là việc mà ai cũng hay làm lúc đang đói; nói là việc mà ai cũng hay làm lúc đang ngà ngà say rượu*”.

(Tạp chí Ngôn ngữ – Nguyễn Đức Dương)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Trong thể phú, câu đối chia thành nhiều lối: *song quan, cách cú, gới hạc* nên người làm thơ cần phải dụng công nhiều hơn.

Chẳng hạn trong lối *gới hạc*: mỗi vế có ba đoạn trở lên, đoạn ngắn xen giữa hai đoạn dài (*như đầu gới giữa hai ống chân con hạc*), thí dụ:

Áo vải thô nặng trĩch, lạnh làm mềm, nực làm gới,  
bốn mùa thay đổi bấy nhiêu;

Khăn lau giặt đỏ lòm, giải làm chiếu, vận làm quần,  
một bộ ăn chơi quá thú.

*Hàn Nho Phong Vị Phú (Nguyễn Công Trứ)*

Lối *cách cú*: mỗi vế chia một đoạn ngắn và một đoạn dài, thứ tự trước sau không bắt buộc:

Đất chẳng phải chông, đem gửi thịt xương sao lợi?  
Trời mà chêt vợ, thử xem gan ruột mần răng?

Lối *song quan*: mỗi vế có từ 5 đến 9 chữ thành một đoạn liên:

Con ruồi đậu mâm xôi đậu;

Con kiến bò đĩa thịt bò.

(Khuyết danh – Tiếng Việt lý thú)

### **Chơi chữ**

Cách chơi chữ này thường dựa trên cơ sở cùng âm. Góp nhân nhận ra hiện tượng cùng nghĩa, có thể nhờ vào yếu tố cùng trường ở vị trí đối ứng. Ví dụ:

*Trông môn trước cửa  
Bắt ốc sau nhà*

Các cặp cùng nghĩa HV–TV: “môn” – “cửa”; “ốc” – ”nhà”. Trong ngữ cảnh thuận, “môn”, “ốc” là tên cây, tên con vật (TV); chúng chuyển thành từ HV để tương ứng với “cửa”, “nhà”, theo cách cùng nghĩa (để chơi chữ). Sự chuyển nghĩa này được nhận ra do hiện tượng cùng trường: “cửa” – ”nhà” .

(Câu đối chơi chữ theo cách cùng nghĩa – Triều Nguyễn)

### **Chữ và nghĩa**

Tục ngữ là sản phẩm của quá khứ. Vì vậy, khi dạy tục ngữ, tất phải đối mặt với những từ ngữ cổ hết sức xa lạ với học sinh. Giới biên soạn sách giáo khoa e dè như thế kể cũng phải, vì khó lòng có thể né tránh được những *những trở ngại về ngữ pháp* đến độ từng gây lúng túng cho không ít các nhà học

giả danh tiếng. Để dễ hình dung những gì vừa nêu đó, chúng tôi xin đưa ra một vài dẫn chứng chưa đúng lắm về *cấu trúc cú pháp* của tục ngữ.

Bằng chứng là nếu diễn giải câu *Ấm con chồng hơn bông cháu ngoại* được diễn giải như là “Có tư tưởng coi trọng đàn ông, coi thường phụ nữ, ví như thà ấm con của chồng tuy không yêu quý, thích thú gì nhưng dầu sao vẫn thuộc dòng họ nội [sic!], còn hơn bé con của con gái mình” (*Đại từ điển tiếng Việt*).

*Ấm con chồng hơn bông cháu ngoại* là một câu đậm chất nhân bản và hay dùng để phàn nàn về thói ăn ở bạc bẽo của đám cháu ngoại đối với ông bà mình. Vậy mà *Đại từ điển tiếng Việt* lại coi đây là lời chê trách “*tư tưởng coi trọng đàn ông, coi thường phụ nữ*”. Giá chú ý hơn chút đỉnh tới các đặc trưng văn hoá lòng trong ấy, chắc hẳn các nhà biên soạn đã nhận thấy ngay đây không phải là câu đề cập tới thói “*trọng nam khinh nữ*”, mà là một gợi ý cho các cô gái trẻ sớm bị goá chồng nên ứng xử ra sao khi còn chưa sinh được con trai để nối dõi giống dòng.

Nói cách khác, nội dung của câu *Ấm con chồng hơn bông cháu ngoại* có lẽ nên được diễn giải như là: “*Thà lấy một kẻ goá vợ làm chồng và chăm bẵm cho lũ con thơ cô cút của anh ta để có nơi nương tựa khi về già còn hơn là cứ ở vậy cùng con gái và chăm bẵm cho lũ con của nó những kẻ vốn chẳng hề ngó ngàng gì tới mồ mả của bà ngoại, như tục ngữ từng ghi nhận*”.

Tục ngữ ta có câu: *Cháu ngoại chẳng đoái đến mồ* [ông bà mình].

(Tập chí Ngôn ngữ – Nguyễn Đức Dương)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Theo “Tự điển tiếng Việt dành cho học sinh” ở Hà Nội (Vũ Chất):

Cào cào: vừa cào vừa cẩu

### **Chữ nghĩa làng văn**

Đặc biệt câu đối loại *chơi chữ* rất cầu kỳ, oái oăm do tận dụng những chữ đồng âm khác nghĩa, đảo từ, đảo ngữ, nói lái, ... nên càng khó đối hơn. Thí dụ:

- Lối *đồng âm khác nghĩa* như vế ra của vua Duy Tân dùng vừa nghĩa vừa chữ kèm nhau:

Đi chi đường đạo sợ cụ (*chi là đi, đạo là đường, cụ là sợ*)

Nguyễn Hữu Bài đã đối rất tài tình:

Không vô trong nội nhớ hoài (*vô là không, nội là trong, hoài là nhớ*)

- Lối *đảo từ, đảo ngữ* như vế ra trong cuộc thi do báo Trung Bắc (hai nhà nho ưa chơi chữ là Nguyễn Đỗ Mục và Dương Bá Trạc chủ trương bộ biên tập) khởi xướng:

Vợ cả vợ hai, hai vợ cùng là vợ cả.

Vé đôi sau đây gọi là trúng cách:  
Con nuôi con đẻ, đẻ con há cậy con nuôi.  
*(chữ nuôi sau cùng được hai nghĩa trạng từ và động từ như vé ra).*

- Lối nói lái như vé ra và vé đôi sau:  
Mài kéo cắt đuôi mèo cái.  
Lòn cửa cửa cổ lừa con.

(Khuyết danh – Tiếng Việt lý thú)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

#### 13. tông tích 蹤跡

Tông 蹤 nghĩa là dấu vết (đọc là tung thì đúng hơn), tích 跡 nghĩa là vết chân. Nghĩa chung của tung tích 蹤跡 là dấu vết của một hành động, và có thể hiểu là lai lịch, là nguồn gốc của một sự việc hoặc của một nhân vật. Vì không đọc được chữ Hán, do đó không thể biết rằng, “tông” ở đây chính là do chữ “tung” 蹤 bị biến âm mà ra nên soạn giả đã giảng giải rằng, tông nghĩa là dòng họ. Chúng tôi đã tra cứu ở các từ điển Từ nguyên và Từ hải thì chỉ thấy từ "tung tích" 蹤跡 với nghĩa như chúng tôi vừa giải thích, trong đó, chữ tung 蹤 có nghĩa là dấu vết

(mà có khi được đọc là tông) chứ không phải chữ tông 宗 nghĩa là dòng họ.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### Chữ và nghĩa

Tục ngữ là sản phẩm của quá khứ. Vì vậy, khi dạy tục ngữ, tất phải đối mặt với những từ ngữ cổ hết sức xa lạ với học sinh. Giới biên soạn sách giáo khoa e dè như thế kể cũng phải, vì khó lòng có thể né tránh được những *những trở ngại về ngữ pháp* đến độ từng gây lúng túng cho không ít các nhà học giả danh tiếng. Để dễ hình dung những gì vừa nêu đó, chúng tôi xin đưa ra một vài dẫn chứng chưa đúng lắm về *cấu trúc cú pháp* của tục ngữ.

*Éch tháng ba, gà tháng bảy* là câu chệch của miệng của đồng đảo người Việt sành âm thực. Vậy mà một giáo trình về văn hoá học Việt Nam phổ biến rộng khắp trong cả nước lại ngang nhiên coi đây là hai món ăn khoái khẩu nhất của đồng bào mình. Chắc tác giả ấy đã quên mất một sự thực hết sức đau lòng từng hằn trong tâm trí dân ta, ngay cả giữa thời buổi hiện nay: *tháng ba và tháng bảy/tám* là thời kì giáp hạt hằng năm. Vào dịp này, ngay cả con người cũng còn lay lắt vì thiếu đói, huống hồ là *gà và éch*.

Nói cách khác, vào thời gian ấy, hai giống vật vốn cho thịt rất ngon kia chỉ còn da với xương thì làm

sao lại có thể là những món ăn khoái khẩu được?  
Như dân gian từng có câu tục ngữ đáng kinh sợ,  
chẳng hạn, *Tháng tám đôi qua; tháng ba đôi chết*.  
Đôi chiếu thêm câu *Éch tháng mười, người tháng  
giêng*, một câu có nghĩa hoàn toàn trái ngược với  
câu đang phân tích.

(Tạp chí Ngôn ngữ – Nguyễn Đức Dương)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Theo “Tự điển tiếng Việt dành cho học sinh” ở Hà  
Nội (Vũ Chất):

Nấn bóp: nấn và bóp

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

**Ngày xưa...ngày nay...**

Ngày xưa ăn chả ăn nem,  
Ngày nay ngao ngán chẳng thềm liếc qua.

### **Chữ và nghĩa**

Tục ngữ là sản phẩm của quá khứ. Vì vậy, khi dạy  
tục ngữ, tất phải đối mặt với những từ ngữ cổ hết  
sức xa lạ với học sinh. Giới biên soạn sách giáo  
khoa e dè như thế kể cũng phải, vì khó lòng có thể  
né tránh được những *những trở ngại về ngữ pháp*  
đến độ từng gây lúng túng cho không ít các nhà học

giả danh tiếng. Để dễ hình dung những gì vừa nêu đó, chúng tôi xin đưa ra một vài dẫn chứng chưa đúng lắm về *cấu trúc cú pháp* của tục ngữ.

*Chết đuối đọi đèn* chỉ là một “trích đoạn” chưa từng thấy một người Việt bình thường nào sử dụng trong giao tiếp. Vậy mà *Đại từ điển tiếng Việt* diễn giải: “Thất bại hoặc chết vì những hoàn cảnh, lý do, duyên cớ tầm thường, không đáng phải chịu chết thiet”.

Trong khi câu đầy đủ của nó là *Chết sông, chết suối, chẳng ai chết đuối đọi đèn* lại được các soạn giả diễn giải như là: “Thà phải đương đầu với khó khăn lớn lao, chứ không chịu thất bại trước một đối tượng tầm thường”.

Đọc những lời cắt nghĩa kiểu “vọng văn sinh nghĩa” trên ai cũng chẳng hiểu sao các soạn giả lại không chú ý đến “*tập quán thể nguyên*” của người Việt ngày trước? Hồi xưa, mỗi khi thề nguyện, ông bà chúng ta thường thốt ra một câu thề độc (chẳng hạn, “*sẽ chết ngay tức khắc nếu đơn sai*”...), rồi lấy các vật thể trường tồn trong vũ trụ (như *sông biển, núi non*, v.v.), các nguồn sáng (như *mặt trời, mặt trăng, các vì sao, đèn nến*, v.v.) ra làm chứng giám cho lời thề. Ngoài ra, thế nào họ cũng còn nhận thấy thêm: thời chưa có đèn dầu hoả hoặc đèn điện, ông bà ta thường phải lấy một cái *đĩa* hoặc *bát* [tiếng địa phương gọi là “*đọi*”], cho dầu lạc [= đậu phụng] và

một ngọn bấc [= tim] vào để làm vật thắp sáng đêm đêm.

Dựa vào văn hoá ấy, chúng ta có thể đưa ra cho câu tục ngữ một lời diễn giải gần với sự thật hơn như sau: “Người ta chỉ có thể *chết đuối ngoài sông ngoài suối, chứ chưa thấy lại có thể chết đuối trong bát dầu lạc vốn được dùng làm đèn* [và thường được đưa ra để chúng giám cho những lời thề]. Hay dùng để khuyên người đời chớ có vội tin vào những lời thề thốt, ngay cả những lời thề độc, vì nó chưa từng được ai coi là thứ chứng cứ xác đáng cả”.

(Tạp chí Ngôn ngữ – Nguyễn Đức Dương)

### **Chữ nghĩa làng văn Ảo thanh?**

Qua đoạn vỹ thanh *Tám nhịp tuần du* của tập thơ *Về Kinh Bắc*, Hoàng Cầm cho biết: "Những bài thơ như vậy thường là không theo một ý nghĩ nào định trước. Ở những trường hợp ấy, tôi không hề cấu tứ, nghĩ ngợi gì về câu, chữ, không theo một luật nào của thi pháp về thanh điệu, ngữ điệu gì gì hết. Tôi chỉ tuân theo nhịp rung động của toàn thân, cả tâm hồn và thể chất, khí chất. Đặc biệt, riêng có bài thơ *Lá diêu bông*, duy nhất một bài này là những lời văng vẳng bên tai, từ đầu chí cuối, quá nửa đêm mùa rét 1959, trên giường ngủ, trong ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn 6 oát, bên cạnh người vợ đang ngủ ngon và các

con những giường bên đang ngủ say (...). Giọng nữ vẫn đọc, không vội vàng mà cũng không quá chậm, và tôi ghi lia lịa trong bóng tối mờ. Đến lúc giọng nữ im hẳn, lòng tôi nhẹ bẫng, một lát sau tôi ngủ thiếp đi. Sớm hôm sau nhìn lại thì có chỗ rõ, đọc được, nhiều chỗ dòng nọ đè lên dòng kia, chữ nọ như xoá mất chữ khác. Phải mất gần nửa tiếng đồng hồ, tôi mới tách được ra theo thứ tự đúng như những lời người nữ kỳ diệu nào đó đã đọc cho tôi viết nửa đêm qua. Bài *Lá diêu bông*ra đời như vậy, nói có người không tin, nhưng tôi nghĩ bây giờ khoa tâm thần học, vô thức luận, tâm linh học có thể lý giải được hiện tượng đó một cách rất khoa học. Vậy nên, cái *lá diêu bông* là cái lá gì, ở đâu, nào tôi có biết. Thần linh đọc *diêu bông*, tôi chép *diêu bông*, thế thôi".

(Phanxipăng – Diêu bông rụng xuống lòng sông Đuống)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

**Ngày xưa...ngày nay...**

Ngày xưa quán cóc hàng quà,  
Ngày nay chỉ mỗi com nhà mà thôi.

### **Chữ nghĩa làng văn**

Ý nghĩa thâm trầm ẩn trong câu đối:

Ông tổng đốc Hà Đông mời một vị túc nho ở Nam Định đề đề câu đối cho bề non bộ nhà ông. Nhà nho ngắm nghĩa hòn non bộ rồi viết:

*Nam sơn trúc bất tận*

*Đông hải ba vô cùng.*

Và giải nghĩa:

*"Bám cụ lớn, về trên có nghĩa cây trúc ở núi Nam không bao giờ hết, nghĩa bóng nói giòng dõi cụ lớn sẽ thịnh đạt mãi; về dưới có nghĩa sóng biển Đông không bao giờ cùng, ngụ ý ca tụng công ơn của cụ lớn đối với dân mệnh mông như biển cả".*

Cụ lớn đắc ý, trọng thưởng nhà nho và mọi người đều tấm tắc khen hay.

Có ngờ đâu nhà nho kia đã chửi ngầm tổng đốc thật độc! Nguyên câu đối xuất phát từ hai câu trong bài hịch đả kích Tùy Dạng Đế của Lý Mật đời Đường:

*Quyết Đông hải chi ba, lưu ác bất tận;*

*Khánh Nam sơn chi trúc, thụ tội vô cùng.*

Nghĩa là: Khai hết sóng Đông hải, cũng chưa hết ác; viết đến hết thê trúc ở Nam sơn cũng chưa hết tội!

(Khuyết danh – Tiếng Việt lý thú)

### **Chơi chữ**

*Cây xương rồng, trồng đất rắn, long vẫn hoàn long.  
Quả dưa chuột, tuột thẳng gang, thử chơi thì thử.*

Tương truyền, vé ra là của Thị Diễm, vé đổi lại là của Trạng Quỳnh. “Rồng”, “chuột” (TV), cùng nghĩa với “long”, “thủ” (HV). Vé ra có “rồng”, “rắn”, hai từ cùng trường nghĩa; vé đổi lại có “(dua) chuột”, “(dua) gang”, cũng là hai từ cùng trường đưa quả.

(Câu đối chơi chữ theo cách cùng nghĩa – Triều Nguyễn)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Với bài *Sa mạc Hoàng Cầm* được biên soạn tại Paris, thủ đô nước Pháp, tháng 6-1998, nữ phê bình gia văn học Thụy Khuê luận: "Lá Diêu Bông là lá gì? Bí mật. Phải chăng là lá hạnh phúc? Là tình người? Là tự do? Là lòng trinh, là nghĩa liệt? Là gì chẳng nữa thì diêu bông chắc chắn chỉ là ảo ảnh. Lá ảo ảnh, lá hư vô, lá tuyệt mù trong cõi sống."

(Phanxipăng – Diêu bông rụng xuống lòng sông Đuống)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

## 1. âm ảnh

Theo soạn giả, từ âm ảnh có hai nghĩa: a) lớn vồn luôn trong trí óc, khiến cho phải lo lắng không yên; b) quấy rầy ở bên cạnh. Chúng ta chỉ có thể chấp nhận nghĩa thứ nhất nhưng khó chấp nhận nghĩa thứ hai. Tuy âm ảnh là một từ gốc Hán, nhưng nó đã được “Việt hoá” nên mới mang nghĩa thứ nhất như vừa nêu, và ta hiểu rằng, đó là một động từ. Cứ cắt nghĩa theo các từ tố thì “âm” nghĩa là mờ tối, “ảnh” nghĩa là cái bóng, và “âm ảnh” nghĩa là cái bóng mờ. Quả thật, đó là nghĩa của từ này trong tiếng Hán từ xưa đến nay. Soạn giả không nhận ra rằng, đây là một từ gốc Hán đã bị thay đổi nghĩa, nghĩa là nó đã bị “Việt hoá”. Ngoài ra, ông còn gán cho nó một nghĩa mà người đọc khó chấp nhận là quấy rầy ở bên cạnh.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

**Ngày xưa...ngày nay...**

Ngày xưa tiệc nhậu linh đình,  
Ngày nay ăn uống tận tình kiêng khem.

### Khảo chứng về bài thơ trứ danh

Bài thơ không có tựa đề nhưng rất trứ danh được ký giả tiền bối Đoàn Bá Ninh dịch ra tiếng Việt vào năm 1947 trong trại giam Thái Nguyên, Bắc Việt từ tiếng Hán:

Hồng diện đa dâm thủy  
 Mi trường hạ *tố* mao  
*Triết yêu* chân đại huyết  
 Trường túc bất chi lao

Vì tam sao thất bản nên câu 2 và 3 có nhiều dị bản. Về phương diện khảo dị, câu 2 có những biến dạng như sau: “*Đa mi túc đa mao*” hay “*Đa mi hầu đa mao*”. Vì vậy chữ “*tố*” là sai. Đúng ra “*đa*” mới đúng vì chữ “*tố*” là âm Hoa ngữ Quảng Đông.

Câu 3 thì lại: “*Tế yêu u đại huyết*” hay “*Tiểu yêu chân cự huyết*” hoặc giả như “*Phong yêu âm hộ đại*”. “*Tế yêu*” hay “*Tiểu yêu*” thì nghĩa chỉ nhỏ thôi. Chữ “*Phong yêu*” tức đày lưng ong nghe hay hơn vì ta có câu ca dao “Những người thắt đày lưng ong – Vừa khéo chiều chồng vừa khéo nuôi con”.

Với eo thắt, trở về câu “*Triết yêu chân đại huyết*” thì chữ “*triết yêu*” chỉ cái eo thắt như cái chén chiết yêu, nghe hơi hình gợi cảm hơn.

(Lê Văn Lân – Hồng diện đa dâm thủy)

## **La De...ngoại truyện (2)**

L'orge (hobbs), lúa mạch để nấu bia phải được rang (torréfier) như rang hạt cà phê vậy và độ rang và thời gian rang sẽ tô màu cho La De.

La De Vàng, hay Bia Vàng Bière Blonde. Màu Blonde, vàng ánh, trong vắt và bóng láng. Bia màu vàng là màu rất thường gặp bia. Nấu (brassée) với lúa mạch vàng nhạt. Bia Vàng thường là Bia giải khát, uống trưa chiều tối. Ít độ rượu, thơm mát, với một vị chát đắng nhẵn nhẹ nhàng. Heineken, 33 export, Carlsberg, Kronenbourg là một vài ví dụ. Món Ăn hạp : khai vị chung chung, gỏi với tôm thịt, thịt gà, phó mát nhẹ lạt loại đầu bò.

(Phan Văn Song)

## **Chữ nghĩa làng văn**

Cũng giống như *Thơ Bút tre* hiện nay, từ văn phong thơ "Bút Tre thật" dân gian đã sáng tác cả trăm, ngàn câu thơ "Bút Tre mới"...Thơ nôm Hồ Xuân Hương đi vào cuộc sống dân Việt Nam ta đã ngót 200 năm với bản in sớm nhất là "Xuân Hương di cảo" in năm 1914; các bản khắc ván "Xuân Hương thi tập" in năm 1921 và 1923. Thời điểm xuất hiện "Xuân Hương thi tập" là thời vua Minh Mạng (1820-1840)

Bản chép tay "Quốc Văn Tùng Ký" soạn vào thời Tự Đức đến đầu Duy Tân; các bản chép tay "Xuân Hương thi sao", "Tập thảo tập", "Quế Sơn thi tập", "Xuân Hương thi vịnh", "Liệt truyện thi ngâm" và "Lĩnh Nam quần hiền văn thi văn điển âm tập".

Vậy bài nào là chính gốc thơ Hồ Xuân Hương trong số 213 bài đang được lưu hành khá rộng rãi? Sau hơn 40 năm nghiền ngẫm...Ông Kiều Thu Hoạch, một chuyên gia về chữ Nôm đã công bố cuốn "Thơ Nôm Hồ Xuân Hương", sau khi dịch nghĩa, dịch thơ, chú giải, chú thích đã loại trừ được một số bài thơ bị gán cho bà chúa thơ Nôm như các bài: "Đánh cờ người", "Tát nước", "Cái nợ chồng con", "Đánh đu", "Bà đánh", "Đồng tiền hoen", "Ông Cử Võ", v...v.... thì chỉ còn với 84 bài.

(Nguồn Nguyễn Khôi)

### **Chơi chữ**

*Phụ là vợ, phu là chồng, vì chồng vợ phải đi phu.  
Ngã là ta, nhĩ là mày, tại mày nên ta mới ngã.*

Giai thoại về câu đối này: “Anh học trò trốn đi phu, quan bắt vợ anh ta đi thay, rồi đọc vế trên, bảo nếu đối lại hay, sẽ miễn phu cho cả hai người, và anh nọ đã đối như vậy; dù vế đối lại rất ngông, nhưng quan cũng giữ lời mà tha cho”.

(Câu đối chơi chữ theo cách cùng nghĩa – Triều Nguyễn)

### **Bia ngoại truyện (3)**

Năm 1977, Brasseries-Glacières d'Indochine đổi tên thành Brasseries-Glacières Internationales cho phù hợp với tình thế địa dư đã thay đổi với tầm hoạt động bao gồm nhiều châu lục và quay trở lại thị trường Việt Nam vào năm 1991, xây dựng nhà máy đầu tiên tại Tiền Giang và sau đó mở rộng ra Đà Nẵng. Khách hàng trung thành của G.B.I. chào đón và ủng hộ nồng nhiệt. Năm 1997, công ty Foster của Úc đã mua lại toàn bộ cơ sở của B.G.I., cùng Công Ty Bia Tiền Giang, Công Ty Bia Đà Nẵng tiếp tục sản xuất la de Con Cọp (tên mới là Larue Export) mà cái tên thân yêu ấy vốn đã từng nằm mãi trong tâm thức của hơn 25 triệu con dân miền Nam trước 1975. Bia Larue Export nhãn hiệu Con Cọp xuất cảng sang một số nước Á châu và mẫu chai nhãn vẫn giữ dáng vẻ như xưa.

(Nhậ – Phan Hạnh)

### **Chữ nghĩa làng văn Áo thanh?**

Nếu đúng như Hoàng Cầm tường thuật, thì cách ông làm thơ hết sức kỳ bí. Bỗng dưng vắng vắng giọng đàn bà đọc hoặc ngâm một vài câu thơ trong tai, thế

là ông chép ngay lên giấy, rồi chữ kêu gọi chữ, dòng lôi kéo dòng. Bài thơ *Bên kia sông Đuống* nổi tiếng là một trong muôn nghìn ví dụ: chợt nghe 3 dòng đầu tiên, thi sĩ vùng quan họ ghi liền, đoạn mãi miết sáng tác đến dòng cuối. Tác giả như một cậu học trò viết chính tả, lúc đầu là có tiếng đọc rành rọt bên tai, sau là viết theo tiếng đọc âm thầm từ trong tâm can mình.

Giọng nữ cất lên trong tai Hoàng Cầm loạt bài thơ *Bên kia sông Đuống*, *Đêm liên hoan*, *Tâm sự đêm giao thừa*, *Nếu anh còn trẻ*, *Mưa Thuận Thành*, *Gió lông ngỗng*, *Hội đèn tám vua triều Lý*, *Hội yếm bay*, *Hoa gạo đầu đình*, *Xanh xưa*, *Phía sau thư cầu hôn*, *Gửi người vợ xa quê hương*, *Theo dòng mẫu hệ*, *Lá diêu bông*, v.v., với vô số ẩn ngữ như *cầu bà Sám*, *bến cô Mưa*, *miếu Hai Cô*, v.v., thực chất là gì? Có phải là hiện tượng ảo thanh?

Từ đó, tôi bật thêm thắc mắc khác: trường ca *Tiếng hát quan họ*, truyện thơ *Men đá vàng* và các vở kịch thơ *Hận Nam Quan*, *Kiều Loan*, *Lên đường*, *Cô gái nước Tần*, *Tương lai*, *Trương Chi* cùng các vở kịch nói *Ông cụ Liên* và *Đêm Lào Caic* của Hoàng Cầm cũng khởi phát từ ảo thanh chăng?

(Phanxipăng – Diêu bông rụng xuống lòng sông Đuống)

### La De...ngoại truyện (3)

Bia màu thau đồng : Bière Ambrée -Amber. Màu thau đồng đậm, Nấu với lúa mạch được rang lâu hơn bia vàng. Ngày nay không được chuộng lắm, chỉ được phổ biến ở các xứ anglo – saxons thôi .

Món Ăn hấp : Gan ngỗng, thịt rừng, cá hong khói, phó mát có rau cần tây (persil), tráng miệng có chất caramel. Nói tóm lại những món gọi là có “mùi”.

(Phan Văn Song)

### Mỹ nhân tự cổ...

Giới làm thơ ngày trước ai mà chả thuộc 2 câu thơ cổ :

*Mỹ nhân tự cổ như danh tướng  
Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu*

Tạm dịch “người đẹp từ xưa như tướng giỏi, chẳng hẹn chờ ai thấy bạc đầu”. Tuy nhiên ít ai biết xuất xứ 2 câu này ở đâu? Đường thi, Tống thi ư? Tác giả là ai?

Tuy nhiên xuyên qua cuốn *Tùy Viên thi thoại* của Viên Mai (đời Thanh) thì theo tích tiền sử Đồng Duệ có làm bài *Điều vong cơ*, khóc người thiếp (vợ lẽ) qua đời sớm. Nhiều người họa lại...trong đó có bài của “*Người thiếp họ Đông*”, tên là Diễm Tuyết, thì thật là tuyệt diệu. 2 câu kết của bài rằng : “*Mỹ nhân*

*tự cổ như danh tướng - Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu”*

(Nguyễn Khôi – Về hai câu thơ...”

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Trăm năm trong cõi người ta  
Chồng hay so sánh... vợ ta, vợ người.

### **Hồ Xuân Hương tân biên bản mục**

Để hiểu quá trình dân gian hóa thơ được gọi là của bà Hồ Xuân Hương, hãy tìm hiểu bài *Chơi đu* của Lê Thánh Tông:

Bốn cột *lang nha* khéo trông  
Ả *đánh cái*, ả còn *ngong*  
Vái thổ địa, khom khom cật  
Khán hoàng thiên, ngửa ngửa lòng

*Lang nha*: đầu làng – *Đánh cái*: chơi đu – *Ngong*: là ngóng.

Bài thơ rất gợi hình lục cái đu đánh xuống, người cúi xuống...vái đất. Khi cái đu hát lên, người ngửa ra...khấn trời.

Hai câu thơ tài tình của vua Lê bị “Hồ Xuân Hương hóa” với:

*Trai cong gối hạc, khom khom cật  
Gái uốn lưng ong, ngửa ngửa lòng*

(Trần Nhuận Minh – Tạp chí Tân Văn)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Theo “Tự điển tiếng Việt dành cho học sinh” ở Hà Nội (Vũ Chất):

Lấy: lấy vợ lấy chồng

### **Chữ nghĩa làng văn**

Câu đối chết:

Những câu đối với vế ra chưa có vế đối thật chỉnh, gọi là câu đối chết. Thí dụ:

*Da trắng vồ bì bạch.*

Tương truyền là vế ra của bà Đoàn Thị Diễm thách ông Trạng Quỳnh đối, nhưng Trạng không đối được! Khó đối ở chỗ dùng chữ Hán "bì bạch" là da trắng trong nghĩa tiếng Việt, bì bạch còn là tiếng tượng thanh rất ấn tượng diễn tả tiếng động của bàn tay khi vỗ vào da.

Đã có vế đối:

*"Trời xanh màu thiên thanh",* nhưng chưa được chỉnh vì thiên thanh không tượng thanh.

*Trời mưa đất thịt trơn như mỡ, dò đến hàng nem chả muốn ăn.*

Chữ dò có nghĩa hỏi han, mò mẫm để biết tình hình. Nếu phát âm theo kiểu miền Nam nước ta thì dò cũng có nghĩa là món giò! Chẳng là không, chẳng còn là món ăn. Về ra gồm đủ các món ăn thật hấp dẫn: thịt, mỡ, giò, nem, chả.

*Cha con thầy thuốc về quê, gánh một gánh hôi hương, phụ tử.*

Vế này khó đối vì hai từ ngữ "hôi hương" và "phụ tử" vừa là tên hai vị thuốc bắc, vừa có nghĩa là "về quê" và "cha con".

(Khuyết danh – Tiếng Việt lý thú)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

#### 2. án thư

Theo cách nói đã quen thuộc của chúng ta thì án thư là cái bàn để đặt sách vở, đúng như soạn giả đã giải thích. Nhưng cái bàn thờ, tức là cái bàn để thắp hương thì chúng ta phải gọi là cái hương án chứ không thể gọi là cái "án hương". Án thư cũng là một trường hợp "phá lệ" như ở từ án mạng, không theo đúng trật tự của các từ tổ trong tiếng Hán. Người Trung Quốc vẫn gọi cái án thư của ta là thư án.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### **Bia ngoại truyện (4)**

Bia cũng xưa gần bằng như chính nền văn minh. Các sử gia tin rằng, khi người xưa tình cờ để lúa mì hoặc lúa mạch lên men - nhờ đó tạo thành bia thô sơ - là thời kỳ chỉ xảy ra không lâu sau sự ra đời của cây trồng nông nghiệp. Vậy thì câu hỏi đáng được đặt ra là: ai là người đầu tiên uống cái thứ nước lúa mì đục đục lợn cợn thiu thiu đó? Bằng chứng khảo cổ học cụ thể cho thấy bia đầu tiên đến từ Iraq, nơi mà người Sumerians cổ xưa xây dựng các thành phố lấy nông nghiệp làm căn bản đầu tiên khoảng 6.000 năm trước. Một bảng dấu bằng đá có khắc niên đại được khai quật và tìm thấy; bảng này thực sự có ghi rõ từng chi tiết quá trình chế tạo bia qua một bài thơ dành riêng cho Ninkasi, nữ thần nấu bia của người Sumerians.

(Nhậ – Phan Hạnh)

### **Câu đối Tết**

Nụ cười thay:  
nêu không, pháp không, vôi bột cũng không, mà tết.

Thôi cũng được:

rượu có, nem có, bánh chưng cũng có, thừa chơi .  
(Trần Tế Xương)

### Chữ nghĩa làng văn

Phải chăng câu thơ *Cổ mạch hàn phong cộng nhất nhân* là của Nguyễn Du trong bài *Dạ hành*:

Lão nạp an miên Hồng Lĩnh vân,  
Phù âu tĩnh túc noãn sa tân.  
Nam minh tàn nguyệt phù thiên lý,  
*Cổ mạch hàn phong cộng nhất nhân.*  
Hắc dạ hà kỳ mê thất hiều,  
Bạch đầu vô lại chuyết tàn thân,  
Bất sâu cửu lộ triêm y duệ  
Thả hỷ tu mi bất nhiễm trần.

Nguyên tác phiên âm Hán Việt,  
Nhất Uyên dịch thơ:

U trắng nằm yên âm bãi cồn .  
Trăng xế biển Nam ngàn dặm chiếu,  
Đường xa gió lộng, một người trông.  
Đêm đen mờ mịt, bao giờ sáng,  
Đầu bạc mà còn, vụng dẫu thân.  
Khuya khoát không lo sương ướt áo,  
Râu mày mừng chẳng bụi phong trần.

(Phạm Trọng Chánh - Nguyễn Du: Ra Bắc 1796)

### **La De...ngoại truyện (4)**

Bia nâu, Bière Brune. Lúa mạch được rang đến gần cháy. Bia có màu đi từ màu gạch cua đến đen tuyền. Vì vậy ta tìm trong bia những mùi rang cháy, mùi cà phê, mùi caramel, mùi cacao. Có những loại bia gọi là Vieilles Brunnes, những “Bà Già Nâu”, được cất trong những thùng gỗ - nô bằng gỗ xưa. Mùi vị chua chua, đắng nhẫn đậm đà, vừa giải khát vừa để lại trong miệng một khẩu vị bất hủ. Thí dụ nổi tiếng là Guinness.

Món Ăn hạp :

Những món Á đông có vị mạnh, sò huyết, ốc trai, cá sống.

(Phan Văn Song)

### **Nói lái trong câu đố**

Cũng như ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố cũng là một hình thái của Văn học dân gian. Những câu đố nói lái thường hay bị tròng tréo chữ nghĩa mà đôi khi không đáp được, thí dụ:

Khoan mũi, khoan lái, khoan lai

Bò la, bò liệt đó ai biết gì? (củ khoai lang)

Hít vào, hít ra, hít một là gì ? (hột mít)

Cái gì ở cạnh bờ sông,  
Cái mui thì nát cái công thì còn ? (con còng)

(Nguyễn Văn Hiếu - Nói lái trong ngôn ngữ và văn học Việt Nam)

### **Hát đồng dao (1)**

Đồng dao là thơ ca dân gian truyền miệng của trẻ em. Đồng dao bao gồm nhiều loại: các bài hát, lời hát trong các trò chơi dân gian, Thí dụ như:

Kéo cưa lừa xẻ  
Ông thợ nào khỏe  
Thì ăn cơm vua  
Ông thợ nào thua  
Về bú tí mẹ.

Hoặc giả như:

Xúc xắc xúc xẻ  
Nhà nào còn đèn còn lửa  
Mở cửa cho anh em chúng tôi vào?  
Bước lên giường cao  
Thấy đôi rồng thấp  
Bước xuống giường thấp  
Thấy đôi rồng châu...

### **La De...ngoại truyện (5)**

Bia Trắng Bière Blanche. Bia trắng không nấu với toàn lúa mạch, thường được thêm lúa mì để làm trắng Bia. Rất thơm vì có bỏ thêm Ngò Gai - Coriandre, và vỏ trái cây.

Món Ăn hấp : đồ biển, cá hong khói hay cá nướng.

(Phan Văn Song)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

**Ngày xưa...ngày nay...**

Ngày xưa sức mạnh như trâu,  
Ngày nay uể oải ngồi đâu gáp ruồi.

### **Hát đồng dao (2)**

Đồng dao là thơ ca dân gian truyền miệng của trẻ em. Đồng dao bao gồm nhiều loại: các bài hát, lời hát trong các trò chơi dân gian. Hoặc giả các bài hát vui vui, các bài đồng dao kiểu nói vòng... Thí dụ như:

Kỳ không là ông kỳ đà  
Kỳ đà là cha các kẹ  
Các kẹ là mẹ kỳ không  
Kỳ không ...

Hay:

Chim ri là di sáo sậu  
Sáo sậu là cậu sáo đen  
Sáo đen là em tu hú  
Tu hú là chú bò các  
Bò các là bác chim ri  
Chim ri .

### **Bia ngoại truyện (5)**

Hai thiên niên kỷ sau đó, Babylon sống trong cùng một khu vực đã hoàn thiện ít nhất 20 loại bia cất khác nhau. Pha nấu bia được coi là một nghề cao cấp được trọng vọng trong xã hội và hầu như là độc quyền của phụ nữ, vì nữ giới cũng chuyên môn trong việc xay ngũ cốc và làm bánh mì. Các sử gia tin rằng bia phổ biến rất rộng rãi trong mọi tầng lớp dân chúng trong tất cả các nền văn minh ban sơ của nhân loại vì ngũ cốc đã có sẵn và quá trình lên men tương đối khá dễ dàng. Nó cũng được xem như là một nguồn dinh dưỡng quan trọng và thường dùng thay cho phát lương. Thí dụ như những người nô lệ xây dựng các Đại Kim Tự Tháp ở Ai Cập được trả một phần lương bằng bia.

Người cổ Ai Cập đã nhận ra giá trị của bia rượu từ lâu. Các hũ đựng bia được chôn theo các Pharaoh đi về thế giới bên kia, cùng với các thực phẩm khác, vàng bạc và các đồ dâng cúng vô giá được đặt trong ngôi mộ của họ.

(Nhật – Phan Hạnh)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Tại Việt Nam, một cuốn sách nhan đề *Vở Luyện Từ và Câu* cho lớp 3, tập 2 vừa bị thu hồi và đề chỉnh sửa những sai sót trong sách. Ở trang 5 của cuốn sách vừa kể có một bài viết:

“Quân Nam Hán đưa một đạo quân rất đông sang đánh nước ta. Lý Thường Kiệt dchôn cọc gỗ đầu bịt sắt nhọn dưới sông Bạch Đằng. Quân Nam Hán đến cửa sông vào lúc thủy triều lên che lấp các cọc nhọn. Lý Thường Kiệt cho thuyền nhẹ bơi ra khiêu chiến , vừa đánh vừa rút lui như cho giặc vào nơi quân ta mai phục. Vừa lúc ấy thủy triều xuống quân mai phục hai bên bờ sông đổ ra đánh rất mạnh. Giặc hốt hoảng quay thuyền chạy thì bị va vào cọc thuyền bị thủng đâm hàng loạt . Cuộc xâm lược của địch hoàn toàn thất bại. Mùa xuân năm 939 Lý Thường Kiệt lên ngôi vua.”

Lộn Ngô Quyền thành Lý Thường Kiệt là một chuyện. Lộn quân Tống thành quân Nam Hán là chuyện thứ hai. Kế hoạch đóng cọc nhọn trên sông Bạch Đằng của Ngô Quyền thì trao cho Lý Thường Kiệt là sai lầm thứ ba.

Lý Thường Kiệt sinh năm 1034, chết năm 1105 thì viết khơi khơi là năm 939, tức là trước khi Lý

Thường Kiệt ra đời tới 95 năm, Lý Thường Kiệt đã lên ngôi vua.

(Nguồn: Bùi Bảo Trúc)

### **Bia ngoại truyện (6)**

Theo kết quả của một cuộc khảo cứu khoa học gần đây mà không biết là của ai (mấy ông nhậu người Mỹ chế ra chuyện vui cười này đó các bạn ơi, tui lượm dịch), người ta khám phá ra rằng trong rượu bia có chứa nhiều kích thích tố nữ tính khiến cho mấy ông nhậu có thể hành xử giống như phụ nữ. Cuộc trắc nghiệm thực hiện trên một trăm người đàn ông thuộc nhiều lứa tuổi, mỗi người uống bốn chai bia cỡ 375ml trong vòng một giờ đồng hồ. Kết quả là tất cả 100 người đàn ông đó đều:

- 1) lên cân,
- 2) nói tùm lum và nói dờ,
- 3) dễ xúc cảm,
- 4) lái xe lạng quạng,
- 5) hay cãi và không chịu xin lỗi dù biết mình nói sai.

(Nhậu – Phan Hạnh)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

## 3. ca trù

Ca là hát, trù 籌 là cái thẻ (có thể bằng tre, bằng gỗ hoặc bằng các vật liệu quý hơn). Theo những tài liệu đáng tin cậy thì ca trù (cũng gọi là hát ả đào) là lối hát bỏ thẻ, trong đó, người nghe cảm thấy chỗ nào hát hay thì ném thẻ thưởng cho người hát (gọi là cô đào). Định nghĩa của soạn giả về từ “ca trù” quả là không có gì sai. Tuy vậy, ông cứ điềm nhiên coi từ này như mọi từ “thuần Hán” khác, không nêu được tính chất “nửa Hán nửa Việt” của nó. Đó là một thiếu sót không nhỏ.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

**Đồng dao, đồng diêu (1)**

Đồng dao, đồng diêu : *câu hát chơi, con nít hay hát.* Đó là định nghĩa đơn giản nhất của Huỳnh Tịnh Paulus Của, trong *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị*, cuốn tự điển đầu tiên của Việt Nam. 36 năm sau, Hội Khai Trí Tiến Đức khởi thảo *Việt Nam Tự điển*. Đồng dao được truyền từ đời này tiếp đời nọ, vùng này qua vùng kia, có khi bị quên lãng. Tác giả hầu hết vô danh. Sau này một bài đồng dao được Đức Quỳnh phổ nhạc và hát từ Bắc vào Nam:

*Con chim chích chòe/ nó kêu chích chòe  
Nó đậu cành chanh/ nó kêu chích chòe*

*Tôi ném hòn sành/ nó quay lông lóc  
Tôi làm một chóc/ được ba mâm đầy  
Ông thầy ăn một/ bà cốt ăn hai  
Cái đầu cái tai/ đem về biếu chúa  
Chúa hỏi chim gì? - Là con chim chích chòe!  
Nó kêu chích chòe/ nó đậu cành chanh ...*

(Trần thị Lai Hồng – Đồng dao và trò chơi trẻ con)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ Ngày xưa...ngày nay...**

Ngày xưa xông xáo ngược xuôi,  
Ngày nay rờ rẫm đuổi ruồi không bay.

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Và đây là câu chuyện của độc giả “Chiêu Mạnh”:  
Lần đầu tiên, mới tới Hà Nội, tôi không khỏi ngỡ ngàng, khi tìm nhà của một người quen làm trưởng một khu phố văn hóa. Thấy có mấy đứa trẻ con đang nô đùa ngoài ngõ, tôi hỏi: "Này các cháu có biết nhà ông tổ trưởng khu phố văn hóa ở đâu không?".

Một đứa trẻ trai, trạc trên dưới 10 tuổi, ngược nhìn tôi bằng ánh mắt xắc láo, ranh mãnh, đáp gọn lòn: "Biết, nhưng đéo chỉ!".

Tôi lắc đầu đi sâu vào ngõ văn hóa, gặp một thanh niên hỏi: "Anh ơi, anh có biết nhà ông trưởng khu phố văn hóa này ở chỗ nào không anh?". Gã trẻ tuổi

này chẳng thềm dòm ngó gì đến tôi, trả lời cộc lốc: "Đéo biết!".

Khi gặp ông trưởng khu phố văn hóa, tôi đem chuyện này kể cho ông ta nghe với lời than thở: "Anh ạ, các bậc phụ huynh ở đây đã không dạy dỗ con em hay sao mà để chúng nó ăn nói với người khách lạ thô bỉ đến thế hả anh?!". Chẳng cần suy nghĩ gì, ông trưởng khu phố văn hóa đã thuận miệng trả lời tôi ngay: "Có dạy đấy chứ, nhưng chúng nó đéo nghe!".

Lúc ấy cô con gái của ông bạn tôi là cô giáo, dạy môn văn, vừa đi dạy về và tôi đem chuyện ấy ra kể lại. Thay vì trả lời trực tiếp cho tôi, cô giáo xin phép thuật lại một chuyện như sau: "Hôm ấy cháu giảng bài văn, có đoạn kể thành tích anh hùng và dũng cảm của nhân dân ta v.v... Cuối cùng, cháu kêu một em học trò trai lớn nhất lớp, bảo nó cắt nghĩa hai chữ: "dũng cảm". Nó đứng lên suy nghĩ một lúc rồi đáp gọn lỏn: "Nghĩa là... là... đéo sợ!".

Sau đó cháu có cuộc tiếp xúc với ông bộ trưởng giáo dục, liền đem chuyện thằng bé học trò đã cắt nghĩa 2 chữ "dũng cảm" là "đéo sợ!" kể cho ông nghe. Nghe xong, ông bộ trưởng tỏ vẻ đăm chiêu, ra điều suy nghĩ lung lăm. Cuối cùng, ông nghiêm nghị nhìn tôi, rồi gật gù như một triết gia uyên bác vừa khám phá ra một chân lý, chậm rãi đáp: "Ừ, mà nó cắt nghĩa như thế cũng đéo sai".

(Hà Nội, Hà Nội ơi – Vương Văn Quang)

### **Đồng dao, đồng diều (2)**

Một bài đồng dao về cuộc sống luẩn quẩn loanh quanh trong xóm ngoài làng là Ông Ninh Ông Nang được Lê Thương phổ nhạc:  
*Ông Ninh ông Ninh/ ông ra đầu đình/ ông gặp ông Nang ông Nang*  
*Ông Nang ông Nang/ ông ra đầu làng/ ông gặp ông Ninh ông Ninh*  
*Nang Ninh đầu đình/ và Ninh Nang đầu làng*  
*Nang Ninh làng đình/ rồi Ninh Nang đình làng*  
*Nang Ninh làng đình Nang Ninh/ Ninh Nang đình làng Nang Ninh*  
*Nang Ninh làng đình Ninh ...*

(Trần thị Lai Hồng – Đồng dao và trò chơi trẻ con)

### **Chử nghĩa làng văn**

Tú Xương có câu thơ:

*Quanh năm buôn bán ở mom sông*

Câu thơ ngắn gọn đã phản ánh không gian, địa điểm và công việc làm ăn của bà Tú. “mom sông”. Mom sông là một nơi chên vênh, ba bề là nước, nó gợi lên sự nguy hiểm, bất trắc, vốn không phải là nơi

dành để buôn bán bình thường. Bởi vậy hơn ai hết, ông hiểu rõ mục đích của nổi vất vả đó nơi người vợ:

*Nuôi đủ năm con với một chồng*

(Thơ thương vợ của Tú Xương - Vũ Thanh)

### **Nấu bia**

Để nấu một lít bia, ta cần :

Nước (95 %), 20 gr lúa mạch, 1gr hoa houblon (một chiếc hoa thôi) và bột nổi (levure).

1/ Làm mạch: Hãy ngâm lúa mạch (orge - hobbs) trong ba ngày. Xong nấu xào (brasser) trong nước nóng. Lấy lúa ra và để lúa lên mầm trong vòng 8 ngày. Những mầm ấy mới cho ta những chất enzymes, biến thành mạch (Ta tạm gọi là mạch nha)

2/ Nấu xào: Nghiền mạch và trộn với nước : gọi là brassin, vì phải khuấy đều không cho lắng xuống. Đun nóng lên để chất amidon trong mạch biến thành đường nhờ những enzymes. Lọc kỹ. Đó là bã rượu (moût)

3/ Bỏ hoa Houblon: Sau khi đun sôi bã vào khoản nửa giờ, bỏ hoa houblon vào.

4/ Cát: Cát là để cho lên men (fermentation). Để nguội, và bỏ bột nổi vào.

Đường sẽ biến thành rượu. Để lắng xuống 8 ngày.

5/ Vào chai: Lọc bia cho vào chai để vớt bỏ chất men.

(Phan Văn Song)

### **Đồng dao, đồng diêu (3)**

Một bài đồng dao khác được phổ nhạc là *Thằng Bờm*::

*Thằng Bờm có cái quạt mo/ phú ông xin đổi ba bò chín trâu*

*Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu/ phú ông xin đổi ao sâu cá mè*

*Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè/ phú ông xin đổi ba bè gỗ lim*

*Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim/ phú ông xin đổi một đôi chim mồi*

*Bờm rằng Bờm chẳng lấy mồi*

*Phú ông xin đổi năm xôi... Bờm cười!!!*

(Trần thị LaiHồng – Đồng dao và trò chơi trẻ con)

### **Gương vỡ lại lành** (phá cảnh trùng viên)

Thành ngữ nói lên cảnh vợ chồng đã tan rã mà lại được sum họp, đoàn viên. Thành ngữ này xuất phát từ một bài thơ của Từ Đức Ngôn, một phò mã nước Trần .

Cảnh dữ nhân câu khứ  
Cảnh quy nhân vị quy  
Vô phục Hằng Nga ảnh  
Không lưu minh nguyệt huy.

( người đi thì gương cũng đi, người về nhưng gương chưa về, bóng Hằng Nga đâu sao chẳng thấy, chỉ thấy ánh trăng mà thôi )

Vốn công chúa nước Trần tên là Lạc Xương, vợ của Từ Đức Ngôn, khi nước nhà tan rã hai vợ chồng chạy nạn. Trước khi chia tay, công chúa đập tấm gương soi làm hai mảnh, mỗi người giữ một mảnh, hẹn đến ngày thượng nguyên đem ra chợ Trường An bán để làm dấu hiệu tìm nhau. Phò mã chạy thoát còn công chúa thì bị Việt công bắt ép làm vợ. Tới đúng ngày rằm tháng giêng, Đức Ngôn đem gương ra chợ bán để tìm vợ và chàng thấy cũng có một người bán gương như mình. Đồng thời ghép thử hai mảnh gương vỡ thì vừa khít với nhau, chàng bèn làm bài thơ trên nhờ người bán gương đem về cho vợ. Công chúa Lạc Xương đọc thơ khóc nức nở. Việt công biết chuyện bèn trả vợ lại cho chàng. Vợ chồng đoàn tụ. Quả là gương vỡ lại lành.

(Đào Thái Sơn - Một số thành ngữ từ những bài thơ độc đáo)

### Chữ nghĩa lơ mơ lố mố

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

#### 4. diêm sinh

Nghe qua từ này, hẳn nhiều người nghĩ rằng, đó là một từ trong tiếng Hán hoặc ít ra thì các từ tổ cũng bắt nguồn từ tiếng Hán. Cũng từ dự cảm đó nên soạn giả đã nghĩ ra rằng, diêm là muối, sinh là sống, và giải thích rằng, diêm sinh là lưu huỳnh Chúng tôi đã tra cứu khắp các bộ từ điển lớn nhất của Trung Quốc, nhưng không hề thấy nơi nào có từ diêm sinh, trong đó, diêm là muối (鹽) và sinh (生) là sống, mà cũng không hề gặp từ nào tuy viết khác hẳn nhưng vẫn có âm là diêm sinh. Hẳn đây là một từ chỉ có trong tiếng Việt. Thật vậy, trong các từ điển như Đại Nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Của (Sài Gòn, 1895) và Dictionnaire Annamite-Francais của J. F. M. Génibrel (Sài Gòn, 1898) đều có từ diêm sinh. Ở hai bộ từ điển này, chữ

diêm 焰 trong tiếng Hán (nghĩa là ngọn lửa) được dùng để thể hiện chữ diêm trong tiếng Việt, còn chữ sinh thì được ghép từ chữ thạch (石) và chữ sinh (生) để nhắc rằng, đây là một chất khoáng chứ không hề có nghĩa là “sống”. Theo Huỳnh Tịnh Của thì diêm = vật dẫn hoả, giống như muối; và sinh = vật vàng vàng có mùi hôi khét, hay cháy, vật để làm thuốc súng; vị thuốc trị sang

độc; lưu huỳnh. Génibrrel thì viết: diêm = sel de nitre, salpêtre (một chất muối khoáng có công thức hoá học là  $KNO_3$ , thành phần chính của thuốc nổ thông thường); sinh = soufre (lưu huỳnh), và diêm sinh = nitre et soufre. Như vậy, cả hai học giả này đã giải thích giống nhau, và từ đó, chúng ta đủ căn cứ để khẳng định rằng, soạn giả hoàn toàn phạm sai lầm khi giảng nghĩa các từ tổ diêm và sinh, như đã nêu trên đây. Theo soạn giả của chúng ta thì diêm sinh = lưu huỳnh. Quả thật, trong dân gian, người ta vẫn dùng từ diêm sinh để chỉ lưu huỳnh, đó cũng là một cách dùng theo thói quen, chúng ta không bác bỏ nó nhưng cũng phải lưu ý đến lời giải thích trong hai bộ từ điển của thế kỷ 19 kể trên.

Một điều thú vị là, trong từ điển của Huỳnh

Tịnh Của đã có từ hộp diêm. Rõ ràng, từ này không hề chịu ảnh hưởng của tiếng Hán, bởi vì, hiện nay, người Trung Quốc gọi que diêm là hoả sài, và trước đây họ còn gọi bằng nhiều từ khác như hoả thốn, lân thốn, toại mộc, dương hoả, dương viêm đặng.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### Trăng nước Hồ Tây

*Phát phơ ngọn trúc trăng tà  
Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương  
Mặt mùng khói tỏa ngàn sương  
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây hồ*

Dựa theo *Dương gia phả ký* của dòng họ, tham khảo thêm *Luận đề về Dương Khuê* của Nguyễn Duy Diễm, tiền sĩ Dương Thiệu Tống đã chép lại nguyên văn bài thơ *Hà Nội tức cảnh* trong thiên khảo luận *Tâm trạng Dương Khuê và Dương Lâm*.

Bây giờ là tháng 4-1918, lần đầu Phạm Quỳnh được ghé chôn Thần Kinh và sau đó thực hiện liên bút ký *Mười ngày ở Huế* để kịp đăng trên tạp chí Nam Phong. Phạm Quỳnh viết: "Cả cái hồn thơ của xứ Huế như chan chứa trong hai câu ca ấy. Chùa Thiên Mụ là một chôn danh lam, có cái tháp bảy tầng, làng Thọ Xương thì ở bờ bên kia. Đêm khuya nghe tiếng

chuông chùa với tiếng gà gáy xa đưa vắng vắng ở giữa khoảng giờ nước long lanh mà cảm đặt thành câu ca".

Và ông đã sửa đổi hai câu đầu là:

*Gió đưa cành trúc la đà*

*Tiếng chuông Thiên Mục canh gà Thọ Xương*

Hai câu lục bát của Phạm Quỳnh chẳng mấy chốc đã hòa vào "kho tàng văn học dân gian". Mức độ phổ biến trở nên sâu rộng, một phần nhờ thiên hạ đua nhau... tranh luận quanh hai địa danh vì chùa Thiên Mục ở Huế mà huyện Thọ Xương ở Hà Nội".

(Phanxipăng- Từ một bài thơ ngắn)

### **Vật đổi sao dời**

(vật hoán tinh di)

Thành ngữ dùng để chỉ sự thay đổi to lớn cảnh vật có nguồn gốc từ bài Đăng Vương cát nổi tiếng của Vương Bột

Đăng Vương cao các lâm giang chữ

Bội ngọc minh loan bãi ca vũ

Họa đồng triều phi Nam phố vân

Chu liêm mộ quyển Tây sơn vũ

Nhàn vân đạm ảnh nhật du du

Vật hoán tinh di kỷ độ thu

Các trung đế tử kim hà tại ?

Hạm ngoại Trường Giang không tự lưu.

(Gác Đăng Vương đứng cao ngất bên bờ sông, ngày nay không còn nghe tiếng tiếng ngọc vàng rung của những người ca vũ nữa, những cột lớn vẽ mây như mây Nam phổ lúc buổi sáng, những bức rèm cuộn lên như những trận mưa chiều ở vùng núi Tây sơn. Bóng mây trên mặt đầm trôi đi mãi, vật đổi sao dời đã biết bao mùa thu rồi, các bậc vương tôn ngày xưa ở trong gác này giờ ở nơi đâu, ngoài hiên sông Trường giang cứ trôi đi).

Nếu suy ngẫm kỹ bài thơ này ta sẽ hiểu sâu sắc hơn thành ngữ trên, một thành ngữ gọi nhiều góc độ tâm trạng hoài cổ, băng khuâng, thương tiếc một cái gì đẹp để đã qua.

(Đào Thái Sơn - Một số thành ngữ từ những bài thơ độc đáo)

### **Bốn nhân tình**

Tao ở nhà tao, tao nhớ my,  
Nhớ my nên phải bước chân đi.  
Không đi my nói rằng không đến,  
Đến thì my nói đến làm chi.  
Làm chi tao đã làm chi được,  
Làm được chớ tao đã làm chi.  
(Bốn tình nhân - Nguyễn công Trứ)

### Người đầu sông kẻ cuối sông

Thành ngữ này dùng để chỉ sự cách trở xa xôi của hai người và có nguồn gốc từ một bài thơ tương truyền là của Lý Sanh, một người con trai đời nhà Châu, yêu người con gái là Dương Y, sau đó phải xa nhau.

Nhân đạo Tương Giang thâm  
Vị để tương tư bặt  
Giang thâm chung hữu đề  
Tương tư vô biên ngại  
Quân tại Tương Giang đầu  
Thiếp tại Tương Giang vĩ  
Tương tư bất tương kiến  
Đồng ẩm Tương Giang thủy

(người bảo sông Tương sâu, nhưng chưa sâu bằng lòng thương nhớ, sông sâu còn có đáy, lòng thương nhớ thì không có bến bờ, chàng ở đầu sông Tương, thiếp ở cuối sông Tương, nhớ nhau mà không thấy nhau, cùng uống nước sông Tương).

Thành ngữ này chẳng những chỉ sự cách trở bởi không gian mà còn nói lên được cái hoàn cảnh trở trêu của hai kẻ yêu nhau mà phải xa nhau vì một lý do nào đó, một nỗi ưu hoài vạn kiếp của thể thái nhân sinh.

(Đào Thái Sơn - Một số thành ngữ từ những bài thơ độc đáo)

### **Rượu...ngoại truyện**

Báo Journal Science vừa công bố kết quả một cuộc nghiên cứu với hàng trăm con ruồi.

Họ bắt một con ruồi cái vừa mới làm tình xong, bỏ vào một chai đựng. Sau đó họ bắt một con ruồi đực bỏ chung vào với con ruồi cái rồi theo dõi hành động của hai con ruồi. Con ruồi đực muốn ân ái nhưng con ruồi cái, vì vừa mới làm tình xong, mệt mỏi nên không muốn ân ái một tí nào nữa. Nó bay chỗ khác khi con ruồi đực bay đuổi theo. Nếu nó bị con ruồi đực bắt thì nó đá chống cự, hoặc chia bộ phận đẻ trứng của nó cho con ruồi đực hoảng không đến gần nữa.

1 - Họ làm thí nghiệm này với những con ruồi đực trong bốn ngày liên tiếp, mỗi ngày ba tiếng đồng hồ, và hằng ngày sau mỗi lần thử nghiệm, con ruồi đực bị con ruồi cái không cho sơ múi gì cả.

Sau ngày thứ tư, họ cho con ruồi đực vào một cái lọ riêng, cho nó được lựa chọn hai thứ thức ăn, một là thức ăn thường, và hai là thức ăn có tẩm rượu thì con ruồi đực (bị con ruồi cái không cho làm tình) lúc nào cũng *chọn thức ăn có rượu*. Nhiều con “nhậu” cho đến xin luôn.

2 - Họ làm tiếp cuộc thử nghiệm, di chuyển những con ruồi không được làm tình trong bốn ngày này vào chai có ruồi cái vui lòng làm tình. Sau khi ân ái thì những con ruồi đực này chọn *thức ăn không rượu* thay vì có rượu.

3 - Họ làm thêm thử nghiệm bỏ những con ruồi đực vào chung lọ với những con ruồi cái đã bị chết. Không được làm tình, những con ruồi đực này cũng chọn thức ăn *có tẩm rượu* thay vì thức ăn thường.

Nghiên cứu thêm nữa, các nhà nghiên cứu khám phá trong óc của con ruồi có một chất gọi là NPF. Họ suy luận là khi làm tình, con ruồi đực thoải mái, làm kích động và tăng trưởng chất NPF nên làm nó cảm thấy sung sướng.

Ngược lại, nếu nó không làm tình thì bị thiếu chất NPF nên nó phải tìm những hoạt động khác như là uống rượu để kích động chất trong não bộ này. Ông Ulrike Heberlein, Đại học University of California, San Francisco, người hướng dẫn cuộc nghiên cứu, tuyên bố là phản ứng của đàn ông cũng không khác gì những con ruồi đực:

*“Chúng ta bây giờ hiểu tại sao nếu bị phụ nữ không cho làm tình, đàn ông sẽ giải sầu trong ly rượu”.*

Đọc xong bài nghiên cứu này, bây giờ tôi mới hiểu tại sao đàn ông Việt Nam thích nhậu.

(Nguyễn Tài Ngọc)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

**Ngày xưa...ngày nay...**

Ngày xưa ăn mấy cũng ngon,  
Ngày nay nhám nháp hết còn muốn nhai.

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

#### 9. hậu môn 後門

Chúng ta thường dùng từ hậu môn để chỉ lỗ đít. Đó chỉ là cách dùng và cách hiểu của người Việt Nam. Trong tiếng Hán, từ hậu môn thường được dùng với nghĩa là cửa sau, cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, và rất ít khi được dùng với nghĩa là lỗ đít. Từ hậu môn của chúng ta được dịch sang tiếng Hán là giang môn 肛門. Hậu môn là một từ gốc Hán đã được Việt hoá để mang một nghĩa khác với nghĩa của nó trong tiếng Hán.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

**Họ**

Số họ người Việt rất hạn chế, có khoảng 140 họ khác nhau- chúng tôi ghi lại trong danh sách ở dưới đây.

**A** An, Âu **B** Bạc, Bạch, Bành, Bé, Biện, Bùi **C** Ca, Cái, Cam, Cao, Cát, Cầm, Cán, Cù, Chế, Chiêm, Chu = Châu, Chung, Chử, Cung **D** Danh, Diệp,

Diêu, Doãn = Roãn, Dư, Dương, Đái, Đàm, Đà, Đặng, Đèo, Đinh, Đoàn, Đô, Đồ, Đỗ, Đồng, Đổng  
**G** Giang, Giáp **H** Hạ, Hàn, Hoa, Hoàng = Huỳnh, Hồ, Hồng, Hùng, Hứa **K** Kiên, Kiềm, Kiều, Kim, Kỳ, Kha, Khiêu, Khiếu, Khổng, Khu, Khuất, Khúc, Khương, Khuru **L** La, Lã = Lữ, Lai, Lại, Lang, Lâm, Lê, Linh, Lộ, Lợi, Lục, Lương, Lưu, Lý **M** Ma, Mã, Mạc, Mai, Mạnh **N** Ninh, Nông, Nghiêm, Ngạc, Ngân, Ngô, Ngụy, Nguyễn, Nhan, Nhữ  
**O** Ông **P** Phạm, Phan, Phí, Phó, Phù, Phùng  
**Q** Quách, Quan, Quán **S** Sâm, Sơn **T** Tạ, Tăng, Tiêu, Tô, Tôn, Tống, Từ, Tường, Thạch, Thái, Thang, Thành, Thâm, Thân, Thiệu, Thục, Trà, Trang, Trần, Triệu, Trịnh, Trình, Trung, Trương  
**U** Ung, Uông, Uyển, Ứng **V** Vạn, Văn, Vi, Viêm, Vòng, Vũ = Võ, Vương **X** Xuân (Văn Hóa Việt Nam, số 2, Mùa Thu 1998)

Do đó có thành ngữ "trăm họ" (bách tích) thời xưa thường dùng để chỉ dân chúng cả nước. ông Dã Lan Nguyễn Đức Dụ trong cuốn Gia Phả: Khảo luận và thực hành đã dẫn có nói đến ba trăm họ tối đa có thể có nhưng ông đã không lập danh sách.

(Tên họ người Việt – Nguyễn Vy Khanh)

**Một đi không trở lại**  
(nhất khứ bất phục phản)

Thành ngữ nói lên sự mất mát vĩnh viễn, không thể tìm thấy lại được có xuất xứ từ bài Hoàng Hạc lâu bất hủ của Thôi Hiệu.

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ  
Thử địa không dư Hoàng hạc lâu  
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản  
Bạch vân thiên tải không du du  
Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ  
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu  
Nhật mộ hương quan hà xứ thị  
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

(Người xưa đã cỡi hạc vàng bay đi mất, chỉ còn tro lại Lầu Hoàng hạc tại mảnh đất này. Hạc vàng một đi không trở lại, ngàn năm mây trắng vẫn bay dang dặc, hàng cây đất Hán Dương rụng rờ bên dòng sông tạnh, cỏ thơm bãi Anh Vũ vẫn tốt tươi. Lúc trời

chiều đứng trông về làng cũ tự hỏi : Quê hương ở chốn nào ? Khói sóng mịt mờ trên sông nước Khiến cho người nổi mối ưu sầu) .

Nếu hiểu được bài thơ trên thì ta thấy thành ngữ *Một đi không trở lại* không đơn thuần chỉ là sự lên sự mất mát vĩnh viễn, không thể tìm thấy lại được mà nó còn nói lên tâm trạng cảm hoài trước quy luật của trần hoàn tạo vật là không có gì tồn tại mãi mãi.....

(Đào Thái Sơn - Một số thành ngữ từ những bài thơ độc đáo)

### **149 họ**

Để chứng minh Bách Việt là trăm giống Việt và sau đây trăm họ là hàng trăm (số nhiều) chứ không phải đúng một trăm họ đâu.

Xin kê ra đây theo mẫu tự:

- An, Âu...
- Bạc, Bạch, Bành, Bé, Biện, Bùì...
- Cả, Cái, Cam, Cao, Các, Cầm, Cấn, Châu, Ché, Chiêm, Chu, Chung, Chũ, Cỗ, Cung, Cù...
- Danh, Diệp, Doãn, Dư, Dương...
- Đái, Đàm, Đào, Đặng, Đèo, Đinh, Đoàn, Đô, Đỗ, Đồng, Đông...
- Giang, Giáp...
- Há, Hạ, Hàn, Hoa, Hoàng (Huỳnh), Hồ, Hồng, Hùng, Hứa...

- Kiên, Kiền, Kiểu, Kiêm, Kỳ, Kha, Kheo, Khiên, Khiếu, Khổng, Khu, Khuất, Khúc, Khương, Khuru...
- La, Lã, Lai, Lại, Lâm, Lê, Linh, Lộ, Lỗ, Lợi, Lục, Lữ, Lưu, Lương, Lý...
- Ma, Mã, Mạc, Mai, Mạnh...
- Nặc, Ninh, Nông, Nùng, Nghiêm, Ngạc, Ngo, Ngô, Ngụ, Ngu, Nguyễn, Nhan, Nhữ...
- Ông...
- Phạm, Phan, Phí, Phó, Phù, Phùng...
- Quách, Quan, Quán...
- Sâm, Sơn, Sử...
- Tạ, Tã, Tần, Tiêu, Tô, Tôn, Tổng, Từ, Tường, Thạch, Thái, Thang, Thành, Thăm, Thân, Thiệu, Thục, Trà, Trang, Trần, Triệu, Trình, Trịnh, Trung, Trương...
- Ung, Ứng, Ưông, Uyển...
- Van, Vãn, Vi, Viêm, Vũ (Võ), Vương...
- Yết...

Các họ trên đây chép trong Đại Việt Linh triều Đăng Khoa lục, Đăng khoa Bi khảo, Lê Triều Lịch danh Tiến sĩ đề danh Bi ký. Đếm ra được 149 họ, có thể còn thiếu sót.

(Trăm họ – Trần Khánh

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Có con gà trông hoa mơ  
Nó đi đập mái bạc phơ cả đầu

Bạc thì bạc có sao đâu  
Nếu không đập mái sống lâu làm gì?

### **Họ các triều đại**

Đa số người Việt mang một họ trong số 16 dòng họ đã từng cai trị lấy lòng trong lịch sử. Theo thứ tự nhiên đại, đó là những họ Thục, Trưng, Triệu, Mai, Khúc, Lý, Phùng, Kiều, Ngô, Đinh, Lê, Trần, Hồ, Mạc, Trịnh và Nguyễn.

Riêng họ Nguyễn, còn là họ triều đại quân chủ cuối cùng, có thêm một lý do khác khiến họ này trở nên thông dụng : Đời Trần Thái Tông ( 1232), sau khi đã đoạt ngôi nhà Lý, Trần Thủ Độ lấy lý do tổ nhà Trần tên Ly, đã bắt tất cả những người họ Lý là họ dòng vua vừa bị hoán vị, lẫn dân gian, phải đổi làm họ Nguyễn.

Con cháu nhà Mạc từ khi rút về Cao Bằng, đã đổi ra nhiều họ khác nhau, trong số có họ Nguyễn: Mạc Cảnh Vinh đổi thành Nguyễn Hữu Vinh.

(Tên họ người Việt – Nguyễn Vy Khanh)

### **Thiên ngôn**

Vội



Vội quên, vội nhớ vội đi, về  
Bên ni, bên nó mãi xa ghê!

Có ai nẻo Giác bàn chân vội?  
"Hỏa trạch" bước ra, dứt nẻo nề...  
(Thích Tánh Tuệ)

### **Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao**

Từ điển thuật ngữ văn học gọi chơi chữ là "lộng ngữ". Các hình thức của lộng ngữ rất phong phú, trong đó có: *nói lái, dùng từ đồng âm hoặc gần âm, dùng từ gần nghĩa, tách một từ thành các từ khác nhau*. Dân gian đôi lúc dùng một tiếng Việt đồng nghĩa với một từ Hán Việt để chơi chữ:

*Cha con thầy thuốc về quê  
Hồi hương phụ tử thì chàng đối chãng?*

Cái độc đáo ở nghệ thuật chơi chữ trong câu thơ này là vừa có hai từ tương đương nghĩa "cha con" (thuần Việt) với "phụ tử" (Hán Việt); "về quê" (thuần Việt) với "hồi hương" (Hán Việt).

Rồi "thầy thuốc" để chỉ nghề nghiệp của hai "cha con" mà "hồi hương", "rời phụ tử" là những vị thuốc nổi tiếng trong đông y!

(Trần Minh Thương - Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao Việt Nam)

## **Thiền ngôn**

Vội

Vội đến, vội đi, vội nhạt nhòa  
Vội vàng sum họp vội chia xa.  
Vội ăn, vội nói rồi vội thờ  
Vội hưởng thụ mau để vội già.  
(Thích Tánh Tuệ)

## **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Trong ngôn ngữ thế giới có nhiều trùng hợp ngẫu nhiên.

Thí dụ trẻ con mới phát âm, miệng chưa mở rộng nên phát âm đầu tiên là âm môi. Người mẹ là vật đầu tiên đưa bé nhìn thấy cho nên nó gọi: mẹ, má, mama, mother, mère... Vì luật chung là thế nên không thể bảo tiếng “mẹ” trong tiếng Việt xuất xứ từ tiếng “mẫu” của Trung Quốc, hay tiếng “mère” của Pháp, và tiếng “mother” của Mỹ!

Người Mỹ đến Việt Nam sau đệ nhị thế chiến. Nhưng từ lâu trẻ con đã chơi “oản tù tì”, cho nên không thể bảo...“oản tù tì” là gốc Anh, Mỹ là...là ...one, two, three!

(Son Trung – Lịch sử Phở)

### Họ Mạc đổi thành nhiều họ

Khi Trịnh Tùng chiếm được Thăng Long, Trung Hưng nhà Lê (1593), con cháu họ Mạc tẩu tán khắp nước, một số lên Cao Bằng, một số chạy vào Thanh Hóa, Nghệ An ẩn trốn, và một số vào Nam theo chúa Nguyễn. Con cháu họ Mạc đổi ra rất nhiều họ khác nhau.

Sách Thế phả ghi rõ là con của Mạc Đăng Doanh, em của Mạc Kính Điển là Mạc Cảnh Huông vào Nam theo Nguyễn Hoàng, sau con là Mạc Cảnh Vinh đổi là Nguyễn Hữu Vinh. Không những chỉ một họ Nguyễn, mà chắc chắn còn nhiều họ khác nữa.

(Trần Gia Phụng - Những cuộc đổi họ lớn trong lịch sử)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

#### 12. khốn nạn 困難

Soạn giả cho biết, khốn nghĩa là cùng khổ, là khó khăn; nạn là tai vạ nguy hiểm; rồi ông nêu ra hai nghĩa của từ này: 1) tội nghiệp, đáng thương; và 2) hèn mạt, đáng khinh bỉ. Đó là những nghĩa mà người Việt Nam đã gán cho nó và đã quen dùng, hầu

như chẳng dính dáng gì với nghĩa của các từ tổ. Trong một cuốn từ điển lấy mục đích chính là giải nghĩa các thành tố Hán ngữ thì giải thích như trên là chưa đủ, và không nêu nghĩa ban đầu của từ này (là nghĩa do các từ tổ tạo nên).

Trong tiếng Hán, khôn nạn nghĩa là vô cùng khó khăn cực nhọc.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Thanh minh trong tiết tháng ba,  
Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh

Mấy câu lục bát vừa dẫn được xem là một trong những sáng tạo của Nguyễn Du khi viết Truyện Kiều. Bởi thiên tiểu thuyết Kim Vân Kiều truyện do Thanh Tâm Tài Nhân chấp bút bằng văn xuôi chữ Hán trước Nguyễn Du hơn trăm năm chẳng có đoạn trên. Thanh Tâm chỉ phác gọn lỏn: "May sao một ngày trong tiết Thanh minh, con cái họ Vương cùng đi tảo mộ, nhân tiện xem hội đạp thanh.". Vậy mà Tố Như ngẫu hứng triển khai thành trường đoạn tả cảnh với bao chi tiết sinh động, nên được đông đảo người Việt yêu văn chương lấy làm thích thú và thuộc nằm lòng. Và bấy lâu nay hầu hết mọi người, kể cả các nhà nghiên cứu của nhiều thế hệ - cứ định

ninh tiết Thanh minh luôn rơi vào tháng ba âm lịch?  
Thực tế đúng thế chăng?

Phan Kế Bính biên soạn *Việt Nam phong tục* đã ghi nhận: "Trong khoảng *tháng ba* có một tiết hậu gọi là tiết Thanh minh. Thanh minh nghĩa là trời độ ấy mát mẻ quang đãng".

*Tìm hiểu phong tục Việt Nam qua lễ - Tết - hội hè* của Toan Ánh còn cho biết: "Tiết này thường bắt đầu trong tháng ba hoặc muộn lắm là đầu tháng tư âm lịch tùy từng năm".

*Hán Việt từ điển* của Đào Duy Anh cắt nghĩa từ Thanh minh: "Một tiết ở trong nhị thập tứ khí, tức *mùng 5 mùng 6 tháng ba âm lịch*".

Nếu tra cứu và đối chiếu âm lịch với dương lịch, chẳng hạn *Lịch vạn niên* vẫn được phổ biến rộng rãi ở Trung Hoa lẫn Việt Nam, tất cả thư tịch nêu trên đều thiếu chính xác!

Thanh minh trong tiết tháng ba

Hoá ra, câu thơ Tố Như không tổng kết một quy luật tự nhiên phổ quát nào như nhiều người vô tình ngộ nhận. Nội dung câu thơ kia chỉ đúng trong bối cảnh nhất định của mạch thơ, mạch truyện.

(Phanxipăng - Thanh minh trong tiết tháng... nào?)

## **Họ dân gian**

Trong số "trăm họ" hiện được dùng, có chừng 30 họ là gốc Việt hoàn toàn, lúc đầu vốn là họ bộ tộc. Chúng tôi nói "họ" Việt mà không nói "người" Việt vì đến nay, mấy ai có thể chứng minh là thuần "gen" hay "máu" Việt.

Ngược dòng lịch sử, Việt tộc bị người Hán xâm chiếm, vào khoảng thế kỷ thứ IV tntộc Công Nguyên. Từ năm 1069, người Việt tiếp tục Nam tiến, chiếm toàn thể nước Chiêm Thành năm 1693 và chiếm đóng phần đồng bằng phía đông Cam Bốt tức Thủy Chân Lạp năm 1759. Phần khác, nước ta từng bị nhà Hán và các triều đại Trung quốc sau đó đô hộ cả ngàn năm, một số quân lính sang đất Giao Chỉ rồi ở lại lập gia đình sanh con đẻ cháu. Mặt khác nữa, nước ta đã từng đón nhận nhiều người Hoa đến tị nạn hoặc di trú.

Đó là lý do lịch sử của một số họ Việt gốc Hoa như Không, Lưu, Trương, Mai, Lâm, Lữ, Nhan, Sử, Tăng, Trịnh, Vương, v.v... hoặc gốc Miên như Thạch, Sơn, Danh, Kim, Lâm là năm họ nhà Nguyễn đã ban cho, hoặc gốc Chăm như Chế, Chiêm, v.v... hoặc họ của đồng bào thiểu số (trong nước hiện gọi là "dân tộc") như Linh, Giáp, Ma, Đèo, Kha, Diêu, Vi, Quách, Nông, Chử, Ngân, Ông, Trà, Lang, Lục, Sầm, v.v...

(Tên họ người Việt – Nguyễn Vy Khanh)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Cũng con gà trống hoa mơ  
Nó đi đập mái hói trơ cả đầu  
Hói thì hói có sao đâu  
Nếu không đập mái tóc, râu làm gì?

### **Chữ nghĩa làng văn xóm chữ**

Rượu đế, rượu trắng, rượu nếp...Khi Pháp chiếm toàn cõi miền Nam, đưa ra luật cấm dân nấu cất rượu trong nhà. Chỉ có công xi rượu của Tây mới có quyền chưng cất rượu. Cái mừng này là nghề ruột của thực dân lúc bấy giờ, đó là phương tiện độc quyền làm tiền. Nó phổ biến ở khắp nơi, ở Việt Nam có rượu đế ở Mỹ có Moonshine, nguồn gốc Moonshine là do dân Mỹ cất rượu lậu trong rừng, thường là cất nấu ban đêm dưới ánh trăng, vì vậy mà có tên Moonshine. Cũng vậy ở đồng quê miền Nam, dân cất rượu lậu trong nhà, khi Tây đi bố đi ráp, thì rầm rầm rộ rộ, thiên hạ bà con biết, nên đem nồi cất rượu giấu trong bãi sậy, đám cỏ tranh, hay lùm để xa nhà...có lẽ vì để có nghĩa là vua, mà rượu công vua hay rượu vua ban cho, ngự tửu, thì quý lắm, ngon lắm bởi vậy dân mới gọi rượu lậu là rượu đế chẳng?

(Tiếng nói miền Nam văn hoá Lục tỉnh - Trịnh Quốc Thuận)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Còn con gà mái hoa mơ  
Nó đi tìm trống đỏ phơ cái mào  
Đỏ thì đỏ kệ xác tao  
Nếu không tìm trống thì tao ế à?

### **Họ và tên**

Nghiên cứu tất cả hệ thống tên họ các dân tộc trên thế giới cho thấy người Việt có lẽ là một dân tộc đầu tiên, cùng với người Trung Hoa và Đại Hàn, có một hệ thống tên họ đơn giản và hợp lý nhất. Người Nhật mãi đến năm 1872 mới được quyền có họ, trước đó chỉ có các ngài đại-danh (samourais) là có đặc quyền đó. Theo lịch sử Trung quốc, việc đặt họ tên bắt đầu từ năm 2852 trước Công nguyên, khi vua Phục Hi ra lệnh bắt dân chúng phải có một "*gia tính*" hay "*tộc tính*" để phân biệt các hệ phái gia đình và định phép tắc hôn nhân. Đến thế kỷ thứ V trước Công nguyên ở Trung quốc đã có hai loại "*gia tính*" được dùng: "*tính*" là "*họ gốc*", do *cha truyền con nối* hoặc do *vua ban*, và dành cho nam giới; "*thị*" là "*họ cành*", tức *tên đặt khi mới sanh* dùng cho cả nam lẫn nữ. Giới quý tộc vừa có Tính vừa có Thị, dân giả thì chỉ có tính. Từ đó phát xuất thành ngữ "*bá*

*tính*" hoặc "*bách tính*". Con trai đàn ông xưng "*thị*" để phân biệt sang hèn, phụ nữ xưng "*tính*" để phân biệt hôn nhân.

(Văn hóa người Việt qua tên họ - Nguyễn Vy Khanh)

### **Thá**

Thá: loại, hạng  
(chẳng ra thá gì)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### **Một số từ Việt miền Nam gốc Triều Châu**

Ảnh hưởng văn hóa mà người Minh Hương để lại sâu đậm nhất trong đời sống miền Nam là ngôn ngữ. Tiếng Việt miền Nam được lưu dân Minh hương bổ sung cho tiếng Việt thêm phong phú. Theo Bình Nguyên Lộc, những từ sau có nguồn gốc Minh Hương.

Lầu: Có nguồn gốc từ lầu là một món canh của Triều Châu, đựng trong một thứ bát đặc biệt bằng Laiton. Từ "Lai-ton" ta đọc là...lầu

Tía: Chính các chú rể Triều Châu, lưu vong nhà Minh đã đưa ra danh từ "tía" vào Nam, và bị ta hiểu là..."cha".

Hên: Triều Châu đưa vào và họ đọc là “hinh” thì đáng lý ta phải viết là “hênh. Rồi..hên.

Xui: Tiếng này đất Bắc có nhưng vay mượn lâu đời hơn và nói là...xúi quẩy. Do chữ “suy” mà ra, đọc theo Triều Châu, “hên xui” hiểu là...may rủi.

(Vài nét về lịch sử người Minh Hương - Nguyễn Đức Hiệp)

### **Thảnh**

Thảnh: rảnh rồi  
(thảnh thời ngày tạnh cảnh Hồ Tây)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### **Gia phả**

Theo các kết quả nghiên cứu khoa học của hơn thập niên gần đây (khảo cổ, genes, di truyền học, v.v.), dân tộc Việt Nam hình thành từ người Việt sinh sống trên phần đất nước hiện nay và từ các dân tộc khác trong khu vực gọi chung là chủng Cổ Mã-Lai (*Indonésien*) thiên cư đến từ châu Phi và từ các cao nguyên Tây Tạng, Người Cổ Mã Lai thiên cư lên hướng Bắc ở vùng sông Dương-Tử; về phía Tây tới Ấn-Độ, về phía nam tới các đảo của Nam

Dương, về phía đông tới Phi-luật-tân. Trong số các chủng Nam-Á (*austro-asiatique*) này, nhiều thế kỷ sau xuất hiện chủng Bách Việt trong đó có Lạc Việt sinh sống từ vùng Nam sông Dương Tử cho đến miền Bắc Việt-Nam. Nhân số bành trướng, lãnh thổ Bách Việt (chữ dùng của sử Tàu) cũng thiên di xuống đồng bằng sông Hồng, hội nhập văn hóa và đồng hóa người Mường và các sắc dân địa phương.

Tuy nhiên văn hóa nông nghiệp nền tảng của Việt tộc vẫn luôn trội bật. Do đó hơn hai ngàn năm trước, tổ tiên ta đã nghĩ lập ra "sổ điền" cốt để nhà vua kiểm kê nhân và dân số hàng năm hoặc theo một thời hạn cố định, mục đích nhằm phân chia ruộng nương thời đó thuộc về nhà vua. Việc phân chia này đòi hỏi một sự hiểu biết tường tận từng nóc gia. Với họ và tên gọi, quan chức triều đình có thể ấn định số người trong mỗi gia đình. Về sau thêm "sổ đinh" hoặc "sổ bộ", ghi họ tên chính thức về hộ tịch từng cá nhân và gia đình. Từ "sổ bộ", mỗi gia đình lập một sổ riêng, ghi chú tất cả việc cưới hỏi, sinh đẻ và tang ma. Đó là nguồn gốc của gia phả.

(Văn hóa người Việt qua tên họ - Nguyễn Vy Khanh)

## Câu đối thợ nhuộm

“Xuất đối dị, dị đối nan” hiểu theo nghĩa là “*ra đối dễ, đối lại khó*”. Tuy nhiên một đôi khi lại ngược lại “xuất đối dị, dị đối...*dị*” như vợ khóc chồng là thợ nhuộm:

Thiếp từ khi lá *thắm* duyên xe, khi vận *tía*, lúc con *đen*, *điều* dạy *điều* khôn nhờ *bố đỏ*

Chàng ở tuổi *vàng* có biết, vợ má *hồng*, con răng *trắng*, *tím* gan *tím* ruột với trời *xanh*

Câu phúng trên do cụ Nguyễn Khuyến viết cho chị hàng xóm khóc chồng, có đủ màu sắc của nhà thợ nhuộm: *thắm, tía, đen, điều, đỏ, vàng, hồng, trắng, tím, xanh*...

(Nguyễn Kiến Thiết – báo Thời Báo)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Anh đi đêm chẳng trôi nhanh,  
Anh về lại muốn ngày thành là đêm.  
Anh đi bắt buộc nằm không,  
Anh về nếu bắt nằm không... không nằm.

## Chữ lót

Chữ lót hoặc tên đệm thường được sử-dụng nhất là "văn" và "thị" phân biệt phái nam với phái nữ. "Văn" nghĩa là "người có học", "nhà nho". "Thị" có

nghĩa là "đàn bà". Có thuyết lịch sử cho rằng "thị" phát sinh ra gốc họ hàng (thị tộc), có ý ám chỉ nhờ người đàn bà mà tộc họ được tồn tại và kéo dài. Theo một số nhà ngữ học, "văn" và "thị" có nghĩa là "con trai của...", "con gái của..." và là dấu vết ảnh hưởng văn hóa Mã Lai.

(Văn hóa người Việt qua tên họ - Nguyễn Vy Khanh)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

#### 14. lang bạt kỳ hồ 狼跋其胡

Đây là một thành ngữ Trung Quốc. Soạn giả cho biết: lang = chó sói; bạt = chạy qua, nhảy qua; kỳ = cái ấy; hồ = phần dưới cằm; và, nghĩa đen của thành ngữ lang bạt kỳ hồ là: con chó sói nhảy qua cả cằm nó. Cứ theo cách giải thích của ông thì người ta ngỡ rằng, người Trung Hoa diễn đạt sao mà lúng túng, khó hiểu đến thế, và thành ngữ này có nghĩa gì? Sự thực thì không phải như vậy, mà lỗi là do soạn giả quá thông thái của chúng ta. Nay chúng tôi xin giải nghĩa lại như sau. Lang = chó sói; bạt = nhảy qua, bước qua; kỳ = của nó; hồ = cái yếm thịt ở dưới cằm và dưới cổ của con vật. Vậy, lang bạt kỳ hồ có nghĩa đen là: con sói bước qua (hay giẫm lên) cái

yếm thịt dưới cổ nó, và nghĩa bóng là: lúng túng, vướng víu không gỡ được. Người Trung Quốc sử dụng thành ngữ này với nghĩa như thế..

Chúng tôi chưa biết tại sao người Việt chúng ta lại sử dụng thành ngữ lang bạt kỳ hồ với nghĩa là đi xa và không có chỗ ở nhất định. Soạn giả không hiểu thành ngữ này trong tiếng Hán, tuy nhiên, ông đã nêu được cái nghĩa mà người Việt Nam thường dùng.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### **Chữ nghĩa làng văn xóm chữ**

Tiếng nói, tiếng Việt.

Có năm tôi về Sài Gòn, có dịp đến thăm cụ Vương Hồng Sển, được Cụ tiếp tại nhà. Cụ có tặng tôi quyển sách “Tự Vị Tiếng Nói Miền Nam”. Trước khi viết lời tặng, ký tên vào quyển sách, Cụ Sển gạch ngang chữ “Việt” trong tựa của quyển sách, mà sửa lại là “Nói”. Cụ có nói “ Cán bộ tài khôn, sửa mà không hỏi ý kiến tác giả”. Dân miền Nam nói anh “tài khôn” không có nghĩa là nói anh “tài cán, khôn ngoan” mà hoàn toàn có ý ngược lại. Tiếng Việt thì miền nào cũng là tiếng Việt. Còn tiếng nói thì mỗi miền mỗi khác. Đơn giản vậy thôi. Nhưng có viết sai thì mới thấy “sai một li, đi một dặm”. Nôm na tiền bạc là " trạt con tán, bán con trâu".

Tiện đây tôi xin chân thành nhắn nhủ quý tác giả một khi có trích dẫn quyển “ TỰ VỊ TIẾNG NÓI MIỀN NAM” thì xin đề ý đừng viết là “ TỰ VỊ TIẾNG VIỆT MIỀN NAM” như nhà xuất bản ấn hành, vì nó sai, vì đó không phải nguyên ý, nguyên tác của cụ SẼN, mà xin viết là “ TỰ VỊ TIẾNG NÓI MIỀN NAM” cảm ơn.

(Tiếng nói miền Nam văn hoá Lục tỉnh - Trịnh Quốc Thuận)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Mai sau về với ông bà  
Nấp sau nải chuối ngấm gà khóa thân.

### **Bút danh**

Làm thơ, viết văn thì có *bút danh*, tùy ý lựa chọn nên rất đa dạng. Đơn giản nhất là dùng tên thật, để nguyên ( Nguyễn Hiến Lê, Ngô Tất Tô ... ) hoặc bỏ bớt họ ( Ngô ) Xuân Diệu, (Cù ) Huy Cận ... , bỏ chữ lót : Đỗ ( Đình ) Tôn , Đoàn ( Đức ) Chuẩn .... Người thì chơi kiểu nói lái : Thế Lữ ( Nguyễn Thứ Lễ ), Vương Đức Lệ ( Lê Đức Vượng ); người thì lấy tên thật, đảo thứ tự chữ cái ( anagram ) để thành bút danh : Khải Hưng ( Trần KHÁNH GIU' ), Ưu Thức ( Đặng THU' CUU' ), Ân Ngũ Tuyên ( Nguyễn Tuân ). Ưa bí hiểm thì dùng chữ viết tắt :

T.T. KH , TCHYA, mặc cho thiên hạ đoán già đoán non để giải mã ( TCHYA : Tôi Chưa Hề Yêu Ai ? Tưởng Chừng Hết Yêu Anh ? Tôi Chỉ Yêu Annie ? Tổ Chân ! Hãy Yêu Anh !...). Muốn cho có vẻ "Tây" một chút thì chọn J. Leiba ( Lê Văn Bái, kiểu đảo chữ cái ), B. Blan ( Bàn Bá Lân, viết tắt ). Còn bút danh Hồ Dzếnh là do phát âm tên thật Hà ( Triệu ) Anh theo giọng Quảng Đông. Dạt dào tình cảm quê hương thì chọn Thông Ngự Bình, Sương Đà Lạt, Tràm Cà Mau... Nôm na thì có Mỡ Làng Vãn, Thọ Rèn, Bút Tre, Trạng Đốp ... Nhắc đến các học vị một thời là Tú Duyên, Tú Cận, Cử Tương, Đồ Phồn, Đồ Nam Tử, Học Phi.... Cũng Cử, cũng Tú nhưng muốn chơi chữ thì lấy Cử Tạ, Tú Xon ( tiếng Pháp : Tout Seul )... Có khi đọc đáo chỉ một chữ : Rùng, Chóe, Ót... Mỗi người một vẻ, không kể hết được.

(Tản mạn về cái tên – Thân Trọng An)

### **Cây chanh**

Tôi tra từ điển. Hoa-Việt của ông Đào Duy Anh, tôi thấy một chữ mà ông Đào Duy Anh ghi âm đọc là chanh. Chẳng những thế, lại còn chua chữ Pháp là citron, citronnier.

Tôi ngạc nhiên quá. Bên Tàu không có cây chanh. Thế sao họ lại có danh từ chanh để mà cho ta vay mượn (chữ chanh viết bằng chữ đặng là lên đường, nhưng với bộ mộc). Tôi đã biết rằng Trung Hoa, vì

không có trồng được cây chanh, nên không có danh từ, phải mượn danh từ lemon của Anh mà họ đọc là lì mông (viết ra chữ Tàu thì các nhà nho ta đọc sai là ninh mông). Vì vậy, tôi cũng phải hỏi lại ông Lý Văn Hùng cho rõ trắng đen.

Người mà tôi hỏi là ông Lý Văn Hùng, người Quảng Đông ở Chợ Lớn. Ông này chỉ là thầy giáo Tàu thôi, nhưng ông ta đã viết được vài quyển sách về lịch sử cận đại của miền Nam bằng chữ Tàu, và nhứt là ông ta dạy Quan Thoại và văn hóa Trung Quốc ở Văn khoa Đại học, nên tôi nghĩ rằng chắc ông ta cũng không dở lắm.

Ông ấy nói:

- Ông Đào Duy Anh đã làm. Người Tàu đâu có trồng được chanh, đâu có trái citron. Cái chữ này phải đọc khác, và trở món khác, chớ đâu có trở chanh bao giờ.
- Trở cái gì, và đọc như sao ?
- Quan Thoại đọc là xản, Quảng Đông đọc là tsat và trở cây cam và trái cam. Có lẽ đồng bào của tiên sinh đọc là sành để rồi ghép thành ra cam sành.

\*\*\*

Lại xin trình thêm một chữ nữa. Chữ này ông Đào Duy Anh ghi âm đọc là thũng và định nghĩa là sung lên. Té ra bịnh thũng là tiếng Tàu, thế mà từ bao lâu nay, tôi cứ tưởng đó là tiếng Việt. Vậy là giáo sư Lê Ngọc Trụ rất có lý, cái gì cũng do tiếng Tàu mà ra

cả. (Chữ Hán này được viết bằng chữ trọng với bộ nguyệt mà người Tàu gọi là bộ nhục.)

Lần này, tôi không thắc mắc, không hỏi ai hết. Nhưng một nhà nho Việt Nam, mới có 30 tuổi, một hôm đã tinh cò nói về vấn đề là hiểu lầm về chữ nghĩa Tàu. Anh bạn ấy nói: “*Cái chữ đó, không phải đọc là thưng đầu, mà đọc là truong, mà có người phát âm là chuong. Chuong lên, có nghĩa sừng tấy lên đó mà (con trâu chết chuong, con ngựa chết chuong).*” Ấy, ông Đào Duy Anh lần này không có lầm về nghĩa mà chỉ lầm về phát âm thôi, nhưng cái lầm này khá tai hại, làm cho ta tin rằng các từ của ta đều do tiếng Tàu mà ra tuốt hết, tin theo thuyết Lê Ngọc Trụ.

(Học lại chữ Tàu – Bình Nguyên Lộc)

### **Pháp danh**

Tu hành thì có *pháp danh*, khác với cái tên đã thường dùng trước khi xuất gia gọi là *tục danh*, cũng có khi gọi là *thế danh*, là tên ở ngoài đời, bởi đạo khác hẳn với đời. Đã là pháp danh thì thường có ý nghĩa thanh thoát, không còn dính líu gì đến cuộc đời ô trọc nữa (Chân Tâm, Nguyên Thiện, Trí Tịnh, Diệu Liên ...).

(Tản mạn về cái tên – Thân Trọng An)

### Chữ nghĩa làng văn

Nguyễn Tuân thường say nhưng có điều thật lạ là ông đã làm một bài hát a' đào nói về *cái say* của mình - *cả mướu và hát nói* - vào năm 1931 mà ít người được biết:

*Hạnh Hoa thôn đã đây rồi,  
Chơi đi cho thỏa một đời thông minh.  
Nợ men gấp mấy nợ tình,  
Cõi trần ước hỏi Lưu Linh mấy chàng?*

*Hung trung hữu Lý Bạch,  
Đã say sưa mặc quách thế nhân cười.  
Mượn màu men giả dạng làng chơi,  
Cơn chén choáng coi ra trời đất nhỏ.  
Ai muốn lấp sầu thiên vạn cổ,  
Cùng ta hãy cạn một hồ đầy.  
Doanh nước mây, một tó một thầy,  
Vành gió bụi: Ai tỉnh? Ai say? Ai ngắt ngưỡng?*

*Đảo phá sầu thành thị tướng, (\*)  
Trường truy cùng tặc tửu vi binh  
Rượu ngà say quên lẫn cả mình,  
Khi túy lúy thoát hình ngoài cõi tục.  
Mặc ai đàm tiếu, ai trong đục,  
Tỉnh mà chi cho nhọc chẳng khê khà.  
Nợ nần gỡ mãi không ra.*

(\*)

Muốn phá thành sầu phải mượn thơ làm vị tướng,

Muốn đuổi giặc *cùng* phải mượn rượu làm quân lính.

(Nguyễn Quang Tuấn - Nguyễn Tuấn với thú hát Ả đào)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

#### 30. tình chung

Đọc đến từ này, kẻ viết bài này nhớ ngay đến câu thơ 791-792 trong Truyện Kiều của Nguyễn Du:

Biết thân đến bước lạc loài,  
Nhị đào thà bẻ cho người tình chung.

Chưa cần cắt nghĩa từng từ tố, âm hưởng của câu thơ cũng đã khiến người đọc cảm nhận rằng, “người tình chung” là người yêu chỉ có một ở trên đời, tình yêu đối với người đó như đã thấm vào máu thịt, không thể nào phai nhạt. Và như vậy thì từ tình chung không phải là một danh từ để chỉ mối tình bền chặt, thủy chung, mà đó là một tính từ.

Theo soạn giả thì tình là cảm xúc trong lòng, chung nghĩa là cuối, và, tình chung nghĩa là mối tình chung thủy. Nghĩ như vậy có lẽ chỉ vì ông vẫn thường nghe

nói đến “mối tình chung thủy” nghĩa là mối tình trước sau như một (trong đó, chung 終 nghĩa là cuối, thủy 始 nghĩa là bắt đầu). Nhưng ông đã lầm to, mà lầm là phải, vì cứ dựa dẫm đoán mò thì thường chỉ có thể đúng ở những từ rất đơn giản.

Tình chung là một từ gốc Hán đã được Việt hoá, có lẽ nhờ ngòi bút của Nguyễn Du mà nó càng trở nên quen thuộc và có hồn hơn. Nó vốn là từ chung tình 鍾情 trong tiếng Hán, trong đó, chung 鍾 nghĩa là tụ lại, là đúc kết lại; tình 情 nghĩa là tình cảm, tình yêu, v. v., và, chung tình (là một tính từ) nghĩa là mang một tình yêu bền chặt như đúc thành một khối. Chúng tôi đã xem lại văn bản Truyện Kiều bằng chữ Nôm (bản Liễu Văn Đường) thì thấy rằng, từ tình chung được viết là 情鍾, trong đó, chữ chung 鍾 nghĩa là tụ lại, là đúc kết lại chứ không phải chữ chung 終 là cuối như soạn giả đã đoán bậy. Xin lưu ý rằng, trong chữ Nôm, cha ông ta cũng phân biệt hai chữ chung này.

Ở các câu 389-390 trong Truyện Kiều:

Duyên kia có phụ chi tình,  
Mà toan sẽ gánh chung tình làm hai?

Nguyễn Du đã sử dụng từ chung tình với nghĩa giống như từ tình chung ở trên.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

## **Về tên**

Có tên rồi, phải xưng tên mình và gọi tên người cho đúng cũng không kém phần quan trọng bởi danh có chính thì ngôn mới thuận. Câu chuyện dân gian sau đây thường được nhắc đến để minh họa cho sự tinh tế của ngôn ngữ tiếng Việt thật ra chỉ xuất phát từ cái việc gọi tên đó thôi :

- Ai ơi, vô ăn cơm.
- Cơm ai nấu ?
- Nấu chứ ai !

(Tản mạn về cái tên – Thân Trọng An)

## **Bánh chung, bánh tét**

Người miền Nam gọi bánh chung là bánh tét, chữ bánh tét là tiếng đọc trạch kiêu miền Nam của bánh tét. Và nhân đây xin thanh toán một "ngộ nhận văn hóa". Thoạt kỳ thủy, bánh chung không được gói vuông như bây giờ mà gói tròn như bánh trong Nam, gọi là đòn bánh tét là hoàn toàn chính xác. Ngay giờ đây, xin các bạn chỉ quá bộ sang Cổ Loa, Đông Anh ngoại thành Hà Nội thôi, vẫn thấy người cô đô Cổ Loa gói bánh chung như đòn bánh tét và vẫn gọi nó

là bánh chung, thảng hoặc mới gói thêm bánh chung vuông.

Thế cho nên, cái triết lý gán bánh chung vuông tượng Đất, bánh dầy tròn tượng Trời là một "ngộ sự văn hóa". Trời tròn đất vuông là một triết lý Trung Hoa mượn màng được hội nhập vào triết lý Việt Nam. Đó không phải là triết lý dân gian Việt Nam. Nó không phải là Folklore (nguyên nghĩa: trí tuệ dân gian) mà là Fakelore (trí tuệ giả dân gian).

Bánh chung tròn dài tượng dương vật, như cái chày, cối nô. Bánh dầy tròn dẹt tựa âm vật, như cái cối, cái nường.

Đó là tín ngưỡng và triết lý nô-nường-chày-cối chung dầy của dân gian, của tín ngưỡng phồn thực dân gian. Ngay như khi đã gói bánh chung vuông, dân gian ngày trước vẫn có tục lệ buộc hay áp hai chiếc bánh một sấp, một ngửa đặt trên bàn thờ và khi biểu họ hàng khách khứa ngày trước dân gian cũng giữ tục biểu một cặp bánh chung (cũng như trước đây bao giờ dân ta cũng mua một đôi chiếu) chứ không bao giờ tặng một chiếc bánh chung (cũng như không bao giờ mua một chiếc chiếu).

Nhân tiện nói thêm: việc mua hay chặt cây mía cả gốc cả ngọn đặt bên bàn thờ với giải thích hữu thức ngày sau đó là "gậy chống của ông vải" về nguyên thủy cũng thuộc về tín ngưỡng phồn thực.

(Trong cõi - Trần Quốc Vượng)

## **Đổi họ**

(...trích lục lại)

"Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam" của Nguyễn Q. Thắng và Nguyễn Bá Thế do nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội thực hiện năm 1987. Tác giả đã đổi những nhân vật họ "*Huỳnh*" thành "*Hoàng*", "*Chu*" thành "*Châu*", "*Vũ*" thành "*Võ*".. v .v...

Do đó trong từ điển có những danh nhân như Hoàng Thúc Kháng, Hoàng Tĩnh Của, Châu Mạnh Trinh, Võ Ngọc Phan, Võ Trọng Phụng... Làm như vậy không những kỳ quặc mà còn là một điều bất kính với tiền nhân.

(Đặng Trần Huân – Chữ nghĩa bẽ bè)

## **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Ra đường sợ nhất cúm gà  
Về nhà sợ nhất vợ già... khóa thân

## **Phúc biến hoá thành phước**

Phúc và phước lại là đồng nghĩa dị âm. Chính âm là phúc. Biến âm thành phước. Vấn đề đặt ra: sự biến âm ấy diễn ra từ bao giờ? Vì sao? Đây là giới hạn?

Mọi người đều biết rằng hiện tượng "viết chệch, đọc lệch" từng xuất hiện trong lịch sử do kiêng húy. Chữ phúc bị kiêng, thoát tiên từ thời Tây Sơn. *Thoái thực ký văn* của Trương Quốc Dụng (1797 - 1864) có đoạn: "Xã tôi xưa gọi là Long Phúc, vì Nguyễn Huệ có tên giả là Phúc, nên đổi gọi là Long Phú".

Vậy là *Phúc* biến thành *Phú*, tức thay hẳn cả chữ lẫn nghĩa.

Còn *Phúc* biến thành *Phước* thì giữ nguyên chữ nghĩa, chỉ đổi âm, thực sự phổ biến kể từ năm Quý Mùi 1883 - thời điểm công tử Ưng Đăng lên ngôi vua, chọn niên hiệu Kiến Phúc. Từ đây hoàng thân quốc thích đến quan quân lẫn thứ dân thấy đều gọi kiêng. Dòng họ *Nguyễn Phúc* được đọc trại ra *Nguyễn Phước*.

### **Chữ nghĩa với ca dao dân gian**

Đi đâu mà chẳng lấy chồng  
Người ta lấy hết chồng mông mà gào  
Gào rằng đất thấp trời cao  
Sao không thí bỏ cho tao tám chồng  
Ông trời ngoảnh lại ông trông  
“Mày hay kén chọn ông không cho mày”

## Thiền ngôn



“Là con Phật, nếu không nói được những gì Phật nói, hãy im lặng như chánh pháp, đừng nói những lời ác, xuyên tạc, bịa đặt, vu khống, làm tổn hại kẻ khác, nếu không làm được những gì Phật làm, hãy im lặng và lắng nghe, quán sát, học hỏi những thiện tri thức, đừng vọng động làm những điều thương tổn đến tha nhân”.

(Ma Đức Đạt Lai Lạt)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Kiếp sau xin chớ làm người  
Làm con gà trống cho đời tự do  
Thả sức mà gáy o... o...  
Quanh năm đập mái không lo trả tiền  
Xong rồi về với tổ tiên  
Tắm qua một cái rồi lên bàn thờ

## Câu đố dân gian

Cây chi nhánh sắt, cội ngà  
Đố chàng nho sĩ biết là cây chi?  
(cây ô)

## Ca trù



Hát ca trù hay nhà trò, hát ả đào, hát cô đầu, *hát nhà thơ*, theo văn bia, thư tịch cổ xuất hiện ở nước ta từ thời Lý. Năm Thuận Thiên thứ 16 (1025), vua Lý Thái Tổ đặt chức quản cho giới con hát. Tuy nhiên phải đến thời Hồng Đức (1470–1479), nghệ thuật hát ca trù mới chính thức được hoàn thiện về nhiều mặt từ tổ chức giáo phường, đến không gian trình diễn.

Theo đó, hát ca trù có năm không gian trình diễn chính: Ca trù cửa đình (hát ở cửa đình tế thần); ca trù cửa quyền (thường thức ca trù của các nhà quyền chức); ca trù tại gia; ca trù hát thi; hát ca quán. Những hát nói, hát ru, hát sấm...cũng từ hát ca trù mà có.

(Nghệ thuật ca trù – Bùi Đẹp)

**Thơ...lơ mơ lố mỗ**

**Tình gái Hoa Việt**

Ngộ ái nị.  
Hơn là nị ái ngộ  
Nhưng yêu dzôi  
Hảo lớ nợ duyên thôi  
Ngộ chịu lỗ  
Nị lời tình cũng lược  
Miễn nị dzui  
Chịu gã ngộ cho dzôi

### **Kệ và thơ thiền**

Kệ là văn chương nghi lễ của Phật giáo, như *Kệ dâng hương*, *Kệ dâng hoa*, *Kệ vô thường buổi sớm*.. Các Thiền sư thường làm kệ “*thị tịch*” để căn dặn đệ tử trước lúc qua đời. Những bài kệ ấy vừa nói về giáo lý Phật vừa chứa đựng chứng ngộ của mỗi người. *Thiền Uyển Tập Anh* nổi tiếng với những bài kệ như *Thị Đệ Tử* của Thiền sư Vạn Hạnh, *Cáo tật Thị chúng* của đại sư Mãn Giác. *Khoá Hư Lục* của Trần Thái Tông có *Kệ ngũ giới*, *Kệ bốn núi* ...

Về căn bản, kệ dạy giáo lý Phật bằng ngôn ngữ khái niệm. Nhưng khi chuyển thành ngôn ngữ hình tượng, kệ trở thành thơ thiền, ý nghĩa tư tưởng chuyên hoá thành ý nghĩa nghệ thuật. Thơ thiền là thơ tư tưởng. Cốt lõi tư tưởng thơ thiền là giáo lý Phật giáo. Mỗi bài thơ là một chứng ngộ tại thế về *Chân Như* của Thiền sư.

Chẳng hạn:

Bát Nhã chân vô tông  
Nhân không, ngã diệt không  
Quá, hiện, vị lai Phật  
Pháp tính bản lai đồng.  
(Lý Thái Tông)

Dịch:

“Bát Nhã” thực vô tông  
Người không, mình cũng không  
Phật trước, nay, sau nữa  
Pháp tính vốn tương đồng  
(Ngô Tất Tố)

(Nguồn: Bùi Công Thuần)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

âm sinh 廕生

Soạn giả giải thích: âm là chức quyền, là ơn huệ của cha ông để lại; sinh là học trò, và âm sinh là danh vị phong kiến do cha làm quan to mà con trai được hưởng. Giải thích như vậy chỉ đúng ở từ tổ sinh là học trò, còn từ tổ âm và từ âm sinh thì giảng chưa

đúng. Trong tiếng Hán, chữ âm 蔭 (hoặc 蔭) có nghĩa gốc là che chở và nghĩa thứ hai là được che chở nhờ quan chức và công lao của ông cha. Các từ điển lớn cho biết rằng, âm sinh là người nhờ cha ông có công lao với triều đình nên được vào học ở trường Quốc tử giám để được bổ dụng (hoặc có thể thi Hội mặc dầu chưa đỗ cử nhân). Như vậy, âm sinh 蔭生 phải là một loại học trò. Hơn nữa, không phải hề cứ là con quan to đều được làm âm sinh, bởi vì trong mỗi gia đình quan to, số người được hưởng ân huệ như vậy đều có quy định. Chẳng hạn, theo quy định của nhà Thanh, quan trong triều từ tứ phẩm trở lên, và quan địa phương từ tam phẩm trở lên mới có một người con trai hoặc cháu trai được nhận làm âm sinh.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### **Đi thi phải lột quần chông sao đang?**

Gia Long thống nhất sơn hà, lập nên triều Nguyễn, truyền được 13 đời vua. Kế tục sự nghiệp mở nước của Gia Long, Minh Mạng đã có công dẹp các vụ nổi loạn ở Bắc và Nam.

Về nội trị, vua chấn chỉnh thành một nước có kỷ cương, văn hiến. Trong việc bảo vệ phong tục, vua đã chạm đến tinh thần bảo thủ của người dân miền Bắc, tức là cấm đàn bà mặc váy:

*Tháng sáu có chiếu vua ra  
Cắm quân không đậy người ta hãi hùng  
Không đi thì chợ không đông  
Đi thì phải lột quần chông sao đang?*

(Ca dao lịch sử - Phương Nghi)

### **Câu đố dân gian**

Đi thì năm, năm thì đứng  
(bàn chân)

### **Thơ mới**

Khi báo Phong hóa bắt đầu năm 1932, đa số là những người trong tòa soạn còn rất trẻ. Nhất Linh mới có 26 tuổi, Hoàng Đạo, Thế Lữ, 25, Thạch Lam 23. Các họa sĩ Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí, Lemur Nguyễn Cát Tường ... khi vẽ cho Phong hóa tuổi cũng còn trong khoảng từ 20 tới 27 .....

Hai báo Phong Hóa và Ngày Nay đã công hiến cho người đọc những vần thơ mới, ngay từ khi chúng bắt đầu hé nở, và ủng hộ thơ mới cho đến ngày toàn thắng trên văn đàn. Thơ mới đã khởi đầu bằng bài “Tình Già” của Phan Khôi. Sau đó, Thế Lữ bước lên vũng vàng, ngời sáng khi sáng tác những bài thơ phong cách hoàn toàn khác lạ, từ lối dùng chữ, đến âm điệu, đến ý tưởng,... làm ngây ngất người đọc. Thi sĩ được Nhất Linh công nhận chất sáng tạo mới,

trong bài giới thiệu năm 1933 (1). Sau khi tập *Mấy Văn Thơ* của Thế Lữ ra đời, địa vị thơ mới nổi bật. Danh tiếng của Thế Lữ nổi vừng vàng như người khởi đầu thơ mới. Trên báo ông bắt đầu khám phá, giới thiệu các thi sĩ trẻ.

Những chuyên mục như *Tin Thơ*, *Tin Văn Vắn* do Thế Lữ phụ trách trên *Phong Hóa* và *Ngày Nay* là những bài viết bàn về thơ, chỉ dẫn cách làm thơ, thưởng thức thơ và phê bình thơ rất sắc sảo, ... được các bạn yêu thơ đón đọc hào hứng, sôi nổi. Thế Lữ còn được các thi sĩ trẻ rất phục về việc sửa thơ dùm. Hai lần sửa nổi tiếng trên báo *Ngày Nay* là :

- 1- Câu thơ: Một tối bầu trời chẳng gợn mây, của Xuân Diệu, bài *Mưa Đêm*, được Thế Lữ sửa thành: Một tối bầu trời đăm sặc mây
- 2- Câu thơ: Trăng nằm sóng sượt trên cành liễu, bài *Bẽn Lẽn* của Hàn Mặc Tử, được Thế Lữ sửa thành: Trăng nằm sóng soải trên cành liễu.

(Phạm Thảo Nguyên - Giới thiệu *Phong Hóa-Ngày Nay*)

### **Sắc, không**

Năm 1702 vua Lý Thánh Tông mất, con trai Ý Lan là thái tử Càn Đức lên ngôi lấy hiệu là Lý Nhân Tông mới 6 tuổi, do đó cần có Thái hậu Ý Lan buông rèm nhiếp chính. Năm 1705, triều đình (dưới sự đóng góp của Thái hậu Ý Lan) cho mở khoa thi

tam trường để lấy người văn học ra làm quan. Đây là kỳ thi đầu tiên ở nước ta chọn được hơn 10 người mà thủ khoa là Lê Văn Thịnh. Ngay năm sau, 1706 triều đình lập Quốc tử giám, được xem là đại học đầu tiên của nước nhà. Nền Nho học bắt đầu từ đó.

Trong giai đoạn này, vua Lý Nhân Tông chỉ độ 10 tuổi, Lý Đạo Thành lo việc nội chính, Lý Thường Kiệt lo việc ngoại chính, trên thì có Thái hậu Ý Lan lo việc triều chính.

Năm 1096, bà cho tu bổ lại chùa Khai Quốc (tức Trấn Quốc sau này) và dựng chùa:

Chùa Giạm (Quế Võ, Bắc Ninh), chùa Một Mái (Quốc Oai, Sơn Tây), chùa Phật Tích (Tiên Sơn, Bắc Ninh), chùa Bảo Ân (Nông Sơn, Thanh Hóa), chùa Bà Tấm (Gia Lâm, Hà Nội). Bà mất năm 70 tuổi, bà được thờ tại chùa Linh Nhân Từ Phúc Tự mà dân gian gọi là chùa Bà Tấm.

Sách Thiên Uyển Tập Anh có bài kệ của bà luận về “sắc, không” :

Sắc là không, không tức sắc  
Không là sắc, sắc tức không  
Sắc? Không? Thôi mặc cả  
Mới thấu được chân tông

(Lê Phước - Thái hậu Ý Lan)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Con mèo, con chó có lông  
Cây tre có mắt, xương rồng có gai.  
(Đó là con gì?)

Con gì thật ra không cần biết. Ở đây, cụm "xương rồng" thay thế cho cụm "nồi đồng". Câu "ca dao" đó này rất cân phương. Con mèo con chó ở câu trên, cây tre, cây xương rồng ở câu dưới.

(Ca dao qua văn bản – Ngu Yên)

### Câu đố dân gian

Hai chân đứng,  
Hai chân quỳ,  
Cái bụng chì ì;  
Cấm nói con cóc?  
(con ếch)

### Cái ve cái chén cái bầu sau lưng



Duy Tân

Vua Duy Tân lên làm vua, phong trào Văn Thân bí mật liên lạc với vua để tìm phương cứu quốc. Năm 1915, Trần Cao Vân và Thái Phiên hợp tác với vua mưu đồ khởi sự Họ hẹn gặp nhau trên bờ sông Ngự, giả làm người đi câu để tránh tai mắt địch.

*Chiều chiều ông Ngự ra câu*

*Cái ve cái chén cái bầu sau lưng*

Rồi mưu đồ phục quốc của vua Duy Tân cũng bị thất bại và vua phải đi đày Người dân Huế thương tiếc vua cùng các nghĩa sĩ Trần Cao Vân và Thái Phiên đã hiến thân vì nước. Và trên dòng Hương Giang, nhiều năm sau, trên các chuyến đò dọc, người ta còn nghe mấy câu hò trầm thống, bi đát, đầy tâm sự của kẻ mang hoài bão cứu nước không thành:

*Trước bến Văn Lâu*

*Ai ngồi ai câu*

*Ai sâu ai thăm*

*Ai thương ai cảm*

*Ai nhớ ai mong*

*Thuyền ai thấp thoáng bên sông*

*Nghe câu mái đẩy chạnh lòng nước non.*

(Ca dao lịch sử - Phương Nghi)

## **Nói lái trong câu đố**

Cũng như ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố cũng là một hình thái của Văn học dân gian. Những câu đố nói lái thường hay bị trông tréo chữ nghĩa mà đôi khi không đáp được, thí dụ:

Khoan mũi, khoan lái, khoan lai

Bò la, bò liệt đố ai biết gì? (củ khoai lang)

Hít vào, hít ra, hít một là gì ? (hột mít)

Cái gì ở cạnh bờ sông,

Cái mũi thì nát cái công thì còn ? (con còng)

(Nguyễn Văn Hiếu - Nói lái trong ngôn ngữ và văn học Việt Nam)

## **Thiền ngôn**

Vội



Vội sinh, vội tử, vội một đời

Vội cười, vội khóc vội buông lời.

Vội thương, vội ghét, nhìn nhau lạ!

Vội vã tìm nhau, vội rã, rời...

(Thích Tánh Tuệ)

## **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

### 3. công sinh 貢生

Soạn giả giải thích: công 貢 nghĩa là tiến dâng, sinh 生 là học trò, và, công sinh là người thi đỗ hương công thời phong kiến. Trong từ điển này không có từ hương công, nhưng, theo Hán Việt từ điển của Đào Duy Anh và vài cuốn từ điển khác thì hương công là cử nhân từ trước thời Gia Long. Qua bài “Tổng luận về khoa cử ở nước Nam” trong sách Quốc triều hương khoa lục của Cao Xuân Dục, chúng ta được biết cụ thể hơn: Hương công gọi là cử nhân, sinh đồ gọi là tú tài thì bắt đầu đổi gọi từ năm Mậu Tý, Minh Mạng thứ 9 (1828)”. Vậy, theo soạn giả thì công sinh chính là cử nhân. Không đúng. Theo các từ điển của Trung Quốc, ở hai thời Minh và Thanh, các phủ, huyện, châu được chọn những người thi đỗ tú tài mà học giỏi để giới thiệu lên kinh đô học trường Quốc Tử Giám (sau này có thể thi tiến sĩ hoặc ra làm quan, mặc dầu chưa đỗ cử nhân). Như vậy công sinh là người học trò chưa đỗ cử nhân nhưng được ưu tiên theo học trường Quốc tử giám để đi thi tiến sĩ hoặc ra làm quan như người đã đỗ cử nhân. Hán Việt từ điển của Đào Duy Anh cũng giải thích rằng, công sinh là người học trò giỏi do các tỉnh xét hạch lấy đậu, cấp lương ăn học để thi tiến sĩ, tức là được hưởng quyền lợi như cử nhân. Xin nêu một ví dụ:

Phan Dưỡng Hạo (1802 – 1849), quê ở xã Vân Tụ, huyện Đông Thành (nay là huyện Yên Thành), tỉnh Nghệ An, thi Hương nhiều lần chỉ đỗ tú tài nhưng nổi tiếng học giỏi, được cử làm cống sinh vào học trường Quốc tử giám và thi đỗ thám hoa khoa Đinh Mùi (1847), niên hiệu Thiệu Trị thứ bảy.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### **Chửi mắt gà**

Dân gian thường *chửi đổng* để tránh tai vạ. Tiêu biểu cho *chửi đổng* là lời "chửi mắt gà" của mấy bà miền Bắc :

- Chém cha đứa bắt gà nhà bà ! Chiều hôm qua, bà cho nó ăn hãy còn, sáng hôm nay, con bà gọi nó hãy còn, mà bây giờ mà đã bắt mất. Mà muốn sống mà ở với chồng với con mà, thì mà buông thả thả bỏ nó ra, cho nó về nhà bà. Nhược bằng mà chấp chĩnh, thì bà đào thặng tam đại tứ đại nhà mà lên, bà khai quật bật sặng thặng ngũ đại lục đại nhà mà lên. Nó ở nhà bà, nó là con gà, nó về nhà mà, nó biến thành cú thành cáo, thành thần nanh đở mỏ, nó mỏ chồng mỏ con, mỏ cái nhà mà cho mà xem. Ở cái thặng chết đâm, cái con chết xĩa kia ! Mà mà giết gà nhà bà, thì một người ăn chết một, hai người ăn chết hai, ba người ăn chết ba, mà xuống âm phủ, mà bị quỷ sứ thân linh rút ruột ra, ở cái thặng chết đâm, cái con chết xĩa kia ạ!

(Bước đường cùng - Nguyễn Công Hoan)

### **Câu đố dân gian**

Hai anh cùng giống cùng nòi,  
Anh thích ngồi tróc, anh đòi cõng chơi.  
Gió sương, mưa nắng mặc trời,  
Từ xưa vốn bạn không rời nhà nông  
(cái nón và cái toi)

### **Đánh bạc**

Nghe vè nghe vè  
Nghe vè đánh bạc  
Đầu hôm xao xác  
Bạc tốt như tiên  
Đêm khuya không tiền  
Bạc như chim cú  
Cái đầu xù xụ  
Com mắt trộm lơ  
Chân đi cà ngơ  
Như con chó đói  
Dạo xóm dạo làng  
Quần rách lang thang  
Lấy tay mà túm

### **Câu đối**

Mấy bạn nhậu thường hay nói chửi: "Tửu phùng tri kỷ thiên bôi thiếu" cũng đừng vội tưởng họ sành nho, thật ra họ đùa "rượu gặp tri kỷ có trời mới biểu thôi" (thiên: trời, bôi thiếu: biểu thôi)

### **Chữ nghĩa làng văn xóm chữ**

Tác giả Phanxipăng trong bài biên khảo về Hàn Mặc Tử đã đề cập đến đầu đề bài thơ:

"Điều nhầm lẫn nằm ở... tiêu đề bài thơ! Nguyên tác, Hàn Mặc Tử viết "Ở đây thôn Vỹ Dạ" chứ không phải "Đây thôn Vỹ Dạ" như trong sách giáo khoa *Ngữ văn cấp Trung học phổ thông* hiện hành - Địa danh có thể chỉnh sửa về chính tả : Vỹ Dạ thay vì Vỹ Gia.

Còn chữ "Ở" hà có gì bị lược bỏ? Nhà văn Trần Thanh Địch nhận xét: Chữ "Ở" được Hàn Mặc Tử dùng có chủ đích.

Đọc kỹ bài thơ mới thấy chữ đó nhấn mạnh đến thôn Vỹ: *Ở đây sương khói mờ nhân ảnh...* Tùỵ tiện "biên tập" cả "tựa đề" mà không được tác giả ưng thuận là chuyện tối kỵ!

(Nguyễn Cẩm Xuyên - Lá trúc che ngang mặt chữ điền)

### **Câu đố dân gian**

"Cái gì không mắt, không tai

Cổ đeo hai bị, tóc dài ngang lưng  
Cửa nhà thấy cứ lừng khùng  
Hễ thấy của lạ bùng bùng ngổng lên”

### Chữ nhĩa lơ mơ lỗ mỗ

@

Chữ “@” trong địa chỉ điện thư từ tiếng Anh là “at” là “ở”.

Người Việt gọi nó là “con còng”  
Người Đức gọi nó là “chữ A đuôi khỉ”..  
Người Phần Lan gọi nó là “chữ A đuôi mèo”.  
Người Ba Lan gọi nó là “chữ A con khỉ con”  
Người Ý gọi nó là “con ốc”  
Người Na Uy gọi nó là “chữ A đuôi heo”  
Người Hung Gia Lợi gọi nó là “con sâu”

(Trà Lũ – báo Văn Nghệ Tiền Phong)

### Thiền ngôn

Vội



Vội bao nhiêu kiếp rồi vẫn vội  
Đuôi theo hạnh phúc cuối trời xa.  
Ngoài hiên đâu thấy hoa hồng nở  
Vội ngày, vội tháng, vội năm qua.  
(Thích Tánh Tuệ)

## Câu đố dân gian

Có chân mà chẳng biết đi,  
Có mặt phẳng lì cho kẻ ngồi trên  
(cái ghế)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

### 5. Cử nhân 举人, cử tử 举子

Theo soạn giả, cử có các nghĩa: cất lên; đưa lên, nổi dậy, thi đỗ; nhân nghĩa là người. Từ đó mà đi đến định nghĩa rằng, cử nhân là: 1. Người đậu chính thức khoa thi hương trong thời phong kiến; 2. Học vị đại học, trên tú tài, dưới tiến sĩ. Như vậy, theo soạn giả thì từ tổ cử ở đây có nghĩa là thi đỗ. Chúng tôi nghĩ rằng, ông có hiểu sơ sơ về từ cử nhân rồi vận dụng chút hiểu biết ấy để đoán nghĩa của từ tổ cử nghĩa là thi đỗ, nhưng đã đoán sai. Bởi vì, các từ điển lớn của Trung Quốc nêu gần hai chục nghĩa của chữ cử nhưng không nêu nghĩa này, mà chỉ giảng rằng, cử nghĩa

là khoa cử khảo thí, nghĩa là việc thi tuyển (tương ứng với examination trong tiếng Anh) và cũng là cách gọi tắt của từ cử nhân. Dù chúng tôi có thể chưa tra cứu đến ngọn nguồn cũng vẫn đủ cơ sở để nói rằng, trong từ cử nhân 举人 thì cử 举 hoàn toàn không có nghĩa là thi đỗ, như soạn giả đã ngộ nhận. Theo từ điển Từ nguyên thì nghĩa đầu tiên của từ cử nhân là tuyển dụng nhân tài, sau đó phát sinh nghĩa mới là người được tuyển dụng rồi sau nữa lại có nghĩa là người trúng tuyển kỳ thi ở các châu hoặc các tỉnh để được phép thi ở cấp trung ương. Như vậy, cử nghĩa là tiến dẫn, là tuyển chọn chứ không phải là thi đỗ. Trong lịch sử khoa cử ở Việt Nam, học vị cử nhân được sử dụng lần đầu tiên dưới thời vua Minh Mạng, từ khoa thi năm Mậu Tý 1828.

Trong từ cử tử 举子 thì từ tử 子 lại có nghĩa là đi thi. Soạn giả đã định nghĩa đúng rằng, đó là người dự thi lối cử nghiệp. Nhưng theo ông, từ tử cử có nghĩa là thi đỗ. Điều đó cũng đủ chứng tỏ cái sai của ông, như chúng tôi vừa phân tích.

Độc giả có thể cho rằng, chúng tôi hơi câu nệ vào sách vở chữ Hán và có phần khắt khe đối với soạn giả. Xin độc giả hiểu rằng, nếu chỉ giải nghĩa mà thôi chứ không cắt nghĩa các từ

tổ thì chúng tôi không phải nói gì thêm ở hai từ này (và một số từ khác nữa). Nhưng vì soạn giả có chủ ý cắt nghĩa rành rọt từng từ tổ để giúp người đọc hiểu thấu đáo các từ ngữ Hán Việt (cuối bài đọc giả sẽ thấy đó là chủ trương từ đầu của ông) nên chúng tôi mới phải làm cái việc rất tốn công sức này, tuy không phải là vô ích.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### **Tửu phùng tri kỷ, thiên bôi thiếu?**

Hỏi: Kính chào toàn thể quý cao thủ tiên bói nhà nho, Mình đã nghe, Nhiều và rất nhiều chữ “Tửu phùng tri kỷ, thiên bôi thiếu” mà chẳng hiểu câu thứ nhì nghĩa gì hết, xin thoại đáo các tiên bói, mình biết mình viết say chính tả nhiều lắm xin các tiên bói bỏ qua cho...Cám ơn nhều thiệt nhều nha.

Đáp: Uống rượu (nhậu) mà gặp tri kỷ (bạn đời, bạn tâm đầu ý hợp, bạn tâm giao), thì ngàn chung vẫn còn thấy ít đấy ông bạn à. Cái này là cách nói cường điệu hoá của người xưa chứ mặc dù là cái chung tuy nhỏ nhưng thực tế ít người uống được ngàn chung.

*Tửu phùng tri kỷ thiên bôi thiếu  
Mạc ngộ tri âm bán cú đa  
Tuý ngoạ sa trường quân mạc tiểu  
Cổ lai chinh chiến khứ nhân hồi*

## Hát chèo

Kinh đô Hoa Lư (Ninh Bình) là đất tổ của sân khấu chèo, người sáng lập là bà Phạm Thị Trân, một vũ ca tài ba trong hoàng cung nhà Đinh vào thế kỷ 10, sau phát triển rộng ra đồng bằng Bắc Bộ. Địa bàn phổ biến từ Nghệ - Tĩnh trở ra. Chèo bắt nguồn từ âm nhạc và múa dân gian, nhất là trò nhại từ thế kỷ 10. Qua thời gian, người Việt đã phát triển các tích truyện ngắn của chèo dựa trên các trò nhại này thành các vở diễn trọn vẹn dài hơn. Sự phát triển của chèo có một mốc quan trọng là thời điểm một binh sỹ quân đội Mông Cổ đã bị bắt ở Việt nam vào thế kỷ 14. Binh sỹ này vốn là một diễn viên nên đã đưa nghệ thuật Kinh kịch của Trung Quốc vào Việt Nam. Trước kia chèo chỉ có phần nói và ngâm các bài dân ca, nhưng do ảnh hưởng của nghệ thuật do người lính bị bắt mang tới, chèo có thêm phần hát. Vào thế kỷ 15, vua Lê Thánh Tông đã không cho phép biểu diễn chèo trong cung đình, do chịu ảnh hưởng của đạo Khổng. Chèo trở về với nông dân, kịch bản lấy từ truyện viết bằng chữ Nôm. Tới thế kỷ 18, hình thức chèo đã được phát triển mạnh ở vùng nông thôn Việt Nam và tiếp tục phát triển, đạt đến đỉnh cao vào cuối thế kỷ 19. Những vở nổi tiếng như Quan Âm Thị Kính, Lưu Bình Dương Lễ, Kim Nham, Trương Viên xuất hiện trong giai đoạn này.

(nguồn: ttvqh5.com.vn)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Chẳng giàu thì phải đẹp giai  
Chẳng thông kinh sử phải dài...cái kia

### **Con sông mộng mang**

Sống là tiếng cỏ từ đời Lý và có hai nghĩa:  
Giống đực: gà trống hay gà sống.

Người cha: con sông mộng mang là con làm điều  
ngang trái, cha chịu trách nhiệm.

(Bút Chì – Hiểu đúng thành ngữ, tục ngữ, điển tích)

### **Câu đố dân gian**

Khi xưa em đở hồng hồng,  
Em đi lấy chồng, em bỏ quê cha.  
Ngày sau tuổi hạc về già,  
Quê chồng em bỏ, quê cha lại về”  
(cái nôi)

(con đường sinh thành - huỷ diệt của cái nôi)

### Chương III

Địa dư chí  
Những mảnh vụn chữ nghĩa  
Tác giả văn học sử  
Văn hoá ẩm thực  
Giai thoại làng văn xóm chữ

## **Giai thoại làng văn xóm chữ Tống Quân Nam-phố**

Vùng Nam-hạ, hồi xưa có một ông buôn đồ cổ, sưu tầm được nhiều bộ âm chén rất quý. Theo đòi ít nhiều bút nghiên, song học đã sôi kinh nhưng chưa chín ... May gặp lúc Cognacq là giám đốc y tế nhưng có quyền to lại sành đồ cổ, ông mượn người đánh tiếng, rồi khi cái bát Khang-hy, khi đôi bình Ung-chính, chẳng bao lâu ông được ân sủng đến nỗi một ngày kia có nghị định bổ đi tri huyện miền trung du. Nên đám sĩ phu có người gọi mỉa ông là "huyện chén", do đó thành tên gọi thường ngày

Vài năm, ông bị sốt rét mà bỏ mình. Khi đưa linh cửu về an táng ở thành Nam, một ông bạn nhà nho viếng bốn chữ: Tống Quân Nam-phố (tiền đưa ông ở Nam-phố).

Ai đọc cũng phải chịu là hay, vì lấy chữ sẵn trong Sở-từ nói lên được lòng tha thiết tiễn bạn, lại được chữ Nam-phố với thành Nam. Mãi sau mới có người vạch ra cái ẩn ý của người viếng. Bốn chữ này không ham một ý gì tiễn đưa mền tiếc, chỉ là móc cái chỗ xuất thân của ông huyện: thì trong bộ đồ chè nào chẳng có một chén tống và bốn chén quân, mà ông huyện nhà ta vốn lại có tên huyện chén ở khắp phố thành Nam!

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

## 1 Ngộ chữ với Thiên Kệ và thơ Thiên

Thơ có một bộ phận thơ Thiên đặc sắc. Nhiều bài thơ của các Thiên sư từ thời Lý (1010-1225) -Trần (1225-1400) vẫn còn được truyền tụng đến ngày nay, bởi vì nó chứa đựng vẻ đẹp tư tưởng và nghệ thuật rất riêng. Nhưng đọc thơ Thiên không dễ, cần một cách tiếp cận khác với cách đọc thơ thể tục.

Kệ là một hình thức văn chương nghi lễ của Phật giáo, như *Kệ dâng hương*, *Kệ dâng hoa*, *Kệ vô thường buổi sớm*.. Các Thiên sư thường làm kệ “*thị tịch*” để căn dặn đệ tử trước lúc qua đời. Tiểu truyện về các Thiên sư thường có những bài kệ. Những bài kệ ấy vừa nói về giáo lý Phật vừa chứa đựng chỗ độc đáo chứng ngộ của mỗi người. *Thiền Uyển Tập Anh* nổi tiếng với những bài kệ như *Thị Đệ Tử* của Thiên sư Vạn Hạnh, *Cáo tật Thị chúng* của đại sư Mãn Giác. *Khoá Hư Lục* của Trần Thái Tông (1218 - 1277) có *Kệ ngũ giới*, *Kệ bốn núi* ...

Kệ dạy giáo lý Phật bằng ngôn ngữ khái niệm. Nhưng khi chuyển thành ngôn ngữ hình tượng, Kệ trở thành thơ Thiên, ý nghĩa tư tưởng chuyển hoá thành ý nghĩa nghệ thuật. Chẳng hạn:

Bát Nhã chân vô tông  
Nhân không, ngã diệt không

Quá, hiện, vị lai Phật  
Pháp tính bản lai đồng. (1)  
(Lý Thái Tông. 1028-1054)

“Bát Nhã” Thực vô tông  
Người không, mình cũng không  
Phật trước, nay, sau nữa  
Pháp tính vốn tương đồng  
(Ngô Tất Tố)

Bài kệ này chỉ diễn đạt giáo lý về Chân Như. Ngôn ngữ kệ là ngôn ngữ khái niệm, không có hình tượng. Kệ của sư Vạn Hạnh đã có bước chuyển hoá thơ.

Ngày 15 tháng 5 năm Thuận thiên thứ 9 (1018) sư lâm bệnh, gọi đệ tử đến đọc bài kệ:

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô  
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô  
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy  
Thịnh suy như lộ thảo đầu phơi (1)  
(Vạn Hạnh Thiền sư)

Sư lại bảo các đệ tử: - Các người muốn đi đâu? Ta không lấy chỗ trụ mà trụ, cũng chẳng dựa chỗ vô trụ mà trụ.

Một lát sau sư qua đời.

(Cách tiếp cận thơ thiền – Bùi Công Thuận)

## Văn hóa cà phê (1)

### La Pagode



Quán cà phê tôi cho là “cổ kính” nhất. Ngay từ những năm 1953, khi tôi mới biết taxi là “cái giống gì”, tôi đã biết La Pagode. Hồi đó

Pagode còn bày hàng ghế salon bọc da ra ngoài hành lang, theo lời ông Nguyễn Sa thì nó giống hệt nhiều nhà hàng ở Paris. Ngồi ở đây thoáng đãng. Khách đến thường chỉ dùng một ly cà phê, ngồi từ chiều đến tối mịt. Phía trong có một bàn đánh “tin” dành cho khách giải trí chứ không có mục đích cò bạc kiếm tiền. Ông Hoàng Hải, anh ruột của cô chuẩn tướng Lưu Kim Cương, có thể kể là một “nhà vô địch” về môn giải trí này. Chúng tôi chỉ cần mua một chục cái jeton, như đồng xu, bỏ vào khe là chơi triền miên. Cứ sắp hết lại kêu ông ông Hoàng Hải “cứu giá”, bonus lại đổ xuống hàng đồng jeton tha hồ chơi.

Khách hàng của La Pagode hầu hết là nhà văn nhà thơ, nhạc sĩ, ca sĩ. Cứ vào buổi chiều, sau giờ tan sở là tụ tập lại đây. Tất nhiên cũng ngồi thành nhóm. Những ngày đầu tôi thường đi cùng Thanh Nam, Thái Thủy, Hoàng Thu và đến đây thường gặp các

anh Nguyên Sa, Trần Thanh Hiệp, Mặc Thu, Cung Trầm Tưởng, Mai Thảo, Phạm Đình Chương, Tạ Quang Khôi, Viên Linh, Nguyễn Đạt Thịnh, Phạm Huân, Anh Ngọc, Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Nguyễn Đình Toàn... Quá nhiều, tôi không thể nhớ hết. Thật sự cái nhu cầu chính là đến đây gặp nhau, để... nói dóc, “bình loạn” vài cái tin văn nghệ, thời sự chính trị cho vui thôi. Cả ba nhà hàng này với những cái “loa ngâm, loa không ai kiểm chứng” nên có thời người ta gọi những tin tức ấy là “radio catinat” (đường Tự Do, thời Pháp được đặt tên là đường Catinat). Tuy nhiên cũng có những nguồn tin rất chính xác bên cạnh những nguồn tin chẳng bao giờ là sự thật. Nó cứ nhập nhằng như thế nên “radio Catinat” chưa chắc đã là “láo toét” như nhiều người kết tội nó.

Vậy tạm gọi Pagode dành cho giới viết lách gặp nhau, xả hơi.

(Văn Quang – “Văn hóa không tên” của Sài Gòn xưa)

## **2 Ngộ chữ với Thiên**

### **Lời nguyện cầu cho một thế giới hư vô**

Sau khi mẹ tôi về hưu, bà trở nên mê tín đến kỳ cục. Bà có một niềm tin mãnh liệt vào những sinh thể ở một thế giới khác đang điều khiển ý chí của chúng ta giống như người ta điều khiển những cỗ máy. Hàng tuần, bà và những người bạn của bà tụ

tập lại, cùng đọc những bài kinh không rõ xuất xứ, có nội dung phức tạp và rối rắm đến mức tôi tin rằng trên đời này không ai có khả năng lĩnh hội được chúng. Họ nghĩ rằng bằng cách đó, họ có thể giao tiếp một cách vô thức với những sinh thể bí mật kia.

Họ muốn cha tôi tham gia vào những buổi đọc kinh ấy. “Cũng được thôi.” Cha tôi nói. “Tuy nhiên, là một người làm công tác nghiên cứu khoa học, tôi cần có bằng chứng về sự tồn tại của cái thế giới mà các vị đang cầu nguyện. Nếu không, chẳng hóa ra chúng ta đang thờ cúng cái hư vô hay sao?” “Tại sao bác lại nói vậy?” Họ kêu lên, giọng đầy phần nộ. “Làm sao thế giới ấy có thể là hư vô khi chúng tôi tin vào sự tồn tại của nó. Bản thân niềm tin ấy há chẳng phải là một bằng chứng xác thực nhất hay sao?”

Lý lẽ của họ cuối cùng đã thuyết phục được cha tôi. Ông ngồi đọc kinh cùng họ. Ngày thứ nhất đọc kinh, ông nhìn thấy những thiên thần bay ra từ cuốn sách kinh, lượn trên mái nhà của chúng tôi và cười ha ha. Ngày đọc kinh thứ hai, những thiên thần nhảy múa xung quanh ông và thì thầm vào tai ông những lời tục tĩu.

Ngày thứ ba, những thiên thần nói những điều gì đó mà ông không thể hiểu nổi, rồi bọn chúng khóc hu hu. Chỉ đến khi đó, cha tôi mới nhận ra rằng người

ta đang đọc kinh cầu cho linh hồn ông được siêu thoát.

## **Văn hóa cà phê (2)**

**Givral**



Chúng tôi bước vào nhà hàng với một vẻ lạ lẫm. Những chiếc bàn ghế mới toanh, những bộ salon kê hai bên góc

khá đẹp. Tất cả đều mang dáng vẻ sang trọng như bất cứ một nhà hàng cà phê, điểm tâm “có hạng” nào ở những thành phố lớn. Khoảng 9g sáng, khách đã chiếm hết số bàn trong tiệm. Số còn lại ngồi rải rác quanh chiếc comptoir hình móng ngựa. Những người hoàn toàn xa lạ ngồi riêng biệt, chẳng ai nhìn ai. Cái không khí ấy khiến tôi không thể quên những ngày xưa. Tuy ngồi khác bàn nhưng vẫn có thể biết xung quanh mình có những ai.

Bàn bên kia là bốn năm anh ký giả chuyên làm tin hành lang Quốc Hội, bàn góc trái là mấy ông dân biểu Hạ Nghị Viện thời Đệ Nhị Cộng Hòa đang say sưa bàn về những “ý kiến” đã và đang chuẩn bị lên diễn đàn. Bàn giữa nhà là mấy “dân chơi” quen mặt, có lẽ ngồi đợi người đẹp... Thỉnh thoảng một cái gật

đầu, một cái vẫy tay, một ánh mắt thân thiện. Sự gần gũi, ấy chính là cái linh hồn của Gival trước 1975. Bây giờ không tìm lại được nữa.

(Văn Quang – “Văn hóa không tên” của Sài Gòn xưa)

### 3 Ngộ chữ với Thiên Buông xả

Nếu tôi “Không buông nó ra”.  
Thì nó cũng “Buông tôi ra”

### Văn hóa cà phê (3) Brodard



Còn nhà hàng Brodard nằm ở góc Tự Do – Nguyễn Thiệp, nhìn sang bên kia là vũ trường Tự Do của ông Cường lùn và chị “tài phán” Nhựt, bà chị này hành nghề cai quản các em “ca nhe” từ vũ trường Ritz Hà Nội vào Nam. Ở đây lại đông vui vào những buổi sáng muộn và buổi tối khi “gà lên chuồng”. Nơi lui tới của những “dân đi chơi đêm” Sài Thành.

Những anh hùng “hào hớn” như Khê - Thăng Long Xích Thổ, anh em ông Kim đầu bạc, Kính tennis, Chương Marine cũng lui tới ngôi tán chuyện giang hồ. Các “đại gia, tiểu gia” thời đó không nhiều, chỉ vồn vện một số ông dược sĩ, tu bíp, doanh nhân có “xế bốn bánh” đủ để chở các em đi ăn đêm. Thịnh thoảng một vài em vũ nữ, thường là loại có hạng như Lê Hằng, Thủy Điền, Mỹ Khùng... ở mấy cái vũ trường gần đó như Tự Do, Mỹ Phụng, Olympia cũng la cà vào đây tán dóc.

(Văn Quang – “Văn hóa không tên” của Sài Gòn xưa)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ Khoa cử ngày xưa**

- Lệ khoa cử ngày xưa:
- Thi Hương, đậu thứ là Tú tài, đậu về bình, ưu và là Cử nhân.
- Đậu cử nhân mới được thi Hội.
- Thi Hội đậu trúng cách mới vào thi Đình,.

Thi Đình cấp bậc trúng cử chia ra như sau:

- Đệ nhất giáp tiến sĩ: Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa.
- Đệ nhị giáp tiến sĩ cập đệ: Hoàng giáp.
- Đệ tam giáp đồng tiến sĩ: Tiến sĩ.
- Phó bảng, gọi tắt là ông Bảng.

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc – Giai thoại làng nho 1963)

### Văn hóa cà phê (4) Givral



Có một nhà thơ hàng đầu VN thời đó là thi sĩ Đinh Hùng, bình thường ông hay ngồi ở La Pagode, nhưng khi “hữu sự” ông lại ngồi ở Givral. Dáng người “thanh thoát” nhỏ nhắn rất thư sinh. Lúc nào ông cũng chải chuốt, complet, cravate, đầu chải mượt gọn gàng, tay luôn xách chiếc cặp da, ông còn giữ nguyên vẻ đóm dáng, lịch lãm của “công tử Hà Nội” những năm 50.

Ông thường hẹn gặp những người ái mộ ở đây. Tôi để ý thấy hầu hết là những nữ độc giả rất trẻ, đẹp. Khi ông ngồi cùng 3-4 cô, khi ông lại rù rì với một người đẹp duy nhất. Đúng là ông có số đào hoa và dù đã ngoại ngữ tuần nhưng trái tim vẫn còn rất trẻ. Những lúc nhìn ông “say” như thế, tôi có cảm tưởng như ông cũng giống như những cậu trai 20 ngồi bên

cô gái 18. Ông sống thật với rung cảm của mình. Có lẽ vì vậy thơ ông bao giờ cũng mang cái óng mượt, thần thoại rất đặc trưng. Có thể, Givral chính là nơi bắt nguồn cho những cánh thơ thăng hoa của cảm xúc này.

Hôm nay ngồi ở Givral, hình bóng anh Đinh Hùng vẫn quanh quẩn đâu đây. Nhớ lại, khi tôi viết truyện dài “Đời chưa trang điểm”, tiêu đề này chính là đã mượn trong câu thơ “đời chưa trang điểm mà xuân đã về” của anh. Lúc gặp nhau, anh nói với tôi: “Ừ, cái tí tít ấy có vẻ tiểu thuyết lắm, cứ lấy xài đi, đóng thuê cho tớ một cuốn thôi”. Mới đây mà đã hơn nửa thế kỷ rồi anh Đinh Hùng ơi!

#### **4 Ngộ chữ với Thiên** **Hãy nhìn thẳng vào sự vật!**

Thời Lý, có người hỏi đại sư Vô Ngôn Thông thiền là gì; thiền sư lặng lẽ trở ngón tay vào cây thoan lư. Bằng ngôn ngữ cứng nhắc của quy ước, ai mà phơ bày cho được những bản chất sâu thẳm nhất? Như thế cây kia, muốn hiểu, hãy nhìn thẳng vào sự vật!

#### **Văn hóa cà phê (5)** **Nhà hàng Thanh Thế**

Ba nhà hàng La Pagode, Gival, Brodard ấy là 3 sắc thái riêng biệt làm nên cái trục “văn hóa không tên”,

cái linh hồn của Sài Gòn, khó phai mờ trong ký ức của những người Sài Gòn.

Còn một địa chỉ nữa ở gần chợ Bến Thành là nhà hàng Thanh Thế, nơi này là chỗ gặp nhau của những ký giả thể thao như đàn anh Huyền Vũ, Thiệu Võ và một số những nhà báo miền Nam.

La Pagode, Gival, Brodard đã trở thành một cái “trục vắn hóa không tên” phảng phất mà sâu đậm trong cái hồn của Sài Gòn...

(Văn Quang – “Văn hóa không tên” của Sài Gòn xưa)

### **Tín ngưỡng phồn thực (1)** **Múa Mo**

Múa Mo còn gọi là tiệc múa Mo, cướp bông, cướp gươm và múa bông, múa gươm.

Đây là một loại lễ tục biến thể của tục "cướp Nõn Nường" hay tục "cầu đình". Mục đích chính là cầu mong cho làm ăn phát đạt, sinh sôi nảy nở, một hình thức của tín ngưỡng phồn thực. Người dân làng lấy tre vót thành 4 lớp, nhuộm 4 màu xanh, đỏ, tím, vàng, gọi là "bông". Gươm cũng được làm bằng tre sơn son. Sau khi tế lễ Thành hoàng xong, bông và gươm được tung ra trước công chúng dự hội, để mọi người trang cướp. Ai cướp được nhiều bông và kiếm, hy vọng năm đó làm ăn tốt và sinh sôi nảy nở.

Múa mo diễn sau đó, nam và nữ múa chung: nam thì cầm gươm kiếm, nữ thì cầm bông, vừa múa vừa hát theo điệu châu văn. Những làng thường tổ chức múa mo ở Vĩnh Phú là: làng Bồ Sao, Lý Nhân, Trung Hoà, Chu Hoá, Hà Thạch, Đào Xá, La Phù, Viên Lãm, Bảo Yên, Đông Viên, Thượng Yên.

(Hội tết làng xưa – Kiêm Thêm)

### **5 Ngộ chữ với Thiên Cư trần lạc đạo**

Trần Nhân Tông (1279-1284)  
Phái Trúc Lâm

Bụt ở trong nhà, chẳng cần tìm xa  
Vì quên mất gốc, nên ta tìm Bụt  
Nay mới hay: Bụt chính là ta

### **Tín ngưỡng phồn thực (2) Cướp nồn nường**

Cướp nồn nường vừa là trò chơi, vừa là tục lệ liên quan đến nghi lễ "Cầu Đỉnh"; thường được diễn trong một số các hội làng miền Bắc Việt. Nồn nường (hay kén) mỗi tấm làm bằng mo cau ở giữa có đường rạch (tượng trưng cho âm vật) xỏ vào một cái chày ngắn bằng gỗ vuông tước xơ một đầu (tượng trưng cho dương vật), gọi là kén "mo đai" và kén "chày kình". Sau khi rước các bộ kén vào tế lễ

Thành Hoàng, người chủ đám tế tung kén ra giữa sân đình; mọi người chen lấn nhau tranh cướp. Theo dân làng ai cướp được kén, năm đó sẽ làm ăn khá. Những người đến kỳ sanh đẻ, nếu cướp được "chày kình" hy vọng sinh con trai; cướp được "mo đại" hy vọng sinh con gái. Nghi lễ hội lễ này mang tín ngưỡng phồn thực.

(Hội tết làng xưa – Kiêm Thêm)

### **Truyện chóp: Đòi sống**

Con người ta sống trên đời, vô danh thì dễ.

### **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

#### **Đám cưới chạy tang**

Đó là trường hợp "Ưu hỷ trùng phùng". Vui và buồn dồn vào một lúc. "Sinh hữu hạn, tử vô kỳ", cuộc đời thì có hạn nhưng ai biết trước chết vào lúc nào. Theo lễ nghi thì khi trong nhà còn tang, trên đầu còn có vành khăn trắng, nhất là đại tang thì tránh mọi cuộc vui. Nhưng lễ cưới đã chuẩn bị sẵn, nếu quá câu nệ cho cả hai gia đình, nhiều trường hợp tình duyên đôi lứa dở dang, nhất là các gia đình cả đôi bên đều ông già bà cả, có khi đợi đến bảy, tám năm sau chưa hết tang. Vì vậy tục lệ xưa cũng có khoản "trừ hao": "Cưới bên tang, tức là cưới chạy tang".

Khi đó người chết nằm tạm trên giường, đắp chăn chiếu lại, chưa nhập quan, hoặc gia đình có thể tự làm thủ tục khâm liệm, nhập quan nhưng chưa làm lễ thành phục. Theo nghi lễ, nếu chưa thành phục thì trong nhà chưa ai được khóc. Hàng xóm tuy có biết nhưng gia đình chưa phát tang thì chưa đến viếng, trừ thân nhân ruột thịt và những người lân cận tối lửa tắt đèn có nhau, coi như người nhà.

Trong khi đó, cả hai gia đình chuẩn bị gấp đám cưới cũng làm đủ lễ đưa dâu, đón dâu, yết cáo gia tiên, lễ tơ hồng... nhưng lễ vật rất đơn sơ, thành phần giản lược, bó hẹp trong phạm vi gia đình và một vài thân nhân. Công việc cưới, gả xong xuôi mới bắt đầu phát tang. Cô dâu chú rể mới, trở thành thành viên của gia đình, chịu tang chế như mọi con cháu khác. Nếu hai gia đình thông cảm cho nhau, có thể trong một ngày, từ sáng đến trưa cưới dâu, chiều tối phát tang cũng xong.

### **Lịch sử giống như sợi dây xích sắt**



Những cuộc khai quật cổ vật ở Đông Sơn trước chiến tranh, quả có rọi ánh sáng vào buổi bình minh của lịch sử dân tộc ta thật đó. Nhưng đó là một thứ ánh sáng mờ ảo, không cho ta thấy rõ cái gì cho lắm, lại còn làm ta bối rối thêm. Ta cần phải nỗ lực

nhều năm nữa, chớ *không nên vội vàng nhận người Đông Sơn là tổ tiên của ta, hoặc chối phăng họ là tổ tiên của ta.*

Phủ nhận hay nhìn nhận gì cũng phản khoa học cả, nếu ta chỉ bằng lòng với những công trình nghiên cứu của những ông V. Gouloubew, O. Jansé v.v..., họ chỉ mới làm việc có một giai đoạn thôi, chưa xong gì cả.

Theo khoa học lịch sử giống như sợi dây xích sắt, có cái khoen đầu, những khoen giữa và cái khoen chót. Khoen đầu là người Đông Sơn, khoen chót là người Việt Nam ngày nay, vậy cần tìm cho ra những khoen trung gian mới kết luận rằng Lạc Việt = Việt Nam, bởi hai thứ dân đó khác nhau quá xa. Nhưng phủ nhận cũng sai khoa học, vì những khoen trung gian *ấy chưa* tìm thấy, chứ không phải là chắc chắn *không có*.

(Bình Nguyên Lộc – Lịch sử của dân Lạc Việt)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ Cua chơi trăng**

Tam Nguyên Yên Đỗ người làng Yên Đỗ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Sinh năm 1835, nguyên tên là Nguyễn tất Thắng, sau thi không đỗ mới đổi ra Nguyễn Khuyến.

Tương truyền rằng khi còn ít tuổi, mắt ông đã kèm nhèm, vậy mà ngập ghé cô con gái của ông Cử ở làng bên. Cô này bèn đem chuyện mách cha, ông Cử bèn cho mời ông đến, buộc làm một bài thơ, lấy đầu đề là: *Cua chơi trăng*.

Lấy chữ *trăng* làm vần...Thấy cái đầu đề có vẻ dè bủ, ông tuy bực mình, song vẫn ngâm ngay tám câu:

*Vầng vặc đêm thu ánh xé chùng.  
Ham thanh, cua mới muốn chơi trăng.  
Nghiêng mai lách ngược qua dòng biếc.  
Ghé yếm bò ngang nhớn bóng hồng.  
Cung quế chòn vờn hương mới bén.  
Vườn đào thoang thoảng gió như nâng.  
Một mai cá nước cua vui phận.  
Trăng muốn tìm cua có được chăng.*

Ông Cử thấy lời thơ hoạt bát và ý thơ khảng khái, sinh lòng mến phục, sai học trò vác năm quan tiền theo Yên Đồ đến tận nhà, giao xong mới được về. Không rõ về sau, cua có được chơi trăng không, nhưng cua cũng đã được dịp trở tài nói ngang.

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc – Giai thoại làng nho 1963)

**Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

**Để tang con**

Tang phục là thể hiện tình nghĩa, có phân biệt thân sơ "Họ đương 3 tháng, lảng giềng 3 ngày", thể hiện lòng thương xót giữa kẻ mất người còn. Vì thế, chẳng những thân thích mà người ngoài đến phúng viếng cũng nên đeo băng tang.

Theo "Thọ mai gia lễ" thì chẳng những cha mẹ để tang con mà ông bà và cụ kỵ cũng để tang hàng cháu, hàng chất.

"Thọ mai gia lễ" quy định như vậy nhưng một số địa phương quan niệm "Phụ bất báo tử" (cha không lạ con), Con chết trước cha mẹ là nghịch cảnh, là bất hiếu, con chưa kịp báo hiếu cha mẹ đã chôn nợ đời, chẳng những cha mẹ không để tang con mà khi khâm liệm con còn phải quấn trên đầu tử thi một vòng khăn trắng. Nếu là đàn bà mà tử thân phụ mẫu còn cả thì phải quấn đến hai vòng, có nghĩa là ở dưới cõi âm cũng để tang báo hiếu sẵn cho cha mẹ đang ở trên dương trần.

### **Văn sử với truyền thuyết (I)**

Khi đọc loạt bài bàn về văn bản truyện *Mỵ Châu – Trọng Thủy*, Đặng Văn Lung cho rằng một số tác giả: "Thường đồng nhất truyền thuyết với lịch sử, lấy truyền thuyết làm lịch sử, thậm chí có người đã đồ truyền thuyết lên lịch sử, sửa lịch sử lại cho đúng với truyền thuyết", truyền thuyết là truyền thuyết, lịch sử là lịch sử, không thể đồng nhất được". Ngay

trong sử thời Hồng Bàng của ta dường như cũng có hiện tượng này.

Đặng Văn Lung từng viết: “Theo chủ quan tôi suy luận ra, thì truyền thuyết cái bọc trăm trứng là của dân tộc, nhưng đoạn đầu nói Lạc Long Quân là con Lộc Tục, và Lộc Tục là con vua thần nông, một vị vua mở đầu lịch sử Trung Quốc, theo sử cũ, thì đó là do các sử gia thêm thắt vào (...) Lại lối đặt tên như những tên: Hồng Bàng, Hùng Vương, Lộc Tục, Kinh Dương Vương, Thần Long, Lạc Long Quân, Âu Cơ v.v... cũng là do các sử gia ấy bịa ra, đến cả những tên An Dương Vương, Mị Châu, Trọng Thủy cũng vậy...”

Đặng Văn Lung cũng nhấn mạnh: “Nói chung, những người nghiên cứu đều biết !”.

### **Tín ngưỡng phồn thực (3) Tục thờ ông Đùng bà Đà**

Tục thờ này được tổ chức tại làng Đông Sát, tỉnh Hưng Yên. Cả hai đều là Thành hoàng của làng này. Câu chuyện ông Đùng, bà Đà được kể lại như sau: Hai người vốn là hai chị em ruột. Nhưng cả hai tuổi đã cao mà chưa thành gia thất. Mọi người trong làng cũng muốn giúp đỡ cho cả hai. Cuối cùng cả hai đều cùng nhau hứa rằng: Cả hai theo hai chiều ngược nhau đi quanh hòn núi trước làng; bất cứ gặp người

nào khác giống thì bắt buộc phải kết hôn. Dân làng đồng ý và sẽ giúp họ toại nguyện.

Họ lên đường nhưng lại không gặp một người nào, để rồi sau cùng thì hai chị em gặp nhau. Vì trung thành với lời thề cho nên họ chuẩn bị lấy nhau. Dân làng đồng ý cuộc hôn nhân; nhưng bà Đà thì cho việc làm này là chuyện "loạn luân" cho nên bỏ đi trốn. Hai lần trốn thì cả hai đều được ông Đùng đưa về. Chẳng may hai người gặp thú dữ tấn công và thề sống chết để giải nạn. Việc giải nạn phải nhờ đến một vị thần giả làm một phụ nữ bắt ếch hiện ra đúng lúc để giúp họ. Câu chuyện chẳng may loan truyền đến kinh đô và nhà vua xuống chiếu bắt cả hai để hành hình. Cả hai đều bị khoét mắt rồi bị sát hại. Hai người chết nhưng hồn rất linh thiêng, thường hiện ra báo mộng cho dân làng; mọi người đều đồng ý lập đền thờ; từ đó dân chúng đến lễ bái và cầu gì được đó nên được tôn làm hai vị Thành hoàng. Hằng năm từ ngày 6 tháng 3 cho đến ngày 10 tháng 3 là lễ tế ông Đùng, bà Đà. Dân chúng làm hai hình nộm để rước quanh làng; cho đến đình làng, thì họ đưa hai hình nộm ra ôm chầm lấy nhau. Tim cảm được bộc lộ công khai, khác với lệnh của nhà vua ngày trước.

(Hội tết làng xưa – Kiêm Thêm)

## Bà Nữ Oa và ông Tứ Tượng (1)

Bà Nữ Oa và ông Tứ Tượng là hai *người – thần* không lồ có mặt ở nước ta, ở trên thế gian từ thời thái cổ, nghĩa là từ thuở mới khai thiên lập địa và mới có loài người.

Muốn biết vóc dáng của ông và bà to lớn đến chừng nào, chỉ việc luận từ hai câu về dân gian này ra là đủ hiểu:

*L. bà Nữ Oa bằng ba mẫu ruộng,*

*B. ông Tứ Tượng mười bốn con sào!*

Trời giao cho bà Nữ Oa việc đắp núi, khơi sông và ươm trồng nên rừng rú để tạo nên hình thù của cõi đất. Lúc ấy ở cõi trần gian chỉ có một người đàn ông ngang tầm vóc với bà Nữ Oa. Đó là ông Tứ Tượng. Vừa gặp bà Nữ Oa, ông đã “cảm” ngay, và muốn kết thành vợ chồng. Bà Nữ Oa thách ông Tứ Tượng: Trong thời hạn ba ngày, mỗi người phải đắp xong một quả núi thật cao, sao cho đứng trên đỉnh có thể nhìn suốt cả mặt đất và biển cả!

Hai người chia địa phận, ông ở đằng bắc, bà ở đằng nam. Ông Tứ Tượng, mỗi bên quang gánh là cả một cùn đất lớn, ông gánh quá tải làm cho chiếc quang mây chắc bền mà phải đứt phứt, đất vung vãi ra thành chín quả núi to nằm rải rác khắp miền Bắc nước Việt ngày nay!

Bà Nữ Oa thì khác, bà cẩn thận làm đến đâu được đến đấy. Chưa hết ba ngày đã đắp xong một quả núi

tròn trịa và to sừng sững như một cái mâm xôi vĩ đại ở phía nam nước ta ngày nay.

Đó chính là ngọn núi Bà Đen thuộc tỉnh Tây Ninh bây giờ.

(Nguồn: Kiều Văn)

### **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

#### **Hú hồn hú vía**

Vì đã có những trường hợp bị choáng, ngất, bất tỉnh nhân sự. Người ta dùng mọi thủ thuật để kích thích thì hồi tỉnh, trong đó có thuật hú hồn hú vía. Cũng có trường hợp đã tắt thở, tưởng là đã chết rồi nhưng sau một thời gian bỗng nhiên sống lại.

Do đó với một hy vọng dầu mỏng manh, mặc dầu trong muôn một, người sống tiếc thương muốn cứu vãn... nên cầm chiếc áo quần của người đã tắt thở, leo lên mái nhà chỗ cao nhất hú "Ba hồn bảy vía ông" hoặc "Ba hồn chín vía bà" về nhập xác. Hú ba lần không được thì cũng đành lòng chịu khâm liệm mà tin rằng như vậy hồn đờ vát vương, biết tìm đường về nhà (Khâm liệm xong vẫn chưa dỡ đóng chốt áo quan). Đây là một phong tục về tâm linh.

## Tình dục trong văn chương cổ (1)

“...Một đêm ánh trăng trong treo, hai nàng bèn sai Hoa, Nguyệt đi mời Sinh. Sinh đến, Lan bảo:

- Đêm nay cảnh xuân dần đến, trăng sáng giữa trời, cho nên chị em thiếp thết tiệc mời chàng, gọi là Lan Đình thắp hội.

Sinh nói:

- Đồi ẩm trước hoa, vào xuân dưới trăng có thể gọi là việc vui thú trên đời đó. Nhưng ta nay được cuộc gặp gỡ tốt lành này, thì cô Hoa cô Nguyệt quả là có công. Đêm nay hãy cùng các cô chung vui, hai nàng thấy thế nào?

Hai nàng đồng ý. Bèn cho trái đẽm Phù Lưu, rót chén thủy tinh, ba người vào tiệc. Rượu đã ngà ngà, Sinh ôm Lan vào lòng, sai Hoa, Nguyệt chúc rượu. Huệ thì hát mời Sinh...

Ca vừa xong thì Sinh kéo Huệ đi xuống. Huệ nói:

- Trăng sáng giữa trời thế kia, sao có thể làm vậy?

Sinh nói:

- Bể biếc trời xanh cũng chiều lòng, Quảng Hàn muốn vậy mà không được, há lại ghen nhau sao?

Rồi đẩy ngã vào trong đẽm, hỉ sức mây mưa. Xong rồi Sinh lại kéo Lan, Lan cũng không chống lại. Bắt chước theo hình dáng chim âu chim vạ, phỏng học theo tư thái uyên ương, quả là niềm cực lạc trong cõi

nhân gian. Sau đó đến Xuân Hoa. Lúc Xuân Hoa giao hợp với Sinh, lòng xuân rạo rức, mặc cho Sinh muốn làm gì, không hề mảy may khó khăn. Sau đó đến Nguyệt, Nguyệt không chịu. Sinh nói:

- Đất đai trong thiên hạ, mười phần ta đã có được tám chín, nay chỉ còn mảnh đất nhỏ bằng viên đạn, sao dám chống cự vương su?

Rồi bé vào trong đệm, mặc sức mây mưa. Hoa bình nguyệt trận, nhưng mã tung hoành. Giao hoan xong, Sinh lại cùng hai nàng đối ẩm. Uống mãi cho đến khi trăng lặn sau núi, bắt giặc say mềm. Các nàng vục chàng vào ngủ”

Qua một số đoạn trích trên thấy người xưa cũng sex táo bạo quá. Nhà nho mà viết về sex như thế thì thật quá lắm. Ta lý giải làm sao, khi đặt *Cuộc gặp gỡ ở vườn hoa* vào trong văn chương cổ Việt Nam, đột khởi một cái mầu ghê gớm như vậy. Sách thì Viện Nghiên cứu Hán Nôm đang lưu trữ. Các nhà nghiên cứu xếp nó vào tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam. Nội dung sách có địa danh Nam Xang, Sơn Nam là những địa danh Việt Nam. Các chuyên gia về văn học cổ đều cho rằng đây là một tiểu thuyết sex táo bạo nhất trong cổ văn Việt Nam. Thế thì sex Việt cũng đáng gờm lắm!

(Hoa viên kỳ ngộ - Nguyễn Xuân Diện)

## **Giai thoại làng văn xóm chữ Toàn chó cả thôi**

Ích Khiêm người làng Phong Lệ, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Vốn dòng dõi người cao nguyên, trước họ Ong đến đời TỰ ĐỨC thi đỗ cử nhân, vua cho đổi thành họ ÔNG.

Bấy giờ vua TỰ ĐỨC đã mất, triều chính rối loạn, Trương Thuyết chuyên quyền, văn thân võ tướng chỉ là một lũ cầu an không ai lo đến việc nước. Ông bực dọc bèn đặt ra một tiệc mời khắp mặt đại thân tới dự. Các món ăn đều làm bằng thịt chó.

Lúc vào tiệc, nhiều người không ăn được thịt chó, ngáp ngừng hỏi món ăn khác, thì ông trả lời:

- BẬM, bữa cơm hôm nay toàn chó cả thôi.

Cơm xong, các quan gọi nước, mãi không thấy người nhà đưa lên. Vì ông đã dặn trước đừng đưa nên ai nấy đều khô cổ vì rượu. Một lúc sau, người nhà lên ông mắng âm:

- Lũ chúng bay chỉ biết ngồi ăn hại, còn thì không biết việc nước là gì cả.

Các quan đều tím mặt.

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc – Giai thoại làng nho 1963)

## Tín ngưỡng phồn thực (4)

### Tục rước sinh thực khí

Làng Đông Ky, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh có nhiều tục lệ lạ đời trong đó, tục rước sinh thực khí được xem là quan trọng nhất. Làng này cũng thờ hai vị Thành hoàng, một nam, một nữ. Trong ngày chánh lễ, thoát tiên là tế hai vị Thành hoàng (hai dân thần) sau đó là lễ rước long trọng. Người dẫn đầu trong buổi rước là vị tiên chỉ, hay bô lão lớn tuổi nhất và được trọng vọng nhất trong làng. Vị này cầm trên tay hai hình sinh thực khí, một của nam và một của nữ, được cách điệu hoá. Dân chúng đi theo sau, vừa đi vừa hát. Tiếng trống đại hướng dẫn; mỗi khi có tiếng trống gióng lên thì vị dẫn đầu là xô hai sinh thực khí với nhau, hình ảnh của sự giao hợp.

Sau khi lễ xong thì việc đốt hai sinh thực khí bắt đầu. Dân trong làng chia nhau những tro của sinh thực khí, nhất là những gia đình hiếm muộn con cái. Tro này cũng mang ý nghĩa phồn thực mùa màng. Nông dân lấy tro rắc trên thửa ruộng của mình và hy vọng năm tới mùa màng sẽ tốt đẹp.

Tục thờ và rước sinh thực khí còn được tổ chức tại nhiều làng khác miền Bắc. Chẳng hạn như tại hai làng Khúc Lạc và Dị Nậu trong địa phận của tỉnh Phú Thọ. Mỗi năm, trong lễ tế, họ rước đến 36 hình biểu trưng sinh thực khí, 18 hình sinh thực khí đàn ông và 18 hình sinh thực khí đàn bà. 36 sinh thực

khí này được gọi tên là "nõn nường" (do chữ "nọ nàng" đọc trại ra). Những sinh thực khí đó sau khi rước xong cũng được đốt thành tro, chia cho dân trong làng.

(Hội tết làng xưa – Kiêm Thêm)

### **Bà Nữ Oa và ông Tứ Tượng (2)**

Sau ba ngày, đứng trên núi của ông Tứ Tượng, bà Nữ Oa nhìn thấy biển Đông và các quần đảo của các nước lân cận. Ông Tứ Tượng đứng ở đỉnh núi của bà Nữ Oa chẳng những nhìn thấy biển cả mà còn nhìn thấu được cả bốn phía chân trời! Bà Nữ Oa thấy núi ông Tứ Tượng làm chảnh ra trò trông gì cả, bèn co cẳng đạp cho mấy đạp: núi ông Tứ Tượng đổ sụp và bắn vung vãi khắp nơi, tạo nên vùng thượng du và vùng trung du ở phía Bắc nước ta. Bà Nữ Oa đòi ông Tứ Tượng phải làm một công trình khác. Để làm đẹp lòng người bạn gái, ông Tứ Tượng hì hục đắp không biết cơ man nào là núi đồi, suốt từ Bắc chí Nam. Hiện nay trên các sườn núi ở miền Bắc và miền Trung vẫn còn hằn rõ mòn một những dấu chân to đùng bát vại của ông.

Với tính chịu thương chịu khó của ông Tứ Tượng làm bà Nữ Oa động lòng và bằng lòng cho ông Tứ Tượng chuẩn bị làm lễ kết tơ hồng! Ông Tứ Tượng và đoàn người của họ nhà trai mang đến nhà bà Nữ Oa xin dẫn cưới. Đoàn người vượt một quãng

đường từ Bắc vào Nam, khi đến sông Gianh mà chẳng có đò giang gì. Ông bèn dùng luôn cái... “của quý” của mình làm cây cầu bắc từ bờ này sang bờ bên kia! Cả đoàn theo nhau đi được nửa chùng. Bỗng có một người cầm đuốc, quên bém đi mất, lại tưởng mình đang đi trên một cây cầu bằng tre bằng gỗ, bèn dụi tàn đuốc còn đỏ lửa xuống sàn cầu... Ông Tứ Tượng đột nhiên bị bỏng, giật nảy mình, làm cho “cầu” rung lên bần bật khiến một nửa đoàn người dẫn cưới rơi tòm xuống sông!

Cuối cùng thì việc dẫn cưới cũng suông sẻ. Bà Nữ Oa trở thành vợ ông Tứ Tượng.

(Nguồn: Kiều Văn)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ**

#### **Chó thui**

Truyện dân gian có nhiều, lâu nay bị thất lạc. Muốn cho đầy đủ thì quả là khó khăn, và cũng chưa biết đến bao giờ mới đạt được. Nên phải góp nhặt từng phần từng mảnh, nhưng chúng tôi vẫn bằng lòng hàng chục năm nay với sự thu góp ấy.

Mấy thầy đồ nói chuyện với nhau về chữ nghĩa văn chương. Có thầy kể chuyện ông trạng Nguyễn Hiền đời Trần mới lên tám tuổi đã đối đáp được với sứ Trung quốc. Sứ Trung quốc sang ta, thử tài người nước ta, đọc bài thơ:

Lưỡng nhật bình đầu nhật  
(Hai chữ nhật ngược xuôi đều là chữ nhật)  
Tứ sơn điền đảo sơn  
(Bốn chữ vương tranh nhau ở một nước)  
Tứ khẩu tung hoành gian  
(Bốn chữ khẩu dọc ngang đều là chữ khẩu)

Không ai biết chữ gì. Chỉ có trạng Hiền biết, trả lời đó là chữ điền, nghĩa là ruộng. Mọi người tấm tắc khen.

Một anh ngồi nghe lỏm cũng hỏi ghé vào:  
-Các thầy hay chữ, tôi xin đố các thầy:  
"Hai nghệ hai bên, khuyến trên hỏa dưới, là chữ gì?"  
Các thầy đồ bí nhìn nhau.

Anh kia nói:  
-Thưa là chữ "chó thui" !!!

(Vũ Ngọc Khánh - Kho tàng truyện dân gian)

## **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

### **Nhập quan**

Theo kinh nghiệm dân gian: Hơ lửa và nắn dần cho thẳng ra, hoặc dùng cùn, rượu xoa bóp, nếu vẫn còn cứng lại thì có thuật dùng hai chiếc đũa cả để hai bên mép áo quan rồi cho thi hài lọt xuống dần, khi thi hài đã lọt vào áo quan rồi thì phải cắt bỏ những

dây buộc chân, buộc tay, buộc vai, buộc hông để người chết có thể nằm thoải mái.

### Văn sử với truyền thuyết (1)

Giáo sư sử học Trần Quốc Vượng từng khẳng định: “Truyền thuyết không phải là lịch sử”. Theo ông không ít truyền thuyết còn được chuyển thành chính sử. Ví dụ lịch sử thời Hồng Bàng: “Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân, Âu Cơ đã từ truyền thuyết dân gian đi vào chính sử”. Ông cho lịch sử là câu chuyện: “Kể lại những bước đi của con người, sự việc thực được ghi lại bằng chữ viết”. Chức năng của sử: “Sử là tác phẩm viết về các sự kiện và nhân vật lịch sử. Mục đích của sử là ghi chép sự thật, không hư cấu như văn nghệ thuật, nhằm cung cấp những sự kiện lịch sử của dân tộc và bày tỏ thái độ khen chê của sử gia đối với các nhân vật lịch sử để đời sau lấy đấy làm gương”.

Hình thức đầu tiên của những câu chuyện lịch sử là *biên niên sử*. Sau biên niên là *kỷ sự*. Sách *Ngữ văn 10* giải thích rõ hơn: “Sử xưa có hai thể: biên niên và kỷ sự. Biên niên là lối viết sử theo trình tự thời gian (Đại Việt sử lược, Đại Việt sử ký toàn thư...). *Kỷ sự* là lối viết sử theo các sự kiện hoặc theo từng sự việc của nhân vật lịch sử. *Thể kỷ sự có ba tiểu loại: Bản kỷ* (ghi chép về các vua), *Liệt truyện* (ghi chép về các bề tôi), *Chí* (ghi chép cả về vua và bề tôi)...”

## **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

### **Áo quan**

Trong các ngôi mộ cổ khai quật được, ngoài các đồ trang sức của người chết, phía trong áo quan thường có lót lá chuối, giấy bản, chè búp, bông nếp hoặc khăn vóc áo nhiễu...

Trong quan, ngoài quách, giữa quan và quách đổ cát vàng. Các thứ đó đều là những chất hút ẩm và ngăn giữ khí hôi hám khỏi bốc ra ngoài, nhất là thời xưa chết xong chưa mấy ai đã chôn ngay, còn phải sắm đủ lễ vật, tế khí, còn phải xa gần phúng viếng linh đình, còn phải chọn ngày, chọn đất mới làm lễ an táng.

### **Tín ngưỡng phồn thực (5) Tục bắt chạch**



Bắt chạch đu đôi

Tục lệ này được tổ chức tại làng Văn Trung, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên. Mỗi năm, vào ngày mùng 6 tháng giêng âm lịch thì lễ hội được tổ chức, sau khi cúng tế xong. Những người tham dự cuộc bắt chạch là những đôi trai gái thân thiết nhau từ trước, mượn dịp này để có thể phô bày những cử chỉ phóng túng đến suông sẻ cả hai bên.

Trạch là loại lươn mình trơn láng, thân dài và khó bắt. Đã vậy, miệng chum đựng chạch lại nhỏ, khít cổ tay, nên vận động khó khăn. Cứ mỗi đôi trai gái, một tay thì thay phiên nhau khoảng vào chum; tay kia thì ôm lưng người con trai và ngược lại. Những cậu trai thường nhân dịp này thuận tay bóp nhũ hoa những cô gái một cách tự nhiên và không bị kháng cự lại.

Trong khi đó thì dân trong làng, thậm chí cha mẹ họ cũng cổ vũ, khuyến khích chuyện tự do luyện ái này. Nhìn chung lại, tín ngưỡng phồn thực mang những nét chính yếu như sau: (a) Những đôi trai gái mượn dịp này để tình tự, sờ soạng vào nhau mà không bị một lễ nghi nào ràng buộc. (b) Dân chúng thường khoác lên những trò chơi ý nghĩa tín ngưỡng. Theo họ, nếu bãi bỏ những trò này, dân làng sẽ mang họa trong năm tới. (c) Bất chấp những chỉ trích, chê bai, dân trong làng vẫn xem đó là những yếu tố tinh thần và tín ngưỡng bắt buộc.

Đây là một trong những hình thức chống đối lễ nghi Nho giáo cũ.

(Hội tết làng xưa – Kiêm Thêm)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ**

#### **Ngửi văn**

Truyện dân gian có nhiều, lâu nay bị thất lạc. Muốn cho đầy đủ thì quả là khó khăn, và cũng chưa biết đến bao giờ mới đạt được. Nên phải góp nhặt từng phần từng mảng, nhưng chúng tôi vẫn bằng lòng hàng chục năm nay với sự thu góp ấy.

Một người mù chỉ ngửi văn mà biết được văn hay hay dở. Có ông tú đưa bộ Tây sương ký ra hỏi.

Người mù ngửi rồi bảo:  
- Tây sương ký đây mà !

Ông tú hỏi:  
- Sao biết?  
- Ngửi có mùi phấn sáp.

Ông tú lại đưa pho Tam quốc chí ra hỏi. Người mù ngửi rồi bảo:

- Tam quốc chí đây mà!  
Ông tú hỏi:  
- Sao biết?  
Người mù nói:  
- Ngửi có mùi binh đao.

Ông tú mới đem chính tập văn của mình ra hỏi.

Người mù ngửi rồi bảo:

- Văn này của ông chứ gì?

Ông tú hỏi:

- Sao biết?

Ông mù nói:

- Ngửi có mùi thum thum.

(Vũ Ngọc Khánh - Kho tàng truyện dân gian)

### **Tình dục trong văn chương cổ (2)**

Các chuyên gia về văn học cổ đều cho rằng *Hoa viên kỳ ngộ* là một tiểu thuyết sex táo bạo nhất trong cổ văn Việt Nam. Hiện *Hoa viên kỳ ngộ tập* chỉ có một bản chép tay duy nhất tại thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, gồm 46 tờ (92 trang) khổ 27 x 15 cm. Tập sách được viết với nét bút rất bay bướm, lão luyện.

*Cuộc gặp gỡ ở vườn hoa* (Hoa viên kỳ ngộ tập) kể về cuộc tình duyên của Triệu Kiệu, con trai thứ hai của quan Tham chính họ Triệu, người đất Nam Xang thời Cảnh Hưng (1740-1786). Chàng thư sinh họ Triệu khôi ngô tuấn tú, học rộng tài cao. Một hôm dạo bước tới vườn hoa bên cầu Bích Câu, tình cờ gặp Lan Nương và Huệ Nương, con quan Ngự sử họ Kiêu, đôi bên quen biết, tình tự rồi yêu nhau say đắm.

Triệu công tử được Kiều Công mển tài cho ở trong nhà để tiện thầy tiện bạn đèn sách. Chàng lân la đến khuê phòng của hai nàng, nhờ được Xuân Hoa và Thu Nguyệt là hai thị nữ của Lan Nương và Huệ Nương hết lòng giúp đỡ nên tự do đi lại. Vượt qua lễ giáo, họ đến với nhau, trai tài gái sắc, trao thân gửi phận, thỏa lòng mây mưa. Về sau Triệu Kiệu đi thi, đỗ giải nguyên, được quan ngự sử họ Kiều gả cả hai tiểu thư cho.

Các nhà nghiên cứu cho rằng đây là tác phẩm văn học cổ Việt Nam. Căn cứ vào địa danh huyện Nam Xang (tương ứng với Lý Nhân tỉnh Hà Nam ngày nay) và tên trấn Sơn Nam được đặt từ thời Lê, có thể tác phẩm này được viết vào khoảng cuối đời Lê.

(Hoa viên kỳ ngộ - Nguyễn Xuân Diện)

## **Văn sử với truyền thuyết (2)**

### **An Dương Vương**

Thế kỷ XIX, một số sử thần nhà Nguyễn mới tỏ ý hoài nghi những ghi chép về An Dương Vương. Họ cho là Âu Lạc “hoặc giả ở ngoài cõi tây bắc giáp liền với nước Văn Lang” và Thục Vương không phải là người Ba Thục. Tiếp đó Nguyễn Văn Siêu sử gia nhà Nguyễn, trong một bài thơ chữ Hán đã phủ quyết những điều ghi chép của sử cũ, không công nhận có vua Thục ở đất Giao Chỉ. Dưới thời thuộc

Pháp, Ngô Tất Tố cho rằng: “Nước Nam không có ông An Dương Vương nhà Thục”. Trần Trọng Kim cũng lặp lại các ý kiến của sử thần nhà Nguyễn. Một số học giả Pháp như H. Maxpêrô, trong bài *Vương quốc Văn Lang*, cho An Dương Vương chỉ là một “nhà vua thần thoại”, hoặc như A.G. Ôdrícua đã kết luận: “Trước nhà Hán thì không có lịch sử An Nam” (1). Một vài học giả khác như G. Duymuchiê và R. Dêpie thì chỉ mô tả sơ sài bề ngoài thành Cổ Loa, mô tả ngày lễ đền Thượng và lịch sử cũ hay văn bia nói về An Dương Vương.

(1) A.G. Ôdrícua, “Người An Nam trước triều đại nhà Hán của Trung Hoa”. Tạp chí Đông Dương, tháng 7-12/1923, tr.229.

*(Trần Quốc Vương & Đỗ Văn Ninh - An Dương Vương có thật?)*

### **Ngộ chữ với Thiên Nghệ thuật của muỗi loài**

Vài chiếc lá thu khô rớt xuống ngay cạnh cọng cỏ. Cọng cỏ nhìn ngang, nhìn dọc, trông chiếc lá thật lạ mắt.

- Đẹp thật! – Cọng cỏ hào hứng.

Bỗng, một con giun từ đâu bò lên chiếc lá ngo ngoe hít ngửi, bò qua bò lại.

- Đúng là đồ giun dế! Không biết thưởng thức nghệ thuật! – Cọng cỏ quát lên.

Con giun ngo ngác nhìn quanh, nhận ra cọng cỏ, con giun cười:

- Mi làm gì mà giận dữ thế?
- Chiếc lá khô đẹp như thế mà mi bỏ lên, in dấu ngoằn ngoèo, thật là phản nghệ thuật.
- Vậy thế à? Xem ra mi cũng thích thưởng thức nghệ thuật.
- Dĩ nhiên, nghệ thuật là cảnh đẹp xung quanh.
- Nghệ thuật nằm trong vạn vật, có phải không?
- Phải thì sao?
- Như vậy mi cũng là nghệ thuật?
- Tất nhiên.
- Thế tại sao ta thì là phản nghệ thuật?
- Mi là loài giun đé, mi biết gì về nghệ thuật.
- Mi không phải là ta, sao dám khẳng định ta không có nghệ thuật?
- Nghệ thuật của mi là gì?
- Mi nói trước đi, nghệ thuật của cọng cỏ mi là gì?
- Là cảm xúc, rung động trước một vật gì, một cảnh gì. Ta nhìn thấy chiếc lá khô, cảm xúc vì hình hài của chiếc lá, rung động vì màu sắc của chiếc lá, ta cho đó là nghệ thuật.
- Mi có cảm xúc của mi, ta có cách xúc cảm của ta. Ta nằm trên chiếc lá, thưởng thức mùi thơm của lá, cảm nhận được sự mềm mại của lá, và đường gân li ti trên lá kia mới chính là nghệ thuật.
- Mi nằm trên chiếc lá thì còn gì là nghệ thuật của chiếc lá nữa.
- Tại sao?
- Vì mi xấu xí.

Con giun cười lớn:

- Đối với ta, vật nào có thân hình căng tròn như ta, cơ thể uôn éo như ta mới là tuyệt đẹp. Còn mi, mi xanh le xanh lét và gầy nhom thế kia, mới đúng là xấu xí. Hơn nữa ta cho rằng chiếc lá khô có ta nằm ở trên lại càng nghệ thuật hơn.

Cộng cỏ còn giận, nhưng im lặng, nó nhìn con giun tiếp tục ngo ngoe hít ngửi, còn nó thì tiếp tục nhìn ngang, nhìn dọc.

*\*Bài được ưa thích nhất trong loạt truyện Đạo Sĩ và Cộng Cỏ.*

### **Truyện cực ngắn: Chuyện văn chương**

Hắn mê văn chương đến độ nhìn cái gì hắn cũng thấy ra hình chữ. Ngay cả vợ hắn cũng xuất hiện dưới mắt hắn như một con chữ ngộ nguây. Con chữ ấy nói chuyện với hắn, cơm nước cho hắn, săn sóc hắn, vuốt ve hắn, hờn giận hắn. Con chữ ấy quần quai và lâu lâu lại rên lên khe khẽ dưới bụng hắn. Đến khi con chữ ấy bỏ hắn ra đi, ngòì một mình trong căn nhà lặng ngắt, hắn mới thấy, thấp thoáng từ xa, thật xa, hình ảnh thật, bằng xương bằng thịt, của vợ hắn. Lần đầu.

### Văn sử với truyền thuyết (3)

Một khi truyền thuyết phong phú gắn chặt với từng địa danh, từng di tích lịch sử, từng phong tục tập quán thành thì khó có ai tỏ nổi một nỗi hoài nghi. Đền thờ An Dương Vương, am thờ My Châu với pho tượng đá cụt đầu cùng giếng Trọng Thủy như chứng minh sự có thật của những nhân vật quen thuộc của thời kỳ lịch sử này với những chi tiết khá lý thú khiến khách tham quan phải tin rằng:



Có một vị vua An Dương Vương, có một người con gái tên My Châu đã nhẹ dạ lấy nỏ thần của vua cha cho chồng xem. Chồng của My Châu tên Trọng Thủy đã lấy trộm chiếc lẫy nỏ thần để rồi bị kịch được kết thúc bằng vua Thục thua trận, My Châu bị cha chém cụt đầu và Trọng Thủy tự tử (2) tại “giếng ngọc” trước cửa đền An Dương Vương.

Miếu thờ thần Rùa trên bờ giếng Rùa mang tên Loa khẩu, hàng loạt gò đồng dọc con đường từ làng Tiên Hội tới...thành Cổ Loa là chứng cứ cho truyền thuyết đắp thành.

(2) Sử ký của Tư Mã Thiên cho hay: Triệu Đà truyền ngôi cho cháu nội của Trọng Thủy tên Triệu Hồ tức Triệu Văn Vương. Gần đây những nhà khảo cổ Trung Hoa tìm được mộ của Triệu Văn Vương ở Quảng Châu. Trong mộ có ấn tín, triều phục và đồ gia dụng như bát đĩa, tách chén. Tất cả những di tích này không có dấu tích của nước Nam Việt, ngay cả ấn tín biểu tượng cho vương quyền cũng vậy.

(Trần Quốc Vượng & Đỗ Văn Ninh - An Dương Vương có thật?)

### **Truyện chóp: Tiếng ve**

Tôi đã sống qua bao mùa hạ, vẫn không hiểu được tiếng ve kêu.

### **Tình dục trong văn chương cổ (2)**

*Cuộc gặp gỡ ở vườn hoa* xây dựng những tài tử giai nhân, sẵn sàng vượt qua lễ giáo. Cả hai chị em Lan và Huệ cùng yêu say đắm công tử họ Triệu, giúp nhau cơ hội tiếp xúc với chàng, thậm chí nhường nhau trong buổi giao hoan cùng chàng, rồi cuối cùng là cùng chung “tận hưởng cuộc hoan lạc trong cõi nhân gian, không còn biết Triệu là Triệu, Lan - Huệ là Lan - Huệ nữa”.

Ở một đoạn khác, tác giả còn đề cho Triệu Công tử đề nghị hai tiểu thư Lan và Huệ kéo cả hai thị nữ

Xuân Hoa và Thu Nguyệt vào cuộc và hai tiểu thư cũng đồng ý. Thế là một chàng công tử lần lượt giao hoan với hai tiểu thư, cô em trước, cô chị sau, rồi sau đó đến lượt hai cô thị nữ nữa.

Dưới đây, xin trích một vài đoạn từ bản dịch của GS. Nhà văn Phan Văn Các, nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hán Nôm:

“...Sinh (Triệu Kiệu) cả mừng, đưa tay vuốt ve Lan mà nói rằng:

- Nàng hết lòng vì tôi vậy, có thể gọi là con người hữu tâm đó.

Bèn kéo Lan vào lòng, một tay kéo đùi nàng, tay kia mân mê đôi vú, cười mà bảo rằng:

- Tuyệt thật, vừa mềm vừa ấm, hết như thịt đầu gà”.

\*\*\*

“...Lúc này lòng dục của Sinh chợt nổi lên. Chàng bước tới ôm lấy mà nói:

- Nàng đâu có giữ lời hứa như Quý Bô, tôi đã biết rồi. Phen này tôi quyết chẳng chịu ra về không nữa.

Nói xong cố sức đẩy Huệ xuống gối. Huệ cũng không chống cự.

Trong đêm phù dung hải đường máu nhuộm, dưới chần phi thúy, đan quế hương bay. Mây ngải liên hồi chớp chớp mặc cho bướm lượn săn tìm, mắt phượng lim dim mơ màng, không cảm ong bay hút mật. Xiêm màu pháp phối khác nào mưa trút hoa sen, tóc

mây rối bời, hết như gió thổi cành dương. Thật là một khắc ngàn vàng, chỉ giận đêm vui quá ngắn”.

“...Hai nàng nhường nhau hồi lâu, Sinh không thể tự chủ được nữa bèn một tay kéo lấy vạt Lan, tay kia mân mê vú Huệ, mặc sức đùa cợt trong chăn phi thúy, tận hưởng cuộc hoan lạc trong cõi nhân gian, không biết Sinh là Sinh, Lan Huệ là Lan Huệ nữa”.

(Hoa viên kỳ ngộ - Nguyễn Xuân Diện)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ**

#### **Tối linh từ**

Ông Ich Khiêm, được cử giữ chức Tiểu phủ sứ, vâng lệnh cầm quân ra Bắc dẹp giặc Lý Dương Tài, ở hồ Ba Bể, khi trở về qua Hà Thành cho lập một ngôi đền thờ những tướng sĩ trận vong. Ông sai người đến xin Yên Đồ mấy chữ đề đề ngoài cổng đền, người này kể lể "quan Tiểu muốn làm đền cho lính tôi", ra về tự đắc mình cũng là hàng tướng tá. Yên Đồ cho ba chữ: Tối linh từ

Ông Tiểu cho là chữ quá ư tầm thường, có biết đâu Yên Đồ đã nói lái: "tối linh là lính tôi" cho bõ ghét cái anh tay sai hách xằng!

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

## **Đất lè quê thói với phong tục cổ truyền**

### **Khâm liệm**

Theo Phan Kế Bính: "Lấy nghĩa, người ta bởi đất sinh thì chết lại về với đất".

Vả chăng, trong cơ thể người chết còn có điện trường sinh học, làm như vậy khả năng tích điện âm trong cơ thể người chết mới được giải thoát, đó là một phương thuật phòng xa hiện tượng "Quý nhập tràng".

### **Ngộ chữ với Thiên Con cá chép**

Sách Phật kể rằng trong một kiếp, Đề Bà Đạt Đa và Phật cùng đầu thai làm con cá chép.

Con cá chép là Đề Bà Đạt Đa chỉ thích bơi vào chỗ dòng nước trong vát để phô bày cái hình dáng tuyệt đẹp của mình. Những giống xấu xí khác như cá mại, cá mè, cá lữ đòng đòng cân cân cứ rùng rùng bám theo, vừa bơi vừa luôn miệng trầm trồ. Trái lại, con cá chép là Phật thì chỉ lẩn quẩn trong những chỗ nước đục, chẳng con nào thèm để ý tới làm gì. Một bữa có con chim bói cá đậu trên cây nhòm xuống. Trong làn nước trong vát, nó nom rõ con cá chép Đề Bà Đạt Đa, liền lao xuống đớp gọn rồi nuốt chửng vào bụng. Đề Bà Đạt Đa chui vào bụng con bói cá, chẳng bao lâu bị nó tiêu hoá, biến thành một cục

phân. Con bói cá bay qua sông, ia cục phân đó xuống giữa đàn cá vẫn thường bơi theo Đê Bà Đạt Đa khi trước. Lập tức, từ cá mai, cá mè đến lũ đòng đong cân cân đều tỏ ra hết sức ghê tởm. Con nào con nấy vội cố hết sức bơi vào chỗ nước đục để lẫn trốn.

Sau đây là mẫu đối thoại giữa cục phân Đê Bà Đạt Đa và Phật:

"Ngài thấy tôi bây giờ so với trước thế nào?" - cục phân hỏi.

"Không khác gì cả" - Phật trả lời.

"Thế tại sao lũ mặt hạng kia giờ lại xa lánh tôi?" - cục phân tiếp.

"Bởi giờ chúng mới nhìn rõ ngài thực ra là cái gì" - Phật trả lời.

"Ôi! Giá như ta đừng chọn chỗ nước trong" - cục phân than thở.

Câu chuyện chỉ đơn giản thế. Vậy mà có một số học thuyết rất đứng đắn đã căn cứ vào đó để chứng minh một cách đầy thuyết phục, rằng Đê Bà Đạt Đa nếu không là thủy tổ của cả loài người nói chung, thì ít nhất cũng là thủy tổ của cái giống mũi tẹt da vàng.

### **Ngộ chữ với Thiên Thơ Thiên**

Trần gian vốn là mộng  
Thực hư cũng là mộng

Say mộng hay tỉnh mộng  
Vẫn là mộng mà thôi



"Thuyền-Sur-Không-Bến"

### Hùng Vương với truyện Sơn Tinh và Thủy Tinh

“Sử ký” về Hùng Vương lần đầu tiên xuất hiện trong *Việt Điện U Linh Tập* qua truyện *Sơn Tinh Thủy Tinh* của Lý Tế Xuyên vào đời Trần thế kỷ 14 dựa vào *Giao Châu Ký* của Tăng Cỗn và Triệu Xương khi Tăng Cỗn làm Thứ sử Giao Châu:

“...Xét Giao Châu ký của Tăng Công chép rằng: Vương là Sơn Tinh và Thủy Tinh làm bạn rất thân thiết ở ẩn tại động Châu Phong

Hùng Vương có người con gái tên là My Nương, dung mạo tuyệt luân, nhan sắc khuynh thành. Thục Vương Phán sai sứ sang cầu hôn, vua muốn gả. Quan Lạc hầu can rằng:

- Ông ấy muốn dòm dò nước ta đó.

Hùng Vương sợ sinh ra hiểm khích...”

Theo nhà biên khảo, giáo sư Lê Hữu Mục bình phẩm thì vua Hùng Vương, chỉ là nhân vật phụ trong truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh. Và theo ông thì:

“...Nhưng linh động và hồn nhiên nhất là giai thoại giữa Hùng Vương và quan Lạc hầu. Hùng Vương trong chuyện này là ông nhu nhược và ba phải. Qua đối thoại với quan Lạc hầu, nói lời nào chỉ thấy “vua muốn gả”, “vua sợ”, “vua cả mừng”, “Hùng Vương mừng lắm” và “Hùng Vương cho là phải”..v.v..

Tài viết truyện của Lý Tế Xuyên là ở chỗ ấy. Ông làm cho người đọc theo dõi câu chuyện từng chi tiết nhỏ nhặt. Độc giả đọc từ chuyện này sang chuyện kia, càng đọc càng thấy thích thú...”

(Giáo sư Lê Hữu Mục: Việt Điện U Linh Tập - 1960)

### **Tình dục trong văn chương cổ (3)**

Dưới đây, xin trích một vài đoạn từ bản dịch của GS. Nhà văn Phan Văn Các, nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hán Nôm:

“...Sinh (Triệu Kiệu) cả mừng, đưa tay vuốt ve Lan mà nói rằng:

- Nàng hết lòng vì tôi vậy, có thể gọi là con người hữu tâm đó.

Bèn kéo Lan vào lòng, một tay kéo đùi nàng, tay kia mân mê đôi vú, cười mà bảo rằng:

- Tuyệt thật, vừa mềm vừa ấm, hết như thịt đầu gà”.

## **Ngộ chữ với Thiên Đục, trong**

Chuyện khác: trong một lần giảng giáo lý Đại thừa, một vị Tổ của thiên tông kể rằng kiếp trước ông từng là một con sáo. Một bữa đang bay lượn, chợt bắt gặp một quả bầu rất to. Bèn khoét một lỗ rồi chui vào. Bảy bảy bốn chín ngày nằm trong đó, chén hết già nửa ruột bầu thì bỗng ngộ ra ba nghìn thế giới. Mừng vì đắc đạo, vị thiên sư (con sáo) bèn chui ra khỏi quả bầu rồi bay mãi, bay mãi... Bầu trời trước mắt ông như khác hẳn, rộng bao la và thơm ngát mùi hương. Tất cả, từ một sợi lông cho đến những quả núi, cánh rừng... đều được thu vào cặp mắt chỉ bé bằng hai hạt tằm của ông. Mới hay sự đắc đạo là vô cùng thoả chí. Có lẽ ông sẽ bay mãi như thế, tự do tự tại, như lai như ý không gì câu thúc, không cần phải xác định phương hướng... nếu ông không vô tình bay qua một dòng suối. Dòng suối trong veo, nhìn thấu tận đáy. Nước suối ấy có thể rửa sạch mọi thứ. Có ai ngờ nó lại “rửa” luôn cả cái tâm Phật vừa mới được nhen nhúm trong ông. Soi mình xuống dưới, thiên sư bỗng thấy mình rõ ràng đang là một... con nhặng. Vậy mà vẫn không hề kinh ngạc (đã là thiên sư thì không bao giờ kinh ngạc). Có điều đôi cánh của con nhặng lúc đó dường như cứ bị hút về một phương nào đấy không thể cưỡng nổi. Lại bay mãi, bay mãi... Cuối cùng té ra ông lại trở về đúng cái quả bầu ấy. Bảy giờ nó đã thối nhừ từ bao giờ.

Con nhặng là ông bị cái mùi thối ấy hấp dẫn, lập tức lao vào thò vòi ra hút lấy hút để...

## 2 - Tình dục trong văn chương cổ (4)

“...Lúc này lòng dục của Sinh chợt nổi lên. Chàng bước tới ôm lấy mà nói:

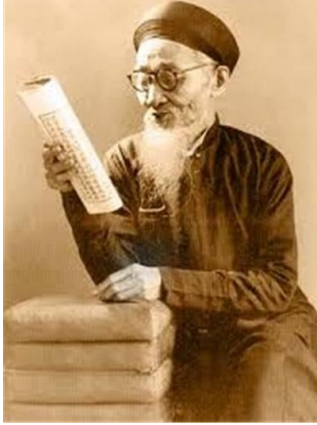
- Nàng đâu có giữ lời hứa như Quý Bô, tôi đã biết rồi. Phen này tôi quyết chẳng chịu ra về không nữa. Nói xong cố sức đẩy Huệ xuống gối. Huệ cũng không chống cự.

Trong đêm phù dung hải đường máu nhuộm, dưới chần phi thúy, đan quế hương bay. Mây ngải liên hồi chớp chớp mặc cho bướm lượn sẵn tìm, mắt phượng lim dim mơ màng, không cảm ong bay hút mật. Xiêm màu pháp phối khác nào mưa trút hoa sen, tóc mây rối bời, hết như gió thổi cành dương. Thật là một khắc ngàn vàng, chỉ giận đêm vui quá ngắn”.

“...Hai nàng nhường nhau hồi lâu, Sinh không thể tự chủ được nữa bèn một tay kéo lấy vạt Lan, tay kia mân mê vú Huệ, mặc sức đùa cợt trong chần phi thúy, tận hưởng cuộc hoan lạc trong cõi nhân gian, không biết Sinh là Sinh, Lan Huệ là Lan Huệ nữa”.

(Hoa viên kỳ ngộ - Nguyễn Xuân Diện)

## Giai thoại làng văn xóm chữ Đại hạ



Một ông phú hộ làm ngôi nhà mới, mở tiệc ăn mừng.

Cụ Yên Đồ cho hai chữ: *Đại hạ*.

*Đại hạ* là nhà to. Nhưng thay vì viết “hạ là nhà”, cụ lại viết chữ “hạ là mùa hè”.

Mùa hè to là nghĩa gì? Sau cụ mới giải thích cho người thân cận:

*Đại hạ là hè to, hè to lái lại là tò he: tò he tí te là tiếng kèn đám mạ*

Hỏi ra thì ông phú hộ này xưa kia quả có làm qua nghề thợ kèn ...

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

## Đất lè quê thói với phong tục cổ truyền

### Quý nhập tràng

Đó là hiện tượng xác chết tự nhiên bật dậy. Hiện tượng này rất hiếm nhưng đã xảy ra, do đó trong phong tục đã có sự kiêng cữ để phòng xa, gọi là "Quý nhập tràng" nhưng thực ra không có ma quỷ nào nhập vào xác chết.

Nguyên nhân:

Do điện âm tích tụ trong thi thể người mới chết chưa kịp thoát ra hết, gặp phải luồng điện dương cực mạnh cuốn hút. Xác chết tự nhiên bật dậy là do sự cuốn hút bởi một ngoại lực có cảm ứng điện trường.

Vì vậy theo quan niệm dân gian, khi trong nhà có người mới chết kiêng cữ nhất là không để cho con mèo bắt thần nhảy qua xác chết (người ta phải canh giữ, phải nhốt mèo lại). Đã có trường hợp, chén rượu hắt văng vào xác chết, giọt nước mắt có hơi ẩm nhỏ vào xác chết cũng tạo thành luồng khí, có thể cuốn hút xác chết bật dậy nhưng ngã xuống ngay tức thì.

Hiện tượng xác chết đuối theo người sống: Xác chết không thể bước đi được mà do hơi nóng của người sống cuốn hút, hoặc trường hợp có luồng không khí đối lưu cân bằng khi xác chết ở tư thế đứng song song với người sống. Việc đỡ ngói hay tranh trên

mái nhà để ánh sáng mặt trời trực tiếp rọi vào cũng nhằm triệt tiêu hiện tượng cuốn hút đó.

### **Ngộ chữ với Thiên Đục, trong**

Thế là toi một kiếp tu hành. Toi từ lúc nào? Thiên sư hỏi rồi tự trả lời: không phải vì ông hút phải cái thứ ruột bầu thối tha ấy. Mà toi vào đúng cái lúc ông thấy mình là một con nhặng. Kể đến đây, thiên sư chép miệng: giá như dòng suối kia đừng có trong vắt như thế, mà nó đục ngầu, thì ông đã đắc đạo ngay từ kiếp đó rồi. Và câu chuyện ấy đã giải thích tại sao con người hiện đại ngày nay không thể trở thành thiên sư.

Cũng vẫn vị Tổ ấy, một hôm muốn truyền lại y bát, bèn hỏi đệ tử thứ nhất:  
"Trước mắt con là hai cốc nước, một trong, một đục. Con chọn cốc nào?"  
Đệ tử thứ nhất trả lời:  
"Con chọn cốc nước trong."

Sư nhắm mắt không nói gì. Đệ tử thứ nhất lui ra. Đệ tử thứ hai vào. Thiên sư vẫn hỏi câu ấy. Đệ tử thứ hai trả lời:  
"Con chọn cốc nước đục."

Sư lại nhắm mắt không nói gì. Đến lượt đệ tử thứ ba. Nghe xong câu hỏi, đệ tử thứ ba lặng im hồi lâu. Sư

hỏi:

"Sao con không trả lời?"

Đệ tử thứ ba bảo:

"Con không phân biệt được thế nào là trong, thế nào là đục..."

Sư liền trao ngay y bát.

### **Việt Điện U Linh Tập**

Theo nhà biên khảo Hoàng Xuân Hãn, Lý Tế Xuyên là quan Thủ Đại Tạng Kinh Trung Phẩm Phụng Ngự cuối đời nhà Lý. Đầu thế kỷ 14 nhà Trần, phụng mệnh vua, để giữ hương hoả bất tuyệt, ghi chứng tích các vị thần qua đèn miếu, khảo dị qua *Giao Châu Ký* của Triệu Xương, Tăng Cỗn và cả Tam Quốc Chí nữa. Qua chức vụ ấy, như ông từ giữ đèn, giữa u tịch cổ sơ, ông sưu tra tư liệu, đọc và ghi lại trong Việt Điện U Minh tập (1) với hậu ý mong trừ âm thần, tà quái, yêu ma, vọng quỷ trong dân gian.

(1) Những sách thuật u linh hoang đường như *Việt Điện U linh Tập* và *Lĩnh Nam Chích Quái* thuật lại những chuyện thần thoại ở bên Tàu, ở khu vực phía Nam rặng núi Ngũ Lĩnh được gọi là Lĩnh Nam, phía nam nước Sở thời Xuân Thu Chiến Quốc.

(Nguồn: Lê Hữu Mục: *Lĩnh Nam Chích Quái* – 1959 & Việt Điện U Linh Tập 1960)

## **Ngô chữ với Thiên**

### **Rửa bát**

Một vị tăng thừa với Triệu Châu:

"Con vừa nhập thiên thất, Xin chỉ dạy."

Triệu Châu hỏi: "Ăn cơm chưa?"

Vị tăng trả lời: "Bạch, đã ăn rồi."

Triệu Châu nói: "Vậy thì đi rửa bát đi."

Ngay lúc đó vị tăng liễu ngộ.

### **Giai thoại làng văn xóm chữ**

Một lần tại nơi Cao Bá Quát làm việc ở bộ Lễ, Quát chứng kiến một vụ cãi cọ giữa hai vị quan đồng sự, mới đầu hai người đấu khẩu nhau về một vụ gì đó, rồi sau tức giận quá đi đến ẩu đả nhau. Bộ Lễ tâu lên vua để phân xử. Vua bắt lính dẫn cả hai bên và nhân chứng là Cao bá Quát để xét hỏi.

Từ xưa Quát vẫn ghét những quan đồng sự ở bộ, nên nhân dịp được vua truyền gọi đến làm chứng, Quát làm tờ khai sau đây, cốt để “chửi xỏ” tất cả bọn quan lại cùng làm việc ở bộ.

Tờ khai bằng chữ nho như sau:

Tiền thần bất tri

Hậu thần bất tri

Trung gian thần tri

Đản kiên:

Thượng bàn hô câu!

Hạ bàn hô cầu!  
Thượng hạ giai cầu.  
Lưỡng tương đấu ầu  
Thần gián bất đắc  
Thần kiến thế nguy  
Thần hoảng thần tâu.

Nghĩa là: Trước ra sao, sau thế nào, thần không được biết. Thần đến lúc nửa chừng thấy bàn trên hô: "Chó!", bàn dưới cũng hô: "Chó!" Trên dưới đều là chó. Ròi hai bên đánh nhau. Thần can không được. Thần thấy nguy, thần sợ thần chạy.

Vua Tự Đức đọc tới câu “Thượng hạ giai cầu”, biết là Quát lợi dụng lời khai để hỗn xược, gọi tất cả là chó, nhưng vì lời khai đúng sự thực nên không làm gì Quát được phải cho Quát ra về.

### Hồng Bàng thị (1)

“Bản kỷ” về Hùng Vương lần thứ hai xuất hiện sơ lược trong *Lĩnh Nam Chích Quái* (1) trong truyện *Dưa hấu*, *Bánh dày bánh chưng*, *Chử Đồng Tử*, *Tiên Dung* và *Truyện Hồng Bàng* của Trần Thế Pháp dựa vào *Việt Điện U Linh Tập* của Lý Tế Xuyên.



Cội nguồn tộc Việt của Trần Thế Pháp như sau:  
 “...Cháu ba đời Viêm Đế họ Thần Nông là Đế Minh, nhân tuần thú phương Nam đi với người con vợ cả là Đế Nghi. Rồi đến núi Ngũ Lĩnh, gặp Vụ Tiên sinh ra Lộc Tục. Đế phong cho con bà cả Đế Minh là vua phương Bắc, con bà hai Lộc Tục là vua phương Nam. Lộc Tục lấy hiệu là Kinh Dương Vương đặt tên nước là Xích Quỷ.

Kinh Dương Vương xuống thủy phủ lấy con gái hồ Động Đình sinh ra Sùng Lãm Lạc Long quân. Lạc Long quân thay cha trị dân, còn Kinh Dương Vương không biết đi đâu. Dân lúc nào có việc cần kêu Lạc Long quân: “Bố ơi không đến mà cứu chúng tôi”.

Một ngày Lạc Long quân gặp nàng Âu Cơ ở một mình, vì thấy *đẹp lạ lùng, yêu quá, nên lấy làm vợ*. Giáp một năm, sinh ra bọc trứng và nở ra trăm con (2). Chia đều làm hai, 50 theo Âu Cơ lên núi, 50 theo Lạc Long quân trở về thủy phủ, Âu Cơ lại nhắn gọi: *Bố ơi không về để mẹ con ta thương nhớ*. Lạc Long Quân về và nói: *Ta là rồng ở thủy tộc. Nàng là giống tiên, ở trên đất. Thủy hỏa tương khắc khó mà ở cùng nhau*. Âu Cơ trở lại huyện Bạch Hạc, phong

cho con trưởng là Hùng Vương, đặt tên nước là Văn Lang, truyền được 18 đời và được gọi là thời Hồng Bàng.

Về bờ cõi thì đông giáp Nam Hải, tây đến Ba Thục, bắc tới Động Đình hồ, nam giáp Hồ Tôn...”

(Giáo sư Lê Hữu Mục: Lĩnh Nam Chích Quái - 1959)

### **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

#### **Lễ thành phục**

Thời xưa, có những nhà giàu sang để năm bảy hôm trong nhà, chờ con cháu về đông đủ, để họ hàng, làng xã, hàng tổng hàng huyện đến phúng viếng; để dựng rạp trước sân, dựng nhà trạm dọc đường từ nhà đến mộ để chuẩn bị mọi thứ khí tế và cỗ bàn thết đãi linh đình; để thầy cúng chọn ngày, thầy địa lý chọn đất an táng, phân kim lập hướng hẩn hoi. Có nhà còn sắm đủ trong quan ngoài quách, quàn tạm trong vườn, vài tháng sau mới làm lễ an táng.

Trong thời gian chưa chôn có "Lễ triều tịch điện": Buổi sáng dậy bung khăn lược vào linh sàng, các con quỳ khóc ba tiếng rồi quần mần lên cáo từ rằng: "Ngày đã sáng rồi xin rước linh bạch ra linh tọa". Sau đó rước hồn bạch ra đặt vào ỷ, vắt mần, dọn chần gói, chiều tối lại rước linh bạch vào, đắp chần

thả chiếu, màn xuồng. Thờ như lúc sống, chỉ lạy hai lạy (chỉ sau khi an táng, làm lễ thành phùng xong mới lạy bốn lạy theo nghi lễ người chết).

Các buổi tối trước khi chưa chôn, có "Lễ chúc thực" (Trông bó đuốc trước sân):

Phường bát âm tấu nhạc, con cháu thay nhau túc trực bên linh cữu, trong nhà ngoài sân đèn đuốc sáng trưng.

Khi thân bằng cố hữu đến phúng điếu, người chủ tang và người chủ phụ đứng cạnh linh toạ và ngoảnh mặt về phía khách, hễ khách lạy hai lạy thì chủ lễ tạ lại một lạy. Khách vái cha mẹ mình ba vái thì vái tạ một vái. Trách nhiệm tiếp trà, nước, cỗ bàn thuộc về người hộ tang.

Nếu có người con trai nào đi vắng chưa kịp về thì để mũ, khăn xô và gậy cạnh hương án.

Trước khi làm lễ chuyển cữu để chuẩn bị phát dẫn thì áo quan vẫn trở đầu vào trong, coi như lễ người sống, đọc văn cũng chưa dùng chữ "Hiển thảo" (cha) "Hiển tử" (mẹ) mà con dùng chữ "Cố phụ" (cha), "Cố mẫu" (mẹ)

Điều quan trọng nhất là người trị tang phải có kinh nghiệm: áo quan vỏ dày, gỗ tốt, trám thật kín, không để một khe hở nào. Đáy áo quan lót những chất chống ẩm như lá chuối, giấy bản, than, vôi, bông nếp... Các khe hở của áo quan được bịt kín trước bằng sơn ta, nhựa đường, dán giấy tráng kim. Nếu

để lâu phải có trong quan ngoài quách, giữa quan và quách đổ cát vàng rang khô nóng. Phủ trên thi hài có các thứ hương vị để khử uế khí.

Trước ngày an táng còn có thêm tục "Lễ yết cáo tổ tiên"

Nếu không đưa được linh cữu, phần lớn các gia đình rước hồn bạch đến nhà thờ họ. Hồn bạch chỉ được đặt phía trước bàn thờ, để ở dưới, không được đưa lên bàn thờ tổ. Nội dung: Báo cáo với gia tiên có thân phụ hoặc thân mẫu về chầu tổ. Xong lại rước hồn bạch về nhà mình, đặt lại trên linh toạ.

## **Hồng Bàng thị (2)**

Cũng theo nhà biên khảo, giáo sư Lê Hữu Mục bình phẩm thì:

Trước Trần Trọng Kim, Ngô Sĩ Liên cũng viết như thế. Điều đó cho ta suy gẫm là nội dung của truyện được ghi chép bởi Trần Thế Pháp, người Hoa sống vào thế kỷ 14, dù có muốn xóa bỏ dấu tích Việt tộc cách mấy cũng không thể bỏ dấu tích được Việt tính như cách gọi tên: Đế Minh, Thần Nông nếu gọi theo cách người Hoa là Minh Đế, Nông Thần. Chuyện của Trần Thế Pháp chỉ muốn gán ghép nguồn gốc Hoa cho Sùng Lãm Lạc Long quân. Thành ra chúng ta chỉ nên coi chuyện Họ Hồng Bàng trong Lĩnh Nam Chích Quái như dựa trên chuyện dân gian nào đó, thêm thắt tình tiết cho có vẻ ly kỳ.

Các nhà viết sử cho thời cận đại chỉ tin vào những gì do Trung Hoa ghi chép nên cũng đã lập lại gần như nguyên văn những ý kiến cũ.

(1) Trong Lĩnh Nam Chích Quái không không nói tới Hùng Vương bắt đầu lên làm vua từ khi nào? Và vương vực của đất nước mà Hùng Vương thành lập mở rộng đến đâu? Theo truyền thuyết khẳng định rằng triều đại Hùng Vương kéo dài tới...2000 năm !?.

(2) Với Họ Hồng Bàng, sử nhà Nguyễn chép từ sử nhà Lê 300 năm trước với phụ đính:

“...Nhưng hăng cứ chép lại để truyền nghi. Riêng chuyện bà Âu Cơ đẻ ra 100 trứng, vua TỰ ĐỨC phê trong Ngự chế vịnh sử tổng luân: Kinh thi có câu tắc bách tư nam, đó là lời chúc tụng cho nhiều con trai đầy thôi. Xét đến sự thực cũng chưa đến số ấy. Huống chi lại nói đến trăm trứng! Nếu quả vậy thì khác gì chim muông, sao khác gì loài người được...”

(Giáo sư Lê Hữu Mục: Lĩnh Nam Chích Quái - 1959)

### **Giai thoại nhà chùa**

Hôm ấy Thầy chùa đi cúng cho dân, ở nhà không may bị hỏa hoạn cháy chùa. Thầy chùa buồn lắm vì không những mất chùa mà còn cháy cả cuốn kinh mà thầy đã dụng công chép tay từ nhiều năm nay,

thầy chùa còn đang đứng nhìn đồng tro nóng thì bỗng nhiên con chó chạy lại cắn vát áo chùng của thầy cứ thế lôi đi như muốn mách điều gì. Ra đến gốc cây Dâm Bụt thì con chó bới bới cho Thầy thấy quyển Kinh. Thì ra khi chùa cháy, sư đi vắng, con chó đã chạy được quyển kinh giấu ra đấy.

Từ đó thầy chùa ra lệnh : Nhà chùa không được giết chó là vậy .

(Đồng Ngọc Hoa – Vài sự tích xưa)

## **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

### **Hộ tang**

Khi thân nhân sắp từ trần, việc đầu tiên tang gia phải mời được người hộ tang.

Người hộ tang phải là người thân thích gần gũi, có tuổi tác, kinh nghiệm, tháo vát, có uy tín trong họ. Người hộ tang thay mặt tang chủ điều hành mọi công việc, đối nội đối ngoại. Nếu người hộ tang biết cúng lễ thì kiêm luôn, nếu không thì mời người chấp sự,

Người chấp sự lo việc hướng dẫn về mặt nghi lễ từ mọc đục, khâm liệm, thiết linh, thành phục đến an táng. Thành phần và tế ngu (lễ 3 ngày sau khi chôn). Người chấp sự thường là người có văn hoá (chữ Hán, chữ Quốc ngữ) nên có thể kiêm luôn cả việc tư

vấn (viết văn cúng tế, bài vị, long triệu, đối, trướng, cáo phó...).

Người thu lễ: Sau khi thành phục cho đến hết 3 ngày sau khi an táng phải có người thu lễ. Người đó chuyên túc trực ở nhà ngoài, hễ có khách đến phúng viếng thì tiếp khách nhận lễ đặt lên bàn thờ, báo cho thân chủ ra bái tạ. Người thu lễ phải ghi đầy đủ danh sách người đến viếng và số lễ vật, để sau này tang chủ biết mà tạ ơn. Người thu lễ kiểm tra lễ vật sau khi khách đã cúng lễ xong ra về. Vì vậy phải chọn người thân tín của tang gia.

Người chấp hiệu: Thông thường các ban hành lễ đã có người chấp hiệu chuyên trách.

Người chấp hiệu là chỉ huy đám phu kiệu đưa quan tài từ nhà ra xe tang hoặc đại dư (tuy không có xe nhưng khiêng kiệu hay xe gọi là đại dư), điều khiển việc đi đứng, nâng lên hạ xuống, sang trái sang phải, bằng hiệu lệnh hai thanh gậy ngăn cầm tay, cho đến lúc hạ huyệt, tháo giầy đôn mà chén rượu, đĩa dầu lạc đặt trên nắp áo quan không sánh ra ngoài. Người chấp hiệu ngồi trên đại dư ở phía sau, hoặc đi bộ giật lùi trước quan tài để điều khiển.

Chủ tang và chủ phụ: Là con trai trưởng và con dâu trưởng.

Nếu tang cha mà mẹ còn sống thì mẹ là chủ phụ. Nếu cháu đích tôn thừa trọng (thay thế cha đã mất, khi làm lễ tang ông bà) thì cháu đích tôn là chủ tang,

các ông chú đứng hai bên chỉ là bồi tế vợ của người cháu là chủ phụ khi bà chồng và mẹ chồng đã mất, còn các bà thím chỉ là phụ. Nếu cháu đích tôn còn bé quá, chưa chồng gây lễ tạ được thì chú thứ hai thay thế, nhưng vẫn phải nhân danh cháu mà bái lễ và bái tạ.

### **Ngộ chữ với Thiên Thiên sư và con sáo**

Trong một lần giảng giáo lý Đại thừa, một vị Tổ của thiên tông kể rằng kiếp trước ông từng là một con sáo. Một bữa đang bay lượn, chợt bắt gặp một quả bầu rất to. Bèn khoét một lỗ rồi chui vào. Bảy bảy bốn chín ngày nằm trong đó, chén hết già nửa ruột bầu thì bỗng ngộ ra ba nghìn thế giới. Mừng vì đắc đạo, vị thiên sư (con sáo) bèn chui ra khỏi quả bầu rồi bay mãi, bay mãi...

Bầu trời trước mắt ông như khác hẳn, rộng bao la và thơm ngát mùi hương. Tất cả, từ một sợi lông cho đến những quả núi, cánh rừng... đều được thu vào cặp mắt chỉ bé bằng hai hạt tằm của ông. Mới hay sự đắc đạo là vô cùng thoả chí. Có lẽ ông sẽ bay mãi như thế, tự do tự tại, như lai như ý không gì câu thúc, không cần phải xác định phương hướng... nếu ông không vô tình bay qua một dòng suối. Dòng suối trong veo, nhìn thấu tận đáy. Nước suối ấy có thể rửa sạch mọi thứ. Có ai ngờ nó lại “rửa” luôn cả cái tâm Phật vừa mới được nhen nhúm trong ông.

Soi mình xuống dưới, thiền sư bỗng thấy mình rõ ràng đang là một... con nhặng.

Vậy mà vẫn không hề kinh ngạc (đã là thiền sư thì không bao giờ kinh ngạc). Có điều đôi cánh của con nhặng lúc đó dường như cứ bị hút về một phương nào đấy không thể cưỡng nổi. Lại bay mãi, bay mãi... Cuối cùng té ra ông lại trở về đúng cái quả bầu ấy. Bấy giờ nó đã thối nhừ từ bao giờ. Con nhặng là ông bị cái mùi thối ấy hấp dẫn, lập tức lao vào thò vòi ra hút lấy hút để... Thế là toi một kiếp tu hành. Toi từ lúc nào? Thiền sư hỏi rồi tự trả lời: không phải vì ông hút phải cái thứ ruột bầu thối tha ấy. Mà toi vào đúng cái lúc ông thấy mình là một con nhặng.

Kể đến đây, thiền sư chép miệng: giá như dòng suối kia đừng có trong vắt như thế, mà nó đục ngầu, thì ông đã đắc đạo ngay từ kiếp đó rồi. Và câu chuyện ấy đã giải thích tại sao con người hiện đại ngày nay không thể trở thành thiền sư.

### **Lĩnh Nam Chích Quái**

Vào thế kỷ 15, theo Vũ Quỳnh thì *Lĩnh Nam Chích Quái* là chuyện truyền khẩu:

“...Nước Việt ta tự cổ là đất hoang dã nên việc ghi chép còn sơ lược, những chuyện chép ở đây, từ thời nào? Chỉ biết tên là Trần Thế Pháp, ông này không

phụng mệnh vua, dựa vào *Việt Điện U Linh Tập* của Lý Tế Xuyên để viết cội nguồn tộc Việt.

Trần Thế Pháp chấp vá một số truyện cổ tích ở vùng đất phía nam núi Ngũ Lĩnh của Trung Hoa như *Tài Quý ký* hay *Nam Hải cổ tích ký*, để thành truyện. Đền đời Lê, kẻ ngu này gộp nhặt thành tập và đặt tên là *Lĩnh Nam Chích Quái liệt truyện ...*”.

Trong bài tựa, Vũ Quỳnh viết:

“...Tháng hai năm Nhâm Tý niên hiệu Hồng Đức, kẻ ngu này mới bắt đầu chép được truyện cũ, ôm lấy không tránh khỏi chữ này xọ chữ kia. Thế là quên mình dốt nát, đem ra hiệu chính, xếp thành hai quyển *Lĩnh Nam Chích Quái liệt truyện* (1), cất ở trong nhà để tiện quan lãm. Còn như việc khảo chính, nhuận truyện thì chư vị quân tử hiếu cổ sau này há không có ai hay sao?...”.

(1) Bài tựa đầu sách *Việt Điện U Linh Tập* của Lý Tế Xuyên ghi rõ là sách viết năm Kỷ Ty, Khai Hựu nguyên niên, tức là năm 1329. *Lĩnh Nam Chích Quái* cũng vậy, bài tựa của Vũ Quỳnh cho biết ông tìm được sách này và tiến hành nhuận chính vào năm 1498.

*Lĩnh Nam Chích Quái* của Trần Thế Pháp được viết vào thế kỷ 14 và được Vũ Quỳnh và Kiều Phú biên soạn lại. Tác giả *Việt Điện U Linh Tập* dựa vào sách nay không còn nữa là *Giao Châu ký* của Tăng Côn là Thái sử *Giao Châu* đời Đường. Cả hai *Lĩnh Nam*

Chích Quái và Việt Điện U Linh Tập đều có nhiều chỗ hoang đường và ước lệ.

(Sử gia Lê Mạnh Hùng – Nhìn lại sử Việt)

(Giáo sư Lê Hữu Mục: Lĩnh Nam Chích Quái - 1959)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ** **Câu đối**

Một học trò nghèo, bữa kia phải đem áo đến cầm cho một nhà giàu, không ngờ nhà này lại là một ông quan hời huu. Ông quan trông thấy thương tình, bèn ra một vé đối thử tài:

*Quân tử cố cùng, quân tử cùng quân tử cố*

(Người quân tử bền lòng lúc cùng khổ, quân tử lúc cùng, quân tử bền lòng - Luận ngữ).

Khó ở chữ cố, vì đây lấy nghĩa nôm là cầm cố, ở chữ cùng, nghĩa nôm là cùng quẫn.

Anh học trò đối ngay:  
*Khổng Minh cầm túng, Khổng Minh túng, Khổng Minh cầm.*

(Khổng Minh bắt, tha, Khổng Minh tha, Khổng Minh bắt - Tam quốc: Khổng Minh bắt Mạnh Hoạch bảy lần lại tha).

Tài tình ở chữ cảm, lấy nghĩa nôm cảm cố như trên, chữ túng nghĩa nôm là túng tiền, vừa đối chữ, vừa đối nôm.

Vị quan cấp ngay tiền cho, khỏi cần phải ... cảm với cố!

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

### **Đất lễ quê thói với phong tục cổ truyền**

#### **An táng**

Thân nhân, theo thứ tự nhân sơ quy định, tang phục theo gia lễ, đều xếp hàng đi theo sau linh cữu. Thời xưa có cái bạt bằng vải trắng che trên đầu gọi là bạch mạc. Người con trưởng đi trước hoặc kèm sau xe quan tài theo tục "Cha đưa mẹ đón".

Hạ huyệt xong, tất cả người đi đưa đều đi vòng quanh mộ một vòng, mỗi người ném xuống một hòn đất.

Đắp mộ xong, mọi người đứng vòng quanh mộ, người hộ tang, người chấp sự tiến hành lễ thành phần.

Nghi thức chung như trên, nhiều nơi còn có tục riêng như cầu kinh, yêm bùa, nhốt con gà, cài cây lá chứa, dựng cây nêu, đóng cửa mả, đốt hình nhân... rắc vàng khâu dọc đường, cắm hương ở các mộ

xung quanh, mời người qua đường ăn trầu hút thuốc,  
đãi người đắp mộ...

### **Ngộ chữ với Thiên Cối Không**

Trên nữa là không.  
Cối không. Không còn gì nữa hết.  
Dưới nữa là không.  
Cối không. Không còn gì nữa hết.  
(Mai Thảo)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ**

#### **Ngưu là con bò tót**

Truyện dân gian có nhiều, lâu nay bị thất lạc. Muốn cho đầy đủ thì quả là khó khăn, và cũng chưa biết đến bao giờ mới đạt được. Nên phải góp nhặt từng phần từng mảnh, nhưng chúng tôi vẫn bằng lòng hàng chục năm nay với sự thu góp ấy.

Xưa, có một anh rất rành về khoa nói láo. Những câu chuyện anh ta bịa ra thần tình, khéo léo đến nỗi nhiều người đã biết tính anh ta rồi mà vẫn mắc lừa. Một thầy đồ dốt, ngồi dạy học ở nhà nọ. Có nhiều chữ thầy không biết, nên phải đi hỏi người ngoài rồi mới về dạy lại.

Một hôm dạy đến chữ "bôn" nghĩa là chạy, chữ không in lối thường mà in lối cổ, thấy ba chữ "ngưu" chồng lên nhau, đoán mãi không ra chữ gì,

mới hỏi dò người ta:

- Có giống gì khoẻ bằng ba con trâu không nhỉ?

Có người bảo:

-Có giống bò tốt.

Thầy về dạy học trò:

-Ngu ru là con bò tốt.

Hôm khác, thầy lại dạy đến chữ " đĩnh", mặt chữ thì biết, mà nghĩa thì lại không hay, nhưng vội quá không kịp đi hỏi. Thấy chữ viết giống như cái giăng cối xay, thầy bèn dạy:

-Đĩnh là giăng cối xay.

Nhà chủ thấy thầy dốt quá, đành mời thầy cấp tráp ra cửa và đọc tiền thầy một bài thơ:

Ngu ru là con bò tốt

Đĩnh là giăng cối xay

Thầy dạy hay chữ quá !

Xin thầy về đi cày....

(Vũ Ngọc Khánh - Kho tàng truyện dân gian)

### **Ngộ chữ với Thiên Phật tánh**

Một tăng sĩ hỏi Thầy mình : "Đệ tử có Phật tánh chăng ?" Thầy nói : "Không !" Tăng sĩ hỏi : "Đệ tử nghe nói rằng : Tất cả sự vật đều có Phật tánh cả ... Tại sao riêng đệ tử lại chẳng có Phật tánh ?" Thầy nói : "Bất cứ côn trùng, thú vật, cây cối, đá sạn ...đều có Phật tánh cả . Trừ ra có một mình Ngươi thôi !"

Tăng sĩ ngạc nhiên : "Tại sao có một mình đệ tử là không có Phật tánh? Lạ nhỉ !"

Thầy trả lời : " Bởi riêng có người mới đem vấn đề ấy mà đặt ra !"

### **Phở (1)**

Năm 1838, từ “phở” chưa xuất hiện trong từ điển, bởi vì trong năm này, quyển *Dictionarium Anamitico Latinum* của AJ.L Taberd (Từ điển Taberd) được xuất bản lần đầu, nhưng trong đó không có từ “phở”. Chữ *phở lở* xuất hiện trong từ điển *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* của Huỳnh-Tĩnh Paulus Của (1896) với nghĩa là “*nổi tiếng tăm*” (trang 200). Năm 1898, *phở* có mặt trong *Dictionnaire Annamite-Français* của J.F.M. Génibrel với nghĩa là “*ồn ào*” (trang 614). Trong bài *Essai sur les Tonkinois* (Khảo luận về người Bắc Kỳ) đăng trên *Revue Indochinoise* (Tạp chí Đông Dương) ngày 15-9-1907, Georges Dumonutier đã giới thiệu nhiều thức ăn uống phổ biến ở miền Bắc vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 nhưng không hề nhắc tới món phở.

Năm 1931, từ *phở* có nghĩa là một món ăn mới bắt đầu xuất hiện, ít nhất là trong quyển *Việt Nam Tự Điển* của Ban Văn học Hội Khai Trí Tiến Đức : *phở “do chữ phẩn mà ra. Món đồ ăn bằng bánh thái nhỏ nấu với thịt bò: Phở xào, phở tái”* .

Một khi từ *phở* đã xuất hiện trong từ điển thì ta có quyền tin rằng món ăn này đã phổ biến. Thật vậy, trong tác phẩm *Nhớ và ghi về Hà Nội*, nhà văn Nguyễn Công Hoan viết: “1913... trọ số 8 hàng Hải... thỉnh thoảng, tôi được ăn phở (hàng phở rong). Mỗi bát 2 xu (có bát 3 xu, 5 xu)”. Từ yếu tố này ta có thể khẳng định phở đã ra đời từ đầu thế kỷ 20.

(Vương Trung Hiếu – Nguồn gốc phở)

### **Ngộ chữ với Thiên Phép khinh thân**

Ngày xưa Phật cùng các đệ tử đi qua một khu rừng , vừa đến mé sông thấy một đạo sĩ du già ngồi ở cội cây . Phật hỏi : "Ông ở đây bao lâu và đã tu được gì ?" Đạo sĩ nói: "Tôi tu 40 năm và đã được phép khinh thân đi qua sông không cần phải ghe xuồng gì cả ."

Nói đoạn đạo sĩ niệm chú bước qua sông nhẹ như chiếc lá trước những cặp mắt thán phục của các đệ tử Phật .

Phật nói với đạo sĩ : " Tưởng gì lạ , chứ để đi qua con sông như thế mà phải tốn công tu luyện 40 năm, thật là uổng phí công phu vô ích quá ! Chỉ với đồng tiền này, người đưa đò sẽ đưa chúng tôi qua bên kia sông một cách rất dễ dàng !

## Mười tám đời vua Hùng Vương



Trong *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, Ngô Sĩ Liên chỉ gọi 18 đời vua Hùng Vương theo thứ tự số, như Hùng Vương thứ 6, Hùng Vương thứ 18, v...v... Vậy các sử gia sau này tìm ở đâu ra 18 tên và niên đại? Để trả lời cho câu hỏi này, Giáo sư sử học Nguyễn Phương trích đoạn trong *Sử Ký* của Từ Mã Thiên (1) quyển 40, trang 141, cột ba:

“...Đời Thành Vương nhà Chu có họ Hùng đất Sở được vua phong cho đứng đầu các giống man di ở đây. Họ Hùng truyền được 20 đời: Hùng Dịch, Hùng Nghệ, v...v...”

Với ghi chép trên của Tư Mã Thiên, các sử gia ta sau này tạo dựng lên đầy đủ tên 18 vua Hùng (2) và tuổi thọ mỗi vị vua trung bình là...145 năm.

(1) Sử Trung Hoa trước sau không hề nhắc đến 18 đời vua Hùng Vương của ta.

(2) Hiện trong tay người sưu tầm có tới 3 (ba) bản tên của vua Hùng...khác nhau.

(Giáo sư Nguyễn Lý Tường – Thuyền ai đọi bến Văn Lâu)

## **Đặt lễ quê thói với phong tục cổ truyền**

### **Tại sao**

-Tại sao có tục đặt một bát com úp, một quả trứng, dựng đôi đũa trên bát com, cài quả trứng vào giữa hai chiếc đũa rồi thắp hương đặt lên trên đầu người chết suốt trong thời gian chưa nhập quan?

-Tại sao người ta cắm một cái cọc bằng kim loại suốt chân giường người chết?

-Tại sao khi chưa nhập quan, người ta luôn luôn thắp hương nén (nếu không có nén thì thắp ngọn đèn dầu) cho đến khi hạ huyệt không để tắt hương đèn?

-Tại sao hai bên hương án, phía gần kê áo quan, người ta đặt hai cây chuối con?

-Tại sao có tục dựng bó đuốc to ở giữa sân vào ban đêm trước lễ an táng (nếu để qua đêm), con cháu và

thân nhân túc trực quanh linh cữu (lễ "Chúc thực" ban đêm, nghĩa là "lễ trông bó đuốc"?)

-Tại sao có tục kiêng ngăn người nhà không được đứng cạnh thi hài mà khóc, tránh nhỏ nước mắt vào thi hài?

- Tại sao sau lễ nhập quan phải đốt lỗ hung (lỗ đào ở chính giữa giường người mới chết nằm khi chưa nhập quan. Chất đốt có thể dùng trấu, than, củi hoặc giẻ rách...).

-Tại sao lễ tang là việc buồn lại đốt pháo? (Tục này chỉ có ở thành phố đối với người già).

-Tại sao phải nhốt mèo khi nhà có người mới chết ?

-Tại sao khi người chết trong nhà, người ta phải trèo lên mái nhà dỡ một vài viên ngói, hoặc lá tranh (đối với nhà bịt nóc và ít cửa)?

## **Ngộ chữ với Thiên**

### **Chữ**

Trong Kinh thi thể Đại nhã có chép rằng:

“Say là tại uống rượu...?”

(nguồn sách Mạnh Tử)

## Đền Hùng Vương



Đền Hùng thờ 18 đời Hùng Vương ở núi Nghĩa Lĩnh, thuộc huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú (Phụ Thọ). Theo *Đại Nam nhất thống chí*, sau khi Hùng Vương mất, theo văn bia, thần tích, ngọc phả thì chính An Dương Vương vì cảm kích được Hùng Vương nhường ngôi, đã lên núi Nghĩa Lĩnh dựng miếu thờ. (1) & (2).

Tuy nhiên những thần tích và ngọc phả khi được viết lại bởi các nhà nho sau ghi chép đầy đủ 18 đời vua với đầy đủ duệ hiệu, phả hệ các vua Hùng với tên tuổi cùng thời gian trị vì vào thời An Dương Vương là một điều chắc chắn không xảy ra: Vì tập quán này chỉ xuất hiện vào đời Lý. Hầu hết những thần tích, ngọc phả được ghi chép vào khoảng thế kỷ 18 dưới thời Lê Trung Hưng.

Lại nữa, hiệu các vua Hùng trong ngọc phả toàn bằng chữ Hán, một điều không xảy ra được nữa: Vì

vào thời vua Hùng, chúng ta hoàn toàn chưa tiếp xúc gì với người Hán cả.

(1) Có người còn sửa lại bản “Cổ Việt Hùng thị thiên thế thánh vương ngọc phá cổ truyện” được cho làm từ thời Lê Thánh Tông (1470) nay còn để ở đền Hùng.

(2) Cho đến nay, không có sử liệu dẫn chứng đền Hùng được dựng năm nào? Chỉ biết rằng đền Hùng ngày nay được xây cất lại thời Pháp, trước thời kỳ *Đại khủng hoảng kinh tế thế giới* hay sau *Thế chiến thứ nhất* thời Pháp thuộc. (Nguồn: Tạ Chí Đại Trường)

(Lê Mạnh Hùng – Nhìn lại sử Việt)

### **Giai thoại làng văn**

Tô Hoài đặc biệt rất chú ý học chữ. Ông chê nhiều người viết văn bây giờ thiếu chữ và dùng chữ rất ẩu. Nhiều chữ họ không hiểu. Làm văn thì phải học chữ. Có cách học và chịu khó thì lúc nào cũng học được. Ngôn ngữ Việt Nam rất phong phú về những từ tế nhị như những từ chung quanh chuyện ăn, uống, chết...

Ông biên soạn một cuốn từ điển về từ ngữ các nghề nghiệp. Ông thấy tiếng Việt ta có chữ “ăn nằm” rất hay, tránh nói thô. Ông phân biệt “mòm” với “miệng”. Nói “miệng” sang hơn nói “mòm”. Cờ nhà chùa thì phải gọi là cờ “điều” chứ không phải là cờ

đỏ, sơn đen thì phải gọi là sơn “then”, quần đen thì phải gọi quần “thâm”...

Có một chuyện rất vui là, vào những năm 60 của thế kỉ trước, Phạm Văn Đồng có đề xướng một cuộc vận động gọi là “Gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt”. Ông triệu tập một số nhà văn, nhà ngôn ngữ để trao đổi về vấn đề này.

Tô Hoài không được mời vì bị coi là *viết sai tiếng Việt, sai ngữ pháp, nghĩa là vi phạm vào sự trong sáng của tiếng Việt (!)*.

Chính Tô Hoài nói cho tôi biết chuyện này!

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

## Phở

Có giả thuyết cho rằng phở bắt nguồn từ món *pot-au-feu* của Pháp. *Phở* là cách nói tắt của *pot-au-feu* (nói trại âm tiết *feu*). Quan điểm này được củng cố bằng quyển *Dictionnaire Annamite-Chinois-Français* của Gustave Hue (1937) với định nghĩa: “*Cháo phở: pot-au-feu*” (trang 745).

Chúng tôi thật sự không hiểu: *pot-au-feu* là món thịt bò hầm của Pháp, nước có thể làm súp, chế biến nước sốt, nấu rau hay mì ống, tại sao lại có thể ghép món này với *cháo phở* của Việt Nam, cho dù trong giai đoạn ấy, do ảnh hưởng người Pháp, người Việt đã bắt đầu làm quen với việc ăn thịt bò và đã biết

nấu món cháo thịt bò. Trên thực tế, xét về nguyên liệu, cách chế biến và cả cách ăn thì phở và pot-au-feu là hai món hoàn toàn khác nhau.

Theo Wikipedia, pot-au-feu là món thịt bò hầm với cà rốt, củ cải, tỏi tây, cần tây, hành tây; kết hợp với rau thơm, muối, tiêu đen và đinh hương... Thịt bò sử dụng cho món này thường dày và to (chưa kể đuôi, xương sườn, sụn, cổ chân...), trong khi đó thịt bò trong phở lại mỏng và nhỏ; mặt khác, những thứ như cà rốt, củ cải, tỏi tây... không phải là nguyên liệu để làm phở, mùi vị pot-au-feu cũng không giống như phở. Người Pháp ăn món này với bánh mì, khoai tây, dùng muối thô, mù tạt Dijon, đôi khi cũng ăn với dưa chuột ri ngâm giấm chứ không ăn với bánh phở. Do đó, thật sai lầm khi cho rằng phở có nguồn gốc từ món pot-au-feu.

(Vương Trung Hiếu – Nguồn gốc phở)

### **Tiêu sơn tráng sĩ**

*Tiêu sơn tráng sĩ* là cuốn tiểu thuyết lịch sử hay nhất của văn học Việt Nam từ *Nam triều công nghiệp diễn chí* của Nguyễn Khoa Chiêm (1659-1736), *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô gia văn phái đến ngày nay. Tiểu thuyết lịch sử luôn luôn lôi cuốn, làm cho chúng ta thích thú, bởi các biến cố dồn dập, các tác động vũ bão, các nhân vật từ trong chính sử bước ra với *những cử chỉ, ngôn ngữ của*

một thời khác, được sinh động lại dưới mắt ta. Sự thành công đầu tiên của một tiểu thuyết lịch sử là gây lại được *không khí lịch sử* của thời mà truyện xảy ra. Trong những tác phẩm kinh điển như Đông Chu Liệt Quốc, Tam Quốc Chí, của Tào, hoặc Hoàng Lê Nhất Thống Chí của ta, các tác giả xây dựng *không khí* bằng ngôn ngữ và hành động của nhân vật. Đối thoại và hành động rất cần thiết nhưng chưa đủ để tạo dựng lại một triều đại, còn phải nhờ vào tình tiết éo le, và nhất là phải biết cách ép thời gian lại, tức là dồn rất nhiều biến cố chặt ních trong một trang sách. Nói tóm lại tiểu thuyết lịch sử cổ điển dựa trên ba nguyên tắc: tình tiết ly kỳ, đối thoại đốp chát và hành động xuất thần.

(Khái Hưng 1896/1947 – Thụy Khuê)

### **Ngộ chữ với Thiên Không phải gió, không phải phướn**

Hai vị tăng đang tranh luận về một lá phướn. Một vị nói: "Lá phướn đang động." Vị kia cãi: "Gió đang động."

Lục-tổ [Đại Giác Huệ Năng: Daikan E 'no (J); Daijian Huineng (C), 638-713 - LND] tình cờ đi qua. Ngài bảo họ: "Chẳng phải gió, Chẳng phải phướn, tâm đang động"

## Sự phát triển của tiếng Việt

### Đại Nam Việt Quốc Triều Sử Ký (1879)

Đây là một tác phẩm sử học viết bằng chữ quốc ngữ, in lần đầu năm 1879 tại Sài Gòn, do các linh mục địa phận Nam kỳ ở Tân Định biên soạn và sửa chữa ở những lần in lại (lần 5, 1909).

Tập sử này là dấu tích chữ quốc ngữ và việc học sử ở Nam kỳ vào cuối thế kỷ XIX. Đặc biệt, tác phẩm này cung cấp nhiều tài liệu giá trị, mới mẻ về Tây Sơn và vua Gia Long chưa từng được các sách sử khác nói đến. Tựa sách và ở nhiều nơi gọi Tây Sơn là ngụy hay giặc, nhìn chung các tác giả có quan điểm gần với các sử quan nhà Nguyễn, nhưng Gia Long hay Nguyễn Ánh đều "được" gọi là Ông. Khen chê Tây Sơn và nhà Nguyễn khách quan hơn và khác với quan điểm của sử thần nhà Nguyễn. Một đoạn nói lên nỗi khổ của người dân giữa hai lần "đạn":

"Sau nữa, dầu quân Tây Sơn, dầu ông Hoàng Tôn (cháu đích tôn Vũ Vương) thì cũng lấy điều dữ mà nộ nạt thiên hạ và bắt người ta theo mình bằng như nói lời bảo không thì chẳng ra ích gì. Bởi đó cho nên thiên hạ cực khổ lắm phải còn giặc hai bên chỉ đánh nhau mãi. Khi thì bên nọ được khi thì bên kia, mà người ta chẳng biết vâng ai, chẳng biết mình thuộc về ai. Hoặc bên nọ được xứ nào một ít lâu, mà đến

sau phải thua lui thì nhường chỗ, thì bên kia liền bắt tội những người xú ấy, vì khi trước đã giúp quân giặc"

(Nguyễn Vy Khanh - Tiếng Việt một số tác phẩm mới phát hiện)

### Thần Kim Quy



Trong *Lĩnh Nam Chích Quái* với truyện “Thần Kim Quy”:

“...Vua An Dương Vương nước Âu Lạc là người Ba Thục, họ Thục tên Phán. Nhân vì tổ phụ khi trước (?) cầu hôn lấy My Nương là con gái Hùng Vương không được nên mang oán. Phán muốn hoàn thành chí trước, cử binh đánh Hùng Vương diệt nước Văn Lang, cải hiệu là Âu Lạc, Rồi lên làm vua, xây thành ở đất Việt Thường...”.

- *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* chép lại gần giống y hệt như *Lĩnh Nam Chích Quái*, chỉ nói khác rằng vua đóng đô và xây thành Cổ Loa tại Chu Diên. Thế

nhưng Việt Thường và Chu Diên là tên các huyện mà Trung Quốc gọi...*sau này*. Việt Thường nằm ở Châu Hoan (Nghệ An) và Chu Dương thuộc vùng Hải Dương, Thái Bình. Cả hai chỗ không trùng với địa điểm Cổ Loa hiện nay. Vì vậy có nhiều sử gia và biên khảo cho là thành của An Dương Vương là thành (1) của Mã Viện xây cất lên để chống Hai Bà Trưng.

(1) Hai Bà Trưng nổi lên đánh phá quân Hán chiếm được 60 thành. Con số 60 thành đây nên hiểu không phải là thành quách to lớn hoặc thành trì kiên cố mà chỉ là thành nhỏ quân Hán dựng lên bằng tre hay đất tạm thời để phòng ngự. Và người Hán gọi 60 căn cứ ấy là...“thành”. (Nguồn: Giáo sư Nguyễn Lý Tường – Thuyền ai đợi bến Văn Lâu)

- Đến thế kỷ 19, một số sử thần nhà Nguyễn tỏ ý hoài nghi An Dương Vương ở đất Ba Thục (2). Vì vậy Nguyễn Văn Siêu nghi ngờ sự có mặt của thành vua Thục (Cổ Loa) trên đất Giao Chỉ là của ai đó. Vì đất Ba Thục thời xưa ở Tứ Xuyên cách Giao Chỉ rất xa, phải đi qua nhiều vương quốc khác. Lại nữa nhằm vào niên đại của An Dương Vương trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư thì đất Ba Thục không còn nữa từ hơn một thế kỷ trước. Trước khi An Dương Vương xuất hiện vì đã bị nước Tần tiêu diệt vào năm 315 trước Công Nguyên.

(2) Sử ký của Tư Mã Thiên, chương Nam Việt Úy Đà (Triệu Đà) liệt truyện viết nước Thục của An Dương Vương ở Quảng Tây. Rồi thành lập nước Tây Âu Lạc với thành Cổ Loa “9” vòng ở đồng bằng Tây Giang. Tư Mã Thiên khẳng định nhiều lần: Nước Tây Âu Lạc của người Âu Lạc.

(Sử gia Lê Mạnh Hùng – Nhìn lại sử Việt)

### Giai thoại làng văn xóm chữ

#### Tam đại con gà

Truyện dân gian có nhiều, lâu nay bị thất lạc. Muốn cho đầy đủ thì quả là khó khăn, và cũng chưa biết đến bao giờ mới đạt được. Nên phải góp nhặt từng phần từng mảnh, nhưng chúng tôi vẫn bằng lòng hàng chục năm nay với sự thu góp ấy.

Xưa, có anh học trò học hành dốt nát, nhưng trò đòi "xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ", đi đâu cũng lên mặt văn hay chữ tốt. Có người tưởng anh ta hay chữ thật, mới đón về dạy trẻ. Một hôm, dạy sách Tam Thiên Tự, sau chữ " tước" là chim sẻ, đến chữ "kê" là gà, thầy thấy mặt chữ nhiều nét rắc rối, không biết chữ gì, học trò lại hỏi gấp, thầy cuống, nói liều: Dù dĩ là con dù dĩ.

Thầy cũng khôn, sợ nhớ sai người nào biết thì xấu hổ, mới bảo học trò đọc khe khẽ, tuy vậy trong lòng thầy vẫn thấp thỏm. Nhân trong nhà có bàn thờ thổ

công, thầy mới đến khẩn thềm xin ba đài âm dương (1) để xem chữ ấy có phải thật là "dù dỉ" không. Thỏ công cho ba đài được cả ba. Thấy vậy thầy lấy làm đắc chí lắm, hôm sau bệ vệ ngồi trên giường, bảo trẻ đọc cho to. Trò vâng lời thầy, gân cổ lên gào:

-Dù dỉ là con dù dỉ.... Dù dỉ là con dù dỉ....

Bố chúng đang cuộc đất ngoài vườn nghe tiếng học, ngạc nhiên bỏ cuộc chạy vào, giở sách ra xem, hỏi thầy:

-Chết chữa ! "kê" là gà, sao thầy lại dạy ra "dù dỉ" là con "dù dỉ"?

Bấy giờ thầy mới nghĩ thầm: "Minh đã dốt, thỏ công nhà nó cũng dốt nữa, nhưng nhanh trí thầy vội nói gỡ:

-Tôi vẫn biết, chữ ấy là chữ kê mà kê nghĩa là gà, nhưng tôi dạy cháu thế là dạy cho nó biết tận tam đại con gà kia.

Nhà chủ càng không hiểu hỏi:

-Tam đại con gà nghĩa là làm sao?

-Thế này nhé ! Dù dỉ là "chị con công", con công là ông con gà.

(Vũ Ngọc Khánh - Kho tàng truyện dân gian)

## Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền

### Tại sao

Những câu hỏi kỳ trước cùng có chung một câu trả lời: Đó là kinh nghiệm dân gian, dùng phép thuật điều hoà khí âm dương, thu hút tà khí để phòng chống hơi lạnh và phòng xa hiện tượng "Quý nhập tràng". Xuất phát từ kinh nghiệm, dần dần bắt trước nhau trở thành phong tục.

Dùng khói lửa, ánh sáng mặt trời (đốt hương, nến, đèn, đuốc, than, trấu, dỡ mái nhà, mở rộng cửa, đào lỗ hung, đốt pháo...) để triệt tiêu hơi lạnh. Dùng bát com, quả trứng, cây chuối... để thu hút hơi lạnh (nếu bỏ đôi quả trứng, có nhiều lòng đỏ đã trở nên xanh thẫm giống như những quả trứng dùng để đánh gió.). Nhốt mèo để đề phòng mèo nhảy qua xác chết, kiêng khóc nhỏ nước mắt vào thi hài hoặc cắm cọc kim loại dưới giường người chết, dỡ mái nhà... là những thuật triệt tiêu luồng điện âm dương hút nhau.

Ngoài ra, những người đến dự lễ tang, nhất dự khâm liệm còn có những thuật khác để phòng chống hơi lạnh như ngâm gừng sống, uống nước lá nhót, ăn trà và xông khói vô bụi, bỏ kết trước và sau khi đến lễ tang.

## Phở

Người ta cho rằng phở có nguồn gốc từ món *Ngưu nhục phấn* của Trung Quốc, một món làm từ bún và thịt bò (*ngưu* 牛: bò; *nhục* 肉: thịt và *phấn* 粉: bún, bột gạo dạng sợi).

Món này đọc theo tiếng Quảng Đông là Ngâu- yục - *phấn*. Vào đầu thế kỷ 20, nhiều người Trung Quốc đã bán món *Ngưu nhục phấn* tại Hà Nội. Ban đêm họ đi rao hàng “ngâu.. yục.. *phấn* ..a” rồi dần dần hô tắt còn “yục ... *phấn*...a” rồi “*phấn*...a” và cuối cùng hô trại thành “phở”. Quan điểm này giống như ghi nhận trong quyển *Việt Nam Tự Điển* của Hội Khai Trí Tiến Đức (đã nêu trên): *phở* “do chữ *phấn* mà ra”.)

Thêm định nghĩa về phở trong quyển Dictionnaire Annamite-Chinois-Français (Từ điển An Nam-Trung Hoa –Pháp) của Gustave Hue (1937), trong đó có đoạn: “*Abréviation de “lục phở: phở xào: beignet farci et sauté”* nghĩa là “viết tắt của từ “lục phở”: phở xào: thứ bánh có nhân và được chiên”. Nhiều người thắc mắc, không biết “lục phở” là cái gì. Tương truyền rằng ngày xưa, các cụ đồ làng Mịn (xã Văn môn, Yên phong, Bắc Ninh) có sáng tác một bài thơ nói về chợ Đồng Xuân, để các cô đi chợ ngâm nga, trong đó có câu liên quan tới “lục phở”, xin trích đoạn sau:

(----)

Công chợ có chị bán hoa  
 Có chú đôi bạc đi ra đi vào  
 Có hàng lục phở bán rao  
 Kẹo cao, kẹo đoạn, miến sào, bún bung  
 Lại thêm bánh rán, kẹo vừng  
 Trước mặt hàng trà, sau lưng hàng giò

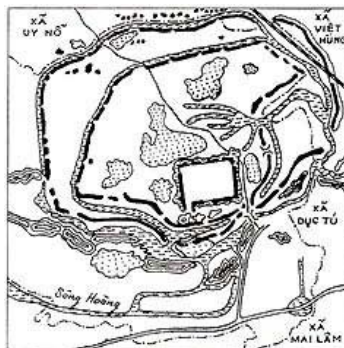
.....

Trong quyển Dictionnaire Vietnamien Chinois Francais của Eugène Gouin (Saigon, 1957) có một đoạn viết về từ “lục phở”: “*abréviation de "lục phở": bouilli - cháo - pot au feu"...*, “*Lục phở: prononciation cantonaise des caractères chinois: (ngưu) nhục phần" bouilli de boeuf*. Vậy, “phở” là từ rút ngắn của “lục phở”, còn “lục phở” là từ phát âm của “(ngưu) nhục phần” trong tiếng Trung Hoa.

Đến năm 1970, Nhà sách Khai Trí xuất bản quyển Việt Nam Tự-điền, do Lê Ngọc Trụ hiệu đính thì quan điểm này càng thêm phần vững chắc hơn, trong đó định nghĩa “phở” như sau: “*Món ăn bằng bột gạo tráng mỏng hấp chín xắt thành sợi nấu với thịt bò (do tiếng Tàu “Ngâu-dục-phản” tức “Ngưu-nhục-phần” mà ra: Ăn phở, bán phở*”, trang 1169, tập 2).

(Vương Trung Hiếu – Nguồn gốc phở)

## Thành Cổ Loa



Thành Cổ Loa được “Thần Kim Quy” trong *Lĩnh Nam Chích Quái* giúp xây dựng. Và là một điều (tưởng là) thành công của những nhà sử học, biên khảo lấy huyền thoại chấp vá, gán ghép thành lịch sử.

Tiếc thay khoa học lại hại người: Năm 1960, những nhà sử học, biên khảo miền Bắc đã “cắt” mặt bằng của thành (bình đồ) thì thấy đất đắp thành thuộc đời Hán là sớm nhất. Thật khó hình dung kinh đô Âu Lạc mà nền đất cát rải ra toàn đồ vật Hán. Thế là có người đoán chừng thành của Mã Viện xây có tên là “Kiến thành” (thành Kén).

Các nhà sử gia Hà Nội cứ lờ đi thành quả của những nhà khảo cổ đã mất công đào xới. Mà cứ thần nhiên coi ngôi thành sừng sững trước mắt là của thần Kim Quy dựng lên.

Sử gia sùng mộ Cổ Loa cũng nên biết học giả Trung Quốc cũng đã vừa tìm một “thành loa” khác nữa ở địa điểm Ngô Gia thuộc Giang Tô. Theo họ thì đó là “Vương thành” của nước Việt (Câu Tiễn). Vương thành cũng có 3 vòng như thành Cổ Loa và vòng

thành trong cũng hình chữ nhật như thành Cổ Loa (1) & (2).

(1) Cái tên Cổ Loa là do người sau đặt ra vào đời Lê được coi như là của An Dương Vương. Chứ còn tên thật của nó nếu mà do An Dương Vương dựng lên và đặt ra thì không ai biết. Tài liệu của Trung Quốc chỉ nhắc đến những tên Việt vương thành, Việt vương cố thành hay Vương thành của nước Việt Câu Tiễn.

(2) Theo các nhà ngôn ngữ học đất này tiếng người Mường gọi là “*Klu*” là địa danh cố. Người Việt mình đọc trại đi “*Klu*” là...”cố”, là...Cổ Loa.

(Sử gia Tạ Chí Đại Trường – Sử Việt đọc vài quyển)

## **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

### **Tại sao**

Quỷ nhập tràng (trích lục lại)

Đó là hiện tượng xác chết tự nhiên bật dậy. Hiện tượng này rất hiếm nhưng đã xảy ra, do đó trong phong tục đã có sự kiêng cữ để phòng xa, gọi là "Quỷ nhập tràng" nhưng thực ra không có ma quỷ nào nhập vào xác chết.

Nguyên nhân:

Do điện âm tích tụ trong thi thể người mới chết chưa kịp thoát ra hết, gặp phải luồng điện dương cực mạnh cuốn hút. Xác chết tự nhiên bật dậy là do sự cuốn hút bởi một ngoại lực có cảm ứng điện trường.

Vì vậy theo quan niệm dân gian, khi trong nhà có người mới chết kiêng cự nhất là không để cho con mèo bắt thần nhảy qua xác chết (người ta phải canh giữ, phải nhốt mèo lại). Đã có trường hợp, chén rượu hắt văng vào xác chết, giọt nước mắt có hơi ấm nhỏ vào xác chết cũng tạo thành luồng khí, có thể cuốn hút xác chết bật dậy nhưng ngã xuống ngay tức thì.

Hiện tượng xác chết đuôi theo người sống: Xác chết không thể bước đi được mà do hơi nóng của người sống cuốn hút, hoặc trường hợp có luồng không khí đối lưu cân bằng khi xác chết ở tư thế đứng song song với người sống. Việc dỡ ngói hay tranh trên mái nhà để ánh sáng mặt trời trực tiếp rọi vào cũng nhằm triệt tiêu hiện tượng cuốn hút đó.

## **Phở**

Một số người lại dựa theo bài “*Phở, phởn, phỉa...*” của Nguyễn Dư, dẫn chứng quyển *Technique du peuple annamite* (Kỹ thuật của người An Nam, 1908 - 1909) của Henri Oger để củng cố quan điểm này. Họ giới thiệu hai bức tranh khắc, bức đầu tiên (mang số 26 trong tập tranh 4577 bức) miêu tả một người đàn ông với gánh hàng rong, kèm theo chú thích

“*Chinois vendeur ambulante à la tombée de la nuit*” (Người Tàu bán hàng trong buổi tối - Trần Đình Bình dịch). Nhưng họ không thể khẳng định người đàn ông ấy bán cái gì, chỉ bảo rằng gánh hàng trông giống như gánh phở ở Hà Nội ngày xưa); bức còn lại là hình vẽ một thùng chứa có dòng chữ *hàng nhục phấn* 行肉粉, họ cho rằng giống như thùng của gánh hàng trong bức đầu tiên. Thế là họ vội khẳng định dòng chữ ấy nói về món *Nguru nhục phấn* 牛肉粉, và bán *Nguru nhục phấn* có nghĩa là bán *phở*, hay nói cách khác, *phở* chính là *Nguru nhục phấn* (!).



hàng nhục phấn

Tuy nhiên, nếu nhìn kỹ bức tranh thứ nhất ta sẽ thấy rằng người bán hàng có tóc đuôi sam, vậy người đó là Hoa kiều, bán món *nhục phấn* 肉粉 ở Hà Nội chứ không phải người Việt Nam bán phở. Rất tiếc là không ai miêu tả gánh hàng Nguru nhục phấn ra làm sao để đối chiếu với gánh phở. Có khả năng gánh “*nhục phấn*” giống gánh “*phở*” chăng?

(Vương Trung Hiếu – Nguồn gốc phở)

## **Giai thoại làng văn xóm chữ Đại điểm quần thần**

Nguyễn văn Tâm được người Pháp cất nhắc làm quan lớn. Tâm lấy làm tự đắc lắm. Phú quý sinh lễ nghĩa, quan lớn nhà ta cũng muốn có bức hoành, trưng để trang trí. Có người dâng lên quan bốn chữ đại tự *Đại Điểm Quần Thần*, viết chân phương, rất đẹp và giải thích Quần thần là người bề tôi, Đại điểm là điểm lớn, ý nói quan lớn là người bề tôi có vị trí to lớn, quan trọng.

Quan thích thú treo bức liễn trong phòng khách; ai đến thăm quan cũng đem khoe và giải thích như trên. Ít lâu sau có người đến ngắm bức liễn, rồi xin quan lớn dẹp đi. Quan ngạc nhiên hỏi, người ấy giải thích: người viết liễn đã cố ý bỡn quan lớn, mà quan không biết. Bốn chữ trên dịch từng chữ: *Đại điểm* là *chấm to*; *Quần thần* là *bề tôi*, nói theo kiểu nói lái là *bầy tôi*. *Đại Điểm Quần Thần* là *Chấm To Bầy Tôi* nói lái lại là *Chó Tâm Bồi Tây*.

(Hòa Đa – Nói lái)

## **Sự phát triển của tiếng Việt**

### **Đại Nam Việt Quốc Triều Sử Ký (1879)**

"*Đức Thầy (Bá Đa Lộc) biết ý vua thế nào nên đã xin lại vua An Nam dù cực khổ thế nào thì đừng tin*

*cây vua Xiêm, vì vua ấy có ý làm hại nước Nam mà thôi. Cho nên khi Đức Thầy còn ở bên Xiêm mà xin phép về thì chẳng nói tỏ mình có ý đi giúp vua An Nam một lấy lẽ khác, người lại thử lòng vua và các quan Xiêm thì người biết được mọi sự. Vậy người lại vào trong cõi Hòn Dừa ở lại hai tháng tròn mà vua bàn các việc cùng người. Các quan đã bỏ vua hết, còn một chiếc tàu và ba trăm quân mà thôi"*

*"... Vậy vua thiếu thốn thế ấy thì xin Đức Thầy Vêrô (Bá Đa Lộc) chịu sang bên Tây xin vua Pha lang sai nhiều binh sĩ cứu giúp mình. Vua giao ấn nhà nước cùng ban phép rộng cho người được giao cùng vua Pha lang sa thế nào thì mình sẽ vâng thế ấy"*

Toàn bộ cuốn sử này viết từ thời kỳ Vũ Vương đến thời vua Gia Long, sách không liệt kê các nguồn tài liệu hoặc nhân chứng và có nhiều sai lầm về tên gọi như các quốc hiệu nước ta, chỉ dùng "Giao Chỉ", "An-Nam" để gọi chung. Việc này dễ hiểu vì trước thế kỷ XX, thi Hương chỉ thi Bắc sử (Trung Hoa), đến đầu thế kỷ XX mới cho học và thi Nam sử; và cuốn sử duy nhất là bộ Đại Việt Sử Ký Toàn Thư khắc in từ cuối thế kỷ XVII mà không phải ai cũng có ở tầm tay trong hệ thống in ấn và thư viện ngày xưa. Đó là lý do của những sai lầm trên. Tác phẩm sử này có thể viết từ tài liệu riêng của các giáo sĩ nhân chứng thời kỳ lịch sử đó. Đặc biệt của tập Đại Nam Việt Quốc Triều Sử Ký là quan điểm không theo chính sử và những chi tiết cụ thể kể lại với một

ngôn từ bình dị của cuối thế kỷ XIX chứ không như những bộ sử chính thức. Một cuốn sử viết theo lối Tây phương, của những người dân thường, Công giáo, ở miền Nam. Gần đây có khuynh hướng xét lại "công tội" của hai vua Nguyễn Huệ và Nguyễn Ánh, chúng tôi tin cuốn sử đặc biệt này sẽ giúp ích không nhỏ (...)

(Nguyễn Vy Khanh - Tiếng Việt một số tác phẩm mới phát hiện)

### **Kho tên Cầu Vực**



Năm 1959, các nhà khảo cổ miền Bắc ngẫu nhiên tìm được ở vùng đất Cầu Vực bên trong khu vực thành Cổ Loa một kho tên đồng chứa đến hàng ngàn mũi tên đủ loại. Kho tên này được đặt tên là “Kho tên Cầu Vực” như bằng cứ không thể chối cãi về thuyết nỏ thần với móng rồng của thần Kim Quy trong *Lĩnh Nam Chích Quái*.

Thế nhưng về phương pháp cổ học, không ai ngạc nhiên là tự hỏi tại sao kho tên còn nguyên vẹn. Và không một ai cất công thử tìm hiểu (1) thêm là các

mũi tên Cầu Vực sao lại có dáng của những mũi tên tìm thấy ở đảo Trường Sa (2).

(1) Trong lần phát biểu tại Đại học Paris năm 1988, chính Văn Tạo, Viện trưởng Viện Sử học đã tuyên bố: “Chúng tôi không viết sử để làm công trình sử học mà là để góp phần xây dựng chế độ mới”. (Dẫn từ Hugues Tertrais – “Historical Research in VN”)

(2) Những tên đồng ngoài đảo Hoàng Sa giống y hệt như kho tên Cầu Vực trên đất liền do nhà khảo cổ Trung Quốc tìm thấy.

(Sử gia Tạ Chí Đại Trường – Những bài văn sử)

## Phở

Theo chúng tôi, *ngưu nhục phần* và *phở* là hai món ăn khác nhau. Từ điển bách khoa Baikke của Trung Quốc cho biết, tùy theo địa phương, nguyên liệu và cách chế biến ngưu nhục phần có thay đổi đôi chút, song nhìn chung, nguyên liệu gồm có: thịt bò, nước súp, bánh bột sơi, củ cải chua, dưa cải bắp, bơ, hành, tiêu, tỏi, dâu tây, rau thì là, quế, muối, gừng, hạt tiêu đỏ sấy khô, rau mùi tây, ớt khô, bột ngọt, tinh dầu hạt cải...

Trong khi đó, thành phần chính của phở gồm có sợi phở, nước dùng (ninh từ xương ống lợn/bò và một số gia vị khác), thịt bò bắp (để làm thịt chín), thịt thăn mềm (để làm thịt tái), con sá sùng, tôm nõn,

hành khô, gừng, dưa, hạt nêm, thảo quả nướng, hành tây, hành hoa, húng bạc hà, chanh, ớt, rau thơm...

Xét về nguyên liệu, ngưi nhục phần sử dụng củ cải chua, dưa cải bắp, bơ, tinh dầu hạt cải...những thứ không dùng để chế biến phở; ngược lại phở sử dụng con sá sùng, chanh, ớt, rau thơm...những thứ không thấy khi làm món ngưi nhục phần.

(Vương Trung Hiếu – Nguồn gốc phở)

## **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

### **Lễ tế ngu**

Tục này có nơi tính ba ngày sau khi mất, có nơi tính ba ngày sau khi chôn. Xét trong điển lễ thì không có "lễ ba ngày" mà chỉ có "lễ tế ngu" gồm có "sơ ngu", "tái ngu", "tam ngu". "ngu" nghĩa là "yên", tức là ba lần tế lễ cho yên hồn phách, theo "Thọ mai gia lễ" thì khi chôn xong, rước linh vị về đến nhà tế sơ ngu. Làm sơ ngu xong gặp ngày nhu, (tức là át, kỷ, tân, quý) làm lễ tái ngu, gặp ngày cương (tức là ngày giáp, bính, mậu, canh, nhâm) làm lễ tam ngu. Phan Kế Bính cũng dẫn giải như trên.

Dần dần về sau người ta giảm lược, kiêm cả ba lễ luôn, chỉ làm lễ tam ngu, vì thế nên gọi là lễ ba ngày. Vậy là tính ba ngày từ sau khi chôn, theo tục gọi là lễ mở cửa mả. Ngày đó con cháu ra sửa lại mộ

mả, đắp cỏ, khơi rãnh thoát nước... Ngu là té ngu, té chỉ té người chết, té thần. Theo phong tục cũ thì ít khi chết xong chôn ngay, thường còn để năm bảy ngày trong nhà. Khi chưa chôn làm lễ triêu tịch điện, tức cúng cơm hàng ngày vẫn theo lễ thờ người sống. Vậy té ngu phải tính từ sau khi chôn.

Lập luận khác: Có ba điều không yên khiến phải làm lễ té ngu:

- Đang sống hoạt động nay mọi hoạt động bỗng nhiên đình chỉ.
- Đang nhìn thấy bóng dáng, khi đã nhập quan không nhìn thấy bóng dáng nữa.
- Đang ở trên dương thế, nay xác về cõi âm, hồn vất vương lìa khỏi xác. Âm dương hoàn toàn cách biệt từ sau lễ thành phần. Sơ ngu, tái ngu, tam ngu là té để làm cho yên hồn phách, vậy phải té sau khi mát, sau khi lễ nhập quan và sau khi lễ thành phần xong.

### **Thành viên Tự Lực văn đoàn**

Tờ Phong Hóa do Phạm Hữu Ninh, Nguyễn Xuân Mai chủ trương đến số 14 thì đình bản. Nhất Linh điều đình và tục bản ngày 22.9.1932, Tự Lực văn đoàn hiện hữu ngay từ lúc đó đúng 7 năm cho đến tháng 9.1939.

Nếu căn cứ danh sách thành viên ngoài bìa sách Tự Lực văn đoàn gồm có: Nhất Linh, Khái Hưng,

Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ và Tú Mỡ (6 người).

Bà Nguyễn Thị Thế, em ruột Nhất Linh, trong *Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường* có thêm Nguyễn Gia Trí (thất hiền, tức 7 người).

Theo quyển *Nhất Linh trong tiến trình hiện đại hóa văn học* của Vũ Gia thì có mặt Xuân Diệu (thành bát tú, 8 người).

*Nguyệt san Làng Văn* thêm vào Đỗ Đức Thu, Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam, Tường Hùng (11 người).

Giáo sư Lưu Trung Khảo trong *Trên sông Hồng cuộn cuộn* của Nguyễn Tường Bách đã tặng nhân sự (12 người).

Nhà sử học Vũ Ngự Chiêu trong *Việt Nam niên biểu III phần Nhân vật chí* ghi Lý Đông A (đảng trưởng Duy Dân) cũng là thành viên của Tự Lực văn đoàn.

Nhà văn Đặng Trần Huân trong *Huyền thoại Tự Lực văn đoàn* xông bút: “Chúng ta nên chấp nhận 5 vị nguyên thủy đã sáng lập nên Tự Lực văn đoàn mà chẳng nên tự ý cương ra những điều mập mờ chưa rõ làm rối trí người đi sau”.

(Trần Bích San – Văn Khảo)

### **An Nam đồ chí**

Ngô Sĩ Liên đã thay thế Triệu Đà (1) bằng Hùng Vương và cho nước Văn Lang lên tới Động Đình Hồ

thì không còn lý do gì mà phải theo Ngô Thì Sĩ bảo rằng Triệu Đà đóng đô ở Phiên Ngung là...ngoài lãnh thổ Việt.

Thời Ngô Thì Sĩ, chuyện nước Việt có lúc lên đến Động Đình Hồ đã là chuyện hoang đường với ông Hùng Vương, ông Lạc Long Quân và dòng dõi loanh quanh, bản thân ngụ lặn ở hồ Động Đình. Về địa giới nước Văn Lang (2) sách *Lĩnh Nam Chích Quái* liệt truyện trong *Truyện Hồng Bàng* ghi:

“...Địa giới nước Văn Lang: Đông giáp Nam Hải (nay là Quảng Đông- Trung Quốc) Tây giáp Ba Thục (Tứ Xuyên- Trung Quốc) Bắc đến Động Đình Hồ (nay thuộc Tỉnh Hồ Nam Trung Quốc) Nam đến nước Hồ Tôn (Chiêm Thành)...”

An Nam bản đồ sớ thiên lý

Thiếu thị cư dân, đa sơn thủy

Đông lân Hợp Phố, bắc nghi Ung

Nam đề Chiêm Thành, tây Đại Lý

(1) Đoạn văn gãy khúc trên với ý của sử gia Tạ Chí Đại Trường là ông cùng quan điểm với sử thần Ngô Thì Sĩ là: Nước Nam Việt của Triệu Đà nằm ở bên...Tàu.

(2) Địa giới nước Văn Lang, vua Tự Đức cũng đã tỏ dấu nghi ngờ:

“...Chẳng qua sử cũ chép quá phô trương đó thôi. Địa giới nước ta từ đời Trần về trước, phía đông giáp biển, phía tây giáp Vân Nam, phía bắc giáp Quảng Tây, phía nam giáp Chiêm Thành. Đại đế

nhiều sự việc trong Việt sử thất truyền đã lâu, không còn dựa vào đâu mà khảo đính được. Sử đời Lê lại chép quá xa, nào là hư truyền nước Văn Lang phía bắc giáp Động Đình Hồ của nước Sở thì còn xa lắm. Nào biết những ranh rới tới đâu! Chẳng cũng xa sự thực lắm ru....”

(Sử gia Tạ Chí Đại Trường – Sử Việt đọc vài quyển)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ**

Nhà thơ rất nổi tiếng là Xuân Diệu bình bài thơ *Đề miếu Sầm Nghi Đống* của Hồ Xuân Hương, đến câu “*Ghé mắt trông lên thấy bảng treo*” thì cứ khăng khăng phải là “*Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo*” thì mới đúng, mới thể hiện được khí phách... mà quên mất rằng chữ “*lên*” đã rành rành trong bản thơ Nôm lưu trữ.

(Nguyễn Cẩm Xuyên - Lá trúc che ngang mặt chữ điền)

### **Văn sử với truyền thuyết (3)**

#### **Triệu Đà**

Thời lập quốc, nước ta có tên là...”Nam Việt” bằng vào đời Hùng Vương thứ 18, Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên và Ngô Sĩ Liên dựng sử nước “Nam Việt ta”...

Nhà Tần lấy Giao Chỉ làm Tượng Quận, Triệu Đà (1) dấy binh đánh lấy hết các quận quốc rồi xưng đế. Triệu Đà chiếm nước Âu Lạc của An Dương Vương Thục Phán. Theo sách *Quảng Châu Ký*, Triệu Đà đã đặt tên là Nam Việt. Đóng đô ở Phiên Ngung (2).

Mặc dù trước đó cả mấy trăm năm, Ngô Thì Sĩ có căn án trong *Việt Sử Tiêu Án*: Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên đều sai vì rằng:

- *Triệu Đà chỉ mới ngừng chân ở Quảng Đông, Quảng Tây, chưa đến đồng bằng Bắc Việt. Mà nước “Nam Việt ấy ở bên Tàu”, miền Nam Hải, Quế Lâm. Do vậy, trong sử Nam ta chẳng bao giờ có quốc hiệu là Nam Việt với một ông vua gốc Tàu tên Triệu Đà.*

Ngô Thì Sĩ chê Ngô Sĩ Liên “hiều theo lối nông cạn” của Lê Văn Hưu. Rồi chê các sử quan sau tiếp tục “cùng nhau ca tụng” Triệu Đà đến cả ngàn năm, cứ sai lầm mãi cho đến khi có ông cải chính, mà không thấy rằng đó là kết quả của tinh thần từ chương kinh sử mà ông cũng đã chia xẻ trong những phần khác của ông.

Đến thế kỷ 20, theo *Lịch Sử Việt Nam* và *Việt Nam Sử Lược* của Đào Duy Anh với Trần Trọng Kim vẫn nhận nước ta là nước Nam Việt và Triệu Đà là vua nước Việt ta.

(1) Trong Bình Ngô Đại Cáo 1428 Nguyễn Trãi viết: “Việt ta từ Triệu (Triệu Đà), Đinh, Lê, Lý, Trần...”

và không nhắc đến Hùng Vương. Ngay cả sử Tàu cũng vậy.

(2) Tư Mã Thiên có một chương nói về Triệu Đà, có đoạn:

Triệu Đà lấy được nước Âu Lạc của Thục Phán và gọi là nước Nam Việt, tự xưng làm vua, lập ra nhà Triệu, tức Triệu Vũ Vương đóng đô ở Phiên Ngung (nay thuộc Quảng Châu bên Trung Hoa).

(Sử gia Tạ Chí Đại Trường – Sử Việt đọc vài quyển)

### **Bảy người trong Tự Lực Văn Đoàn**

1/. Nguyễn Tường Tam - Bút hiệu: Nhất Linh, Đông Sơn, Tam Linh, Bảo Sơn, Lãng Du, Tân Việt. Ông là Giám Đốc cùng Chủ Bút báo Phong Hóa và Thủ lĩnh nhóm Tự Lực Văn Đoàn.

2/. Trần Khánh Giur - Bút hiệu: Khái Hưng, KH, Nhị Linh, Nhất Dao Cạo, Hàn Đãi Đậu và Bán Than.

3/. Nguyễn Tường Long - Bút hiệu: Tứ Ly, Hoàng Đạo, Tường Vân và Đạo Danh Phúc Vân.

4/. Nguyễn Đình Lễ tức Thứ Lễ - Bút hiệu: Thế Lữ và Lê Ta.

5/. Nguyễn Tường Lân - Bút hiệu: Thạch Lam, Việt Sinh, Thiện Sĩ.

6/. Hồ Trọng Hiếu - Bút hiệu Tú Mỡ.

7/. Ngô Xuân Diệu - Bút hiệu Xuân Diệu.

(Phạm Thảo Nguyên - Bếp Núc của Tự Lực Văn Đoàn)

## **Phở**

Vậy phở có nguồn gốc từ đâu?

Chúng tôi cho rằng phở có nguồn gốc từ món xáo trâu rất phổ biến ở miền bắc, đặc biệt là ở Hà Nội vào đầu thế kỷ 20. Để làm món này người ta chuẩn bị nguyên liệu : thịt trâu thái mỏng, hành lá, tỏi, mỡ, rau răm, khế chua cắt ngang...Sau đó họ xáo (xào) thịt trong chảo rồi đổ ra bát riêng, kế tiếp bỏ khế vào, đảo đều tới lúc khế chuyển sang màu trắng; rồi cho thịt, rau răm và hành vào, đảo cho tới lúc tỏa mùi thơm ; cuối cùng họ chế nước vào, để lửa liu liu. Khi ăn, họ lấy bún cho vào bát, sau đó gấp vài miếng thịt trâu bày trên mặt bún rồi chan nước xáo thịt vào.

(Vương Trung Hiếu – Nguồn gốc phở)

## **Đất lề quê thói với phong tục cỗ truyền**

### **Lễ cúng cơm**

Gia đình Việt Nam nhà nào cũng vậy, mỗi ngày có hai bữa cơm là giờ phút đầm ấm nhất. Trong nhà có người về muộn, mọi người cũng cố chờ về ăn cơm một lúc cho vui vẻ, đầm ấm. Con cháu cầm bát cơm lên, trước hết mời ông bà, cha mẹ, chờ ông bà, cha mẹ rồi mới bắt đầu mới dám ăn. Có nơi xới bát cơm lần thứ hai còn mời nữa. Nếu có khách, trước khi

buông bát đĩa đứng dậy còn phải xin phép và mời khách tiếp tục xơi cơm. Cuộc sống gia đình đang vui vẻ, êm đẹp như vậy, vắng mặt trong bữa cơm còn nhắc, hưởng chi vĩnh viễn đi xa. Do đó, trước bữa ăn người thân dâng lên bàn thờ một bát cơm úp, một vài món ăn bình thường, nhà ăn thứ gì cúng thứ đấy, thường là tinh khiết, không đòi hỏi cầu kỳ, nhà nghèo thì lưng cơm, đĩa muối cũng xong. Thắp hương xong, dựng đôi đĩa vào giữa bát cơm, có rượu thì rót chén rượu. Khấn vái xong cũng rót chén nước.

Thờ cúng vong linh cũng giống như đang sống, cũng là để thỏa nguyện tâm linh, "Lấy câu vận mệnh khuây dần nhớ thương".

### **Sự phát triển của tiếng Việt**

#### **Truyện Ông Gioang Ngô Kim Thạch (1916):**

Đây có thể nói là một trong những truyện Việt Nam viết theo truyện Tàu đầu tiên đượm tinh thần Thiên Chúa giáo. Truyện được đăng trên tờ Nam Kỳ Địa Phận từ số 403 (1916) đến số 415 (1917), tác giả là Charles Ngọc Minh đến nay vẫn chưa tìm ra tiêu sử. Truyện cho thấy ở Nam Kỳ, truyện Tàu rất ảnh hưởng đến quần chúng thế nào, khiến cho những người truyền đạo mượn lối viết đó để truyền bá đạo mà tác giả tin là phù hợp với đạo lý dựa trên Nho học bình dân. Truyện có nhiều tình tiết giống các

truyện Kiều và Lục Vân Tiên; các truyện này được viết theo thể văn vần trong khi Truyện Ông Gioang Ngô Kim Thạch viết theo văn xuôi.

"Truyện Ông Gioang Ngô Kim Thạch theo chuyện Tàu ở chỗ nội dung nói chuyện đạo đức, ở lối chia truyện làm 11 hồi với hai câu thất ngôn ở đầu mỗi hồi, cũng như lối mở đầu câu chuyện: *"Lối năm 1685, gần rớt đời nhà Minh, buổi vua Thần Tông, ở Triệu Khánh phủ về tỉnh Quảng Đông có nhà kia hai vợ chồng sanh đặng một trai đặt tên là Joseph Ngô Kim Luông, cha tên là Gioang Ngô Kim Thạch, mẹ là Martha Đặng Ngọc Khanh"*.

Nội dung là chuyện luân lý, kết hợp giữa tam cương ngũ thường của đạo Nho với mười điều răn (thập giới) của Thiên Chúa Giáo, giữa nhân ái của Khổng giáo với bác ái của đạo Chúa, với đức tin vào Thiên Chúa là cha trên trời chí công và chí nhân (...).

(Nguyễn Vy Khanh - Tiếng Việt một số tác phẩm mới phát hiện)

### **Từ “Nam Việt” thời Triệu Đà**

Năm 1802, Nguyễn Ánh cử phái đoàn đi sứ gồm Trịnh Hoài Đức, Đặng Trần Thường, Trương Tấn Bửu qua Tàu xin đổi tên nước, phong vương và lãnh ấn chỉ.

Nguyễn Ánh muốn đổi tên nước là *Nam Việt*.

Chỉ dụ của Vua Gia Khánh nhà Thanh: *Trẫm đã duyệt kỹ biểu văn thỉnh phong của Nguyễn Phúc Ánh việc xin phong tên nước là Nam Việt không thể chấp nhận được. Địa danh Nam Việt bao hàm rất lớn (1), khảo sử xưa hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây (2) đều nằm trong đó. Nguyễn Phúc Ánh là tiểu di nơi biên giới, lãnh thổ bằng đất Giao Chỉ xưa là cùng, làm sao lại được xưng là Nam Việt cho được. Rõ ràng tự thị muốn đòi thêm đất, nên lệnh truyền cho các quan Quảng Đông, Quảng Tây lưu tâm.*

Lý do vua Gia Khánh nhà Thanh không ưng vì *Nam Việt là tên cũ thời Triệu Đà nhà Hán thuộc Trung Hoa*. Vì là nhà Thanh gốc Mãn Châu nên buộc đòi ngược lại là *Việt Nam*.

(1) & (2) : Theo vua Gia Khánh nhà Thanh thì nước Nam Việt của Triệu Đà rất lớn, lớn hơn cả Quảng Đông, Quảng Tây thì nước Nam Việt chẳng thể là nước...An Nam.

## **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

### **Lễ cúng cơm**

Nhưng tại sao lại cúng 100 ngày?

- Cũng tùy địa phương, có nơi chỉ cúng 49 ngày (tức là lễ chung thất). Theo thuyết của Phật giáo: qua 7 lần phán xét, mỗi lần 7 ngày đi qua một điện ở âm

ty(tức 1 tuần, nhưng không phải tuần lễ theo dương lịch); sau 7 tuần vong hồn đã siêu thoát. Có nơi cúng hết 100 ngày (tức lễ tốt khốc nghĩa là thôi khốc). Theo giải thích của các cụ ngày xưa thì thời gian này âm hồn vẫn còn phảng phất luẩn quẩn trong nhà chưa đi xa.

Theo thuyết Thần giao cách cảm, ngoài điện trường vật lý đã được ứng dụng trong thực tiễn, còn có điện trường sinh học. Những cá thể có cùng tần số cảm ứng trong điện trường sinh học, mặc dầu ở cách xa nhau rất xa vẫn nhận được những nguồn thông tin của nhau. Các nhà khoa học đã vận dụng những phát triển đó để giải thích về điềm, về giấc mơ, về những biểu hiện tâm, sinh lý bất thường khi thân nhân (có thể cách nhau rất xa về không gian) có cùng tần số điện trường sinh học có sự biến bất thường. Người ta bảo chết là hết.

Nhưng, chết chưa phải là đã hết khi người chết còn tồn tại trong tâm trí người sống. Sau khi chết, tim ngừng đập, máu ngừng chảy, thần kinh cảm giác ngừng hoạt động, vỏ não chưa bị huỷ, xung quanh hiện trường phát từ não vẫn chưa ngừng phát sóng. Lớp đất dày không ngăn được sóng điện vật lý hay sóng điện sinh học. Cá thể sống có tần số điện trường sinh học tương ứng vẫn tiếp nhận được tín hiệu, do đó hiện tượng báo mộng chưa hẳn là vu vơ, không đáng tin. Phải chăng vì lẽ đó mà các cụ cho rằng âm hồn còn phảng phất, chưa siêu thoát.

### **Các Họa sĩ và Tự Lực Văn Đoàn (3)**

Nguyễn Gia Trí bút hiệu :RIGT, Gtri và GT.

Tô Ngọc Vân bút hiệu Tô Tử và Ái Mỹ.

Nguyễn Cát Tường bút hiệu Lemur, Cát Tường, CT và AS.

Trần Bình Lộc bút hiệu Bloc.

Trần Quang Trân bút hiệu Ngym, NM và Ngạc Mai.

Lê Phổ.

Trần văn Cẩn.

Lưu văn Sìn.

Lê Minh Đức bút hiệu Bút Sơn (đẻ ra Xả Xệ).

Nhất Sách.

(Phạm Thảo Nguyên - Bếp Núc của Tự Lực Văn Đoàn)

### **Phở**

Trong từ điển Wikipedia bản tiếng Anh, Đức, Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha...Đều có mục riêng viết về phở và gọi đích danh là “ Phở”, chứ không gọi bằng tên món ăn nào đó của Pháp hay Trung Quốc. Điều này cho thấy thế giới công nhận “phở” là một món ăn của Việt Nam.

Riêng bản Trung văn, mục viết về *phở* có tựa đề là 越南粉 (Việt Nam phẩn), cũng cho thấy rằng người Tàu công nhận “phở” là món ăn Việt Nam. Do đặc

điểm về ngôn ngữ, trong phần nói về nguồn gốc của từ *phở*, họ chú thích hình ảnh tô phở là 越南牛肉粉 (Việt Nam ngưu nhục phấn), có thể dịch là “phở bò Việt Nam”.

(Vương Trung Hiếu – Nguồn gốc phở)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ Trò hơn thầy**

Truyện dân gian có nhiều, lâu nay bị thất lạc. Muốn cho đầy đủ thì quả là khó khăn, và cũng chưa biết đến bao giờ mới đạt được. Nên phải góp nhặt từng phần từng mảnh, nhưng chúng tôi vẫn bằng lòng hàng chục năm nay với sự thu góp ấy.

Một anh học trò rất hà tiện, học một thầy đồ cũng rất hà tiện. Một hôm, thầy đồ có giỗ, anh học trò phải đến phục dịch. Thầy sai ra chợ mua cái bánh đa về cúng. Anh học trò đi chơi một lúc, mang về một xâu bánh đa và một con gà. Thầy ngạc nhiên hỏi:

-Bảo mày đi mua bánh đa, sao lại mua thêm gà, hoang phí thế.

Trò trả lời:

-Con mua thế này là con đã tính kỹ lắm rồi ! Thầy trò ta ăn bánh đa thế nào cũng rơi vãi. Con mua gà về để nhặt những mảnh rơi cho khỏi phí.

Thầy gặt gù:  
-Khá đấy !!!

(Vũ Ngọc Khánh - Kho tàng truyện dân gian)

### Từ “Giao Chỉ” thời Triệu Đà

Sau khi Tần Thủy Hoàng mất, nhà Tần suy yếu, Lưu Bang diệt nhà Tần, lập ra nhà Hán, xưng là Hán Cao Tổ. Năm 196 trước Công Nguyên, Hán Cao Tổ dụ Triệu Đà thần phục nhà Hán. Lúc bấy giờ Triệu Đà làm vua nước Nam Việt được 12 năm rồi, và Hán Cao Tổ làm vua nhà Hán được 11 năm (1).

Năm 111 trước Công Nguyên, Hán Cao Tổ đổi tên nước ta là Giao Chỉ (2) và đưa quan của nhà Hán sang cai trị.

Từ “Giao Chỉ” lần đầu tiên được dùng để chỉ nước ta vào thời Triệu Đà.

(1) Các sử gia ta sau này không để ý đến khoảng cách thời gian này là cùng trong một niên kỷ dưới thời nhà Hán, có hai nước riêng rẽ là Nam Việt và Giap Chỉ.

(Vi Triệu Đà làm vua nước Nam Việt 70 năm và thọ 121 tuổi).

(2) Dưới thời Minh, vùng biển ngoài khơi nước ta được người Minh gọi là Giao Chỉ hải. Người Bồ Đào Nha đặt trại ra thành Cochín để rồi từ đó có

danh từ Cochinchina để chỉ miền Nam nước ta.  
(Nguồn: Sử gia Lê Mạnh Hùng – Nhìn lại sử Việt).

(Giáo sư Nguyễn Lý Tưởng – Thuyền ai đợi bến  
Văn Lâu)

### **Những cộng sự viên khác không ở trong tòa soạn và Tự Lực Văn Đoàn:**

Cù Huy Cận bút hiệu Huy Cận (thơ mới).

Trần Tấn Cửu bút hiệu Trọng Lang (phóng sự).

Đoàn Phú Tứ (thơ và kịch).

Đỗ Đức Thu (tiểu thuyết).

Lê Thạch Kỳ bút hiệu Chàng thứ 13 (khoa học).

Trần Tiêu (tiểu thuyết).

Thanh Tịnh (tiểu thuyết).

Phạm Cao Cung bút hiệu Phạm thị Cả Mốc (thơ  
khôì hài).

Nguyễn Khắc Hiếu bút hiệu Tản Đà (dịch Đường  
thi).

Bùi Hiên (truyện ngắn).

Tô Hoài (truyện ngắn).

Nguyễn Lan Hòa bút hiệu Huyền Hà (Truyện dịch)

Nguyễn Hồng (tiểu thuyết).

Đình Hùng (tranh khôì hài).

Nguyễn Công Hoan (truyện ngắn).

Vì Huyền Đắc (kịch).

Mụ Béo Saigon (không biết tên thật).

Nguyễn Tường Bách (thơ và truyện ngắn)...

Nguyễn Lan Hòa bút hiệu Huyền Hà (Truyện dịch)

(Phạm Thảo Nguyên - Bếp Núc của Tự Lực Văn Đoàn)

### **Phở xuất hiện lúc nào?**

Tìm kiếm trong văn chương và ngôn ngữ Việt Nam, chúng ta cũng có được vài dấu vết. Thi sĩ Tản Đà đã sống ở Hà Nội khoảng 1907. Trong bài “Đánh bạc” của Tản Đà được viết vào khoảng 1915-1917 có đoạn:

*“(...) Trời chưa sáng, đêm còn dài, thời đồng tiền trong tay, nhiều cũng chưa hẳn có, hết cũng chưa chắc không. Tất đến lúc đứng dậy ra về, còn gì mới là được (...) Có nhẽ đánh bạc không mong được, mà chỉ thức đêm ăn nhục phở (1)*

(1) Tản Đà . Tản Đà Tản Văn. Hương Sơn, Hà Nội, 1942. Đánh bạc, bài 21, tr.86. Trong tập này, một số bài đã đăng ở Đông Dương tạp chí. Phạm Quỳnh đề tựa 1918.

(Sơn Trung – Lịch sử Phở)

### **Sự phát triển của tiếng Việt**

#### **Tiếng "nhà thờ" hay tiếng Việt xưa?**

Những người đảng Ngoài vào Nam lập nghiệp, theo chân các chúa Nguyễn, đã mang theo gia tài văn hóa

trong đó có tiếng nói và chữ viết Nôm (và chữ Hán). Ông bà ta sẽ đồng hóa người Chiêm Thành, nhưng ta cũng đã bị ảnh hưởng trở lại về văn hóa. Tổ tiên ta cũng sẽ nuốt phần Thủy Chân Lạp. Vua chúa nhà Nguyễn sẽ mở rộng tay đón nhận con cháu nhà Minh; những người này sẽ khai phá những vùng thị tứ mới nay là Chợ Lớn, Biên Hòa, Hà Tiên, vv. Từ những lý đó, tiếng nói lưu dân nơi vùng đất mới theo hoàn cảnh sinh hoạt và môi trường địa lý mới. Những "hội nhập" này khiến chữ viết Nôm trong Nam đã có những biến hóa, cấu trúc khác đi theo phát âm, lối viết và phương ngữ Nam bộ. Thí dụ phương ngữ dị biệt về phát âm như "chun, chuyến, chiền", thay vì "chung, chiến, truyền chuyền". Từ đó như tạo thành một "thứ" tiếng Việt của miền Nam lưu dân mà từ lâu nay vẫn bị gán là "tiếng của nhà thờ".

Ông Nguyễn Háo Vĩnh trong bài nói trên đã viết tiếp lời phê về văn Nam Phong như sau: "Coi mà chẳng hiểu thì có ích gì đâu, dần dần người ta ngã lòng chẳng còn muốn coi nữa".

Và tiếng Việt trước 1920 bị xem là tiếng "nhà thờ" và bị bỏ quên, các hoàn cảnh biến cố tiếp sau đó đã tiếp tục đẩy đưa cái khuynh hướng này. Cùng tiếng nói nhưng có những dị biệt về chữ viết, thành ngữ và phát âm khiến không hiểu nhau trọn vẹn.

(Nguyễn Vy Khanh - Tiếng Việt một số tác phẩm mới phát hiện)

## Văn sử với truyền thuyết

### Nhị Trưng phu nhân

Sử ký ta viết về Hai Bà Trưng (1) bấy lâu nay dựa vào *Lĩnh Nam Chích Quái* của Trần Thế Pháp, một tác giả thời Trần soạn vào năm 1337. Văn tự chữ nghĩa viết về Hai Bà còn ghi lại được, có thể nói tóm tắt là có từ thế kỷ XIV đến nay. *(Trước đó hẳn cũng đã có nhiều, chẳng lẽ một triều đại nhà Lý với một nền văn hóa văn chương rực rỡ hơn 200 năm, từ thế kỷ thứ XI, không có lấy dăm bài thơ về Hai Bà?)*.

Sau đây là những trích dẫn một "*chân dung và tiểu sử sơ lược*" trong *Lĩnh Nam Chích Quái* với tựa đề: *Nhị Trưng phu nhân*.

Sử chép: Bà chị tên Trắc, bà em tên Nhị, vốn họ Lạc, người, người làng Mê Linh, Châu Phong. Bà chị là vợ Thi Sách ở châu Diên. Tô Định giết chồng bà. Bà chị phần nộ cùng với em gái nổi dậy đánh đuổi quân Tàu. Hai Bà bình định được 60 thành ở Lĩnh Nam, tự lập làm vua, đóng đô ở Châu Diên. Lúc bấy giờ Tô Định chạy ra Nam Hải, vua Vũ Đế nhà Hán được tin, cách chức y, rồi sai hai tướng là Mã Viện, Lưu Long đem đại quân sang đánh đến Lãng Bạc.

Phu nhân bị thế cô phải tự tử, dân thương cảm lập đền thờ ở huyện An Hát.

Vua Anh Tông nhà Lý, nhân trời đại hạn, truyền Uy Tịnh thiền sư cầu đảo, chỉ trong một ngày mưa xuống chan hòa. Vua mừng quá, liền qua xem hốt nhiên ngủ mộng thấy hai thiếu nữ mày liễu quần hồng, mào đỏ, cỡi ngựa sắt bay trong mưa mà chạy ngang.

Vua hỏi thì hai thần nhân trả lời:

*- Thiếp là em Nhị Trưng, phụng mệnh Trời làm mưa đây.*

Vua tỉnh dậy mà cảm, lập đền thờ, sắc phong hai bà làm Nhị Trưng phu nhân. (Truyện 30, theo bản dịch của Lê Hữu Mục).

(1) Có hơn một “học giả” di tản đã gán ghép Hai Bà Trưng là con cháu Hùng Lạc tướng quân, “dòng dõi Lạc Long Quân”.

(nguồn Thiền sư Lê Mạnh Thát)

## Giai nhân di mặc



Những bài thơ Nôm đầu tiên được coi là của Hồ Xuân Hương, *xuất bản ở Hải Phòng, năm 1913*, như một tài liệu không chính thức. Bốn năm sau, năm 1917, Đông Khê Nguyễn Hữu Tiên xuất bản *Giai nhân di mặc*, toàn những chuyện hư cấu... trong đó có chuyện Hồ Xuân Hương và thơ Hồ Xuân Hương... dĩ nhiên, cũng là những “hư cấu”. Ấy thế mà có nhà phê bình lại dựa vào đó mà soạn ra *Thân thế và sự nghiệp của Hồ Xuân Hương* và đánh giá thơ văn của bà, như một tác giả chính thức và tác giả đó có mặt thực sự trong đời sống xã hội. Thấy bán được, các nhà xuất bản tiếp theo in thơ Hồ Xuân Hương như một tác giả “có thật” và số bài mỗi lần in một tăng lên, cuối cùng đến hơn 200 bài.

## **Giai thoại làng văn xóm chữ Động trung xuân**

Một ông làng Động Trung, tỉnh Thái Bình, mở tiệc mừng thọ. Có người đem lại tặng bức hoành khắc ba chữ: *Động trung xuân*.

Chủ nhân treo lên được vài hôm, bỗng bảo gia đình đem xuống đem chẻ ra thành củi  
Thì ra Động trung xuân, tuy có nghĩa làng Động trung về xuân tươi tốt mãi, thật hợp với lời chúc thọ, nhưng trong bài thơ Thiên thai có câu:  
Vãng vãng kê minh nham hạ nguyệt  
Thần thần khuyến phê động trung xuân

Thì ra ba chữ động trung xuân đứng sau hai chữ khuyến phê. Chủ nhân trước kia đã từng mở cửa hàng..."mộc tồn.

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

## **Đất lễ quê thói với phong tục cổ truyền**

### **Lễ chung thất**

Theo "Thọ mai gia lễ", thì cứ đúng ngày quy định trong gia lễ mà làm, không có sự chuyên dịch tùy tiện theo lời thầy lễ hay thầy bói nào cả. Chỉ trừ ngày làm lễ an táng và ngày làm lễ trừ phục (hết tang) trong gia lễ có ghi chọn ngày lành. Người ta

không ai có thể chọn ngày chết, vậy nên từ xưa tới nay, hàng năm cứ đến ngày mất thì làm giỗ, dù cho có những năm, ngày đó rất xấu, có cả trùng phục, trùng tang, sát chủ, quả tú, cô thân.v.v... theo gia lễ: Lễ chung thất, Tốt khóc, Tiều tường, Đại tường cứ theo đúng ngày mà làm lễ.

Con cháu ở xa nhớ ngày về làm lễ, thân nhân ở chỗ khác sắm sửa lễ đúng ngày tới dự, chẳng lẽ đến nơi thấy hương lạnh khói tàn, gạt nước mắt lùi thối ra về hay sao? người chủ sự báo lại rằng: theo lời thầy lễ đã lễ xong xuôi đâu đấy rồi, hoặc đợi thêm vài ngày nữa, được chẳng? Xin lưu ý tang tế theo ngày định sẵn, thân bằng, cố hữu ai lưu luyến đến thăm viếng, không chuyện "Hữu thỉnh hữu lai, vô thỉnh bất đáo" (mời thì đến, không thì thôi).

### **Rượu trong văn học**

Người Việt ta chịu ảnh hưởng của Nho gia, nên kẻ có học ngày xưa được coi thuộc dân lịch lãm thời phải biết uống rượu, làm thơ, đánh đàn, chơi cờ (cầm, kỳ, thi, tửu)... Uống rượu nhiều được phong tặng là đệ tử Lưu Linh. Chính vì vậy mà các nhà văn, nhà thơ trước đây của chúng ta thường có những bài nhuốm mùi men rượu là thế.

Nguyễn Khuyến thường mượn rượu nói dùm mình:  
*“Cầu thơ được chữa, thưa rằng được.  
“Chén rượu say rồi nói chữa say.*

*“Kẻ ở trên đời lo lắng cả,  
“Nghĩ ra ông sợ cái ông này.”*  
(Cảm hứng 1)

*“Hé miệng nói ra gàn bát sách,  
“Mềm môi chén mãi tíu cung thang.”*  
(Tự trào)

*“Rượu ngon đến bữa nghiêng bầu giốc  
“Chữ đại đầu năm số túi ra.*  
(Xuân hứng)

*“Khi buồn chén rượu say không biết  
“Ngửa mặt lò mờ ngọn núi xa*  
(Túy cảm)

*“Thơ Lý ngâm nga khi mở quyển  
“Đàn Nha tình tính lúc lần dây  
“Đem cờ vua Thích vui bè bạn  
“Mượn chén ông Lưu học tỉnh say*  
(Nhân sinh thích chí)

*“Luc hứng đánh thêm ba chén rượu  
“Khi buồn ngâm lảo một câu thơ*  
(Lão cảm)

*“Mùi thè thử chơi không chénh choáng  
“Giọng tình mới nhấp chửa say sưa*  
(Tặng bạn mở ty rượu)

*“Chén chú chén anh chén tôi chén bác  
“Cuộc tỉnh say say tỉnh một vài câu  
(Hỏi ông phỗng đá)*

(Khuyết danh - Tết nói chuyện rượu)

## **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

### **Lễ trừ phục**

Sau hai năm chọn một ngày tốt trong vòng ba tháng dư ai, để làm lễ trừ phục.

Trừ phục gồm 3 lễ:

1. Lễ sửa mộ: Đắp sửa mộ thành mộ tròn.
2. Lễ đàm tế: Cát khấn tang. Huỷ đốt các thứ thuộc phần lễ tang, rước linh vị vào bàn thờ chính. Bỏ bàn thờ tang. Thu cất các bức trướng, câu đối viếng.
3. Lễ rước linh vị vào chính điện và yết cáo tổ tiên: Chép sẵn linh vị mới, phủ giấy hay vải đỏ, khi đàm tế ở bàn thờ tang xong thì đốt linh vị cũ cùng với băng đen phủ quanh khung ảnh và văn tế. Sau đó rước linh vị, bát hương và chân dung (nếu có) đưa lên bàn thờ chính, đặt ở hàng dưới. Trường hợp nhà con thứ không thờ gia tiên bậc cao hơn thì vẫn để nguyên bàn thờ như cũ, không phải chuyển bàn thờ mà chỉ cần yết cáo gia thần và yết cáo tổ ở nhà thờ tổ.

## Trung Trắc và Thi Sách

Lý Tế Xuyên trong *Việt Điện U Linh Tập* gọi chồng Bà Trung Trắc là Thi Sách.

Ngô Sĩ Liên trong *Đại Việt Toàn Thư* cũng sao chép vậy. Nhưng theo Phạm Việp trong *Hậu Hán thư* viết theo dạng chữ Nho không có dấu: *châu diên lạc tướng tử danh thi sách mê linh lạc tướng nữ danh trung trắc vi thê trắc vi nhân hữu đảm dũng tương thi khởi tặc mã viện tương binh thảo trắc thi tâu nhập cảm khê*

Nếu nhấn câu theo Hán tự, nếu như nhấn ở chữ “sách”, hoặc đánh dấu phẩy và viết hoa theo chữ Quốc ngữ: *Châu Diên Lạc tướng tử danh Thi Sách, Mê Linh Lạc tướng nữ danh Trung Trắc vi thê*. Thì câu này được diễn Nôm là: “Con trai Lạc tướng huyện Châu Diên tên *Thi Sách*, có vợ là con gái Lạc tướng huyện Mê Linh tên Trung Trắc...”.

Sau Thái Tử Hiền, con vua Cao Tông nhà Đường hiệu đính lại:

Vì “sách” ở đây nghĩa là *lấy* và “thê” là *vợ*. Nên phải nhấn ở chữ “thi”: *châu diên lạc tướng tử danh thi\* sách mê linh lạc tướng nữ danh trung trắc vi thê*. Nghĩa là: “Con trai Lạc tướng huyện Châu Diên tên *Thi\**, “lấy” vợ là con gái Lạc tướng huyện Mê Linh tên Trung Trắc...”.

Cái chết của Trung Trắc

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư chép rằng Hai Bà cùng nhảy xuống sông Hát tự vẫn. Nhưng với *Hậu Hán Thư* viết khác: ” Minh niên, chính nguyệt, trảm Trưng Trắc, Trưng Nhị, truyền thủ Lạc Dương”. Dịch nghĩa như sau: “Năm sau, tháng giêng, chém Trưng Trắc, Trưng Nhị, gửi đầu về Lạc Dương”. Thời Trần, Lê Trắc vì thua trận chạy qua Tàu và viết An Nam Chí Lược cũng ghi nhận là Trưng Trắc bị Mã Viện chém đầu.

Ngô Thì Sĩ trong *Việt Sử Tiêu Án* ở trang 40 có viết: “Trong đền thờ Hai Bà Trưng, những đồ thờ sự, tất cả đều sơn đen, tuyệt nhiên không có màu đỏ. Dân địa phương khi đến tế lễ, không được mặc áo đỏ vì đó là cấm lệ, tục truyền rằng, Hai Bà chết vì việc binh đao, nên kiêng sắc đỏ giống như máu”.

*Sử Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục* triều Nguyễn có ghi: “Trưng Vương và em gái chống với quân Hán bị binh lính bỏ trốn, lại thế cô, cả hai thất trận chết”.

Hiểu theo nghĩa là không phải Hai Bà trảm mình ở sông Hát.

(Giáo sư Nguyễn Lý Tường – Thuyền ai đọi bến Văn Lâu)

## Phở xuất hiện lúc nào?

### Phở gánh



Nhà văn Nguyễn Công Hoan, đã xác nhận phở đã hiện diện đầu thế kỷ XX Trong tác phẩm “Nhớ và ghi về Hà Nội”:

*“1913... trọ số 8 hàng Hai... thỉnh thoảng, tôi được ăn phở (hàng phở rong). Mỗi bát 2 xu (có bát 3 xu, 5 xu)”(4)..*

*Lúc này phở rong đã khá thịnh hành, ngành kinh doanh phở đã bị chính quyền đánh thuế: “... người bán phở phải mua hai hào tem thuế mỗi ngày. Tính ra mỗi năm là 73 đồng”.*

Như vậy, ta có thể tạm kết luận phở ra đời ít nhất đầu thế kỷ XX. G. Dumoutier (1850 – 1904) nhà Việt Nam học xuất sắc để lại rất nhiều tư liệu giá trị trong mọi lĩnh vực nghiên cứu cũng từng khẳng định: “Phở chưa từng xuất hiện ở Việt Nam trước năm 1907!”(5).

- (4) Nguyễn Công Hoan. Nhớ và ghi về Hà Nội,  
NXB Trẻ 2004.  
(5) Trịnh Quang Dũng. Nguồn gốc món Phở.

(Sơn Trung – Lịch sử Phở)

### **Khai tử Thi Sách !?**

Ngô Sĩ Liên trong *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* viết: “Canh Tý nguyên niên, Hán Kiến Vũ thập lục niên, xuân nhị nguyệt, vương khở thái thú Tô Định thăng dĩ chính, cập thù Định sát kỳ phu, nãi dữ kỳ muội Nhị, cử binh công hãm châu trị” – (Năm Canh Tý năm đầu, năm thứ 16 hiệu Kiến Vũ nhà Hán, mùa xuân, tháng hai Vương đầu lòng vì Tô Định lấy chính pháp ràng buộc, lại căm thù vì Tô Định giết chồng, bèn cùng em gái là Nhị, cử binh đánh phá châu trị). Theo trên thì chồng bà Trưng Trắc bị giết trước khi khởi binh.

Nếu sử Trung Hoa không nói đến thì sử gia Việt khó mà có tài liệu để viết lại quá khứ. Vì sử Trung Hoa nói rõ Trưng Trắc cùng chồng nổi lên đánh đuổi Tô Định như sau:

Vào thế kỷ 18, khi hiệu đính *Hậu Hán Thư* của Phạm Việt, Thái tử Hiền ghi chú nguyên nhân đưa đến cuộc khởi binh của Trưng Trắc. Ông viết: “Giao Chỉ Thái thú Tô Định, dĩ pháp thăng chi, Trắc oán nộ, cố phản” (Thái thú Giao Chỉ Tô Định lấy luật pháp mà ràng buộc, nên Trắc tức giận, chống lại).

Thêm nữa, sách *Thủy Kinh Chú* của người Trung Hoa viết về ông Thi thì ông chẳng hề bị Tô Định giết mà còn sát cánh với bà, sau khi bị Mã Viện tấn công: *Thi và Trưng Trắc chạy về Cẩm Khê, 3 năm sau cả hai vợ chồng bị bắt. Và 8 tháng sau bị hành hình.*

Vậy sao sử quan ta lại mượn tay Tô Định...*khai tử ông Thi !?*

Họ lập luận rằng vì người Việt cổ theo chế độ mẫu hệ. Các sử quan sau này là nhà Nho để ông Thi còn sống mà bà Trưng Trắc làm vua thì ngược lẽ với thánh hiền Khổng Mạnh.

Nhà Nho không làm như vậy!

(Nguyễn Lý Tường – Thuyền ai đợi bến Văn Lâu)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ**

Có giai thoại kể rằng nhà thơ Huy Cận sau khi viết xong bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá*; trong bài thơ có câu:

*“... Cá nhụ, cá chim cùng cá đé,  
Cá đuối én quẫy trắng vàng choé...”*

Bài thơ được đăng và in thử. Dò bản in, Huy Cận phát hiện thợ sắp chữ sắp sai mất hai chữ. Câu thơ thành ra là:

*“... Cá nhụ, cá chim cùng cá đé,  
Cái đuối em quẫy trắng vàng choé...”*

Chữ “*Cá đuôi én*” in nhầm thành “*Cái đuôi em*” khiến Huy Cận ban đầu rất bức nhưng rồi đọc lại thấy...hay quá, vội lên xe đạp chạy đến tòa soạn đưa bản mo-rát đã ký duyệt và cảm ơn người thợ sắp chữ kia của nhà in.

(Nguyễn Cẩm Xuyên - Lá trúc che ngang mặt chữ điền)

### **Rượu trong văn học**

Người Việt ta chịu ảnh hưởng của Nho gia, nên kẻ có học ngày xưa được coi thuộc dân lịch lãm thời phải biết uống rượu, làm thơ, đánh đàn, chơi cờ (cầm, kỳ, thi, tửu)...

Với Dương Khuê thì hơi rượu trong thơ ông thoang thoảng trong vài nơi chứ không đậm nồng như ở các bài phong tình.

*“Thức hay ngủ có sao nằm vậy  
“Hãy tung màn gương dậy làm vui  
“Tiện đây hỏi một đôi lời  
“Lòng chiều khách đã xuôi xuôi thế chừa  
“Đàn cầm sắt gảy chơi lúc nữa  
“Rượu hồng hoa còn chứa nữa hay không  
“Nàng vâng xin cũng chiều lòng  
(Thăm cô đào ốm)*

*“Thú tiêu sầu rượu rót thơ đề  
“Có yén yén hương hường thời mới thú  
(Tài tình)*

*“Rượu một bầu thơ ngâm một túi  
“Góp gió trăng làm bạn với non sông  
(Chơi trăng)*

(Khuyết danh - Tết nói chuyện rượu)

### **Phở xuất hiện lúc nào? (10)**

Vũ Ngọc Phan (1902-1987), kể chuyện lúc trẻ khoảng 10 tuổi, tức khoảng 1910, chính người Việt Nam và Trung Quốc rao là “phở”. Ông tả cảnh Hà Nội ban đêm:

*“Người bán hàng xách cái đèn đu đưa, bán qua mấy phố rồi rẽ ra bờ sông bán cho khách nằm thuyền. Lại có tiếng rao vang từ đầu phố đến cuối phố “cháo gà”! “cháo vịt”. “Miến gà”, “Miến vịt”! Hai thứ hàng này chỉ bán về đêm Hàng phở thì đi đến phố nào cũng thấy họ gánh gánh. Chóc chóc lại vang lên một tiếng “phở”! Cũng có người Hoa kiêu đi bán phở, họ rao dài: “Ngâu nhục phở”! Phở! Những tiếng rao “Tình tăng cầu bánh bò Tàu”, “Bát bảo lưỡng xà”, “Lục tào xá” (chè đậu xanh)...*

(1)

(1) Vũ Ngọc Phan. Những Năm Tháng Ấy. Văn Học, Hà Nội, 1987.

(Sơn Trung – Lịch sử Phở)

### **Rượu trong văn học**

Uống rượu nhiều được phong tặng là đệ tử Lưu Linh. Chính vì vậy mà các nhà văn, nhà thơ trước đây của chúng ta thường có những bài nhuộm mùi men rượu là thế.

Như Trần Tế Xương, ông Tú đất Vị Xuyên, trong bài “Ngẫu hứng”, cũng không kém đệ tử Lưu Linh:

*“Được tiền thì mua rượu,  
“Rượu say rồi cỡi trâu.  
“Cỡi trâu thế mà vững,  
“Có ngã cũng không đau.”*

(Ngẫu hứng)

Hay ngậm ngùi cho sự Bất đắc chí của ông trong bài “Say rượu”:

*“Đời này thực tỉnh những ai đây?  
“Ai tỉnh cho ta chịu tiếng say.  
“Buồn ruột cho nên men phải nhấp,  
“Dở mồm nào biết giọng là cay.  
“Bạn cùng quỉ dầy chi cho bạn,  
“Vui với ma men thế cũng hay.  
“Ngất ngưỡng hai tay vợ đũa chén,*

“Đó ai đã được cái say này.

(Khuyết danh - Tết nói chuyện rượu)

### Giai thoại làng văn xóm chữ

Thế Lữ tên thật là Nguyễn Đình Lễ, cũng là Nguyễn Thứ Lễ.

Thứ Lễ nói lái thành Thế Lữ: Người khách phiêu du trên trần thế.

Ông dùng bút hiệu Lê Ta, vì Lễ = Lê ngã, Ngã chữ nho là “ta”.

Đôi khi ông lấy tên Lê Tây để đùa.

Có một câu đối dùng bốn tên của ông, chưa ai đối được, đó là:

*Thế Lữ mừng xuân hai thứ lễ  
Một quả lê tây, một quả lê ta.*



Thế Lữ ở Thái Hà Ấp, Hà Nội. Lớn lên ở Lạng Sơn. Tỉnh Lạng Sơn là nơi rừng núi âm u, nhiều sắc dân miền núi, nhiều chuyện ma rừng rợn, người lớn. 1929 lên Hà

Nội lần thứ nhất, vào học trường Mỹ Thuật, được một năm rồi bỏ, vì ý muốn viết văn. Thế Lữ viết *Một cuộc báo thù ghê gớm, Tiếng hú hồn của mẹ Ké, Tiếng nói thâm của người chết* do những xúc động khi ở Lạng Sơn. Ra cuốn sách đầu tiên *Một chuyện báo thù*, ký tên Nguyễn Thế Lữ, rồi cuốn

truyện ngắn thứ hai *Tiếng Hú Hồn*. Về Hải Phòng, nhớ lại chuyến đi thăm chùa Hang ở Đồ Sơn, viết *Vàng và Máu*.

Cũng năm đó, Phong Hoá của nhóm Nguyễn Tường Tam ra đời, Thế Lữ có cảm tình ngay với tờ báo có phương hướng rõ ràng này, muốn hợp tác.

(Phạm Thảo Nguyên - Bếp Núc của Tự Lực Văn Đoàn)

### **Một ngàn năm đô hộ giặc Tàu !?**

Theo các sử gia cận đại thì cho tới nay nước ta đã trải qua ba thời kỳ bị Tàu đô hộ, mà ông cha chúng ta thường nói một cách vắn tắt: *Một ngàn năm đô hộ giặc Tàu*.

- Theo Truyền thuyết, Họ Hồng Bàng (*các Vua Hùng*) trị vì đất nước, thời ấy có quốc hiệu là Văn Lang từ năm 2879 tới 258 trước Tây lịch mất ngôi về tay Thục Phán. Phán lên làm vua, đặt tên nước là Âu Lạc, trị vì từ 258 tới 207, tướng của Tần Thủy Hoàng là Triệu Đà tới đánh chiếm. Triệu Đà xưng Vương, lập ra Nhà Triệu, đặt quốc hiệu là Nam Việt, trị vì từ 207 tới 111.

- Bắc thuộc lần thứ 1 từ năm này bên Tàu đã thuộc Hán, Hán qua dẹp Đà, thế là nước ta lọt vào vòng nô lệ giặc Hán từ đó, kéo dài tới năm 40 sau Tây lịch,

may mà có Hai Bà nổi lên chấm dứt cuộc đô hộ này (dài  $111+40 = 150$  năm).

- Bắc thuộc lần thứ 2 kéo dài từ 43-544, Lý Bôn chấm dứt (dài  $544-43 = 501$  năm).

- Bắc thuộc lần thứ 3 từ 603-939, Ngô Quyền chấm dứt (dài  $939-603 = 336$  năm).

- Bắc thuộc lần thứ 4 kéo dài từ 1407-1427. Lê Lợi chấm dứt (dài  $1427-1407 = 20$  năm).

Tổng cộng:  $150+501+336+20 = 1007$  năm.

## **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

### **Đốt vàng mã**

Theo quan niệm của người đời xưa, người chết cũng cần ăn uống, nhà cửa, quần áo, hút thuốc, ăn trầu, cũng cần tiền xe, cần tiền đi lại và mọi khoản chi dùng như khi còn sống...

Người chết cũng được chia một phần gia tài. ở Sơn La, Lai Châu, nhiều nơi còn dựng các nhà mồ, trong nhà mồ cũng có đầy đủ các nồi đồng, mâm gỗ, ầm đất, bát đĩa, dao rựa, chăn chiếu quần áo, mũ nón...đủ tiện nghi cho một cá nhân. Người chết cũng được chia cả trâu, lợn, gà, thóc, gạo... Sau ba năm, tang chủ làm lễ khấn vái và ra mồ xin lại những đồ

vật còn dùng được, và súc vật còn sống, kể cả súc vật vừa mới đẻ ra...

Từ việc cúng tế bằng đồ thật, dần dần mới sinh ra lễ đốt vàng mã, tức là thay thế bằng các đồ vật làm bằng tre, gỗ, rơm, rạ, đất sét hoặc giấy tượng trưng, nhưng kích thước thu nhỏ lại để người cõi âm mang đi, nhờ có "Phép thiêng biến ít thành nhiều". áo quần của người chết mặc khi còn sống, để lại nhà mồ sau ba năm mục nát, không nỡ dùng vào việc khác, người ta đốt đi dần dần sinh ra được thay thế bằng quần áo giấy.

Vì vậy mới có câu tục ngữ "Đi theo ma mặc áo giấy".

## **Giai thoại làng văn xóm chữ**

### **Tối linh từ**

Ông Ích Khiêm, được cử giữ chức Tiểu phủ sứ, vâng lệnh cầm quân ra Bắc dẹp giặc Lý dương Tài, ở hồ Ba Bể, khi trở về qua Hà thành cho lập một ngôi đền thờ những tướng sĩ trận vong. Ông sai người đến xin Yên Đổ mấy chữ đề đề ngoài công đền, người này kẻ lể "quan Tiểu muốn làm đền cho lính tội", ra về tự đắc mình cũng là hàng tướng tá. Yên Đổ cho ba chữ: Tối linh từ

Ông Tiểu cho là chữ quá ư tầm thường, có biết đâu Yên Đồ đã nói lái: "tôi linh là lính tôi" cho bõ ghét cái anh tay sai hách xằng!

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

## **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

### **Chiêu hồn nạp táng**

Trong gia phả các họ rất chú trọng mục: Mộ táng ở đâu.

Trong mục này có một số trường hợp ghi chú: "Chiêu hồn nạp táng" là gì? Đó là những ngôi mộ không có tử thi, hài cốt, mộ người chết trận, chết đuối hay do thú dữ vồ... không tìm được tử thi. Thân nhân làm hình nhân và làm lễ an táng theo như lễ an táng thông thường.

Các cụ kể lại rằng: chất liệu làm hình nhân, có địa phương dùng cây núc nác (còn gọi là sò đo thuyền, mọc hồ điệp, nam hoàng bá, bạch ngọc nhi). Núc nác là loại gỗ mềm và xốp, dễ tạo hình, chôn dưới đất lâu hoai, lại dễ kiếm vì mọc ở nhiều nơi. Có địa phương dùng bùn lầy ở giữa dòng sông, có địa phương dùng mùn đào ở giữa ngã tư đường cái.

Hình nhân được đẽ gọt hoặc nhào nặn thô sơ, có đầu mình chân tay là được (vì đa số không phải là nghệ nhân). Kích thước của hình nhân khoảng 30-40

cm chiều dài. Thi hài tượng trưng đó cũng được khâm liệm, đưa vào áo quan làm bằng gỗ vàng tâm, kích thước nhỏ bé, hoặc đưa vào tiểu sành. Trên hình nhân có phủ lên linh vị viết trên giấy kim tuyến, nội dung giống như linh vị đặt ở bàn thờ. Trước khi làm lễ an táng có mời thầy cúng làm bùa ấn phù phép để vong hồn nhập vào hình nhân. Lễ an táng và các lễ các lễ khác cũng tiến hành như tang lễ thông thường.

### **Phở xuất hiện lúc nào?**

Vì gánh phở thường có bếp lửa nên có người cho rằng người Pháp nhìn thấy cái hàng phở rong đi qua mà lại có ánh lửa bập bùng, bèn kêu lên: “feu! feu!” (Lửa lửa, hay bếp lửa). Người bán hiểu ý, trả lời “Oui, feu” và bung phở vào. Thế là ra cái tên “phở”.

Liên quan đến từ feu của tiếng Pháp, ta còn có thể kể đến ý kiến của Alain Guillemin trong một truyện ngắn do Ngô Tự Lập chuyển ngữ sang tiếng Việt. Theo Guillemin thì món phở Việt Nam là kết quả đầy sáng tạo của Thị Ba, tình nhân của François Pierre Vidcoq, ông ngoại của tác giả, một hạ sĩ quan hải quân thời trẻ từng sống ở Sài Gòn trong khoảng 1910-1914, khi cô phải chế biến món pot-au-feu của Pháp là món thịt bò hầm cà rốt cho anh ta ăn. Nhưng bài viết của Alain Guillemin là truyện, không phải là biên khảo. Hơn nữa, ông ngoại tác giả và Thị Ba sống tại Việt Nam trong khoảng 1910 -1914 mà năm

1909 thì món yúk phẳn, tức món phở đã có mặt trong quyển “Technique du peuple annamite” (Kỹ thuật của dân An Nam) của Henri Oger nói đến rồi.

Dấu sao ý kiến của A. Guillemin cũng trùng với ý kiến của linh mục Eugène Gouin khi định nghĩa Phở là Pot au feu (Bò hầm, bò xáo, bò xào, bò kho...)

(Sơn Trung – Lịch sử Phở)

### **Rượu trong văn học**

Nói đến rượu mà quên đề cập đến Phạm Thái kẻ như là một thiếu sót đáng kể. Phạm Thái hiệu là Đan Phượng, thường gọi là Chiêu Lý, người mà Khái Hưng cảm khái viết ra truyện “Tiêu Sơn tráng sĩ”, một trang Anh hùng có thể chết vì ánh mắt giai nhân Trương Quỳnh Như. Khi nhà Tây Sơn ra đánh Bắc Hà, Phạm Thái bỏ đi tu, lấy hiệu là Phổ Chiêu thiền sư.

Phạm Thái sinh thời, rất thích rượu, thơ nhưng lại có tính ngông:

*“Có ai muốn biết tuổi tên gì,*

*“Vừa chẵn ba mươi gọi chú Lý,*

*“Năm bảy bài thơ gây gổ hạc.*

*“Một vài đũa trẻ béo răng nghê.*

*“Tranh vờn sơn thủy màu nhem nhuộm,*

*“Bầu dốc kiền khôn giọng bét be,*

*“Miễn được ngày nào cho sượng kiếp,*

*“Sống thì nuôi lấy, chết chôn đi.  
(Tự trào)*

*“Một tập thơ sâu ngâm đã chán  
“Vài be rượu nhạt uống ra gì  
“Thôi về tiên phật cho xong kiếp  
“Đù ỏ trần gian sống mãi chi?  
(Cảm thán)*

Nhưng bài sau đây có lẽ biểu lộ tính ngông trần đời của Chiêu Lý hơn hết:

*“Sống ở trần gian đánh chén nè  
“Chết về âm phủ cặp kè kè  
“Diêm vương phán hỏi mang gì đó:  
“- Be! “*

Nhà thơ họ Phạm cũng chẳng ở cõi đời lâu. Ông mất lúc 35 tuổi.

(Khuyết danh - Tết nói chuyện rượu)

### **Tên của Phở**

Tại Việt Nam, người Tàu dường như không bán “ngưu nhục phấn” nhưng tại lục địa, gồm cả Hồng Kông họ có quảng cáo món này. Sau khi khảo về ngôn ngữ, ta sẽ khảo về hình thức và nội dung của “ngưu nhục phấn” của Tàu với “phở” Việt Nam. Nêu dịch ra Anh văn, ngưu nhục phấn và Phở danh

xung giống nhau. Các tiệm Tàu ghi là Beef vermicelli soup trong khi Việt Nam thường gọi là Phở là beef noodles /Noodle soup.

Còn người Tàu gọi phở Việt là: “Việt Nam ngu nhục phần”

(Sơn Trung – Lịch sử Phở)

### **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

#### **Hình nhân thế mạng**

Ở nước ta chưa có "Tục tuần táng" nhưng đời trước có tục đốt hình nhân thế mạng, vốn xuất xứ từ tục tuần táng, nhân đạo hơn so với tuần táng.

Đề vua chúa xuống dưới âm cung có người hầu hạ, tục ta không chôn người sống mà dùng hình nộm làm bằng tre nứa, quần bằng rơm rạ hoặc nhào nặn bằng đất sét, ngoài dán giấy làm quần áo rồi vẽ mặt mũi, sau đó khi tế lễ xong thì đốt hình nhân đó cùng với vàng mã. Nếu lễ thủy thần, long vương, hà bá thì làm thuyền bằng giấy kết trên thân cây chuối rồi đặt hình nhân vào thuyền và thả trôi sông. Có người nghe theo lời bói toán nhằm nhí sắp đến vận hạn bị hung thần quỷ dữ bắt, phải nhờ thầy cúng làm lễ, đốt hình nhân thế mạng.

Có người vì mối tư thù nhưng yếu thế không trả thù được bèn nghĩ cách làm hình nhân rồi đề tên họ, húy, hiệu của kẻ thù vào trước ngực hình nhân, cắm ở ngã ba, ngã tư đường cái, thắp hương cắm lên đầu hình nhân để nhờ thần linh bắt tội người đó.

Đây là một tập tục chứa đầy tính chất mê tín, dị đoan đã bị đả phá, bãi bỏ từ đầu thế kỷ. Chính quyền thời đó đã ra lệnh cấm hủ tục này. Địa phương nào để những tục đó xảy ra, nếu phát hiện được thì lý trưởng nơi đó bị cách chức.

### **Rượu trong văn học**

Nguyễn công Trứ (1778-1859), cuộc đời “lên voi xuống chó” của nhà thơ và cái hùng tâm của Uy Viễn tướng công, nhưng không thiếu hơi hám của rượu trong Thơ:

*“Thơ một túi, phẩm đề câu nguyệt lộ  
“Rượu ba chung, tiêu sái cuộc yên hà  
(Cầm kỳ thi tửu)*

*“Ai say, ai tỉnh, ai thua được,  
“Ta mặc ta, mà ai, mặc ai.  
(Cầm kỳ thi tửu)*

*“Lưng bầu rượu say cổ kim kim cổ  
“Một túi thơ vui hoa nguyệt nguyệt hoa  
(Kiếp nhân sinh)*

*“Hẹn với lợi danh ba chén rượu  
“Vui cùng phong nguyệt một bầu thơ  
(Thoát vòng danh lợi)*

*“Trót đà khuya sớm với ma men,  
“Mặc kệ người chê, mặc kệ khen.  
(Uống rượu tự vịnh)*

(Khuyết danh - Tết nói chuyện rượu)

### **Phở Việt**

Tô Hoài nói đến phở ở đầu thế kỷ XX. Ngu ru nhục phần và Phở của người Việt khác nhau. Người Tàu bày ra Ngu Ru Nhục phần nhưng người Việt sửa đổi đi nên Phở Việt ngon hơn. Ông viết:

*Hồi ấy chưa có những hàng phở bán đêm. Người Tàu làm ra phở, nhưng phở của người Tàu không ngon. Cũng tàn như trong đêm vừa qua. Ngu ru nhục phần... nhục phần... nhục phần... Tiếng rao xưa cũ chẳng mấy ai còn nhớ. Phải đến tay người ta làm lại cái “ngu ru nhục phần” thành phở bò chín, món quà sáng và ăn cả ngày. Những tiếng “phơ, phở” của bác phở gánh ở Gầm Cầu bước ra, cất tiếng chào cao cao, ấy là trời đã sáng hẳn. Những bóng phố nhỏ, những ngõ phố ướt nhọt nhạt loãng ra. (9)*

(9) Tô Hoài. Chuyện Cũ Hà Nội. NXB Hà Nội, 1986, số 14. Tiếng rao đêm.

(Son Trung – Lịch sử Phở)

## **Giai thoại làng văn xóm chữ**

### **Ăn cơm vua**

Một ông thợ xẻ, gặp dịp làm nên giàu có, mua được chút phẩm hàm, mở tiệc ăn khao. Trong những câu đối và hoành phi gửi đến mừng, người ta chú ý nhất đến một bức trướng trên đề ba chữ: Ăn cơm vua.

Ai đọc cũng phải tìm tòi, nhớ lại câu hát: "kéo cưa, lừa xẻ, ông thợ nào khỏe thì ăn cơm vua, ông thợ nào thua thì về bú tí ... "

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

## **Đất lễ quê thói với phong tục cổ truyền**

### **Cải táng**

Chúng tôi xin trích "Việt Nam Phong tục" của Phan Kế Bính trang 39: "...Người mất, sau ba năm đoạn tang rồi hoặc một vài năm nữa thì con cái lo việc cải táng

Trước hôm cải táng làm lễ cáo từ đường. Đến hôm cải táng, lại làm lễ khấn thổ công chỗ để mả mới táng.

Trước hết khai mả, nhặt lấy xương xếp vào một cái tiểu sành, rảy nước vang vào rồi che đậy thật kín,

không cho ánh sáng mặt trời lọt vào được. Nhà phú quý thì dùng quan quách liệm như khi hung táng.

Đoạn, đem cải táng sang đất khác. Còn quan tài cũ nát thì bỏ đi, tốt thì đem về dùng hoặc làm cầu, hoặc làm chuồng trâu chuồng ngựa, để trâu ngựa đứng cho khỏi sâu chân.

Tục lại tin rằng: Hễ ai đau tức thì lấy mảnh ván thò (mảnh ván quan tài nát) đốt lên, để gằm giường mà nằm thì khỏi đau tức.

Cải táng có nhiều có.

Một là vì nhà nghèo, khi cha mẹ mất, không tiền lo liệm, mua tạm một cỗ ván xấu, đợi xong ba năm thì cải táng, kéo sợ ván hư nát thì hại đến di hài.

Hai là vì chỗ đất mỗi kiến, nước lụt thì cải táng.

Ba là vì, các nhà địa lý, thấy chỗ mả vô có sụt đất hoặc cây cối ở trên mả tự nhiên khô héo, hoặc trong nhà có kẻ dâm loạn điên, hoặc trong nhà đau ốm lũng củng, hoặc trong nhà có kẻ nghịch ngợm, sinh ra kiện tụng lôi thôi, thì cho là tại đất mà cải táng.

Bốn là, những người muốn cầu công danh phú quý, nhờ thầy địa lý tìm chỗ cát địa mà cải táng. Lại có người thầy nhà khác phát đạt, đem mả nhà mình táng gần vào chỗ mả nhà kia, để cầu được hưởng dư huệ.

Trong khi cải táng, tục lại có ba điều là tường thuy (tức là mả phát tốt đẹp) mà không cải táng.

Một là, khi đào đất thấy có con rắn vàng thì cho là long xà khí vật. Hai là, khi mở quan tài ra thấy có

dây tơ hồng quán quýt thì cho là đất kết. Ba là, hơi đất chỗ đó ẩm áp, trong huyết khô ráo không có nước hay là nước đóng giọt lại như sữa đều là tốt. Khi nào gặp như thế thì phải lập tức lấp lại ngay.

### **Rượu trong văn học**

Chu Thân Cao Bá Quát, đất Bắc Ninh, làm Giáo thụ ở Quốc Oai (Sơn Tây), sinh thời Ông vì bất mãn cuộc đời, yếm thế nên ông mượn thơ, uống rượu mà ca tụng cảnh nhàn:

Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy,  
Cảnh phù du trông thấy cũng nực cười  
Thôi công đâu chuốc lấy sự đời  
Tiêu khiển một vài chung lếu láo.  
Đoạn tổng nhất sinh duy hữu tửu,  
Trầm tư bách kế bất như nhàn

(Khuyết danh - Tết nói chuyện rượu)

### **Phở Việt**

Tóm lại, từ năm 1933, Tự điển khai Trí Tiến Đức đã ghi “Phở” vào hộ tịch , và 10 năm sau, năm 1943 Thạch Lam đưa phở vào văn học. Như thế, phở đã chiếm địa vị rất cao trong xã hội, và uy tín phổ biến từ bình dân cho đến giới trưởng giả!

Thật vậy, vương quốc Phở đã bành trướng mãnh liệt ở Bắc Kỳ trước 1945. Vũ Bằng viết:

*Trước kia, còn thái bình, ta đã từng thấy có buổi sáng, hàng trăm người chen chúc khố sở vào cái ngõ con bẽ ngang không quá một thước ở phố Hàng Khay, bên cạnh nhà Bát Sĩ Nha hay xuống tận đường sau chợ Hôm, trong một cái quán lá tồi tàn để thưởng thức cho kỳ được một hay hai bát phở mới yên tâm.*

*Thời đó, nổi tiếng có anh phở Sứt sáng lập ra món phở giò (lấy thịt bò quạn lại như cái dăm bông rồi thái mỏng từng khoanh nhỏ điểm vào với thịt). Phở Nhà thương Phủ Doãn ăn được nhưng nước hơi nhạt; phở Đông Mỹ ở phố Mới ăn êm, nhưng tẩy gừng hơi quá tay; phở Cống Vọng, kéo xe, ngon, nhưng nước dùng hơi hôi; phở Mũ Đỏ ở đường sau miếu chợ Hôm vô thường vô phạt, ăn khá, nhưng chưa có gì quyến rũ. (10)*

(10) Vũ Bằng. Miếng Ngon Hà Nội. Nam Chi Tùng Thư, Saigon, 1960. Phở

### **Giai thoại làng văn xóm chữ**

#### **Câu đối**

Lê Thánh Tông, lúc còn là hoàng tử, một hôm dạo chơi trên bờ sông đào vùng Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, tình cờ gặp một cô con gái xinh đẹp đang vo gạo ở dưới bên, liền đọc bốn một câu:

*Gạo trắng nước trong, mển cảnh lại càng thêm mển cá ...*

Cô gái tiếp tục vo gạo, khi xong, cặp rá ra về, ngoài

cổ lại đọc:

*Cát làm gió bụi, lo đời đâu đây hãy lo cho ...*

Hoàng tử khâm phục lời khuyên, vì bây giờ đang buổi loạn ly, làm thân nam tử hãy lo việc lớn xong đâu đây, rồi hãy nghĩ tới việc ...kia khác.

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

### **Rượu trong văn học**

Sang đến thế kỷ 20, Việt Nam ta có một số thi sĩ nổi danh đã coi rượu như một người tình không thể thiếu, trong đó có Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu.

*“Trăm năm thơ túi rượu vò.*

*“Nghìn năm thi sĩ tửu đồ là ai?*

(Còn chơi)

*“Công danh sự nghiệp mặc đời*

*“Bên thời be rượu, bên thời bài thơ.*

(Tản Đà xuân sắc, 1953)

(Khuyết danh - Tết nói chuyện rượu)

### **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

#### **Cải táng**

Có lý luận cho rằng, âm dương cách biệt nên phải kiêng không để mặt trời trực tiếp dội vào. Nhưng

theo thực tế, có nhiều trường hợp, gắp đất dưỡng thi, hoặc ba điều tường thuy (tức mộ kết phát) không nên cải táng, phải lập lại ngay. Trong trường hợp thi thể sau nhiều năm vẫn còn nguyên vẹn, nếu để ánh nắng mặt trời trực tiếp dội vào thì rữa ra ngay và teo lại. Vì vậy, để phòng xa nên kiêng ánh mặt trời, lâu ngày trở thành phong tục chung.

Nguyên nhân nào đã làm cho xác và đồ tùng táng không bị tiêu huỷ? Sau nhiều năm nghiên cứu, các nhà khảo cổ, nhân chủng học và y học hiện đại đã đi đến kết luận là, có hai nguyên nhân cơ bản:

Một là, mộ được chôn cất trong môi trường kín tuyệt đối. Không có hiện tượng trao đổi bên trong và bên ngoài. Quan, quách (hai lớp) đã đóng vai trò chủ đạo trong yêu cầu kỹ thuật này. Ngoài ra, còn cần phải hạn chế tới mức tối đa không gian trống trong lòng mộ.

Hai là, dầu thơm cũng là một yếu tố quyết định. Dầu thơm đã làm sạch vi khuẩn, dầu trộn với hợp chất, đổ vào lòng quan, quan tài thơm... đã ngăn không cho vi khuẩn, kể cả các vi khuẩn yếm khí tiếp tục hoạt động huỷ hoại xác.

Ngoài ra các phương pháp chống ẩm bằng chè, quần áo, tấm liệm, gói bông cũng đã góp thêm mặt yếu tố gìn giữ xác. Những kết quả khoa học đào tìm được và các giám định khoa học vừa được trình bày cho thấy: Mộ xác ướp Việt Nam không có gì là bí ẩn cả. mộ xác ướp, một di sản văn hoá cần được gìn giữ.

## **Phở Sài Gòn**

Tại Sài Gòn, trước 1945, Phở chiếm vị trí khiêm tốn. Theo nhà văn Tô Hoài, ở Sài Gòn năm 1940 chỉ có hai chỗ bán phở Bắc. Một ở hẻm đường Espagne tức là đường Lê Thánh Tôn hiện nay và một ở chợ cũ (khu vực Hàm Nghi). Đến năm 1950 nghĩa là 10 năm sau, phở Bắc chỉ phát triển thêm mỗi một tiệm ở đường La Grandière (Lý Tự Trọng).

Sau 1954, dân Bắc di cư vào Nam và cũng mang Phở vào Nam. Trong khi ngoài Bắc, dân chúng dưới ngọn cờ máu, phải ăn Phở Quốc Doanh, do đảng tài tình lãnh đạo cho nên đã phát sinh ra lối “Phở không người lái” thì trong Nam, Phở có thịt đầy đủ, có nhiều loại tùy thích mà lựa chọn như thịt bò chín , thịt bò tái, sụn, nạm, đuôi bò, gân, ngẫu pín, phở gà, phở bò gà... Vì Phở bây giờ đi vào vương quốc “giá sống”, nhập gia tùy tục, phở có thêm món rau phong phú như giá, rau húng, ngò gai...

(Sơn Trung – Lịch sử Phở)

## **Phúng ông Lý Pheo**

Cuộc trần ai cay đắng mặc ai ai, tưởng như khi cổ nhón mâm đầy, một miếng giữa làng danh phận thế;

Sự nhân thế tình mơ là thế thế, này thôi lúc kèn đưa  
trông tiễn,  
ngã ba đường cái vợ con ai.

(Câu đối của Tản Đà)

### “Phở Tàu”, phở Việt



Nói chung phở, hai bên hoàn toàn khác nhau. Khi nội dung hoàn toàn khác nhau thì không thể bảo chung nguồn gốc. Tại Hà Nội, người Tàu bán hàng “ngưu nhục phẩm” và người Việt bán phở.

Thực chất hai món hàng khác nhau tuy cùng nấu chung bột gạo với thịt bò, thịt trâu. Mà trên thế gian này, việc nấu thịt với gạo hay mì là phổ biến. Việt Nam có cháo bò, cháo gà, miến gà, xáo trâu, bún bò, bún bò kho. Tàu có mì, hủ tiếu, hoành thánh. Pháp có soup... Nếu người Tàu sáng tạo món Phở, sao sau 1945 tại Việt Nam họ không bán món này mà chỉ có người Việt bán? Tại Sài Gòn, món hàng phổ biến của người Tàu là mì, hủ tiếu, hoành thánh chứ

không phải là phở. Chính người Tàu cũng phân biệt ra “nguru nhục phần” của họ với “Việt Nam nguru nhục phần”.

Do vậy, Phở là quốc hồn, quốc túy của người Việt cũng không sai.

(Sơn Trung – Lịch sử Phở)

### **Rượu trong văn học**

Nhà thơ núi Tản sông Đà yêu văn chương lẫn rượu nồng đến nỗi người bạn Tú Mỡ Hồ trọng Hiếu phải làm thơ nói về ông:

*“Từ khi Hiếu xuất thế,  
“Vẫn nhớ cảnh thiên tiên:  
“Bữa cơm thường phải rượu,  
“Nhưng túi lại rỗng tiên.*

\*

*“Liên xoay nghề văn chương,  
“Viết bùa bán phố phường.  
“Thơ chạy tha hồ uống,  
“Say khướt suốt đêm trường.*

\*

*“Rượu ngon thức nhắm ngon.  
“Giọng văn lại càng giòn;  
(Trời đầy Nguyễn Khắc Hiếu - Giòng nước ngược I)*

(Khuyết danh - Tết nói chuyện rượu)

## **Đất lè què thối với phong tục cổ truyền**

### **Cải táng**

Về ngôi mộ xác ướp mới phát hiện ở Cát Hanh. Một ngôi mộ xác ướp được phát hiện trên cánh đồng Mả Vôi thuộc xã Cát Hanh huyện Phù Cát, tỉnh Nghĩa Bình.

Ngôi mộ được táng theo lối trong quan ngoài quách. Quách được xây dựng bằng một hợp chất gồm vôi sống, cát và một số chất kết dính như nhiều ngôi mộ đã phát hiện thời Lê Trịnh và thời Nguyễn. Quan tài bằng gỗ, mặt ngoài trát một lớp ngấn thắm rất kín. Quan tài có chân và nắp là một nửa thân gỗ còn nguyên lớp vỏ bào không nhẵn. Thi hài chôn trong mộ là một phụ nữ khoảng 60 tuổi, cao 154,5 cm, chân trái bị gãy và liền lại khi còn sống nên ngắn hơn chân phải 3,1cm. Thi thể hầu như còn nguyên vẹn và các khớp xương, nhất là xương sống và các khớp vai còn có thể cử động rất mềm dẻo. Y trang phục của người chết gồm ba lớp áo mặc, khăn nhiều đội đầu, đội hài da, một chiếc áo dài màu đen kê dưới tay phải. Vải liệm gồm 7 súc đặt theo chiều dài và súc đặt theo chiều ngang.

Đáy quan tài có một lớp trấu và lúa không sấy, chất gạo còn khá tốt. Giữa nắp quan tài và xác là một lớp là chuối khô. Giấy bản chèn cũng buộc bằng dây chuối khô. Đặc biệt, quan tài chứa một dung dịch

ngâm giữ xác có màu nâu trong. Thành phần hoá học của dung dịch chưa xác định được, nhưng không có thủy ngân (Hg) arsenic (as) và tinh dầu thông.

Theo gia phả của dòng họ và sự ghi nhận của thân nhân thì chủ ngôi mộ là bà Nguyễn Thị Trọng, vợ thứ ba của ông Lê Văn Thế.

Ngôi mộ ướp xác này là một tư liệu khoa học có giá trị về nhiều phương diện:

- Đây là ngôi mộ ướp xác đầu tiên tìm thấy từ một tỉnh xa nhất về phía nam.
- So với những ngôi mộ ướp xác được phát hiện ở các tỉnh phía Bắc, ngôi mộ này có những đặc điểm riêng cần nghiên cứu như: Nắp quan tài là một nửa thân cây đẽ nguyên vỏ, thi hài ngâm trong dung dịch giữ xác...
- Những di vật trong ngôi mộ phản ánh nghi thức mai táng y trang phục các nghề thủ công, phong tục tập quán và lối sống xã hội đương thời.
- Chủ nhân của ngôi mộ thuộc gia đình Tây Sơn và có quan hệ mật thiết với Tây Sơn nên những di vật đó cũng là những chứng tích về đời sống văn hoá xã hội, kinh tế thời bấy giờ.

(Trích "Quang Trung Nguyễn Huệ- con người và sự nghiệp"- Phan Huy Lê.)

## Giai thoại làng văn xóm chữ

### Câu đối

Tương truyền rằng vợ ba Cai Vàng khi xưa, hồi còn con gái tên là cô Miên, có ra một vé đối kén chồng: Cô Miên ngủ một mình.

Cô là một mình, miên là ngủ. Cô Miên lại là tên. Câu cô miên ngủ một mình trên kia ra đã lâu không ai đối được, mãi sau này mới có Cai-tổng Thịnh, tức là Cai Vàng, đến đối: Tổng Thịnh tóm nhiều đũa (Tổng là tóm, thịnh là số đông, lại cũng là tên).

Vé đối có vẻ bông đùa nhưng lại chĩnh, nên cô Miên ưng thuận lấy ông Tổng Thịnh, dù là phải làm lẽ thứ ba. Đến khi Cai Vàng trong một cuộc giao tranh với Pháp, bị trúng đạn bỏ mình, bà ba có câu đối khóc: Chị thừa chị, một tiếng đùng, kiếp phù sinh ông lớn đã xong rồi, trị mà chi, loạn mà chi, ngơ ngẩn sống thừa, em với chị.

Con ơi con, ba đời dãi, gương thể phiệt chúng bay coi lấy đó, vinh là thể, nhục là thể, ngậm ngùi chết điếng mẹ cùng con ...

Hạ đến chữ chúng bay thì rõ là giọng "bà tướng" có cái hùng khí coi thiên hạ như rơm rác. Có bạn cho đôi câu đối này là của vợ lẽ ông Cung Khắc Đản, xin khi vào đây để tồn nghi.

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

## Văn hóa ẩm thực

Văn học chữ Hán của người Việt Nam hình như không có một tác phẩm nào viết về ẩm thực truyền thống. Phạm Đình Hổ ngồi dưới mưa "tùy bút" đủ thứ chuyện nhưng chỉ nhắc trà Tàu mà không động mảy may tới cái đáng động hơn nhiều là những thức bày trên mâm cơm nhà ông! Dù ai đó có viết về cái ăn của người Việt Nam, viết bằng chữ Hán thì làm sao cho đến đâu đến đấy được!

Chữ Nôm viết ra tiếng Việt, nếu dùng để viết về cái ăn của ta thì tiện lắm. Nhưng văn học chữ Nôm hình như cũng không có lấy một tác phẩm nào về đề tài ẩm thực.

Dĩ nhiên dân tộc Việt Nam từ lâu đã có "miếng ngon". Tại sao nhà nho ta xưa kia không nhắc đến?

Có thể nghĩ ấy bởi giới các nho sĩ, mà nho thì quan niệm "văn" phải hoặc chữ "đạo", hoặc chứa sử, hoặc diễn tình cảm cao nhã, hoặc nữa để kể những chuyện đáng kể là cùng (1), chứ không thể nào lại đi tầm tã, trầm trồ một trong bốn "khoái". Nhưng thời xưa bên Tàu người ta có viết về ăn!(2) Tại sao nho Tàu thoải mái "bàn" chuyện ăn của với kho thịt heo, mà nho ta lại lúng túng kiêng "tán" thưởng thức giò lụa với nướng chả?

Thiết tưởng không có vấn đề kiêng cử gì ở đây hết. Ta cũng như Tàu không hề né nhắc đến cái ăn. Mặt khác, khi cầm bút lên nho ta cũng như nho Tàu diễn

hình không dành cho đề tài ăn uống chút ưu tiên nào. Vì cái ăn không được ưu tiên, nên ở đâu viết thật nhiều ở đó mới thỉnh thoảng có một đôi bài về nó. Nho Tàu viết tiếng Tàu đã mấy ngàn năm, viết ra không biết bao nhiêu lời mà kể, do đó lác đác có văn ăn của kho thịch. Nho ta viết tiếng ta mới bắt quá vài trăm năm, cho nên chưa kịp động đến thịch nướng với giò, thế thôi.

(1) Như *Việt điện u linh, Lĩnh Nam chích quái, Vũ Trung tùy bút, Hoàng Lê nhất thống chí*.

(2) Như Lý Lạp Ông, Viên Mai.

(Người Việt viết về ăn – Thu Tứ)

### Gian nhân di mặc



Nguyễn Hữu Tiên, bút hiệu Đông Châu Nguyễn Hữu Tiên, sinh năm 1875, quán Từ Liêm, Hà Đông, tạ thế năm 1941. Ông cộng tác với Nam Phong của Phạm Quỳnh 17 năm, vừa biên khảo, vừa dịch thuật và sáng tác. Năm 1915, ông đã xuất bản tập biên

khảo nổi tiếng về nữ sĩ Hồ Xuân Hương với tựa đề *Gian nhân di mặc* (Nét mực giai nhân để lại), Trong tập biên khảo này, ông kể lại nhiều giai thoại về nữ sĩ này nhưng không dẫn chứng nguồn tài liệu chuẩn mực nào. Nên tác phẩm của ông được coi như truyện ký hơn là là một biên khảo có giá trị.

(Nguyễn Hữu Tiến và việc bảo tồn văn hóa cổ - Hoàng Yên Lưu)

## **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

### **Thiên táng**

Ngày xưa có người đi làm ăn ở xa nhà, dọc đường chẳng may bị cảm nắng. Cảm gió mà chết đột ngột, có người cùng đi hoặc người qua đường nhận ra, chỉ kịp đánh dấu chỗ người chết nằm xuống, chưa kịp chôn cất, đến nhà báo cho tang quyến. Khi người nhà đến nơi thì mối đã vùi lấp hết tử thi. Thân nhân cho là huyệt đất tốt, trời đã dành cho và chôn giùm nên gọi là "thiên táng".

Vì tương lai gia đình sẽ phát đạt, vậy cứ để nguyên mà vun cao lên. Không cải táng. Những ngôi mộ thiên táng như vậy, thường ở ven đường cái, lác đác còn nhìn thấy có những ngôi mộ cỏ đắp đất, gọi là thảo mộ. Trải qua hàng trăm năm mưa gió dập vùi, nhưng vẫn được tôn cao, trong số đó phần lớn là những ngôi mộ vô thừa nhận vì chết dọc đường,

người nhà không tìm thấy. Mộ vẫn được đắp cao, không ngót hương khói, do những cư dân chung quanh và khách buôn bán đi qua về lại chăm sóc thờ cúng vì tin rằng những âm hồn đó rất thiêng, phù hộ độ trì cho khoẻ mạnh, làm ăn nên nổi.

### **Phở Hà Nội**

Sao bằng ra đầu phố ăn một bát phở ba của anh hàng phở áo cánh trắng, gi-lê đen, và tóc rẽ mượt? Nồi nước sôi sùng sục, tỏa mùi thơm ra khắp phố. Nếu là gánh phở ngon - cả Hà Nội không có đâu làm nhiều - thì nước dùng trong và ngọt, bánh dẻo mà không nát, thịt mỡ gầu giòn chứ không dai, chanh, ớt, với hành tây đủ cả. Chả còn gì ngon hơn bát phở như thế nữa. Ăn xong bát thứ nhất, lại muốn ăn luôn bát thứ hai. Và anh hàng phở chả phải gánh nặng đi đâu cả, chỉ việc đỗ một chỗ nhất định, cũng đủ bán một ngày hai gánh như chơi. Và người hàng phố tìm dấu hiệu để gọi tên anh cho dễ nhớ: anh phở Trọc, anh phở Bê-rê, anh phở Mũ Dạ, anh phở Cao... và dặn thằng nhỏ chớ mua hàng khác về "ông không ăn mà chết đờn!!".

Phở là một thứ quà đặc biệt của Hà Nội, không phải riêng Hà Nội mới có, nhưng chỉ ở Hà Nội mới thật ngon. Đó là thứ quà suốt ngày của tất cả các hạng người, nhất là công chức và thợ thuyền. Người ta ăn phở sáng, ăn phở trưa và ăn phở tối.

Phở bán gánh có một vị riêng, không giống như phở bán ở hiệu. Các gánh phở có tiếng ở Hà Nội đều được người ta đặt tên và tưởng nhớ: phở Ga, phở Hàng Cót, phở Ô Quan Chưởng, v.v .

Bây giờ nhiều tài năng trẻ trong nghề phở mới nhóm lên và trái lại, những danh vọng cũ trên kia không chắc có còn giữ được "hương vị xứng kỳ danh" nữa. Có người nào thử chịu khó đi khảo nếm lại một lượt xem sao? Một vòng quanh Hà Nội bằng vị phở, chắc có lắm điều mặn, chát, chua, cay đấy.

(Quà Hà Nội – Thạch Lam)

### **Văn hóa ẩm thực**

Viết về ăn đầu tiên ở nước ta có lẽ là Trương Thị Bích. Khoảng năm 1915 bà cho xuất bản sách *Thực phở bách thiên*, là sách dạy nấu ăn viết bằng chữ quốc ngữ, gồm 100 bài thơ tứ tuyệt.(3)

(3) Ví dụ: "Canh bầu thì thích lá rau hao / Cho biết rau hành bỏ bí đao / Hầm mít lại ưa sên với lốt / Bí ngô thời phải tãi gia vào".

(Người Việt viết về ăn – Thu Tú)

### Rượu trong văn học

Nhưng để công bằng với bạn, Tú Mỡ cũng “nói xấu” về mình:

*“Có một anh,  
“Biếng lười như hủi.  
“Cờ bạc như tinh,  
“Rượu chè như quỉ.  
“Trai gái như ranh.  
(Xoay hòn đất)*

*“Tom chát quanh năm vài bốn bận,  
“Say sưa mỗi tháng một đôi ngày  
“Tinh vui trò chuyện cười như phá,  
“Lòng thẳng cảm hờn nói toạc ngay  
(Tự thuật)*

(Khuyết danh - Tết nói chuyện rượu)

### Giai thoại làng văn xóm chữ

Chúng ta, ai cũng thuộc bài sau này của Tú Xương:  
Sông kia, giờ đã nên đồng,  
Nơi làm nhà cửa, nơi trồng ngô khoai.  
Nửa đêm tiếng ếch bên tai,  
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi ò!

Ta thuộc và ta hay ngâm bài đó vì nó đầy âm hưởng u hoài. Song, ta ắt phải đánh dấu hỏi: nửa đêm còn ai gọi ò, mà nghe tiếng gọi ò can chi đến phải giật

mình? Ấy là bởi vì: sông Vị Hoàng chảy ở gần nhà ông Tú, về thời ấy thỉnh thoảng được dùng làm chỗ hò hẹn của những nhà ái quốc, hoặc từ Thanh Nghệ ra, như nhóm Phan Bội Châu, hoặc từ Hà Nội Hưng yên xuống như nhóm Nguyễn Thiện Thuật.

Những kỳ tụ tập thường vào lúc đêm khuya, mà tất nhiên là có mặt ông Tú. Mỗi khi ông Tú đến họp, lại cũng tất nhiên có tiếng gọi dò để ông sang. Về sau, quãng sông này bị lấp đi, cuộc hội họp phải thay địa điểm. Và lại thời cục mỗi ngày một khó khăn, rồi ra cũng không gặp nhau được nữa, những người hội họp khi trước đều bị bắt bớ hoặc phải trốn tránh dần mòn. Vì thế, hễ nghe tiếng ếch đêm khuya, ông Tú lại giật mình nhớ lại tiếng gọi dò khi trước. Cho nên câu thơ hoài cổ trên kia, ngâm lên với một tâm trạng ôn cố mới thấy thật là "vô hạn cảm hoài".

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

### **Giai thoại làng văn**

Năm 1629, Trịnh Tráng, nhờ vua Lê sai đem vào Thuận Hóa một tờ sắc cũng bằng chữ Nôm nội dung tỏ ý đòi Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên phải nộp thuế nhưng thật ra bắt Chúa Nguyễn phải thần phục bằng cách cho con trai ra Bắc châu vua.

Chúa Nguyễn nhận sắc nhưng vẫn không nộp thuế. Thấy vậy, cũng trong năm này họ Trịnh một lần nữa mượn tiếng vua Lê đòi Chúa Sãi cho con ra châu,

lần này chỉ nhắc đến việc góp phần triều cống nhà Lê, nhưng không nhắc gì đến việc thuế má.

“*Nộp thuế*” hay “*cho con ra Bắc châu vua Lê*” chỉ là có Trịnh Tráng đưa ra để bắt buộc Nguyễn Phúc Nguyên phải chịu mệnh của mình. Chấp nhận nộp thuế hay cho con ra châu một vị vua chịu sự áp chế của Chúa Trịnh. Bởi vậy Chúa Nguyễn tiếp sứ, nhận chiếu nhưng tìm cách trả chiếu về cho họ Trịnh.

Đào Duy Từ hiến kế làm mâm hai đáy, giữa để tờ sắc đã nhận từ ba năm trước kèm theo tờ thiếp có bài thơ như sau:

*Mâu nhi vô địch  
Mịch bát<sup>7</sup> kiến tích  
Ái lạc tâm trường  
Lục lai tương địch*

Phùng khắc Khoan, mưu thần của họ Trịnh đoán được ý của bài thơ trên bằng cách chiết tự thành bốn chữ: *Dư bát thụ sắc* (*Ta không chịu nhận sắc*).

(Nguyễn Văn Sâm – Văn học xứ Đàng trong)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ**

#### **Ả đào**

Thời xưa, các cụ những lúc cao hứng, hay lui tới "xóm chị em" thường được gọi văn vẻ là "quán Sở lầu tân". Ả đào là những người vì cảnh ngộ xui nên mà phải làm cái nghề buôn phấn bán son. Nhiều cô

lấy làm vạ bất đắc dĩ, là vì đã từng theo đòi bút  
nghề, nên những lúc cảm thương thân thể,  
thường viết ra những vần ai oán:  
Chôn ca lâu đèn dong một ngọn,  
Đêm năm canh hao tổn tinh thần.  
Ngủ ngày thức tối hư thân,  
Biết đâu quán Sở lầu Tần thế gian!  
Thân như thể hoa tàn nhị rữa,  
Bỏ bên đường làm của chơi chung.  
Sang hèn có bạc thì xong,  
Tha hờ vợ vợ chồng chồng chén son.  
May gặp khách nha môn quyền quý,  
Chẳng may ra, gặp kẻ ngu hèn.  
Tháng ngày ẻo ọe chè men ,  
Bẻ hành bẻ tỏi chị em đến điều ...

Nhưng, khi gặp khách tri âm, thì đến lúc chia tay có  
cô nítu "anh" lại mà ngâm:  
Anh về, em chẳng cho về,  
Em nítu vạt áo, em đề câu thơ ...

Thơ rằng:  
Ta chữa xa nhau đã nhớ nhau,  
Nhớ nhau vì nỗi phải xa nhau.  
Xa nhau chi để cho nhau nhớ,  
Mà có xa nhau mới nhớ nhau!

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

## Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền

### Đắp mộ

Theo phong tục, sau ba ngày an táng là làm lễ mở cửa mả.

Trong buổi đó, sửa sang mộ cao ráo, đắp cỏ xung quanh làm rãnh thoát nước, chặt bỏ cây bụi chung quanh để phòng rễ mọc lan, xuyên vào mộ, chọc thủng áo quan. Kể từ ngày đó, con cháu đến viếng thăm, thắp hương chỉ lấy đất chung quanh đắp bổ sung vào những chỗ đất bị sụt lở, không được trèo lên mộ, không được động thổ, cuốc vào.

Xét ra tục kiêng ấy rất hợp lý: Trong ba năm đó áo quan và thi thể đang trong thời kỳ tan rữa, đã xảy ra những trường hợp do không biết để phòng mà mồ mả bị sập. Sập mả, động mả mặc dù là hiện tượng tự nhiên cũng gây cho tang gia nhiều điều lo lắng.

### Phở Hà Nội

Nhưng có một nơi phở rất ngon mà không có ai nghĩ đến và biết đến: ấy là gánh phở trong Nhà Thương. Trong Nhà Thương vốn có một bà bán các thứ quà bánh ở một gian hàng dựng dưới bóng cây. Cái quyền bán hàng đó là quyền riêng của nhà bà, có từ khi Nhà Thương mới lập. Bà là người ngoan đạo nên tuy ở địa vị đặc biệt đó, bà cũng không bắt bí mọi người và ăn lãi quá đáng. Thức gì bán cũng ngon

lành, giá cả phải chăng. Nhưng gánh phở của bà thì tuyệt: bát phở đầy đặn và thơm tất, do hai con gái bà làm, trông thực muốn ăn. Nước thì trong và lúc nào cũng nóng bỏng, khói lên nghi ngút. Rau thơm tươi, hồ tiêu bắc, giọt chanh cốm, lại điểm thêm một chút cà cuống thoảng nhẹ như một nghi ngờ. Mà nhân tâm tùy thích, nhà hàng khéo chiêu: ai muốn ăn mỡ gầu, có, muốn ăn nạc, có, muốn ăn nửa mỡ nửa nạc, cũng có sẵn sàng.

Cứ mỗi buổi sáng, từ sáu giờ cho đến bảy giờ, chỉ trong quảng ấy thôi, vì ngoài giờ là gánh phở hết, chung quanh nồi nước phở, ta thấy tùm nãm tùm ba, các bệnh nhân đàn ông và đàn bà, các bác gác san, các thầy y tá, và cả đến các học sinh trường thuốc nữa. Chùng ấy người đều hợp lòng trong sự thương thức món quà ngon, nâng cách ăn phở lên đến một nghệ thuật (...)

(Quà Hà Nội – Thạch Lam)

### **Rượu trong văn học**

Có thể nói tình bạn của người xưa đậm nồng trong chung trà chén rượu, nên Ưu Thiên Bùi Kỷ cũng chẳng khác gì Nguyễn Khuyến khi nhớ đến người bạn đã qui tiên:

*“Ta cùng bác quen nhau đã lâu,*

*“Khi thơ lưng túi, rượu lưng bầu.*

*“Trời đất yêu ta, ta ở lại,*

“Non sông nhớ bác, bác đi đâu?  
(Viếng bạn)

(Khuyết danh - Tết nói chuyện rượu)

### **Văn học Nam Hà**

Văn học miền đất từ Thuận Hóa đến Hà Tiên thời gian từ khi Nguyễn Hoàng thật sự rời đất Bắc năm 1600) đến lúc Nguyễn Ánh lên ngôi năm 1802. Lúc đó vùng đất thuộc chúa Nguyễn được gọi bằng danh từ “*Xứ Đàng Trong*” hoặc “*Nam Hà*”; trong khoảng thời gian có xuất hiện nhà Tây Sơn, ta còn thấy nhắc đến tiếng “*Quảng Nam quốc*” .

Nếu như đặc trưng văn học Nam Hà với Đoàn Thị Điểm, Lê Hữu Trác, Hồ Xuân Hương, Ôn Như Hầu...thì lịch sử tạo dựng miền Nam có thể tóm lược bằng những niên đại sau:

- Năm 1611 Nguyễn Hoàng lấy một phần đất Chiêm Thành lập ra phủ Phú Yên.
- Năm 1653 Nguyễn Phúc Tần lấy thêm một phần đất nữa mở ra phủ Diên Khánh.
- Năm 1697 Nguyễn Phúc Chu mở thêm Phủ Bình Thuận, Phan Rang, Phan Rí.

Từ đây nước Chiêm Thành mất hẳn trên bản đồ thế giới.

(Nguyễn Văn Sâm – Văn học xứ Đàng trong)

### **Văn hóa ẩm thực**

Viết mà để tâm tấc, ca ngợi, tiên phong hình như là  
Tản Đà:

"(...) Hà tươi cửa biển Tu-ran  
Long Xuyên chén mắm, Nghệ An chén cà  
(...)  
Nay về Bát Bạt quê nhà  
Sông to cá lớn lại là thứ ngon..."  
(Thú Ăn Chơi)

(Người Việt viết về ăn – Thu Tứ)

### **Lịch sử Phở**

Lịch sử Phở xuất hiện từ đầu thế kỷ 20 ở miền Bắc và bắt nguồn từ phái nam của Hà Nội, Nam Định. Quán phở được nhiều người biết đến nằm ở làng Vân Cù và dao Cù ở khu Đồng Xuân, quận Nam Trực, Nam Định.

Theo dân làng, phở được bày bán một thời gian khá lâu trước thời kỳ Pháp thuộc. Hiểu theo nghĩa là phở đã xuất hiện trước khi người Pháp cai trị Đông Dương.

(Giai thoại phở Tàu Bay – Lê Quang Sinh)

## Giai thoại làng văn xóm chữ Câu đối

Một học trò nghèo, bữa kia phải đem áo đến cầm cho một nhà giàu, không ngờ nhà này lại là một ông quan hời hưu. Ông quan trông thấy thương tình, bèn ra một vế đối thử tài:

*Quân tử cố cùng, quân tử cùng quân tử cố*

(Người quân tử bền lòng lúc cùng khổ, quân tử lúc cùng, quân tử bền lòng - Luận ngữ).

Khó ở chữ cố, vì đây lấy nghĩa nôm là cầm cố, ở chữ cùng, nghĩa nôm là cùng quần.

Anh học trò đối ngay:

*Khổng Minh cầm túng, Khổng Minh túng, Khổng Minh cầm.*

(Khổng Minh bắt, tha, Khổng Minh tha, Khổng Minh bắt - Tam quốc: Khổng Minh bắt Mạnh Hoạch bẫy lần lại tha).

Tài tình ở chữ cầm, lấy nghĩa nôm cầm cố như trên, chữ túng nghĩa nôm là túng tiền, vừa đối chữ, vừa đối nôm.

Vị quan cấp ngay tiền cho, khỏi cần phải ... cầm với cô!

(Lăng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

## **Rượu trong văn học**

Cũng là say ta thấy trong Mê Hồn Ca của Đinh Hùng có một âm điệu quyến rũ lạ lùng:

*“Ta bắt em cười, nói, bắt em say,  
“Ta đòi lấy mảnh linh hồn bờ ngõ.  
“Ôi! ly rượu em dâng toàn huyết đỏ,  
“Ta uống cùng dòng lệ chảy đêm xưa  
(Ác mộng)*

*“Ôi gác ca lâu, rèm buông, lửa đỏ!  
“Ôi mộng xuân lả lướt những đêm tình!  
“Cốc rượu hồng, hy vọng sáng rung rinh,  
“Mùi son phấn khác gì hương trinh bạch?  
(Hương trinh bạch)*

(Khuyết danh - Tết nói chuyện rượu)

## **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

### **Ma trời hay ma chơi**

Tiếng Thanh Hóa gọi là "ma trời", Bắc bộ gọi là "ma chơi". Chưa rõ biến âm hay xuất xứ của ngôn từ ám chỉ loại ma đó "chơi vui", "chơi đùa với trần thế" hay "chêu chọc cho xấu hổ".

Nguyễn Du trong " Văn chiêu hồn thập loại chúng sinh" câu:

Lập lòe ngọn lửa ma chơi

Tiếng oan văng vẳng tới trời càng thương.

Nguyễn Văn Thành trong "Văn tế trận vong tướng sĩ" có câu:

Hồn chiến sĩ biết đâu miền minh mạc,  
Mịt mù gió lốc thổi dẫu tha hương.  
Mặt chinh nhân khôn vẽ nét gian nan,  
Lập lòe lửa chơi soi chùng cô độ.

Nhiều người đã nhìn thấy ma trôi và nghe nhiều người kể chuyện ma trôi đuối. Đó là ngọn lửa lập lòe yếu nhạt, bập bùng lan toả theo chiều gió, chốc lại biến mất rồi từ chỗ cũ, chốc chốc lại lập lòe ngọn lửa xanh nhạt, loáng thoáng bay lên. Theo các cụ già giải thích thì đó là oan hồn của những người chết trận, của những nắm xương vô thừa nhận không người chôn cất, vất vưởng trên bãi chiến trường, trong bãi tha ma, hoặc trên cánh đồng không mông quạnh.

Khoa học đã giải thích, chứng minh hiện tượng đó là do chất lân tinh (P) từ trong xương cốt người và xúc vật toả ra gặp ôxy trong khí trời bốc cháy thành ngọn lửa xanh nhạt, ban ngày cũng có nhưng không nhìn thấy. Tuy được khoa học giải thích rõ không phải là ma, nhưng canh khuya thanh vắng, đi một mình giữa chốn hoang vu mà bị ma chơi đuối thì cũng thần hồn nát thần tính, có người đâm hoảng loạn mà ốm, phải cúng bái mãi mới lành, có lẽ khỏi bệnh là do tác động tâm lý.

Sở dĩ có hiện tượng tưởng là ma trôi đuổi là vì khi ta chạy đã tạo nên một luồng không khí cuốn hút ngọn lửa ấy vòn theo.

### **Văn hóa ẩm thực**

Một tiếng thơ... ăn vừa đánh, chỉ ít lâu sau đã vang tiếng khác:

"Trong các món ăn "quân tử vị"  
Phở là quà đáng quý trên đời  
Một vài xu, nào đắt đỏ mấy mươi  
Mà đủ vị: ngọt, bùi, thơm, béo, bở  
(...)

Sống trên đời, phở không ăn cũng dại  
Lúc buông tay ắt phải cúng kem  
Ai ơi, nếm thử kéo thềm."

Ấy là thơ "Phở Đức Tụng" của Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu!

(Người Việt viết về ăn – Thu Tứ)

### **Lịch sử Phở**



Phở từ Nam Định lên Hà Nội, lúc đầu phở được rao bán là phở gánh vào lúc hừng sáng đến trời tối trên đường phố. Họ dùng đòn gánh đặt lên vai và quây hai đầu là nồi nước súp đặt trên bếp lửa đốt bằng củi: Đầu kia chứa những thứ như thịt, bún phở, gia vị, tiêu hành, nước mắm, rau ngò và...chỗ để nấu một tô phở.



Sau mới tới phở xe, phở tiệm, quán phở...

(Giai thoại phở Tàu Bay – Lê Quang Sinh)

### **Văn học Nam Hà**

Văn học miền đất từ Thuận Hóa đến Hà Tiên thời gian từ khi Nguyễn Hoàng thật sự rời đất Bắc năm 1600) đến lúc Nguyễn Ánh lên ngôi năm 1802. Lúc đó vùng đất thuộc chúa Nguyễn được gọi bằng danh từ “*Xứ Đàng Trong*” hoặc “*Nam Hà*”; trong khoảng thời gian có xuất hiện nhà Tây Sơn, ta còn thấy nhắc đến tiếng “*Quảng Nam quốc*” .

Nếu như đặc trưng văn học Nam hà với Đoàn Thị Điểm, Lê Hữu Trác, Hồ Xuân Hương, Ôn Như Hầu...thi lịch sử tạo dựng miền Nam có thể tóm lược bằng những niên đại sau:

- Năm 1679 người Trung Hoa không thần phục nhà Mãn Thanh là Dương Ngạn Địch, Hoàng Tiến, Trần Thượng Xuyên, Trần An Bình chạy sang Việt Nam được Chúa Hiền cho khai khẩn Đông Phố (Gia Định), Lộc Dã (Biên Hoà), Mỹ Tho (Định Tường).

- Năm 1698 nhà Nguyễn làm chủ mấy tỉnh miền Đông khi Chúa Nguyễn Phúc Chu sai Nguyễn Hữu Kính lấy Đồng Nai làm huyện Phước Long, Saigon làm huyện Tân Bình, đặt dinh Trấn Biên (Biên Hoà), dinh Phan Trấn (Gia Định) đem lưu dân vào lập nghiệp.

- Năm 1708 Mạc Cửu đem đất Hà Tiên đặt dưới quyền bảo trợ của Chúa Minh Vương.

Từ đó đất Nam Kỳ lục tỉnh thuộc về chúa Nguyễn.

(Nguyễn Văn Sâm – Văn học xứ Đàng trong)

### **Rượu trong văn học**

Vũ hoàng Chương, ông anh rể của Đinh Hùng, là một thi sĩ tài hoa, một phù thủy của âm thanh, vần điệu. Đậu Tú tài Pháp, bỏ học Luật đi làm công chức hỏa xa rồi dạy học. Tuy tây học, nhưng ông lại yêu tâm về Nho học và nhiều thi phẩm của nhà Thơ đã được dịch ra ngoại quốc. Tác phẩm đầu tay của Vũ

Hoàng Chương là tập “Thơ Say” (Xuất bản 1940):

*“Em ơi lửa tắt, bình khô rượu*

*“Đời vắng em rồi, vui với ai?”*

Bài “Chén Rượu Đồi Đường” thì đậm mùi cay đắng:

*“Say sưa tràn miệng cốc*

*“Cùng nâng hãy uống đi*

*“Trùng lai đâu dễ hẹn kỳ*

*“Đò ngang một chuyến chắc gì mai sau*

(Khuyết danh - Tết nói chuyện rượu)

### **Các loại rượu nổi tiếng khác**

Rhum (Pháp) hay Ren (Tây ban Nha) làm bằng mía.

Gin (Hoà Lan) với bắp hay lúa trộn hương vị vỏ chanh, vỏ cam.

Vodka (Nga) nấu bằng khoai tây, gần giống như rượu đế của ta.

(Chai Vodka nổi tiếng nhất là chai Vodka Smirnoff)

Tequilla (Mễ Tây Cơ) làm bằng loại cây cùng họ

với xương rồng có tên Tequilla Weber.

Saké (Nhật Bản) từ gạo nếp.

(Nguồn: Mùng Giang)

## **Chữ nghĩa làng văn...hàng xóm**

### **Lão Tử**

Lý lịch Lão Tử vừa mờ ảo, vừa chất chứ đầy huyền thoại. Như: Tên thật là gì? Quê quán ở đâu? Sinh và mất năm nào? Sinh thời có làm quan không? Thư tịch cổ không có câu trả lời! Và theo truyền thuyết thì: Mẹ Lão Tử mang thai Lão Tử...70 năm!

Vì vậy khi sinh ra đời, hài nhi là một ông cụ đã ngoài 70 tuổi vì mới có tên là...Lão Tử!

(Tiền tình văn hóa Việt Nam – Nguyễn Khắc Thuần)

## **Giai thoại làng văn xóm chữ**

### **Tu tỵ đào nguyên**

Một ông quản ca xây nhà mới. Ngoài công không biết đề thơ nào cho hay, ông đến xin chữ nhà nho Đông-giang. Cụ cho ngay: Tu tỵ đào nguyên. Rút trong câu thơ Thiên Thai:

Bất tri thử địa quy hà xứ

Tu tỵ đào nguyên vấn chủ nhân

(Nơi đây chẳng biết về đâu tá?

Hãy tới Đào nguyên hỏi chủ nhân)

Ông chủ nguồn đào, là chủ nhà hát ả đào ngõ Yên

Thái, là ông quản ca, chứ còn ai vào đây nữa mà có thể biết rạch ròi hơn về xóm chị em ta!

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

## Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền

### Bái vật

Quan niệm cổ xưa không riêng ta mà nhiều dân tộc trên thế giới cho rằng mọi vật do tạo hoá sinh ra đều có linh hồn. Mỗi loại vật, kể cả khoáng vật, thực vật cũng có cuộc sống riêng của nó. Lúc đó người ta chưa phân biệt thế giới hữu sinh và vô sinh. Con người chưa thể lý giải nổi những yếu tố thiên nhiên xung quanh chi phối mình như thế nào nên các vật như hòn đá, thân cây, có quan hệ mật thiết với họ đều được họ tôn thờ như thần linh.

Trong ngôn ngữ nhiều nước ở châu Âu (như tiếng Pháp) mọi vật trong tạo hoá hữu hình hay vô hình, cụ thể hay trừu tượng đều mang khái niệm âm dương, đều có giống đực giống cái. Đó là chứng cứ xuất xứ tục bái vật hiện tồn tại ở nhiều dân tộc trên thế giới và một vài dân tộc ở miền núi nước ta.

Ở ta, hòn đá trên chùa, cây đa đầu đình, giếng nước, cửa rừng cũng được nhân dân thờ cúng, coi đó là một biểu tượng, nơi ẩn hiện của một vị thiên thần hoặc nhân thần nào đó. Người ta "Sợ thần sợ cả cây đa" mà cúng cây đa, đó không thuộc vào tục bái vật. Cũng như người ta lễ Phật, thờ Chúa, quì trước tượng Phật, tượng Chúa, Lễ Thần, quì trước long ngai của Thần, những Thần đó có thần hiệu rõ ràng, chứ không phải lạy khúc gỗ hòn đá như tục bái vật.

Xưa, xa xưa, ta có tục bái vật không? Ngày nay chỉ còn lại vài dấu vết trong phong tục. Thí dụ, bình vôi là bà chúa trong nhà, chưa ai định danh là bà chúa gì, nhưng bình vôi tượng trưng cho uy quyền chúa nhà, nhà nào cũng có bình vôi. Khi con dâu về nhà, mẹ chồng tạm lánh ra ngõ cũng mang bình vôi theo, có nghĩa là tạm lánh nhưng luôn nắm giữ uy quyền. Khi lỡ làm vỡ bình vôi thì đem mảnh bình còn lại cất ở chỗ uy nghiêm hoặc đưa lên đình chùa, không vứt ở chỗ ô uế. Gỗ chò là loại gỗ quý, gỗ thiêng chỉ được dùng để xây dựng đình chùa, nhà thờ. Ngày xưa trong đám củi theo lũ cuốn về xuôi, nếu có gỗ chò, các cụ còn mặc áo thụng ra lạy, lạy gốc chử đã phải lạy thần đầu.

Còn như tục kiêng vứt chân hương vào chỗ dơ bẩn, kiêng dùng giấy có chữ Nho vào việc ướ tạo người ta cũng thận trọng cất đi, đó là vì ý thức tôn sùng thần linh, là đức Khổng Tử, chứ không phải là sợ hồn của chân hương hay tờ giấy. Đó không phải là tục bái vật.

### **Lịch sử phở**

#### **Tên phở**

Từ phở gánh, phở xe, phở đi vào thành phố với người bán phở đội tên đầu chiếc mũ để ám đầu, để phân biệt với những người bán hàng rong khác, và được gọi là...mũ phở.

Hai quán phở đầu tiên ở Hà Nội là phở Cát Tường nằm trên đường Cầu Gỗ của người Việt, và quán khác nằm ở trước trạm Stop Bờ Hồ của người Tàu. Tiếp đến, hai quán phở khác nữa xuất hiện, một vào năm 1918, và quán thứ hai vào năm 1925. Cả hai đều do dân làng Vân Cù mở quán và cùng lấy tên là “Phở Nam Định” tại Hà Nội. Từ đó, Hà Nội gọi tên chung cho phở là phở Nam Định.

Sau đây phở được mang nhiều tên như phở *Tàu Bay*, phở *Xe Lửa*, phở “*Không người lái*”, v...v...

(Giai thoại phở Tàu Bay – Lê Quang Sinh)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ**

#### **Ả đào**

Tú Xương một buổi kia đến chơi, sáng ra về tìm ô không thấy, tuy bực mình mà cũng không nỡ nói nặng, chỉ tức sự mấy câu:

Hôm qua, anh đến chơi đây,

Giày, chân anh dận, ô, tay anh cầm. (1)

Rạng ngày vừa trống canh năm,

Anh đây, em hãy còn nằm trơ trơ.

Hỏi ô, ô mất bao giờ,

Hỏi em, em cứ ậm ờ, không thưa.

Nửa rồi rầy nắng mai mưa,

Lấy gì đi sớm về trưa với tình?

Em liền trả lời ngay cho xuôi chuyện và không quên  
cong cớn:

Chiếc ô là của mấy mươi?

Ngấn ngày xin chớ dài lời làm chi!

Nắng thì nắng cũng có khi,

Mưa thì mưa cũng có kỳ mà thôi.

Ví dù anh có thương tôi,

Thì xin anh cứ đội trời anh lên ...

Hay là anh quyết bắt đèn,

Thì đây sẵn có cái đèn ... bằng ba!

(1) Có bản chép: giấy dôn, ô tây, là làm vì những  
thứ ấy mới mẻ quá không phải đồ dùng của nhà nho  
hồi đầu thế kỷ. Đây tác giả muốn nhấn mạnh đến sự  
mình nhớ rõ chân dận giấy tay cầm ô.

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

### **Văn học Nam Hà**

Nam Hà vì là vùng đất mới cho nên thời các chúa  
Nguyễn, việc thi cử còn rất phôi thai, không có  
những cuộc thi chọn người đại khoa như triều đầu  
nhà Lê mà chỉ có những kỳ thi nhằm cung ứng  
người giúp những việc giấy tờ ở các công sở.

Năm 1632 chúa Hy Tông Nguyễn Phúc Nguyên mở  
kỳ thi *chính đồ và hoa văn*. Quan trường gồm Tri  
Phủ, Tri Huyện làm sơ khảo, Cai Bạ, Ký Lục, Vệ  
Uý làm phúc khảo.

- Trúng cả ba kỳ gọi là Giám sinh, được bổ là Tri Phủ hay Tri Huyện.
- Trúng hai kỳ gọi là Sinh Đồ, được bổ làm Huấn Đạo.
- Trúng một kỳ gọi là Nhiêu Học, được bổ vào làm việc ở Tam Ty.

(Nguyễn Văn Sâm – Văn học xứ Đàng trong)

### Văn hóa ẩm thực

Thạch Lam hình như là tác giả đầu tiên đưa ẩm thực Việt Nam vào văn xuôi, với một số bài trong *Hà Nội băm sáu phố phường*, đáng nhớ nhất là bài Một Thứ Quả Của Lúa Non: Cốm.

Viết cả một quyển sách để vinh danh cái ăn của người Việt Nam, dĩ nhiên đi trước mọi người là Vũ Bằng. *Miếng ngon Hà Nội*. Sau đó, nhà văn còn đóng góp thêm *Thương nhớ mười hai* tuy không chuyên hẳn về ăn song cũng chứa vô số "ký ức ăn uống" diễn thành lời vô cùng gợi cảm.

Cũng vào khoảng Vũ Bằng viết *MNHN*, Nguyễn Tuân có viết mấy bài về "hương vị đất nước", nổi tiếng nhất là bài *Phở*.

Từ khoảng 1960 đến 1975, hình như cái viết về ăn ở Miền Nam sôi nổi hơn ở Miền Bắc. Trong tập tùy bút *Đất nước quê hương* Võ Phiến có một số bài về các món ăn truyền thống ở Trung bộ và Nam bộ.

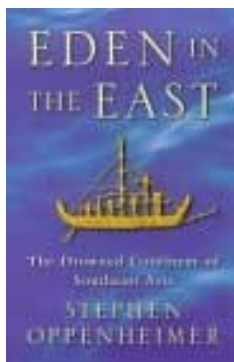
Sau thống nhất, trong giai đoạn đời sống vật chất còn quá khó khăn, dĩ nhiên chẳng ai lòng dạ nào mà

văn chương ẩm thực. Nhưng rồi kinh tế nước bắt đầu đi lên và ngày càng nhiều người bắt đầu hào hứng phóng bút về những miếng ngon. Lần này thì số bài viết về ăn phong phú đến mức rất khó theo dõi cho thực kỹ càng. Cái ăn nó là đề tài thân gần với từng người trong chúng ta đến nỗi, ngay cả trường hợp không có khiếu văn, cứ động nhắc đến những món ăn thức uống quen thuộc trong thời thơ ấu của mình là người nọ người kia bỗng dưng như được "thần nhập", viết linh động hẳn lên, viết hay đáo để!

Một cây "bút ăn" mới thật đặc sắc là Lê Minh Hà. Khoảng cuối thế kỷ 20 nữ sĩ họ Lê mới bắt đầu phổ biến một số bài viết có nội dung là ẩm thực dân tộc. Những bài trong sách *Thương thế, ngày xưa...* chứa cảm giác cảm xúc rất mực tinh tế diễn bằng lời thiết tha không kém văn Vũ Bằng nhưng với một phong cách khác.

(Người Việt viết về ăn – Thu Tứ)

### **Nguồn cội và tiếng Việt**



*Địa đàng ở phương Đông* của Stephen Oppenheimer là cuốn sách đồ sộ dày 560 trang với chữ nhỏ. Oppenheimer tốt nghiệp bác sĩ Đại học Oxford bên Anh năm 1971. Năm 1972 ông sang Viễn Đông hành nghề tại nhiều bệnh

viện trong vùng. Ở vùng này gần 20 năm, ông du hành và nghiên cứu về nhân chủng học khắp Đông Nam Á (kể cả Việt Nam) và các đảo Thái bình Dương. Ông lặn lội nơi thâm sâu cùng cốc, tìm đến những bộ lạc còn giữ ngôn ngữ xưa với cổ tích truyền khẩu... Năm 80, ông chuyển qua làm việc ở New Guinea (đảo phía bắc Úc Châu). Ông để ý các nhóm dân New Guinea có những bộ lạc nói tiếng khác nhau nhưng có cùng cổ tích truyền khẩu thì có cùng di tổ về cổ tích, tiền sử, ngôn ngữ, tập quán của họ.

Trong các huyền thoại, cổ tích truyền khẩu giữ vai trò đặc thù, thí dụ khi ta thấy Việt Nam, ngoài một số tập tục, cũng có những cổ tích và huyền thoại truyền miệng khá giống những vùng ở New Guinea. Như tích Sơn Tinh Thủy Tinh, Trầu Cau của ta nói về hai người cùng yêu, tranh chấp một cô gái với một số khúc mắc éo le tương tự như tích Kulabob và Manup của các bộ lạc tại những hòn đảo nam Thái Bình Dương. Theo ông, chuyện tích này nhiều tình tiết, ở vùng đảo ấy người ta kể cả ngày; thỉnh thoảng phải ngưng kể để... ăn trầu. Kulabob trong tích vùng New Guinea được xem là thủy tổ dân nói tiếng Nam Đảo. Manup là anh ; còn người em Kulabob, đôn hậu, giỏi giang, đã sáng chế ra thuật xâm mình.

Theo Oppenheimer, người cổ thiên di từ Phi Châu làm 2 ngã: Họ đi về hướng tây và hướng đông:

Người cổ thiên di từ Phi Châu về phía đông tức Đông Nam Á. Đến khi gặp biển Đông (Nam Hải) ngăn chặn, họ phải theo hai hướng. Về phía bắc, họ đến sông vùng nam Trung Hoa và dần dần tràn lên Mông Cổ, khi núi băng tan bớt, đi dần về phía bắc.

(Nguyễn Quang Trọng - Nguồn gốc tộc Việt & Địa đàng phương Đông của Oppenheimer)

### **Văn hóa ẩm thực**

Nguyễn Tuân có mấy bài viết ca ngợi miếng ngon quê hương:

"Người Việt Nam ta (...) đến một vài cách chế biến thịt lợn, thì hình như (...) ra mặt có phần sáng tạo đấy. Thịt lợn đem gói giò chẳng hạn. Không sợ là huênh hoang thiếu khiêm tốn, ta có thể nói rằng biết chế lợn ra thành cân giò lụa, đó là đỉnh cao của một dạng văn hóa (...) trong số những dân tộc toàn cầu ăn thịt lợn (...) hình như giò lụa là một tiết mục độc đáo chỉ (...) chỉ người Việt Nam ta mới nghĩ ra và làm ra thôi (...) giò lụa Việt Nam tinh tế nhường ấy (...)" (Giò Lụa)

(Người Việt viết về ăn – Thu Tú)

## **Lịch sử phở Phở Tàu Bay**

Thân sinh ông Đỗ Thiệu Liệt (ông Liệt là người chơi hồ cầm trong ban nhạc của trường Quốc Gia Âm Nhạc) nguyên là công chức của sở Hưu Bổng ở đốc Kèn Hà Nội Khoảng năm 1938, có người phở gánh ở phố Hàng Kèn, Anh ta còn trẻ, khi bán phở lúc nào cũng đội cái mũ “cát-két” của pho công nên gọi anh ta là “Phở Tàu bay”. Tên phở Tàu bay xuất hiện tự đạo đó. Sau ở chợ Chỗ Hậu Hiền xuất hiện một quán phở có tên “Phở Tàu Bay” do thân phụ ông Đỗ Thiệu Liệt làm chủ. Qua Phạm Duy và Mai Thảo, quán rất đông khách, trên tường ngoài quán có một bài thơ, đứng cả chục thước cũng trông thấy:

Ai qua chợ Chỗ Hậu Hiền  
Sẵn có đồng tiền ăn phở Tàu Bay  
Giá tuy đắt đắng đắt cay  
Ngon chẳng đầu tày, nức tiếng Thủ Đô

(Giai thoại phở Tàu Bay – Lê Quang Sinh)

## **Đồng tiền Thái Bình Hưng Bảo – thời nhà Đinh**

Trong lịch sử một ngàn năm Bắc thuộc, dân Việt không có đồng tiền riêng. Mãi đến sau khi Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán, dân Việt vẫn còn dùng đến đồng tiền của phương Bắc. Đến năm 968, Đinh Bộ Lĩnh sau khi dẹp loạn 12 sứ quân, lên ngôi hoàng đế với đế hiệu Đinh Tiên Hoàng, niên hiệu

Thái Bình. Năm 970 nhà vua đã cho đúc những đồng tiền Thái Bình Hưng Bảo.

Đây chính là những đồng tiền đầu tiên của người Việt.

(Nguồn: Đồng tiền thời xưa – Khuyết danh)

### **Truyện chóp - Thần chết**

Người đàn bà mặc toàn đen, mắt đen, tóc đen, da xanh mướt, đang lái xe thì thấy bên đường có một cô gái đang ra hiệu xin quá giang. Bà dừng xe lại.

- Chị cho tôi quá giang được không? Chỉ tới chợ thôi. - Cô gái hỏi.

- Lên đi, - người đàn bà đáp. Rồi chiếc xe chạy hết tốc lực trên con đường vòng quanh núi.

- Cám ơn chị - cô gái làm một cử chỉ thân thiện - nhưng cho người lạ lên xe như thế này chị không sợ sao? Người ta có thể làm hại chị đó. Chỗ này vắng vẻ quá!

- Không, tôi không sợ.

- Rủi họ cướp chị thì sao?

- Tôi không sợ.

- Rủi họ giết chị thì sao?

- Tôi không sợ.

- Thật hả? - Cô gái mở to đôi mắt long lanh, tinh nghịch, nín cười rồi giả giọng ma quái. “Để ta tự giới thiệu, ta là Thần Chết, T-h-à-n-C-h-ế-t.

Người đàn bà cười bí hiểm.

Đến khúc quanh kè, chiếc xe lăn xuống triền núi. Cô gái nằm chết giữa những tảng đá. Còn người đàn bà thì đi về phía đám xương rỗng ròi biến mất.

### **Nguồn cội và tiếng Việt**

Về phía nam, họ thiên di đến trên thềm Sunda, khi đó còn nối liền lục địa với các đảo phía nam đến tận Úc Châu. Tất cả đều là người thuộc chủng Australoid (da đen, tóc quăn, mũi to...). Tính chất di tổ các dân tộc toàn vùng Đông Nam Á do Oppenheimer nêu ra, kết hợp với nghiên cứu sọ cổ, đưa đến kết luận là "người hiện- đại" đến từ Phi Châu đã sống trong Đông Nam Á từ sáu mươi ngàn năm trước, thuộc chủng Australoid- Melanesian cổ.

Theo Oppenheimer riêng trên đất Việt, vào thời đồ đá, cư dân thuộc chủng Australoid ban đầu nói cùng tiếng gốc Austric, dần dần phân thành hai nhóm dân nói tiếng khác nhau theo vùng họ ở, vì cách sinh sống khác nhau. Nhóm nói tiếng “Tiền-Nam- Á” sống trong lục địa, trú trong hang động vùng cao (Hoà Bình). Nhóm thứ hai nói tiếng “Tiền-Nam-Đảo” sống vùng đồng bằng ven biển vịnh Bắc Việt, dọc từ bờ biển Móng Cái xuống Quảng Ngãi.

Xuất phát từ một nhóm người với cùng ngôn ngữ gốc Austric, nhưng sống trên một vùng quá lớn, những nhóm cư dân này tất nhiên có những ngôn ngữ khác nhau. Từ tiếng nói chung lúc đầu, hai

nhóm tiếng chính thành hình: nhóm nói tiếng Nam Đảo (austronesian), như tiếng Indonesia và thổ ngữ các đảo Thái Bình Dương, và tiếng Nam Á (austrasiatic) là tiếng nói của người Việt Nam, Munda, Khmer, Môn và một số thổ dân Thái Lan, Mã Lai.

Phương pháp ngôn ngữ tử hiệu không chỉ xét những tiếng giống nhau trong những ngôn ngữ, mà còn xét giọng nói, cấu trúc và thứ tự từ ngữ trong câu. Bởi thế mà tiếng Việt được xếp vào nhóm tiếng Nam Á. Tiếng Nam Á là một âm tiết có nghĩa không "dấu" (atonal), như tiếng Khmer. Nhưng do ảnh hưởng tiếng Tàu, tiếng Việt trở thành có "dấu" (tonal). Ngoài tiếng nói, người Việt còn chịu nhiều ảnh hưởng khác của văn hoá Nam Đảo. Yếu tố Nam Đảo trong phong tục người Việt gồm tục xăm mình, ăn trầu, việc trồng khoai từ, khoai môn, và gồm cả những chuyện cổ tích gốc Nam Đảo như chuyện Sơn Tinh, Trầu Cau...

(Nguyễn Quang Trọng - Nguồn gốc tộc Việt & Địa đàng phương Đông của Oppenheimer)

### **Chữ nghĩa làng văn...hàng xóm Lão Tử**

Viết về lý lịch Lão Tử có Tư Mã Thiên. Nhưng người sau (người Tàu) nghi ngờ là không chính xác và thậm chí cho là Tư Mã Thiên hoàn toàn sai lầm.

Để có người cho rằng Lão Tử chỉ là nhân vật của huyền thoại. Vì vậy *Đạo đức kinh* mang tên Lão Tử nhưng kỳ thực do người khác viết.

(Tiến tình văn hóa Việt Nam – Nguyễn Khắc Thuần)

## **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

### **Cúng giỗ**

Lễ cúng giỗ vào đúng ngày mất hay trước ngày mất một ngày?

Có người cho rằng phải cúng vào ngày đang còn sống (tức là trước ngày mất), có người lại cho rằng "trẻ dôi ra, già rút lại", vậy nên chết trẻ thì cúng giỗ đúng ngày chết, còn người già thì cúng trước một ngày. Vậy có câu hỏi: "Người trung niên chết thì cúng vào ngày nào"?

Ngày giỗ theo âm Hán là huy nhật hay kỵ nhật, tức là lễ kỷ niệm ngày mất của tổ tiên, ông bà, cha mẹ, cũng có nghĩa là ngày kiêng kỵ.

Nguyên ngày trước, "Lễ Giỗ" gọi là "Lễ chính kỵ": chiều hôm trước lễ chính kỵ có "Lễ tiên thường" (Nghĩa là nếm trước), con cháu sắm sanh một ít lễ vật, dâng lên mời gia tiên nếm trước. Ngày xưa, những nhà phú hữu mời thông gia, bà con làng xóm đến mời ăn giỗ cả hai lễ tiên thường và chính kỵ. Dần dần vì khách đông phải chia ra hai lượt; lại có những nhà hàng xóm mời cả hai vợ chồng nên luân

phiên nhau, người đi lễ tiên thường, người đi lễ chính kỵ, tùy theo thời vụ, muốn "Vừa được buổi cày vừa hay bữa giỗ", buổi chiều đi làm đồng về, sang hàng xóm ăn giỗ tiện hơn nên có nơi lễ tiên thường đông hơn là lễ chính kỵ. Dần dần hoặc vì bận việc hoặc vì thiếu người phục dịch, người ta giản lược đi, chỉ mời khách một lần nhưng hương hoa, trầu rượu vẫn cúng cả hai lễ. Một vài nhà làm, những người khác thấy thuận tiện bắt chước, dần dần trở thành tục của địa phương.

Việc cúng ngày sống (tức lễ tiên thường vào chiều hôm trước, nguyên xưa chỉ cúng vào buổi chiều vì buổi sáng còn phải mua sắm nấu nướng và ra khăn ở mộ yết cáo với thổ thần, long mạch xin phép cho gia tiên về nhà dự lễ giỗ). Cúng ngày sống hay cúng ngày chết, hay nói cách khác lễ tiên thường hay lễ chính kỵ, lễ nào là lễ quan trọng hơn, chẳng qua đó là phong tục từng nơi.

Nếu đúng phong tục cổ truyền thì trước ngày chết (lễ tiên thường) phải cúng chiều, cúng đúng ngày chết (lễ chính kỵ) phải cúng buổi sáng kể cả chiều hôm đó mới chết.

### **Đám tang**

Thời xưa, xưa thật là xưa, nhà nào chẳng may có người qua đời thì người nhà chỉ cần lấy cái chày giã mạnh vào chiếc cối không, âm thanh khác thường ấy

bào cho lán giềng chạy tới hỏi thăm, chia buồn và  
đề cùng nhau lo việc chôn cất  
Tập tục này, một số người miền núi ở Việt Bắc vẫn  
còn bảo tồn.

## **Đất lễ quê thói với phong tục cổ truyền**

### **Tống giỗ**

Theo gia lễ: "Ngũ đại mai thân chủ", hễ đến năm đời  
thì lại đem chôn thân chủ của cao tổ đi mà nhắc lần  
tặng tổ khảo lên bậc trên rồi đem ông mới mất mà  
thế vào thuận chủ ông khảo.

Theo nghĩa cửu tộc (9 đời): Cao, tăng, tổ, phụ (4 đời  
trên); thân mình và tử, tôn, tăng tôn, huyền tôn (4  
đời dưới mình).

Như vậy là có 4 đời làm giỗ (cao, tăng, tổ, phụ) tức  
là kỵ (hay can), cụ (hay cô), ông bà, cha mẹ.

Từ "Cao" trở lên gọi chung là tiên tổ thì không cúng  
giỗ nữa mà nhập chung vào kỳ xuân tế, hoặc phụ tế  
vào ngày giỗ của thủy tổ.

### **Văn hóa ẩm thực**

Đánh giá năng khiếu ẩm thực của dân tộc, Võ Phiến  
mấy lần phát biểu dứt khoát:

"Rau thơm (không ăn lấy no), nó (có mặt) chỉ (vì)  
nghệ thuật (...) Trong một bữa gỏi cá sống chẳng  
hạn, hàng chục thứ rau chọn lựa công phu, tất cả đều

là rau thơm: thuần túy nghệ thuật (...) mùi nọ lẫn với mùi kia, tôn nhau lên, chế hóa nhau: đó là một cuộc hòa tấu, một bản "nhạc mùi"! (...) cái thiên tài của chúng ta (...) Một dân tộc (...) bậc sư trong khoa (dùng) hương liệu (...) cái thể của các bậc sư là cô độc, lẻ loi." (Mùi)

"Các món chè Huế (...) dần dần (...) mấy ai còn cái lưỡi tinh tế để phân biệt cái ngọt sang trọng của nó với cái ngọt phàm phu tục tử của trái cây đóng hộp ướp đá nữa." (Chè Và Văn Minh)

"Muốn thẩm định cho đúng giá trị (...) của (...) nước mắm ngon (...) không thể dùng thứ máy móc tinh vi nào được cả. Chỉ có thể lấy cái lưỡi của một thiên tài (...) Nước mắm, cũng như rượu, cũng lại như trà" (Ăn Uống Sự Thường)

(Người Việt viết về ăn – Thu Tứ)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ Vua TỰ ĐỨC**

TỰ ĐỨC, một buổi chiều nhàn rỗi, bảo các quan lấy giấy bút, rồi đọc cho chép một bài thơ:

Tiêu hà tá hán khởi ư phong  
Sấn nhập trùng vi nhiều tướng trung  
Bất luận huân tiêu phàn khoái lực,  
Hốt văn hàn tín tự tiêu không.

Các quan ai nấy đều hiểu là Tiêu Hà giúp nhà Hán ở đất Phong Bái, không dùng tới sức mạnh của Phàn

Khoái, chỉ cần ở tài Hàn Tín là nên việc. Có ngờ đâu bài thơ này tả con muỗi: Tiêu hà có nghĩa là tàu chuối, lá sen. Phong là gió, Hán là nó. Hàn tín là tin lạnh. Phàn khoái là hun đốt.

Theo chữ vua dùng, thì bài thơ có thể dịch như sau:  
Bẹ chuối đài sen nổi cánh vung,  
Bay vào màn trướng quấy lung tung.  
Chẳng cần phải tốn công hun đốt,  
Tin lạnh vừa đưa tẩu tán cùng.

Giả sử nhà vua biết hiểu thời vụ như sành văn chương, thì đâu đến nỗi sau này phải ta thán:

Võ tướng tiêu sấu duy hữu tửu,  
Văn thần thoái lỗ cánh vô thi.

(Quan võ chỉ biết uống rượu giải buồn, còn quan văn, đến làm thơ đuổi giặc cũng không làm nổi!)

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc: Giai thoại làng nho)

### **Lịch sử phở Câu đối phở**

Cũng như phở Tàu Bay ở chợ Chỗ Hậu Hiền có bài thơ viết ở trên tường ngoài quán, đứng cả chục thước cũng trông thấy.

Ông Nguyễn Đình Toàn ở khu thương mại Eden, tiểu bang Virginia thì ai ai cũng nhìn thấy hai câu đối dưới đây được trang trọng treo trên tường ở trong quán: *Nạc mỡ nữa làm chi, em nghĩ đã chín rồi, đừng nói với em câu tái giá*

*Muối tiêu không đáng ngại, lão thầy còn gân chán,  
hãy vui cùng lão miếng gầu dai*

Theo ông luật sư Toàn, thì:

Câu đối trên là của Cụ Bùi Văn Bảo (đã từ-trần 03/1998).

Cụ Bùi Văn Bảo cũng có một bài viết về Lịch sử Phở như sau:

Báo Ngày Nay mấy chục năm về trước  
Ở trang “Giòng nước ngược” mục thơ vui,  
Đã có phen chàng “Tú Mỡ” rung đùi  
Làm thơ tếu, hết lời ca-tụng Phở.

“Phở Đức-Tụng”, món quà ai cũng nhớ,

(...)

Vẫn nhớ hoài về món Phở quê-hương.

Một-chín-năm-tư, Phở lại lên đường

Vào miền Nam, vượt Trường-son, Bến-Hải,

Theo gót di-cư, hóa thành Phở Tái,

Chín, Nạm, Gầu, Gân, Sách, Sụn, thêm rau

Húng quế, ngò gai, giá sống, tương tàu,

(...)

Nào “Phở Hòa”, “Công-Lý”, “Phở Tương-Lai”,

“Trần Cao Vân”, cùng “Bảy-Chín”, “Tàu Bay”,

Rồi “Mụ Bé” đến “La-Cay”, “Tàu Thủy”.

Tô Xe lửa đầy, ăn no bí-tử,

Khiến Vũ-Băng cũng túy-ly, say-sưa,

Viết Miếng ngon Hà-Nội thật nên thơ,

Và Phở Gà được tôn thờ số một...

Tháng Tư, Bảy-lăm, người người hoảng-hốt,  
Rời bỏ Sài-gòn, mong dzọt thật xa,  
(...)

Tại quận Cam, người Việt mấy trăm ngàn,  
Theo nhu-cầu, việc buôn-bán mở-mang,  
Nên lại có biết bao hàng Phở mới,  
Nhưng hầu hết dùng tên xưa để gọi  
Lại “Phở Hòa”, “Công-Lý”, “Phở Tương-Lai”,  
“Trần Cao-Vân” cùng “Bảy-Chín”, “Tàu Bay”  
Thêm “Nguyễn-Huệ” với “Hiền-Vương”, “Tàu  
Thủy”,  
(...)  
(Nguồn: Nguyễn Trung Trực & Bùi Mỹ Trang)

## **Đình**

Đình làng là nhà làng ở trong có bàn thờ một hay nhiều vị Thành hoàng hay thần bảo trợ làng. Chung quanh đình là chùa thờ Phật, là Văn chỉ thờ chư hiền Nho giáo, xa xa là điện là miếu thờ chư vị lão giáo. Duy đình thờ thành hoàng của làng là tín ngưỡng chung bắt buộc tất cả dân làng. Đủ tổ thần đạo là tôn giáo chính, bản lai của dân tộc.

Đình còn là nơi hội họp việc làng, cử ngôi thứ trong ban kỳ mục để cai quản tất cả công việc chung. Tóm lại Đình là một công sở của làng.

(Văn hóa đình làng – Nguyễn Đăng Thục)

## **Chữ nghĩa làng văn...hàng xóm Trang Tử**

Nếu lý lịch Lão Tử vừa mờ ảo, vừa chất chứ đầy huyền thoại từng là đề tài thảo luận cho học giả uyên thâm, thì lý lịch Trang Tử tương đối rõ ràng hơn với Tư Mã Thiên.

Như Trang Tử tên Chu, người nước Tống, v...v...Trong học thuyết trong *Nam Hoa kinh* của mình không gì là không bàn tới, tuy nhiên gốc gác thì vẫn là học thuyết của...Lão Tử.

(Tiền tình văn hóa Việt Nam – Nguyễn Khắc Thuần)

## **Khái Hưng, Trần Tiêu**

Người đầu tiên gia nhập nhóm Tự Lực Văn Đoàn là Khái Hưng, khi ông này viết một bài về truyện Kiều được Nhất Linh khen ngợi và mời gia nhập nhóm. Trong bấy nhiêu người được mời trong nhóm TLVĐ lúc ban đầu thì đây là một lời mời hợp tác mang nhiều ý nghĩa nhất, đem lại vinh dự nhất cho TLVĐ và cho văn học VN nói chung. Theo tôi, ngoài Thạch Lam, khó có ai trong TLVĐ có thể sánh bì với Khái Hưng. Nói ông là nhà văn hàng đầu, thật không quá đáng.

Rất tiếc ông đã bị Việt Minh thẩm sát vào năm 1947, tại phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định dịp tết

Đình Hối. (tài liệu của cộng sản nay cũng xác nhận Khái Hưng chết ở bến Đò Cựa Gà).

Tóm lại, nay thì TLVĐ tạm gọi là đã có thất tinh (hay thất hiền?): Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Khái Hưng, Tú Mỡ, Thế Lữ và Xuân Diệu. Nguyễn Gia Trí không được nhắc tới nữa. Tuy là có bảy nhân vật chính, nhưng thực ra họ có mặt trong TLVĐ một cách tự nhiên, như anh em, không có nội quy, cũng chẳng có điều lệ gì. Nhưng đối với bên ngoài thì có 7 người là thành viên của TLVĐ. Chữ Tự Lực xuất phát từ ý chí muốn tự lập về tài chánh. Nói đúng ra không muốn lệ thuộc vào bất cứ ai. Vì thế, quyết định rằng, mỗi thành viên phải đóng góp 500 đồng để gây quỹ. Nên nhớ, lương công chức thời đó không quá 20 chục đồng. Vì thế, có cái cảnh Khái Hưng phải vay tiền bà chị để ra làm báo.

Sau này, theo lời đề nghị của Khái Hưng có thêm Trần Tiêu, em của Khái Hưng với các tác phẩm Con Trâu, Năm Hạng, Chồng con.

### **Giai thoại làng văn**

Là bạn của Nam Cao, Tô Hoài cũng không dễ chịu về tiền nong hơn mấy chút, nhưng tương đối anh cũng đỡ lo lắng và cũng đỡ phải vật lộn với sự sống hàng ngày như Nam Cao. Có lẽ vì thế giọng văn của Tô Hoài ít chua chát, sâu xa: anh đúng là con đẻ mèn phiêu lưu, nhìn con vật gì ở chung quanh cũng

lạ lùng với con mắt thơ ngây. Không có gì lạ hết: Tô Hoài lúc viết cuốn truyện đầu tay “Dế Mèn Phiêu Lưu Ký” chỉ là một bạch diện thư sinh mới ở trường ra và sống một cách hiền lành, cơm ngày hai bữa, ở một làng làm giấy bản trên sông Tô Lịch, ngày ngày ngồi ở hiên nhìn ra sân xem những gà, lợn, chim sẻ, cào cào, bướm bướm... Tô Hoài cũng hiền lành như Nam Cao, nhưng ranh mãnh hơn một chút; tuy vậy, không lúc nào để mất tính chân thành.

Trước khi di cư vào Nam, anh còn tỏ sự chân thành ấy với tôi lần chót: trong một thư dài viết tay, anh đã chí tình khuyên tôi ở lại và nói lên những giờ phút mong đợi trở về gặp nhau đông đủ để sống lại những ngày thân mến trước đây.

(Vũ Bằng – Bốn mươi năm nói láo)

## **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

### **Chết yếu**

Có hai trường hợp:

Những người chết đã đến tuổi thành thân, thân nhân nhưng khi chết chưa có vợ hoặc mới có con gái, chưa có con trai, hoặc đã có con trai nhưng ít lâu sau con trai cũng chết, trở thành phạp tự (không có con trai nối giòng). Những người đó có cúng giỗ. Người lo việc giỗ chạp là người cháu (con trai của anh hoặc em ruột) được lập làm thừa tự. Người cháu thừa tự

được hưởng một phần hoặc toàn bộ gia tài của người đã khuất. Sau khi người thừa tự mất thì con cháu người thừa tự đó tiếp tự.

Những người chưa đến tuổi thành thân (dưới 16 hoặc dưới 18 tuổi, tùy theo tục lệ địa phương) sau khi hết lễ tang yết cáo với tổ tiên xin phụ thờ theo tiên tổ (gọi chung trong các bài văn cúng các bậc tiên gia là: Phụ vị thương vong tòng tự, không đặt linh vị từng vong hồn). Những người đó không có lễ giỗ riêng, ai có cúng giỗ chỉ là ngoại lệ. Có những gia đình bữa nào cũng xới thêm một bát cơm, một đôi đĩa đặt bên cạnh mâm, coi như người thân còn sống trong gia đình. Điều này không có trong gia lễ nhưng thuộc vào tâm linh, niềm tưởng vọng đối với thân nhân đã khuất.

### **Lịch sử phở**

#### **Phở “Không người lái”**

Tên này xuất hiện thời không quân Mỹ dội bom ở miền Bắc, phở do mậu dịch quốc doanh quản lý. Muốn ăn phở người ta phải xếp hàng dài chờ một bát phở...không người lái. Cụm từ ngụ ý bôi bác bát phở chỉ có bánh mà không có thịt, nước lèo là bột ngọt ngọt của Tàu và chút hành lá. Người ăn phở phải mang từ nhà theo: trứng gà, hành tây...

(Giai thoại phở Tàu Bay – Lê Quang Sinh)

## Mai táng

Ở huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An vẫn còn giữ tập tục từ cả ngàn năm về trước: Người chết được chôn theo thế ngồi xổm, họ bị trói trong tư thế này trước khi đem đi chôn

Đó là tập tục mai táng xưa, thể hiện hai mặt với người chết:

Mặt thứ nhất vì sợ người chết hiện hồn về quấy phá nên trước khi chôn phải trói lại. Khi khâm liệm, bao giờ người ta cũng lấy một miếng vải liệm, xé ra làm dây để buộc hai ngón chân cái và hai ngón tay cái của người chết.

Mặt thứ hai là thương nhớ người chết nên không lờ chôn ở xa mà chôn ngay trong vườn nhà.

## Làng

Cơ cấu tổ chức căn bản của xã hội nông dân Việt Nam là cái Làng do chữ Lang là bộ lạc cổ xưa để lại. Lang vốn là một thị tộc, gộp thị tộc lại thành Làng. Làng là đơn vị xã hội công cộng nguyên thủy sót lại, cho nên nguyên tắc tổ chức căn cứ vào tinh thần dân chủ công cộng nguyên thủy. Trong làng ấy, tất cả sinh hoạt tinh thần và vật chất công cộng đều tập trung chung quanh cái “nhà chung” gọi là Đình làng, hay là cái Đình. Cái Đình trong tâm hồn nông dân có một hình ảnh thân mật, một ý nghĩa linh động

như thế nào, thì chỉ xem như nó phản chiếu qua những câu ca dao sau đây đủ biết:

Đêm qua tát nước đầu đình  
Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen  
Em được thì cho anh xin  
Hay là em để làm tin trong nhà...

(Văn hóa đình làng – Nguyễn Đăng Thục)

### **Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân ?**

Một số nhà nghiên cứu cho rằng nguyên văn câu nói của Nguyễn Bình Khiêm với sứ giả của Nguyễn Hoàng (được chép lại trong bài *Phả ký* của Vũ Khâm Lân) phải là: *Hoành Sơn nhất đái, khả dĩ dung thân*. (Một dải Hoành Sơn có thể dung thân được).

Chứ không phải là: *Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân*. (Một dải Hoành Sơn có thể dung thân muôn đời) như tài liệu đã dẫn.

Sự sai khác này được lý giải là do các sử gia nhà Nguyễn sau này đã sửa đổi hai chữ “khả dĩ” thành “vạn đại”, với hy vọng sẽ giữ được cơ nghiệp của triều đại nhà Nguyễn tới muôn đời.

## **Đền**

Đền là một cung điện của cả nước hay của một địa phương, một xứ, quy mô lớn rộng dựng lên để kỷ niệm một ông vua, vị thần hay một danh nhân lịch sử có công ơn với dân với nước.

Đền thờ phụ nữ thì gọi là Phủ, như Phủ Giày thờ Liễu Hạnh ở Nam Định chẳng hạn.

(Văn hóa đình làng – Nguyễn Đăng Thục)

## **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

### **Tết kiêng đổ rác**

Trong "Sưu thần ký" có chuyện người lái buôn tên là Âu Minh đi qua hồ Thanh Thảo được thủy thần cho một con hầu tên là Như Nguyệt, đem về nhà được vài năm thì giàu to. Một hôm, nhân ngày mùng một Tết, Âu Minh đánh nó, nó chui vào đồng rác mà biến mất, từ đó nhà Âu Minh lại nghèo đi. Kể từ đó kiêng không dám hót rác ngày Tết.

Tục kiêng hót rác ba ngày Tết nên ngày 30, đầu bận rộn đến đâu cũng phải dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ và những ngày Tết thì mọi người phải hết sức giữ gìn nhà cửa không vứt rác bừa bãi.

### **Quan hôn tang tế**

Quan là lễ đội mũ cho con trai nhà quan đến tuổi trưởng thành.

Hôn là hôn lễ, vì xưa làm lễ vào buổi hoàng hôn (buổi chiều).

Vì ngày xưa tổ chức lễ cưới vào giờ âm dương giao hòa nên mới gọi là...hôn lễ.

Tang lễ là lễ trong đám tang.

Tế là tế lễ trong những dịp tế lễ thần linh.

(Tiền tình văn hóa Việt Nam – Nguyễn Khắc Thuần)

### **Chữ nghĩa làng văn...hàng xóm**

#### **Trang Tử**

Nếu như *Đạo đức kinh* của Lão Tử đã kích khiên cường *Nho giáo* của Khổng Tử. Thì *Nam Hoa kinh* đã kích công khai bằng cách mượn môn đệ của Khổng Tử phát ngôn giùm. Như chuyện Nhan Hồi nghe Tử Lộ nói với Tử Cống rằng: “Sao thầy ta không chịu dừng đàn hát, chẳng lẽ bậc quân tử lại vô liêm sỉ đến thế sao

(Tiền tình văn hóa Việt Nam – Nguyễn Khắc Thuần)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ**

Cao bá Quát được cử làm giám khảo một khoá thi ở Thừa Thiên, trong khi chấm bài ông thấy có một bài

văn thật hay mà lại phạm một lỗi nhỏ, ông nghĩ đến thân phận mình đã qua cầu phạm trường quy nên muốn giúp cho một người học giỏi mà không may mắn, nên ông dùng muội đèn để sửa và chấm bài đó cho điểm cao. Chẳng may việc phát giác, ông bị đày vào Đà Nẵng. Hai năm sau ông được phép theo sứ bộ Đào Tri Phú đi sứ Tân Gia Ba để chuộc tội. Khi trở về ông được phục chức. Ông ngâm ngợi viết:

Nỗi mình tưởng đến mà đau  
Chút danh theo đuổi mái đầu hoa râm

Nhưng vì tính tình kiêu ngạo của ông, ông bị mọi người ghét, kể cả vua Tự Đức, nên đầu năm 1954 ông bị đày ra ngoài bắc, làm chức giáo thụ phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây. Chẳng bao lâu, không chịu nổi cuộc sống nhạt nhẽo ở một nơi hẻo lánh so với cuộc sống ở kinh đô trước kia, và chán nản về công việc buồn tẻ của chức giáo thụ trông coi việc học của một phủ nhỏ, ông xin cáo quan về nhà.

Mấy câu đối ông làm thời kỳ đó, tỏ ra một tâm trạng chán nản ê chề, tức tối tài mình không được sử dụng đúng chỗ, than thở ra những lời khinh bạc

1- Nhà trống ba gian,một thầy,một cô,một chó cái  
Học trò dăm đứa, nửa người, nửa ngợm, nửa đời  
uơi.

2- Trói chân kỳ ký cho vào rọ  
Rút ruột tang bồng trả nợ cơm

(kỳ ký là tên hai giống ngựa nổi tiếng là ngựa hay, ngựa tốt. Trong văn chương dùng hai chữ kỳ ký để ví một người với bậc nhân tài xuất chúng. Tang bồng hồ thỉ chỉ chí khí cao cả của nam nhi, nay phải dùng vào việc com áo).

### **Truyện chóp: Chì**

Có lẽ ranh giới tận cùng của truyện chóp là một câu. Nhưng câu cũng có năm, bảy loại câu. Trong văn chương hiện đại, dưới ngòi bút của không ít nhà văn có tên tuổi, nhiều câu dài dằng dặc trong một hay hai trang giấy, nghĩa là dài bằng cả một truyện thật ngắn bình thường. Bởi vậy, câu trong truyện chóp phải là những câu vừa phải. Càng ngắn càng tốt.

*Chì ước mơ kiếp sau chớ làm người, mà được làm cái thùng gạo, chỉ nằm giữa một chỗ mà chẳng mấy khi thiếu ăn.*

### **Chùa**

Chùa là cung điện thờ Phật có nhiều tòa nhà gạch với tường, tháp, nhà thất cho sư ông, chú tiểu. Chùa nhỏ nơi hẻo lánh chân núi hay cửa rừng thường gọi là Am. Người ta hay xây Am ở bên cạnh nghĩa địa để thờ vong hồn, gọi là chùa Âm hồn hay Am chúng sinh.

(Văn hóa đình làng – Nguyễn Đăng Thục)

## Nhà máy bia Hà Nội

Nhà máy bia Hà Nội là nhà máy Bia Hommel cũ, công xuất chỉ bằng một phần mười nhà máy Sài Gòn làm bia hơi nhạt. Tên Bia 33 khai sanh tại Hà Nội năm 1949.

Ngày nay Bia 33 cũng tỵ nạn tại Đan Mạch (do Hãng Carlsberg – Đan Mạch sản xuất). Bia 33 vì sanh ở Hà Nội nên dân Sài Gòn vẫn gọi «Bia 33», hay vẫn tắt «Băm Ba».

(Nguồn: Phan Văn Song)

## Phùng Quán

Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam đã xuất bản “Nhà văn Việt Nam hiện đại”, dày 1200 trang khổ lớn, tập hợp chân dung trên một ngàn nhà văn các thế hệ, từ các cụ Ngô Tất Tố, Phan Khôi... cho đến lớp nhà văn vừa được kết nạp như Nguyễn Danh Lam, Phan Huyền Thư...

Tuy vậy, ở một số tác giả có quá trình “phức tạp” (như Hữu Loan, Phùng Quán, Trần Dần, Lê Đạt...) bạn đọc không thể thoả mãn với cách lược ghi bạn đọc không thể thoả mãn với cách lược ghi, đại thể như với Phùng Quán, “quá trình học tập, công tác, sáng tác” chỉ vền vẹn một dòng: “*Tham gia quân*

*đội trong thời kỳ chống Pháp, sau chuyển sang làm công tác văn hoá”.*

Đã đành, đây là một sự chọn lựa khó khăn của Ban biên tập, nhưng vụ “Nhân văn” đã qua nửa thế kỷ (thời gian cho phép “giải mật” nhiều loại hồ sơ...), một số tác giả lại vừa được tặng “Giải thưởng Nhà nước”, thiết nghĩ Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam không nên tránh né một sự thật mà thiên hạ đều đã biết.

(Nguyễn Khắc Phê - Nhà văn hiện đại)

### **Miếu**

Miếu là một cái cung nhỏ, có khi chỉ có mấy cái bệ trên một nền gạch ở giữa đồng, dưới gốc cây để thờ thần canh nông thổ thần hay nhân vật bất đắc kỳ tử.

(Văn hóa đình làng – Nguyễn Đăng Thục)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ**

#### **Câu đối**

Lê Thánh Tông, lúc còn là hoàng tử, một hôm dạo chơi trên bờ sông đào vùng Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, tình cờ gặp một cô con gái xinh đẹp đang vo gạo ở dưới bên, liền đọc bốn một câu:

*Gạo trắng nước trong, mển cảnh lại càng thêm mển cá ...*

Cô gái tiếp tục vo gạo, khi xong, cấp rá ra về, ngoài  
cổ lại đọc:

*Cát làm gió bụi, lo đời đâu đấy hãy lo cho ...*

Hoàng tử khâm phục lời khuyên, vì bấy giờ đương  
buổi loạn ly, làm thân nam tử hãy lo việc lớn xong  
đâu đấy, rồi hãy nghĩ tới việc ... kia khác.

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

## **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

### **Cúng giao thừa ngoài trời**

Dân tộc nào cũng coi phút giao thừa là thiêng liêng.  
Các cụ ta quan niệm: Mỗi năm Thiên đình lại thay  
toàn bộ quan quân trông nom công việc dưới hạ  
giới, đứng đầu là một ngài có vị trí như quan toàn  
quyền. Năm nào quan toàn quyền giới giang anh  
minh, liêm khiết thì hạ giới được nhờ như: Được  
mùa, ít thiên tai, không có chiến tranh, bệnh tật...  
Trái lại, gặp phải ông lười biếng kém cỏi, tham  
lam... thì hạ giới chịu mọi thứ khổ. Và các cụ hình  
dung phút giao thừa là lúc bàn giao, các quan quân  
quản hạ giới hết hạn kéo về trời và quan quân mới  
được cử thì ào ạt kéo xuống hạ giới tiếp quản thiên  
hạ.

Các cụ cũng hình dung phút ấy ngang trời quân đi,  
quân về đầy không trung tấp nập, vội vã, thậm chí  
có quan, quân còn chưa kịp ăn uống gì.

Nhưng phút ấy, các gia đình đưa xôi gà, bánh trái, hoa quả, toàn đồ ăn nguội ra ngoài trời cúng, với lòng thành tiễn đưa người nhà trời đã cai quản mình năm cũ và đón người nhà trời mới xuống làm nhiệm vụ cai quản hạ giới năm tới. Vì việc bàn giao gấp gáp nên các vị không thể vào trong nhà khè khà mâm bát mà chỉ có thể dùng vài giây ăn vội vàng hoặc mang theo, thậm chí chỉ chứng kiến lòng thành của chủ nhà. Ví cứ tưởng tượng thêm thất các hình ảnh nhà trời theo mình như vậy nên nhiều nhà có của đua nhau cúng giao thừa rất to và nghĩ cách làm mâm cúng giao thừa nổi lên bởi những của ngon vật lạ, trang trí cầu kỳ để các quan chú ý, quan tâm đến chủ hảo tâm mà phù hộ cho họ với đóc lòng phù hộ.

### **Truyện chóp: Cải táng**

Trước khi qua đời chiều nào ông nội tôi cũng uống rượu. Ông mặc bộ đồ trắng, đi thông thả đến tiệm tạp hóa, làm vài ly đế. Khi về, ông đi loạng choạng, chân nọ xọ chân kia, nhưng không bao giờ ngã té. Những chuyến đi diễn ra đều đặn mỗi ngày trong nỗi buồn vô hạn vì cái chết đột ngột của cha tôi, vì thời thế đổi thay, vì gia đình chúng tôi phải từ thành phố về sống ở thôn quê trước con mắt dò xét của lũ người thô lỗ và xu thời. Chẳng bao lâu ông tôi chết vì rượu, khi tôi ở xa.

Vài năm sau tôi về cải táng mộ. Khi đào lên, người ta dùng rượu rửa sọ ông, rửa rất lâu cho đến khi linh hồn ông say khướt. Trên cánh đồng cát không

người, tôi thấy ông nội đi loạng choạng về phía chân trời.

## **Trang Tử**

Nhan Hồi nghe Tử Lộ nói với Tử Công nói xấu Khổng Tử, bèn vào thưa lại với Khổng Tử. Khổng Tử liền gạt cây đàn sang một bên và nói: “Tử Lộ và Tử Công là bọn tiểu nhân thiên lậu. Hãy gọi chúng vào đây ta giảng giải cho”. Tử Lộ và Tử Công vào được Khổng Tử giảng giải cho, xong, Khổng Tử vẫn tiếp tục đàn hát...

Nhưng điều quan trọng là trong Nam Hoa kinh đã đề cho trò dám nói thầy là...“vô liêm sỉ”.  
Còn thầy mắng trò là...“bọn tiểu nhân thiên lậu”.

(Tiên tình văn hóa Việt Nam – Nguyễn Khắc Thuần)

## **Lê Xuyên, Dương Nghiễm Mậu**

Thời gian gần đây, Công ty văn hoá Phương Nam và Nhà xuất bản Văn nghệ TP HCM cho in lại 4 tập truyện ngắn của Dương Nghiễm Mậu, và truyện dài Nguyệt Đòng Xoài của Lê Xuyên.

Có dư luận trong nước, sớm nhất là một cô giáo tên Lê Ánh Đào, đã phản đối nhà xuất bản và Công ty Phương Nam. Cô giáo này cho rằng: "Đọc sách Dương Nghiễm Mậu - Thú vật hóa con người và lưu

manh hóa hình tượng văn học". Trình độ đọc sách của "giới giáo chức" trong nước thì tôi (Trần Nghi Hoàng) đã có biết qua! Thậm chí có giáo viên cho cái tên Nhật Linh có liên quan tới "cải lương" chi đó!

Nhưng đáng kể là, tôi lại cũng tình cờ đọc được bài viết "Đâu là tiêu chí của người xuất bản" của Vũ Hạnh, một nhà văn có chút tên tuổi xưa ở miền Nam, "đầu tó" nhà xuất bản và Công ty Phương Nam và hai tác giả Dương Nghiễm Mậu, Lê Xuyên. Tôi dùng chữ "đầu tó", vì ngôn từ và cung cách viết bài này của Vũ Hạnh sặc mùi "đấu tranh giai cấp" và loảng xoảng sứt máu hận thù, không thua sút chút nào với những bài của các "văn công" đã "đầu tó" nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* hơn năm mươi năm về trước. Nào là "tha hóa lớp trẻ hầu đưa đẩy họ vào sự chống phá cách mạng, chống lại sự nghiệp giải phóng dân tộc...", nào là "sách của Dương Nghiễm Mậu nổi bật là tính phản động thì sách của Lê Xuyên là tính đòi trụ..." Và Vũ Hạnh... ngậm ngùi thêm: "... và các tác giả - Dương Nghiễm Mậu, Lê Xuyên - sống lại ở thành phố này vẫn được đối xử bình đẳng, không hề gặp bất cứ sự quấy phiền nào."

Chúng tôi, những văn nghệ sĩ lưu vong đều biết rất rõ những văn nghệ sĩ miền Nam còn ở lại sau tháng Tư 1975 "vẫn" được đối xử bình đẳng và... "vẫn" không bị "sự quấy phiền" như thế nào... Thậm chí, Dương Nghiễm Mậu "sung sướng" quá phải bỏ viết,

đi học nghề làm tranh sơn mài... Và Lê Xuyên thì "rất an vui" ngày ngày ngồi bán thuốc lá lẻ, quần áo vá chằng đụp sống ngậm tăm trên hè phố!

(Trần Nghi Hoàng – Vũ Hạnh: Con đường thứ ba)

## **Điện**

Điện là một cái đèn nhỏ thờ quan binh hầu đức Thánh Trần Hưng Đạo, hay thờ các quan âm binh của pháp sư.

Tĩnh để thờ chư vị thì thường cũng như cái điện nhỏ của tư nhân.

(Văn hóa đình làng – Nguyễn Đăng Thục)

## **Người Việt phát minh ra giấy...?**

Năm 2006, trên mạng lưới, trang của đài phát thanh Bắc Kinh (phần tiếng Việt) vừa tiết lộ cho biết qua sách "*Bách Việt hiền chí – Lĩnh Nam di thư*" thì Thái Luân, một người Việt làm quan cho triều đại nhà Hán đã phát minh ra giấy viết và được gọi là "Giấy tước hầu Thái" nhưng bị người Tàu nhận là do người Tàu làm ra.



Tuy nhiên, qua bài tường thuật có nhiều chi tiết cần xem lại. Như:

- Xưa, người Tàu sống trên sông Dương Tử mới là người Tàu nguyên thủy. Còn những dân du mục sông phía dưới sông Dương tử là man di hay “Bách Việt” với cả mấy chục sắc dân khác nhau (trong đó có người Lạc Việt hay người Việt ta bây giờ).

- Bài tường thuật không sáng tỏ, gần như hiểu theo nghĩa nào cũng được với người Việt theo *Lĩnh Nam di thư* của sử gia Âu Đại Nhậm là Việt của Câu Tiễn hay...An Nam (Việt Nam).

(Vì ít nhất có hai học giả thời danh người Việt gần đây cho là vua Thần Nông (bên Tàu) và Lão Tử người nước Sở cạnh nước Việt (Câu Tiễn) là người...Việt Nam ta).

- Với *Lĩnh Nam di thư*, theo *Lĩnh Nam chí quái* thì Lĩnh Nam thuộc Tàu.



Không thấy nói gì đến Tây Thi, Phạm Lãi là người Việt? Quái thật!

(Trần Lam Giang - “Bách Việt hiền chí – Lĩnh Nam di thư”)

### Ngã tư quốc tế

Nhà tôi trước ở trong hẻm 192 đường Đề Thám, băng qua đại lộ Trần Hưng Đạo là tới ngã tư Đề Thám và Bùi Viện tức Ngã Tư Quốc Tế. Thuở tuổi thiếu niên, tôi được cha tôi giao nhiệm vụ đi mua la de và đồ nhậu mỗi khi cha tôi có khách tới nhà. Lúc học các năm cuối trung học đệ nhị cấp thì tôi nhào vô quán cơm bình dân Anh Vũ ngay góc ngã tư làm một bữa ăn trưa có đầy đủ món canh món mặn và trà đá mà chỉ tốn có năm đồng bạc.

Tới khi đi lính rồi, tôi cũng còn la cà khu đó để ngòai nhậu với bạn bè lính tráng với nhau, các quan uông rượu mạnh Rémy Martin, Johnny Walker. Lính nghèo chỉ nhậu la de Con Cọp. Tôi hay nhậu ở

đường Bùi Viện, Ngã Tư Quốc Tế, xế xế đàng sau rạp hát Nguyễn Văn Hảo đại lộ Trần Hưng Đạo Quận Nhì Sài Gòn. Đọc hai bên con đường Bùi Viện từ đường Đề Thám trở đi về hướng đường Công Quỳnh, cứ chiều đến là các quán nhậu kê thêm bàn ghế ra tận lòng đường để đón khách nhậu lính cũng như dân.

(Nhậu – Phan Hạnh)

## **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

### **Tết Đoan Ngọ**

Ở nước ta, Tết Đoan Ngọ được coi trọng, xếp vào hàng thứ hai sau Tết Nguyên Đán. Vì vậy các cụ thường nói "Mùng 5 ngày Tết". Học trò tết thầy, còn rề tết bố mẹ vợ... quanh năm cũng chỉ tập trung vào hai lễ Tết đó.

Tết Đoan Dương còn nhiều tục lưu truyền đến nay; sáng sớm cho trẻ ăn hoa quả, rượu nếp, trứng luộc, bôi hồng hoàng vào thóp đầu, vào ngực, vào rốn để giết sâu bọ. Người lớn thì giết sâu bọ bằng cách uống rượu (hoà ít tam thần đơn) hoặc ăn rượu nếp. Trẻ em giết sâu bọ xong khi còn ngồi trên giường, rồi rửa mặt mũi, chân tay xong bắt đầu nhuộm móng tay móng chân, đeo chỉ ngũ sắc. Em gái đến độ tuổi xâu lỗ tai cũng chọn ngày này mà xâu. Vì là đoan ngộ nên lễ cúng gia tiên phải cúng vào giờ ngộ (buổi

trưa). Tục hái thuốc mỏng năm cũng bắt đầu từ giờ ngộ, đó là giờ có dương khí tốt nhất trong cả năm, lá cây cỏ thu hái được trong giờ đó có tác dụng chữa bệnh tốt, nhất là các chứng ngoại cảm, các chứng âm hư. Người ta hái bất kỳ loại lá gì có sẵn trong vườn, trong vùng, miễn sao đủ trăm loại, nhiều ít không kể. Tuy vậy, nhân dân ta quen dùng thảo mộc chữa các chứng bệnh, biết phân biệt loại có độc, chẳng hạn lá ngón, cà độc dược, lá sắn... dẫu người nặng đầu óc mê tín cũng chẳng dám hái. Ngược lại, các cây cỏ chữa bệnh thông thường có tác dụng trừ phong ích khí thì hái nhiều hơn như ích mẫu, ngải cứu, sả, tử tô, kinh giới, lá tre, lá bưởi, cam, chanh, quýt, mít, muỗm, hành, tỏi, gừng, chè, ổi, tràu không, sài đất, sồng đơi, bồ công anh, sen, vông, lạc tiên, nhọ nôi...

### **Giai thoại làng văn xóm chữ Mặt chữ điền**

*Đây thôn Vĩ Dạ*, bài thơ được in trong tập *Thơ điền* có những câu:

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ?*

*Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên*

*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*

*Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

Gần đây có nhiều người cho rằng “mặt chữ điền” chẳng phải để tả người mà chỉ là tiếp nối các

câu tả cảnh ở đầu bài thơ: sau khi tả nắng hàng cau, tả vườn cây xanh lá.

Và câu thứ tư tả nét kiến trúc đẹp: *lá trúc che ngang ...tám chữ điền (chấn môn)* trước cửa nhà. Vì kiến trúc xưa thường xây bức *chấn môn* chắn trước cửa ra vào. Tám chấn này có khi được trang trí hoa lá, hồ phù, có khi đắp nổi nguyên hình một con hổ. Đơn giản hơn, có khi chỉ đắp nổi một hình chữ thập ở giữa khiến nó giống hệt “chữ điền” Ở vùng Thừa Thiên, Quảng Ngãi, Bình Định, vào cho đến các tỉnh nam Trung phần xưa vẫn gọi tám chấn trước cửa ấy là “*mặt chữ điền*”. Hai bên *chấn môn* lại thường có trồng thêm hai bụi trúc, phía sau có hòn non bộ...

(Nguyễn Cẩm Xuyên - Lá trúc che ngang mặt chữ điền)

### **Lão Tử, Trang Tử, Khổng Tử**

Từ chuyện thầy trò Khổng Tử mắng mỏ nhau là chuyện hư cấu với thật giả khiến người đọc thấy vị trí của Khổng Tử không còn tôn quý nữa. *Nam hoa kinh* còn rất nhiều đoạn để cho thầy trò Khổng Tử tư duy theo lối tư duy của *Đạo đức kinh*. Tức là chính họ phủ nhận triết lý Nho giáo của chính họ khiến cho người đọc có cảm tưởng Khổng Tử chỉ có danh hão mà thôi.

(Tiền tình văn hóa Việt Nam – Nguyễn Khắc Thuần)

## Tiếng Việt trên net

hah = hả

hử = hiểu

huh= hờ

(Nguồn: Gio-o.com)

## Gà mở cửa mả

Theo phong tục xưa khi chôn ai được ba ngày thì rước thầy cúng

*Lễ mở cửa mả.* Lễ vật ngoài hương đèn, hoa quả còn bộ tam sên:

- Trứng, con cua luộc và miếng thịt ba rọi
- Và một con gà mái còn sống.

Con gà này được buộc giây vào một chân rồi dắt đi quanh mả.

Sau đó thả gà cho đi đâu thì đi. Gà phải đợi làm lễ, vừa bơ vơ,

vừa mệt nên ngơ ngơ không biết đi đâu nữa.

Ngụ ý câu thành ngữ trên chỉ những người lúc nào cũng ngơ

ngơ, ngác ngác như...gà mở cửa mả.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### Tục sùng bái cây

Đây là một tín ngưỡng có tính cách hợp hóa màu nhiệm của đá với cây. Bình vôi là một quyền năng huyền bí mật thiết quan hệ đến mệnh vận trong nhà. Nêu vôi bám thành bờ trên miệng bình thì trong nhà làm ăn thịnh vượng. Bình vôi bể vỡ là một điềm gỡ. Bởi thế nên mỗi khi có bình chẳng may bể vỡ người ta kiêng không dám vứt đi vào chỗ tạp uế, phải đem chôn cất dưới gốc cây vì gốc cây là nơi đặc biệt hình như có duyên nghiệp với chất đá vôi, và bình vôi ở gốc cây lại càng tụ được nhiều sinh khí hay thần linh (prana = mana).

Vì thế mới phát xuất ra tục thờ cây vậy.

Hoặc tục thờ cây có từ trước vì lý do huyền bí màu nhiệm của sức nảy nở sinh sôi ở thảo mộc.

(Văn hóa đình làng – Nguyễn Đăng Thục)

### Tế thông gia

Đời sống tinh thần của người Việt ở miền Nam còn lưu giữ nhiều mỹ tục xoay quanh các vấn đề quan, hôn, tang, tế. Trong đó, tế thông gia còn được bảo tồn ở nhiều địa phương như Tiền Giang, Long An.

Khái lược về hậu sự

Cổ lệ về hậu sự, qua một số nghiên cứu cho biết có rất nhiều lễ: *phục hồn (chiêu hồn), mộc dục, phạn*

*hàm*, ... Hiện nay vấn đề hậu sự được tiết giảm rất nhiều. Tuy nhiên, một số lễ sau vẫn được tiến hành. Sau khi người quá cố đã tắt thở, tang chủ (thường là người thân trong gia đình như vợ/chồng, con/cháu, ...) làm *lễ an bài thi hài*. Dùng nước thơm lau rửa, sau đó thay quần áo mới cho người chết. Một số trường hợp, tang chủ mua *bộ đồ vãng sanh* gồm áo dài màu vàng có in bài *chú vãng sanh* bằng chữ Phạn và Hán tự trên áo, mặc cho người thân với quan niệm được siêu thoát về thế giới Tây phương của các chư Phật. Trên mặt người quá cố được đắp tấm vải màu vàng, đồng bộ với đồ vãng sanh.

(Tế thông gia - Đỗ Kim Trường)

### **Lão Tử, Trang Tử, Khổng Tử**

Đó là mối quan hệ của ba học phái và cũng chính là những nghịch lý dễ nhận ra thuyết *Vô vi* mà Đạo đức kinh ra sức đề cao thì nói khác đi, Thì *Vô vi* mà không...*vô vi* vậy.

Ngoài ra *Nam Hoa kinh* trình bày khái niệm đạo của mình cũng tương tự như *Đạo đức kinh*. Nếu trích lục những câu viết về “Đạo” của hai tác phẩm này để so sánh thì quả thật khó mà phân biệt được câu nào của Nam hoa kinh, câu nào của Đạo đức kinh..

(Tiền tình văn hóa Việt Nam – Nguyễn Khắc Thuần)

## Bộ đồ vãng sanh

Kế đến là *lễ nhập quan*. Sau khi người thân vừa chết, tang chủ cho người đến chùa nhờ các sư thầy coi ngày giờ khâm liệm và chôn cất. Theo Phan Kế Bính, phải coi ngày giờ trước khi nhập quan là để tránh kỵ tuổi cho những người thân còn sống của người quá cố.

Đúng giờ quy định, tang chủ cùng những người thân và đạo tỳ tiến hành nghi thức khâm liệm người chết. Trước khi nhập quan, bên trong quan tài, dưới đáy được lót bằng chiếu mới, trà,.. Bên trên các thứ ấy đặt thi hài người quá cố. Phủ lên trên thi hài là quần áo, ít vật dụng lúc sinh tiền người chết đã sử dụng. Sau khi những người thân nhìn mặt người quá cố lần cuối cùng, quan tài được đóng kín lại. Cùng với đó, tang gia chính thức báo tang bằng bảng cáo phó.

Sau lễ nhập quan, linh cữu được khiêng ra giữa nhà, đặt trên linh sà. Ở nóc linh cữu có dàn để đặt sáu cây đèn cầy, dưới linh sà đốt ngọn đèn cầy. Đầu quan tài đặt linh tọa có bát hương, bông hoa trái cây. Phía trước đặt ba chén cơm cúng theo hàng ngang. Hai chén hai bên, trên đặt *một chiếc đĩa*, chén cơm ở giữa *đặt đôi đĩa*. Một số ý quan niệm cho rằng, người quá cố là "ma mới" hay bị "ma cũ" ăn giành nên chén cơm ở giữa (của người mới chết) có hai chiếc đĩa để ăn cho nhanh, còn hai chén cơm ở hai bên (của các vong khác) chỉ có một chiếc đĩa,

không thể ăn nhanh được, và như thế người quá cố sẽ không bị đói.

Tiếp sau nhập quan là *lễ thành phục* (cũng gọi là lễ phát tang). Mở đầu, tang gia quỳ trước linh cữu khấn lạy theo sự hướng dẫn của sư tăng. Sau một *thời* kinh đầu tiên, "người chủ tang, thường là con trưởng hoặc một người đại diện của gia đình, đốt nhang vái và lạy trước bàn thờ, rồi lấy một vòng khăn xô bịt lên đầu. Xong chủ tang sẽ gọi lần lượt từng người một trong gia đình, từ thân đến sơ, từ già đến trẻ, vào thắp nhang, vái lạy và vấn khăn tang." Đồ tang của người vắng mặt được đặt trên linh cữu. Khi lễ thành phục đã xong, thân bằng quyến thuộc mới được vào cúng tế, trong đó có thông gia.

(Tế thông gia - Đỗ Kim Trường)

### **Sách giáo khoa**

Theo tinh thần Đổi Mới. Lúc đó tôi quan niệm rằng chương trình cũ cũng như cả nền văn học trước 1975 chủ yếu nhằm phục vụ đất nước trong hoàn cảnh chiến tranh. Yêu cầu hàng đầu là phục vụ chính trị, cổ vũ chiến đấu. Văn học lúc đó vì thế phải theo sát từng nhiệm vụ chính trị: kháng chiến chống Pháp, cải cách ruộng đất... Khi đất nước bị chia cắt thì chuyển sang phục vụ hai nhiệm vụ chiến lược: Đấu tranh thống nhất đất nước, và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Văn học cứ phục vụ sát từng bước

một. Khi Mỹ đánh ra miền Bắc thì văn học cùng với chương trình văn học lại phải tập trung cổ vũ cao trào cả nước chống Mỹ. Tất cả mọi ngành đều như vậy, văn học và giáo dục cũng như vậy. Do phải phục vụ chính trị, cổ vũ chiến đấu, nên tiêu chuẩn chính trị trong văn học đặt lên hàng đầu, tiêu chuẩn nghệ thuật đặt ở hàng thứ hai hay thứ ba gì đấy. Do ưu tiên hàng đầu là phải phục vụ chính trị, cho nên có nhiều tác phẩm không có giá trị nghệ thuật gì, nhưng cũng được chọn vào chương trình.

(Nguyễn Đăng Mạnh - Dạy văn thì phải đúng là dạy văn)

### **Thỏ thần**

Thường thấy giữa đồng ruộng Bắc Việt một cái gò, cái đồng đất có cây cổ thụ che phủ một cái bệ xây làm nền. Nhà nông chung quanh đem hương hoa, rượu, xôi, gà đến cúng tế, vì đấy là một đền hay nền thờ Thỏ Thần. Người ta kiêng xâm phạm vào khu vực này, cây không được chặt, đất không được cuốc. Nhiều khi nền thờ xây cũng không có, cây với gò bằng với mặt bờ ruộng.

(Văn hóa đình làng – Nguyễn Đăng Thục)

## Giai thoại làng văn xóm chữ

### Ả đào

Thời xưa, các cụ những lúc cao hứng, hay lui tới "xóm chị em" thường được gọi văn vẻ là "quán Sở lầu tân". Ả đào là những người vì cảnh ngộ xui nên mà phải làm cái nghề buôn phấn bán son. Nhiều cô lấy làm vạ bất đắc dĩ, là vì đã từng theo đòi bút nghiên, nên những lúc cảm thương thân thể, thường viết ra những vần ai oán:

Chôn ca lâu đèn dong một ngọn,  
Đêm năm canh hao tổn tinh thần.  
Ngủ ngày thức tối hư thân,  
Biết đâu quán Sở lầu Tần thế gian!  
Thân như thể hoa tàn nhị rữa,  
Bỏ bên đường làm của chơi chung.  
Sang hèn có bạc thì xong,  
Tha hồ vợ vợ chồng chồng chén son.  
May gặp khách nha môn quyền quý,  
Chẳng may ra, gặp kẻ ngu hèn.  
Tháng ngày ẻo ọe chè men ,  
Bẻ hành bẻ tỏi chị em đến điều ...

Nhưng, khi gặp khách tri âm, thì đến lúc chia tay có cô nín "anh" lại mà ngâm:  
Anh về, em chẳng cho về,  
Em nín vạt áo, em đề câu thơ ...

Thơ rằng:

Ta chữa xa nhau đã nhớ nhau,

Nhớ nhau vì nỗi phải xa nhau.  
Xa nhau chỉ để cho nhau nhớ,  
Mà có xa nhau mới nhớ nhau!  
(Tản Đà ?)



(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

### **Vũ Trọng Phụng**

Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam đã xuất bản “Nhà văn Việt Nam hiện đại”, dày 1200 trang khổ lớn, tập hợp chân dung trên một ngàn nhà văn các thế hệ, từ các cụ Ngô Tất Tố, Phan Khôi... cho đến lớp nhà văn vừa được kết nạp như Nguyễn Danh Lam, Phan Huyền Thư...Điều quan trọng hơn là cuốn sách đã mang một cái tên không xứng hợp. Vì rõ ràng là khiếm khuyết, khi cuốn sách mang tên “NVCNHD” mà lại không có Vũ Trọng Phụng, Khải Hưng, Phạm Duy Tốn, Hồ Biểu Chánh,...

Đã đành, trong điều kiện Việt hiện nay, việc đánh giá tác giả, tác phẩm văn học khó tránh được sự chi phối của ý thức hệ, nhưng chúng ta đều biết, văn học

còn có những giá trị trường tồn, vượt qua ý thức hệ. “Truyện Kiều” của Nguyễn Du, hay “Chí Phèo” của Nam Cao là những bằng chứng hiển nhiên rằng: Trong một chế độ phản tiến bộ, vẫn có nhà văn viết nên những tác phẩm có giá trị lâu bền. Đã đến lúc, cần phải đặt thẳng vấn đề: Chẳng lẽ suốt 20 năm (1955-1975), những sáng tác văn học ở miền đều là thứ “vứt đi”, không đáng đếm xỉa gì đến?

Dù biết đây là vấn đề “nhạy cảm” và phải cân nhắc thận trọng, nhưng nhất thiết không thể né tránh vì nếu “khoanh vùng” trong phạm vi các nhà văn là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, do nhận thức ấu trĩ, đã có thời muốn “vứt đi” những di sản văn hoá tiền nhân để lại, muốn “vứt đi” cả những tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng!

(Nguyễn Khắc Phê - Nhà văn hiện đại)

### **Phật giáo và Đạo giáo**

Trong một ngôi chùa Bắc Việt người ta thường thấy chia ra làm 2 khu thờ lớn nhỏ khác nhau, và ngoài cửa còn có một vài cây cổ thụ như cây Bồ đề, hay cây Đa, cây Gạo.

Tục ngữ nói: Thần cây Đa, ma cây Gạo”.

Cung giữa chùa là để thờ Phật có tượng. Gian bên có 3 pho tượng Nữ thần ở trên bệ, dưới có tượng quan tướng Ngũ Hồ. Như vậy đủ thấy chùa Việt Nam thờ

hỗn hợp hai yếu tố với nhau là Phật giáo ngoại lai và Thần đạo bản xứ.

(Văn hóa đình làng – Nguyễn Đăng Thục)

### **Chuyện Ta chuyện Tàu**

Sự thực thì khởi đầu dòng Hán tộc dân không có đông lắm, họ lấy Thiểm Tây, Hà Nam, Hà Bắc, Sơn Đông làm địa bàn, lấy lưu vực sông Hoàng Hà làm căn bản. Nhưng họ lấy văn hóa để đồng hóa các nước mà họ coi là man di mọi rợ: Đông Di, Tây Nhung, Bắc Địch, Nam Man.

Như trên lá cờ Cộng sản Tàu, ta thấy có 5 ngôi sao, một ngôi sao lớn là tộc Hán, còn 4 sao nhỏ là 4 tộc người Mông (CỔ), Mãn (Thanh), Tạng (Tây Tạng), Hồi.

Chỉ còn Việt Nam (Nam Man) chưa lên lá cờ máu đó.

(Chuyện Ta chuyện Tàu – Trần Khánh)

### **Khổng Tử**

Hồ Quý Ly trong sách *Minh đạo* của mình công kích Khổng Tử ở những điểm:

- Khổng Tử cho ra mắt nàng Nam Tử. Nàng là vợ Vệ Linh Vương là người đàn bà nổi tiếng là đẹp như đầm loạn..

- Công Sơn và Phạt Hát là hai kẻ phản thần cho gọi mà Không Tử cũng định sang giúp họ. Vì Không Tử hết lương ăn ở nước Trần.

Thế nên Hồ Quý Ly cho đặt tượng ở Văn Miếu: Tượng Chu Công ở chính giữa, mặt quay về phương nam (phía VN). Tượng Không Tử để sang một bên và mặt quay về phía tây.

(Tiên tình văn hóa Việt Nam – Nguyễn Khắc Thuần)

### **Cái chết của tác giả “Tắt đèn”**

Ngô Tất Tố (1894-1954) là nhà Nho học vào giai đoạn trước năm 1954, Ông tiêu biểu cho giai đoạn giao thời, dung hoà sự tương thích giữa nền văn hoá mới và cũ. Ông còn được xem là nhà văn hàng đầu của trào lưu “hiện thực phê phán” ở Việt Nam với các tác phẩm tiêu biểu như *Tắt đèn*, *Lều chõng*, *Việc làng*, v...v...

Tác phẩm *Tắt đèn* của ông được đưa vào sách giáo khoa. Tuy nổi tiếng thế nhưng không có nguồn tin chính thức nào về cái chết của ông. Mãi cho đến nay, nhà văn Thái Doãn Hiến cho biết như sau:

“Gần đến chiến thắng Điện Biên Phủ. Hội văn nghệ Việt Nam họp trên đồi Nhã Nam. Cuộc đấu tố của văn nghệ sĩ diễn ra gay gắt căng thẳng. Người ta vu cáo những chuyện tày trời, quyết liệt dồn Ngô Tất Tố vào chân tường với tội “phục cổ”.

Và nhà văn Ngô Tất Tố đã qua đời vào đêm 20 tháng 4 năm 1954 do thất cố ở nhà riêng ở Yên Thế, Bắc Giang.

Cái chết tức tưởi của nhà văn khắc nghiệt đến mức nghĩa trang liệt sĩ ở xã địa phương từ chối không cho chôn”.

(Nghịệp văn, nghề báo: Ngô Tất Tô - 2014)

### **Tên Nôm tên Tự**

Sự hình thành tên “Chùa Bà Đanh”

Chùa Bà Đanh nhắc trong văn bản này tại xã Ngọc Sơn, Huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chùa do dân làng Đanh dựng nên, cách làng chừng nửa cây số, ba mặt giáp sông Đáy, qua sông là Núi Ngọc. Chùa có tên chữ là Bảo Sơn Tự và tên nôm là *Chùa Bà Đanh*.

Lời kể trong Ký sự Sông Hồng của ông Lê Văn Trinh xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, Hà Nam:

*“Làng đây là làng Nghênh Xá. Do đó ở đây người ta lập chùa và thờ phụng Ngài. Đầu tiên người ta gọi là “Chùa bà làng Đanh”. Đây là cái tên của địa phương, chứ không phải bà là bà “Đanh”. Sau đây người ta gọi tắt là “chùa Bà Đanh”. Chùa ở đây tên chính là chùa Bảo Sơn Tự, chùa Bảo Sơn. Thế thì sao gọi là bà? Là vì ở đây thờ theo hệ tứ pháp: Đức vua bà nên gọi là “Chùa Bà” Thế còn duệ hiệu của*

ngài là “*Pháp Phong*” tức là *Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện, Pháp Phong.*”



Ảnh Chùa Bà Đanh – Hà Nam

“Bảo Sơn Tự” là tên chữ, được viết bằng Hán tự trên hoành phi của chùa. Tên chữ do người có vốn Hán văn, Nho học đặt ra. Tên chữ của chùa bằng chữ viết (trên hoành phi, câu đối, bi ký)

Tuy vậy trước hoặc sau khi có tên tự, vẫn sử dụng tên nôm – Chùa Bà Đanh. Tên nôm có thể không được chép lại ở các văn bia, không được vẽ vào tường, lên cổng, nhưng được nhắc tới, trong đời sống hàng ngày. “Vắng như chùa Bà Đanh” không mấy ai là không biết.

Chùa do dân làng dựng nên, vậy chùa lấy tên của làng. Ta có “Chùa làng Đanh”. Ba chữ này đều là ba chữ thuần Việt (không có nguồn gốc Hán văn) nên rất dễ nhớ, hơn nữa gắn ngay với địa danh của làng. Chùa thờ tứ pháp, mây mưa sấm chớp được hình tượng hóa vào các nữ thần. Vì vậy tên của chùa có một sự hình thành khác chính là các Bà nữ thần. Xét thấy tên nôm “Chùa Bà làng Đanh” đã được hình

thành và hoàn toàn xa rời với tên chữ “Bảo Sơn Tự”, tiết lộ một vài điều: tên nôm có thể ra đời sớm hơn tên chữ, được gọi rộng rãi, tồn tại từ lâu.

(David Phùng – Tên gọi Nôm một số kiến trúc tôn giáo)

### **Chùa Một Cột**

Năm Kỷ Sửu 1049, chùa Một Cột được xây trên trụ đá và trụ đá này được cắm sâu xuống lòng đất. Mãi đến năm 1105, tức 56 năm sau, khi trùng tu chùa Một Cột lần thứ nhất, người ta mới đào hồ ở chung quanh và trồng sen.



Chùa Một Cột 1884

Vì vậy với chuyện Lý Thái Tông nằm mơ thấy Phật Quan Âm ngồi trên tòa sen đưa tay dắt vua lên tòa, tình dạy vua cho xây chùa giữa hồ sen. Tác cả chỉ là truyền thuyết sau này.

(Tiên trình văn hóa VN – Nguyễn Khắc Thuần)

## Giai thoại làng văn xóm chữ Vũ qua biển Bắc

Năm ấy, được tin sứ nhà Thanh sắp sang nước ta, vua Lê, chúa Trịnh giao cho trạng giữ việc tiếp sứ. Trạng Quỳnh cho dựng một ngôi quán nhỏ bên bờ sông Cái, bà Điểm ngồi bán hàng. Còn Quỳnh giả làm lái đò, chở sứ bộ qua sông. Mấy tên trong sứ bộ Tầu qua ngôi quán bà Điểm, nhác trông cô hàng nước xinh tươi óng ả, liền thả lời bỡn cợt. Một tên líu lợ đọc băng quơ:

- *Nam bang nhất thốn thổ bất tri kỷ nhân canh.*

(Một tấc đất nước Nam không biết bao nhiêu người cày. Ý nói mỉa đàn bà nước này lẳng lơ).

Bà Điểm đang nhai trầu, nhô toẹt một bãi nước cốt xuống đất, nói trống không:

- *Bắc quốc chư đại phu, giai do thử đồ xuất.*

(Nghĩa là: Bọn quan to, ông lớn ở nước phương Bắc đều từ chỗ ấy mà chui ra cả).

Câu đối lọt vào tai bọn sứ bộ, chúng giật mình, cảm hợm. Đến lúc xuống đò... Đò ra giữa dòng sông, một tên trong đoàn sứ bộ hồng ruột, xô ra một tiếng "bùm". Hấn đọc một câu chửi thẹn:

- *Lôi động Nam bang.*

(Sấm động nước Nam).

Trạng Quỳnh đang chèo, liền đứng thẳng, vạch quần đái vông cần câu xuống nước mà nói:

- *Vũ qua Bắc hải*  
(Mưa qua bể Bắc)

Cả đoàn sứ bộ không thốt được một lời, trong bụng vừa tức, vừa sợ, cứ ngậm miệng cho đến lúc tới nơi.

(trích Giai thoại về Trạng Quỳnh)

### **Vật phẩm tế thông gia**

Trong văn hóa của người Việt, cúng tế người quá cố rất được xem trọng, bởi lẽ trong tâm thức Việt "nghĩa tử là nghĩa tận". Chính vì vậy, khi nghe báo tử, dù bận việc gì thì những người thân của người chết cũng xếp công gác việc để đến dự lễ tang. Hàng xóm láng giềng cũng bỏ việc nhà để tiếp đám theo đúng nghĩa "xóm giềng tối lửa tắt đèn có nhau". Cùng với những nghĩa cử cao đẹp đó là các vật phẩm để cúng tế, thông thường là bánh trái, bông hoa, nhang, tiền để vừa cúng với tang gia lo đám vừa bày tỏ thành ý với người đã khuất.

Trong những người đến tế còn có thông gia của người chết.

Vật phẩm tế thông gia tại Kiên Giang có: bốn hộp bánh tây, bốn bánh in hình tròn, bốn hộp trà, hộp đựng hai cây đèn cầy lớn, hộp đựng ba cây nhang lớn, hộp đựng hai chai rượu trắng, một *tám bàn đưa (tám diếu)*, một phong bao tiền cúng. Tất cả các vật

phẩm kê trên đũa để trên mâm, đặt trước linh tọa với tất cả sự cung kính dành cho người đã khuất.

(Té thông gia - Đỗ Kim Trường)

## **Ông Táo**

### **Từ một truyền thuyết dân gian...**

Truyền thuyết kể rằng: Ngày xưa có hai vợ chồng nhà kia, chồng là Trọng Cao và vợ là Thị Nhi, nghèo khó, nhưng họ sống với nhau rất hoà thuận, hạnh phúc. Hiềm một nỗi lấy nhau đã lâu vẫn không có con, nên cả hai đều lấy làm buồn phiền và đó cũng là nguyên nhân dẫn đến những chuyện lục đục! Một lần, trong khi lờ qua tiếng lại vì một chuyện không đâu, Trọng Cao có trót lỡ tay đánh vợ một cái! Giận chồng, Thị Nhi bỏ nhà ra đi, và trong khi lưu lạc nơi đất khách quê người, Thị Nhi đã gặp Phạm Lang. Thông cảm hoàn cảnh của nhau, hai người yêu thương nhau rồi thành vợ thành chồng.

Sau khi Thị Nhi bỏ đi, Trọng Cao rất hối hận. Bán hết gia tư, điền sản lấy tiền làm lộ phí, Trọng Cao đã đi đến rất nhiều nơi, tìm hỏi rất nhiều người, cho đến khi tiền lưng đã cạn, phải lần hồi bằng nghề hành khất mà vẫn không thấy tăm hơi Thị Nhi đâu cả!

Cho đến một lần, Trọng Cao vào một nhà nọ xin ăn, không ngờ người mang cơm ra cho lại là Thị Nhi! Hai vợ chồng nhận ra nhau mừng mừng tủi tủi,

nhưng cũng thật trớ trêu, bởi danh chính ngôn thuận lúc này Thị Nhi đã là vợ của Phạm Lang!

Trong khi còn chưa biết khu xử làm sao cho vẹn cả đôi bề, lại sợ Phạm Lang về bắt gặp thì biết ăn nói làm sao, Thị Nhi liền bảo Trọng Cao tạm ẩn vào trong thùng rạ. Đi đường mệt mỏi, lại được bữa cơm no, rượu say, nên vừa đặt lưng xuống, Trọng Cao đã ngủ say như chết, chẳng còn biết trời đất gì nữa! Không may đêm đó có gió to, than lửa ở bếp bén vào thùng rạ thiêu trụi cả Trọng Cao và cái bếp! Khi nghe mọi người xung quanh hô hoán, Thị Nhi và Phạm Lang giật mình chạy ra thì chỉ còn biết đứng... nhìn!

Nghĩ vì mình mà chồng cũ phải chết, trong cơn đau đớn, Thị Nhi bèn nhảy vào đồng lửa chết theo! Thấy thế, Phạm Lang cũng nhảy vào để được cùng chết theo vợ..

(Từ truyền thuyết...ngày Tết ông Táo - Phùng Thành Chung)

### **Thành hoàng**

*Thành hoàng* xuất phát từ chữ Hán: *Thành* là cái thành, *hoàng* là cái hào bao quanh cái thành; và khi ghép chung lại thành một từ dùng để chỉ vị thần coi giữ, bảo trợ cho cái thành.

Vị thần này dù có hay không có họ tên & lai lịch, dù xuất thân bất kỳ từ tầng lớp nào, thì cũng là chủ tể trên cõi thiêng của làng & đều mang tính chất chung là *hộ quốc tỳ dân* (hộ nước giúp dân) ở ngay địa phương đó.

(Thần Thành hoàng - Bùi Thụy Đào Nguyên)

### **Chuyện Ta chuyện Tàu**

Con số vua chúa nước Trung Hoa tính từ lúc Tần Thủy Hoàng thống nhất năm 221 trước Tây lịch cho đến hoàng đế Phổ Nghi cuối cùng của triều đại Mãn Thanh năm 1912 là niên lịch chấm dứt chế độ phong kiến, tổng cộng là 2132 năm, có tất cả 906 vị nam nữ hoàng đế, trong số đó có 494 người tộc Hán, còn 412 vị thuộc tộc Tạng, Hồi, Liêu, Kim, Mông, Mãn. Sao không thấy các tộc phương nam lên ngôi vua Trung Quốc, theo nhà văn Lâm Ngữ Đường chỉ có dân ăn lúa mì mới làm vua Trung Quốc được, chứ dân ăn gạo tẻ lúa nước thì không.

Tính về số năm làm vua thì kẻ ngoại tộc nắm ngôi hoàng đế Trung Quốc vừa lâu và sống dai nữa, Khang Hy ở ngôi 68 năm, Càn Long 61 năm, còn vua ở ngôi ít nhất chỉ có nửa ngày thì bị chém đầu đó là Nhan Thừa Lân thuộc rợ Kim. Các hoàng đế Trung Hoa sống thọ nhất là vua Càn Long 89 tuổi và nữ là Võ Tắc Thiên 82 tuổi.

Đặc điểm nhứt của hai triều đại trị vì nước Trung Hoa mở rộng đất đai lớn nhứt là thuộc dân ngoại tộc Hán, từng bị khinh rẻ là Mông Cổ, và rợ Kim dòng Nữ Chân. Thời đại Nguyên Mông cai trị nước Tàu gần cả thế kỷ 13, thời đại Mãn Thanh trị vì gần 3 thế kỷ.

(Chuyện Ta chuyện Tàu – Trần Khánh)

### **Ông Táo**

Lại có những dị bản thuộc tình tiết ở phần cuối:  
“... Một lần Trọng Cao vào một nhà nợ xin ăn, không ngờ lại đúng là nhà Thị Nhi. Hai vợ chồng nhận ra nhau mừng mừng tủi tủi, nghẹn ngào không nói lên lời. Sau một hồi hàn huyên, Thị Nhi bảo Trọng Cao đi nghỉ, còn mình thì lo làm cơm để thết Trọng Cao. Giữa lúc đó thì Phạm Lang về. Nghi ngờ vợ mình có tư tình với Trọng Cao, không để cho vợ kịp thanh minh, Phạm Lang đã nặng lời với Thị Nhi! Lời qua, tiếng lại chẳng ai để ý ở dưới bếp ngọn lửa lúc này đã lan đến thùng rạ! Khi nghe mọi người tri hô, cả hai giật mình nhìn ra thì... hỡi ôi, cả cái bếp chỉ còn là một cột lửa không lò! Đê bực bạch lòng mình với hai người đàn ông, Thị Nhi đã chọn cái chết bằng cách nhảy vào đống lửa. Quá bất ngờ, Phạm Lang như sực tỉnh nhưng lúc này có hối thì đã muộn, liền nhảy vào đống lửa chết theo. Nghĩ mình là nguyên nhân gây ra cái chết của Thị Nhi, Trọng

Cao cũng kết thúc đời mình bằng cách nhảy vào đồng lửa để được cùng chết theo vợ.

Cảm động trước cái chết của 3 người, Ngọc Hoàng thượng đế đã phong cho họ là Táo quân - vua Bếp”.

(Từ truyền thuyết...ngày Tết ông Táo - Phùng Thành Chung)

### **Thần thành hoàng**

Nhà văn Sơn Nam cho biết : Ông thần ở đình làng gọi là thần Thành hoàng, cai quản khu vực trong khung thành. Thoạt tiên là thần ngự trị nơi thị tứ, sau áp dụng (cả) nơi thôn xóm, (vì) vẫn có điểm canh bố trí bao quanh...

Cũng theo Sơn Nam, thần Thành hoàng, theo thông lệ, thờ thần đàn ông. Và gọi ông Thần hoàng là sai nghĩa, vì cái tên này chỉ là thứ nghi lễ đốt tờ giấy vàng, tức bản sao sắc phong do nhà vua tặng cho người đã qua đời và tục này ở trong Nam Bộ không có.

Bởi vậy, khi trích lại đoạn viết về tục "thờ thần" ở trong sách "Việt Nam phong tục" của Phan Kế Bính, nhà văn Sơn Nam trong sách "Thuần phong mỹ tục Việt Nam" đã sửa từ "Thần hoàng" ra "Thành hoàng" cốt để người đọc không còn lầm lẫn giữa hai thứ. Tuy nhiên, xét trong sách Việt Nam phong tục, lễ Thần hoàng được xếp vào mục *Phong tục trong gia tộc*; còn việc thờ phụng Thần hoàng được xếp

vào mục *Phong tục hương đảng*, thì rõ là tác giả sách đã chỉ ra đó là hai thứ khác nhau.

(Thân Thành hoàng - Bùi Thụy Đào Nguyên)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ**

#### **Ả đào**

Nhân nói đến xóm chị em, chúng tôi nhớ đến bạn Hoàng Tích Chu, chủ báo Đông Tây, vốn không biết nghe hát và đánh trống nhưng hay lui tới nơi đây, chỉ vì quen thân với bà Đốc là chủ nhà hát ả đào xóm Khâm Thiên, cũng là người không từng biết xử dụng đến sênh phách.

Giai thoại rằng: họ Hoàng giơ roi chầu vừa đánh bốn tiếng trống dạo ý nói : Đông Tây! Đông Tây

Bà Đốc gõ díp phách như đối lại: Vắng Khách!  
Vắng Khách!

Câu đối dí dỏm ở chỗ dùng khách là *khách hàng hay chủ khách đối với tây là phương tây mà cũng là người Pháp*; đông là phương đông, dùng nghĩa đông là trạng từ (đông đúc đông đảo) để đối lại bằng chữ vắng, thật là độn ngọt .

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

## Tên Nôm tên Tự

Sự hình thành tên “Văn Miếu”



Đại Việt Sử ký toàn thư theo dòng thời gian năm Canh Tuất (1070) chép: “Mùa thu tháng 8, làm Văn Miếu, đắp tượng, Khổng Tử, Chu Công và Tứ phối, vẽ tượng Thất thập nhị hiền, bốn mùa cúng tế. Hoàng thái tử đến học ở đây.” Văn Miếu ngay từ khi ra đời đã là nơi thờ phụng thánh nhân quân tử, vinh danh người đỗ đạt, đề cao con đường hoạn lộ bằng khoa cử. Văn Miếu (Thăng Long) có cùng cách bố trí, sắp đặt bên trong và ngoài như Khổng Miếu ở Khúc Phụ tỉnh Sơn Đông quê hương của Khổng Tử, hay Phu Tử Miếu ở Nam Kinh hay Khổng Miếu ở Thượng Hải. Kiến trúc chính gồm Linh Tinh Môn, Nghi Môn, Khôi tinh Các, Đại Thành Môn, Thiên Quang Tỉnh, Bia tiến sĩ.

Chữ “Văn” (Hán tự 文) trong “Văn Miếu” nghĩa là Nho-học-Văn-hóa, được hiểu là tri thức giới Nho

Gia mà người sáng lập là Khổng Tử. Chữ “Miếu” (Hán tự 廟) theo Hán văn là nơi thờ cúng.

Vinh danh ở Văn Miếu, tên “Văn Miếu” được sử dụng rộng rãi, là nơi chôn của các sĩ tử, các ông cử, ông nghè các hoàng thân quốc thích, con cái quan lại. “Văn” là chữ gần gũi với chữ nghĩa, liên quan tới việc học hành. Chữ “Miếu” được biết với một dị bản là “cái đền thờ nhỏ”. “Miếu” trong dân gian có thể là một cái nhà nhỏ thờ thần thành hoàng làng, có thể là một cái bàn thờ nhỏ nằm ven đường thờ thổ địa. “Miếu” trong dân gian chưa bao giờ là một kiến trúc lớn, và hơn hết lớn như Văn Miếu.

Vì vậy việc sử dụng danh xưng “Văn Miếu”, cả cụm từ, nghĩa là không còn phân biệt loại ốc xá (loại công trình kiến trúc nữa). Trong danh xưng (tức là chữ “văn miếu”) đã bị lu mờ đi nhập vào tên (tức là chữ “văn”), tên đã không đảo để biến thành “Miếu Văn” theo ngữ pháp tiếng Việt, thì cả cụm tên đã được chấp nhận như một tên đơn thể.

(David Phùng – Tên gọi Nôm một số kiến trúc tôn giáo)

### **Tiếng Việt trên net**

wài = hoài

wờ wạng = quờ quạng

(Nguồn: Gio-o.com)

## Nghi thức tế thông gia

Nghi thức tế thông gia tại Kiên Giang như sau. Người tế (tức thông gia còn sống) đã chuẩn bị vật phẩm từ gia đình mang đến tang lễ để tế cho thông gia của mình. Trước tiên, người tế mặc áo dài khăn đóng, kính cẩn mời các vị tôn trưởng, cao niên còn hiện tiền của người quá cố đến ngồi ở bàn dài để trình lễ. Sau khi rót ba chung rượu đặt trên khai lễ, người tế mời các tôn trưởng nhận lễ để xin trình lý do tế. Đại để như sau: “Hôm nay, hay tin ông thông gia qua đời, gia đình chúng tôi đến đây trước là để chia buồn cùng tang quyến, sau xin các vị cho phép gia đình chúng tôi được tiến hành lễ tế thông gia”. Đại diện tang gia đáp lễ và chấp thuận.

Tiếp đến, người tế mang vật phẩm đặt trước linh tọa, đoạn lấy hai cây đèn cầy lớn và ba cây nhang lớn đốt lên, tiến đến bàn thờ gia tiên kính cẩn dâng hương với ý nghĩa *trình cứu huyền thất tổ* người quá cố về việc tế thông gia. Sau khi trình lễ gia tiên, người tế trở ra đứng trước linh tọa, đốt ba cây nhang lớn, rót ba chung rượu, khăn, lạy *hai lạy* và đứng sang một bên.

Tiếp sau người tế là các anh chị em, rồi đến con cháu lần lượt theo thứ tự lớn trước nhỏ sau cầm nhang vào tế. Mỗi người lạy đủ *bốn lạy*, nữ lạy thường còn nam lạy theo kiểu *nhất bộ nhất bái*. Sau khi tất cả những người trong gia tộc của người tế đã

tế xong, người tế trở lại đứng trước linh tọa lạy đủ *bốn lạy*, cũng theo *nhất bộ nhất bái*.

Về ý nghĩa của việc lạy hai lạy đầu tiên, được người tế giải thích đó là *hai lạy trình* với người quá cố về việc tế thông gia. Còn *bốn lạy sau* cùng gọi là *lạy tống*, với ý nghĩa báo rằng lễ tế đã xong, xin được kết thúc.

(Tế thông gia - Đỗ Kim Trường)

### **Chùa Quán Sứ**

Nay ở 73 phố Quán Sứ, Hà Nội. Vào thờ Lê Sơ nơi đây là khu Quán Sứ, nơi dành riêng cho sứ giả các nước tạm nghỉ. Để tiện việc tụng kinh niệm Phật cho sứ giả các nước tôn sùng đạo Phật giáo, nhà Lê cho xây trong khu Quán Sứ một ngôi chùa.

Về sau khu Quán Sứ bị bỏ đi nhưng ngôi chùa còn giữ lại, và có tên là chùa Quán Sứ. Giữa thế kỷ 20, chùa được xây lại hoàn toàn mới như ngày nay.

(Tiền trình văn hóa VN – Nguyễn Khắc Thuần)

### **Đền Ngọc Sơn**

Nguyễn Siêu là nhà thơ, nhà văn hóa của Thăng Long đã tạo dựng đền Ngọc Sơn nằm giữa Hồ Gươm năm 1865. Ông cho xây dựng Trấn Ba đình,

để nối bờ với đảo, Nguyễn Siêu đã cho làm cầu và đặt tên là Thê Húc (có nghĩa là giọt ánh sáng đậu lại). Cầu gồm 15 nhịp, có 32 chân cột gỗ tròn xếp thành 16 đôi, mặt cầu lát ván, thành sơn màu đỏ sẫm, chữ Thê Húc được thếp vàng.

Trên bờ ông cho xây tháp đá ngoài cổng cao 9 m, đỉnh tháp là ngọn bút lông gọi là Tháp Bút, trên thân tháp có tạc ba chữ "Tả thanh thiên" (viết lên trời xanh) và một đài Nghiên, là một cửa cuốn trên có đặt một cái nghiên bằng đá, tạc theo hình nửa quả đào. Qua Đài Nghiên là đến cầu Thê Húc, đầu cầu bên kia là Đắc Nguyệt Lâu (lầu được trăng) tức cũng là cổng đền Ngọc Sơn. Đền là nơi thờ Văn Xương, Quan Vũ và Trần Hưng Đạo.

Năm 1882, sau khi cầu vào đền Ngọc Sơn bị đốt, người ta sửa chữa, lát ván dọc theo cầu để cho dân chúng vào lễ. Trong cuốn *Hà Nội và những vùng phụ cận* của Claudius Madrolle xuất bản năm 1892, tác giả viết: "Cầu Thê Húc được trùng tu vào năm 1888 để thay thế chiếc cầu ọp ẹp. Nó được thay bằng một chiếc cầu gỗ duyên dáng có tính mỹ thuật, được sơn màu đỏ có dáng uốn cong như cầu vòng".

Tết 1952, người dân đi lễ đền quá đông và cầu Thê Húc bị sập. Rất may nước hồ Gươm năm đó cạn nên những đứa trẻ rơi xuống hồ không bị chết đuối. Thị trưởng Hà Nội lúc đó là Thẩm Hoàng Tín đã cho phá bỏ cầu cũ, xây cầu mới. Để có thiết kế đẹp, ông tổ chức cuộc thi thiết kế mẫu và trong hơn ba chục mẫu của các kiến trúc sư cả Pháp lẫn Việt

tham gia, thì thiết kế của kiến trúc sư Nguyễn Ngọc Diệm được lựa chọn. Nguyễn Ngọc Diệm giữ nguyên 16 hàng cột tròn, nhưng các đầu trụ được vuốt nhọn hơn. Dầm ngang và dầm dọc của Thê Húc đúc bằng bê tông để kéo dài tuổi thọ, tuy nhiên mặt và thành cầu, ông thiết kế bằng gỗ. Kiến trúc sư Nguyễn Ngọc Diệm (1908 –1999) tốt nghiệp Trường Mỹ thuật Đông Dương năm 1939.

(Phạm Vũ - Hà Nội 36 phố phường)

### Ông Táo



Tìm hiểu bài vị cũng như các bài văn khấn Táo quân (nôm cũng như tự), chúng ta thấy chúng gồm có 3 ngôi:

- 1 - Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân (tức Thổ công)
- 2 - Thổ địa long mạch tôn thần (tức Thổ địa)

3 - Ngũ phương, ngũ thổ phúc đức chính thần (tức Thổ kỳ)

Như vậy, Táo quân không phải là một danh từ riêng chỉ ai đó, mà là danh từ chung cho cả 3 ngôi: Thổ công, Thổ địa và Thổ kỳ. Khác với xã hội loài người: “*một nước không thể có hai vua*”, thế giới tâm linh có vẻ thoáng hơn trong việc chấp nhận mô hình “ba vua một bếp”. Về vị trí của mỗi ngôi, ở giữa là Vua bà, bên trái là Thổ công, bên phải là Thổ địa. Đó là lý do giải thích vì sao trong ba chiếc mũ đặt trên bàn thờ, chiếc mũ ở giữa không có cánh chuồn, không giống với hai chiếc kia.

(Từ truyền thuyết...ngày Tết ông Táo - Phùng Thành Chung)

### **Cảm nhận qua lễ tế thông gia**

Qua lễ tế thông gia trên *phản ảnh tư duy nhị nguyên*, có đôi có cặp của người Việt, biểu hiện bằng hai cặp đèn cây, hai chai rượu, hai hộp nhang, hai hộp bánh, hai cặp hộp trà.

Cùng với đó, nét tư duy này là thể hiện triết lý nhân sinh của dân tộc “âm dương đồng nhất lý” và tuy hai nhưng phải có tôn ti trật tự, có thấp có cao, có chủ thể phân biệt. Như hai cặp đèn cây thì một để thấp ở bàn thờ cửu huyền, một ở linh tọa. Hai chai rượu thì

*một lễ trình lễ đối với người đang sống, còn một thì để tế những người đã khuất.*

Người Việt Nam quan niệm sống gửi thác về (*sinh kí tử quy*). Chết là trở về với tổ tiên bên kia thế giới. Ai cũng mong muốn cho cha mẹ trở về được thanh thoát, may mắn. Người con có hiếu phải thờ cha mẹ đã chết cũng như lúc cha mẹ còn sống, thờ khi mất như lúc hầy còn (*sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn*). Tư duy này cũng được phản ánh qua lễ tế thông gia.

Bởi lẽ, thông gia là "gia đình có con cái kết hôn với nhau, trong quan hệ với nhau". Khi đó, đôi trai gái của hai bên thành vợ chồng, sinh con đẻ cháu là sợi dây nối kết hai bên. Nghĩ đến sự khó nhọc của thông gia trong việc nuôi dạy con để gả/cưới cho con mình nên tình sui gia càng thêm gắn bó. Lúc sinh tiền thì thù tạc bằng đám tiệc, giỗ chạp, khi một trong hai bên qua đời, bên còn lại thủ lễ bằng tế thông gia. Sự trang trọng của lễ này cho thấy người Việt trong tình nghĩa còn có điều tương kính và đây là một nét đẹp văn hóa mà ngày nay vẫn còn nguyên giá trị và cần tiếp tục được gìn giữ.

(Tế thông gia - Đỗ Kim Trường)

### **Tên Nôm tên Tự**

Sự hình thành tên “Đền Quán Thánh

Đội nằng Ba Đình lên phía bắc thành phố để tới Yên Phụ, dễ nhìn thấy tòa tam quan trầm mặc với 4 cột trụ phía trước, cắt ngang mặt là Hồ Tây. Dân gian có câu “Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương”, chính là nơi đây mọi người từng được biết tới các tên gọi như “Đền Quán Thánh”, “Trấn Vũ Quán”, “Chân Võ Quán”.



Đền Quán Thánh - Hà Nội

Đền Quán Thánh tương truyền hình thành từ thế kỷ 11 đời vua Lý Thái Tổ, trải qua các giai đoạn trùng tu 1618, 1677, 1768, 1836, 1843, 1893, 1941 đều được ghi trên văn bia. Thời vua Minh Mạng thế kỷ 19 đắp 3 chữ 真武觀 tại cổng tam quan trong khi ở trong chính đường có chữ 鎮武觀. Tên là Trấn Vũ 鎮武 hay Chân Võ 真武 còn loại là Quán 觀, theo đó Quán là nơi sinh hoạt thờ cúng của đạo giáo. Đền thờ thần Huyền Thiên Trấn Vũ trước bằng gỗ, sau bằng đồng đen cao 4m nặng 4 tấn, trong tư thế ngồi, tay nắm đốc gươm, tay bắt quyết. Tục gọi là “Thánh đồng đen”. Theo Nguyễn Thế Long trong *Đình và Đền Hà Nội* đời vua Lê Thánh Tông (thế kỷ 15),

Nguyễn Công Định đi sứ Trung Quốc mang về tượng Văn Xương để quân đem thờ trong Đền Trần Vũ, sau được hội Hương Thiện mang về thờ tại Đền Ngọc Sơn năm 1843.

“Đền Quan Thánh” trong đó chữ “Quan” không có dấu sắc, là tên được gọi trong một khoảng thời gian dài, đi sâu vào tiềm thức của một lớp cư dân thủ đô trong thế kỷ 20. 觀 là chữ Hán có nhiều nghĩa và có 2 âm (tức là hai cách đọc khác nhau). Âm “quán” bính âm tiếng Phổ thông Trung Quốc là /guàn/ gắn với nghĩa miếu đền đạo sĩ, lâu các là nơi vui chơi, cũng có nghĩa là xét thấu, nghĩ thấu như trong “quán chiêu”. Một âm khác là “quan” bính âm tiếng Phổ thông Trung Quốc là /guan/ gắn với nghĩa “quang cảnh” trong “kỳ quan” hay trong nghĩa khác như “tham quan”, “quan điểm”. Hiện tượng đồng âm của chữ 觀 gợi ý cho sự nhầm lẫn trong cách đọc. Nó cũng chứng tỏ sự nhầm lẫn bắt nguồn từ người học chữ Hán, và chứng tỏ tên Nôm “Đền Quan Thánh” là sự chuyển ngữ, hay sự Việt hóa tên chữ 真武觀.

Về tên Trần Vũ 鎮武 hay Chân Võ 真武 cùng là tên của một vị Bắc đẩu tinh Quân, do kỵ húy bên Trung Hoa mà có tên Chân Võ thay thế. “Đền Quán Thánh” là tên Nôm được Việt hóa từ tên chữ “Trần Vũ Quán”. Đó là quá trình chuyển ngữ, hấp thu lâu dài một danh xưng có nguồn gốc từ Trung hoa để lại dấu tích một vị thần linh phương Bắc và tiếp thu tiếng Hán đồng âm đa nghĩa (Quán đạo và Quán trọ), hiện tượng đa nghĩa đa âm (Quán và Quan) dẫn

đến nhiều thắc mắc, hoài nghi, nhằm lẫn tới ngày nay.

(David Phùng – Tên gọi Nôm một số kiến trúc tôn giáo)

### **Giai thoại làng văn**

Nguyễn Tường Tam sống gần như vô tình với mọi người, nhưng anh mê say nghề một cách kỳ lạ, có lẽ ít nhà văn nhà báo say mê với nghề đến thế. Mỗi khi viết một truyện ngắn, truyện dài, anh suy nghĩ lao tâm khổ trí, nhưng đến lúc truyện thành hình ở trong óc rồi, anh vẫn chưa bằng lòng, anh đem ra trình bày với anh em trong nhà, hội ý rất cẩn thận để suốt đời nhiều lần nữa rồi mới viết. Cũng như tất cả các nhà văn viết tiểu thuyết đăng báo, anh không viết cuốn nào một lúc, nhưng viết từng kỳ để đăng, hết kỳ nào viết tiếp kỳ ấy. Nhưng Nguyễn Tường Tam viết mà đã có sẵn dàn bài rồi, chứ không như Vũ Trọng Phụng viết đến đâu lại xoay câu chuyện đến đó, tùy theo cảm hứng; hay như Lê Văn Trương viết một hơi hết một truyện dài nhưng viết từng tập, tùy theo cảm hứng rồi đem những tập ấy chap lại với nhau thành truyện.

Có sẵn dàn bài rồi, Nguyễn Tường Tam viết tương đối dễ dàng hơn Khái Hưng. Có một lần nhìn vào một bản thảo của Khái Hưng, người ta thấy anh viết ở đầu trang một chữ "Gia đình", ở cuối trang một

chữ "người con gái đẹp" và ở giữa trang một dòng: "Trời ơi, biết viết gì đây, hờ Trời?".

(Vũ Bằng - Nguyễn Tường Tam, một nhà văn "đa bất mãn hoài")

### **Thần làng**

Thần làng của ta là thần riêng của dân làng đó là điều quan trọng vì các làng Trung Hoa không bao giờ có thần riêng cả. Đình của Trung Hoa không phải là nơi thờ phượng mà chỉ là cái nhà cất trên đường để bộ hành nghỉ ngơi, nam nữ đều vào được. Đình của ta là nơi thờ thần làng và nơi hội họp của các trưởng lão trong làng và phụ nữ không được vào.

Sự trùng hợp của danh từ *đình*, là một sự trùng hợp ngẫu nhiên, hoặc là một cuộc vay mượn vì ảnh hưởng Trung Hoa về sau, ta đã vay mượn một cách không cần thiết một số danh từ mà ta đã có rồi. Cái *đình* thì người Sơ Đãng, một thứ người nói tiếng Mã Lai y như Việt Nam, gọi nó là cái *rong*. Có thể tổ tiên ta đã bỏ *rong* vay mượn...*đình*.

Thần thành hoàng của Trung Hoa xuất hiện vào đời nhà Chu. *Thành* là bức tường bao quanh thành phố và *hoàng* là "*cái hào*" bao quanh bức tường.

Thần thành hoàng là thần của thị dân. Gọi thần của ta là...*thần thành hoàng* là sai.

(Bình Nguyên Lộc - Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam)

### **Chuyện Ta chuyện Tàu**

Qua lãnh vực đạo Phật, gặp các vị thầy tụng thuộc kinh lâu lâu, hỏi gốc đạo truyền qua Việt Nam từ đâu, phần đông nói truyền từ bên Tàu. Thật ra truyền từ Giao Châu qua do thiền sư Khương Tăng Hội hỏi đầu thế kỷ thứ 3 thời Tam quốc lúc đó nước ta thuộc Đông Ngô. Cha thầy từ Ấn Độ qua Giao Châu mua bán bằng đường biển lấy mẹ thầy là người Giao Châu (Việt Nam) ở Bắc Ninh lúc đó gọi là Luy Lâu, lúc đó dân ta học tiếng Tàu nên thầy rành chữ Hán lại biết chữ Ấn Độ nữa nên thầy viết kinh sách, giáo đoàn có hơn 500 người. Chúa Tôn Quyền nghe người đạo hạnh nên mời qua giảng kinh, rồi lập chùa chiền vì do đức tin của chúa. Đến thời con là Tôn Hạo lên ngôi cho là mê tín phá chùa, đàn áp những người theo đạo, gọi người tài giỏi đến hạch sách thầy Tăng. Hỏi đủ điều, điều gì thầy cũng trả lời rành mạch suông sẻ, sứ giả trở về thuật chuyện, Tôn Hạo mời thầy đến đàm đạo, từ đó Tôn Hạo xây chùa lại thành lập giáo đoàn. Vậy là trung tâm Phật giáo Luy Lâu có trước rồi tới Bành Thành rồi tới Lạc Dương...

(Chuyện Ta chuyện Tàu – Trần Khánh)

### **Phan Khôi – Tấn Đà**

Phan Khôi công kích " Cái cười của con rồng cháu tiên "

Nhân đọc cuốn tiểu thuyết " Cay đắng mùi đời " của nhà văn Hồ Biểu Chánh, Phan Khôi đã viết một bài đại luận về cái cười thường khi rất bi ối, tàn nhẫn của người Việt Nam mình. Bài đó ông đề nó là " Cái cười của con rồng cháu tiên " (P.N.T.V. số 84, 28-5-1931). Phan Khôi đã vạch ra cái khéo léo, tài tình của ngòi bút tả chân Hồ Biểu Chánh trong việc vẽ ra cái cười man rợ, khả ố, đê tiện của cái nòi giống tự xưng là " Con rồng cháu tiên ".

Tấn Đà khai chiến với Phan Khôi

Hai bài của Phan Khôi viết ra, một bài vào tháng 5, một bài vào tháng 8 năm 1931, sẽ phải tiếp nhận những nhát búa nặng nề của Tấn Đà bắt đầu từ tháng giêng năm 1932. Thực vậy, trên An Nam tạp chí, bắt đầu từ số 26, 23-1-1932, Tấn Đà bắt đầu khai chiến dữ dội. Nơi đây, ta không còn thấy Tấn Đà nhà thơ lãng mạn, đôn hậu, mơ màng nữa, mà ta thấy ông khi thì là một quan toà, khi thì là một đao phủ nữa. Chính vì vậy, mà ta thấy ngay ở phần mở bài thứ nhất trong loạt bài được chọn bằng một tiêu đề rất đặc biệt " Một cái tai nạn lưu hành ở Nam Kỳ : Phan Khôi ".

(Phê bình văn học thế hệ 1932 – Thanh Lãng)

## **Truyện chóp: Chuyện tình**

Từ khoảng 14, 15 tuổi, mỗi lần gặp bất cứ người phụ nữ nào, hắn cũng nhìn thật sâu vào mắt người ấy, nhưng hắn không thấy gì cả. Cho đến khi hắn tình cờ phát hiện trong đôi mắt một người phụ nữ hình ảnh của chính hắn, hắn bắt đầu biết yêu.

### **Tản Đà - Phan Khôi**

Tản Đà mở đầu cuộc chiến của ông như thế này :  
" Cứ những lời của ông Khôi viết ở trong tờ Tân Văn có nhiều những tính chất tầm bậy. (như bài " Cái cười của Con Rồng Cháu Tiên) ; mà hại cho phụ nữ về phần nhiều ( như lời bài kịch Tống Nho về câu " nga tử sự thậm tiểu, thất tiết sự thậm đại "). Sự hại đó, không phải là ông Khôi có định chí làm hại ; chỉ là ông quá dụng sức về nhẽ " ăn cây nào rào cây ấy " viết bài cho Tân Văn phụ nữ thời chiều theo tâm chí của phần nhiều phụ nữ đó mà thôi. Phần nhiều phụ nữ tân thời nay muốn tự do, muốn giải phóng, ông Khôi phun giải phóng, phun tự do. Đối với các độc giả có được lòng thời tờ Tân Văn mới phát đạt ; tờ Tân Văn có phát đạt thời giá mua bán bài mới cao. Tờ Tân Văn được lòng độc giả vì ai, thời giá bài người ấy tất phải đắt. Ngoài chiều ý người mua báo, trong chiều ý người mua bài, ông Phan Khôi mới hết sức viết những lời tầm bậy. Lời tầm bậy đã in lên báo, thời chiều ai mà tức thị hại ai.

Đó là do tâm tình mà những lời viết báo của ông  
Khôi thành ra làm hại cho phụ nữ lưu vậy "

(An Nam tạp chí số 26, 23-1-1932).

(Phê bình văn học thế hệ 1932 – Thanh Lãng)

### **Tên Nôm tên Tự**

Sự hình thành tên “Đền Tú Uyên”

Đền Quán Thánh do vua chúa tạo dựng, trùng tu nên  
tên chữ được hình thành trước. Từ đó dân gian có  
thể sáng tạo tên nôm qua quá trình chuyển ngữ. Cụ  
thể như sau : Quá trình đảo trật tự ta có tên “Quán  
Trần Vũ”. Xu hướng bổ sung thành “Quán thánh  
Trần Vũ”, rút gọn thành “Quán Thánh” với “quán”  
trong tiếng Hoa đã được thay thế bằng “đền” là từ  
thuần Việt.

Để chứng minh cho việc dân gian đã từ chối hấp thu  
chữ “quán” 觀 có thể lấy Đền Tú Uyên làm ví dụ.  
Đền Tú Uyên ở số 14 phố Cát Linh – Hà Nội còn có  
tên là Đền Bích Câu là nơi thờ Trần Tú Uyên và tiên  
Giáng Kiều. Nghi môn của đền có chữ Bích Câu  
Đạo Quán trong đó chữ Quán là quán xá. Phân biệt  
hai chữ (đạo quán – nơi thờ cúng sinh hoạt đạo giáo)  
và (quán xá –nhà trọ) được sử dụng ở Đền Trần Vũ  
và Đền Tú Uyên.

(David Phùng – Sự hình thành tên Nôm một số kiến  
trúc tôn giáo)

**Văn hóa ẩm thực:****Tạp pín lù**

“*Tạp pín lù*, âm Hán Việt là *đả biên lô*, tức là món ăn nấu chín gần bên lò lửa. Cũng như ăn *sán lâu* là ăn thịt sống nhúng vào nước sôi bắt trên lò lửa nóng. Số là người Tây (Tàu?) bày ra một từ khí bằng chì, thiếc, vật kim khí có chân cao giữa khoét lỗ đặt vài cục than cháy, chung quanh là nồi chứa nước thịt ngọt, khách ăn tự lựa từng món ngon: mè gà, lòng heo, ruột già, ruột non, dồi trường, tự gấp bằng đũa và nhúng vào nước thịt đang sôi, rồi tự gấp qua chén và, không cần biết món nhúng đã chín hay còn sống sượng”. (Vương Hồng Sển - Sài Gòn tạp pín lù).

- *Tạp pín lù* và *sán lâu* (sanh lô) là món ăn cầu kì, đắt tiền. Thức ăn toàn là đồ tươi chứ không phải đồ ăn còn thừa như *lâm vố*. Tô Hoài nhằm cái váy thời trang được cắt may, lắp ghép bằng nhiều miếng vải với cái váy đụp, đầy mụn vá của mấy bà nhà quê.

- *Lâm vố* là tổng hợp các đồ ăn thừa của lính Pháp, được xuất trại tái sinh thành cơm vĩa hè bình dân. *Sà bản, hầu lớn*, được nấu bằng đồ ăn còn lại của gia đình.

(Nguyễn Dư - “Cao lầu, hầu lớn, loạn... sà bản”)

## Giai thoại làng văn xóm chữ

Nhà thơ rất nổi tiếng là Xuân Diệu bình bài thơ *Đề miếu Sâm Nghi Đống* của Hồ Xuân Hương, đến câu “*Ghé mắt trông lên thấy bảng treo*” thì cứ khăng khăng phải là “*Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo*” thì mới đúng, mới thể hiện được khí phách... mà quên mất rằng chữ “*lên*” đã rành rành trong bản thơ Nôm lưu trữ.

(Nguyễn Cẩm Xuyên - Lá trúc che ngang mặt chữ điền)

## Văn hóa ẩm thực:

### Tạp pín lù

*Tạp pín lù, sán lấu* trong Nam, *cù lao lử* (Vũ Bằng gọi là *Cù lao hồ*) ngoài Bắc, là đặc sản của một số hiệu ăn sang. Đồ ăn tươi được nấu ngay trên bàn ăn.

- *Cù lao lử* ban đầu là tên cái xoong dùng để nấu món ăn. Xoong hình máng, viền tròn xung quanh lò than. Toàn bộ trông như một cù lao nằm trên lò lửa. Cái xoong *cù lao lử* còn có tên gọi khác là *cái hoá thực*.

- *Lù (tạp pín lù)*, *lầu (sán lấu)*, *lôn (hầu lôn)* là ba cách phát âm khác nhau của từ Hán Việt *lô*, nghĩa là cái lò, cái bếp lửa. Do đó, đòi hỏi tối thiểu của món *lầu*, bất cứ là *lầu* gì, là phải có cái lò lửa để đun nước dùng, nhúng đồ ăn, đặt trước mặt thực khách.

Bây giờ, người ta sẽ hoa mắt vì... lẩu. Thôi thì đủ thứ! Lẩu bò, lẩu heo, lẩu dê, lẩu đà điều, lẩu cá, lẩu gà, lẩu ba ba, lẩu chó v.v. Có sách dạy nấu *101 món ăn lẩu Trung Hoa* (nxb Phụ Nữ, 1997). Thật ra, chả cần phải tìm kiếm đâu xa, chỉ việc đặt cái lò trên bàn ăn, bắc xoong nước lên, để bó rau, xóc cua, rổ ốc... bên cạnh là ba miền nước ta cũng có cả mấy chục thứ lẩu. Lẩu rau muống, lẩu rau cần, lẩu cua, lẩu ốc... Xoong nước dùng đặt trên lò, nhúng rau vào, gắp ra ăn... là lẩu rau, lẩu chay đấy.

(Nguyễn Dư - “Cao lầu, hẩu lớn, loạn... sà bàn” )

### **Cửa ô Hà Nội**

Trích theo bản đồ Hà Nội năm Minh Mạng 12 (1831) thì Hà Nội có 16 cửa ô, đặt tên theo làng theo tổng. Mỗi cửa ô thời ấy có lẽ là một chiếc cổng ngày mở đêm đóng bởi mỗi phường như một làng, khép kín, có cây có rào, có tuần đinh canh phòng để ngăn ngừa đạo chích và dè chừng hoả hoạn. Cho đến đầu thế kỷ Hà Nội vẫn còn năm cửa ô. Đó là Ô Cầu Giầy, Ô Cầu Dền, Ô Chợ Dừa, Ô Đống Mác và Ô Quan Chưởng...



Bốn cửa ô kia đã bật tằm bóng dáng. Chỉ còn một Ô Quan Chưởng ở cạnh chợ Đồng Xuân, một cửa ô duy nhất còn lại cái cổng ba cửa như cổng thành, có vòm lầu, bằng gạch vồ nâu đỏ, có cả tấm bia đá của Tổng đốc Hoàng Diệu cho dựng năm 1882 cấm ngặt binh lính quan nha không được sách nhiễu người dân qua lại đây vào thành. Cổng ô được xây dựng năm 1749, hơn hai trăm năm rồi, là chứng nhân của lịch sử và tấm bia đá kia trăm năm chưa mòn.

Tôi đã nhiều lần đi lại dưới vòm cổng Ô Quan Chưởng, có lúc ngắm cổng từ Hàng Buồm, Hàng Chiếu là ngắm từ phía tả, xế về Hàng Buồm, thuở còn nhà cửa lúp xúp, là nhìn từ phía hữu, tuy có bị che chắn nhưng cũng thấy được cái vòm cổng xa xa... nhất là khi ráng chiều đỏ xuống, vương vàng trên tán cây thì cái dáng Ô Quan Chưởng vừa oai, lại có một chút gì bụi ngùi, vương vấn...

(Nguồn: Kiều Minh)

## Tên Nôm tên Tự

Sự hình thành tên Nôm đình làng “Đình Bảng”



Đình Bảng, cách Hà Nội chừng 20km, vượt qua sông Hồng và sông Đuống, hay một con đường liên tỉnh từ Sơn Tây. Tham khảo nhà văn Nguyễn Khôi để biết dân gian lưu truyền tên Đình Bảng thế nào đồng thời học không ít các kiến giải về nguồn gốc của nó. Các giáo sư sử học Trần Quốc Vượng, Chu Quang Trứ cho cái nhìn toàn diện, và có căn cứ về Đình Bảng mặc dù nhiều điểm không thể khẳng định.

Đình Bảng, Hán tự viết là 亭榜 được nhắc tới trong thư tịch như “Đồng Khánh dư địa chí” năm 1886, và trong một tác phẩm khác là “Việt sử địa dư” của Phan Đình Phùng năm. Tên Nôm không những của Đình Bảng mà hết thảy các địa phương khác về địa dư viết thời vua Đồng Khánh không có chỗ cho một tên nôm, tục danh, tục hiệu những tên gọi rất ư gần gũi và ưa dùng trong dân gian. Mặc dù đương thời đã có chữ Nôm-một dạng chữ Hán vay mượn để ghi

âm ngôn ngữ địa phương đã tồn tại, tên nôm bị loại bỏ khỏi thư tịch, văn bản.

Nhà văn Nguyễn Khôi, một cư dân bản địa đã dày công sưu tầm nhiều tư liệu dân gian về đình làng Đình Bảng cũng như nhiều mặt đời sống, phong tục xưa và nay của một phạm vi lớn hơn là quê hương, nơi phát tích họ Lý và trung tâm Phật giáo một thời. Theo Nguyễn Khôi, ở địa phương xưa kia có rừng Báng. Từ đó cư dân địa phương và chính địa danh đó có tên nôm là “Kẻ Báng”. Không ngạc nhiên khi thấy rằng chữ “kẻ báng” không được nhắc tới trong các thư tịch. Khi triều đại xưa kia không thể ghi nhận tên Nôm thì tên Hán tự phải tạo ra bằng cách này hay cách khác. Xâu chuỗi nhiều sự kiện lịch sử và cả huyền sử, các tên Đình Báng theo đó Đình là tiếng Việt mang nghĩa to lớn, Báng là các từ thuần Việt. Chữ “đình” là chữ đồng âm với một số chữ Hán được tìm thấy trong các thành ngữ như “tày đình”, “cái nôi đình”. Từ đây tên nôm “Đình Báng” chịu thêm một lần cải biến ngữ nghĩa để “Đình Báng” trở thành “Đình Bảng” 亭榜. Cây Báng và cả rừng báng đã bị tuyệt giống ở địa phương, cũng như chữ viết của tổ tiên đã bị vùi dập trong lớp lớp thế hệ thì nay cây Báng đã được dân làng chọn giống mang về trồng như một sự hồi sinh quá khứ, gọi nhớ tiếng nói của tổ tiên.

(David Phùng – Sự hình thành tên Nôm một số kiến trúc tôn giáo)

## **Thành hoàng**

Còn ở trong văn học Việt, theo các nhà nghiên cứu, thì việc thờ Thần hoàng được đề cập lần đầu tiên ở bài Chuyện thần Tô Lịch trong sách *Việt điện u linh*.

Sách này chép:  
Thời Đường Mục Tông, niên hiệu Trường Khánh thứ 2 (năm 822) tên Đô hộ Lý Nguyên Hỷ thấy ngoài cửa bắc thành Long Biên có một dòng nước chảy ngược mà địa thế khả quan, mới tìm khắp, chọn một nơi cao ráo tốt, để có dòi phủ lý đến đó...Nhân dịp ấy, y mới giết trâu đặt rượu, mời khắp các vị kỳ lão hương thôn đến dùng và thuật rõ là muốn tâu vua Tâu xin phụng Vương (ý nói đến thần sông Tô Lịch) làm Thành Hoàng. Khi Cao Biền đắp thành Đại La, nghe đủ sự linh dị, thì lập tức sắm lễ điện tế, dâng cho hiệu là Đô Phủ Thành Hoàng Thần Quân. Dòi Lý Thái Tổ lúc dòi đô, thường mộng thấy một cụ đầu bạc, phảng phất trước bệ rồng...(Sau khi hỏi rõ lai lịch) nhà vua liền khiến quan Thái Chức (chức quan lo việc cầu đảo phúc lành) đưa rượu chè đến tế, phong làm Quốc Đô Thăng Long Thành Hoàng Đại Vương.

(Thần Thành hoàng - Bùi Thụy Đào Nguyên)

## Nhân văn giai phẩm

Trong cuộc truy sát *Nhân văn-Giai phẩm*, ít ra chúng ta biết: Người “*vạch trần bộ mặt thật*” “*truy lạc phản động*” của Trần Dần là nhạc sĩ Đỗ Nhuận.

Người hô hào cả nước “*phải chặn lại không cho Trương Tửu được tự do truyền bá những tư tưởng phản động, những tác phong đòi bại*” là nhà phê bình Hoài Thanh, cũng *chính là người xác định* tính chất “*xuyên tạc*”, “*vu khống*”, “*phản động*” bài thơ “*Nhất định thắng*” của Trần Dần.

(Phạm Thị Hoài - Cú giãy cuối cùng của nền phê bình chính huấn)

## Phúc thần

Cũng theo sách Việt Nam phong tục, thì mỗi làng phụng sự một vị Thần hoàng; có làng thờ hai ba vị, có làng thờ năm bảy vị, gọi chung là Phúc Thần.

Phúc Thần có ba hạng:

Thượng đẳng thần là những thần danh sơn Đại xuyên, và các bậc thiên thần như Sứ đồng tử, Liễu Hạnh công chúa...Các vị ấy có sự tích linh dị, mà không rõ tung tích ẩn hiện thế nào, cho nên gọi là Thiên thần. Thứ nữa là các vị nhân thần như: Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo...Các vị này khi sanh tiền có đại công lao với dân với nước; lúc mất đi,

hoặc bởi nhà vua tinh biểu công trạng mà lập đền thờ hoặc bởi lòng dân nhớ công đức mà thờ. Các bực ấy đều có sự tích công trạng hiển hách và họ tên rõ ràng, lịch triều có mỹ tự bao phong làm Thượng đẳng thần.

Trung đẳng thần là những vị thần ân làng thờ đã lâu, có họ tên mà không rõ công trạng, hoặc là có quan tước mà không rõ họ tên, hoặc là thần có chút linh vị, tới khi nhà vua sai tinh kỳ đảo võ, cũng có ứng nghiệm thì triều đình cũng liệt vào tự điển, mà phong làm Trung đẳng thần.

Hạ đẳng thần do dân xã thờ phụng, mà không rõ sự tích ra làm sao, nhưng cũng thuộc về bực chính thần, thì triều đình cũng theo lòng dân mà phong cho làm Hạ đẳng thần.

(Thần Thành hoàng - Bùi Thụy Đào Nguyên)

### **Tiếng Việt với điện thư**

Nàng gửi chàng cái điện thư:

- Anh không lên mau, em thay bo ngay chạng tiếc.

Chàng hiểu là:

- Anh không lên mau, em thay bồ ngay chẳng tiếc.

Nhưng nàng muốn nói là:

- Ảnh không lên mầu, em thay bỏ ngay chẳng tiếc.

## Thần hoàng

Theo nhà học giả Nguyễn Văn Tố, thì khởi đầu đình chỉ là cơ ngơi để dân làng hội họp, là nơi dành để treo những sắc lệnh và huấn dụ của nhà vua... Để thờ phụng Thần hoàng, nhiều làng lập miếu thờ. Rồi theo lệ ngày sóc (mùng 1) và ngày vọng (ngày rằm) dân làng đến miếu để làm lễ Ván (theo nghĩa kính viếng). Miếu này còn gọi là "nghe", nơi gìn giữ sắc thần. Ngày tế lễ, dân làng rước sắc thần từ miếu đến đình để cử hành việc tế lễ, sau đó đưa trở về miếu.

Để đơn giản hóa, sau nhiều làng chỉ xây một cái đình lớn, phía ngoài làm nơi hội họp (đình), phía trong là miếu...

(Thần Thành hoàng - Bùi Thụy Đào Nguyên)

## Giai thoại làng văn xóm chữ

Tuy là người hay bắt bẻ, đọc *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, Tụ Đức cũng phải công nhận đúng là: “*hàng hàng châu ngọc lời lời gấm thêu*”; nhưng sau đó, chẳng hiểu do suy diễn hay do sự xúc bậy của đám bồi thân, Tụ Đức bỗng dưng ùng ùng nổi giận: “*Nếu Tố Như (tên tự của Nguyễn Du) mà còn sống, phải ngọc nằm xuống đánh cho 30 roi!*”

Nguyên nhân sự nổi giận này là do câu: “*Thì con người ấy ai cầu làm chi*” (đoạn Kiều nói với Kim

Trọng về chữ “*hạnh*”, một trong tứ đức của người con gái, khi Kiều tìm sang với Kim Trọng, trong dịp Vương ông, Vương bà và hai em về bên ngoại ăn mừng sinh nhật) đã được ngắt thành: “*Thì / con người ấy / ai cầu làm chi*” và được hiểu theo nghĩa: “*Một con người như Tự Đức thì chẳng ai cầu làm gì!*” (vì tên huý của Tự Đức là Nguyễn Phúc Thì).

Như vậy là tác giả đã mắc vào tội vừa phạm huý, vừa phạm thượng! Chẳng hiểu trong chuyện này, Tự Đức nói thật hay nói đùa, chứ quy tội “*vừa phạm huý lại vừa phạm thượng*” (với mình) cho một tác phẩm được viết ra từ lúc mình còn chưa đẻ (Nguyễn Du mất năm 1820, Tự Đức sinh năm 1829) thì quả là... thậm vô lý, nếu không muốn nói là buồn cười! Mà không hiểu sao một ông vua nổi tiếng hay chữ lại cũng là người sáng tác như Tự Đức, lại hay ý lại vào quyền hành để đòi đánh văn nghệ sĩ đến thế!

### **Chùa Quán Sứ**

Nguyên xưa ở phường này chưa có chùa, chỉ có mấy gian nhà tranh ở phía Nam, dân làng dùng làm chỗ tế thần cầu yên gọi là xóm An Tập. Theo sách Hoàng Lê Nhất Thống Chí, vào thời vua Lê Thế Tông, các nước Chiêm Thành, Ai Lao thường cử sứ giả sang triều cống nước ta. Nhà vua cho dựng một tòa nhà gọi là Quán Sứ để tiếp đón các sứ thần đến Thăng Long. Vì sứ thần các nước này đều sùng đạo

Phật nên lại dựng thêm một ngôi chùa cũng nằm trong khuôn viên Quán Sứ để họ có điều kiện hành lễ. Thời gian đã xóa đi dấu khu nhà Quán Sứ nhưng ngôi chùa thì vẫn tồn tại.

Chùa Quán Sứ được xây dựng vào thế kỷ XV nằm trên địa phận thôn An Tập, phường Cổ Vũ, huyện Thọ Xương, ngày nay là phố Quán Sứ.

### **Nhân văn giai phẩm**

Người tố giác cả “*hệ thống những sai lầm xấu xa*”, những “*dụng ý rất đen tối*” của Tử Phác là nhạc sĩ Lương Ngọc Trác.

Người lột “*cái mặt gian xảo*” của Lê Đạt như “*một kẻ ẩn núp, tàng hình, đã từng quay quắt được một thời gian, nhưng rốt cục cái bản chất phản lại giai cấp vô sản lòi ra mòn một*” là nhà thơ Xuân Diệu, cũng chính là người phát hiện Văn Cao “*gài mìn chống phá Đảng và nhân dân*”.

Người quyết “*vạch rõ tội lỗi của Phan Khôi đã bao nhiêu năm làm tay sai cho đế quốc, nịnh hót phong kiến, lừa bịp, đầu độc nhân dân để kiếm bát com, manh áo*”, “*chống Đảng, chống cách mạng, phản nhân dân, phản Tổ quốc*”, “*từ bé đến già bóc lột của nông dân, ăn cướp của nhân dân*” là nhà văn Nguyễn Công Hoan.

(Phạm Thị Hoài - Cú giãy cuối cùng của nền phê bình chính huấn)

### **Truyện chóp: Chết đâu phải hết ngu**

Tôi đã nằm mơ. Cha tôi từ bên kia thế giới trở về thăm tôi.

"Cha ơi, thế nào?" tôi hỏi. "Cha có được gặp cụ Beethoven không?"

Cha tôi nhăn mặt lắc đầu với vẻ buồn tẻ, ngán ngẩm:

"Kính khùng lắm, con ơi!"

"Sao vậy?"

"Chả thân thiện tí nào cả."

"Thế à?"

"Cha tiến lại phía ông ấy định choàng tay ôm siết vào lòng", cha tôi nói tiếp: "Thế nhưng con biết ông ấy nói với cha điều gì không? Ông ấy nói: 'Sao người đã dám đánh khúc adagio của bài *Hammerklavier*! Sao người đã dám nghĩ, dù chỉ trong một giây thôi, rằng người có thể đàn bài *Hammerklavier* dù chỉ chơi một nốt nhỏ thôi?'"

"Xin lỗi Cụ", cha tôi đáp: "Tôi thiên nghĩ Cụ nay đã khinh thường mấy cái chuyện nhỏ nhoi đó rồi mà..."

"Khinh thường cái con vượn!", Beethoven to tiếng cãi lại:

"*Chết đâu phải là hết ngu!*"

Rồi tôi thấy ông nội đi loạng choạng về phía chân trời.

### **Chùa Kim Liên**



Từ Hoa là con gái vua Lý Thần Tông (1128 - 1138). Vua dựng cung Từ Hoa cho công chúa và các cung nữ ở đó để thấu hiểu thêm công việc đồng áng vất vả mà thấy rõ hơn giá trị ngôi tôn quý của mình. Đến đời Trần, trại Tầm Tang đổi thành phường Tích Liên. Dân làng dựng chùa Đổng Long trên nền cung Từ Hoa cũ. Đến năm 1771, đời Lê Cảnh Hưng, chùa được tu sửa lớn và đổi tên là chùa Kim Liên. Năm 1792, đời vua Quang Trung, chùa được xây dựng lớn, về diện mạo cơ bản giống như hiện nay.

Chùa Kim Liên nằm ở phía đông bắc hồ Tây, Hà Nội.

### **Nhân văn giai phẩm**

Người gọi tác phẩm của Trần Duy là cái thứ “*văn nghệ vô nhân đạo của thần chết*”, là “*những thứ cỏ*

*độc, mà chúng ta phải nhổ sạch, quét sạch, để vứt vào rác, hoặc làm một thứ phân bón cho những bông hoa chân chính trong vườn văn nghệ của ta” là nhà phê bình Vũ Đức Phúc...;*

Chưa kể hàng trăm văn nghệ sĩ không kém danh tiếng khác – từ Thế Lữ, Bửu Tiên, Nguyễn Huy Tưởng, Kim Lân, Đoàn Giỏi, Tú Mỡ, Đoàn Văn Cừ, Lương Xuân Nhị, Nguyễn Tuân..., đến Nguyễn Đông Chi, Nguyễn Đình Thi, Võ Huy Tâm, Đào Vũ, Bùi Huy Phồn... – hăng hái góp đing cho những chiếc búa tạ nêu trên chốt quan tài những đồng nghiệp “*nói loạn*” của họ.

(Phạm Thị Hoài - Cú giãy cuối cùng của nền phê bình chính huấn)

### **Chùa Bích Câu**

Chùa Bích Câu sát Quốc Tử Giám ở phố Sinh Từ, xưa có truyện *Bích Câu kỳ ngộ* với Tú Uyên gặp Giáng Kiều ở đây.

Bích Câu là tên tự, chữ Hán là Ngọc Hồ tự, tên Nôm là chùa Bà Ngô. Tương truyền, chùa do một bà họ Ngô dựng lên, nhưng cũng có tích kể, người xây chùa là một bà có chồng người nước Ngô (tức Tàu thời Tam Quốc). Hiện nay chưa rõ tích nào đúng.

(Nguồn: Diệp Hiền)

## Hiện tượng phản ngôn ngữ

Hiện tượng phản-ngôn ngữ, vốn xuất hiện và phổ biến ở Việt Nam, đặc biệt là ở miền Bắc, trong vài thập niên trở lại đây, có nhiều hình thức khác nhau.

Nhớ, lần đầu tiên tôi về Việt Nam là vào cuối năm 1996. Lần ấy, tôi ở Việt Nam đến bốn tuần. Một trong những ấn tượng sâu đậm nhất còn lại trong tôi là những thay đổi trong tiếng Việt. Có nhiều từ mới và nhiều cách nói mới tôi chỉ mới nghe lần đầu. Ví dụ, trà Lipton được gọi là “trà giật giật”; cái robinet loại mới, có cần nhắc lên nhắc xuống (thay vì vặn theo chiều kim đồng hồ) trong bồn rửa mặt được gọi là “cái gạt gù”; ăn cơm vỉa hè được gọi là “cơm bụi”; khuôn mặt trầm ngâm được mô tả là “rất tâm trạng”; hoàn cảnh khó khăn được xem là “rất hoàn cảnh”; thịt beefsteak được gọi là “bò né”. Sau này, đọc báo trong nước, tôi gặp vô số các từ mới khác, như: “đại gia”, “thiếu gia” (3), “chân dài”, “chảnh” (kênh kiệu) (4), “bèo” (rẻ mặt), “khủng” (lớn); “tám” (tán gẫu); “buôn dưa lê” (lê la, nhiều chuyện), “chém gió” (tán chuyện), “gà tóc nâu” (bạn gái), “xe ôm” (bạn trai), “máu khô” (tiền bạc), “con nghê” (xe máy), v...v...

Trong các từ mới ấy, có từ hay có từ dở, tuy nhiên, tất cả đều bình thường. Ngôn ngữ lúc nào cũng gắn liền với cuộc sống. Cuộc sống thay đổi, ngôn ngữ thay đổi theo. Những sản phẩm mới, hiện tượng mới

và tâm thức mới dẫn đến sự ra đời của các từ mới. Ở đâu cũng vậy. Tất cả các từ điển lớn trên thế giới đều có thói quen cập nhật các từ mới hàng năm. Có năm số từ mới ấy lên đến cả hàng ngàn. Việt Nam không phải và không thể là một ngoại lệ. Đôi diện với những từ mới ấy, có hai điều nên tránh: một, xem đó là những từ ngớ ngẩn rồi phủ nhận tuốt luốt; và hai, xem đó là từ...Việt Cộng và tìm cách chối bỏ chúng.

Tuy nhiên, điều tôi chú ý nhất không phải là sự xuất hiện của các từ mới hay các tiếng lóng mới ấy. Mà là những cách nói mới, rất lạ tai, thậm chí, quái gở, phổ biến khắp nơi, ngay cả trong giới trí thức và văn nghệ sĩ tiếng tăm, đặc biệt ở Hà Nội .

(Nguyễn Hưng Quốc - Hiện tượng phản-ngôn ngữ ở Việt Nam)

### **Đền Công chúa Liễu Hạnh**

Đời Hậu Lê (1557) ở huyện Vụ Bản, thuộc tỉnh Nam Định ngày nay, có một gia đình nhà họ Lê. Phu nhân Lê Thái Công mang thai gần đến kỳ sinh nở, mắc phải bệnh suy nhược, không có thuốc men nào chữa khỏi. Một hôm, có một vị đạo sĩ đến ra mắt, xin chữa bệnh cho phu nhân. Trước bàn thờ, người đạo sĩ này đọc mấy câu thần chú, rồi vứt chiếc buá ngọc xuống đất. Ông Lê Thái Công bỗng ngã ra bất tỉnh, rồi thấy mình được đưa lên Thiên Đình. Tại đây, ông thấy Công Chúa Quỳnh Nương lỡ tay làm rơi

chén ngọc, bị đày ải xuống trần gian. Khi Thái Công tinh dậy, thì hay tin là phu nhân vừa hạ sinh được một cô con gái. Thái Công sung sướng đặt tên con là Giáng Tiên. Lớn lên kết duyên cùng Đào Lang. Ba năm sau, vào ngày mùng 3 tháng 3, Giáng Tiên đột ngột từ trần. Người ta nói nàng là tiên trở về thượng giới. Tuy nhiên, Ngọc Hoàng thấy nàng chưa hết hạn đi đày, bắt nàng phải trở xuống thế gian. Lần này, nàng xuất hiện dưới lốt một vị nữ thần, đi theo là 2 ngọc nữ Quê Nương và Thị Nương. Theo lệnh thiên đình, 3 vị tiên nữ đã hiện xuống giữa ban ngày ở vùng Phố Cát, tỉnh Thanh Hoá.

Trong thời gian còn ở Thanh Hoá, Công Chúa Liễu Hạnh đã ngao du khắp nơi, nhất là ở Lạng Sơn. Nàng thường hay lui tới các thắng cảnh ở Kinh Đô. Có lần, nàng đã giả dạng làm một cô hàng bán rượu ở Hồ Tây, để hoạ thơ với danh sĩ Phùng Khắc Khoan. Sau khi Liễu Hạnh về trời, hai tiên nữ Quê Nương và Thị Nương thường đứng ra làm trung gian cho dân chúng cầu xin đến Công Chúa. Dân gian tin tưởng Bà Chúa Liễu, lập đền thờ bà khá trọng thể ở Phủ Giày, Nam Định, nơi nàng đầu thai. Dân cũng lập đền thờ Bà Chúa Liễu ở Phố Cát và Đền Sòng tại Thanh Hoá, nơi nàng xuống trần lần thứ hai. Tại Hà Nội, có Đền Sùng Sơn ở đường Hàng Bọt, thờ phượng bà Chúa Liễu.

## **V ắ n g   n h ư   c h ư a   B à   Đ a n h**

Chùa Bà Đanh thứ hai ở Hà Nam đi từ thành phố Phủ Lý rẽ vào quốc lộ 21, đi cầu Quế khoảng hơn 1km, sẽ thấy chùa Bà Đanh thấp thoáng hiện ra sau những bóng cây. Ngôi chùa u tịch nhìn ra con sông Đáy trôi chảy hiền hòa.



Đi qua chiếc cầu treo Cẩm Sơn bắc qua sông Đáy, có tấm biển bằng đá ghi “Chùa Bà Đanh và núi Ngọc”. Chùa Bà Đanh thuộc địa phận *thôn Đanh*,

xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Chùa Bà Đanh từ xa xưa gắn liền với câu thành ngữ “vắng như chùa Bà Đanh”. Nhiều người cho rằng chùa ở xa dân cư, cách trở núi sông, nên ít người lui tới. Dù giải thích thế nào thì dường như nguồn gốc câu thành ngữ “Vắng như chùa Bà Đanh” vẫn là một bí ẩn!

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Hiện tượng phản ngôn ngữ

Có thể tóm gọn các cách nói mới ấy vào bốn điểm. Thứ nhất, hiện tượng dùng nguyên cả một cụm từ hoặc một từ ghép hoặc một tên riêng của một người, một địa phương hoặc một nước để chỉ lấy ra một từ tố trong đó. Ví dụ, thay vì nói “lâu”, người ta nói “Hà Văn Lâu” (hay “Hồng Lâu Mộng”); thay vì nói “đông” (đúc), người ta nói “Hà Đông”; thay vì nói “xa”, người ta nói “Natasha” (chỉ lấy âm cuối, “Sha”, phát âm theo giọng miền Bắc là “xa”); thay vì nói “xinh” (xấn), người ta nói “nhà vệ sinh” (âm /s/ bị biến thành /x/); thay vì nói “tiện”, người ta nói “đê tiện”; thay vì nói “cạn” (ly), người ta nói “Bắc Cạn”; thay vì nói “can” (ngăn), người ta nói “Lương Văn Can”; và thay vì nói “chia” (tiền), người ta nói “Campuchia”. Cuối cùng, người ta có một mẫu đối thoại lạ lùng như sau:

“Đi gì mà Hà Văn Lâu thế?”

“Ừ, tại đường Hà Đông quá!”

“Từ đây đến đây có Natasa không?”

“Không. À, mà hôm nay em trông hơi nhà vệ sinh đấy nhé!”

“Khéo nịnh! Tí nữa, đi về, có đê tiện, mua giùm em tờ báo nhé!”

“Ừ, mà thôi, bây giờ nhậu đi!”

“Ừ, Bắc Cạn đi, các bạn ơi!”

“Thôi, tôi Lương Văn Can đấy!”

"Này, hết bao nhiêu đây, để còn Campuchia?"

(Nguyễn Hưng Quốc - Hiện tượng phản-ngôn ngữ ở Việt Nam)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ**

Truyện Kim Dung đã trở thành một đề tài phổ thông và hấp dẫn. Truyện của ông cũng chứa đựng nhiều tài liệu dựa trên những nghiên cứu lịch sử, địa lý, văn hóa, nhân văn ... không kiếm thấy trong những pho tiểu thuyết khác. Mặc dù không hiếm những chi tiết ông đặt ra để câu chuyện thêm phần thú vị, hoặc những thay đổi cho phù hợp với tình tiết, Kim Dung đã gói ghém gần như một bộ bách khoa toàn thư trong mười bốn truyện của ông, mà chính ông đã lấy những chữ đầu đặt thành đôi câu đối để cho dễ nhớ:

Phi Tuyết Liên Thiên Xạ Bạch Lộc - Tiểu Thư Thần Hiệp Ý Bích Uyên - Phi Hồ Ngoại Truyện - Tuyết Sơn Phi Hồ - Liên Thành Quyết - Uyên Ương Đào - Kế Tuyết Sơn Phi Hồ - Bạch Mã Khiếu Tây Phong - Kế Uyên Ương Đào - Thiên Long Bát Bộ - Xạ Điều Anh Hùng Truyện - Lộc Đinh Ký - Tiểu Ngạo Giang Hồ - Thư Kiếm Giang Sơn - Thần Điều Hiệp Lữ - Hiệp Khách Hành - Việt Nữ Kiếm - Ý Thiên Đồ Long Ký - Bích Huyết Kiếm

Kim Dung tên thật là Zha Liangyong, sinh năm 1924 tại trấn Viên Hoa, tỉnh Triết Giang. Theo ông

kể lại, gia đình ông ở trong một ngôi nhà lớn, trước nhà có treo một tấm biển nhan đề Đạm Viễn Đường, là ngự bút của vua Khang Hi ban cho tổ tiên ông. Cuối đời Thanh, tổ phụ ông từng làm tri huyện Giang Tô. Ông sở dĩ có được một kiến thức phong phú chính là nhờ trong gia đình chứa rất nhiều sách và ngay khi còn nhỏ ông đã được đọc những tác phẩm nổi danh thời xưa như Tam Quốc Chí, Thủy Hử. Năm lên tám tuổi, ông đọc bộ tiểu thuyết đầu tiên là bộ Hoàng Giang nữ hiệp thấy say mê nên từ đó đã có mộng sẽ viết về bộ môn này.

(Nguyễn Duy Chính – Tại sao tôi lại dịch Kim Dung)

### **Hiện tượng phản ngôn ngữ**

Thứ hai, hiện tượng dùng chữ “vô tư”. Lúc ở Hà Nội, một trong những từ tôi nghe nhiều nhất là từ “vô tư”. Nó được dùng một cách lạm phát. Cái gì cũng “vô tư”. Bạn bè, gồm toàn các giáo sư và nhà văn nổi tiếng ở Hà Nội, rủ tôi vào quán thịt cày. Thấy tôi thoáng chút ngần ngại, họ liền nói: “Cứ vô tư đi mà! Thịt cày ở đây ngon lắm!” Sau khi uống vài ly rượu, cảm thấy hơi chệnh choáng, tôi xin phép ngưng, họ lại nói: “Không sao đâu, cứ vô tư uống thêm vài ly nữa cho vui. Rượu này ngâm thuốc, bổ lắm!” Cuối tiệc, tôi giành trả tiền, họ lại nói: “Không, bọn tôi đãi, anh cứ vô tư đi!”. Cứ thế, trong

suốt bữa tiệc hai ba tiếng đồng hồ, tôi nghe không dưới vài chục lần từ “vô tư”.

Chữ “vô tư” ấy phổ biến đến độ lọt cả vào trong thơ Nguyễn Duy:

Mình vô tư với ta đi  
Vô tư nhau chẳng cần chi nhiều lời  
Vô tư thế chấp đời người  
Trắng tay còn chút coi trời bằng vung  
Luật chơi cấm kị nửa chừng  
Vô tư đặt cọc tận cùng chiếu manh  
Liên em vô tư liền anh  
Không ngây không dại không đành phải không

(Nguyễn Hưng Quốc - Hiện tượng phản-ngôn ngữ ở Việt Nam)

### **Nguồn gốc tộc Việt**

Gần đây cũng đã có nhiều nỗ lực trong việc tìm hiểu nguồn gốc dân tộc. Một trong những thành tích về vấn đề này cần được lưu ý là quyển Nguồn Gốc Dân Tộc Việt Nam của Nguyễn Khắc Ngữ do Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa Việt Nam xuất bản tại Montréal (Canada) năm 1985. Nói là đáng lưu ý bởi quyển sách nhỏ này (172 trang) trình bày những dữ kiện và áp dụng một lối lý luận rất khoa học. Theo Nguyễn Khắc Ngữ thì: “đại để có thể chia các giả thuyết (nguồn gốc dân tộc Việt Nam) thành bốn loại tiêu biểu:

- Giả thuyết con Rồng cháu Tiên
- Giả thuyết Bách Việt
- Các giả thuyết của các tác giả miền Nam
- Các giả thuyết của các tác giả miền Bắc”.

Phân chia như vậy e rằng vừa thiếu lại vừa dư. Quá thiếu vì nếu cứ ý kiến của một tác giả được kể như một “giả thuyết” thì bảng liệt kê trên còn thiếu nhiều giả thuyết chưa kể ra. Quá dư vì những giả thuyết mà Nguyễn Khắc Ngữ gọi là giả thuyết Bách Việt, giả thuyết của các tác giả miền Nam, miền Bắc ... thực ra chỉ là con đẻ của một trong hai thuyết:

(Nguồn: Cung Đình Thanh)

### **Hiện tượng phản ngôn ngữ**

Thứ ba, hiện tượng dùng các phụ từ “hơi bị”. Bình thường, trong tiếng Việt, “bị”, đối lập với “được”, chỉ những gì có ý nghĩa tiêu cực và ngoài ý muốn. Bất cứ người Việt Nam nào cũng biết sự khác biệt giữa hai cách nói “Tôi được thưởng” và “Tôi bị phạt”. Vậy mà, ở Việt Nam, ít nhất từ giữa thập niên 1990 đến nay, ở đâu, người ta cũng nghe kiểu nói “Cô ấy hơi bị hấp dẫn”, “Ông ấy hơi bị giỏi”, “chiếc xe ấy hơi bị sang”, “nhà ấy hơi bị giàu”, hay “bức tranh ấy hơi bị đẹp”, v.v.

Cuối cùng là hiện tượng các thành ngữ mới đã được Thành Phong sưu tập và minh họa trong cuốn Sát thủ đầu mưng mủ (sau đó bị tịch thu, năm 2011),

bao gồm những câu kiểu:  
ăn chơi sợ gì mưa rơi  
buồn như con chuồn chuồn  
chán như con gián  
chảnh như con cá cảnh  
(...)

Tất cả những hiện tượng trên đều có một số đặc điểm chung. Thứ nhất, có lẽ chúng xuất phát từ Hà Nội, sau đó, lan truyền ra cả nước, kể cả Sài Gòn. Thứ hai, chúng phổ biến không phải chỉ trong giới trẻ mà còn cả trong giới trí thức lớn tuổi, kể cả giới học giả, giáo sư đại học và văn nghệ sĩ nổi tiếng. Thứ ba, tất cả những cách nói ấy đều ngược ngạo, thậm chí, vô nghĩa. Chẳng có ai có thể giải thích được những kiểu nói như “buồn như con chuồn chuồn” hay “chán như con gián” hay “im như con chim”, “xinh như con tinh tinh”... trừ một điều duy nhất: chúng có vần về với nhau. Vậy thôi.

Trong lịch sử tiếng Việt, thỉnh thoảng lại xuất hiện những hiện tượng mới, đặc biệt trong khẩu ngữ, nhiều nhất là trong tiếng lóng. Tuy nhiên, có lẽ chưa bao giờ lại có những hiện tượng nói năng ngược ngạo và vô nghĩa như hiện nay. Ở miền Nam trước năm 1975, người ta làm quen với những kiểu nói như “lính mà em”, “tiền lính tính liền”, “sức mấy mà buồn”, “bỏ đi Tám”, “OK Salem”, “mút mùa Lê Thủy”, “thơm như múi mít”, “bắt bò lạc”, “một câu xanh rờn”, v.v. Với hầu hết những kiểu nói như thế, người ta có thể hiểu được. Còn bây giờ? Không ai

có thể giải thích được. Chúng ngược ngạo đến mức quái đản. Và chúng vô nghĩa đến mức phi lý.

(Nguyễn Hưng Quốc - Hiện tượng phản-ngôn ngữ ở Việt Nam)

### **Nguồn gốc tộc Việt**

Thuyết thứ nhất

- Thuyết thứ nhất dựa vào văn bản (những bộ sử hay truyện của người xưa viết ra để lại) chủ trương người Việt có nguồn gốc từ phương Bắc đi xuống.

Các tác giả có công xây dựng nên thuyết này đầu tiên phải kể đến những học giả người Pháp như Edouard Chavannes, Léonard Aurousseau. Nhiều học giả nổi tiếng người Việt đã phụ họa thêm vào thuyết này như Đào Duy Anh, Trần Trọng Kim ...

Có điều lạ cần nhấn mạnh là những học giả người Pháp tuy có gốc thực dân, dựa vào những sách của các tác giả Trung Hoa cũng thực dân không kém như Tư Mã Thiên, ... đã giả thuyết rằng người từ phương Bắc đây, vốn thuộc đại tộc Bách Việt, vì sự bành trướng của nòi Hoa Hán dưới thời Tần nên phải di cư xuống Bắc Việt để cùng với dân bản xứ đã có sẵn ở đó từ trước (Madrolle CL. Les populations de LIndochine, Paris 1918) lập nên nước Văn Lang.

Những tác giả vốn là người Việt nói về nguồn gốc dân mình lại không bằng những ông Tây kể trên.

Nhiều người còn nghi ngờ cái nguồn gốc Bách Việt của mình, cuối cùng còn sản sinh ra một đứa con hoang cho rằng dân Việt Nam chỉ là một bộ phận của người Trung Hoa hết đợt nọ đến đợt kia sang thực dân ở đây, khi hoàn cảnh thuận lợi đã lập ra nước riêng có tên là Việt Nam (Nguyễn Phương, GS Đại Học Văn Khoa – Việt Nam thời khai sinh – Viện Đại Học Huế 1965).

Mới xem giả thuyết này có vẻ không sai vì quả đã có một cuộc di cư của người từ phía nam sông Dương Tử, vùng nay thuộc các tỉnh Triết Giang, Phúc Kiến, Quý Châu, Quảng Đông, Quảng Tây đi xuống phía Nam từ khi nhà Tần thống nhất đại lục, lập ra một chính quyền trung ương dưới sự thống trị của nòi Hoa Hán (chỉ mấy trăm năm trước Công Nguyên).

(Nguồn: Cung Đình Thanh)

### **Đền thánh Mẫu**

Lại trong “Thượng kinh ký sự” của Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, có kể chuyện trên đường từ Thanh Hóa đến Thăng Long vào năm 1781:

“Buổi chiều đến nghỉ ở trạm xá Kim Khê (gọi là quán Me). Quan Văn thư làm lễ, vào yết kiến trong miếu của xã ấy, bày ra một tiệc hát và mời tôi cùng dự. Bấy giờ thánh Mẫu đang nhập vào Cô Đồng. Cô ta đang ngồi lắc lư và đang nói. Có người bảo tôi:

- Thánh Mẫu linh thiêng lắm, báo ứng không sai điều nào. Cụ lần này lên kinh có muốn cầu gì thì lại mà cầu.

Tôi nói:

- Có mong được gì thì mới cầu chứ! Lòng tôi đã không mong được gì, vậy cầu để làm gì?

Cô Đồng nghe nói mỉm cười. Quan Văn Thư nhìn tôi cười khanh khách. Nửa đêm tiệc tan mọi người về trạm nghỉ.

*(Rút trong Thượng Kinh Ký Sự - Phan Võ dịch, Văn Hóa xuất bản)*

Ông Maurice Durand còn trích dẫn một đoạn văn của Travernier đăng trong Tạp chí Đông Dương 1909, trang 50 (Revue Indochinoise) nói về Bà Cốt ở thời nhà Lê như sau:

“Bà phù thủy mà người Bắc Việt đến hỏi han gọi là Bà cốt...”.

Tục lên đồng có thể có từ thời nhà Trần vì giai thoại Bà chúa Liễu Hạnh có từ thời này.

(Tục lên đồng với triết lý lên đồng – Nguyễn Đăng Thục)

## **Nguồn gốc tộc Việt**

### Thuyết thứ hai

- Thuyết thứ hai dựa vào những xương sọ, tổng số xương sọ được dùng làm đối tượng nghiên cứu còn giữ lại được cho đến nay là 70 cái, chia làm hai bảng:

Bảng thứ nhất gồm 38 sọ được coi là thuộc thời đại Đồ Đá Mới, do các học giả người Pháp tìm ra (29/38) và cho rằng họ thuộc các chủng tộc Malanesian, Indonesian, Australoid hay Nam Á.

Bảng thứ hai gồm 32 sọ, phần lớn, ngược lại, do các học giả Việt Nam tìm thấy (22/27) trong những năm gần đây sau khi họ cho lập Viện Khảo Cổ (từ 1960). Những sọ này được coi là thuộc thời đại Đồng-Sắt nghĩa là vào khoảng 1000 năm trước Công Nguyên đến vài ba trăm năm sau Công Nguyên, đa số thuộc chủng tộc Mongoloid.

Hai bảng xương sọ này đã là nguyên nhân sinh ra những giả thuyết về nguồn gốc người Việt khác với những giả thuyết dựa vào văn bản kể trên. Tuy nhiên kết luận của các tác giả này cũng có những khác biệt đáng kể: có người cho nguồn gốc người Việt như vậy là quá trình Mongoloid hóa các sắc dân Hắc chủng (Trần Quốc Vượng & Hà Văn Tấn – Sơ yếu khảo cổ học nguyên thủy Việt Nam – Hà Nội 1963). Có người cho rằng đã có sự Mongoloid hóa hình thành nguồn gốc người Việt nhưng sự da vàng hóa

này không nhất thiết được hiểu là Hán hóa mà là Mường hóa, Tày Thái hóa (Phạm Huy Thông, KCH 1&2 – 1983). Có người đi xa hơn cho nguồn gốc dân tộc Việt Nam là sự hòa đồng của các dân có nguồn gốc bản địa (Nguyễn Đình Khoa – Các dân tộc ở miền Bắc Việt Nam – Hà Nội 1976). Riêng Nguyễn Khắc Ngữ, tuy không khác các tác giả trên bao nhiêu, nhưng ông hiểu Mongoloid là giống Mông Cổ (Mongol) ở phía Bắc nước Trung Hoa, nên kết luận của ông đương nhiên phải cho nguồn gốc người Việt trước hết là các giống Malanesian, Indonesian, Australoid từ các hải đảo Thái Bình Dương vào. Dần dần những sắc dân này bị Mongoloid hóa mà ông khẳng định là Hán hóa từ phương Bắc xuống, hình thành nên tổ tiên người Việt (trang 88, sđd).

(Nguồn: Cung Đình Thanh)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ Thần Siêu Thánh Quát**

Thời bấy giờ có ông Nguyễn Văn Siêu nổi tiếng là hay chữ. Được biết ông Siêu dạy học ở Hà Nội, ông Cao Bá Quát từ Bắc Ninh sang Hà Nội đến trường của ông Siêu dạy để nghe giảng bài.

Ông Quát tới nơi, đứng cửa sổ dòm vào, thấy một ông đồ khoảng 25, 26 tuổi, ngồi trên một cái chõng cũ siêu vẹo, học trò thì ngồi lê la dưới đất, chứng tỏ là một lớp học nghèo. Thầy đồ Siêu nhìn thấy một

anh chàng trẻ tuổi chừng mười lăm, mười sáu, thơ thần đứng ngoài cửa sổ nhìn vào, thầy đồ hỏi:

- Anh đi đâu mà đứng ở đây?

Ông Quát trả lời:

- Tôi là học trò đi qua trường thấy thầy giảng văn muốn xin thầy cho vào nhập học.

Ông Siêu muốn thử tài học nên ra câu đối:

- Tiên sinh tọa tịch thượng, cốt chi kết, kết chi cốt, cốt cốt kết kết.

(ông thầy ngồi trên chõng, (kêu) cốt kết, kết cốt, cốt cốt kết kết).

Ông Quát đối lại ngay:

- Tiểu tử nhập đình trung, thần chi thơ, thơ chi thần, thần thần thơ thơ (trò vào sân trường, (đi) thần thơ, thơ thần, thần thần thơ thơ.

Nguyễn văn Siêu nghe vế đối tài tình rất phục, mời vào trong ngôi, hỏi tên tuổi và lai lịch mới biết là Cao Bá Quát ở Bắc Ninh, là người mà ông đã nghe tiếng đồn là thần đồng. Về sau hai người đi lại thăm nhau luôn và trở thành đôi bạn thân thiết mặc dầu tuổi tác chênh lệch, rồi hai ông nổi tiếng khắp nơi, được người đời khen tặng là "thần Siêu thánh Quát".

### **Giai thoại làng văn**

Có thể thấy điều này qua một ví dụ khá tiêu biểu: Bài thơ “Cho một nhà văn nằm xuống” viết nhân cái chết của nhà văn Nguyễn Hồng của Trần Mạnh Hảo

(1982) bị phê phán kịch liệt. Võ Văn Kiệt, lúc ấy là Bí thư thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, cho gọi Trần Mạnh Hảo đến gặp. Trần Mạnh Hảo rất sợ. Thế nhưng cảm giác sợ hãi ấy tiêu tan ngay khi ông nghe câu nói đầu tiên của Võ Văn Kiệt: “Hảo à! Đù má... Mà làm cái gì mà dữ vậy?”. Trần Mạnh Hảo giải thích: “Anh phải hiểu rằng tính cách người Nam Bộ là thế. Sống với nhau trong cơ quan hay lúc sinh hoạt thường hay dùng câu ĐM kèm theo. Thân tình mới có câu ĐM. Còn đã gọi nhau bằng đồng chí là ‘có chuyện’. Nghe được lời mắng của anh Sáu (Võ Văn Kiệt) lại có kèm ĐM, tôi biết ngay là ‘thoát’.

“Chuyện này được thuật lại trong bài “Much Ado About Nothing” của Phạm Xuân Nguyên trên Talawas.

(Nguyễn Hưng Quốc - Hiện tượng phản-ngôn ngữ ở Việt Nam)

### **Nguồn gốc tộc Việt**

Mongoloid

Trước khi mình định cho thực rõ người Mongoloid từ đâu mà sinh ra, ta cần xác định lại từ Mongoloid trong khảo cổ học không có nghĩa là người Mông Cổ của nước Mongol, cũng như Malanesian không có nghĩa là người Mã Lai, Indonesian không hẳn phải là người Nam Dương.

Giản dị là khi có những tộc người này nhân loại chưa có quy chế quốc gia, tất nhiên cũng chưa có các nước Mongol, Indonesia, Malaysia ... Gia dĩ, khởi thủy nhân loại chỉ coi như gồm ba đại tộc: Mongoloid là đại tộc da vàng ở Á Châu gồm hai loại: Bắc Mongoloid ở từ Ngoại Mông về phía Bắc và Nam Mongoloid ở toàn cõi đại lục Á Châu; Europoid, đại chủng da trắng ở Âu Châu; và Négro – Australoid, đại chủng da đen ở Phi Châu và các đảo Nam Thái Bình Dương.

Việc tìm thấy sọ loại Mongoloid thời Đồ Đồng có ít hơn thời Đồ Đá là do một lý do khác sẽ được làm sáng tỏ trong phần dưới đây chứ không phải vì lý do người Mongoloid đã từ phương Bắc di cư đến như trước kia đã hiểu. Hãy lấy một thí dụ: chỉ có một địa điểm Hang Nậm Tum thuộc tỉnh Sơn La vùng Tây Bắc, trong thời tiền sử người ta đã thấy có hai lớp người đến cư trú để lại nhiều công cụ, nhiều ngôi mộ, nhiều di tích khiến người ta biết được hai lớp người tại đây cách nhau khá xa: lớp đầu thuộc văn hóa Sơn Vi (Hòa Bình I, khoảng hơn 20.000 năm trước Công Nguyên), lớp sau thuộc hậu kỳ đá mới bắt đầu thời kỳ kim khí (khoảng từ 1000 năm trước Công Nguyên trở lại). Giữa hai lớp này có một khoảng cách chừng tỏ không có con người sinh sống tại đây đến mười mấy ngàn năm (Võ Quý, KCH 1&2 – 1990, trang 25).

Chỉ tiếc những xương cốt để lại toàn là những mảnh sọ, những răng nanh, xương cẳng tay, ngón tay không nguyên vẹn khiến người ta khó đoán biết chủ nhân hang động này trước kia thuộc chủng tộc nào?

(Nguồn: Cung Đình Thanh)

### **Nhớ món ngon Sài Gòn**

#### **Phở Turc**

Nhưng rồi cũng qua đi cái thời ăn để mà sống, người ta bỗng nhớ đến thời... sống để mà ăn ở Sài Gòn hoa lệ ngày nào. Theo tôi, một trong những món ngon đó phải kể đến phở. Mặc dù phở có xuất xứ từ miền Bắc nhưng phở Sài Gòn thường ăn kèm với giá, ngò gai, húng quế vẫn ngon hơn phở Hà Nội thiếu hẳn các loại rau thơm mà lại không có giá.

Sài Gòn 1954, lúc người Bắc mới vào Nam, những tiệm Phở Bắc hãy còn đếm được trên đầu ngón tay. Đó là mấy tiệm Phở Thịnh đường Gia Long, Phở Turc đường Turc, Phở Minh đường Pasteur và Phở 79 ở đường Frère Louis (sau này đổi tên thành đường Võ Tánh).

Vào đến Sài Gòn ngày xưa có con đường tên Turc (Thổ Nhĩ Kỳ), một đầu là đường Tự Do (Catinat), đầu kia là đường Hai Bà Trưng (Paul Blanchy). Tiệm Phở Bắc được bán trong khuôn viên nhà thờ Hồi Giáo này, nên có tên là Phở Turc.

(Hồi ức một đời người - Nguyễn Ngọc Chính)

## **Nguồn gốc tộc Việt**

### Di truyền học DNA

Ai trong chúng ta cũng biết, muốn tìm hiểu nguồn gốc dân tộc Việt Nam, không thể không nói tới nguồn gốc con người. Phần viết dưới đây chủ yếu căn cứ vào những khám phá mới nhất của di truyền học DNA để tìm hiểu về nguồn gốc người Hoa và loài người nói chung, rồi từ đó suy ra nguồn gốc người Việt chúng ta.

Chỉ mới chưa đầy hai năm tính đến nay, một khám phá mới của nhà bác học J.Y. Chu cùng 13 đồng nghiệp khác tại các trường đại học và viện nghiên cứu lớn nhất ở Trung Hoa đã công bố một nghiên cứu thành công về Di truyền học DNA mang tên Genetic Relationship of Population in China, đăng trong Tạp chí Hàn Lâm Viện Khoa Học Quốc Gia của Hoa Kỳ (The Nation Academy of Sciences – USA – Vol.95, issue 20, ngày 29 tháng 7, 1998).

Báo cáo này khẳng định nguồn gốc của người Trung Hoa, và nói chung, người Đông Á là do giống người ở Đông Nam Á di lên. Những người này có gốc gác từ Phi Châu đã di đến Đông Nam Á qua ngã Nam Á từ nhiều năm trước. Riêng ở phía Bắc Trung Hoa

ngày nay, những người này vào khoảng cả chục ngàn năm sau lại giống với người cũng từ Phi Châu di qua theo đợt sau nhưng đi theo ngã Âu Châu và Trung Á mà người ta đồ chừng nhiều lắm là khoảng 15.000 năm trở lại đây, sau đợt tan băng hà cuối cùng.

Sự phát minh này đã được những nhà sinh học và nhân chủng học hàng đầu của nhân loại phụ họa và bổ túc (Cavalli – Sforza L. Alberto Piazza, 1998, Li Yin 1999) khiến nguồn gốc nhân loại Đông Phương, trong đó có Trung Hoa và Việt Nam có thể coi như đã được khẳng định.

(Nguồn: Cung Đình Thanh)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ**

Có một giai thoại về Nguyễn Khuyến như sau: Làng Cổ Ngựa có ngôi đền thờ thánh mẫu thu hút khá nhiều người đến lễ bái. Nhằm kiếm chác đám người mê tín, hào lý trong làng xuất quỹ xây lại đền to hơn, đẹp hơn.

Biết rõ ý đồ này, cụ Nguyễn Khuyến gửi đôi câu đối xuống cúng thánh, mừng làng:

- *Mỹ nhân như ngọc, hành vũ, hành Phong, anh linh mạc trắc* (Nghĩa là: Người đẹp như ngọc, làm gió, làm mưa, thiêng không lường hết).

- *Tế thế kỳ âm, hộ dân hộ quốc, thượng lại vô cùng* (Nghĩa là: Âm đức cứu đời, giúp dân, giúp

nước, ơn đội vô cùng).

Lời ca ngợi thánh mẫu thật sự nghiêm túc chẳng?  
Ngày xưa viết không có dấu phẩy ngăn cách các từ,  
và mấy ông chức sắc đã tái mặt khi đọc lại:

- Mỹ nhân như ngọc hành...
- Tế thể kỳ âm hộ...

(Hiện tượng mơ hồ và văn học trào phúng – Nguyễn Đức Dân)

### **Nhớ món ngon Sài Gòn Phở Minh**

Ngay bên hông rạp Casino có một hẻm nhỏ, đi vào hẻm đó là một dãy nhà, đa số là nhà dân Bắc Kỳ di cư sớm, từ những năm 1920. Tiệm Phở Minh nằm ở dãy nhà đó.

Phở Minh có phở bò lẫn phở gà nhưng đặc biệt hơn cả còn có bài thơ do thi sĩ Trần Rắc đề tặng. Bài thơ được cắt chữ, đóng khung kính, treo trên tường. Bài thơ Đường luật có 4 câu đầu như sau:

Nổi tiếng gần xa khắp thị thành,  
Trần Minh Phở Bắc đã lừng danh.  
Chủ đề: tái, chín, nạm, gầu, sụn,  
Gia vị: hành, tiêu, ớt, mắm, chanh.

Thi sĩ Trần Rắc chính là ông chủ tiệm giày Trần Rắc đường Lê Thánh Tôn, gần Khám Lớn Catinat năm xưa. Tiệm giày Trần Rắc, và cả mấy tiệm giày ở

đường này, đều có cửa sau đi vào hẻm ‘ẩm thực’ Casino.

Việt Nam ta đúng là... ra ngõ gặp nhà thơ. Đến như ông chủ tiệm giày cũng có thể làm thơ về phở chứ chưa dám nói đến Tản Đà là người viết nhiều về nghệ thuật ăn uống!

(Hồi ức một đời người - Nguyễn Ngọc Chính)

### **Phủ Giầy**

Phủ Giầy có tên cổ là Kẻ Giầy, từ sau khi Liễu Hạnh được sắc phong công chúa thì được gọi là Phủ. Thực ra ở phủ Giầy có một hệ thống kiến trúc liên quan tới Liễu Hạnh, đó là phủ chính, phủ Vân Cát và lăng Chúa Liễu.

Chúa Liễu và hệ thống Tứ Phủ được thờ ở tòa điện trong cùng, Mẫu Thượng Thiên hóa thân thành Liễu Hạnh thờ ở trung tâm, bên trái là Mẫu Thoải, bên phải là Mẫu Địa, phía trước là Mẫu Thượng Ngàn (Nhạc Phủ).

Phủ Giầy thuộc huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Hà, cách thành phố Nam Định khoảng 15 km.

### **Nguồn gốc tộc Việt**

Người vượn

Ông tổ của thuyết “tiến hoá” chỉ có thể lý luận được bằng lý thuyết chứ chưa chứng minh được bằng khoa học về câu hỏi: làm thế nào mà người vượn

(Homo-Erectus) lại có thể biến thành người hiện đại (Homo-Sapiens) như chúng ta ngày nay?

Thuyết chủ trương con người cũng như muôn loài trên trái đất đều từ một đơn bào phát sinh cách nay khoảng 1 tỷ rưỡi năm biến đổi sinh thành. Riêng ông tổ trực tiếp của loài người đều được các nhà nhân chủng cho là từ một giống người vượn đi thẳng bằng hai chân tên khoa học là Homo-Erectus biến hóa dần mà ra. Như ta đã biết dấu vết người vượn cho đến nay tìm được, xưa nhất là ở Đông Phi Châu. Người ta chia làm ba loại:

- cổ nhất thường được gọi là người Viễn Cổ (Proteo-anthropus) từ 1 triệu năm trở về trước (dấu chân người vượn homonid có thể cách đây đến 3 triệu rưỡi năm!).

- cổ thứ nhì thường được gọi là người Thái Cổ (Arche-anthropus) có từ 100.000 năm đến 1 triệu năm.

- cổ thứ ba được gọi là người Thượng Cổ (Paleo-anthropus) từ khoảng 40.000 năm đến hơn 100.000 năm trở về trước.

- sau hết là người Hiện Đại (Neo-anthropus) là mẫu hình nhân loại ngày nay tên khoa học là Homo-Sapiens-Sapien xuất hiện cùng một loạt ở nhiều nơi mà khảo cổ tìm thấy xương cốt cách đây trên dưới 40.000 năm. Hai trung tâm tìm thấy người Hiện Đại đầu tiên là Đông Nam Á (Hang Nia) và Tây Á.

(Nguồn: Cung Đình Thanh)

## Lục bát dân gian

Theo thống kê của nhiều nhà nghiên cứu văn học dân gian thì có đến *trên 90% ca dao, dân ca là thể thơ lục bát*. Cũng có thể xem ca dao dân ca chính là nơi "nằm nôi" của thể thơ Lục bát và ở cái tuổi "nằm nôi" này Lục bát có những đặc điểm rất riêng của nó. Có lẽ vì ra đời trong môi trường truyền miệng và lại đồng hành cùng với nhiều hình thức diễn xướng dân gian khác nên Lục bát dân gian có khá nhiều dạng thức biến thể. Đó là dấu tích của sự chưa định hình hay là sự tương tác qua lại lẫn nhau giữa thơ và các hình thức diễn xướng khác ?

Tuy đại bộ phận ca dao đã là trên 6 dưới 8 nhưng khả năng *mở rộng dung lượng câu* của lục bát dân gian còn khá lớn. Có những câu vẫn tồn tại ở cả hai dạng: nguyên dạng chúng là một cặp lục bát trên 6 dưới 8: "*Yêu nhau mấy núi cũng trèo / Mấy sông cũng lội mấy đèo cũng qua*"; nhưng ở dạng biến thể, chúng lại thành một cặp lục bát trên 7 dưới 11 hoặc 13...: "*Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo / Ngũ lục sông cũng lội thất bát (cửu thập lục)... đèo cũng qua*". Trong ca dao ta có thể tìm được khá nhiều những câu tương tự:

-*Anh tưởng nước giếng sâu anh nổi sơi gàu dài  
Nào ngờ nước giếng cạn anh tiếc hoài sơi dây*

(Nguồn: Đỗ Đình Tuấn)

## **Nhớ món ngon Sài Gòn Phở Cao Vân**

Trên đường Mạc Đĩnh Chi (Massiges), gần bên hông Tòa Đại sứ Mỹ, còn có phở Cao Vân, dù tiệm phở này không nằm trên đường Trần Cao Vân (Larclause) cách đó không xa. Theo tôi, phở Cao Vân (25 Mạc Đĩnh Chi) chỉ thuộc loại ‘thường thường bậc trung’ nhưng được nhắc tới cùng với phở Minh vì Cao Vân cũng có một bài thơ ca tụng phở của thi sĩ Tú Mỡ được viết bằng sơn ngay trên tường.

Chủ của phở Cao Vân ngày nay là một ông cụ Bắc Kỳ hom hem theo năm tháng. Ông không còn đứng ra nấu phở nhưng chiều chiều thường ngồi nhậu lai rai với bằng hữu để hưởng nhàn!

(Hồi ức một đời người - Nguyễn Ngọc Chính)

## **Nguồn gốc tộc Việt**

GS. Chu

Chi tiết về báo cáo khoa học của GS. Chu và các đồng nghiệp có ba điểm căn cốt như sau:

Điểm thứ nhất:

Công trình khảo cứu của GS.Chu phủ nhận người Trung Hoa đã tự sinh ra và phát triển độc lập trên đất Trung Hoa như nhiều nhà khảo cổ trước đây đã

chủ trương đồng thời khẳng định gốc gác của người Trung Hoa từ Đông Nam Á di lên.

[Trích Báo cáo GS. Chu:

"Nervetheless, genetic evidence does not support an independence origin of Homo-Sapiens in China. The phylogeny also suggested that it is more likely that ancestor of the populations currently residing in East China entered from Southeast Asia"].

Điểm thứ hai:

Người từ Đông Nam Á di lên đó cũng không hẳn tự phát sinh ở Đông Nam Á mà họ đã đến từ Phi Châu qua ngả Nam Á.

[Trích Báo cáo GS. Chu:

"In both phylogenies with different loci and populations from East Asia always derived from a single lineage, indicating the single origin of those populations ... It is now propably safe to conclude that modern humans originating in Africa constitute the majority of the current gene pool in East Asia"].

Điểm thứ ba:

Và, sau khi phối kiểm với kết quả của khảo cổ học như việc đo đạc xương cốt sọ mặt ... GS. Chu kết luận riêng người phương Bắc Trung Hoa sau khi đã từ Đông Nam Á di lên sau lại lai giống với người từ Trung Á và Âu Châu di cư đến. (Có lẽ đây là tổ tiên của người Hoa Hán lập nên nhà Thương – Người viết ghi thêm).

[Trích Báo cáo GS. Chu:

"The northern populations were under strong genetic influences from ALTAIC populaitons from the North. But it is unclear how Altaic populations migrated to Northeast Asia. It is possible that ancestral Altaic pop. arrived there from middle Asia, or alternatively they may have originated from East Asia". và: "Therefore, it is likely that ancestors of Altaic speaking people originated from an East Asia population that was originally derived from South Asia, although the current Altaic-speaking populations undeniably admixed with later arrivers from mid-Asia and Europe"].

(Nguồn: Cung Đình Thanh)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ**

Với tôi (Trần Tuấn Kiệt) sách Hồ Hữu Tường viết cũng như Bùi Giáng, cả hai đều là hai cây triết gia đại thụ cả, tôi lên Ngã Bảy, thấy Bùi Giáng tả tôi vác cái lồng sắt, có mấy con chồn đi bán, ông nói bán được lắm. Sau này không thấy ông bán chồn nữa mà thấy ông gặm gù, nạt nộ xe qua đường. Thiên hạ bảo ông điên, gặp ông tôi kéo ông vào quán café, gần Ngã Bảy cùng uống café hỏi thăm sức khỏe ông và hỏi:

“Ông thấy tư tưởng Martin Heidegger bây giờ thế nào?”

Bùi Giáng nói:

“Đương thời mình viết còn không hiểu, bây giờ thì làm thế nào mà hiểu được!”

Rồi ông vừa nói với tôi vừa cười hề hề.

(Giai thoại và sự thật – Viên Linh)

### **Truyện chớp - Trò chơi**

Trước mặt tôi là quả địa cầu. Nếu nhìn kỹ, bạn sẽ thấy biển và những tảng băng ở hai đầu địa cực. Cách quả địa cầu chừng một gang tay có những lớp mây dày bao phủ và lặng lẽ trôi. Tôi dùng một cái kính lúp soi kỹ vào từng quốc gia để thấy rõ hơn núi đồi và những dòng suối. Lâu lâu tôi hà hơi vào địa cực cho băng tan làm mực nước biển dâng lên cho vui mắt. Rồi tôi dùng hai ngón tay tách cho đất nứt ra làm thành những cơn động đất. Dùng một kính hiển vi điện tử siêu mạnh, tôi soi khắp bề mặt địa cầu để thấy người ló nhố và xe cộ ngược xuôi. Tôi lấy mũi kim chạm vào mấy chiếc xe gây tai nạn, thọc ngón tay xuống biển rồi quay quay cho giông bão nổi khắp trời. Nhưng có những ngày tôi rất mệt. Tôi chỉ ngồi yên và ngắm quả địa cầu xem mây bay nước chảy...

Chắc bạn đoán ra tôi là ai rồi phải không? Chúc mừng bạn. Bạn đã đoán đúng rồi đấy.

## Thổ thần

Người ta thường thấy giữa đồng ruộng bắc Việt nổi lên một cái gò, cái đồng đất, bên trên có một gốc cây cỏ thụ che một cái bệ xây gạch gọi là cái án. Dân quê xung quanh đấy thường đem lễ vật hương hoa đến lễ bái, vì đấy là một cái án thờ Thổ thần.

Những thổ thần ngự trên cây thiêng ở một cái gò chỉ hành động trông coi ruộng đất mùa màng của một làng, cho nên trong một làng thường có nhiều án thờ thổ thần, không phải để cúng riêng thổ thần mà còn để tổng tiễn chúng sinh gồm các vong linh có hồn không có thừa tự, của kẻ chết đường, chết chợ, xa cửa xa nhà, không nơi nương tựa.

*Thương thay thập loại chúng sinh,  
Phách đơn, hồn chiếc, linh đình quê người.  
Hương khói đã không nơi nương tựa,  
Phận mồ côi lẩn lữa đêm đêm.  
(Nguyễn Du – Văn tế thập loại chúng sinh)*

(Tục thờ cây ở Việt Nam – Nguyễn Đăng Thục)

## Nhớ món ngon Sài Gòn

### Phở Hoà

Trên đường Pasteur có Phở Hoà, khá nổi tiếng. Ban đầu, lúc khai trương năm 1960, tiệm phở này mang tên Hoà Lộc. Có lẽ sau này khách ăn cứ gọi tắt là

Hòa nên Hòa Lộc biến thành Hòa theo kiểu gọi tên một chữ cho dễ nhớ thường thấy ở các tiệm phở (?).

Phở Hòa chỉ chuyên loại phở bò, nếu vào đây mà tìm tô phở gà thì không có. Khách phải chịu khó ra đường Hiền Vương, đến tiệm Hương Bình, “chuyên trị” phở gà.

(Hồi ức một đời người - Nguyễn Ngọc Chính)

### Lục bát dân gian

Về cách gieo vần Lục bát dân gian cũng có 2 dạng biến thể. *Dạng biến thể vần bằng* thì thay đổi vị trí chữ mang vần của câu tám từ chữ thứ 6 lên chữ thứ 4. Ở vị trí này, chữ mang vần nhất thiết phải mang thanh huyền (trầm bình thanh) và để tương thích với nó các chữ thứ 8 bắt buộc phải mang thanh không dấu (phù bình thanh). Dạng biến thể này khá phổ biến trong Lục bát dân gian:

*-Con cò mà đi ăn đêm*

*Đỗ phải cành mềm lộn cổ xuống ao*

*Ông ơi ông vớt tôi nao*

*Tôi có lòng nào ông sẽ sáo măng.*

(Nguồn: Đỗ Đình Tuân)

## **Thổ thần, Thành hoàng**

Thổ thần bảo hộ cho cả một làng là Thành Hoàng, được thờ cúng ở trong ngôi đình. Gần đình thường thấy một vài cây to cổ thụ tại sân đình. Cái đình thay cho miếu án thờ thổ thần cho nên dân làng làm lễ trong đình chứ không ở gốc cây. Xem thế thì sự chuyển dịch từ gò, đống, án, miếu đến đình vẫn còn lại cái cây để tượng trưng cho ý nghĩa linh thiêng. Nhưng đáng lẽ các thần linh ngự tại trên cây thì ở đình các ngài lại ngự nơi bài vị với sắc phong của nhà vua để trong hòm sắc trên ngai đình. Khi nào rước sách thì hòm sắc được để vào trong kiệu mang đi theo. Thổ thần cũng như Thành Hoàng cai quản cô hồn chúng sinh của một địa hạt. Hai lần một năm dân làng làm lễ cầu yên cho chúng sinh tại sân đình vì chúng sinh không được nhập vào trong đình của Thành Hoàng.

Thổ thần và Thành Hoàng đều là thần cả, nghi lễ tùy theo địa phương. Nếu đổi theo cấp trật của thần thì ở trên thần còn có thánh. Chúng sinh cô hồn, Thổ Thần, Thành Hoàng, Đức Thánh, đây là bốn cấp trật thần linh của người dân.

(Tục thờ cây ở Việt Nam – Nguyễn Đăng Thục)

## **Lục bát truyện kiều**

Từ cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI, thể thơ Lục bát lại được các nho sĩ sử dụng để viết truyện, tạo ra

một thể loại văn học mới thời bấy giờ, đó chính là *Truyện thơ nôm*. Thực chất đó chính là một dạng *Tiểu thuyết cổ* được viết bằng thể thơ Lục bát. Đa số loại truyện này thường khuyết danh, chỉ có Truyện Kiều và Lục Vân Tiên là còn thấy có tên tác giả. Truyện Kiều của Nguyễn Du là tuyệt tác của loại *Truyện thơ nôm*. So với Lục bát dân gian thì lục bát truyện Kiều không còn các dạng biên thể nữa. Có thể xem Lục bát truyện Kiều là một thứ Lục bát thuần khiết.

Sự cân đối về thanh điệu cùng với phép tiểu đối được sử dụng linh hoạt đã làm cho câu thơ Lục bát truyện Kiều chuông chẵn vuông vức, rất mực thước. Có thể nói câu thơ Lục bát đến truyện Kiều mới phát triển thành luật, một thứ luật cũng chặt chẽ nghiêm ngặt không kém gì luật thơ Đường. Nhưng những câu thơ Lục bát truyện Kiều, đúng luật, lại mềm mại, uyển chuyển và hay đến hiếm có. Như vậy là luật thơ không hề trói buộc thơ. Nó chỉ tạo điều kiện cho thơ hay hơn. Bởi vì suy cho cùng thì luật thơ chính là những khuôn hình mẫu mực mà thơ nên có và cần phải có. Có thể nói Lục bát truyện Kiều vừa khuôn mẫu mực thước lại vừa linh hoạt biến hóa. Với Lục bát truyện Kiều, Nguyễn Du đã phát huy diễn tả vốn có của câu thơ Lục bát. Nó có thể miêu tả, có thể kể chuyện, có thể bình luận triết lý...nó có thể đối thoại, cũng có thể độc thoại...Có thể diễn tả cái hùng, cái bi...Khả năng diễn tả của Lục bát chẳng kém gì văn xuôi, thậm chí còn có thể hơn văn xuôi ở sự cô đọng...

## **Nguồn gốc tộc Việt**

GS. Cavalli-Sforza

Sự khám phá của Gs. Chu và các đồng nghiệp đã được các học giả khắp nơi hưởng ứng. Nhiều học giả đã bỏ khuyết thuyết của Ông Chu bằng những tham luận giá trị. Xin kể ra đây ba khuynh hướng đáng lưu ý nhất:

Khuynh hướng 1: GS. Cavalli-Sforza đã chứng minh từ năm 1997 trước khi có sự công bố công trình nghiên cứu của GS. Chu là người từ Châu Phi đã đến Đông Nam Á qua ngã Nam Á, rồi từ Đông Nam Á họ đã chia hai ngã: một ra các hải đảo thuộc Châu Đại Dương để trở thành những người mà sau này các nhà nhân chủng học gọi bằng nhiều tên như Malanesian, Indonesian, Australoid; và một ngược phía bắc lên Đông Á rồi vượt eo Bering sang Mỹ Châu. (Cavalli-Sforza – genes, people & languages – Proc. Natl. Acad. Sci. – USA, Vol. 194 pp, 1997).

Người từ Phi Châu đến Đông Nam Á rồi tiện đường (lúc này nước biển thấp nên có nhiều cầu nối nối liền Đông Nam Á đến hải đảo) ra hải đảo Thái Bình Dương trước. Trong khi tụ lại Đông Nam Á, họ đã hội đủ các yếu tố khoa học để có được một sự thay đổi cấu trúc di truyền lần hai, biến từ giống da đen sang giống da vàng trước khi họ tiến lên phía Bắc. Vậy phải chăng người Hắc chủng từ Phi Châu đến

Đông Nam Á rồi nhờ hội đủ yếu tố khoa học, đủ cơ duyên, đã biến đổi thành người da vàng mà sau này nhân chủng học gọi bằng tên Mongoloid.

Từ đó họ đã tỏa lên phía bắc vượt sang Châu Mỹ tạo thành người Da Đỏ. Một nhánh khác của Hắc chủng khi đến Âu Châu đợt sau đã nhờ thay đổi cấu trúc di truyền DNA mà thành Bạch chủng, sau này gọi là Europoid. Đại chủng Vàng Mongoloid ở Á Châu, và Đen Negro-Australoid ở Phi Châu và các hải đảo Thái Bình Dương, và Trắng (Europoid) ở Âu Châu nay lan sang nhiều nơi khác như Bắc Mỹ, Úc Châu ... là ba đại chủng chính của nhân loại ngày nay.

(Nguồn: Cung Đình Thanh)

### **Nhớ món ngon Sài Gòn**

#### **Phở 79**

Nói đến phở Sài Gòn tại khu vực trung tâm, phải nói đến tiệm Phở 79, ngay tại số nhà 79 trên đường Võ Tánh. Khoảng năm 1952, tiệm Phở 79 mở cửa, khi đó nền nhà của tiệm còn thấp hơn mặt đường. Chỉ vài năm sau tiệm phát đạt, chủ nhân mua hai nhà bên cạnh, mở lớn thành tiệm Phở 79 khang trang và có thể nói là một trong những tiệm phở sạch nhất Sài Gòn thời đó.

Trường Sinh ngữ Quân đội có chi nhánh ở đường Nguyễn Văn Tráng rất gần với Phở 79 tại khu vực

Ngã Sáu Sài Gòn. Đám giảng viên chúng tôi thường xuyên ăn sáng, ăn trưa và cả ăn tối mỗi khi ‘ứng chiến’ tại trường.

Phở tại đây được đánh giá là... ‘ăn được’. Nếu ai ‘ăn không được’ thì chịu khó đi thêm vài bước ra Ngã Sáu, nơi đây có đủ các món ăn chơi thuộc loại bình dân, từ phở, hủ tíu cho đến mì và có cả xe... bánh mì mua về trường nằm gặm trong những đêm ứng chiến!

(Hồi ức một đời người - Nguyễn Ngọc Chính)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ Đại điểm quần thần**

Nguyễn văn Tâm được người Pháp cất nhắc làm quan lớn. Tâm lấy làm tự đắc lắm. Phú quý sinh lễ nghĩa, quan lớn nhà ta cũng muốn có bức hoành, trướng để trang trí. Có người dâng lên quan bốn chữ đại tự *Đại Điểm Quần Thần*, viết chân phương, rất đẹp và giải thích Quần thần là người bề tôi, Đại điểm là điểm lớn, ý nói quan lớn là người bề tôi có vị trí to lớn, quan trọng.

Quan thích thú treo bức liễn trong phòng khách; ai đến thăm quan cũng đem khoe và giải thích như trên. Ít lâu sau có người đến ngắm bức liễn, rồi xin quan lớn dẹp đi. Quan ngạc nhiên hỏi, người ấy giải thích: người viết liễn đã có ý bỡn quan lớn, mà quan không biết. Bốn chữ trên dịch từng chữ: *Đại điểm* là

*chấm to; Quần thần là bề tôi, nói theo kiểu nói lái là bày tôi. Đại Điểm Quần Thần là Chấm To Bày Tôi nói lái lại là Chó Tâm Bồi Tây.*

(Hòa Đa – Nói lái)

### **Nguồn gốc tộc Việt**

GS. Li Yin

Khuynh hướng 2: Đến năm 1999, một học giả khác người Trung Hoa, GS. Li Yin, đứng đầu một nhóm khoa học gia về di truyền học (Đại học Stanford) đã nghiên cứu cùng một vấn đề trên. Báo cáo của ông củng cố thuyết của ông Cavalli-Sforza mà còn chi tiết thêm thuyết con người có gốc duy nhất từ Phi Châu đã di cư đi các nơi khác qua ba đợt như sau:

Đợt 1: Từ Phi Châu đến Nam Á rồi xuống Châu Đại Dương.

Đợt 2: Từ Phi Châu đến Đông Nam Á qua ngả Nam Á; rồi từ Đông Nam Á chia hai ngả, một đến các hải đảo Thái Bình Dương, một ngược lên phía bắc đến Đông Á và Bắc Mỹ.

Đợt 3: Từ Phi Châu đến Tây và Trung Á rồi từ đó chia hai: một nhóm đi lên Âu Châu rồi qua Bắc Mỹ; một nhóm đi qua Nam Á và vào Bán đảo Ấn Độ. Kết quả về di truyền của GS. LiYin về sự di cư của người Phi Châu thực ra cũng không khác nhiều với

thuyết di cư do các nhà nhân chủng học mà tiêu biểu là Charles Higham đã vẽ ra bản đồ từ năm 1996 (Li Yin & N. – Distribution of halotypes from a chromosomes 21 Region-distinguishes multiple prehistoric human migrations – Proc. of Natl. Acad. Sci. – USA, Vol. 96 pp. 3796-3800, 1999).

(Nguồn: Cung Đình Thanh)

### **Nhớ món ngon Sài Gòn**

#### **Phở Quyền**

Gần ngã tư Phú Nhuận có phở Quyền trên đường Võ Tánh, cách cổng phụ của Tổng tham mưu chừng 100 mét. Tôi thường ghé ăn nơi đây mỗi khi về trụ sở chính của Trường sinh ngữ trong Tổng tham mưu. Nước phở ở đây rất đậm đà, vị ngọt là của xương ống chứ không phải vì bột ngọt. Phở Quyền còn có cả món ‘tái sách tương gừng’ được xếp vào loại... trứ danh.

(Hồi ức một đời người - Nguyễn Ngọc Chinh)

### **Ta không phải là Tàu**

Gần đây nhiều nhà nghiên cứu căn cứ vào chỉ số sọ, di truyền, ngôn ngữ để đi đến kết luận rằng những nước Đông Nam Á mới là cái nôi của loài người. (Xin đọc thêm cuốn *Eden in the East, The Drowned Continent of Southeast Asia* của Stephen

Oppenheimer). Như thế có nghĩa rằng ta không phải từ Tàu đến. Tôi không phải nhà nghiên cứu, không biết gì về chỉ số sọ hoặc di truyền học, nhưng khi suy gẫm đôi chút về tiếng nói (hoặc ngôn ngữ) hằng ngày của ta, tôi cũng phải kết luận rằng gốc của ta không phải là Tàu.

- Trước hết, một điểm ngữ pháp sơ đẳng sau đây chứng tỏ ta hoàn toàn khác Tàu. Ta, tiếng *bỏ nghĩa* đi sau tiếng *được bỏ nghĩa*. Chẳng hạn: *áo xanh, sông dài, gió thu*. Trong khi tiếng Hán Việt: *thanh y, trường giang, thu phong*.

- Những số đếm ngay từ thời xa xưa. Từ số hàng đơn vị đến số hàng ngàn, không có số nào là tiếng Hán Việt cả. Lớn hơn số hàng ngàn, có lẽ thời xưa đó chưa thấy cần chẵn nên chưa đặt ra, do đó về sau mới có chữ *vạn* vốn xuất phát từ tiếng Tàu.

- Đối với những bộ phận trên thân thể người ta, theo Võ Phiến, những gì dễ thấy, thường gặp bên ngoài, đều được đặt tên bằng tiếng Việt, thí dụ *mặt, mũi, miệng, tóc, tai, tay, chân, bụng* v.v...; những gì nằm bên trong, vì thời xa xưa ấy ta còn kém về y lý, ít gặp, ít thấy nên không đặt thành tên, do đó về sau phải bắt chước Tàu đặt tên như *tim (tâm), gan (can), phổi (phế)* ...

(Ngự Thuyết - Dòng dõi người Việt gốc Hoa?)

## **Từ họ Lý ra họ Nguyễn**

Tháng tư năm nhâm thìn (1232), nhân việc ban chữ húy về tiên tổ họ Trần, ông nội của Trần Thái Tông tên là Trần Lý, nên Trần Thủ Độ đưa ra biện pháp quyết liệt là buộc con cháu họ Lý phải đổi thành họ Nguyễn.

Gần cuối năm nhâm thìn (1232), tôn thất nhà Lý tập trung làm lễ tế tổ tiên ở thôn Thái Đường, xã Hoa Lâm (nay thuộc Bắc Ninh). Trần Thủ Độ cho làm nhà tế lễ bằng tre lá trên một cái hầm, khi con cháu nhà Lý tập trung hành lễ, Trần Thủ Độ ra lệnh chôn sống hết con cháu nhà Lý để dứt điểm một vấn đề làm cho Trần Thủ Độ lo lắng bấy lâu nay. Sau cuộc thanh trừng khủng khiếp này, con cháu nhà Lý không còn dám về Bắc Ninh làm lễ tế hàng năm, và họ thay tên đổi họ sống lẫn khuất trong dân gian để tránh bị tiêu diệt.

(Trần Gia Phụng - Những cuộc đổi họ lớn trong lịch sử)

## **“Bốn ngàn năm văn hiến”**

Vấn đề dân tộc Việt Nam có “bốn ngàn năm văn hiến” như các nhà văn hóa hiện nay đã tuyên bố khiến cho trong giới thanh niên trí thức thắc mắc và nghi ngờ, không biết hai chữ “văn hiến” có ý nghĩa gì, và căn cứ vào đâu để nói với cả một tin tưởng.

Nguyễn Trãi, khi giúp Lê Thái Tổ đánh đuổi quân Minh, xây dựng lại nền độc lập, tự trị của nước nhà cũng chỉ tuyên cáo (Bình Ngô đại cáo) với quốc dân:

“Thử xét nước nhà Đại Việt.  
Vốn thật một nước văn hiến.  
Núi sông khu vực đã khác biệt,  
Phong tục phương Bắc, phương Nam không giống.  
Từ Triệu, Đinh, Lý Trần dựng nên nước ta,  
Với Hán, Đường, Tống, Nguyên ai nấy làm chúa  
một phương.” (1)

Đây là Nguyễn Trãi, muốn cổ võ cho tinh thần quốc gia dân tộc mà cũng chỉ dám kể từ nhà Triệu, tự xưng là Nam Việt vương đóng đô ở Phiên ngung ngày nay là Quảng châu tỉnh Quảng đông vào năm 237 trước T.L. Tính đến ngày nay 1973 thì mới được 1980 năm. Như vậy thì lấy đâu ra 4.000 năm văn hiến?

Nói đến Văn Hiến là ngụ ý có văn chương bút ký và người hiền tài, có công trình xây dựng cho nước, cho dân mà đời sau còn tôn thờ làm Anh hùng Dân tộc. Nói “Bốn ngàn năm văn hiến” của Việt Nam chẳng hoá ra ngoa ngôn cuồng tín hay sao?

(Bốn ngàn năm văn hiến – Nguyễn Đăng Thục)

## **Họ Trần qua họ Trình**

Lê Thánh Tông (trị vì 1460-1497) được sử sách đánh giá là một minh quân, nhưng lại đi vào vết xe của nhà Trần. Vừa cầm quyền được hai tháng, Lê Thánh Tông hạ chiếu ra lệnh đổi tên những họ nào đã phạm vào chữ huý của Cung Từ hoàng thái hậu. Bà này tên huý là Phạm Ngọc Trần, vợ của Lê Thái Tổ, mẹ của Lê Thái Tông, tức bà nội của Lê Thánh Tông.

Vua cho rằng bà nội mình tên Trần nên yết thị khắp nước, nơi nào có họ "Trần" đều phải đổi chép thành chữ "Trình".

(Trần Gia Phụng - Những cuộc đổi họ lớn trong lịch sử)

## **Nguồn gốc tộc Việt**

GS. Alberto Piazza

Khuynh hướng 3: Một tác giả nổi tiếng khác ủng hộ và làm sáng tỏ thêm kết quả nghiên cứu của GS. Chu là GS. Alberto Piazza ở Đại học Torino, Ý Đại Lợi, ông nhắc lại ba mô hình được các học giả trước đây đưa ra về nguồn gốc người Trung Hoa là:

Mô hình 1: Chủ trương nguồn gốc người Trung Hoa ở Hoa Nam là từ Hoa Bắc di xuống rồi hợp chủng với những người Australoid đã có sẵn ở đó.

Mô hình 2: Chủ trương ngược lại cho người Hoa Nam đã di cư lên Bắc và người phía Bắc Trung Hoa chỉ là hậu duệ của người Phương Nam di cư lên.

Mô hình 3: Chủ trương hai giống người ở Hoa Bắc và Hoa Nam tiến hóa và phát triển độc lập với nhau qua ba trung tâm chính Yang-Shao, Ching Lien Khang và Ta-Pen-Keng.

Ông kết luận: mô hình thứ hai (Bắc là hậu duệ của Nam Trung Hoa), người phương Bắc có sau và do từ người phương Nam di cư lên sinh ra, phù hợp với các dự kiến về di truyền học theo khảo cứu của GS. Chu và đồng nghiệp hơn. Những sự nghiên cứu khác dù về di truyền (Cavalli-Sforza), hay về khảo cổ như nghiên cứu về răng (Turnen C. G.); về sọ ( Hanihara T.) của người cổ ở Trung Hoa cũng hậu thuẫn cho mô hình hai này. (Alberto-Piazza – Human Evolution: Towards a genetic history of China – Proc. of Natl. Acad. Sci. – USA, Vol 395, No 6707, 1998).

(Nguồn: Cung Đình Thanh)

## **Bánh mì Thanh Bạch**

Nếu muốn sang hơn thì lên bánh mì Pâté Tòà Đô chính trên đường Nguyễn Huệ hoặc tiệm bánh Hương Lan trên đường Tự Do hay ngòì Thanh Bạch đường Lê Lợi (gần Bệnh viện Sài Gòn). Chỉ cần gọi đĩa bánh mì thịt nguội kèm theo một ly cà phê sữa đá là đủ no cho đến trưa. Thanh Bạch vẫn là nơi lý tưởng để vừa ăn sáng vừa ngắm cảnh người Sài Gòn sửa soạn cho một ngày mới.

Sài Gòn xưa có hai tiệm Thanh Bạch, một ở đường Lê Lợi, bên rạp xi-nê Vĩnh Lợi. Tiệm Thanh Bạch thứ hai ở đường Phạm Ngũ Lão, trong dãy phố trệt dưới tòa soạn nhật báo Sài Gòn Mới năm xưa. Ngoài bánh mì ốp-la, ôm-lét, thịt nguội, Thanh Bạch có bánh mì bò kho, hủ tíu và đặc biệt là món sưng. Bún sưng dùng xương heo để nấu nước lèo, và đặc biệt ở đây là dùng tôm tươi lột vỏ, bỏ đầu, băm nhuyễn sau đó vo lại thành sợi dài (như sợi bún). Nước lèo ở đây rất trong, ăn kèm với rau sống...

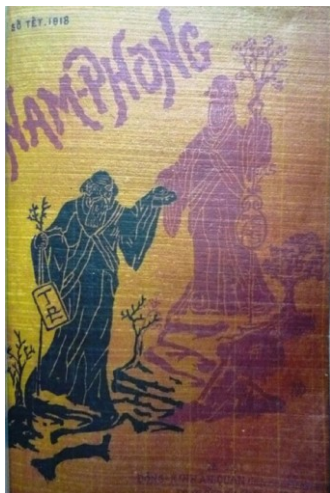
(Hồi ức một đời người - Nguyễn Ngọc Chính)

## **Những tờ báo quốc ngữ đầu tiên**

Tờ báo Tết đặc biệt đầu tiên

Đầu năm 1918, tờ *Nam Phong tạp chí* với ấn phẩm đặc biệt “Số Tết 1918” trở thành tờ báo Tết đầu tiên,

mở màn cho truyền thống làm báo xuân trong làng báo Việt Nam. Đây là ý tưởng của chủ bút trẻ Phạm Quỳnh, khi tờ *Nam Phong* vừa ra mắt được 6 tháng.



Bìa ngoài của *Nam Phong* – số Tết 1918,  
tờ báo Tết đầu tiên của Việt Nam

(SNg Paris – Một tài liệu hiếm)

### **Hủ tíu Phạm Thị Trước**

Có người đến hủ tíu Phạm Thị Trước gọi thêm bánh páté chaud ăn kèm, cũng giống như hủ tíu Gà Cá. Tuy nhiên, mỗi tiệm hủ tíu đều có hương vị riêng khiến một khi khách đã ‘kết’ thì khó đi ăn nơi khác. Hủ tíu Sài Gòn sáng nào cũng đông người đến

thường thức, không cần đợi đến những ngày cuối tuần.

(Hồi ức một đời người - Nguyễn Ngọc Chính)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ**

Văn Cao còn nhớ buổi chia tay Nguyễn Thi. Bữa đó, ông rủ Nguyễn Thi ra phố. Ông muốn mời bạn ăn một bát phở bò. Văn thời đó nghèo xơ xác, trong túi chỉ đủ tiền cho một bát phở thôi. Chả lẽ chỉ bạn ăn, còn mình thì ngồi suông ngắm bạn? Hình như cũng hiểu được nỗi băn khoăn của Văn Cao, Nguyễn Thi bảo ông chỉ thèm khoai lang luộc thôi. Trời, tưởng gì, chứ khoai lang thì rẻ lắm. Số tiền trong túi Văn Cao đủ để hai ông ăn no khoai lang.

Thế là họ ngồi sụp xuống bên đường, làm một đĩa khoai mật.

(Nguyễn Ngọc – Trần Đăng Khoa)

### **Ngô Thì Sĩ**

Ngô Thì Sĩ (1726–1780), tự: *Thế Lộc*, hiệu: *Ngô Phong*, là con trai của *Ngô Thì Úc*, là con trai của *Ngô Thì Nhiệm*. Ông làm quan nhà Hậu Lê, trải đến chức Đốc trấn Lạng Sơn. Ngoài ra, ông còn là một danh sĩ nổi tiếng ở thế kỷ 18 tại Việt Nam.

Tác phẩm chính của ông là: *Đại Việt sử ký tiền biên, Việt sử tiêu án, Khuê ai lục, Ngọ Phong văn tập...*

(Bách khoa toàn thư mở Wikipedia)

### **Bánh cuốn Thanh Trì**

Sài Gòn cũng có bánh cuốn Thanh Trì kiểu Bắc, mỏng như tờ giấy, ăn với ‘ruốc’ (chà bông) và nước mắm phải kèm với vài giọt cà cuống mới là ‘sành điệu’!

Còn bánh ướt là kiểu bánh cuốn bình dân ở Sài Gòn, cũng ăn kèm với bánh tôm chiên, giò, chả và rau, giá. Những xe bánh ướt được đẩy đi khắp Sài Gòn, có cả nồi hấp nên lúc nào bánh cũng nóng và người bán bao giờ cũng chan nước mắm vào đĩa thay vì chấm kiểu ‘thanh cảnh’ như bánh cuốn Thanh Trì.

Lại nói thêm, đường Albert (vào thời Đế nhất Cộng hòa đổi tên thành Đinh Tiên Hoàng) khá dài nên dọc theo con đường này có nhiều địa chỉ ẩm thực nổi tiếng. Tiệm ăn Chez Albert (lấy tên theo con đường), Cà phê Hân, Mì Cây Nhãn (tên đặt theo cây nhãn hời đó còn trồng trước sân), Thạch chè Hiền Khánh (nơi sưu tầm rất nhiều thơ ca tụng thạch chè)... Tôi chắc chắn còn bỏ quên khá nhiều điểm ăn uống khác nữa trên con đường này.

(Hồi ức một đời người - Nguyễn Ngọc Chính)

CHỮ NGHĨA LÀNG VĂN, TẬP BỐN, Suu tập của Ngộ Không Phí Ngọc Hùng, là tác phẩm thứ 72 trong Tủ Sách Điện Tử T.Vấn & Bạn Hữu. Bản điện tử được phát hành miễn phí trên hệ thống toàn cầu của trang mạng văn học:

T.Vấn & Bạn Hữu  
(T-Van.Net)

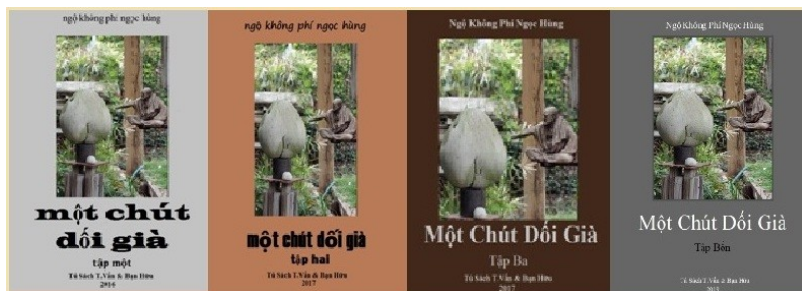
Bản Quyền thuộc về Tác giả  
và Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu



**TÁC PHẨM CỦA  
NGỘ KHÔNG PHÍ NGỌC HÙNG  
TRONG TỦ SÁCH T.VẤN & BẠN HỮU**

(Để đọc các tác phẩm của NGỘ KHÔNG, độc giả có thể vào trang web VĂN HỌC và ĐỜI SỐNG: [t-van.net](http://t-van.net), bấm chọn tủ sách điện tử T.VẤN & BẠN HỮU)

## MỘT CHÚT DỐI GIÀ



(Các tập 1,2,3, và 4)



(tập 5)

## CHỬ NGHĨA LÀNG VĂN



(Các tập 1,2,3 và 4)

## PHIẾM SỬ LƯỢC TRUYỆN



Sử, nôm na là những gì thuộc về quá khứ. Thế nên, đọc sử là ngoái cổ nhìn lại ngày hôm qua. Nhìn thì cũng nhiều cách nhìn. Nhưng nhìn mà chỉ thấy những gì mình muốn thấy thì tội nghiệp cho Sử lắm thay. Đó là chưa kể cái tâm nhìn hạn hẹp, thấp quá thì kiễng chân lên, hẹp quá thì phải đảo qua đảo lại, lâu ngày mỏi chân mỏi mắt, lại chỉ thấy những gì mình chỉ có thể thấy. Chẳng trách gì :

*đọc lại dăm pho sử  
nối tiếp nhau viết sai  
sai từ đầu thượng cổ  
(Khuyết Danh)*

Cũng thú vị lắm khi theo chân ông Ngô Không lần theo từng lối đi . . . lạc của lịch sử. Bước theo ông, nghe những lời thủ thi khi nghiêm trang, khi bồn chột, tôi có cảm tưởng mình đi đúng đường lịch sử , chứ không đi lạc. Nghĩ thế, rồi lại giật mình khi bắt gặp trong bài của ông có một đoạn văn cảnh cáo: *Té ra khi đọc sách, người ta chỉ đọc những gì muốn thấy, chứ không phải những gì thực sự hiện ra qua những dòng chữ..”*

**T.Vấn**

